L.TÔNXTÔI

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

3



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

L.TÔNXTÔI

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

TẬP 3

Những người dịch:

CAO XUÂN HẠO - NHỮ THÀNH

HOÀNG THIẾU SƠN - TRƯỜNG XUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

PHẦN THỨ NHẤT

I

Trí tuệ của con người không quan niệm nổi tính chất liên tục tuyệt đối của sự vận động. Chỉ khi nào tách rời một cách võ đoán sự vận động đó ra từng đơn vị thì con người mới hiểu nổi những quy luật của sự vận động, dù là loại vận động nào cũng thế. Nhưng đồng thời chính cái lối phân chia sự vận động một cách võ đoán ra thành từng đơn vị đã đưa đến phần lớn những sai lầm của con người.

Ai cũng biết lý luận quỷ biện[1] của người cổ đại, nói rằng Asil[2] sẽ không bao giờ đuổi kịp con rùa đang đi trước mặt ông ta, mặc dầu Asil đi nhanh gấp mười con rùa; hễ Asil vượt qua được cái khoảng cách giữa ông ta và con rùa, thì con rùa đã đi được một phần mười cái khoảng cách đó; đến khi Asil vượt được đoạn này, thì con rùa đã đi được một quãng bằng một phần mười đoạn đó, phần mười đoạn đó, và cứ thế mãi mãi không cùng.

---

[1] Lý luận trên một cơ sở sai lầm, nhưng có vẻ hợp lý nhờ một lối suy diễn chặt chẽ, nhằm đưa đến một kết luận không đúng (sophisme). Lý luận quỷ biện nói đây là của Zênon người Elê, triết gia Hy Lạp ở thế kỷ V trước công nguyên.

[2] Asil (hay Akhillox), nhân vật nổi tiếng nhất trang anh hùng ca Illiad của Homer, vua dân Miếcmiđông, rất dũng cảm và nóng nảy. Chết trong cuộc đánh chiếm thành Illion (Troie).

Người cổ đại tưởng không sao giải quyết được bài tính đố này. Sở dĩ đi đến kết luận vô lý như vậy – kết luận rằng Asil sẽ không bao giờ đuổi kịp con rùa – chỉ là vì người ta thừa nhận một cách võ đoán rằng sự vận động có thể chia ra thành những đơn vị rời rạc, trong khi thật ra sự vận động của Asil cũng như của con rùa đều toàn liên tục.

Trong khi chấp nhận những đơn vị ngày càng bé hơn của sự vận động, ta chỉ tiến đến gần chỗ giải quyết vấn đề nhưng không bao giờ đạt được đến chỗ giải quyết cả. Chỉ khi nào thừa nhận một đại lượng vô cùng bé và một cấp số của nó tiến dần lên đến một phần mười và tổng cộng cái cấp số hình học này lại, ta mới giải quyết được vấn đề. Ngày nay đã có một ngành toán học mới đạt được cái nghệ thuật xử lý với các đại lượng vô cùng bé, và trong những vấn đề khác phức tạp hơn của sự vận động, nó đã giải đáp được những vấn đề mà trước kia tưởng chừng không sao giải quyết nổi.

Cái ngành toán học mới mà người cổ đại không hề biết đến trong khi xét các vấn đề sự vận động, thừa nhận những đại lượng vô cùng bé, tức là phục hồi cái điều kiện chủ yếu của sự vận động (tính chất liên tục tuyệt đối), và do đó đã sửa chữa được cái sai lầm tất nhiên mà trí tuệ con người không sao tránh khỏi khi đem những đơn vị rời rạc thay thế để cho sự vận động liên tục.

Trong việc tìm tòi các quy luật vận động của lịch sử cũng thấy có một tình hình giống hệt như vậy.

Sự vận động của nhân loại vốn xuất phát từ vô số những ý chí cá biệt, cùng diễn ra một cách liên tục.

Hiểu thấu những quy luật của sự vận động này chính là mục đích của sử học. Nhưng trong khi muốn hiểu thấu những quy luật vận động liên tục của tổng số các ý chí của nhân loại thì trí tuệ của con người thừa nhận những đơn vị võ đoán, gián đoạn. Phương pháp thứ nhất của sử học là võ đoán lấy ra một loạt những

biến cố liên tục, rồi tách rời khỏi những biến cố đó ra khỏi các biến cố khác và khảo sát, trong khi không hề có và không thể nào có một biến cố nào có khởi điểm cả, mà biến cố này bao giờ cũng xuất phát từ biến cố nọ. Phương pháp thứ hai là xem hành vi của một con người, một nhà vua, một tướng lĩnh như là tổng cộng ý chí của mọi người, trong khi cái ý chí cộng đồng đó không bao giờ được thể hiện trong hoạt động của một nhân vật lịch sử duy nhất.

Khoa học lịch sử trong khi làm việc luôn luôn chấp nhận những đơn vị ngày càng nhỏ bé để khảo sát và mong theo con đường đó để tiến gần đến chân lý. Nhưng dù những đơn vị mà sử học chấp nhận có bé đến đâu chăng nữa, ta vẫn cảm thấy rằng ngay việc thừa nhận một đơn vị tách rời ra khỏi một đơn vị khác, thừa nhận rằng một hiện tượng nào đó có một khởi điểm và ý chí của mọi người đều thể hiện trong hành vi của một nhân vật lịch sử duy nhất, thì tự bản thân việc đó đã sai lầm rồi.

Bất cứ một kết luận nào của sử học, nếu đem ra phê phán, dù là phê phán không lấy gì làm gắt gao, cũng đã tan ra thành tro bụi không còn để lại một chút gì, chỉ vì phê phán người ta chọn làm đối tượng quan sát một đơn vị đoạn lớn hay nhỏ hơn; và người ta có quyền làm như vậy vì đơn vị sử được lấy ra bao giờ cũng có tính chất võ đoán.

Chỉ khi nào thừa nhận một đơn vị vô cùng bé để quan sát - thừa nhận khoa học vì phần về lịch sử, tức là những ý hướng cộng đồng của loài người, và đạt được cái nghệ thuật tích phân (rút ra cái tổng số của những đơn vị vô cùng bé ấy) thì chúng ta mới có thể hy vọng hiểu thấu được những quy luật của lịch sử.

Trong mười lăm năm đầu thế kỷ XIX ở châu Âu có một sự chuyển động phi thường của hàng mấy triệu con người. Những con người đó từ bỏ những công việc thường ngày của họ kéo nhau từ đầu này sang đầu kia châu Âu, cướp phá, tàn sát lẫn nhau, hân hoan vì đắc thắng và đau buồn vì thất bại, và trong vòng mấy

năm nhịp sống đã đổi thay và biến thành một cuộc vận chuyển mãnh liệt lúc đầu tăng cường lên rồi sau lại giảm dần xuống. Trí tuệ của con người băn khoăn đặt câu hỏi: đâu là nguyên nhân của sự vận động đó, hoặc sự vận động đó diễn ra theo những quy luật gì?

Trong khi giải đáp câu hỏi này, các nhà sử học trình bày cho chúng ta rõ những hành động và những lời nói của vài ba chục con người trong một tòa nhà nào đó ở thành Pari, gọi những hành động và những lời nói đó bằng một danh từ là Cách mạng; sau đó họ kể lại một cách tỉ mỉ tiểu sử Napôlêông và của một số nhân vật đồng lòng hay đối địch với ông ta, kể lại ảnh hưởng của một vài nhân vật trong số đó đối với các nhân vật kia, rồi nói: đấy, chính vì vậy mà có sự vận động kia, và đó chính là những quy luật đã chi phối nó.

Những trí tuệ của con người không những không chịu tin lời cắt nghĩa đó, mà lại còn nói thẳng ra bằng cắt nghĩa như vậy là không đúng, bởi vì nói như vậy tức là lấy một hiện tượng trọng yếu nhất để lên thành nguyên nhân của một hiện tượng mạnh nhất. Chính tổng số những ý chí của những con người đã làm ra cuộc cách mạng, đã tạo ra Napôlêông, vẫn chỉ có tổng số những ý chí đó dung túng rồi sau đó tiêu diệt cả hai.

"Nhưng hễ đã có những cuộc chinh phục thì tất phải có người chinh phục; hễ xảy ra những cuộc đảo lộn trong quốc gia thì tất phải có những bậc vĩ nhân" - sử học sẽ nói. Quả nhiên, hễ có những kẻ chinh phục xuất hiện, thì cũng sinh ra chiến tranh, - trí tuệ của con người đáp lại, - nhưng điều đó không chứng minh rằng các nhà chinh phục là nguyên nhân của các cuộc chiến tranh, và có thể tìm các quy luật của chiến tranh trong hoạt động cá nhân của một con người. Cứ mỗi lần tôi xem đồng hồ và thấy chiếc kim nhích gần đến số mười, thì từ ngôi nhà thờ bên cạnh tôi

lại nghe có tiếng chuông nguyện bắt đầu đổ hồi, nhưng không phải thế mà tôi có quyền kết luận rằng vị trí chiếc kim đồng hồ của tôi là nguyên nhân của hồi chuông.

Cứ mỗi lần tôi thấy một đầu máy xe lửa chạy thì tôi lại nghe có tiếng còi huýt, tôi lại thấy nắp hơi mở ra và thấy bánh xe chuyển động; nhưng không phải vì thế mà tôi có quyền kết luận rằng tiếng còi huýt và sự chuyển động của bánh xe là nguyên nhân khiến chiếc đầu máy xe hỏa chạy.

Nông dân thường nói rằng vào tiết cuối xuân có gió lạnh là vì chồi non của cây sồi nhú ra, và quả nhiên vào tiết xuân thường có gió lạnh khi cây sồi đâm chồi non. Nhưng mặc dầu tôi không rõ nguyên nhân của ngọn gió lạnh thổi vào tiết cây sồi mọc mầm, tôi cũng không thể đồng ý với người nông dân mà cho rằng sở dĩ gió lạnh thổi là vì cây sồi mọc mầm, bởi vì sức mạnh của gió không thể chịu ảnh hưởng của những cái mầm ấy. Tôi chỉ thấy có sự trùng nhau giữa những điều kiện vốn có trong bất cứ hiện tượng nào của cuộc sống, và thấy rằng dù tôi có quan sát chiếc kim đồng hồ, chiếc bánh xe và cái mầm sồi một cách tỉ mỉ đến đâu đi nữa, cũng không thể biết được nguyên nhân của hồi chuông nguyện, của sự chuyển động của đầu máy xe hỏa và của ngọn gió xuân. Muốn thế, tôi phải thay đổi hẳn vị trí quan sát và nghiên cứu các quy luật vận động của hơi nước, của cái chuông và của ngọn gió. Sử học cũng phải làm như vậy. Và cũng đã có những cố gắng làm như vậy.

Muốn nghiên cứu các quy luật của lịch sử ta phải thay đổi hoàn toàn đối tượng quan sát, để yên các nhà vua, các vị đại thần và đại tướng ở đấy, mà nghiên cứu đến những yếu tố đồng nhất vô cùng bé lãnh đạo quần chúng. Không ai nói rõ được con người có thể hiểu các quy luật sử được đến đâu khi đi theo con đường này; nhưng rõ ràng chỉ có đi con đường này mới mong nắm được các

quy luật lịch sử và phần trí tuệ mà con người đặt vào con đường này chưa bằng một phần triệu những sự nỗ lực mà nhà sử học đã dành cho việc mô tả hành vi của các nhà vua, các tướng lĩnh và các tổng trưởng và trình bày những suy luận của mình về các hành vi đó.

II

Lực lượng kết hợp của mấy dân tộc châu Âu đã tràn vào nước Nga. Quân đội và cư dân Nga rút lui, tránh cuộc xung đột, rút cho đến Xmolenxk rồi từ Xmolenxk đến Borođino rầm rộ tiến nhanh về phía Maxkva, mục đích của cuộc chuyển động của nó. Càng gần đến đích, thế nó tiến tới lại càng mạnh, cũng như một vật thể càng rơi xuống đến gần đất thì tốc độ rơi lại càng lớn. Nó bỏ lại sau lưng hàng nghìn dặm đất đói nghèo và thù địch; phía trước mặt chỉ còn mấy mươi dặm nữa là đến đích. Điều đó, mỗi người lính trong quân đội của Napôlêông đều cảm biết, và cuộc xâm lăng cứ tự nó tiến triển chỉ do cái sức mạnh của đà thúc đẩy cũ.

Trong quân đội Nga thì càng rút lui, tinh thần căm thù địch lại càng bốc cháy hừng hực: Trong khi rút lui, nó tập trung lại và tăng cường lên. Ở Borođino đã xảy ra một cuộc chạm trán. Trong hai đội quân không có bên nào tan rã, nhưng quân đội Nga ngay sau cuộc xung đột đã rút lui, cũng một cách tất nhiên như một quả cầu tất nhiên phải lăn ngược trở lại khi va phải một quả cầu lăn về phía nó mạnh hơn và nhanh hơn; và cũng tất nhiên như thế, tuy đã mất hết sức lực trong cuộc va chạm, quả cầu tấn công kia cũng sẽ theo đà mà lăn một quãng nữa.

Quân Nga rút về phía sau, qua Maxkva một trăm hai mươi dặm; quân Pháp tiến đến Maxkva và dừng lại ở đây. Sau đó suốt

năm tuần lễ không xảy ra một trận đánh nào. Quân Pháp không xê dịch. Giống như một con ác thú bị thương nặng mất nhiều máu đang liếm những vết thương của mình, họ ở lại Maxkva năm tuần lễ, không tiến hành một công việc gì cả, và bỗng nhiên, chẳng có nguyên do gì mới, họ bỏ chạy trở lại: họ đổ ra con đường Kaluga (tuy đã thắng trận, vì sau trận đánh chiến trường Malô - Yaroxlav nằm trong tay họ), và không mở một trận nào quan trọng, họ chạy càng nhanh về phía Xmolenxk rồi vượt qua Xmolenxk chạy về Vilna vượt sông Berezina rồi tiếp tục chạy mãi.

Tối ngày mồng hai tháng tám, Kutuzov cũng như toàn quân đều đã tin chắc rằng trận Borođino là một trận thắng. Trong thư của Kutuzov gửi hoàng đế cũng nói như vậy. Kutuzov ra lệnh chuẩn bị một trận chiến đấu nữa để tiêu diệt quân địch không phải vì ông muốn lừa dối ai mà là vì ông biết rằng quân địch đã bại trận và bất cứ người nào đã tham gia trận chiến đấu cũng đều biết như vậy.

Nhưng cũng tối hôm ấy và ngày hôm sau bắt đầu có những tin tức dồn dập đưa về, cho biết là binh lính bị thương vong nhiều chưa từng thấy, rằng quân đội đã tổn thất mất một nửa, và thực tế không thể nào mở một trận mới được nữa.

Không thể nào tác chiến trong khi chưa thu thập được tin tức, chưa thu nhặt được thương binh, chưa bổ sung đạn dược, chưa đem hết số quân sĩ tử trận, chưa chỉ định những sĩ quan chỉ huy mới thay cho những sĩ quan đã thương vong, trong khi binh sĩ chưa được ăn, ngủ cho lại sức. Nhưng đồng thời ngay sau trận đánh, vừa mới sáng hôm sau, quân đội Pháp (do cái sức mạnh thúc đẩy kia bây giờ dường như đã tăng lên theo tỷ lệ ngược với số bình phương của khoảng cách) đã tự nó tấn công vào quân đội Nga. Kutuzov đang muốn tấn công vào ngày hôm sau và toàn

quân cũng đều muốn như vậy. Nhưng không phải hễ cứ muốn là có thể tấn công được, cần phải có khả năng tấn công, mà bây giờ thì chưa có cái khả năng đó. Không thể nào không rút lui thêm một chặng. Rồi lại một chặng nữa, và cuối cùng, vào ngày mồng một tháng chín, - khi quân đội đã rút về gần Maxkva - mặc dầu trong hàng ngũ lòng căm thù đã lên rất mạnh, hoàn cảnh vẫn bắt buộc phải rút quá Maxkva. Và quân đội đã rút lui thêm một chặng nữa, chặng cuối cùng, và để cho Maxkva rơi vào tay quân địch.

Những người quen nghĩ rằng các tướng lĩnh ngồi vạch ra kế hoạch các cuộc chiến tranh và các trận đánh cũng y như bất cứ người nào trong chúng ta, khi ngồi trong thư phòng trước một tấm bản đồ, suy nghĩ xem trong trận này trận kia mình sẽ điều binh khiển tướng như thế nào, ắt phải thắc mắc không hiểu tại sao trong khi rút lui, Kutuzov lại không hành động như thế này, như thế nọ, tại sao ông ta lại không chiếm lĩnh vị trí trước khi đến Fili, tại sao ông ta lại không rút ngay ra con đường Kaluga sau khi bỏ Maxkva v.v... Những người quen nghĩ như vậy thường quên mất hoặc không biết đến những điều kiện tất yếu bao giờ cũng chi phối hoạt động của bất cứ nhà cầm quyền nào. Hoạt động của một vị tổng tư lệnh không hề có chút gì giống với cái hoạt động mà ta vẫn tưởng tượng ra trong khi ngồi thoải mái trong thư phòng, nghiên cứu một chiến dịch nào đó trên tấm bản đồ, với một số quân nhất định bên này bao nhiêu bên kia bao nhiêu, và ở một địa phương nhất định, và bắt đầu suy luận xuất phát từ một thời điểm nhất định nào đó. Một vị tổng tư lệnh không bao giờ ở trong cái hoàn cảnh khởi điểm của một biến cố như chúng ta thường hình dung khi xét một sự kiện. Một vị tổng tư lệnh bao giờ cũng ở vào giữa một loạt những biến cố đang tiến triển thành thử không bao giờ, không có phút nào ông ta có thể ngẫm nghĩ về ý nghĩa của biến cố đang tiến triển. Biến cố đó dẫn từng lúc một lộ rõ ý nghĩa

của nó, và ở mỗi giai đoạn trong cái quá trình bộc lộ nhất quán, liên tục đó, vị tổng tư lệnh đều đang ở vào trung tâm của một hoạt động phức tạp, đầy những thủ đoạn, những âm mưu, những nỗi lo lắng, những mối lệ thuộc, những uy quyền, những dự định, những lời khuyên răn, những câu hăm dọa, những sự lừa phỉnh, ông ta luôn luôn buộc phải trả lời vô số những câu hỏi để ra cho ông ta, những câu hỏi nhiều khi mâu thuẫn nhau.

Các nhà lý luận quân sự thông thái nói với chúng ta một cách rất nghiêm trang rằng lẽ ra Kutuzov phải chuyển quân ra con đường Kaluga từ lâu trước khi Fili, và thậm chí còn nói rằng đã có người đề ra ý kiến với ông ta. Nhưng trước mắt vị tổng tư lệnh, nhất là trong giờ phút gay go, không phải chỉ có một ý kiến, mà bao giờ cũng có đến hàng chục ý kiến trong một lúc. Và mỗi ý kiến như vậy, vốn căn cứ trên chiến lược và chiến thuật, lại dẫn đến mâu thuẫn với nhau. Có thể tưởng đâu công việc của vị tổng tư lệnh chẳng qua là chọn lấy một trong những ý kiến đó. Nhưng dù chỉ có thế thôi, thì ông ta cũng không thể làm được. Sự việc và thời gian không đợi ai hết. Chẳng hạn có người đề nghị với ông ta là đến ngày hai mươi tám cho chuyển quân ra đường Kaluga; nhưng khốn nỗi ngay lúc đó lại có một viên sĩ quan phụ tá của Miloradovite phi ngựa đến hỏi xem nên giao chiến ngay với quân Pháp hay là nên rút lui. Thế là ngay lúc ấy, ngay phút ấy ông ta phải ra lệnh. Mà lệnh rút lui thì lại làm cho quân ta phải rời xa cái chỗ ngoặt đưa đến con đường Kaluga. Rồi tiếp theo viên sĩ quan phụ tá lại có một viên quản lý quân nhu đến hỏi xem phải chở lương đi đâu, rồi một viên thủ trưởng bệnh xá hỏi phải chở thương binh đi đâu; cũng ngay lúc ấy lại có thư của nhà vua từ Pêterburg gửi đến, một mực không chấp nhận ý định bỏ Maxkva còn kẻ tranh quyền với vị tổng tư lệnh, kẻ đang cố tìm cách ngầm hại ông ta (những kẻ như vậy thì lúc nào cũng có, và không phải chỉ là một, mà khá nhiều) thì đề ra một kế hoạch mới, ngược hẳn

với kế hoạch tiến ra đường Kaluga. Trong khi đó thì bản thân vị tổng tư lệnh đang cần ngủ và cần bồi dưỡng cho lại sức, thế nhưng lại có một viên tướng già không được khen thưởng đến khiếu nại; rồi dân sở tại đến van xin ông che chở cho, rồi một viên sĩ quan được phái đi xem xét địa thế trở về báo cáo những điều trái hẳn với viên sĩ quan được phái đi lần trước, rồi người trinh sát, tên tù binh và viên tướng phụ trách việc kiểm tra trận địa - mỗi người đã quen không hiểu hoặc quên những hoàn cảnh thực tế tất yếu đó của bất cứ vị tổng tư lệnh nào, có thể trình bày cho ta biết vị trí các đạo quân ở Fili và bảo rằng ngày một tháng chín vị tổng tư lệnh có thể hoàn toàn tự do giải quyết vấn đề bỏ hay giữ Maxkva trong khi vấn đề này không thể đặt ra được vì quân đội Nga đang ở cách Maxkva năm dặm. Vậy thì vấn đề này được giải quyết vào lúc nào? Nó được giải quyết ở Đrixxa, cũng như ở Xmolenxk, và rõ hơn cả là ngày hai mươi bốn ở Sevarđino cũng như ngày hai mươi sáu ở Borođino, cũng như bất cứ ngày nào, giờ nào, phút nào trong khi rút từ Borođino đến Fili.

III

Quân đội Nga rút từ Borođino đến đóng ở Fili, Yermolov vừa cưỡi ngựa đi xem xét địa thế về, đến gặp vị tổng soái nói:

- Không thể nào chiến đấu trên địa thế này được.

Kutuzov ngạc nhiên nhìn ông ta và bảo ông ta nhắc lại câu vừa nói. Nghe xong, Kutuzov chìa tay ra bảo:

- Anh đưa tay đây tôi xem nào, - Kutuzov nói đoạn cầm lấy tay Yermolov để bắt mạch, rồi tiếp: - Anh ốm rồi đấy anh bạn ạ. Bận sau nói gì phải suy nghĩ nhé.

Trên đồi Pôklonny, cách cửa ô Đorogomilov sáu dặm,

Kutuzov xuống xe và đến ngồi trên một chiếc ghế dài bên vệ đường. Một đám tướng tá rất đông xúm lại quanh ông. Bá tước Raxtopsin mới ở Maxkva đến cũng nhập bọn với họ. Cả đám người sang trọng ấy phân ra làm mấy nhóm, đang bàn tán về những lợi hại của địa thế, về vị trí các đạo quân, về các kế hoạch được đề ra, về tình hình Maxkva, về các vấn đề quân sự nói chung. Mọi người đều cảm thấy rằng đây là một phiên họp hội đồng quân sự, tuy không ai nói rõ như vậy, và tuy họ được triệu tập đến đây cũng không phải để họp hội đồng quân sự. Nhưng câu chuyện vẫn xoay quanh các vấn đề chung. Nếu có ai cho biết hay hỏi han những tin tức cá biệt, thì cũng chỉ nói thì thầm rất khẽ, rồi lại chuyển ngay sang các vấn đề chung chung; trong đám người đó không hề thấy có ai nói đùa hay cười cợt gì cả, dù chỉ là cười mỉm thôi cũng vậy. Rõ ràng là mọi người đều hết sức cố gắng có một thái độ xứng đáng với tình hình. Và trong khi nói chuyện với nhau, tất cả các nhóm đều cố gắng đứng gần vị tổng tư lệnh (chiếc ghế dài của ông ta là trung tâm của các nhóm này) và cố nói sao cho ông ta có thể nghe được. Vị tổng tư lệnh lắng nghe và thỉnh thoảng lại bảo nhắc lại một câu họ vừa nói, nhưng bản thân ông ta thì không góp chuyện và không phát biểu ý kiến gì cả. Thường thường, sau khi nghe câu chuyện trao đổi trong một nhóm nào đấy, ông ngoảnh mặt đi có vẻ thất vọng, dường như họ không nói đến những điều mà ông muốn biết. Nhóm thì bàn tán về địa thế đã chọn, phê phán chính cái địa thế đó thì ít, mà phê phán trí thông minh của những người đã chọn nó thì nhiều, một nhóm khác thì lại chứng minh rằng sai lầm là sai lầm từ trước kia; lẽ ra phải khai chiến cách đây ba hôm mới phải; một nhóm thứ ba thì bàn về trận đánh ở Xlanmanca mà một người Pháp mặc quân phục Tây Ban Nhan là Crôxa vừa kể lại (cùng với một hoàng thân Đức phục vụ trong quân đội Nga, người Pháp này đang phân tích cuộc vây hãm

thành Xaragoxxa có ý muốn đề nghị dùng chiến thuật ấy để phòng thủ Maxkva). Trong nhóm thứ tư, bá tước Raxtopsin đang nói rằng ông ta sẵn sàng hy sinh tính mệnh dưới thành Maxkva cùng với đội dân vệ, nhưng dù sao ông ta cũng không thể không phàn nàn rằng người ta đã không cho ông biết rõ tình hình, vì giá ông được biết từ trước, thì có đâu đến nỗi như thế này... Nhóm thứ năm thì đang phô trương những tư tưởng chiến lược uyên thâm của mình, cho biết quân đội phải chuyển về hướng nào. Nhóm thứ sáu thì bàn toàn chuyện nhảm. Gương mặt của Kutuzov mỗi lúc một thêm lo âu và phiền muộn. Qua tất cả những câu chuyện bàn tán qua lại ấy, Kutuzov chỉ thấy có một điều, là không hề có một khả năng vật chất nào để phòng thủ Maxkva, theo cái nghĩa trọn vẹn nhất của chữ này, nghĩa là đến cái mức mà giả sử có một vị tổng tư lệnh điên rồ nào ra lệnh xung trận, thì sẽ xảy ra một tình trạng hỗn loạn ghê gớm rốt cục trận đánh sẽ vẫn không diễn ra. Trận đánh sẽ không diễn ra là bởi vì tất cả chỉ huy cao cấp không những đều cho rằng địa thế này không thể nào giữ được, mà trong khi nói chuyện họ lại chỉ bàn đến những việc sẽ xảy ra sau khi rút khỏi vị trí này. Vậy thì các vị chỉ huy đó làm thế nào mà đem quân ra trận địa, trong khi chính họ cho rằng trận địa ấy không sao giữ nổi? Các sĩ quan chỉ huy cấp dưới, và ngay cả quân lính nữa (họ cũng biện luận), đều cho rằng vị trí này không thể giữ được, cho nên họ không thể chiến đấu trong khi đang tin chắc là sẽ thất bại. Nếu Bennigxen nằng nặc đòi giữ vị trí này và có những người còn bàn về chuyện ấy, thì vấn đề tự bản thân nó cũng chẳng còn có ý nghĩa nào nữa, mà chỉ là một cái cớ để gây gổ và kèn cựa nhau thôi. Những điều đó Kutuzov hiểu cả.

Bennigxen, người đã chọn vị trí này, hăng hái phô trương lòng ái quốc Nga-la-tư của mình (mỗi lần nghe cái giọng ái quốc này Kutuzov không thể không cau mặt) và khăng khăng đòi giữ Maxkva.

Kutuzov thấy rõ như ban ngày cái thâm ý của Bennigxen nếu việc phòng thủ thất bại, thì sẽ đổ tội cho Kutuzov, là người đã đưa quân rút về đến tận dãy núi Vorobiov mà không mở một trận nào; nếu thắng lợi thì sẽ nhận công trạng về mình; còn nếu bị bác đi thì sẽ trút bỏ được trách nhiệm về tội bỏ Maxkva. Nhưng bấy giờ vị tướng già không bận tâm nghĩ đến những mánh khóe ấy. Ông còn mải nghĩ đến một vấn đề duy nhất và đáng sợ. Mà vấn đề ấy thì ông chẳng nghe ai đưa ra được một lời giải đáp nào cả. Bây giờ đối với ông chỉ có một vấn đề là: Có phải chính ta đã để cho Napôlêông tiến đến tận Maxkva không, và ta đã làm việc đó từ lúc nào? Việc đó được định đoạt từ lúc nào? Phải chăng từ hôm qua, khi ta ra lệnh cho Plotov rút lui, hay là từ tối ngày hôm kia, khi ta ngủ gật và ra lệnh cho Bennigxen tùy tiện xử trí? hay là từ trước nữa?... Nhưng cái việc khủng khiếp ấy định đoạt từ bao giờ, từ bao giờ? Thế nào cũng phải bỏ Maxkva. Quân đội phải rút lui, ta phải ra lệnh rút lui". Ông có cảm tưởng là cái lệnh kinh khủng này cũng chẳng khác nào từ bỏ chức vụ chỉ huy quân đội. Thế nhưng, không những ông thích quyền hành và đã quen với quyền hành (hồi ông phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ, danh vọng của công tước Prozorovxki làm cho ông bực tức), ông lại còn tin chắc rằng mình là con người tiến định để cứu nước Nga, và chỉ vì vậy mà ông đã được cử làm tổng tư lệnh theo ý nguyện của nhân dân và trái với ý nguyện của Sa hoàng. Ông tin chắc rằng trong hoàn cảnh khó khăn này chỉ có một mình ông có thể cầm đầu quân đội, rằng trong thiên hạ chỉ có một mình ông có thể không run sợ khi phải đương đầu với tướng Napôlêông bách chiến bách thắng kia; và ông thấy kinh hãi khi nghĩ đến cái lệnh mà ông buộc lòng phải ban ra. Nhưng phải quyết định một cái gì chứ, phải chấm dứt những cái chuyện bàn tán ở xung quanh đi: những câu chuyện đó đã bắt đầu quá tự do.

Ông gọi các vị tướng thâm niên nhất lại, nói:

- Trí óc của tôi, dù khôn dù dại, cũng chỉ biết mong chờ vào mình nữa mà thôi[1]; - ông vừa nói vừa đứng dậy ra xe đi về Fili.

IV

Trong một căn nhà gỗ rộng rãi, căn nhà đẹp nhất của bác mu-gích Anđrêy Xovoxtyanov, lúc hai giờ có phiên họp hội đồng quân sự. Bao nhiêu đàn ông đàn bà và trẻ con trong cái gia đình nông dân đông đúc ấy đều chen chúc cả trong gian nhà phụ sát phòng ngoài. Chỉ có một mình con bé Malasa, đứa cháu gái lên sáu của bác Anđreu, vừa được đức ông âu yếm vuốt ve và cho một miếng đường khi dùng trà, là ở lại trong gian nhà lớn. Ngồi trên lò sưởi, Malasa bẽn lẽn và vui mừng ngắm nghía mặt mày, quân phục và huân chương của các vị tướng bấy giờ đang lần lượt bước vào nhà và ngồi lên mấy chiếc ghế dài rộng rãi đặt ở góc thờ[2], dưới các tượng thánh. Còn ông cụ (Malasa thầm gọi Kutuzov như vậy) thì ngồi riêng ra, trong cái góc tối bên lò sưởi. Ông ngồi thụt sâu vào chiếc ghế bành xếp, đằng hắng luôn mồm và xốc mãi chiếc cổ áo tuy đã mở phanh ra nhưng vẫn có vẻ như đang chẹn ngang cổ. Những người mới vào lần lượt đến chào vị thống soái, và có người thì ông bắt tay, có người thì ông gật đầu chào lại. Viên sĩ quan phụ tá Kaixarov định vén bức màn trên cửa sổ, cạnh chỗ Kutuzov ngồi, nhưng ông giận dữ khoát tay một cái, và Kaixarov hiểu rằng đức ông không muốn cho ai trông thấy mặt mình.

Chung quanh chiếc bàn gỗ thông mộc mạc đặt đầy những bản đồ, giấy má, bút chì, có nhiều người đứng đến nỗi những người

1. Ma tête, fût-elle bonne ou mauvaise, n'a qu'à s'aider d'elle même.

2. Góc đẹp nhất trong phòng, có trang hàng và đặt các ảnh thánh.

lính hầu phải mang thêm một chiếc ghế dài đến đặt bên bàn. Ba người mới đến là Yermolov, Kaixađôp và Tol ngồi xuống chiếc ghế ấy. Ngay phía dưới các bức ảnh thánh. Barclay de Tolly ngồi ở chỗ danh dự, cổ đeo huân chương Gheor-ghi khuôn mặt xanh xao ốm yếu, vầng trán cao lẫn với mái đầu hói. Đã hai ngày nay ông ta bị sốt, và lúc bấy giờ ông cứ run lên từng cơn. Ngồi cạnh ông ta là Uvarov, đang nói khẽ lúc bấy giờ (mọi người đều nói khẽ) với Barclay điều gì, tay hoa lên lia lịa. Tướng Đokhturov người bé nhỏ và tròn trĩnh, lông mày giương cao, hai tay đặt lên bụng, đang chăm chú lắng nghe. Ở phía bên kia, bá tước Oxterman Toletoy hai tay chống đầu, khuôn mặt rộng có những đường nét táo bạo và đôi mắt sáng quắc, đang ngồi im có vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Raievxki, vẻ sốt ruột, lấy tay vê mớ tóc đen láy phủ lên thái dương với một cử chỉ quen thuộc, khi thì nhìn Kutuzov, khi thì nhìn ra cửa. Khuôn mặt rắn rỏi, tuấn tú và hiền hậu của Konovnitxyn sáng bừng lên trong một nụ cười dịu dàng và ranh mãnh. Ông ta bắt gặp mắt Malasa đang nhìn lại liền nháy mắt ra hiệu, khiến cho con bé mỉm cười.

Mọi người đang chờ đợi Bennigxen, bấy giờ đang lấy cớ là đi xem xét lại địa thế để ăn nốt bữa ăn chiều ngon lành. Họ đợi ông ta, từ bốn đến sáu giờ, và suốt trong thời gian đó không thảo luận gì, chỉ khe khẽ nói chuyện riêng.

Mãi đến khi Bennigxen bước vào gian nhà gỗ, Kutuzov mới từ trong góc nhích ghế đến gần bàn, những vẫn chú ý ngồi sao cho ánh sáng của mấy ngọn nến vừa đặt trên bàn đừng soi vào mặt.

Bennigxen khai mạc cuộc hội nghị bằng một câu hỏi: "nên bỏ thủ đô thiêng liêng và cổ kính của nước Nga hay nên cố giữ lấy?" Tiếp theo đó mọi người đều im lặng một hồi lâu. Tất cả các gương mặt đều cau lại, và trong không khí im lặng có thể nghe rõ tiếng ho húng hắng và tiếng hừ hừ bực dọc của Kutuzov. Mắt mọi người đều đổ dồn về phía ông ta. Malasa cũng nhìn

ông cụ của nó. Nó ngồi gần ông hơn cả và thấy rõ mặt ông đang nhăn nhó: hệt như ông sắp khóc. Nhưng điều đó chỉ thoáng trong một lát.

- Thủ đô thiêng liêng và cổ kính của nước Nga - Kutuzov bỗng nói, giọng bực tức, ông nhắc lại lời của Bennigxen, khiến cho mọi người thấy rõ cái giọng giả dối của câu này. - Thưa đại nhân, xin đại nhân cho phép tôi thưa rằng câu hỏi đó đối với một người Nga không có nghĩa gì cả. (Ông chồm cả cái thân hình nặng nề của mình ra phía trước). Đó là một câu hỏi không thể đặt ra được, một câu hỏi vô nghĩa. Sở dĩ tôi mời các ngài đây đến họp là để giải quyết một vấn đề khác, một vấn đề quân sự. Vấn đề đó như sau: "Cứu tinh của nước Nga là quân đội. Khởi chiến để rồi có cơ mất cả quân đội lẫn Maxkva lợi hơn, hay là bỏ Maxkva không khởi chiến lợi hơn? Đây, tôi muốn biết được ý kiến của các ngài về vấn đề đấy". (Ông ngả người ra phía sau dựa vào lưng ghế)

Cuộc tranh luận bắt đầu. Bennigxen chưa chịu thua. Tuy vẫn chấp thuận ý kiến của Barclay và của một số người khác rằng không thể mở một trận chiến đấu phòng ngự ở Fili được, nhưng ông ta vì quá thấm nhuần lòng ái quốc Nga và vì quá yêu Maxkva nên đề nghị đang đêm điều quân từ sườn phải sang sườn trái và đến hôm sau đánh mạnh vào cánh phải của quân Pháp. Ý kiến các tướng chia làm hai phe, phe thì bênh vực phe thì phản đối. Yermolov, Đokhturov và Raievxki đứng về phía Bennigxen. Không biết vì họ cảm thấy cần phải hy sinh ít nhiều trước khi rời bỏ thủ đô, hay vì những lý do riêng nào khác, nhưng các vị tướng ấy dường như không hiểu rằng phiên hội đồng này không thể nào thay đổi được hướng diễn biến tất yếu của sự việc và ngay từ bây giờ Maxkav đã bị bỏ ngỏ rồi. Các vị tướng khác hiểu rõ điều đó, nên gác vấn đề Maxkav sang một bên và bàn đến hướng đi của quân đội khi rút lui. Malasa chăm chú theo dõi những việc đang diễn ra trước mắt nó: nó hiểu ý nghĩa

của phiên họp hội đồng này một cách khác. Nó tưởng rằng đây chỉ là một cuộc cãi vã riêng giữa "ông cụ" và "cái ông mặc áo vạt dài" kia. Nó thấy hai người có vẻ rất hằn học khi nói với nhau, và trong khi lòng nó đứng về phía ông cụ. Giữa chừng cuộc tranh cãi nó để ý thấy ông cụ đưa nhanh về phía Bennigxen một cái nhìn ranh mãnh, rồi nó lại vui mừng nhận thấy ông cụ nói một câu gì làm cho cái "ông mặc áo vạt dài" kia rất bẽ: Bennigxen đề nghị nhằm chuyển quân từ sườn phải sang sườn trái để tấn công cánh hữu của quân Pháp. Giọng bình tĩnh và nhẹ nhàng. Kutuzov nói:

– Thưa các ngài, tôi không thể tán thành kế hoạch của bá tước đại nhân đây được. Chuyển quân ở sát cạnh quân địch bao giờ cũng nguy hiểm, lịch sử quân sự đã xác minh điều đó. Chẳng hạn... (Kutuzov làm ra vẻ như đang ngẫm nghĩ để tìm một dẫn chứng, mắt đưa về phía Bennigxen một cái nhìn trong sáng và ngây ngô). Ta, ta hẳng cứ lấy trận Fridland chẳng hạn, tôi chắc trận này thì bá tước nhớ rõ lắm; kết quả trận này không được...mỹ mãn cho lắm chỉ vì quân ta bố trí lại trong khi đang ở gần quân địch quá... – Tiếp theo là một phút im lặng mà mọi người đều có cảm giác là rất dài.

Cuộc tranh luận lại tiếp diễn, nhưng chốc chốc lại có những khoảng im lặng, và mọi người đều cảm thấy chẳng có gì để mà nói nữa.

Trong một khoảng im lặng như thế, Kutuzov thở dài một tiếng nặng nề như sắp nói điều gì. Mọi người đều nhìn về phía ông ta.

– Ấy thế, thưa các ngài! Tôi biết rằng cốc vỡ thì chính tôi phải đền[1] – Kutuzov nói, đoạn chậm rãi đứng dậy và bước lại gần bàn. – Thưa các ngài, tôi đã được nghe ý kiến của các ngài. Trong số các ngài sẽ có những người không đồng ý với tôi. Nhưng tôi... (ông dừng lại một lúc) xin sử dụng cái quyền hạn mà hoàng

1. Eh bien, messieurs! Je sais que c'est moi qui paierai les pots cassés.

thượng và tổ quốc đã giao cho tôi, tôi ra lệnh lui quân. - Các tướng bắt đầu giải tán với cái vẻ thận trọng, lặng lẽ và trang nghiêm như khi người ta giải tán sau một đám tang.

Vài viên tướng đến nói khẽ với vị tổng tư lệnh điều gì, giọng khác hẳn khi họ thảo luận trong phiên họp hội đồng.

Malasa, đáng lẽ phải về ăn tối từ lâu, thận trọng trườn từ trên giàn lò xuống, đôi chân bé nhỏ để trần bám vào những cái u trên lò sưởi, và luồn qua chân các vị tướng mà chạy ra cửa.

Sau khi các tướng đã ra về, Kutuzov vẫn ngồi chống khuỷu tay lên bàn hồi lâu. Ông vẫn nghĩ đến cái vấn đề kinh khủng ấy:

"Việc bỏ ngỏ Maxkva đã được định đoạt từ lúc nào? Cái việc có tác dụng quyết định vấn đề này đã xảy ra từ lúc nào? Ai là người có lỗi trong việc này?".

Đêm đã khuya. Khi viên sĩ quan phụ tá Snaiđer bước vào phòng, Kutuzov nói với ông ta:

– Thật không ngờ, thật tôi không ngờ như vậy! Tôi không thể ngờ!

Snaiđer nói:

– Thưa đại nhân, ngài cần phải nghỉ ngơi một chút.

Kutuzov không đáp, dang nắm tay phốp pháp đập lên bàn quát:

– Ồ không đâu! Rồi chúng nó sẽ phải ngốn thịt ngựa như bọn Thổ Nhĩ Kỳ, chúng nó cũng sẽ phải ăn cho mà xem, miễn là...

V

Cùng lúc ấy, trong một sự kiện còn quan trọng hơn việc rút quân không chiến đấu, là việc bỏ ngỏ và đốt cháy Maxkva. Raxtopsin, mà chúng ta xem là người chỉ đạo sự việc này, đã hành động trái hẳn với Kutuzov.

Sự việc ấy – bỏ ngỏ và đốt cháy Maxkva – cũng tất yếu như việc rút quân về phía sau Maxkva, không đánh trận nào.

Mỗi người Nga, không phải trên cơ sở suy luận, mà trên cơ sở cái tình cảm vẫn sống trong lòng chúng ta và trong lòng cha ông chúng ta, chắc cũng đã tiên đoán được những điều ấy diễn ra.

Bắt đầu từ Xmolenxk trong tất cả các thành phố và làng mạc của đất nước Nga, không hề có sự tham dự của bá tước Raxtopsin và những tờ tuyên cáo của ông ta, thế mà sự việc đều diễn ra đúng như ở Maxkva. Nhân dân điềm tĩnh đợi quân thù đến, không nổi loạn, không nhốn nháo, không hành hung người nào cả. Họ bình tĩnh chờ đợi vận mệnh, cảm thấy rằng đến giờ phút khó khăn nhất họ sẽ có thể biết rõ mình phải làm gì. Và hễ quân địch gần đến nơi, là những người giàu có nhất trong dân cư liền bỏ đi, để của cải lại; những người nghèo nhất thì ở lại, phá hủy và đốt cháy những gì còn sót.

Trong tâm hồn của người Nga, xưa kia cũng như bây giờ, đều có ý thức rằng sự thể sẽ như thế, và bao giờ cũng vẫn như thế. Và cả xã hội Nga ở Maxkva năm 1812 đều có cái ý thức đó, hơn nữa, còn có cái linh cảm rằng Maxkva bị chiếm. Những người đang lục tục rời bỏ Maxkva ngay từ tháng bảy và đầu tháng tám đã chứng tỏ rằng họ đã đoán trước việc đó. Khi ra đi với những thứ có thể vơ theo, bỏ nhà cửa và một nửa tài sản, họ hoạt động theo một

lòng yêu nước tiềm tàng (latent!)[1] một lòng yêu nước không biểu lộ bằng lời nói, bằng việc hy sinh con cái để dâng lên bàn thờ tổ quốc hay những hoạt động giả tạo tương tự như thế, mà là một lòng yêu nước bộc lộ ra một cách thầm lặng, đơn giản, hữu cơ và vì vậy bao giờ cũng có những kết quả rất mạnh.

"Chạy trốn trước nguy cơ là một điều đáng hổ thẹn: chỉ có những kẻ hàn nhát mới bỏ Maxkva và chạy trốn" – người ta bảo họ vậy. Trong các tờ tuyên cáo Raxtopsin cũng gợi ý cho họ thấy rằng rời bỏ Maxkva là nhục nhã. Họ rất hổ thẹn khi phải nhận cái danh hiệu là kẻ hèn nhát, họ rất hổ thẹn khi phải ra đi, nhưng họ vẫn cứ ra đi, vì biết rằng cần phải làm như vậy. Tại sao họ lại ra đi? Không thể nói rằng họ khiếp sợ vì tin lời Raxtopsin kể lại về những chuyện kinh khủng mà Napôlêong đã làm trong các vùng bị chinh phục. Họ ra đi, và những người ra đi trước nhất là những người giàu sang, có học thức, vốn biết rất rõ rằng Viên và Berlin vẫn nguyên vẹn và khi Napôlêông chiếm đóng hai thành này thì dân cư ở đây sống rất vui vẻ với người Pháp, những con người rất có duyên mà thời ấy người Nga rất thích, nhất là phụ nữ Nga.

Họ ra đi là vì đối với người Nga không thể có vấn đề: dưới quyền cai trị của Pháp thì ở lại Maxkva sướng hay khổ. Dưới quyền cai trị của Pháp thì không thể nào sống được: đó là điều tệ hơn cả. Trước trận Bôrođino họ đã bỏ đi, và sau trận Bôrođino họ còn bỏ đi nhanh chóng hơn nữa, bất chấp những lời kêu gọi phòng thủ, bất chấp những lời tuyên bố của quan tư lệnh Maxkva là sẽ rước ảnh Đức Bà Iverya ra đánh giặc, bất chấp những quả khinh khí cầu mà người ta định dùng để tiêu diệt quân Pháp và bất chấp tất cả những lời lẽ nhảm nhí mà Raxtopsin viết trong các bản tuyên cáo của ông ta. Họ biết rằng quân đội có nhiệm vụ phải chiến đấu, và một khi quân đội đã không làm được việc đó thì không thể đem các cô tiểu thư cùng các gia nhân lên khu Trigorư

1. (tiềm tàng) - tiếng Pháp giữa ngoặc đơn trong nguyên văn.

đánh nhau với Napôlêông được, cho nên họ đành phải bỏ đi, mặc dù rất xót xa khi phải vứt của cải lại. Họ ra đi, không hề nghĩ đến cái ý nghĩa lớn lao của việc rời bỏ chốn thủ đô giàu có, đồ sộ này, phó mặc nó cho mồi lửa (một thành phố lớn nhà cửa toàn bằng gỗ mà dân cư bỏ đi thì thế nào cũng phải cháy); mỗi người ra đi như vậy là vì bản thân mình, nhưng đồng thời chỉ riêng việc họ bỏ đi thôi cũng đã làm nên cái sự kiện lớn lao mãi mãi sẽ là sự kiện vẻ vang nhất của dân tộc Nga. Một bà lớn đã cùng mấy người đầy tớ da đen và mấy anh hề rời Maxkva đi về vùng quê Xaratov từ hồi tháng sáu, với một ý thức mơ hồ là mình không thể ở lại làm đầy tớ cho Bonapartơ vừa đi vừa sợ bị chặn lại giữa đường theo lệnh của bá tước Raxtopsin, con người đã có lúc thóa mạ những ai bỏ đi, đã có lúc cho các cơ quan hành chính phân tán ra ngoài thành, đã từng phát những vũ khí không còn dùng được nữa cho kẻ say rượu, đã từng cho dỡ các tượng thánh ra, đã có lúc cấm cha Auguxtin đưa các thánh tích và các ảnh tượng ra khỏi Maxkva, đã từng sung công tất cả các xe tải của tư nhân, đã dùng một trăm ba mươi sáu chiếc xe tải để chở quả khinh khí cầu do Leppich làm ra, lại đã từng nói bóng gió rằng mình sẽ đốt cháy Maxkva, đã từng kể lại rằng mình đã đốt nhà riêng và đã thảo ra một bản tuyên cáo gửi cho quân Pháp, long trọng trách móc họ đã phá mất cái cô nhi viện của mình, đã từng đứng ra nhận lấy cái vinh quang của việc đốt Maxkva, rồi lại chối rằng mình không làm việc đó, đã ra lệnh cho nhân dân bắt hết bọn do thám giải đến cho mình, rồi lại trách móc nhân dân đã làm theo lệnh ấy, đã trục xuất tất cả các Pháp kiều ra khỏi Maxkva, nhưng lại để bà Ober Salmê ở lại thành phố, trong khi bà ta là trung tâm của cái xã hội Pháp ở Maxkva, đồng thời lại vô cớ ra lệnh bắt và đày biệt xứ viên giám đốc bưu chính Klustarev, một con người già cả và đáng kính, đã từng triệu tập dân chúng lên khu Trigorư đánh nhau với Pháp, rồi để thoát khỏi đám dân chúng này, lại ẩy ra một người

để cho họ đánh chết còn mình thì chuồn ra cổng sau, đã có lúc nói rằng Maxkva mà rơi vào tay giặc thì mình cũng không sống sót lại làm gì, đã từng viết vào an-bom những câu thơ bằng tiếng Pháp để chứng tỏ rằng mình tham gia vào việc này[1]– con người đó không hiểu được ý nghĩa của sự việc xảy ra, lại cứ muốn tự mình làm một việc gì, muốn làm cho mọi người ngạc nhiên, muốn hoàn thành một cái gì cho thật xứng đáng với một trang anh hùng cứu quốc, và như một đứa trẻ con, người đó chơi đùa với cái biến cố lớn lao và tất yếu là việc bỏ ngỏ và đốt cháy Maxkva, và cứ đưa bàn tay nhỏ bé của mình ra, khi thì thúc đẩy, khi thì ngăn chặn luồng nước lũ ồ ạt của nhân dân đang cuốn mình theo.

VI

Khi cùng với triều đình từ Vilna trở về Pêterburg, Elen lâm vào một tình cảm gay go khó xử.

Ở Pêterburg, Elen được một vị đại thần vào bậc nhất trong nước đặc biệt che chở cho. Còn ở Vilna thì nàng lại kết thân với một hoàng thân ngoại quốc trẻ tuổi. Khi nàng trở về Pêterburg thì vị hoàng thân và vị đại thần đều đang ở đấy, cả hai đều đòi hưởng quyền được nàng chiếu cố, thế là Elen đứng trước một bài tính chưa từng gặp trên bước đường sự nghiệp của nàng: làm thế nào để duy trì những quan hệ gần gũi với cả hai người, mà không người nào phật ý.

1. Je suis né Tartare, je voulus être Tomain; les Francais m'applellent barbare, les Russes, Georges Dandin. Nghĩa là: Tôi vốn là người Tacta, nhưng tôi lại muốn làm người La Mã: người Pháp gọi tôi là người man rợ, người Nga gọi tôi là Jorgơ Đăngđanh (chú thích của tác giả). Đăngđanh là một nhân vật hài kịch của Molie lấy một người vợ quá cao sang rồi bị vợ lừa mà không dám kêu ca gì.

Cái việc mà một người đàn bà khác sẽ thấy là khó khăn và thậm chí không thể nào làm được nữa, thì lại chẳng hề khiến bá tước phu nhân Bezukhova phải bận tâm suy nghĩ gì: nàng được tiếng là người đàn bà thông minh nhất, hẳn cũng không phải là không có căn cứ. Giả thử nàng giấu giếm các hành tung của mình, cố dùng mưu mẹo để thoát ra khỏi cái tình thế khó khăn này, thì như vậy chẳng khác nào tự mình thú tội, và câu chuyện sẽ hỏng bét. Nhưng nàng không làm như vậy; ngay từ đầu, như một vĩ nhân chân chính có khả năng thực hiện tất cả những gì mình muốn, nàng đã tự mình đặt mình vào địa vị của người chính trực và cũng thành thật tin rằng mình chính trực, còn bao nhiêu người khác thì nàng đặt vào địa vị của người có lỗi.

Lần đầu tiên khi nhân vật ngoại quốc trẻ tuổi kia dám đưa lời trách móc nàng, nàng đã kiêu hãnh cất cao mái đầu tuyệt mỹ của nàng lên, và chỉ hơi ngoảnh về phía ông ta, nàng nói giọng rắn rỏi:

– Đấy, đàn ông họ ích kỷ và tàn nhẫn như vậy đấy! Tôi cũng biết từ trước. Đàn bà người ta hy sinh cho các ông, người ta đau khổ, thế mà các ông đều đáp lại như thế đấy. Thưa điện hạ, ngài có quyền gì chất vấn tôi về những tình bạn, những tình quyến luyến của tôi? Người đó đối với tôi còn hơn là người cha.[1]

Nhân vật kia định nói lại một câu gì, nhưng Elen đã chặn lời, nói tiếp:

–Phải, có thể đối với tôi, ông ta còn có những tình cảm khác hơn là tình cảm của một người cha, nhưng đó không phải là một lý do để tôi cấm cửa ông ta. Tôi có phải là đàn ông đâu mà vong ân bội nghĩa như vậy. Xin điện hạ biết cho rằng về tất cả những

1. Voilà l'égoisme et là cruauté dé hommes! Je ne m'attendais pas à autre chose. La femme se sacrifie pour vous, elle souffre, et voilà sa récompense. Quel droit avez-vous, Monseigneur, de me demander compte de amitiés, de mes affections? C'est un homme qui a été plus qu'un père pour moi.

gì có liên quan đến những tình cảm sâu kín của tôi thì chỉ có Thượng đế và lương tâm tôi chứng giám[1] - nàng kết luận, tay đặt nhẹ lên bộ ngực đẹp đẽ đang phập phồng nâng cao, mắt ngước nhìn trời.

– *Nhưng xin phu nhân nghe tôi nói đã, tôi van phu nhân.*

– *Ngài hãy kết hôn với tôi đi, rồi tôi sẽ là nô lệ của ngài.*

– *Nhưng không thể được.*

– *Ngài không thèm hạ cố đến tôi, ngài...*[2] – Elen vừa khóc vừa nói.

Nhân vật kia ra sức an ủi nàng: còn Elen thì vừa hóc sụt sùi vừa nói như đã mất hết tự chủ, rằng không còn gì để ngăn trở nàng đi lấy chồng, rằng có nhiều trường hợp hồi ấy cũng chưa có được mấy trường hợp, nhưng nàng vẫn kể được Napôlêông và một vài nhân vật quyền quý khác; nàng nói nàng chưa bao giờ là người vợ thật sự của chồng nàng, rằng nàng đã bị đưa ra làm vật hy sinh.

– Nhưng còn luật pháp, tôn giáo... – nhân vật kia nói, trong lòng đã thấy xiêu xiêu.

– Pháp luật, tôn giáo... Những thứ đó bày ra để làm gì, nếu không phải là để thu xếp những chuyện như thế này? – Elen nói.

Nhân vật quan trọng kia ngạc nhiên, không hiểu sao một điều suy luận đơn giản như thế mà mình lại không nghĩ ra, bèn

---

1. Eh bien, oui, peut-être qu'il a pour moi d'autres sentiments que ceux d'un père, mais ce n'est pas une raison pour que je lui ferme la porte. Je ne suis pas un homme pour être ingrate. Sachez, Monseigneur, pour tout ce qui a rapport à mes sentiments intimes, je ne rends compte qu'à Dieu et à ma comscience.

2. Mais e'coutez-moi, au nom de Dieu. - Epousez-moi, et je serai votre esclave.- Mais c'est impossble.- Vous ne daignez pas descendre jusqu'à moi, vous...

đến hỏi ý kiến các tu sĩ dòng Gia-tô[1] mà ông ta vẫn có liên hệ mật thiết.

Sau đó ít hôm, vào một buổi dạ hội rất nhã thú mà Elen tổ chức trong biệt thự của nàng ở Jamenny Oxtrov, người ta giới thiệu cho nàng một người đứng tuổi rất có duyên, tóc trắng như tuyết, mắt đen và sáng: đó là ông đờ Jober, một tu sĩ dòng Gia-tô mặc áo ngắn[2]. Trong khu vườn của tòa biệt thự, dưới ánh đèn lồng và trong tiếng nhạc, ông ta đã nói chuyện rất lâu với Elen về lòng kính yêu Đức Chúa trời, kính yêu đấng Cơ đốc, kính yêu trái tim rất thánh của Đức mẹ Chúa trời, và về những niềm an ủi mà chỉ có một chân lý duy nhất có thể đưa lại cho ta trong cuộc sống hiện tại và cuộc sống sau này: chân lý của Công giáo[3] – Elen nghe nói rất cảm động, và đã mấy lần nàng và ông đờ Jober mắt đều rớm lệ và giọng nói run run.

Một khách đến mời Elen nhảy khiến cho câu chuyện giữa Elen và người chỉ đạo lương tâm[4] của nàng phải tạm ngừng; nhưng tối hôm sau ông đờ Jober lại đến một mình gặp Elen và từ đấy cứ đến thăm nàng luôn.

Một hôm ông ta dẫn bá tước phu nhân vào nhà thờ công giáo; nàng quỳ xuống trước bàn thờ. Người Pháp đứng tuổi rất có duyên kia để tay lên đầu nàng, và về sau này nàng có kể lại rằng lúc ấy nàng có cảm giác như một làn gió mát rượi thổi vào tâm hồn.Người ta giảng giải cho nàng hiểu rằng đó là *phước lành*[5].

1. Một dòng tu sĩ công giáo thành lập vào thế kỷ XVI, một công cụ đắc lực của Giáo hoàng để chống lại phái cải cách và các lực lượng tiến bộ khác. Vốn chủ trương rằng "mục đích biện hộ cho phương tiện", dòng này dùng những biện pháp tôn giáo để tổ chức do thám, ám sát và hủ hóa.

2. Mr de Jobert, un jésuite à robe courte.

3. Cơ đốc giáo (Christianisme) gồm có nhiều tôn giáo khác nhau trong đó có công giáo (catholicisme) của một số nước Tây Âu và chính giáo (orthodoxie), tôn giáo của người Nga.

4. Derecteur de conscience.

5. La grâce.

Rồi người ta dẫn đến cho nàng một vị giáo sĩ *mặc áo chùng*[1]. Vị giáo sĩ nghe nàng xưng tội và rửa sạch tội lỗi cho nàng. Ngày hôm sau họ mang lại cho nàng một cái tráp đựng mình thánh và để lại cho nàng dùng tại gia. Được mấy hôm Elen thích thú được biết rằng bây giờ mình đã gia nhập giáo hội công giáo, giáo hội chân chính, và nay chính giáo hoàng sẽ biết đến trường hợp nàng sẽ gửi cho nàng một thứ văn kiện gì đấy.

Tất cả những việc diễn ra ở xung quanh nàng và có nàng tham dự, tất cả sự chăm sóc của những con người thông minh như vậy đối với nàng, một sự chăm sóc biểu lộ dưới những hình thức thật dễ chịu, tinh tế, và cái trạng thái trong sạch như chim bồ câu trắng của nàng bây giờ (suốt thời gian nàng mặc toàn áo trắng, thắt dải trắng), (tất cả những điều đó làm cho nàng thích thú; nhưng không giây phút nào nàng vì sự thích thú đó mà sao nhãng mục đích của nàng. Về mưu mẹo thì người ngu vẫn thường lừa được người khôn hơn mình, do đó nàng hiểu rằng mục đích của tất cả những lời lẽ, những việc lo toan ấy chủ yếu là để nàng theo công giáo rồi quyên tiền của nàng cho các tổ chức của dòng Gia-tô (người ta cũng đã nói xa nói gần với nàng về việc này). Trước khi có tiền, Elen một mực đòi họ phải tiến hành những thủ tục cần thiết để giải thoát nàng khỏi cuộc hôn nhân cũ. Trong quan niệm của nàng, ý nghĩa của bất cứ tôn giáo nào cũng thế, chẳng qua là làm thế nào giữ được một số nghi thức bề ngoài cho tươm tất trong khi thỏa mãn những dục vọng của con người. Và với mục đích ấy, trong một buổi nói chuyện với một vị giáo sĩ nàng một mực đòi ông ta phải cho nàng biết rõ cuộc hôn nhân cũ của nàng có thể ràng buộc nàng đến mức nào.

Họ đang ngồi trong phòng khách, bên cạnh cửa sổ. Trời sâm sẩm tối. Từ cửa sổ đưa vào những mùi hoa thơm ngát. Elen mặc trắng, ngực và vai thêu rua. Vị giáo sĩ là một người béo tốt phương

1. à robe lougue.

phi, râu cạo nhẵn, có cái miệng rắn rỏi dễ ưa và hai bàn tay trắng trẻo đặt lên đầu gối một cách rất hiền lành, ngồi gần sát Elen và, môi mỉm cười một nụ cười tế nhị, chốc chốc lại nhìn khuôn mặt nàng, cái nhìn tán thưởng một cách điềm tĩnh sắc đẹp của nàng, và trình bày cho nàng nghe quan điểm của ông ta về vấn đề đang khiến hai người quan tâm. Elen mỉm cười băn khoăn, đưa mắt nhìn bộ tóc quăn và đôi má phinh phính cạo nhẵn có ánh biêng biếc của ông ta và từng phút chờ đợi ông ta đổi hướng câu chuyện. Nhưng vị giáo sĩ mặc dầu có vẻ rất hân thưởng sắc đẹp của người tiếp chuyện, vẫn say sưa với cái nghệ thuật điêu luyện của mình trong những công việc như thế này.

Lý luận của vị chỉ đạo lương tâm là như sau: vì không hiểu rõ ý nghĩa của việc mình làm, phu nhân đã phát thệ làm người vợ trung thành của một người; nhưng người này, vì trong khi kết hôn không tin vào ý nghĩa tôn giáo của hôn nhân, đã phạm tội báng bổ. Cuộc hôn nhân đó không có được cái ý nghĩa hai mặt mà lẽ ra nó phải có. Nhưng tuy thế, lời thề của phu nhân vẫn ràng buộc phu nhân. Phu nhân đã vi phạm lời thề ấy. Làm như vậy có phạm tội gì? Tội nhẹ hay tội trọng? Tội nhẹ[1], là bởi vì trong khi làm như vậy phu nhân không có ý định gì xấu. Nếu bây giờ, vì muốn có con, phu nhân bước đi bước nữa, thì tội của phu nhân có thể tha thứ được. Nhưng vấn đề lại tách ra làm hai: thứ nhất là...

– Nhưng tôi thiết tưởng. – Elen nghe đã thấy chán bỗng nói xen, với nụ cười mê hồn của nàng, – tôi thiết tưởng rằng sau khi đã theo một tôn giáo chân chính thì tôi không còn bị một tôn giáo sai lầm ràng buộc nữa.

Vị chỉ đạo lương tâm[2] kinh ngạc trước cách đặt vấn đề đơn giản như chuyện quả trứng của Colombô[3] đó. Ông ta rất thán phục

1. Péché véniel ou péché mortel? Péché véniel.

2. Directeur de conscience.

3. Quả trứng của Columbô (xem thêm phần phụ lục) thường dùng để chỉ những sáng kiến hay và đơn giản nhưng không ai nghĩ đến.

sự tiến bộ nhanh chóng không ngờ của cô học trò, nhưng cũng không thể từ bỏ tòa lâu đài luận chứng mà ông đã dầy công bóp óc xây dựng nên.

– Chúng ta phải thỏa thuận với nhau mới được, bá tước phu nhân ạ,[1] – và ông ta bắt đầu phản bác những lý luận của người con gái tinh thần của ông ta.

VII

Elen hiểu rõ rằng quan điểm Giáo hội mà nói thì vấn đề này rất đơn giản và dễ giải quyết, nhưng sở dĩ những người chỉ đạo cho nàng làm khó dễ như vậy chỉ là vì họ lo sợ không biết rồi chính quyền thế tục[2] sẽ có thái độ như thế nào đối với việc này.

Cho nên Elen quyết định rằng cần phải chuẩn bị dư luận cho việc này mới xong. Nàng kiếm cách làm cho lão đại thần phát ghen lên và cũng nói với ông ta đúng như đã nói với nhân vật kia, nghĩa là nàng đặt câu đề thế nào để cho ông ta thấy rằng chỉ còn cách cưới nàng làm vợ thì mới có thể có quyền đối với nàng được. Thoạt tiên nhân vật già này thấy nàng nói đến việc kết hôn trong khi chồng nàng hãy còn sống thì cũng lấy làm kinh ngạc không kém gì nhân vật trẻ kia; nhưng Elen có vẻ tin tưởng chắc chắn như bàn thạch rằng việc này cũng đơn giản và tự nhiên như việc một cô con gái đi lấy chồng, nên ông ta cũng thấy xiêu lòng. Giá Elen có một dấu hiệu cỏn con nào tỏ ra lưỡng lự, ngượng ngùng hay e ấp, thì công chuyện của nàng chắc chắn là mười phần thất bại: nhưng chẳng những nàng không hề có lấy một dấu hiệu nào tỏ ra e ấp và ngượng ngùng, mà trái lại, nàng còn kể lại một cách

1. Entendons nous, comtesse.

2. Tức chính phủ, đối lập với giáo hội. là chính quyền tinh thần.

ngây thơ tự nhiên và hiền lành với các bạn thân (tức là tất cả thành phố Pêterburg), rằng cả vị hoàng thân và vị đại thần đều ngỏ lời cầu hôn với nàng, rằng nàng yêu cả hai người và sợ mất lòng cả hai.

Lập tức có tin đồn lan ra khắp thành Pêterburg – nhưng không phải là tin Elen muốn ly hôn với chồng (nếu như vậy thì đã có rất nhiều người phản đối cái ý định phi pháp này), mà lại là tin đồn trực tiếp rằng nàng Elen phong nhã và bất hạnh đang có điều phân vân khó xử, là trong hai nhân vật kia không biết nên lấy ai bây giờ. Vấn đề không còn là ở chỗ việc này hợp pháp đến mức nào, mà chỉ là ở chỗ đám nào hời hơn và triều đình sẽ nhìn nhận việc này ra sao. Quả tình cũng có một số người cố chấp không đủ năng lực để hiểu rõ vấn đề và cho rằng ý định này là một sự báng bổ đối với thể chế hôn nhân thiêng liêng; nhưng những người như thế thì rất ít, họ lại im lặng, còn số đông chỉ chú ý đến những vấn đề quay xung quanh cái hạnh phúc mà Elen đã tìm và chỉ băn khoăn cho nàng không biết chọn đám nào hơn. Còn về chuyện chồng còn sống mà bước đi bước nữa là tốt hay là xấu, thì họ không nói đến, bởi vì vấn đề này hẳn là được giải quyết rồi đối với những người thông minh hơn anh và tôi (như người ta vẫn nói), và nếu tỏ ra hoài nghi về cách giải quyết vấn đề có tốt hay không thì nhỡ ra một cái có thể để tỏ rằng mình ngu ngốc và không biết cách sống ở đời.

Chỉ có một mình bà Marya Đmitrievna mùa hè năm ấy về Pêterburg để gặp một người con trai của bà, bà dám nói thẳng ý kiến của mình ra, một ý kiến trái ngược với công luận. Gặp Elen trong một cuộc khiêu vũ, Marya Đmitrievna, với cái cử chỉ dữ tợn quen thuộc, xắn hai ống tay áo rộng lên, đưa mắt nghiêm nghị nhìn nàng rồi bước ngang qua gian phòng bỏ đi.

Ở Pêterburg, người ta có sợ Marya Đmitrievna thật, nhưng họ vẫn coi bà như một người ngược đời, nên trong những câu bà vừa nói ra họ chỉ chú ý đến cái danh từ tục tĩu kia mà họ thì thầm

rỉ tai nhau, cho rằng tất cả cái phong vị mặn mà của câu nói chỉ bao gồm trong danh từ đó.

Công tước Vaxili gần đây đặc biệt hay quên những điều mình đã nói ra, cho nên hễ cứ gặp con gái là ông lại nhắc mãi đến hàng trăm lần, lần nào cũng chỉ có từng ấy chuyện:

– *Elen ạ, tôi có một câu chuyện cần nói với cô,* – *công tước Vaxili kéo nàng ra một bên và kéo thấp tay nàng xuống.* – *Tôi có nghe phong phanh là cô có những dự định về... về việc gì thì cô cũng biết đấy. Ấy, con yêu quý ạ con cũng biết rằng lòng cha rất vui sướng khi được biết con... Con đã đau khổ quá nhiều... Nhưng, con ạ... con chỉ nên theo tiếng gọi của lòng con. Cha chỉ nói với con như vậy thôi*[1] – Nói đoạn công tước Vaxili cố che giấu nỗi xúc động (lần nào nỗi xúc động của ông cũng y hệt như thế), áp má mình vào má cô con gái rồi bỏ đi.

Bilibin, bấy giờ vẫn còn nổi tiếng là con người thông minh nhất đời, và vốn là một người bạn vô tư khẳng khái của Elen, một trong số những người bạn trai mà những người đàn bà đẹp thường vẫn có: hạng bạn trai không bao giờ có thể chuyển sang vai trò người yêu được. Một hôm nhân nói chuyện giữa một nhóm thân bằng cố hữu[2] ông ta giãi bày cho Elen rõ quan điểm của ông ta về việc này.

– Anh Bilibin ạ. (Elen bao giờ cũng gọi những người bạn thuộc hạng Bilibin bằng họ chứ không gọi tên riêng), – nàng đưa bàn tay trắng nõn đeo nhiều nhẫn khẽ chạm ống tay áo lễ phục của ông ta. – *Anh hãy nói với tôi như nói với một người em gái nhé,*

1. Hélène j'ai un mot à vous dire. J'ai eu veut de certains projets relatifs à... vous savez. Eh bien. ma chère enfant, vous savez que mon coeur de père se réjouit de vous savoir Vous avez tant souffert... Mais, chère enfant... ne cunsultez que votre cceur. C'est tout ce que je vous dis.

2. Petit comité.

bây giờ tôi cần phải làm thế nào? Trong hai người ấy nên chọn người nào?[1].

Bilibin co làn da trên trán lại và mỉm cười suy nghĩ một lát.

– *Đây chẳng phải là một câu hỏi đột ngột gì đối với tôi đâu chị ạ. - Bilibin nói – Với tư cách là một người bạn chân thành tôi đã suy nghĩ lại việc của chị rồi. Thế này nhé, nếu chị lấy ông hoàng thân (ý nói nhân vật trẻ tuổi) - ông ta gập một ngón tay lại, – thì chị mất hẳn cái khả năng lấy được ông kia, mà lại làm cho triều đình phật ý. (Chị cũng biết rằng ở đây có một mối liên hệ bà con thế nào đấy). Nhưng nếu chị lấy ông bá tước già, chị sẽ đưa lại hạnh phúc cho những ngày tàn của ông ta, thế rồi về sau với tư cách là quả phụ của đại thần... vị hoàng thân kia lấy chị không còn là không môn đăng hộ đối nữa.*[2]

Nói đoạn Bilibin cho lớp da trán giãn ra.

– Như thế mới thật là một người bạn chân chính - Elen nói, vẻ mặt rạng rỡ, bàn tay lại giơ ra khẽ chạm vào ống tay áo Bilibin. – Nhưng khốn nỗi tôi yêu cả hai người, tôi không muốn làm cho họ buồn phiền. Tôi sẵn sàng dâng cả cuộc đời của tôi để cho cả hai người được hạnh phúc[3].

Bilibin nhún vai để tỏ ra rằng nỗi buồn phiền ấy thì đến như ông ta cũng không sao cứu chữa nổi.

---

1. Écoutez, Bilibine, dites-moi comme vous diriez à une soeur que dois je faire? Lequel des deux?

2. Vous ne me prenez pas en rasplokh, vous savez. Comme véritable ami, j'ai pensé est repesé à votre affaire. Voyez vous, si vous épousez prince, vous perdez pour touýours la chance d'epouser l'autre, et puis vous mécontentez la Cour (Comme vous savez, il y a une espèce de parenté). Mais is vous épeusez le vieux comte, vous ferez le bonheur de ses derniers jours, et puis, comme veuve du grand... le prince ne fait plus de mésalliance en vous épousant.

3. Voilà un véritable ami! Mais c'est que j'aime l'un et l'autre, je ne vou-drais pas leur faire de chagrin. Je donnerais ma vie pour leur bouheur à tous les deux.

"Thật là một người đàn bà cừ khôi! Như thế mới gọi là đặt vấn đề một cách dứt khoát. Ý cô ta muốn lấy cả ba người cùng một lúc hẳn"[1] – Bilibin nghĩ thầm.

– Nhưng chị ạ, không biết chồng chị sẽ nhìn nhận việc này ra sao? – Bilibin nói; vì tiếng tăm ông ta đã vững chắc cho nên mới dám hỏi một câu ngây thơ như vậy mà không sợ mất uy tín trước mặt mọi người. – Liệu chồng chị có thuận không?

– Ồ! Anh ấy yêu tôi lắm cơ - Elen nói, chẳng hiểu tại sao nàng có cảm tưởng Pier cũng yêu mình. – Vì tôi anh ấy sẽ làm bất cứ việc gì[2].

Bilibin co lớp da trán lại để báo hiệu rằng mình sắp nói một câu dí dỏm[3].

– Cả việc ly hôn nữa à?[4] – Bilibin nói.

Elen cười.

Trong số những người dám hoài nghi tính chất hợp pháp của cuộc hôn nhân đang dự định có công tước phu nhân Kuraghina, tức mẹ Elen. Lòng ghen tị đối với con gái luôn luôn giày vò phu nhân mà bây giờ thì đối tượng ghen tị lại là một điều thiết thân nhất đối với lòng phu nhân, nên phu nhân không sao cam tâm để yên cho việc này tiến hành được. Bà đi hỏi ý kiến một vị linh mục Nga xem tôn giáo có cho phép ly hôn và tái giá trong khi chồng còn sống không. Vị linh mục trả lời rằng điều đó không thể được và bà rất đỗi vui mừng khi vị linh mục chỉ cho bà xem một đoạn Phúc âm nói hẳn ra rằng (ông ta có cảm tưởng như vậy) không thể nào tái giá khi chồng còn sống được.

---

1. "Une maitresse-femme! Voilà ce que s'appelle poser carrément la question. Elle voudrait épouser tous les trois à la fois".

2. Ah! Il m'aime tant! Il fera tout pour moi.

3. Mot.

4. Même le divorce

Được vũ trang bằng những luận chứng mà bà ta cho là không sao bác bỏ được, một buổi sáng nọ công tước phu nhân vào phòng con gái thật sớm để có thể gặp nàng một mình.

Sau khi nghe những lời khuyên răn của mẹ. Elen mỉm một nụ cười dịu dàng mà ngạo nghễ.

– Nhưng mà trong kinh Thánh có dạy là ai lấy một người đàn bà ly hôn làm vợ... – công tước phu nhân nói.

– Ồ, thôi mẹ đừng nói nhảm nữa. Mẹ chả hiểu gì cả. Ở địa vị tôi có nhiều bổn phận phải làm.[1] – Elen nói; nàng chuyển câu chuyện từ tiếng Nga sang tiếng Pháp, vì khi nói tiếng Nga nàng cứ có cảm tưởng là trong công việc của nàng có một cái gì không minh mạch.

– Nhưng cô bạn ạ...

– Ồ, sao mẹ lại hiểu rằng Đức Thánh Cha người có quyền cho phép miễn...[2]

Vừa lúc ấy tùy nữ ở với Elen vào gặp nàng để bảo rằng điện hạ đang ngồi ngoài phòng khách và mong được gặp nàng.

– *Không, cô nói với điện hạ là tôi không muốn gặp, là tôi đang giận đức ông lắm, vì đức ông đã lỗi hẹn với tôi.*[3]

Ngay lúc ấy một người thanh niên tóc vàng, mặt dài, mũi cũng dài, bước vào nói:

- *Thưa bá tước phu nhân, vạn tội vạn xá.*[4]

Lão công tước phu nhân kính cẩn đứng dậy và nhún mình chào; người trẻ tuổi mới vào không chú ý gì đến bà cả. Công tước phu nhân gật đầu chào con gái và trang trọng đi ra cửa.

1. Ah. maman, ne dites pas de bêtises. Vous ne comprenez rien. Dans ma position j'ai des devoirs.

2. Ah. maman, comment est-ce que vous ne comprenez pas que le Saint Père qui a le droit de donner des dispenses...

3. Non. dites lui que je veux pas le voir, que je suis furieuse contre lui, parce qu'il m'a manque la parole.

4. Comtesse, à tout péché misércorde.

"Không, nó làm thế là phải, – lão công tước phu nhân nghĩ thầm; bây giờ tất cả các định kiến của bà ta đều đã sụp đổ trước sự xuất hiện của điện hạ. – Nó làm thế là phải; nhưng làm sao hồi còn trẻ ta lại không biết nhỉ, mà tuổi trẻ có bao giờ trở lại nữa đâu? Mà làm như thế lại đơn giản biết chừng nào", – công tước phu nhân tự nhủ khi bước lên xe.

Đến đầu tháng tám công việc của Elen đã đã quyết định xong xuôi đâu vào đấy. Nàng liền viết thư cho chồng (người chồng mà nàng cho là vẫn rất yêu nàng) một bức thư có báo tin rằng nàng có ý định kết hôn với NN, rằng nàng đã theo cái tôn giáo chân chính duy nhất, và yêu cầu chồng cũ liệu tất cả những việc cần thiết để làm trọn thủ tục ly hôn – người đưa bức thư này sẽ cho chàng biết rõ những điều cần thiết ấy.

"Đến đây tôi xin cầu nguyện Chúa đặt anh dưới sự che chở thần thánh và uy vũ của ngài. Bạn của anh. Elen".

Bức thư này được đưa đến nhà Pier trong khi chàng đang ở trên chiến trường Borodino.

VIII

Cuối trận Borodino, Pier rời trận địa pháo của Ratevxki chạy xuống lần thứ hai rồi cùng một toán binh sĩ dọc theo khe núi đi về phía Knyazkovo. Chàng đi ngang một trạm cứu thương, và khi trông thấy máu và nghe những tiếng kêu rên liền vội vã len vào đám lính đi xa hơn.

Bây giờ Pier thiết tha mong muốn có một điều, là làm sao chóng thoát ra khỏi những ấn tượng khủng khiếp mà ngày hôm nay chàng đã trải qua, chóng trở lại với hoàn cảnh sinh hoạt bình thường, về phòng lăn ra giường ngủ một giấc cho yên. Chỉ trong

hoàn cảnh sống bình thường chàng mới cảm thấy mình có thể hiểu nổi bản thân mình và hiểu tất cả những điều mà chàng đã chứng kiến và thể hiện. Nhưng cái hoàn cảnh sinh hoạt bình thường ấy thì chẳng có nơi nào có.

Tuy trên con đường chàng đang đi không có tiếng réo của đạn và trái phá nữa, nhưng khắp bốn phía quang cảnh vẫn như trên bãi chiến trường. Vẫn những khuôn mặt ấy, những khuôn mặt đau khổ, phờ phạc và đôi khi lại thản nhiên một cách kỳ dị, vẫn những vết máu ấy, những chiếc áo ca-pốt của binh sĩ ấy, những tiếng súng trường ấy, tuy nay nghe đã xa, nhưng vẫn làm cho người ta khiếp sợ; đã thế không khí lại nghẹt thở và bụi bặm.

Đi được khoảng ba dặm trên con đường cái Mojaixk, chàng ngồi xuống bên vệ đường.

Bóng hoàng hôn đã buông xuống mặt đất và tiếng gầm của đại bác đã ngớt, Pier chống khuỷu tay nằm xuống. Chàng nằm như thế hồi lâu, đưa mắt nhìn theo những bóng đen đang lũ lượt kéo qua trước mặt chàng, trong đêm tối. Chàng cứ có cảm giác như một quả tạc đạn đang bay về phía chàng với một tiếng rú ghê rợn. Chàng rùng mình ngồi dậy. Chàng không nhớ rõ chàng ngồi ở đấy bao nhiêu lâu. Vào khoảng nửa đêm có ba người lính mang củi khô lại ngồi gần chỗ chàng và bắt đầu nhen lửa.

Họ lướt nhìn Pier, đốt lửa và đặt một cái nồi trên bếp lửa, bẻ bánh mì khô bỏ vào cho thêm mấy miếng mỡ. Mùi thơm dễ chịu của món ăn béo bùi pha lẫn với mùi khói. Pier nhổm dậy và thở dài. Ba người lính bắt đầu ăn, không hề chú ý đến Pier; họ vừa ăn vừa nói chuyện. Bỗng một người trong ba người lính quay về phía Pier nói:

– Này, đằng ấy là người ở đâu thế hả? – hắn trong khi hỏi như vậy người lính muốn ngụ một điều mà Pier cũng đang nghĩ đến: nếu anh muốn ăn thì chúng tôi sẽ cho ăn, nhưng phải nói rõ xem anh có phải là người lương thiện không đã.

– Tôi, tôi ấy à?... - Pier nói; chàng cảm thấy cần phải hạ bớt cái địa vĩ xã hội của mình đi chừng nào hay chừng ấy, để cho mấy người lính thấy gần gũi và dễ hiểu mình hơn. – Thật tình tôi là một sĩ quan dân binh, nhưng đơn vị của tôi không có đây; tôi vừa đi dự trận và lạc mất đội ngũ.

– À ra thế! – một người lính nói.

Một người lính khác lắc đầu.

– Thôi được, có đói thì ăn một ít Kavađas – người lúc nãy nói đoạn lấy cái môi gỗ liếm cho sạch rồi đưa cho Pier.

Pier đến ngồi bên đống lửa và bắt đầu ăn món Kavađas trong nồi. Chàng thấy món ăn này ngon béo hơn tất cả các thứ mà chàng đã từng ăn. Trong khi chàng cúi lom khom trên cái nồi múc từng môi lớn ăn lấy ăn để hết môi này đến môi khác, ba người lính im lặng nhìn khuôn mặt của chàng chập chờn trong ánh lửa.

– Bây giờ đằng ấy cần đi đâu hả? Nói đi! – một trong ba người lính lại hỏi.

– Tôi đi Mojaixk.

– Thế đằng ấy là một ông lớn à?

– Phải.

– Tên là gì?

– Piotr Kirilovits.

- Ta đi đi, chúng tôi sẽ dẫn ông đi Mojaixk.

Gà đã gáy sáng khi họ đã đến Mojaixk và bắt đầu leo lên cái dốc dẫn vào thành phố. Pier cùng đi với mấy người lính, quên bẵng đi rằng quán trọ của chàng ở dưới chân dốc và chàng đã đi quá mất một quãng. Trong tâm trạng bàng hoàng như lúc bấy giờ, Pier không thể nào nhớ ra được, nếu không gặp người mã phu của chàng ở giữa dốc: anh ta đã đi tìm chàng khắp cả thành phố và bây giờ đang trở về quán trọ. Người mã phu nhận ra Pier

nhờ trông thấy cái mũ của chàng trắng nhờ nhờ trong đêm tối. Anh ta kêu lên:

– Bẩm ông lớn! Chà, thế mà chúng tôi đã tưởng không sao tìm ra nữa. Làm sao ông lớn lại đi bộ? Ông lớn đi đâu nữa thế, xin mời ông lớn về quán trọ.

– Ờ nhỉ! – Pier nói.

Ba người lính đứng lại.

– Thế nào, ông tìm ra đơn vị rồi đấy à? – một người nói.

– Thôi, chào nhé! Chào ông Piotr Kirilovits, có đúng tên ông như thế không nhỉ? Chào ông Piotr Kirilovits nhé! – mấy người kia nói thêm.

– Chào các anh, – Pier nói, rồi cùng người mã phu trở về quán trọ.

"Phải cho họ ít nhiều!" – Pier nghĩ thầm, tay móc túi lấy ví tiền. Nhưng có một tiếng nói nào ở bên trong nhủ chàng:

"Không, không nên".

Các phòng trọ đều đã có người thuê cả. Pier đi ra sân leo lên xe ngựa và trùm áo khoác lên đến đầu .

IX

Pier vừa gối đầu lên chiếc nệm đã thấy mình bắt đầu thiêm thiếp ngủ, nhưng chợt bên tai chàng lại văng vẳng những tiếng súng đì đùng nghe rõ gần như thật, những tiếng rên la, những tiếng trái phá nổ toác trên mặt đất, đâu đây lại phảng phất mùi máu và mùi thuốc súng, và một cảm giác kinh hãi, hoảng sợ trước cái chết lại tràn vào tâm hồn chàng. Chàng hoảng hốt mở mắt và ló đầu ra ngoài chiếc áo khoác. Trong sân mọi vật đều im lặng.

Chỉ riêng ở cổng vào có một người cần vụ đang vừa nói chuyện với bác gác cổng vừa đi đi lại lại, chân giẫm lép bép lên bùn. Phía trên đầu Pier, dưới mái hiên lợp ván tối om, mấy con bồ câu thấy phía dưới có tiếng động sợ hãi xao xác lên một lúc. Khắp sân phảng phất cái mùi hăng hắc của những quán trọ, mùi rơm khô, mùi phân ngựa và mùi hắc ín, một khí vị thanh bình khiến cho lòng Pier vui tươi trở lại. Giữa hai mái hiên tối sẫm hiện ra một mảng trời trong trẻo đầy sao.

"Tạ ơn Thượng đế, bây giờ cảnh tượng ấy không còn nữa rồi, – Pier nghĩ, và kéo áo trùm lên đầu như cũ.

– Ôi, ghê gớm thay sự sợ hãi của con người, và ta đã sợ hãi một cách thật là nhơ nhuốc! Còn họ... họ thì từ đầu chí cuối luôn luôn vững dạ bình tâm..." –chàng tự nhủ. Họ đây là binh sĩ, là những người chiến đấu ở vị trí pháo binh, và cả những người đã cho chàng ăn, cả những người đã cầu nguyện trước bức tượng thánh. Họ, những con người xa lạ mà trước đây chàng không hề biết đến, trong tâm trí của chàng họ đã nổi bật hẳn lên trên tất cả những người khác.

Phải làm lính, phải trở thành một người lính, một người lính thường thôi Pier nghĩ trong khi chìm dần vào giấc ngủ. – Phải đem hết con người mình thâm nhập vào cuộc sống này, phải thấm nhuần những cái gì đã làm cho họ trở thành những con người như thế. Nhưng làm sao cởi bỏ được tất cả những cái thừa thãi, những cái ma quái, tất cả cái gánh nặng của con người bề ngoài? Đã có thời lẽ ra ta có thể như vậy, ta có thể bỏ nhà trốn đi tùy ý. Sau trận đấu súng với Đôlôkhôv họ có thể bắt ta đi lính. Và trong trí tưởng tượng của chàng lại thoáng hiện ra bữa yến hội ở câu lạc bộ, hôm chàng thách Đôlôkhôv đấu súng, và hình ảnh của vị ân nhân ở Torjk. Và Pier lại thấy hiện ra gian phòng họp của hội. Buổi họp đó lại diễn ra trong câu lạc bộ Anh. Có một người nào quen thuộc, gần gũi và thân thiết đang ngồi ở cuối bàn. Thì chính

là vị ân nhân đây rồi! "Nhưng ân nhân đã chết rồi kia mà? – Pier nghĩ bụng. – Phải, đã chết rồi, nhưng người lại sống mà ta không biết. Ta rất lấy làm đau xót rằng người đã chết và rất lấy làm mừng rằng người còn sống"! Một bên bàn có Anatol, Đôlôkhôv, Nezvixki, Đênixov và những người khác cùng một giuộc với họ (trong giấc chiêm bao, hạng người này cũng được xác định rõ rệt trong tâm hồn Pier như hạng người mà chàng gọi là họ), và những người đó, cũng như Anatol và Đôlôkhôv, cao giọng hò hét, hát xướng; nhưng qua tiếng la hét của họ, vẫn nghe rõ giọng nói của vị ân nhân đang nói thao thao không ngớt, và tiếng nói của người cũng đầy ý nghĩa và liên tục như tiếng súng ầm ầm trên chiến trường, nhưng nghe rất dễ chịu và mát lòng. Pier không hiểu được những lời nói của vị ân nhân, nhưng chàng biết (trong giấc mơ, phạm trù các ý nghĩa cũng được xác định rất rõ) rằng vị ân nhân đang nói về điều thiện, đang nói rằng có thể trở thành những người như họ. Và khắp bốn phía, họ có những khuôn mặt hiền lành, giản dị và rắn rỏi, đang quây quần chung quanh vị ân nhan. Nhưng tuy họ rất tốt, họ vẫn không nhìn Pier, không biết đến chàng. Pier muốn nói một câu gì cho họ chú ý đến mình. Chàng nhổm dậy, nhưng vừa lúc ấy chàng thấy lạnh ở chân và thấy chan mình hở ra cả.

Chàng ngượng quá, liền lấy tay che chân. Quả thật chân chàng đã thòi ra ngoài chiếc áo khoác mà chàng đã đắp. Trong giây lát Pier đắp chân lại, mở mắt ra và lại trông thấy những mái hiên, những chiếc cột ấy, khoảng sân ấy, nhưng bây giờ mọi vật đã xanh mờ mờ trong ánh bình minh và lấp lánh dưới một làn sương móc giá lạnh.

"Sáng rồi, – Pier nghĩ. – Nhưng không phải thế. Ta còn phải nghe cho hết và phải hiểu những lời của vị ân nhân". Chàng lại trùm chiếc áo choàng lên đầu, nhưng không còn thấy gian phòng họp và vị ân nhân đâu nữa. Chỉ có những ý nghĩ được thể hiện

một cách rõ rệt ra thành từ ngữ, không biết do một người nào nói ra hay do bản thân Pier tự nhủ.

Về sau khi nhớ lại những ý nghĩ này, tuy là những ý nghĩ do những ấn tượng ngày hôm trước gợi lên, Pier vẫn tin chắc rằng đó là lời của một người nào ở bên ngoài nói với chàng. Chàng có cảm tưởng là khi tỉnh chàng không bao giờ có thể suy nghĩ và diễn đạt tư tưởng của mình ra như vậy.

"Chiến tranh là một việc hết sức khó khăn, là việc bắt tự do của con người phải phục tùng các đạo luật của Thượng đế, – tiếng nói ấy bảo chàng. – Giản dị tức là phục tùng Thượng đế; không thể lẩn tránh Thượng đế được. Mà họ thì giản dị. Họ không nói, mà chỉ làm. Một lời nói ra là một nén bạc, mà một lời không nói ra một nén vàng. Con người không thể làm chủ một cái gì hết, một khi hãy còn sợ chết. Người nào không sợ chết, thì tất cả đều là sở hữu của người ấy. Giá không có đau khổ thì con người sẽ không biết giới hạn của mình, sẽ không biết bản thân mình. – Pier vẫn tiếp tục nghĩ, hoặc nghe ai nói trong giấc mơ. – Cái khó nhất là làm sao hợp nhất được ý nghĩ của mọi vật trong tâm hồn mình. Hợp nhất tất cả ư? – Pier tự nhủ. – Không, không phải là hợp nhất. Không thể hợp nhất những tư tưởng được, mà phải liên kết tất cả những tư tưởng đó, cái đó mới cần! Phải, phải liên kết, phải liên kết!" – Pier nhắc đi nhắc lại, lòng mừng khấp khởi, cảm thấy rằng chính những lời ấy và chỉ có những lời ấy mới diễn đạt được điều mà chàng muốn diễn đạt và giải quyết được tất cả vấn đề đang giày vò chàng.

– Phải, phải liên kết thôi, đã đến lúc phải liên kết rồi.

– Phải thắng xe thôi[1], đã đến lúc phải thắng xe rồi ạ, thưa đại nhân. Thưa đại nhân, – có tiếng ai nói, – phải thắng xe thôi ạ, đã đến lúc phải thắng xe rồi ạ.

1. Trong tiếng Nga, chữ "liên kết" và chữ "thắng ngựa vào xe" là một (Xopryagat).

Đó là tiếng nói của một người mã phu đang thức Pier dậy. Ánh nắng rọi thẳng vào mặt Pier. Chàng đưa mắt nhìn khoảng sân bẩn thỉu của quán trọ. Ở giữa sân mấy người lính đang cho mấy con ngựa gầy uống nước bên giếng. Mấy chiếc xe tải đang kéo ra cổng. Pier ghê tởm ngoảnh mặt đi và vội nhắm mắt ngả người trên ghế xe như cũ. "Không, ta không muốn thế, ta không muốn thấy và hiểu cái đó, ta muốn hiểu những điều đã mở ra trước mắt ta trong giấc ngủ. Giá chỉ thêm một giây nữa thôi thì ta đã hiểu được hết rồi. Nhưng ta phải làm gì? Liên kết, nhưng làm thế nào liên kết được tất cả?" và Pier kinh hãi cảm thấy tất cả ý nghĩa của những điều mà chàng thấy và nghĩ trong giấc mơ đều đã tiêu tan.

Người mã phu, người đánh xe và người gác cổng kể lại cho Pier hay rằng vừa có một sĩ quan đến báo tin quân Pháp đã tiến đến gần Mojaixk và quân ta đang rút lui.

Pier đứng dậy, sai thắng ngựa vào xe và dặn khi nào thắng xong phải cho xe đuổi theo mình, rồi ra khỏi quán đi bộ qua thành phố.

Quân đội đang rời Mojaixk, để lại chừng một vạn người bị thương. Họ nằm, ngồi la liệt khắp các sàn nhà, thấp thoáng trong các khung cửa sổ và chen chúc ngoài phố. Quanh những chiếc xe bò chở thương binh đi, người ta kêu la, chửi bới và đấm đá nhau. Cỗ xe song mã lúc bấy giờ đã theo kịp chàng. Pier mời một vị tướng quen biết vừa bị thương lên xe và cùng ông ta đi Maxkva. Dọc đường, Pier được tin em vợ mình và công tước Anđrêy đã chết.

X

Ngày ba mươi tháng tám, Pier về đến Maxkva. Gần trạm gác, chàng gặp một viên sĩ quan phụ tá của bá tước Raxtopsin. Viên sĩ quan nói:

– Thế mà chúng tôi cứ tìm ngài khắp nơi. Bá tước đang cần gặp ngài lắm. Bá tước mời ngài đến ngay có việc rất quan trọng.

Pier không ghé về nhà, gọi một chiếc xe thuê đi đến nhà vị tư lệnh thành phố.

Bá tước Raxtiosin sáng hôm ấy vừa mới ở ngôi biệt thự ngoại thành của ông ta ở Xokolniki trở về thành phố. Phòng đợi và phòng khách của bá tước chật nhích những viên chức được ông ta triệu đến hoặc tự đến để xin lệnh. Vaxiltsikov và Platov đã có gặp bá tước và ông cho biết rằng không còn cách gì phòng thủ Maxkva được nữa, đành phải bỏ ngỏ kinh thành cho giặc vào. Tuy họ giấu giếm không cho dân cư biết tin này, nhưng các viên chức, các thủ trưởng các cơ quan hành chính đều biết rõ không kém gì Raxtopsin rằng Maxkva sẽ lọt vào tay quân địch; và để trút bỏ trách nhiệm, tất cả những người đó đều đến hỏi quan tư lệnh thành phố xem họ nên xử trí như thế nào đối với những cơ quan được giao cho họ.

Trong khi Pier bước vào phòng tiếp tân, viên tín sứ của quân đội từ phòng bá tước đi ra.

Viên tín sứ khoát tay có vẻ tuyệt vọng đáp lại các câu hỏi và bước ngang qua gian phòng.

Trong khi ngồi đợi ở phòng tiếp khách, Pier đưa mắt mệt mỏi nhìn qua những người viên chức hiện đang ở trong phòng, già có, trẻ có, quan võ có, quan văn có, thượng cấp cũng có mà hạ cấp

cũng có. Mọi người đều có vẻ bất mãn và lo lắng. Pier lại gần một nhóm trong đó có một người quen của chàng.

Sau khi chào Pier, họ lại tiếp tục câu chuyện đang nói dở.

– Cho tản cư đi rồi lại gọi về cũng chẳng sao: nhưng trong tình hình này thì chẳng biết đằng nào mà nói nữa.

Một người khác chỉ vào một tờ giấy chữ in đang cầm trong tay nói:

– Thì đây, ông ấy viết thế này đây...

– Đó lại là chuyện khác. Đối với dân chúng cần phải thế, – người thứ nhất đáp lại.

– Giấy gì thế? – Pier hỏi.

– Một bản tuyên cáo mới.

Pier cầm lấy một bản tuyên cáo và bắt đầu đọc:

"Để sớm có thể bắt liên lạc với đại quân đang tiến về phía ngài, Điện hạ tối quang minh đã rút về phía sau Mojaixk và đóng ở một địa thế vững mạnh, một nơi mà quân địch khó lòng có thể tấn công ngay được. Bốn mươi tám khẩu đại bác có đủ đạn đã được chuyển về đấy cho ngài, và công tước điện hạ có nói rằng ngài sẽ bảo vệ Maxkva cho đến giọt máu cuối cùng và dù có phải giao chiến với địch ngay giữa các đường phố cũng không từ. Anh em không nên hoang mang về việc các công sở đóng cửa, cần phải thu xếp công việc, còn chúng tôi thì chúng tôi sẽ xét tội quân gian. Đến khi động dụng, tôi sẽ cần đến những người trai tráng ở thành thị và thôn quê. Tôi sẽ có lời hiệu triệu trước hai ngày, còn bây giờ thì chưa cần, cho nên tôi im lặng. Dùng rìu cũng tốt, dùng gậy nhọn cũng hay, nhưng tốt hơn cả là dùng nạng chĩa đinh ba: một tên giặc Pháp không nặng hơn một bó lúa mì đen đâu. Ngày mai, sau bữa ăn chiều, tôi sẽ cho rước ảnh Đức Bà Iverya đến nhà thương Ekaterina. Ta sẽ làm phép cho nước ở đây linh thiêng đặng các thương binh chóng lành. Bản thân tôi thì nay vẫn khỏe

mạnh: vừa rồi có bị đau một bên mắt, nhưng nay cả hai đều trông rõ".

Pier nói:

– Tôi có nghe mấy vị nhà binh nói rằng trong thành phố không thể nào chiến đấu được và các vị trí...:

– Ừ, thì chính chúng ta đang bàn chuyện ấy đó thôi, – người viên chức lúc nãy nói.

– Thế còn, "vừa rồi có bị đau một bên mắt, nhưng nay cả hai đều trông rõ" nghĩa là thế nào? – Pier hỏi.

– Bá tước vừa bị một cái mụn lẹo, – viên sĩ quan phụ tá mỉm cười nói, – và ngài rất lo khi tôi thưa với ngài là dân chúng đến hỏi thăm ngài mắc bệnh gì. – Rồi bỗng dưng ông ta mỉm cười nói thêm với Pier: – À, bá tước này, chúng tôi có nghe nói ngài có chuyện rầy rà trong gia đình thì phải? Hình như bá tước phu nhân...

– Tôi thì chẳng nghe nói gì cả, – Pier dửng dưng đáp. – Các ngài nghe nói thế nào?

– Thì... ngài cũng biết rằng thiên hạ hay bày đặt... lắm chuyện. Tôi nghe thế nào thì cứ nói thế thôi.

– Thế ngài nghe họ nói thế nào?

– Thì họ bảo là..., – viên sĩ quan phụ tá lại mỉm cười y như lúc nãy, – là bá tước phu nhân sắp ra nước ngoài. Chắc là chuyện nhảm nhí...

– Cũng có thể đúng: – Pier nói, mắt lơ đễnh nhìn quanh, rồi chỉ một ông già thấp bé mặc chiếc áo dài xanh sạch sẽ, da mặt đỏ hồng, có bộ râu dài và rậm bạc trắng như tuyết, bộ lông mày cũng bạc chẳng kém, chàng hỏi: – thế còn ai đây?

– Ông kia ấy à? Ông ta là một ông lái buôn, nghĩa là một ông chủ quán rượu, tên là Veressaghin. Chắc ngài có nghe câu chuyện bản tuyên cáo rồi chứ?

- À, thế ra đây là ông Varessaghin à? – Pier nói, mắt nhìn khuôn mặt cương quyết và điềm tĩnh của ông lái buôn, tìm xem có vẻ gì là một kẻ gian tặc không. Viên sĩ quan phụ tá nói:

– Không phải ông này đâu. Ông này là cha của người đã viết ra bản tuyên cáo. Con ông ta đang ở trong ngục, có lẽ sẽ bị xử nặng lắm.

Một ông già nhỏ bé đeo huân chương bội tinh, và một viên quan người Đức cổ đeo huân chương chữ thập lại gần nhóm người đang nói chuyện. Viên sĩ quan phụ tá kể:

– Câu chuyện rắc rối lắm các vị ạ. Bản tuyên cáo ấy xuất hiện cách đây hai tháng. Người ta báo cho bá tước biết. Bá tước liền ra lệnh điều tra. Thế là Gavrilo Ivanyts đi điều tra: thì ra bản tuyên cáo đã chuyển qua đúng sáu mươi ba bàn tay. Hễ tìm ra một người, ông ta lại hỏi: ai đưa cho anh? Người này người nọ. Ông ta lại hỏi người ấy: ai đưa cho anh? Và cứ thế mãi cho đến Veressaghin, một anh lái buôn chưa thành nghề, một anh lái buôn rất dễ thương, – viên sĩ quan phụ tá vừa nói vừa mỉm cười. – Người ta hỏi hắn: ai đưa cho anh tờ này? Cái chính là chúng ta biết rõ ai đưa cho hắn: chẳng có ai khác ngoài ông giám đốc bưu vụ cả. Nhưng hình như giữa hai người đã có thỏa thuận trước với nhau thế nào đấy. Anh lái buôn nói: chẳng có ai đưa cả, chính tôi viết lấy. Người ta cứ thế mà báo cáo với bá tước ra lệnh gọi anh lái buôn lại. "Ai trao cho anh tờ tuyên cáo?" – "Chính tôi viết ra". Thì các vị cũng biết rõ bá tước rồi đấy. – Viên sĩ quan phụ tá nở một nụ cười kiêu hãnh và vui tươi nói tiếp. – Ngài nổi giận đùng đùng; các ngài thử nghĩ xem: có đời ai lại xấc xược, dối trá và lì lợm đến thế!...

– À! Trong khi đó bá tước lại đang cần anh ta vạch mặt chỉ tên Klutsarev kia, tôi hiểu rồi! – Pier nói.

– Đâu có! Có cần gì đâu, – viên sĩ quan phụ tá hốt hoảng nói. – Klutsarev thì không có việc này cũng đã lắm tội rồi, chính vì

thế nên mới bị đày. Nhưng có điều là bá tước rất công phẫn. "Mày làm thế nào mà viết ra được? – bá tước nói xong lấy một tờ báo Hamburg để trên bàn. – Đây này. Không phải là mày viết ra, mà là mày dịch ra, mà dịch rất tồi, vì ngu dốt, dốt như mày, tiếng Pháp cũng chẳng biết". Thế mà các ngài có biết hắn trả lời thế nào không? Hắn nói: "Không, tôi chẳng đọc báo chí gì cả, chính tôi viết ra" – À nếu thế thì mày là một tên gian tặc, tao sẽ đưa mày ra tòa và mày sẽ bị treo cổ. Nói đi, ai đưa cho mày? – "Tôi không trông thấy báo chí nào cả, tôi tự viết ra". Cứ như thế. Bá tước cho gọi cả ông bố hắn đến: hắn vẫn khăng khăng một mực như cũ. Thế là người ta đưa ra tòa và hình như hắn bị đày khổ sai thì phải. Bây giờ ông bố đến xin cho hắn đấy. Cái thằng thật bất trị! Các ngài biết không, cái thằng con cái nhà buôn ấy là một gã ăn diện, hay ve gái, có theo học dăm ba chữ ở đâu ấy rồi cứ tưởng mình là ghê gớm lắm. Thằng cha thế có lạ không chứ? Bố hắn có một quán rượu ở Cầu Đá gần đây, trong quán có một bức tượng Đức Chúa Trời, tay phải cầm một quyển trượng và tay trái cầm quả địa cầu; thế là hắn đem bức ảnh về nhà mấy ngày và cũng làm một bức như thế! Hắn kiếm đâu ra được một thằng thợ vẽ chó chết...

XI

Đang dở chừng câu chuyện mới này thì có người ra gọi Pier vào gặp quan tư lệnh.

Pier vào phòng làm việc của bá tước Raxtopsin. Lúc ấy Raxtopsin đang cau mặt lấy tay xoa trán và dụi mắt. Một người thấp bé đang nói một câu gì, vừa thấy Pier vào thì im bặt và bỏ ra ngoài.

– À! Chào anh chiến sĩ vĩ đại, – Raxtopsin nói khi người kia đã ra ngoài. – Chúng tôi có nghe nói đến những *chiến công oanh liệt*[1] của anh! Nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó. *Anh bạn ạ, cái này ta nói riêng với nhau nhé*[2], anh là hội viên Tam điểm phải không? - Bá tước Raxtopsin nói với giọng nghiêm khắc, tưởng chừng như đó là một việc xấu xa, nhưng ông ta vẫn sẵn lòng tha thứ, Pier lặng thinh. – *Anh bạn ạ, tôi biết rõ lắm*[3], nhưng tôi biết rằng anh không ở trong số những kẻ lấy cớ muốn cứu toàn nhân loại để làm hại nước Nga.

– Phải, tôi là hội viên Tam điểm, – Pier nói.

– Ấy thế, anh bạn nghe tôi nói nhé. Tôi thiết tưởng anh cũng có biết rằng ông Xeperanxki và ông Marvixki, đã được đưa đi một nơi xứng đáng với họ; Klutsarev và tất cả những kẻ nào lấy cớ muốn xây ngôi đền Xalômon để cố phá hoại ngôi đền của tổ quốc mình đều được xử trí như thế. Anh có thể hiểu rằng sở dĩ tôi làm như vậy là có lý do và giả sử viên giám đốc bưu vụ ở đây không phải là một con người nguy hiểm thì tôi đã không thể nào đưa hắn đi đày được. Hiện nay tôi được biết rằng anh đã cho hắn ta mượn xe để ra khỏi thành phố và thậm chí lại còn giữ hộ giấy tờ cho hắn nữa. Tôi vốn mến anh và không hề có ý muốn làm hại anh, và bởi vì tuổi anh chỉ bằng nửa tuổi tôi, cho nên tôi xin khuyên anh như một người cha là hãy chấm dứt quan hệ với hạng người đó và bản thân anh thì hãy ra khỏi chỗ này càng sớm càng tốt.

– Thưa bá tước, Klutsarev có tội gì? – Pier hỏi.

– Đó là việc của tôi, anh không việc gì phải hỏi, - Raxtopsin quát.

1. Prouesses.
2. Mon cher. entre nous.
3. Mon cher. je suis bien informé.

– Họ buộc tội cho ông ta là đã truyền bá những tờ tuyên cáo cho Napôlêông nhưng đã có chứng cớ gì đâu, – Pier nói, không nhìn vào Raxtopsin, – còn Veressaghin.

– Ấy đấy[1], - Raxtopsin bỗng cau mày và ngắt lời Pier, quát to hơn cả lúc nãy. – Voressaghin là một tên gian tặc và một thằng bán nước, đã đền tội một cách xứng đáng, - Raxtopsin nói với cái giọng hằn học cay cú như người ta thường nói khi nhớ lại một điều sỉ nhục, – Nhưng tôi mời anh đến đây không phải để bàn đến những việc làm của tôi, mà để khuyên răn anh, hay ra lệnh cho anh, anh muốn hiểu thế nào thì hiểu. Tôi yêu cầu anh cắt đứt quan hệ với những người như Klutsarev, và đi khỏi nơi này. Tôi thì tôi sẽ cho họ một bài học, ai cũng thế. – Rồi có lẽ vì chợt nhận thấy mình đã to tiếng với Bezukhov tuy anh ta chẳng có tội tình gì, Raxtopsin thân mật cầm tay Pier nói thêm: – Chúng ta đang sắp trải qua một quốc nạn, nên tôi không có thì giờ ăn nói nhã nhặn với tất cả những người nào có việc giao dịch với tôi. Nhiều khi đầu tôi cứ váng lên ấy! Thế nào, anh bạn, riêng bản thân anh thì hiện nay đang làm gì?[2].

– Có làm gì đâu[3], – Pier đáp, mắt vẫn không nhìn lên và vẻ mặt đăm chiêu vẫn không thay đổi.

Bá tước cau mặt.

– Anh bạn ạ, tôi xin lấy chỗ tình thân mà khuyên anh: anh nên chuồn đi cho sớm, tôi chỉ nói với anh thế thôi. Khôn thì sống, mống thì chết[4]. Thôi chào anh. À quên, – ông ta gọi với theo khi

1. Nousy voilà.

2. Nous sommes à la veille d'un désastre public, et je n'ai pas le temps de dire des gentillesses à tous ceux qui ont affaire à moi... Eh bien, mon cher, qu'est. - ce que vous faites, vous, personnellement?

3. Mais rien.

4. Un conseil d'ami. mon cher. Décampez et au plus tôt. c'est tout ce que je vous dis. A bon entendeur salut!

Pier đã ra khỏi phòng, – có đúng là bá tước phu nhân đã lọt vào nanh vuốt các thánh cha hội Gia–tô[1] không thế hả?

Pier lặng thinh không đáp. Chàng ra khỏi nhà Raxtopsin với một vẻ cau có, bực tức mà xưa nay chưa ai từng thấy chàng có.

Chàng về đến nhà thì trời đã xẩm tối. Ở nhà tối hôm ấy có tám người đến tìm chàng: viên thư ký ủy ban, viên đại tá ở tiểu đoàn chàng, viên quản lý, viên quản gia và mấy người đến xin xỏ việc này việc nọ. Người nào cũng có việc cần chàng giải quyết. Pier chẳng hiểu đầu đuôi thế nào, chàng không hề quan tâm đến các công việc đó, và họ hỏi gì chàng cũng chỉ trả lời cốt làm sao tống họ đi nhanh cho rảnh. Cuối cùng khi đã ngồi lại một mình, chàng bóc thư của vợ ra đọc.

"Họ – những người lính trên vị trí pháo; công tước Anđrêy đã tử trận... ông già... Giản dị là phục tùng Thượng đế. Cần phải đau khổ... ý nghĩa của mọi sự... cần phải liên kết... vợ ta đi lấy chồng... Cần phải quên đi và hiểu rõ".

Chàng đến cạnh giường, và không cởi áo ngoài, chàng gieo mình xuống giường và lập tức ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi chàng thức dậy, người quản gia vào báo là có một nhân viên cảnh sát do bá tước Raxtopsin phái đến hỏi xem bá tước Bezekhov đã đi chưa, hoặc có ý định đi không.

Khoảng mười người đủ các hạng có việc cần gặp Pier đang đợi chàng trong phòng khách. Pier vội vã mặc áo ngoài, và đáng lẽ ra gặp những người đang đợi, chàng lại đi ra cửa sau rồi từ đó bước ra cổng.

Kể từ đấy, mãi cho đến khi sau khi Maxkva bị tàn phá, người nhà của Pier đã ra sức tìm kiếm nhưng vẫn không thấy Pier đâu và không biết chàng ở chỗ nào.

1. Des saints pères de la Société de Jésus?

XII

Gia đình Rôxtôv ở lại Maxkva cho đến ngày mồng một tháng chín, tức là còn cách ngày quân địch tiến vào thành có một hôm.

Sau khi Pier vào trung đoàn cô-dắc của Obolenxki và đi đến Belaya Txrkov là nơi thành lập trung đoàn này, bá tước phu nhân cứ nơm nớp lo sợ. Lần đầu tiên ý nghĩ rằng cả hai đứa con trai của bà đến ở mặt trận, rằng cả hai đều đã đi xa sự che chở của bà, rằng nay mai một trong hai đứa, mà cũng có thể là cả hai, có thể tử trận như ba đứa con một người quen của bà, ý nghĩ ấy đã đến với bá tước phu nhân rõ rệt đến mức tàn nhẫn. Bà cố tìm cách gọi Nikôlai về, bà đã định thân hành đi tìm Petya, chạy cho cậu ta một chỗ làm nào ở Pêterburg nhưng cả hai việc ấy đều không thể thực hiện. Petye không thể nào về được, trừ khi nào cả trung đoàn trở về, hoặc giả cậu có rời trung đoàn chăng thì cũng chỉ để thuyên chuyển sang một trung đoàn tham chiến khác. Nikôlai bấy giờ đang đóng quân ở một nơi nào đấy và sau bức thư vừa rồi, trong đó có kể lại tỉ mỉ cuộc gặp gỡ với công tước tiểu thư Marya thì không nhận được tin gì của chàng nữa. Đêm đêm, bá tước phu nhân cứ thao thức không ngủ được, và hễ chợp mắt là chiêm bao thấy hai con đã tử trận. Sau khi suy nghĩ và được bạn bè mách bảo rất nhiều, bá tước đã tìm được một phương sách để làm cho phu nhân yên lòng. Ông cho chuyển Petya từ trung đoàn của Obolenxki sang trung đoàn của Bezukhov bấy giờ đang thành lập ở gần Maxkva. Mặc dầu Petya vẫn tại ngũ, nhưng thuyên chuyển như vậy thì bá tước phu nhân cũng có được một niềm an ủi là ít nhất cũng còn được một đứa con trai ở gần mình, và có thể hy vọng thu xếp thế nào cho thằng Petya của bà đừng đi đâu xa và lo

cho nó một chức vụ gì mà chẳng bao giờ phải ra trận. Trong khi chỉ có một mình Nikôlai[1] ở trong vòng nguy hiểm, bá tước phu nhân có cảm tưởng (thậm chí phu nhân còn lấy làm hối hận về điều đó) là mình quý đứa con trai lớn hơn hết thảy các con; nhưng đến khi thằng con út, đứa con nghịch ngợm biếng học, cái gì trong nhà cũng làm vỡ làm gãy, ai trong nhà cũng quấy rầy, cái thằng Petya hếch mũi ấy, với đôi mắt đen vui vẻ, đôi má hồng hào mơn mởn có lớp lông măng mới chớm mọc, đã dấn thân vào nơi ấy, nơi của những người đàn ông hung dữ, tàn ác chẳng biết tại sao đang đánh nhau và lại lấy việc ấy làm vui, – đến khi ấy, người mẹ lại cảm thấy rằng chính nó mới là đứa con mình quý hơn cả, quý hơn các con khác nhiều. Càng gần đến ngày Petya trở về Maxkva bao nhiêu bá tước phu nhân lại càng sốt ruột bấy nhiêu. Bà đã bắt đầu nghĩ rằng hạnh phúc đó sẽ không bao giờ đến được. Không những khi thấy Xônya trước mặt, mà ngay cả khi thấy Natasa hay bá tước Ilya Anđrêyits, bà cũng bực bội nghĩ: "Những người ấy thì ở đây làm gì, ngoài Petya ra, tôi có cần đến ai đâu!".

Cuối tháng tám, gia đình Rôxtôv nhận được một bức thư thứ hai của Nikôlai. Thư gửi từ tỉnh Voronej là nơi chàng được cử đến để mua ngựa. Bức thư này không làm cho bá tước phu nhân yên lòng. Khi biết rằng một trong hai đứa con trai đã ra ngoài vòng nguy hiểm, bà lại càng lo thêm cho Petya.

Mặc dầu ngay từ ngày hai mươi, hầu hết những người quen của gia đình Rôxtôv đã rời khỏi Maxkva, mặc dầu mọi người đều khuyên nhủ bá tước phu nhân đi cho sớm, bà một mực không chịu nghe ai nói đến chuyện đi đứng gì cả, một khi Petya, đứa con cưng mà bà yêu quý như điên như dại, vẫn chưa về. Thái độ âu yếm thiết tha một cách bệnh tật của người mẹ không làm cho chàng sĩ quan mười sáu tuổi ấy vừa lòng. Tuy phu nhân giấu không cho cậu ta biết ý định của bà là không để cho cậu đi xa nữa, Petya vẫn hiểu được những điều dự

1 Nikolas

tính của mẹ, và tự bản năng vẫn sợ mình trở nên mềm yếu như đàn bà trước mặt mẹ (cậu ta tự nhủ như vậy), nên cậu ta đối xử với bá tước phu nhân rất lạnh nhạt, thường hay lánh mặt phu nhân và trong thời gian ở Maxkva chỉ gặp gỡ chuyện trò với Natasa, mà xưa nay cậu ta vẫn quý mến đặc biệt, một tình trìu mến chị em gần giống như tình yêu.

Do cái tính vô tư lự thường lệ của bá tước, mãi đến ngày hai mươi tám tháng tám vẫn chưa sửa soạn xong xuôi để ra đi, và những chiếc xe tải ở thôn Ryazan và ở điền trang ngoại thành định dùng để chở toàn bộ tài sản ở quê mãi đến ngày ba mươi mới thấy đến.

Từ ngày hai mươi tám đến ba mươi mốt tháng tám, cả thành Maxkva nhốn nháo và rộn rịp hẳn lên. Ngày nào từ cửa Đorogomilov cũng có hàng nghìn binh sĩ bị thương ở Borođino được đưa vào khắp thành phố và hàng nghìn chiếc xe tải chở người và của ra khỏi thành phố qua những cửa ô khác. Mặc dù có những tờ yết thị của Raxtopsin, hoặc chính vì có những tờ yết thị đó, hoặc giả chẳng có gì dính dáng đến những tờ yết thị đó, nhưng tin tức hết sức trái ngược và kỳ quặc cứ truyền đi khắp thành phố. Người thì bảo là đã có lệnh cấm không ai được ra khỏi Maxkva; người thì lại bảo là người ta đã dỡ tất cả những tượng thánh ở các nhà thờ rồi, và sẽ cưỡng bức tất cả mọi người phải dọn; người thì nói sau trận Borođino còn xảy ra một trận nữa, và trong trận này đã đánh tan được quân Pháp, người thì bảo là dân binh Maxkva sẽ cùng với các linh mục tiến lên Tri Goru, người thì lại nói rằng cha Natasa đã được lệnh ở lại, rằng đã bắt được một bọn phản tặc, rằng nông dân đã nổi loạn và cướp bóc những người chạy giặc, vân vân và vân vân. Nhưng người ta nói thế thôi, chứ thật ra những người đi cùng cũng như những người ở lại (tuy lúc bấy giờ chưa có buổi hội đồng ở Fili quyết định bỏ Maxkva) – mọi người đều cảm thấy, tuy không nói ra, rằng thế nào Maxkva cũng lọt vào tay quân địch và

cần phải tháo người tháo của đi cho nhanh. Người ta có cảm tưởng mọi việc đều sẽ đột nhiên thay đổi và sụp đổ. Nhưng mãi đến ngày mồng một tháng chín mọi việc vẫn y nguyên như cũ. Cũng như một phạm nhân khi bị đưa đi hành hình biết rằng mình sắp chết đến nơi rồi, nhưng vẫn đưa mắt nhìn quanh và sửa lại chiếc mũ đội không được chỉnh, Maxkva cũng vẫn bất giác tiếp tục cuộc sống quen thuộc, mặc dầu biết rằng giờ chết đã sắp điểm, và lúc ấy tất cả những qui ước sinh hoạt mà người ta đã quen phục tùng đều sẽ đổ vỡ.

Trong vòng ba ngày trước khi Maxkva rơi vào tay giặc, cả gia đình Rôxtôv luôn luôn lo lắng bận rộn việc này việc nọ. Người chủ gia đình là bá tước Ilya Andrêyits luôn luôn đi đây đi đó trong thành phố thu thập những tin đồn đại, và khi về nhà thì hối hả ra những mệnh lệnh mơ hồ thu xếp việc chuẩn bị ra đi.

Bá tước phu nhân theo dõi công việc thu xếp đồ đạc, cái gì bà ta cũng không vừa ý, và luôn lẽo đẽo theo sau cậu Petya bấy giờ vẫn cứ tránh mặt mẹ, bà ghen Natasa vì Petya cả ngày chỉ ngồi với nàng. Chỉ một mình Xônya lo toan đến mặt thực tiễn của công việc, tức là việc xếp đồ đạc lên xe. Nhưng suốt thời gian gần đây Xônya buồn rầu và lặng lẽ khác thường. Bức thư của Nikôlai, trong đó có nhắc đến nữ công tước Marya, đã khiến bá tước phu nhân vui rừng nói ngay trước mặt nàng rằng bà ta cho cuộc gặp gỡ giữa nữ công tước Marya và Nicôlai[1] là do Trời xếp đặt trước. Phu nhân nói:

– Khi Bolkonxki đính hôn con Natasa tôi chẳng vui mừng gì, nhưng xưa nay tôi vẫn ước mong và cũng tiên cảm thấy rằng Nikolenka sẽ lấy công tước tiểu thư. Được như thế thì thật tốt quá!

Xônya cảm thấy rằng như vậy là đúng, rằng Nikôlai chỉ có cách lấy một người vợ giàu thì công việc tiền nong của gia đình

1. Nikolas.

Rôxtôv mới mong cứu vãn được và nữ công tước Marya là một đám rất tốt. Nhưng nàng thấy tủi lắm. Tuy nàng buồn khổ, hay có lẽ chính vì nàng buồn khổ, Xônya đã lĩnh lấy tất cả những công việc xếp dọn đồ đạc rất vất vả, và suốt ngày nàng bận rộn với những công việc đó. Cứ mỗi khi cần sai bảo gì người nhà bá tước và phu nhân lại nhớ đến nàng. Petya và Natasa thì ngược lại không những không giúp đỡ cha mẹ mà lại còn làm vướng và quấy rầy mọi người nữa. Và gần như suốt cả ngày bao giờ trong nhà cũng có tiếng reo, tiếng chân chạy và tiếng cười vô cớ của hai chị em. Hai người cười đùa vui vẻ như vậy tuyệt nhiên không phải vì có chuyện gì đáng cho họ vui mừng; nhưng trong tâm hồn họ đang vui, cho nên bất cứ chuyện gì cũng đều là một nguyên nhân khiến họ cười đùa vui vẻ, Petya vui bởi vì cậu đang ở nhà, vì cậu vừa ở lại Belaya Txerkov là một nơi mà chỉ nay mai đã đánh nhau và nhất là vì Natasa cũng đang vui: xưa nay tâm trạng của cậu vẫn phục tùng theo tâm trạng của chị. Còn Natasa vui là vì nàng đã buồn quá lâu, vì bây giờ chẳng có gì nhắc nàng nhớ lại những nguyên nhân đã khiến nàng buồn, và vì nàng đang khỏe mạnh. Nàng vui cũng lại vì đang có một người thán phục nàng (lòng thán phục của người khác đối với nàng là chất dầu nhờn cần thiết để cho bộ máy chạy được trơn tru). Nhưng cái chính khiến họ vui như vậy là hiện nay chiến tranh đã chuyển đến gần Maxkva, là sẽ có đánh nhau ở các cửa ô, người ta sẽ phân phát vũ khí, mọi người đều bỏ đi nơi khác, nói chung là đang diễn ra một việc gì khác thường, và điều đó bao giờ cũng làm cho người ta vui thích, nhất là khi người ta còn trẻ.

XIII

Ngày thứ bảy ba mươi mốt tháng tám, trong nhà Rôxtôv mọi thứ đều như đảo lộn cả lên. Tất cả các cửa đều mở toang, bàn ghế đều bị khuân đi hay xếp ra một chỗ khác, gương soi, tranh ảnh đều được tháo cất. Trong các phòng la liệt những rương hòm; rơm rạ, giấy gói và dây dợ bừa bãi giữa nền nhà. Những người nông dân và gia nô bước nặng nề trên sàn gỗ vác đồ đạc ra ngoài. Ngoài sân ngổn ngang những chiếc xe tải của nông dân, có chiếc đã chất đầy và đã ràng dây, có chiếc hãy còn bỏ không.

Ngoài sân và trong nhà rộn rịp những tiếng nói và tiếng chân đi lại của đám gia đình của những người nông dân vừa đánh xe đến. Từ sáng, bá tước đã đi đâu vắng. Bá tước phu nhân nhức đầu vì cảnh ồn ào nhộn nhịp nên phải nằm trong phòng đi-văng mới, đầu chườm khăn tẩm giấm. Petya không ở nhà (cậu ta đến nhà một người bạn bấy giờ đang cùng cậu bàn cách chuyển từ dân binh sang bộ đội chủ lực). Xônya đứng trong phòng lớn để trông coi người nhà dọn đồ pha lê và đồ sứ. Natasa ngồi bệt giữa sàn căn buồng cũ tan hoang, giữa những chiếc áo dài, những chiếc khăn choàng, những dải lụa vứt ngổn ngang, đôi mắt đờ đẫn nhìn xuống nền nhà, tay cầm một chiếc áo dài khiêu vũ đã cũ, chính chiếc áo dài nàng đã mặc hôm đi dự vũ hội lần đầu tiên ở Pêterburg, kiểu áo này đã không còn hợp thời trang nữa.

Natasa thấy ngượng vì trong khi cả nhà đều bận rộn mà nàng thì chẳng làm gì, nên từ sáng nàng đã thử cố bắt tay vào làm việc. Nhưng tâm hồn nàng cứ để đâu đâu, mà tính nàng thì không thể và không biết làm một việc gì mà lại không đem hết tâm hồn và sức lực dốc vào việc đó. Nàng đứng một lúc với Xônya trong

khi xếp dọn các đồ dùng bằng sứ, nàng cũng muốn giúp đỡ một tay, nhưng rồi lại bỏ đấy chạy về phòng thu xếp đồ đạc của mình. Lúc đầu, nàng thấy vui vui khi ngồi phân phát áo dài và dải lụa cho các cô hầu gái, nhưng về sau, khi thấy rằng những thứ còn lại cũng vẫn phải xếp sắp, nàng bắt đầu thấy chán. Đunyasa, chị xếp hộ tôi nhé! Chị nhé?

Và khi Đunyasa vui lòng hứa với nàng là sẽ làm tất, Natasa ngồi xuống sàn nhà, cầm chiếc áo khiêu vũ ngày trước và suy nghĩ miên man, nhưng những ý nghĩ của nàng hoàn toàn không có gì liên quan đến những việc lẽ ra bấy giờ phải khiến nàng bận tâm. Tiếng nói chuyện của những người đầy tớ gái ở phòng bên và tiếng chân họ bước vội ra thềm sau đưa nàng trở về cõi thực. Natasa đứng dậy và nhìn ra cửa sổ. Ngoài phố có một đoàn xe rất dài chở đầy thương binh vừa dừng lại.

Những người đầy tớ gái, những người nội bộc, bà quản gia, bà u già, mấy ông đầu bếp, mấy chủ xà ích, quản mã, mấy cô phụ bếp đều ra đứng ở cổng xem thương binh.

Natasa trùm chiếc khăn vuông trắng lên đầu, hai tay cầm hai mùi khăn và đi ra đường.

Bà già Mavra Kuzminisna, bà quản gia cũ của gia đình Rôxtôv, tách ra khỏi đám gia nhân đứng ở cổng, lại gần một chiếc xe tải trên có phủ một tấm diềm bằng thứ vỏ cây và nói chuyện với một viên sĩ quan trẻ tuổi xanh xao nằm trong xe. Natasa bước mấy bước đến cạnh chiếc xe và rụt rè dừng lại, tay vẫn giữ hai múi khăn, lắng tai nghe xem bà quản gia nói những gì.

– Thế ông chẳng có ai thân thuộc ở Maxkva cả à? – Mavra Kuzminisna nói. – Giá ông vào nhà nào mà nằm thì hơn... Hay ông vào nhà chúng tôi cũng được. Chủ nhà sắp đi rồi.

– Không biết họ có cho không, – viên sĩ quan nói, giọng yếu ớt. – Kìa thủ trưởng của tôi kia kìa... bà thử hỏi xem, – nói đoạn

viên sĩ quan chỉ một ông thiếu tá to béo bấy giờ đang đi ngược trở lại dọc theo đoàn xe.

Natasa đưa mắt hoảng sợ nhìn vào mặt viên sĩ quan bị thương và lập tức đến gặp viên thiếu tá. Nàng hỏi:

– Cho thương binh ghé vào nhà chúng tôi được không? - Viên thiếu tá mỉm cười đưa tay lên vành lưỡi trai, nháy mắt nói:

– Thưa tiểu thư có lòng chiếu cố đến ai ở đây ạ?

Natasa điềm tĩnh nhắc lại câu hỏi, và tuy hai bàn tay nàng vẫn cầm hai đầu múi chiếc khăn vuông, vẻ mặt và dáng điệu của nàng nghiêm trang đến nỗi viên thiếu tá không cười nữa và im lặng suy nghĩ một lát như tự hỏi xem có thể làm như vậy được không, và có thể làm đến mức nào, rồi đáp:

– Ồ được chứ, sao lại không, được chứ.

Natasa khẽ cúi đầu rồi quay gót bước nhanh về phía Mavry Kuzminisna đang đứng nói chuyện với viên sĩ quan, vẻ cảm thông và thương xót.

– Được đấy, ông ấy bảo là được! – Natasa nói thầm.

Chiếc xe có diềm của viên sĩ quan được đánh vào sân nhà Rôxtôv và mấy chục chiếc xe chở thương binh, theo lời mời của dân phố cũng bắt đầu được đánh vào các sân và đến đỗ ở trước thềm các nhà ở phố Povarxkaya. Natasa hình như thấy làm vui thích được giao thiệp với những con người mới lạ trong một hoàn cảnh khác thường. Cùng với bà Mavra, nàng cố sức đưa vào sân nhà nàng cho thật nhiều xe chở thương binh.

Mavra Kuzminisna nói:

– Dù sao cũng phải thưa với cụ nhà.

– Không sao, không sao, thì có mất gì đâu nào! Chỉ còn có một ngày nữa, chúng tôi có thể dọn sang bên phòng khách mà ngủ cũng được. Có thể nhường cho họ tất cả các gian của chúng tôi.

– Chà, tiểu thư bày vẽ lắm trò thật! Dù là trong các dãy nhà dọc, trong phòng gia nhân, trong phòng u già cũng được xin phép.

– Được rồi, tôi sẽ xin.

Natasa chạy vào nhà và kiễng chân đi qua cánh cửa hé mở vào phòng đi–văng. Từ trong phòng đưa ra mùi giấm và mùi thuốc giọt Hốpman.

– Mẹ ngủ hở mẹ?

– Ơ, mẹ vừa mê ngủ sợ quá! – bá tước phu nhân lúc bấy giờ vừa chợp mắt được một lúc, tỉnh dậy nói.

Natasa quỳ xuống bên cạnh mẹ và ghé mắt vào sát mặt bá tước phu nhân nói:

– Mẹ ạ, mẹ yêu dấu của con, con xin lỗi mẹ nhé, con đã làm mẹ thức giấc, từ rày con sẽ không bao giờ làm như thế nữa, mẹ tha lỗi cho con nhé. Marra Kizminisna bảo con đến. Ngoài kia có mấy người thương binh, họ mới chở đến, mấy người sĩ quan. Mẹ cho phép mẹ nhé? Họ chẳng có chỗ nào mà ở cả; con biết mẹ sẽ cho phép... – Natasa nói nhanh một hơi không dừng lại thở.

– Sĩ quan nào? Họ cho ai đến? Mẹ chẳng hiểu sao cả. – Bá tước phu nhân nói.

Natasa bật cười, bá tước phu nhân cũng mỉm cười yếu ớt.

– Con biết thế nào mẹ cũng cho... con sẽ bảo họ thế.

Natasa hôn mẹ, đứng dậy và ra ngoài.

Trong phòng lớn nàng gặp bá tước vừa đi thu lượm được mấy tin dữ mang về nhà.

– Nhà ta lề mề thật! – bá tước bất giác nói với một giọng bực bội. – Câu lạc bộ thì đóng cửa rồi, cảnh sát thì đang rút lui.

– Ba ạ, con mời mấy người bị thương vào nhà, không việc gì chứ ba? – Natasa nói.

– Cố nhiên là không việc gì, – bá tước lơ đễnh trả lời con –

nhưng việc ấy chả có gì quan trọng, bây giờ thì ba yêu cầu con đừng có lo đi làm những việc vớ vẩn như thế, phải lo giúp đưa đồ đạc lên xe, mai đã đi rồi... - Và bá tước cũng ra lệnh cho người quản gia và các gia nhân như vậy. Đến bữa ăn chiều Petya về nhà và cũng kể lại các tin tức vừa nghe được.

Petya kể lại rằng hôm nay dân chúng đã đến nhận vũ khí ở điện Kreml, rằng tuy trong tờ yết thị của Raxtopsin có nói là ông ta sẽ có lời kêu gọi trước hai ngày, nhưng bây giờ chắc người ta đã thu xếp đến ngày mai và toàn dân sẽ cầm khí giới lên Tri Gorư, và ở đấy sẽ diễn ra một trận đánh lớn.

Trong khi Petya nói, bá tước phu nhân đưa mắt sợ hãi và e dè nhìn khuôn mặt vui mừng, phấn khởi của đứa con trai. Bà biết rằng hễ mình nói một lời nào để xin Petya đừng đi đánh trận (bà biết rằng cậu ta rất vui mừng để trận đánh sắp tới này), thì cậu ta sẽ nói một cái gì về các đấng trượng phu, về danh dự, về tổ quốc, – một cái gì rất vô nghĩa, rất đàn ông, rất lì lợm mà bà không sao cãi lại được, và câu chuyện sẽ hỏng bét. Cho nên bà hy vọng có thể thu xếp thế nào để ra đi trước khi xảy ra trận đánh này và lừa cho Petya cũng đi theo với tư cách là kẻ bảo vệ và che chở cho bà; sau bữa ăn chiều cho mời bá tước lại và khóc lóc van xin bá tước cho bà đi ngay, đi ngay đêm nay nếu có thể được. Tuy từ trước đến nay bá tước phu nhân không hề có chút sợ hãi về nỗi phải ở lại Maxkva, nhưng bây giờ, với cái tính đa mưu không tự giác của người mẹ thương con, bà lại nói rằng mình sẽ khiếp sợ đến chết mất nếu không được đi ngay đêm ấy. Và bây giờ bà đâm ra sợ tất cả, sợ thật chứ không phải giả vờ nữa.

XIV

Bà Sox[1] hôm đi thăm cô con gái về có kể lại những việc bà ta trông thấy ở ty rượu ngoài phố Myaznixkaya lại càng làm cho bá tước phu nhân hoảng sợ hơn nữa: đang đi về nhà qua phố ấy bà ta gặp phải một lũ say rượu đang quấy phá ở trước cửa ty, bà phải thuê một chiếc xe chở khách đi vòng vào một ngõ hẻm trở về nhà. Người xà-ích có kể cho bà ta nghe rằng dân chúng đã chọc thủng các thùng rượu trong kho, rằng trên có lệnh cho họ làm như vậy.

Sau bữa ăn chiều, trong nhà Rôxtôv mọi người đều bắt tay vào việc thu xếp đồ đạc và chuẩn bị ra đi một cách hối hả khác thường. Lão bá tước, đột nhiên tháo vát hẳn lên, sau bữa ăn chiều cứ từ trong nhà đi ra sân rồi lại từ ngoài sân đi vào nhà, mồm quát tháo huyên thiên làm cho gia nhân đã vội lại càng vội thêm. Petya đứng sai bảo ở ngoài sân. Nghe những lời sai bảo mâu thuẫn lung tung của bá tước, Xônya luống cuống chẳng còn biết làm gì nữa. Các gia nhân cãi nhau, gọi nhau í ới, chạy ầm ầm trong các gian phòng và trong sân. Natasa, với cái tính hăng say đặc biệt của nàng đối với những việc nàng làm, cũng bắt tay vào sửa soạn thu xếp. Thoạt tiên thấy nàng xông vào sắp xếp đồ đạc, mọi người đều có ý nghi ngại. Ai cũng nghĩ rằng nàng chỉ biết đùa nghịch thôi, nên chẳng ai chịu nghe những lời sai bảo của nàng; nhưng nàng kiên trì và say sưa đòi hỏi mọi người phải phục tòng nàng, nàng nổi giận, suýt khóc lên vì họ không chịu nghe nàng, và cuối cùng họ đã phải tin rằng nàng muốn làm thật chứ không phải đùa. Kỳ công đầu tiên của nàng, một kỳ công đã khiến nàng phải hao hơi tốn sức rất nhiều và đã làm cho nàng có uy tín, là việc xếp

1. Mme Schoss.

sắp các tấm thảm. Trong nhà bá tước có nhiều tấm thảm Gôbơlanh và thảm Ba-tư rất đắt tiền. Khi Natasa bắt tay vào việc, trong phòng lớn cho hai chiếc thùng gỗ đang mở nắp, một chiếc đã xếp đồ sứ đầy gần đến miệng, một chiếc thì đựng thảm. Trên các bàn hãy còn nhiều đồ sứ, và họ vẫn còn bưng ở nhà kho ra nhiều nữa. Cần phải xếp vào một chiếc thùng nữa mới đủ; người nhà đã chạy đi kiếm thùng. Natasa nói:

– Khoan đã, Xônya ạ, ta sẽ xếp tất cả hai thùng này cũng đủ.

– Không được đâu, tiểu thư ạ, đã thu xếp rồi mà không được. - Người chủ thiện nói.

– Không, để yên tôi xem đã.

Và Natasa bắt đầu lấy những chiếc đĩa ăn và đĩa tách bọc giấy ở trong thùng ra. Nàng nói:

– Đĩa ăn phải để vào đây này, để vào giữa các tấm thảm ấy.

– Chỉ riêng các tấm thảm không thôi cũng đã choán hết ba thùng rồi còn gì.

– Thì cứ để yên tôi xem đã nào.

Và Natasa bắt đầu đỡ đồ đạc ra với những động tác nhanh nhẹn và khéo léo. – Cái này không cần, – Natasa nói khi đỡ mấy bộ đĩa Ki-ép, – cái này thì cần, cho vào thùng đựng thảm, – nàng nói khi cầm đến mấy bộ đĩa sứ Xăcxoni.

– Thôi đi Natasa; để cho chúng tôi xếp, – Xônya nói giọng trách móc. Người quản gia cũng nói: – Thôi, tiểu thư ạ!

Nhưng Natasa không chịu thua. Nàng dỡ hết đồ đạc ra và bắt đầu xếp lại rất nhanh, quả quyết gạt những tấm thảm xấu và những bộ đĩa thừa ra. Và quả nhiên, sau khi đã gạt bỏ bớt những đồ đạc rẻ tiền không đáng mang theo, bao nhiêu đồ quý đều xếp gọn vào hai thùng. Nhưng cái thùng đựng thảm không sao đậy nắp được. Lúc bấy giờ có thể lấy bớt ra một ít, nhưng Natasa cứ một mực không chịu. Nàng đi xếp, xếp lại, giẫm, ấn, bắt người

quản gia và cậu Petya mà nàng huy động đến làm việc với nàng phải đè thật mạnh lên nắp thùng, và chính nàng cũng đem hết sức lực ra ấn nó xuống.

- Thôi Natasa ạ, – Xônya nói. – Mình thấy rồi, Natasa làm thế là phải, nhưng hãy bớt tấm thảm trên cùng đi.

– Không, – Natasa kêu lên, một tay đưa lên vén mớ tóc xõa xuống khuôn mặt ướt đẫm mồ hôi của nàng, một tay ấn nắp thùng. – Ấn mạnh đi Petya! Vaxitits, ấn mạnh đi nào!

Mấy tấm thảm đã ép chặt xuống. Nắp thùng đã đóng lại được. Natasa vỗ tay reo lên mừng rỡ, ứa cả nước mắt ra. Nhưng chỉ một giây lát sau nàng đã bắt tay vào một công việc khác. Bây giờ thì mọi người đã hoàn toàn tin rằng, và bá tước không hề phật ý khi người nhà nói với ông rằng Natasa đã bảo làm khác hẳn lời sai phái của ông, và các gia nhân đã đều hỏi Natasa xem xe chất như vậy đã đủ chưa và nên ràng dây chưa. Nhờ những cách thu xếp của Natasa, mọi việc đều được giải quyết gọn gàng: những đồ không cần dùng được bỏ lại, còn những đồ quý nhất thì được sắp xếp thật chặt chẽ.

Nhưng tuy mọi người đã ra sức xếp đặt cho thật nhanh, đến khuya vẫn chưa xếp hết được. Bá tước phu nhân ngủ thiếp đi. Lão bá tước đành hoãn đến sáng mai mới lên đường, và đi ngủ.

Natasa và Xônya để nguyên áo ngoài ngủ trong phòng đi–văng.

Đêm hôm ấy có thêm một người bị thương được chở qua phố Pavarkaya, và bà Mavra Kizminisna bấy giờ đang đứng ở cổng, liền cho xe của họ rẽ vào sân nhà Rôxtôv. Theo ý bà Mavra thì người bị thương này là một nhân vật trọng yếu. Họ chở người ấy trên một chiếc xe song mã phủ diềm, mui trên buông kín. Trên ghế đánh xe, bên cạnh người xà–ích, có một người nội bộc đã già trông rất oai vệ. Ở phía sau có một chiếc xe chở một viên bác sĩ và hai người lính đi theo.

chuông gọi con chiên đến xem lễ. Tưởng chừng như chưa ai có thể hiểu rõ cái gì đang chờ đợi Maxkva.

Trong tình hình xã hội chỉ có hai dấu hiệu cho thấy cái tình trạng của thành Maxkva lúc bấy giờ: sự nhốn nháo của đám dân nghèo và giá cả các làng hoa. Thợ thuyền, người ở, nông dân họp thành một đám rất đông, trong đó có xen cả những người viên chức, những học sinh chủng viện và những người quý tộc, sáng sớm hôm ấy kéo nhau lên Tri Goru. Sau khi đứng đợi một hồi lâu chẳng thấy Raxtopsin đến, và biết rõ rằng Maxkva sẽ bỏ ngỏ, đám đông bèn tỏa ra khắp thành phố, xông vào các ty rượu và các quán rượu. Giá cả ngày hôm ấy cũng cho thấy rõ tình hình của thành phố. Giá vũ khí, giá xe cộ và giá ngựa tăng lên không ngừng, còn giá cả của giấy bạc và của những đồ dùng thành thị thì lại mỗi lúc một giảm, đến nỗi vào khoảng giữa trưa có những anh xà-ích đánh xe thuê mua được những hàng đắt tiền như len dạ bằng nửa giá thường, còn một con ngựa cày thì bán đến hàng năm trăm rúp; bàn ghế, gương soi, tượng đồng thì người ta cho không.

Trong ngôi nhà cũ kỹ và yên tĩnh của gia đình Rôxtôv chẳng có dấu hiệu gì rõ rệt chứng tỏ những điều kiện sinh hoạt cũ đã bị đảo lộn. Về phần gia nhân thì chỉ có một điều là đêm hôm qua trong số tôi tớ rất đông đúc của nhà này có ba người trốn đi, nhưng đồ đạc thì chẳng mất mát chút gì, còn về giá cả thì ba mươi cỗ xe đưa từ thôn quê lên quả là một tài sản rất lớn làm cho nhiều người thèm thuồng, hỏi mua với một giá rất đắt. Không phải chỉ có thế, mà từ tối hôm ba mươi mốt tháng tám cho đến sáng ngày mồng một tháng chín lại có nhiều người lính cần vụ và gia nhân của các sĩ quan bị thương, và ngay cả những người bị thương nữa ghé lại nhà Rôxtôv và các nhà bên cạnh cũng đều van xin các gia nhân và nói bộ với chủ cho họ nhờ mấy chiếc xe tải để ra khỏi Maxkva. Người quản gia nghe họ van nài như vậy cũng thấy thương hại những người bị thương nhưng cũng cương quyết từ

– Xin mời vào nhà chúng tôi, xin mời quý vị. Chủ chúng tôi sắp đi rồi, cả nhà bỏ trống, –bà Mavra nói với người lão bộc.

– Thôi cũng đành, – người hầu phòng thở dài đáp, – cũng không mong gì về đến nhà được! Chúng tôi cũng có nhà ở Maxkva, nhưng xa lắm, mà nay chẳng có ai cả.

Mavra Kizminisna nói:

– Xin cứ vào nhà chúng tôi, chủ chúng tôi cái gì cũng có đủ, xin cứ vào. – Rồi bà nói thêm: – Thế nào, bị thương nặng lắm à?

Người lão bộc khoác tay ra dáng tuyệt vọng:

– Không mong gì đưa về đến nhà! Phải hỏi bác sĩ mới được – Và lão bỏ ghế xà–ích bước xuống, lại gần chiếc xe sau.

– Được, – viên bác sĩ nói.

Người hầu phòng lại trở về sau song mã, ghé mắt nhòm vào trong xe, lắc đầu, rồi bảo người đánh xe cho xe quay vào sân, và đứng lại bên cạnh Mavra Kizminisna.

– Trời ơi! Lạy Chúa Jêxu! – Bà Mavra thốt lên.

Bà đưa người bị thương vào nhà, nói:

– Các chủ nhân không nói gì đâu...

Nhưng không thể mang người bị thương lên thang gác được nên họ đưa vào dãy nhà dọc và đặt người ấy nằm trong gian phòng cũ của bà Sox. Người bị thương ấy chính là công tước Andrêy Bolkonxki.

XV

Ngày cuối cùng của thành Maxkva đã đến. Hôm ấy là một ngày chủ nhật mùa thu quang đãng và tươi vui. Cũng như trong những ngày chủ nhật bình thường, hôm ấy các nhà thờ cũng đánh

chối, nói rằng việc này thì dù chỉ thưa lại với chủ nhân thôi anh ta cũng không dám. Những người thương binh bị bỏ lại thật đáng thương, nhưng có thể thấy rõ là nếu đã nhường một chiếc xe tải thì không có lý gì lại không nhường tất cả, rồi đến xe nhà cũng phải nhường nốt. Người quản gia suy tính hộ cho chủ như vậy.

Sáng ngày mồng một, bá tước Ilya Andrêyits thức dậy, rón rén bước ra ngoài phòng ngủ để khỏi kinh động giấc ngủ của bá tước phu nhân mới chợp mắt lúc tờ mờ sáng. Mình mặc chiếc áo ngủ dài bằng lụa màu hoa cà, bá tước đi ra thềm. Những chiếc xe tải đã ràng dây đang đứng im trong sân. Viên quản gia đang đứng cạnh bậc thềm nói chuyện với một người lính cần vụ già và một sĩ quan trẻ tuổi xanh xao tay treo băng. Trông thấy bá tước, người quản gia làm một cử chỉ nghiêm nghị ra hiệu cho họ lảng ra xa.

– Thế nào đấy, xong cả chưa Vaxilits? – bá tước hỏi, tay xoa xoa cái đầu hói và đưa đôi mắt hiền hậu nhìn viên sĩ quan và người lính cần vụ, khẽ gật đầu chào họ (bá tước vốn thích những người mới gặp).

– Thưa bá tước, bây giờ cho thắng ngựa ngay cũng được ạ.

– Thế thì tốt lắm, chốc nữa bá tước phu nhân ngủ dậy là đi ngay! Thế còn ông thì sao? – bá tước quay sang nói với viên sĩ quan. – Đêm qua ông nghỉ lại nhà tôi đấy chứ?

Viên sĩ quan lại gần. Gương mặt xanh xao của anh ta chợt đỏ ửng lên.

- Thưa bá tước, xin bá tước, xin bá tước gia ân, cho phép tôi... tôi van ngài... cho tôi ngồi nhờ trên một chiếc xe tải nào của bá tước, chỗ nào cũng được. Đây tôi chẳng có hành lý gì cả... Ngồi trên xe tải... thế nào cũng được...

Viên sĩ quan chưa nói hết câu thì người lính cần vụ đã đỡ lời van xin bá tước cho chủ.

– À! Được, được, được, – bá tước hối hả nói. – Tôi rất vui lòng, rất vui lòng. Vaxilitss, anh bảo bỏ bớt đồ trên xe xuống, anh xem... phải cho chu tất nhé... – bá tước nói lúng búng, chẳng rõ ông ta muốn bảo làm gì nữa.

Nhưng ngay trong giây lát đó vẻ biết ơn nhiệt thành của viên sĩ quan đã củng cố những điều sai bảo của bá tước. Bá tước đưa mắt nhìn quanh: trong sân, ngoài cổng, ở các khung cửa sổ bên dãy nhà dọc đều thấy có những người bị thương và những người cần vụ. Mọi người đều nhìn về phía bá tước và mon men lại gần bậc thềm.

– Thưa bá tước, xin bá tước ghé vào phòng tranh. – Viên quản gia nói. – Bẩm bây giờ bức tranh thì thế nào ạ?

Bá tước theo anh ta vào nhà, sau khi nhắc lại là không được từ khước những người bị thương xin ngồi nhờ xe tải.

– Thôi thì bỏ bớt ít đồ xuống cũng được, – ông nói thêm, giọng thì thầm có vẻ bí mật, như thể ông sợ có ai nghe thấy.

Đến chín giờ bá tước phu nhân thức dậy. Matriona, người hầu phòng cũ của phu nhân, vốn làm một chức vụ tương tự như chức trưởng phòng hiến binh của phu nhân, đến báo cáo với phu nhân rằng Marya Karlovra đang bất bình lắm, và áo dài mùa hạ của các tiểu thư không thể bỏ lại được. Bá tước phu nhân hỏi tại sao bà Sox lại bất bình như vậy, thì hóa ra các rương hòm của bà ta đã bị bỏ xuống và tất cả các xe tải đều bị tháo dây ra cả (bá tước quá thật thà đã cho bỏ đồ đạc xuống để chở thương binh. Bá tước phu nhân liền cho gọi chồng lại.

– Thế nào đấy mình, nghe nói lại bỏ đồ đạc xuống à?

– *Mình ạ*[1] số là thế này.. . bá tước phu nhân *thân mến* của tôi[2] ạ... vừa rồi có một sĩ quan đến xin tôi nhường cho vài xe để

1. Machère.
2. Machère.

chở thương binh. Vì rằng đồ đạc thì còn sắm lại được, chứ họ mà phải ở lại đây thì... mình thử nghĩ mà xem!... Quả tình trong sân nhà ta... chính chúng ta cũng đã gọi họ vào, ở đây có cả những sĩ quan... Mình ạ, tôi thiết tưởng, quả tình thì, *mình ạ*[1] thế này nhé... thôi để cho họ cùng đi... việc gì mà vội?

Bá tước nói một cách rụt rè như thường lệ mỗi khi nói đến chuyện tiền nong. Bá tước phu nhân thì đã quen với cái giọng này một giọng nói xưa nay vẫn báo trước một việc gì có tổn thương đến tài sản của con cái, như việc bày phòng tranh, làm nhà ủ cây, tổ chức diễn kịch hay hòa nhạc trong nhà, và phu nhân đã quen cho là mình có nhiệm vụ nhất luận phản đối những việc mà bá tước nói ra với cái giọng rụt rè đó.

Phu nhân làm ra vẻ nhẫn nhục, ngậm ngùi và nói với chồng:

– Bá tước ạ, mình đã làm hỏng mất việc bán ngôi nhà, thế mà bây giờ mình còn muốn hủy hoại cả sản nghiệp của các con[2] ư? Chính mình nói rằng của cải trong nhà có đến mười vạn. Mình ạ, tôi không chịu đâu, tôi không chịu đâu! Tùy mình đấy! cần phải làm gì chứ. Mình thử nhìn mà xem: nhà Lopukhin đã dọn đi hết từ ba ngày nay. Đấy người ta thì như thế đấy, chỉ còn nhà ta mới dại dột, thế này. Mình không thương tôi thì cũng phải thương lấy các con chứ.

Bá tước khoát tay một cái và chẳng nói chẳng rằng bỏ ra ngoài.

– Ba ơi, việc gì thế hở ba? – Natasa nói. Bấy giờ nàng vừa theo bá tước vào phòng mẹ.

– Chẳng có gì cả! Việc gì đến mày! – bá tước giận dữ nói.

– Không, con nghe thấy rồi. Tại sao mẹ không chịu hả ba?

– Thì việc gì đến mày nào? – bá tước quát lên.

1. Machère.
2. De nos enfants.

Natasa bỏ ra đứng cạnh cửa sổ và ngẫm nghĩ một lúc.

– Ba ạ, Berg đến kia kìa, – nàng nói, mắt nhìn ra ngoài cửa sổ.

XVI

Berg, người con rể của ông bà Rôxtôv, bấy giờ đã lên đến chức đại tá, đeo huân chương Vladimir và huân chương Anna trên cổ, vẫn làm một chức vụ yên tĩnh và thú vị là chức sĩ quan phục việc ở văn phòng thứ nhất của tham mưu trưởng quân đoàn hai.

Ngày mồng một tháng chín, Berg từ quân đội trở về Maxkva.

Chàng chẳng có việc gì ở đây cả; nhưng chàng nhận thấy rằng trong quân đội ai cũng về Maxkva để làm một việc gì đấy. Cho nên chàng cũng thấy cần phải xin về đấy để thu xếp việc nhà.

Berg đến nhà ông nhạc trên cỗ xe rất lịch sự thắng hai con ngựa hồng béo tốt, bờm và đuôi đen, giống như đúc hai con ngựa của một vị công tước mà chàng quen biết. Chàng chăm chú nhìn những chiếc xe tải ở ngoài sân, và khi bước lên bậc thềm, chàng rút chiếc khăn mùi soa sạch sẽ ra, thắt góc khăn lại thành một cái nút.

Từ phòng ngoài, Berg bước vội vào phòng khách ôm hôn bá tước, hôn tay Natasa và Xônya rồi vội vàng hỏi thăm sức khỏe của bà nhạc. Lão bá tước nói:

– Lại còn hỏi sức khỏe! Nào, anh thử nói tôi nghe nào, quân đội ra sao? Sẽ rút lui hay mở một trận nữa?

Berg nói:

– Thưa ba, chỉ có Thượng đế vĩnh hằng mới có thể định đoạt số phận của tổ quốc. Quân đội thì đang hừng hực tinh thần anh dũng, và hiện nay các vị tư lệnh đang họp hội đồng. Rồi đây sẽ ra

sao thì không biết. Nhưng con xin thưa với ba là nói chung cái tinh thần anh dũng, cái tinh thần quả cảm của quân đội Nga-la-tư, thật xứng đáng với các anh hùng cổ đại, mà họ đã biểu lộ ra trong trận chiến đấu ngày hai mươi sáu thì không có lời nào tả xiết... Con xin thưa với ba rằng (chàng đấm vào ngực đúng như một viên tướng đã từng đấm ngực khi nói mấy câu này trước mặt chàng, tuy chàng đấm có hơi muộn, vì lẽ ra phải đấm ngực đúng vào lúc nói mấy chữ "quân đội Nga-la-tư"), con xin nói thật rằng những người chỉ huy như con không những không phải thúc ép quân sĩ mà lại còn phải kìm bớt những cái... những cái... phải, những chiến công anh dũng chẳng kém gì các anh hùng cổ đại ấy, - câu này chàng nói một hơi rất nhanh. - Ở nơi nào đại tướng Barclay đơ Tolly cũng luôn luôn xông pha ở hàng đầu quân đội. Còn quân đoàn của con thì bố trí ở một sườn núi. Ba thử tưởng tượng xem! - Và đến đây Berg kể lại tất cả những điều chàng còn nhớ được qua những câu chuyện chàng đã nghe kể gần đây. Natasa cứ nhìn chòng chọc vào Berg khiến chàng lúng túng, dường như nàng muốn tìm ở trên mặt Berg một lời giải đáp cho một vấn đề gì đang khiến nàng bận tâm.

- Nói chung cái tinh thần anh dũng mà các chiến sĩ Nga đã biểu lộ ra thì thật không thể nào tưởng tượng cho hết, không thể tìm một lời ngợi khen cho xứng đáng! - Berg vừa nói vừa đưa mắt nhìn sang Natasa, và dường như muốn xin nàng buông tha cho, chàng cười nụ để đáp lại cái nhìn chòng chọc của Natasa... - Chàng nói tiếp: - "Nước Nga không phải ở Maxkva, nước Nga ở trong lòng những người con của nó!". Thưa ba có phải thế không ạ?

Vừa lúc ấy bá tước phu nhân từ trong phòng đi-văng bước ra, vẻ mệt mỏi và bực dọc. Berg vội vã đứng phắt dậy hôn tay phu nhân, hỏi thăm sức khỏe của bà và lắc đầu tỏ ý ái ngại, đứng yên bên cạnh bà.

- Phải, thưa mẹ, con xin nói thật rằng đây là một thời buổi

khó khăn và buồn khổ cho mọi người Nga. Nhưng việc gì phải lo âu? Bây giờ mẹ đi hãy còn kịp...

– Tôi không hiểu hiện nay người ta làm những gì, – bá tước phu nhân nói với chồng, – họ vừa nói với tôi là sửa soạn chưa xong gì cả. Phải có người sai bảo họ với chứ. Thế này đâm ra lại tiếc thằng Mityeuka. Cứ mãi thế này thì rồi không biết đến bao giờ!

Bá tước định nói một câu gì nhưng rồi nghĩ lại thế nào lại thôi. Ông rời ghế đứng dậy đi ra cửa.

Bấy giờ Berg, tuồng như để xỉ mũi, rút khăn mùi soa ra và nhìn cái nút thắt ở góc khăn, nghĩ ngợi một lát, buồn bã lắc đầu một cách có ý nghĩa. Chàng nói:

– A, thưa ba, con có một việc quan trọng cầu xin ba...

– Hả?... – bá tước dừng lại nói.

– Vừa rồi con đi ngang nhà Yuxupov, – Berg tươi cười nói. – Viên quản lý nhà này vốn quen con, chạy ra hỏi xem con có mua gì không. Con ghé vào... ấy, cũng chỉ vì tò mò muốn xem thử. Trong ấy có một cái tủ con và một cái bàn trang điểm thật là... Chắc ba cũng biết rằng Veruska vẫn ước ao có một cái bàn như thế chúng con đã có lần cãi nhau về việc này (khi nói đến chiếc tủ con và cái bàn trang điểm Berg bất giác chuyển sang cái giọng vui mừng mà chàng vẫn thường có mỗi khi nói đến những tiện nghi trong nhà chàng). Trông thích quá: Có nhiều ngăn rút ra được, lại có một cái ngăn kéo bí mật kiểu Anh nữa ba ạ! Veruska muốn có một chiếc từ lâu. Cho nên con muốn cho nhà con một món quà bất ngờ. Ở đây con thấy có nhiều nông dân ở ngoài sân. Ba cho con mượn một đứa, con sẽ cho tiền uống rượu rất hậu và...

Bá tước cau mày và đằng hắng mấy cái.

– Anh hỏi bá tước phu nhân ấy, tôi không biết.

– Nếu phiền thì thôi vậy, – Berg nói. – Nguyên con chỉ muốn làm cho Veruska mừng...

– Chà thôi! Cút hết đi cho rảnh, cút đi, cút đi!... – Lão bá tước quát. – Váng cả đầu lên! – Nói đoạn bá tước bỏ ra ngoài.

Bá tước phu nhân khóc.

– Phải, thưa mẹ, thời buổi thật là khó khăn! – Berg nói.

Natasa theo bố, và có vẻ đang chật vật suy nghĩ điều gì lúc đầu còn đi theo bá tước, nhưng về sau nghĩ thế nào nàng lại rẽ xuống thang gác.

Trên bậc thềm, Petya đang đứng phân phát vũ khí cho các gia nhân sẽ ra khỏi Maxkva. Những chiếc xe tải đã thắng ngựa vẫn đứng ngoài sân. Có hai chiếc đã tháo dây ràng. Một viên sĩ quan, có một người lính cần vụ đỡ, đang leo lên một trong hai chiếc xe ấy.

– Chị có biết vì việc gì không? – Petya hỏi Natasa (Natasa hiểu ngay rằng Petya muốn hỏi vì sao cha mẹ cãi nhau). Nàng không đáp.

– Vì cha muốn nhường tất cả các xe vận tải cho thương binh, – Petya nói. – Vaxilits bảo em thế. Em thì em cho rằng...

– Tao thì tao cho rằng... – Natasa bỗng quay mặt vào Petya nói to gần như quát lên, vẻ giận dữ, – tao cho rằng như thế thật là xấu xa, thật là ti tiện hết sức! Chúng ta có phải là người Đức đâu chứ?... - Cổ nàng nghẹn ngào vì những tiếng nấc. Và sợ rằng cơn giận của mình sẽ giảm bớt nếu để cho nó phát tiết ra một cách vô ích, nàng hấp tấp quay gót và chạy rất nhanh lên thang gác. Berg đang ngồi cạnh bá tước phu nhân, lựa lời kính cẩn và thân mật an ủi bà nhạc. Bá tước tay cầm tẩu thuốc đang đi đi lại lại trong phòng khi Natasa, mặt mày biến sắc đi vì tức giận chạy xổ vào như một trận cuồng phong và bước nhanh về phía mẹ.

- Thật là ghê tởm, thật là ti tiện - Nàng quát lên. Không thể tin là mẹ đã bảo họ làm như vậy được.

Berg và bá tước phu nhân ngơ ngác và kinh hãi nhìn nàng. Bá tước dừng lại bên cửa sổ lắng tai nghe ngóng.

– Mẹ ạ, không thể như thế được; mẹ thử nhìn ra sân mà xem! – nàng thét lên. – Họ phải ở lại đấy!

– Con làm sao thế? Họ là ai? Con muốn làm gì?

– Họ là thương binh ấy! Không thể như thế được mẹ ạ: như thế thì chẳng còn ra làm sao nữa... không phải, mẹ yêu dấu của con ạ, không phải thế, mẹ tha lỗi cho con, mẹ ạ... Mẹ ơi những đồ đạc chúng ta mang theo, đối với nhà ta có nghĩa gì! Chỉ xin mẹ nhìn ra sân mà xem... Mẹ ạ!... Không thể như thế được!...

Bá tước đứng bên cửa sổ nghe Natasa nói, không ngảnh mặt lại. Bỗng ông bắt đầu thở phì phì và ghé mắt sát cửa sổ.

Bá tước phu nhân đưa mắt nhìn con; bà đã thấy cái vẻ hổ thẹn thay cho mẹ trên gương mặt Natasa, bà đã thấy rõ nàng xúc động đến nhường nào, và đã hiểu tại sao chồng bà không ngoảnh mặt lại nhìn bà. Bá tước phu nhân bàng hoàng đưa mắt nhìn quanh.

– Chà, thôi các người muốn làm gì thì làm. Tôi có hề ngăn cản ai đâu! – Phu nhân nói, tuy vẫn chưa chịu thua hẳn.

– Mẹ ơi, mẹ yêu dấu của con, mẹ tha thứ cho con!

Nhưng bá tước phu nhân ẩy con gái ra và lại gần bá tước.

– *Mình ạ* [1] – mình xem nên thế nào thì cứ bảo nó làm... Vừa rồi là vì tôi không rõ. Phu nhân nói, mắt nhìn xuống đất như người có lỗi.

– Trứng... trứng mà lại đòi dạy khôn cho vịt... – bá tước nói nghẹn ngào qua những giọt nước mắt sung sướng ôm hôn phu

1. Ma chère

nhân bấy giờ đang hài lòng được giấu khuôn mặt hổ thẹn của mình vào ngực chồng.

– Ba ơi, mẹ ơi! Cho con đi bảo họ nhé! Nhé?... – Natasa nói. – Chúng ta vẫn sẽ mang theo những thứ gì cần thiết.

Bá tước gật đầu ưng thuận, và Natasa chạy rất nhanh như những khi chơi trò chạy thi, lao mình qua phòng lớn, đâm bổ vào phòng trước và nhảy xuống thang gác ra sân.

Gia nhân vây quanh Natasa và không chịu tin cái mệnh lệnh kỳ quái mà nàng truyền đạt lại, mãi cho đến khi bá tước thân hành thay mặt cho phu nhân ra xác nhận rằng phải nhường tất cả các xe tải cho thương binh, còn rương hòm thì bỏ vào các nhà kho. Nghe xong, gia nhân vui mừng và cần mẫn bắt tay vào công việc mới. Bây giờ không những họ không cho việc này là kỳ quặc, mà ai nấy còn thấy rằng không thể làm cách nào khác thế được.

Tất cả những người ở trong nhà, dường như lấy làm tiếc rằng, đã không làm việc này sớm hơn, đều đon đả bắt tay vào việc xếp chỗ cho các thương binh. Những người bị thương lê ra khỏi phòng, vây quanh lấy mấy chiếc xe tải, gương mặt xanh xao nhưng mừng rỡ. Ở các nhà bên cạnh cũng có tin truyền đi là có xe tải chở thương binh, và những người bị thương nghỉ ở các nhà khác bắt đầu lục tục kéo đến nhà gia đình Rôxtôv. Trong số các thương binh có nhiều người yêu cầu đừng cất bỏ đồ đạc, cứ để cho họ ngồi lên trên. Nhưng đồ đạc đã bắt đầu bỏ xuống rồi và không thể dừng lại được nữa. Để lại tất cả hay để lại một nửa thì những bát đĩa, những tượng đồng, những bức họa, những tấm gương mà đêm qua họ đã ra công xếp đặt cẩn thận như vậy, thế nhưng họ vẫn tìm ra cách bỏ bớt thêm nhiều đồ đạc nữa để có thêm nhiều xe cho thương binh.

– Có thể chở thêm bốn người nữa, – viên quản lý nói, – tôi xin nhường chiếc xe chở đồ đạc của tôi, chứ không thì họ sẽ ra sao?

– Cả chiếc xe chở tủ áo quần của tôi nữa, – bá tước phu nhân nói, – Đunyasa sẽ cùng ngồi xe với tôi cũng được.

Chiếc tủ áo cũng được bỏ xuống, và chiếc xe được đánh đi đón thương binh ở cách đây hai nhà. Tất cả những người trong gia đình cũng như các gia nhân đều phấn trấn vui vẻ. Natasa bấy giờ ở trông một tâm trạng khích động và sung sướng mà đã từ lâu nàng chưa cảm thấy.

Mấy người đầy tớ đang cố buộc một chiếc hòm ở phía sau một cỗ xe. Họ nói:

– Làm thế nào mà buộc bây giờ? Ít ra cũng phải để lại một chiếc xe tải mới được.

– Hòm đựng gì thế? – Natasa hỏi.

– Đựng sách của bá tước.

– Để xuống. Vaxilits sẽ mang cất đi. Sách thì chẳng cần.

Trong xe đã chật ních. Họ băn khoăn hỏi nhau không biết Piotr Ilyots sẽ ngồi vào đâu.

– Ngồi trên ghế xà-ích ấy. Phải không Petya – Natasa gọi to.

Xônya cũng xếp dọn không ngừng tay; nhưng mục đích của nàng ngược hẳn với mục đích của Natasa. Nàng thu xếp những đồ đạc phải bỏ lại kê thành một danh sách theo nguyện vọng của bá tước phu nhân, và cố tìm cách mang theo được từng nào hay từng ấy.

Đến khoảng hơn một giờ trưa bốn cỗ xe nhà của gia đình Rôxtôv chở nặng những đồ đạc và đã thắng ngựa sẵn sàng đứng ở trước thềm. Những chiếc xe tải chở thương binh lần lượt từ trong sân kéo ra.

Chiếc xe song mã chở công tước Anđrêy khi đi ngang trước thềm đã khiến Xônya chú ý; bấy giờ nàng đang cùng một người đày tớ gái xếp chỗ ngồi cho bá tước phu nhân trong chiếc xe cao lớn của bà đỡ ở cạnh thềm.

Xônya ló đầu ra cửa xe hỏi:

– Xe ai thế nhỉ?

– Thế tiểu thư không biết à? – người đày tớ gái đáp. – Xe của vị công tước bị thương, tối qua ngủ lại nhà ta đấy. Xe của công tước sẽ cùng đi với chúng mình.

– Công tước nào? Tên là gì?

– Chàng rể ngày trước của nhà ta đấy mà, công tước Bolkonxki đấy! – người đầy tớ gái thở dài đáp. – Nghe nói sắp chết rồi thì phải.

Xonya nhảy vụt ra khỏi xe và chạy đi tìm bá tước phu nhân lúc bấy giờ đã mặc quần áo đi đường, đội mũ và choàng khăn, vẻ mệt mỏi, đang đi đi lại lại trong phòng khách chờ những người trong gia đình đến để đóng cửa phòng ngồi một lát[1] và cầu nguyện đôi chút trước khi ra đi. Natasa bấy giờ không có mặt ở trong phòng.

– *Mẹ ơi*[2], – Xônya nói, – công tước Anđrêy đang ở đây, bị thương, gần chết. Anh ấy sẽ cùng đi với nhà ta.

Bá tước phu nhân kinh hãi mở mắt ra và nắm lấy tay Xônya lấm lét nhìn quanh, thều thào:

– Natasa?

Đối với Xônya cũng như đối với bá tước phu nhân, tin này thoạt đầu chỉ có một ý nghĩa duy nhất. Họ đều biết rõ Natasa của họ, và mối lo cho tình trạng của nàng khi nàng biết tin này lấn át hết lòng thương cảm đối với con người mà cả hai đều quý mến. Xônya nói:

– Natasa chưa biết; nhưng anh ấy sẽ đi với chúng ta.

– Con vừa bảo là sắp chết à?

.1 Theo phong tục Nga. khi tiễn biệt người đi xa. gia quyến thường ngồi im một lúc.

2. Maman.

Xônya gật đầu.

Bá tước phu nhân ôm chầm lấy Xônya mà khóc.

"Không ai lường hết được những con đường do Chúa định!" – bà nghĩ thầm, lòng cảm thấy trong tất cả những sự việc đang diễn ra đã bắt đầu hiện bàn tay quyền lực vô cùng mà trước kia mắt của con người không thể trông thấy.

– Mẹ ạ xong cả rồi đấy. Mẹ với Xônya có chuyện gì thế... – Natasa chạy vào phòng nói, gương mặt phấn chấn.

– Có chuyện gì đâu, – bá tước phu nhân nói. – Xong rồi à, thế thì ta đi, – Và phu nhân cúi xuống sát chiếc túi thêu để giấu vẻ mặt biến sắc đi vì xúc động. Xônya ôm lấy Natasa và hôn nàng.

Natasa đưa mắt nhìn Xônya có ý dò hỏi:

– Xônya làm sao thế? Có việc gì xảy ra?

– Không... chẳng có gì cả...

Natasa vốn rất tinh ý; nàng hỏi ngay:

– Có chuyện không hay cho em à?... Chuyện gì thế?

Xônya thở dài không đáp. Bá tước, Petya, bà Sox, Vaxilits bước vào phòng khách, họ đóng các cửa lại và mọi người im lặng ngồi xuống một lát, không ai nhìn ai.

Bá tước đứng dậy trước tiên và thở dài đánh phào một cái, đưa tay làm dấu thánh trước bức tượng thánh. Mọi người đều làm theo. Rồi bá tước ôm hôn Mavra Kuzminisna là người sẽ ở lại Maxkva và trong khi họ cầm lấy tay và hôn lên vai ông, bá tước vỗ nhè nhẹ lên lưng họ, miệng lắp bắp mấy câu gì không nghe rõ nhưng rất dịu dàng, ý chừng muốn an ủi họ. Bá tước phu nhân bỏ vào phòng bày tượng thánh, Xônya vào theo thì thấy phu nhân đang quỳ trước những bức tượng còn lại rải rác trên tường (những bức quý nhất, có gắn bó với nhiều kỷ niệm gia đình, thì đều được mang theo).

Trên thềm và trong sân, các gia nhân tùy hành đeo những chiếc dao găm và những thanh gươm mà Petya đã phân phát cho họ, ống quần xỏ vào ủng, mình nai nịt rất chặt, đang từ biệt những người ở lại.

Cũng như ta vẫn thường thấy những khi ra đi, có rất nhiều vật bị bỏ quên hoặc không được xếp đặt chu đáo cho nên hai người hành bộc đứng hai bên cửa xe để chuẩn bị đỡ bá tước phu nhân bước lên bậc phải đứng chờ khá lâu, trong khi mấy người đày tớ gái từ trong nhà mang thêm nào là gối đệm, nào là tay nải chạy ra xe, hết xe này lại đến xe kia, rồi lại chạy vào nhà.

– Các người suốt đời cái gì cũng quên! – Bá tước phu nhân nói. – Mày cũng biết là tao có ngồi được thế này đâu.

Yefim nghiến răng không đáp, gương mặt biểu lộ vẻ oán trách, và nhảy vào xe sửa lại chỗ ngồi.

– Chà, cái bọn này! - Bá tước lắc đầu nói.

Lão Yefim, người xà-ích duy nhất được bá tước phu nhân tin cậy và để cho đánh xe, ngồi ngất ngưởng trên ghế xà-ích, không hề lần nào quay lại nhìn phía sau. Ba mươi năm kinh nghiệm đã cho lão biết rằng còn phải chờ lâu mới nghe câu: "Gửi Chúa!" và ngay đến khi đã ra lệnh lên đường, thì người ta cũng lại bảo dừng xe vài lần để sai người chạy về lấy mấy thứ bỏ quên, và sau đó lại bảo dừng một lát nữa, và tự thân bá tước phu nhân sẽ ló đầu ra cửa xe để dặn dò khẩn khoản lão ta cho xe đi cẩn thận mỗi lần xuống dốc. Lão biết như vậy cho nên lão cứ bình tâm chờ đợi, kiên nhẫn hơn mấy con ngựa, nhất là con ngựa hung thắng bên trái tên là Xokol, lúc bấy giờ đang dẫm chân và cắn hàm thiếc.

Cuối cùng mọi người đã lên xe. Bậc xe đã được nhấc lên và bỏ vào trong, cánh cửa xe đã đóng lại, phu nhân đã cho người chạy trở lại lấy thêm cái tráp, và đã dặn dò khi xuống dốc phải cẩn thận. Lúc bấy giờ Yefim mới chậm rãi cất mũ và làm dấu thánh

giá. Người quản mã và các gia nhân đều làm theo. Yefim đội mũ lên đầu nói:

– Gửi Chúa!

Người mã phu cho ngựa xuất phát. Con ngựa bên phải rướn cổ dưới chiếc vòng càng, những ổ díp cao kêu cót két, và thùng xe lắc lư chuyển đi. Người hành bộc nhảy lên chiếc xà-ích trong khi chiếc xe chuyển bánh. Chiếc xe khi ra đến đường cái vấp bánh vào tảng đá lát đường gập ghềnh và xóc lên một cái; các xe khác khi đi ngang chỗ đó cũng lần lượt xóc lên, và đoàn xe nối đuôi nhau trên đường phố đi ngược lên dốc. Khi đi ngang ngôi nhà thờ ở trước mặt, mọi người ngồi trên xe kiệu, xe mui, xe briska đều làm dấu thánh giá. Các gia nhân ở lại Maxkva đi hai bên đoàn xe, tiễn chân những người ra đi một đoạn.

Natasa ít khi có được một cảm giác vui mừng như bấy giờ khi ngồi cạnh bá tước phu nhân trong cỗ xe ngắm những bức tường của Maxkva đang bị rời bỏ chậm rãi lùi về phía sau. Thỉnh thoảng nàng lại thò đầu ra ngoài cửa xe nhìn ra sau, rồi nhìn về phía trước, xem đoàn xe tải dài chở thương binh đi trước xe họ. Ở quãng đầu của đoàn xe này có thể trông thấy chiếc xe song mã buông mui kín của công tước Andrêy. Nàng không biết người nào đang ở trên xe, nhưng cứ mỗi lần muốn biết vị trí của đoàn xe nàng lại đưa mắt tìm chiếc xe song mã. Nàng biết rằng nó đi đầu cả đoàn.

Ở Kuđrin có mấy đoàn xe tương tự như đoàn xe của nhà Rôxtôv. Từ phố Nikitxkaya, từ Prexnya, từ Pôtnivinxki đổ ra và dọc phố Xadovaya bấy giờ đã có hai hàng xe nhà và xe tải đi song song.

Khi đi vòng quanh tháp Xukharev, Natasa bấy giờ đang tò mò đưa mắt rất nhanh nhìn qua những đám người đi xe và đi bộ, bỗng vui mừng và ngạc nhiên reo to:

– Trời ơi! Mẹ xem kìa, Xônya xem kìa, đúng là anh ấy!

– Ai? Ai?

– Xem kìa, trời ơi, anh Bezukhov đấy! – Natasa nói, người chồm ra ngoài cửa xe nhìn một người cao lớn và to béo mặc áo kaftan kiểu như những người đánh xe ngựa thường mặc, cứ trông dáng người và cách đi đứng cũng rõ là một người quý tộc cải trang, đang đi cạnh một ông già thấp bé không có râu tiến về phía cái cổng tò vò ở tháp Xukharev. Natasa nói:

– Trời ơi, đúng là anh Bezukhov mặc áo kaftan, đi với một ông già bé loắt choắt như trẻ con ấy. Trời ơi, xem kìa, xem kìa!

– Không phải đâu, làm gì có chuyện vô lý thế.

– Mẹ ơi, – Natasa kêu to lên, – không phải anh ấy thì mẹ cứ chặt đầu con đi! Con cam đoan với mẹ như thế. Đứng lại, đứng lại! – nàng thét người đánh xe; nhưng người đánh xe không sao dừng lại được, vì lúc bấy giờ từ phố Messanxkaya lại có thêm những đoàn xe nhà và xe tải kéo ra, họ cứ quát tháo đoàn xe của gia đình Rôxtôv, giục đi đi để khỏi nghẽn lối người khác.

Quả nhiên, tuy bấy giờ xe đã đi cách xa chỗ lúc nãy, mọi người trong gia đình Rôxtôv đều trông thấy Pier, hay là một người nào giống Pier một cách dị thường, mặc áo kiểu kaftan của những người đánh xe, đang bước trên đường phố, đầu cúi gầm và vẻ mặt nghiêm trang, bên cạnh một ông già bé nhỏ không có râu, trông như một người nội bộc. Ông già đã để ý thấy người con gái ở trong cửa xe nhòm ra, và kính cẩn chạm vào khuỷu tay Pier, vừa nói gì với chàng vừa chỉ về phía chiếc xe song mã. Pier hồi lâu không hiểu ông ta nói gì, vì hình như chàng đang mải suy nghĩ miên man. Cuối cùng, khi đã hiểu chàng nhìn theo hướng tay chỉ, nhận ra Natasa và chưa kịp suy nghĩ, chàng lập tức tiến nhanh về phía xe. Nhưng đi được mươi bước, chàng lại như sực nhớ ra điều gì, liền dừng lại.

Natasa bấy giờ đang chồm ra ngoài cửa sổ, gương mặt nàng vụt sáng lên trong một nụ cười trìu mến và chế giễu.

– Anh Piotr Kirilyts! Lại đây nào! Chúng tôi nhận ra anh rồi! Thật là kỳ lạ – nàng giơ tay về phía Pier gọi to. Anh làm sao thế? Sao anh lại mặc thế này?

Pier cầm lấy bàn tay giơ ra và vừa bước vừa hôn lên bàn tay một cách vụng về (vì lúc bấy giờ xe vẫn tiếp tục đi).

– Bá tước làm sao thế? – Phu nhân hỏi, giọng ngạc nhiên và có ý thương xót.

– Làm sao? Tại sao à? Thôi xin miễn hỏi, – Pier nói đoạn đưa mắt nhìn Natasa lúc bấy giờ đang nhìn chàng với đôi mắt sáng long lanh (ngay khi chàng chưa nhìn, Pier cũng đã cảm thấy được luồng mắt của nàng), tỏa ra một ánh sáng huyền diệu đang thấm sâu vào người chàng.

– Anh thì thế nào? Hay là ở lại Maxkva?

Pier im lặng một lát rồi hỏi lại, có vẻ ngơ ngác:

– Ở lại Maxkva? À vâng, Ở lại Maxkva. Thôi xin chào cô.

– Chà giá được làm đàn ông, tôi sẽ ở lại với anh ngay. Ờ, hay quá - Natasa nói. – Mẹ cho con ở lại mẹ nhé.

Pier thẫn thờ nhìn Natasa và toan nói một câu gì, nhưng bá tước phu nhân đã ngắt lời:

– Nghe nói bá tước có dự trận vừa rồi thì phải?

– Vâng, có – Pier đáp. Ngày mai sẽ có thêm một trận nữa – Pier bắt đầu nói, nhưng Natasa đã ngắt lời chàng.

– Nhưng anh làm sao thế? Trông anh lạ quá.

– Thôi, xin đừng hỏi tôi, đừng hỏi nữa, chính tôi cũng chẳng hiểu ra làm sao cả. Ngày mai... à không! Thôi xin chào, xin chào nhé, thời buổi thật là khủng khiếp! – Nói đoạn chàng bỏ đi lên vỉa hè.

Natasa vẫn chồm ra cửa xe, và ánh sáng trong trẻo của nụ cười trìu mến, vui vẻ, hơi giễu cợt của nàng hồi lâu còn chiếu dõi theo Pier.

XVIII

Từ ngày bỏ nhà ra đi mất tích, nghĩa là đã hai hôm nay, Pier trú ở gian nhà trống trải của Bazđeyev, vị ân nhân quá cố. Nguyên đầu đuôi như thế này.

Sáng hôm ấy, sau khi trở về Maxkva và gặp bá tước Raxtopsin, Pier ngủ dậy và ngơ ngác hồi lâu không hiểu mình đang ở đâu và người ta muốn gì mình. Đến khi người nhà vào bảo cho chàng biết tên những nhân vật đang đợi chàng ở ngoài phòng khách, trong đó có một người Pháp mang đến một bức thư của bá tước phu nhân Elena Vaxilievna, chàng bỗng thấy có cái cảm giác bàng hoàng và tuyệt vọng đã nhiều lần khống chế tâm hồn chàng. Chàng bỗng hình dung là bây giờ chẳng còn gì nữa, mọi vật đều hỗn loạn, sụp đổ, không còn có cái gì là phải, cái gì là trái, trước mắt chàng sẽ không còn có triển vọng gì nữa, và không thể có một lối nào thoát ra khỏi tình cảnh hiện nay. Chàng mỉm cười gượng gạo, lắp bắp mấy tiếng gì trong miệng, rồi ngồi phịch xuống đi-văng, người như rã rời ra, rồi lại đứng dậy đến ghé mắt vào khe cửa nhìn ra phòng tiếp khách, rồi lại khoát tay một cái trở về chỗ cũ và vớ lấy một quyển sách. Người quản gia vào bảo Pier một lần nữa rằng cái người Pháp đem thư của bá tước phu nhân lại khẩn khoản xin gặp chàng, dù chỉ một phút cũng được, và có người nhà bà quả phụ ở L.A Bazđeyev đến mời chàng lại nhận sách, vì bản thân bà Bazđeyev thì đã về nhà quê rồi.

– À phải, tôi ra ngay, khoan đã... Hay là thôi.... à không, anh ra nói với họ là tôi sẽ ra ngay, – Pier nói với viên quản gia.

Nhưng viên quản gia vừa ra khỏi thì Pier liền với lấy cái mũ đặt trên bàn và đi cửa sau ra khỏi phòng làm việc. Trong hành lang không có ai cả. Pier đi hết dãy hành lang dài đến cầu thang nhăn mặt, đưa tay lên xoa trán rồi đi xuống thang gác cho đến chỗ trạm hàng thứ nhất. Người gác cổng đang đứng ở trước cửa chính. Từ chỗ đầu cầu thang Pier đang đứng, có một cái cầu thang khác đưa ra cửa sau. Pier đi theo cầu thang ấy và ra sân. Không có ai trông thấy chàng cả. Nhưng ở ngoài phố, khi chàng vừa ra khỏi cổng, thì mấy người xà-ích đứng bên xe và người gác cổng nhận ra chủ nhân và cất mũ chào chàng. Cảm thấy mắt họ đang đổ dồn vào mình, Pier liền hành động như con đà điểu rúc đầu vào bụi để cho người ta đừng trông thấy mình: chàng cúi đầu và rảo bước đi thật nhanh ra ngoài phố.

Trong tất cả các công việc mà Pier phải làm sáng hôm ấy, chỉ có việc đến lựa sách vở và giấy tờ của Ioxip Alekxeyevits là quan trọng hơn cả.

Gặp một chiếc xe thuê, chàng gọi ngay và bảo đánh đến đầm Patriarsi, nơi bà quả phụ Bazđeyev ở.

Ngồi trên xe, chàng cứ đưa mắt chung quanh nhìn những đoàn xe đang kéo ra ngoài thành Maxkva, và chốc chốc lại ngồi lại cho ngay ngắn để cho cái thân hình to béo của chàng khỏi tụt ra ngoài chiếc xe cũ kỹ chạy lắc lư. Chàng có một cảm giác vui mừng như cảm giác một đứa trẻ vừa trốn được ra khỏi trường học. Pier bắt chuyện với người xà-ích.

Người xà-ích kể cho chàng nghe là hôm nay ở điện Kreml sẽ phát vũ khí, và đến mai người ta sẽ lùa hết dân ra cửa ô Tri Goru, và ở đấy sẽ có một trận đánh lớn.

Đến Đầm Patriarsi, Pier đi tìm căn nhà của Bazđeyev, nơi

mà đã lâu nay chàng không lui tới. Chàng đến gần cổng vườn. Gheraxim, ông già vàng võ, thấp bé mà năm năm về trước Pier đã từng gặp đi với Ioxip Alekxeyevits ở Torjok, nghe chàng đấm cổng liền chạy ra.

– Có ai ở nhà không? – Pier nói.

– Thưa đại nhân, vì tình hình hiện nay, bà Xofya Đanilovna đã đưa các cháu về làng Torjok rồi ạ.

– Tôi cũng cứ vào, tôi phải đến lựa sách, – Pier nói.

– Xin ngài cứ vào ạ, xin mời ngài, - người lão bộc nói. – Người em trai của ông Ioxip Alekxeyevits (Chúa cứu vớt lấy linh hồn người) là Makar Alekxeyevits hiện ở lại đây, và như ngài cũng rõ, ông ấy... dở hơi.

Pier biết rằng Makar Alekxeyevits, em trai của Ioxip Alekxeyevits, là một người dở điên dở dại, suốt ngày uống rượu.

– Phải, phải, tôi biết. Ta vào đi, ta vào đi.... – Pier nói đoạn bước vào nhà. Một ông già cao lớn, đầu hói, mũi đỏ, đi chân không trong đôi giày bọc[1] đang đứng ở cửa ra vào, trông thấy Pier, ông ta có vẻ phật ý, càu nhàu mấy tiếng gì không rõ và đi vào hành lang. Gheraxim nói:

– Trước kia ông ấy thông minh lỗi lạc, nhưng bây giờ, ngài cũng thấy đấy, bây giờ ông ấy dở hơi. Vào phòng làm việc chứ ạ? – Pier gật đầu. – Phòng này đã được niêm phong, bây giờ vẫn y nguyên. Nhưng bà Xofya Đanilovna đã dặn là hễ có người nhà ngài đến thì giao sách lại.

Pier bước vào. Đây chính là căn phòng làm việc âm u mà hồi vị ân nhân còn sống cứ mỗi lần vào, chàng lại bồi hồi xúc động. Căn phòng ấy bây giờ đã phủ bụi và không có ai động đến từ ngày Ioxip Alekxeyevits qua đời, nên lại càng có vẻ u ám thêm.

1. Loại giày cao-su đi ra ngoài ủng cho khỏi ẩm, chỉ dùng để đi ra ngoài khi trời rét.

Gheraxim mở một cánh cửa sổ và rón rén bước ra khỏi phòng. Pier đi quanh căn phòng làm việc, lại gần chiếc tủ đựng các thủ cảo và lấy ra một tập giấy. Đây là một trong những thành tích quý giá nhất của hội: tập hiến chương Tô-cách-lan chính bản có những lời ghi chú và thuyết minh của vị ân nhân. Chàng ngồi xuống trước cái bàn giấy phủ bụi và đặt tập thủ cảo trước mặt giở ra, gấp lại một lát rồi ẩy ra xa, chống khuỷu tay ôm đầu suy nghĩ.

Đã mấy lần Gheraxim thận trọng ghé nhìn vào phòng mà vẫn thấy Pier ngồi ở tư thế đó. Hơn hai giờ trôi qua, Gheraxim đánh bạo làm ồn ở ngoài cửa để Pier chú ý. Nhưng Pier không nghe thấy gì cả.

– Thưa ngài cho chiếc xe thuê đi chứ ạ?

– À phải, – Pier sực tỉnh và vội vàng đứng dậy. – Này bác Gheraxim, – chàng nói, rồi nắm lấy khuy áo ngoài của người lão bộc, chàng đưa đôi mắt ướt sáng long lanh và hứng khởi từ trên cao nhìn xuống Gheraxim. – Này bác, bác cũng biết là ngày mai sẽ có một trận đánh nhau chứ?

– Nghe họ bảo thế, – Gheraxim đáp.

– Tôi yêu cầu bác đừng nói cho ai biết tôi là ai. Và bác hãy làm theo những điều tôi bảo...

- Xin vâng lệnh, - Gheraxim nói. – Bẩm ngài có muốn tôi dọn thức ăn không ạ?

– Không, tôi cần cái khác kia. Tôi cần một bộ quần áo nông dân và một khẩu súng ngắn, – Pier nói đoạn bỗng đỏ mặt.

Gheraxim ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Xin vâng lệnh ạ.

Suốt ngày hôm ấy, Pier ngồi lại một mình trong gian phòng làm việc của vị ân nhân, bứt dứt đi từ góc này sang góc nọ (Gheraxim nghe rõ bước chân của chàng và đoán biết như vậy),

mồm lắp bắp nói một mình, và đêm hôm ấy chàng ngủ lại trong chiếc giường dọn cho chàng ngay trong phòng làm việc.

Và thói quen của một người đày tớ đã từng trông thấy nhiều điều kỳ lạ trong đời mình, Gheraxim không ngạc nhiên khi thấy Pier đến ở như vậy, lão lại còn có vẻ hài lòng là đã có một người để mà hầu hạ. Ngay tối hôm ấy, không hề tự hỏi xem tại sao Pier lại cần những thứ đó làm gì, lão đi kiếm cho chàng một cái áo kaftan, một cái mũ chụp và hứa là đến mai sẽ kiếm khẩu súng ngắn.

Tối hôm ấy Makar Alekxeyevits hai lần đi giày bọc lẹp kẹp đến gần cửa sổ rồi đứng lại nhìn Pier có vẻ khúm núm. Nhưng Pier vừa quay mặt lại thì hắn ta lộ vẻ xấu hổ và tức giận, khép vạt áo dài ngủ và vội vã lảng đi. Trong ki Pier mình mặc chiếc áo kaftan của anh xà-ích mà Gheraxim đã kiếm được và đã dùng hơi nước giặt cho chàng, cùng người lão bộc đến tháp Xukharev để mua súng ngắn, chàng đã gặp gia đình Rôxtôv.

XIX

Đêm mồng tám tháng chín Kutuzov ra lệnh cho quân đội Nga rút qua Maxkva kéo ra con đường Ryazan.

Những đoàn quân đầu tiên khởi hành từ lúc đang đêm. Trong đêm tối, các đạo quân bước không vội vã, chậm rãi và tuần tự chuyển đi; nhưng vào lúc tờ mờ sáng, khi tiến đến gần cầu Đorogomilov, họ trông thấy ở phía trước mặt, bên kia sông, có những đoàn quân đông nghìn nghịt đang vội vã chen chúc nhau bên cầu, kéo lên ùn ùn chật cả đường phố và ngõ hẻm, và ở phía sau lại có những đám quân dày đặc đang thúc họ. Và một cảm giác sốt ruột, hối hả, một nỗi hoang mang vô cớ bỗng tràn vào

đám quân. Mọi người đều ùa lên phía trước, về phía cầu, chạy lên cầu, đổ xô xuống những chiếc thuyền và những chỗ nông có thể lội qua được, Kutuzov ra lệnh dẫn ông đi vòng qua những phố chu vi, sang bờ bên kia sông Maxkva.

Vào khoảng mười giờ sáng ngày mồng hai tháng chín, trong khu ngoại Đorogomilov rộng thênh thang, người ta chỉ thấy còn lại những đơn vị của đạo hậu quân. Đại quân đã kéo hết sang bên kia sông và ra khỏi thành Maxkva.

Cũng vào lúc ấy, hồi mười giờ sáng ngày mồng hai tháng chín, Napôlêông đang đứng ở giữa các đạo quân trên đồi Pokonny đưa mắt nhìn cái quang cảnh đang mở rộng ra trước mặt mình. Kể từ ngày hai mươi sáu tháng tám cho đến mồng hai tháng chín, từ khi diễn ra trận Borođino cho đến khi quân địch tiến vào Maxkva, suốt trong tuần lễ rộn ràng và đáng ghi nhớ ấy, ngày nào cũng có cái thời tiết mùa thu khác thường bao giờ cũng làm cho lòng người phải bỡ ngỡ, khi mặt trời như thấp xuống, tỏa một ánh nắng ấm hơn mùa xuân, và trong làn không khí loãng và trong, mọi vật đều ánh lên sáng ngời trông chói cả mắt; khi mà lồng ngực thấy khỏe khoắn và mát mẻ vì thở làn không khí thơm ngát của mùa thu; khi mà ngay cả ban đêm trời vẫn ấm áp, và trong những đêm tối tăm ấm áp ấy những ngôi sao liên tiếp đổi ngôi tỏa thành những vệt bụi vàng khiến lòng người sợ hãi và vui mừng.

Ngày mồng hai tháng chín, hồi mười giờ sáng, khí trời cũng như vậy. Ánh sáng ban mai thật là thần diệu. Từ ngọn đồi Pokkonny trông xuống, Maxkva trải rộng ra bát ngát với con sông, với những khu vườn, những ngôi nhà thờ của nó, và tưởng chừng như đang sống cuộc sống mọi ngày, với những ngọn tháp mái vòm rung rinh trong ánh nắng, lấp lánh như những vì sao.

Đứng trước cái thành phố kỳ lạ với những đường nét chưa hề thấy của một kiểu kiến trúc khác thường, Napôlêông có cái cảm giác hiếu kỳ phảng phất lòng lo âu và ganh tị mà người ta thường

có khi trông thấy những hình thức sinh hoạt xa lạ không hề biết đến mình. Rõ ràng là thành phố này đang sống với tất cả sức sống mãnh liệt của nó. Có những dấu hiệu khó nói rõ, nhưng cho phép người ta dù ở cách xa vẫn có thể phân biệt không lầm lẫn một thân thể đang sống với một thây ma. Từ ngọn đồi Poklonny, Napôlêông trông thấy cuộc sống đang rộn ràng trong thành phố và cảm thấy cái thân thể lớn lao và đẹp đẽ ấy dường như đang thở phập phồng.

Ai đã là người Nga, khi nhìn vào Maxkva cũng phải cảm thấy rằng đây là người mẹ của mình; một người ngoại quốc thì khi nhìn tuy không hiểu cái ý nghĩa mẹ hiền của nó, cũng phải cảm thấy cái bản sắc phụ nữ của thành phố này. Napôlêông cũng cảm thấy điều đó.

– Cái thành phố Á đông với vô số nhà thờ này, Maxkva thành phố thần thánh! Nó kia rồi, cái thành phố lừng lẫy ấy! Thật đã đến lúc[1] – Napôlêông nói đoạn xuống ngựa và sai trải ra trước mặt một bản địa đồ của cái thành phố Môxcu[2] này, rồi cho gọi phiên dịch viên Lêlorm Điđivl lại.

"Một thành phố bị địch chiếm đóng cũng giống như một người con gái đã mất danh tiết"[3] – ông nghĩ thầm (trước đây ở Xmolenxki ông cũng đã từng nói với Tutskov như vậy). Và dưới nhãn quan ấy ông ngắm nhìn nàng mỹ nữ phương Đông đang nằm trước mặt ông ta, nàng mỹ nữ mà xưa nay ông chưa từng được nom thấy. Bản thân ông ta cũng phải lấy là quái lạ rằng niềm ước vọng mà ông ta hằng ấp ủ từ lâu và vẫn có cảm tưởng như không thể nào thực hiện được, bây giờ đây đã thành sự thực. Trong ánh sáng trong trẻo của buổi ban mai, ông đưa mắt hết nhìn vào thành phố lại nhìn tấm địa đồ, kiểm tra lại từng chi tiết trong thành phố. Và lòng tin

1. Cette ville asiatique aux innombrables égleses, Moscou la sainte. La voilà donc enfin, cette fameuse ville! Ilétait temps.

2. Moscou.

3. "Une ville occupée par l'ênnmi Ressemble à une fille qui a perdu son honneur".

tưởng chắc chắn là mình sắp chiếm hữu được thành phố này khiến ông bồi hồi và kinh hãi.

"Nhưng có thể nào lại khác đi được? – Ông thầm nghĩ. – Nó đây rồi, cái kinh đô ấy đang nằm dưới chân ta, chờ đợi người ta định đoạt số phận của nó. Bây giờ vua Alekxandr ở đâu? Ông ta nghĩ gì? Thật là một thành phố kỳ dị, đẹp đẽ và hùng vĩ! Và giây phút này cũng đẹp đẽ và hùng vĩ làm sao! – Nghĩ đến quân sĩ, Napôlêông tự hỏi: – Họ sẽ nhìn ta như thế nào đây? Nó đây rồi, món quà thưởng cho tất cả những kẻ thiếu lòng tin ấy, – Napôlêông thầm nghĩ trong khi nhìn bọn cận thần và những đoàn quân đang tiến lại gần và dàn thành hàng ngũ. – Chỉ cần ta nói một lời, chỉ cần ta vẫy tay một cái, thì cả kinh đô cổ kính của các Sa hoàng[1] sẽ thành tro bụi. *Nhưng lòng khoan dung của ta bao giờ cũng sẵn sàng soi xuống những kẻ chiến bại*[2]. Ta phải có đại lượng và hoạt động như một vĩ nhân chân chính... Nhưng không, không phải ta đã ở Maxkva thật đâu, – ý nghĩa đó vụt thoáng qua trí óc Napôlêông.

– Thế nhưng chính nó đang nằm dưới chân ta, với những mái tháp vòm khum và những chiếc thập tự thiếp vàng đang lung linh trong ánh nắng. Nhưng ta sẽ để cho nó được nguyên vẹn. Trên những di tích cổ kính của man rợ và chuyên chế, ta sẽ viết lên hai chữ công lý và khoan hồng cao cả... Chính cái đó sẽ làm cho Akekxandr thấm thía và xót xa hơn cả, ta biết rõ con người ấy. (Napôlêông có cảm tưởng là ý nghĩa chủ yếu của những việc đang xảy ra bao gồm trong cuộc tranh chấp cá nhân giữa mình với Alekxandr). Từ trên điện Kreml cao chót vót – phải, đó chính là điện Kreml, – ta sẽ ban cho họ những đạo luật của công lý, ta sẽ cho họ thấy thế nào là một nền văn minh chân chính, ta sẽ làm cho con cháu những người boyar[3] phải nhắc nhở một cách trìu mến tên tuổi của những người đã chinh phục họ. Ta sẽ nói với

1. Des Czars.
2. Mais ma clémence est toujours prompte à descendre sur les vaincus.
3. Đại quý tộc Nga, chỗ dựa của Sa hoàng (bãi bỏ từ năm 1750).

phái đoàn của họ rằng trước kia cũng như bây giờ ta không hề muốn chiến tranh; rằng sở dĩ ta tiến hành một cuộc chiến tranh chỉ là vì muốn chống lại cái chính sách man trá của triều đình họ, rằng ta yêu quý và kính trọng Alekxandr và ở Maxkva ta sẽ chấp nhận các điều khoản hòa ước xứng đáng với ta và với các dân tộc được ta trị vì. Ta không muốn lợi dụng những thắng lợi trong cuộc chiến tranh để làm nhục nhà vua đáng kính. Ta sẽ nói với họ: hỡi các vương công, ta không muốn chiến tranh, ta muốn hòa bình và hạnh phúc cho tất cả các thần dân của ta. Vả chăng ta cũng biết rằng khi có mặt họ, lòng ta sẽ cảm hứng, và ta sẽ nói với họ như ta vẫn thường nói xưa nay: rõ ràng, trang trọng và cao cả. Nhưng thế ra ta đã đến Maxkva thật ư? Phải, chính nó kia rồi!".

– *Truyền cho dẫn các boyar Nga đến gặp ta*[1] – Napôlêông quay lại nói với đoàn tùy tùng. Một viên tướng lập tức phi ngựa đi tìm đoàn boyar, cùng với một tốp sĩ quan hầu cận sang trọng.

Hai giờ trôi qua, Napôlêông ăn điểm tâm rồi trở lại đứng ở chỗ cũ, trên đồi Poklonny, đợi đoàn đại biểu đến. Những lời sẽ nói với các vương công kia đã hình thành rõ rệt trong trí tưởng tượng của Napôlêông. Bài diễn từ ấy sẽ có đủ cái tư cách chững chạc, cái phong vị cao cả đúng như Napôlêông quan niệm.

Cái giọng khoan dung mà Napôlêông định sử dụng ở Maxkva làm cho bản thân ông ta thấy say sưa. Trong tưởng tượng, ông ấn định những ngày hội họp trong cung điện các Sa hoàng[2] trong những buổi họp đó, các vương công Nga sẽ gặp mặt các đại thần của hoàng đế Pháp. Ông bổ nhiệm trong trí óc một viên tổng đốc biết cách lấy lòng dân. Được biết rằng ở Maxkva có nhiều tổ chức từ thiện, ông quyết định trong tưởng tượng là sẽ ban cấp rất nhiều ân huệ cho các tổ chức này. Ông nghĩ rằng nếu ở châu Phi phải

1. Qu'on m'amène les boyards.
2. Réunion dans le palais des Czars.

mặc áo burnu ngồi trong đền Hồi giáo, thì ở Maxkva cũng phải có lòng từ thiện như các Sa hoàng. Và để làm cho người Nga cảm động đến tận đáy lòng, – cũng như mọi người Pháp, ông không thể tưởng tượng ra một cái gì cảm động mà lại không nhắc nhở đến người mẹ yêu dấu, người mẹ dịu hiền, người mẹ đáng thương của tôi – Napôlêông quyết định là trên tất cả các tòa nhà từ thiện ấy sẽ ra lệnh đề bằng chữ lớn: Tòa nhà này dâng mẹ tôi. Không chỉ nên đề: Nhà của mẹ tôi – ông tự nhủ như vậy. – "Nhưng thế ra ta ở Maxkva thật rồi ư? Phải, đây, nó đang ở trước mắt ta. Nhưng sao đoàn đại biểu thành phố mãi vẫn chưa thấy đến?".

Trong khi đó, ở các hàng phía sau của đoàn tùy giá, các tướng quân và thống soái của hoàng đế đang thì thầm bàn bạc với nhau rất sôi nổi. Những người được phái đi tìm đoàn đại biểu đã trở về báo tin rằng Maxkva nay không còn lấy một bóng người, dân cư đều đã bỏ đi hết, kẻ đi xe, người đi bộ. Gương mặt những người đương bàn tán đến tái mét và lộ vẻ khích động. Họ kinh hãi không phải vì thành Maxkva đã bị dân chúng rời bỏ (tuy biến cố này cũng có vẻ rất quan trọng), mà lại vì không biết nên báo tin này với hoàng đế như thế nào cho khỏi đặt ngài vào cái tình trạng đáng sợ mà người Pháp gọi là *le ridicule*[1], không biết làm thế nào để tâu lại với ngài là ngài chờ đợi bọn boyar lâu như vậy chỉ uổng công, là quả có những đám người say rượu ở trong thành, nhưng ngoài ra chẳng còn ai nữa. Người thì nói rằng thế nào cũng phải tập hợp cho kỳ được một đoàn đại biểu nhì nhằng gì đó, người thì bác lại ý kiến này và bảo rằng cần phải khôn khéo và thận trọng chuẩn bị tư tưởng cho hoàng thượng rồi tâu rõ sự thật để ngài biết.

– *Dù sao thì cũng phải tâu để ngài rõ*[2],... – các vị trong đoàn tùy giá nói – Nhưng, thưa các ngài[3]... tình thế lại càng nan giải

1. Lố bịch.
2. Il faudra le lui dire tout de même.
3. Mais, messieurs.

hơn nữa là vì hoàng đế bây giờ đang kiên nhẫn đi đi lại lại trước tấm địa đồ suy nghĩ đến những kế hoạch phô trương lòng khoan dung đại độ của mình, thỉnh thoảng lại đưa tay lên che mắt nhìn xuống con đường dẫn vào Maxkva, môi mỉm một nụ cười vui vẻ và kiêu hãnh.

– *Nhưng không thể như vậy được*[1] – các ngài trong đoàn tùy giá nhún vai nói; họ không sao dám nói lên cái chữ kinh khủng mà họ đều nghĩ thầm trong bụng: *ridicule*[2].

Trong khi đó hoàng đế chờ mãi chẳng thấy gì đã phát chán, và với các trực giác bén nhạy của người kép hát, ngài đã cảm thấy rằng cái phút uy nghi này kéo dài quá lâu nên đã bắt đầu mất cái tính chất uy nghi của nó. Ngài liền vẫy tay ra hiệu. Một phát súng lệnh đơn độc nổ vang, và các đoàn quân đang vây bọc Maxkva liền tiến về các cửa ô Tver, Kaluga và Đorogomilov. Các đoàn quân tiến mỗi lúc một nhanh, đơn vị này vượt qua đơn vị kia, bộ binh thì chạy, kỵ binh thì phóng nước kiệu, che phủ trong những đám bụi mù mịt do họ tung lên, và reo hò vang dậy, tiếng reo hò hòa lẫn vào nhau, làm chấn động cả một góc trời.

Bị thế quân tiến ào ạt lôi cuốn theo, Napôlêông cùng quân sĩ cưỡi ngựa đến cửa ô Đorogomilov, nhưng đến đây ông ta lại dừng lại, xuống ngựa, và đi đi lại lại hồi lâu trước bức thành của tòa Kamer Kolejxki, chờ đoàn đại biểu.

1. Mais c'est impossible...
2. Lố bịch.

XX

Trong khi đó thì Maxkva đã trống rỗng. Trong thành phố cũng hãy còn có người, một phần năm mươi trong số dân cư vẫn còn ở lại, nhưng thành phố vẫn trống rỗng. Nó trống rỗng như một tổ ong đã mất chúa đang thoi thóp chết dần.

Trong một cái tổ ong đã mất con ong chúa rồi thì không còn có sự sống nữa, nhưng nếu chỉ nhìn hời hợt bên ngoài thì nó cũng có vẻ sinh động như những tổ khác.

Dưới những tia nắng nóng ran của mặt trời buổi trưa, ong vẫn bay lượn thành vòng quanh cái tổ mất chúa, cũng như quanh các tổ ong còn sống; từ xa cũng ngửi thấy mùi mật trong tổ đưa ra, những con ong thợ vẫn bay ra bay vào như cũ. Nhưng chỉ cần ghé mắt nhìn kỹ vào tổ cũng đủ hiểu rằng ở đấy không còn có sự sống nữa. Ong tuy có bay nhưng không phải như ở các tổ còn sống, mùi mật và tiếng vo ve cũng chẳng phải là cái mùi mật và cái tiếng vo ve bình thường, khiến người nuôi ong phải kinh ngạc. Khi người nuôi ong gõ vào vách cái tổ ong có bệnh, thì không hề nghe tiếng vo ve đều đều lập tức đáp lại như trước kia, tiếng của hàng vạn con ong chồng ngược thân sau lên và phậy cánh vù vù gây nên cái âm thanh nhẹ nhàng như hơi thở của sự sống, – ở đây chỉ có những tiếng vù vù rời rạc, mỗi tiếng một phách, từ góc này góc khác của tổ ong trống rỗng phát ra. Từ cửa tổ không còn phảng phất cái mùi thơm ngát, nồng say của mật ong và nọc ong, không còn tỏa ra cái hơi ấm của sự no đủ như trước nữa; mà trong mùi mật có lẫn cả cái mùi của sự trống trải và tan rữa. Ở cửa tổ không còn có những quân canh mẫn cán cong đít lên sẵn sàng hy sinh

để bảo vệ tổ. Không còn cái âm thanh khe khẽ và đều đều như tiếng nước sôi báo hiệu công cuộc lao động đang rầm rộ tiến hành, chỉ nghe có tiếng ồn ào rời rạc, lạc điệu của cảnh hỗn độn. Những con ong kẻ cướp mình đen và dài bê bết những mật bay ra bay vào một cách rụt rè mà khéo léo; chúng không đốt người, mà lại lẩn tránh nguy hiểm. Trước kia chỉ có những con ong mang nhụy hoa bay vào tổ, còn những con bay ra thì bay mình không; bây giờ thì những con bay ra cũng mang mật theo ra. Người nuôi ong mở ngăn dưới của tổ ong ra xem. Trước kia những đám ong đen kịt, bụng đầy mật, yên tĩnh vì đã làm việc nhiều, chân con này bám vào chân con kia thành chùm treo xuống tận đáy, những con ong bò đi kéo sáp trong tiếng rì rào không ngớt của lao động, thì bây giờ chỉ còn thấy những con ong khô héo, ngái ngủ, vật vờ đi lang thang trên thành và trên đáy tổ. Trước kia tấm sàn phết nhựa được cánh ong quạt sạch bóng, thì nay trên sàn ngổn ngang những mảnh sáp, những mảnh cứt ong, những con ong chết dở chỉ còn khẽ cựa chân và những con ong đã chết hẳn còn bỏ đó.

Người nuôi ong mở ngăn trên ra xem. Trước kia từng dãy ong dày đặc bịt kín tất cả các ngăn mật và sưởi ấm cho trứng ong, thì bây giờ chỉ thấy cái cơ cấu tinh vi phức tạp của các ngăn sáp, nhưng không còn cái vẻ trinh bạch như cũ nữa. Tất cả đều bị bỏ lại và đã ô uế. Những con ong đen kẻ cướp lấm lét trườn đi rất nhanh trên các công trình cũ; những con ong nhà, khô héo, teo tóp, uể oải như già cỗi hẳn đi, lê bước chậm chạp, không làm vướng ai, không còn mong muốn gì nữa và đã mất hết ý thức về cuộc sống. Những con ong vẽ, ong bầu, những con nhặng và những con bươm bướm bay quờ quạng húc đầu vào vách tổ. Đây đó, giữa các bánh sáp lác đác những con ong con đã chết và những đám mật, thỉnh thoảng lại nghe những tiếng vù vù bất mãn; ở đâu đấy hai con ong theo thói quen cũ đang dọn tổ, chúng cẩn thận cố sức kéo lê một cái xác ong hay một con nhặng chết ra ngoài tuy cũng

chẳng biết để làm gì. Trong một góc khác hai con ong già uể oải đánh nhau, hoặc chuốt mình cho sạch, hoặc mớm cho nhau ăn, tuy cũng chẳng biết mình làm như vậy là có ý thân thiện hay thù địch. Ở một chỗ thứ ba, một đám ong xéo cả lên nhau ùa vào đánh túi bụi một con bọ cho kỳ chết. Thỉnh thoảng một con ong đã mệt lả hay bị giết chết từ từ rơi xuống đống xác chết, nhẹ như một chiếc lông tơ. Người nuôi ong giở hai bánh sáp ở giữa ra để xem tổ trứng. Trước kia hàng ngàn con ong quay lưng vào nhau bày thành những vòng tròn đen kịt bảo vệ những điều bí ẩn tối cao của sự sinh nở, thì nay chỉ thấy vài trăm cái xác ong rầu rĩ, chết dở và mụ mẫm. Chúng đã chết gần hết, mà không hay biết gì, chúng ở lại trong ngôi miếu linh thiêng mà trước kia chúng đã bảo vệ và ngày nay không còn nữa. Chúng tỏa ra một mùi thối rữa và chết chóc. Chỉ còn một vài con nhúc nhích, nhổm dậy, bay vật vờ và đậu lên tay kẻ thù, không còn đủ sức để đốt kẻ thù ấy và đồng thời tự hy sinh. Những con kia thì đã chết hẳn, chúng từ từ rơi xuống đáy tổ như những chiếc vẩy cá. Người nuôi ong đóng ngăn lại, lấy phấn đánh dấu cái tổ hỏng để sẽ đạp vỡ và thiêu huỷ nó đi.

Maxkva cũng trống trải như vậy khi Napôlêông, mệt mỏi, lo lắng và cau có, đang đi đi lại lại trước bức thành của tòa Kamer Kokejxki, chờ đợi cái dấu hiệu của việc tôn trọng nghi thức tuy chỉ là bề ngoài, nhưng theo quan niệm của ông ta thì rất cần thiết: đoàn đại biểu.

Trên các nẻo đường, trong các xó xỉnh của thành Maxkva chỉ còn những con người cử động một cách vô nghĩa, tuân theo những tập quán cũ và không hiểu mình đang làm gì.

Khi người ta đã báo tin cho Napôlêông với tất cả sự thận trọng cần thiết rằng Maxkva trống rỗng, ông ta giận dữ đưa mắt nhìn người đến báo tin rồi quay phắt đi và lặng lẽ tiếp tục đi đi lại lại.

– Đưa xe lại đây, – ông ta nói.

Napôlêông bước lên xe ngồi cạnh viên sĩ quan hành dinh trực nhật và đi vào khu ngoại ô.

"Maxkva không người. Thật là một sự việc khó tin!"[1] Ông tự nhủ thầm. Ông ta không đi thẳng vào thành phố, mà đỗ lại một quán trọ ở ô Đorogomilov.

Đòn kịch đột biến đã thất bại[2].

XXI

Quân đội Nga kéo qua Maxkva từ hai giờ đêm cho đến hai giờ trưa, lôi cuốn những người dân phố và những thương binh cuối cùng đang rời bỏ kinh đô.

Trong khi chuyển quân, chen chúc dữ dội nhất là lúc trẩy qua các cầu Kamenny, Muxkvoretxki và Yauxki.

Trong khi các đạo quân trước kia rẽ đôi ra hai dòng bên thành Kreml đã trở lại gặp nhau trên hai chiếc cầu Kamenny và Muxkivoretxki, thì một số lớn quân lính, thừa lúc mọi người đang dừng lại và chen chúc, đã lẻn về phía sau và lặng lẽ đi dọc nhà thờ Vaxili Blajenny, qua cửa Borovixki, len lên dốc tiến về phía Hồng trường, là nơi mà họ đánh hơi thấy có thể dễ dàng lấy cắp của cải người khác. Cũng một đám người như thế dồn vào chật ních cả cái xỏ xỉnh của khu bán hàng Goxtiny Đvor như những khi người ta kéo nhau đến mua hàng rẻ giá. Nhưng bây giờ không hề nghe thấy những tiếng mời mọc ngọt ngào và bùi tai của những người bán hàng, cũng không thấy những người bán rong và đám phụ nữ mua hàng mặc những bộ áo đủ các màu sắc – chỉ có những

1. "Moscau déserte. Quel événement invraisemblable!".
2. Le coup de théâtre avait raté.

bộ quân phục, những tấm áo ca–pốt của những người lính không có súng, lặng lẽ kéo nhau vào hai tay không, rồi lại lặng lẽ đi ra, mang theo những đồ đạc lấy cắp được. Những người lái buôn và những người bán hàng (số người này rất ít), đi lại giữa đám quân lính, có vẻ như những người bị lạc, mở cửa hàng ra rồi lại đóng lại và thân hành cùng với những người phụ việc mang hàng đi đâu không rõ.

Trên quảng trường sát cạnh Goxtiny Đvoy, mấy người lính đánh trống đã được lệnh đánh trống hiệu tập họp. Nhưng tiếng trống không tập họp được lũ lính tráng đi ăn trộm, mà lại làm cho họ lảng xa hơn. Trong các cửa hiệu và trong các ngõ hẻm, giữa đám quân lính thấp thoáng những người mặc áo kaftan xám, đầu cạo trọc. Hai viên sĩ quan, một người khoác một chiếc khăn san trên quân phục, cưỡi một con ngựa gầy màu xám thẫm, và một người mặc áo khoác dài đi bộ, đang đứng ở góc phố Ilinka bàn bạc việc gì không rõ. Một viên sĩ quan thứ ba phi ngựa lại gần họ.

– Tướng quân ký lệnh là phải làm thế nào đuổi ngay bọn lính ra ngoài cho kỳ được. Thật chẳng còn ra cái thể thống gì nữa! Quân lính bỏ hàng ngũ chạy trốn mất một nửa rồi còn gì!

– Mày đi đâu?... Chúng mày đi đâu?... – viên sĩ quan quát ba người lính bộ binh không có súng, đang vén vạt áo ca–pốt đi luồn qua mắt ông ta để lẻn vào các cửa hàng. – Đứng lại, đồ chó má!

– Ông cứ thử tập hợp chúng lại mà xem - viên sĩ quan kia đáp – không được đâu mà; tốt hơn là hãy hành quân cho nhanh để những đứa còn lại đừng bỏ trốn nốt, chỉ có cách ấy thôi!

– Hành quân thế nào? Cứ chen chúc mãi ở trên cầu, có tiến lên được chút nào đâu? Hay là đặt một hàng rào lính gác để những đứa còn lại khỏi bỏ trốn.

Người sĩ quan cấp cao nhất quát:

– Kìa, thì các ông đến đấy mà đuổi chúng ra đi chứ!

Người sĩ quan quàng khăn xuống ngựa, thét gọi người lính đánh trống và cùng anh ta đi vào cổng tò mò. Một toán lính vụt bỏ chạy. Một người lái buôn, trên hai má ở chỗ gần cánh mũi mọc đầy những nốt đỏ, gương mặt no đủ biểu lộ vẻ tham lam và lì lợm xem chừng không gì có thể lay chuyển nổi những điều suy tính thiệt hơn của hắn ta, đang vung vẩy hai tay đến gần viên sĩ quan dáng điệu huênh hoang và hấp tấp. Hắn nói:

– Thưa đại nhân, xin ngài làm phúc che chở cho. Đây không phải là vì quyền lợi chúng tôi, kể gì chuyện vặt ấy, chúng tôi vui lòng hiểu tất cả! Nếu ngài muốn, tôi xin đem dạ ra ngay, đối với một người tôn quý như ngài thì biếu đến hai tấm tôi cũng vui lòng! Cái đó thì được, chứ như thế kia thì đúng là ăn cướp! Xin ngài làm phúc cho! Ngài cử cho một đội tuần tiễu đến đây thì hay quá, ít ra cũng cho chúng tôi đóng cửa với chứ...

Mấy người lái buôn xúm quanh viên sĩ quan. Một người xương xương, vẻ mặt khắc khổ, nói:

– Ê! Kêu than làm gì cho mệt. Sắp mất đầu mà lại còn tiếc ba sợi tóc. Ai muốn lấy gì thì cứ cho họ lấy! – Nói đoạn hắn khoát mạnh tay một cái và quay nghiêng người về phía viên sĩ quan. Người lái buôn lúc nãy giận dữ nói:

– Cái bác Ivan Xidoryts này, cứ nói như bác thì dễ quá!... Xin ngài sĩ quan, xin ngài làm phúc cho.

– Thôi nói làm gì! – người lái buôn gầy gò nói, – ở đây tôi có ba cửa hàng trị giá đến mười vạn. Quân đội rút đi thì còn giữ làm sao được! Chao ơi, người đâu mà lạ...! Làm sao chống lại được ý Chúa?

– Thưa đại nhân, xin ngài làm phúc cho, – người lái buôn thứ nhất nghiêng mình nhắc lại. – Viên sĩ quan đứng im một lúc, trên gương mặt lộ vẻ phân vân do dự. Rồi bỗng ông ta quát to:

– Thì việc quái gì đến ta nào! – nói đoạn ông bước nhanh về

phía các cửa hàng. Trong một gian hàng mở cửa nghe có tiếng người đấm đá, chửi bới nhau, và khi viên sĩ quan vừa mới đến nơi thì từ trong cửa nhảy xổ ra một người đầu cạo trọc, mặc áo Kaftan xám: Hắn vừa bị người ở bên trong tống ra ngoài.

Người đó cúi long khom chạy qua mặt mấy người lái buôn và viên sĩ quan rồi mất hút. Viên sĩ quan nhảy xổ vào đám quân lính đang lúc nhúc trong gian hàng. Nhưng vừa lúc ấy có những tiếng kêu la sợ hãi của một đám người rất đông từ phía cầu Moxkvoretxki vang lại. Viên sĩ quan vội chạy ra quảng trường.

– Cái gì thế? Cái gì thế? – Ông ta hỏi dồn, nhưng viên sĩ quan kia đã cho ngựa phi qua Vaxili Blajenny về phía có tiếng kêu la. Ông ta bèn lận ngựa đuổi theo. Khi đến gần cầu, ông ta thấy khẩu đại bác đã tháo ra khỏi bánh xe kéo, thấy bộ binh đang qua cầu, mấy cái xe tải đổ lăn kềnh ra đường, mấy cái mặt hoảng hốt và quân lính đang cười ha hả. Bên cạnh hai khẩu đại bác có một chiếc xe tải thắng hai con ngựa. Có con chó borzoy đeo nịt cổ đang đứng nép vào sau xe. Trên xe là một núi đồ dạ, và ở trên cùng, bên cạnh một chiếc ghế trẻ con chổng chân lên trời, có một mụ đàn bà đang ngồi tru tréo om sòm. Viên sĩ quan được các bạn đồng ngũ cho biết rằng sở dĩ có tiếng kêu la của đám đông và tiếng tru tréo của mụ đàn bà kia là vì khi tướng Yermolov cưỡi ngựa đi qua đám đông và được biết rằng quân lính bỏ chạy vào các cửa hàng, còn đám thường dân thì chen chúc nhau làm nghẽn cả cầu, liền ra lệnh tháo hai khẩu đại bác ra khỏi xe, giả làm như sắp bắn vào cầu. Đám đông xô ngã các xe tải giẫm đạp lên nhau, la hét om sòm, chen chúc nhau ra khỏi cầu, và thế là quân đội đã tiến lên được.

XXII

Trong khi đó thì ở trung tâm thành phố lại vắng ngắt như tờ. Trên các đường phố hầu như không có lấy một bóng người. Tất cả các cổng vào và các cửa hàng đều đóng kín mít; đó đây các quán rượu nghe có tiếng kêu lẻ loi hay tiếng hát của một người say rượu. Không có lấy một chiếc xe nào đi lại trên phố, và thỉnh thoảng lắm mới nghe tiếng bước của một người bộ hành. Phố Povarxkaya im phăng phắc và vắng tanh. Trong khoảng sân rộng thênh thang của gia đình Rôxtôv ngổn ngang những mớ rạ và những đống phân do ngựa kéo xe để lại. Không có lấy một bóng người. Trong tòa nhà của gia đình Rôxtôv bị bỏ lại với toàn bộ của cải, có hai người đang ngồi phòng khách lớn. Đó là bác gác cổng Igrat và chú bé Miska, cháu nội bác Vaxilits cùng ở lại Maxkva với bác ta. Miska mở đàn dương cầm ra đánh bằng một ngón tay. Bác gác cổng hai tay chống cạnh sườn đang đứng trước tấm gương lớn mỉm cười hớn hở.

Bỗng chú bé bắt đầu dùng cả hai tay đập lên phím đàn nói:

– Có tài không, hở bác Igrat?

– Chà cái thằng này! – Igrat đáp (bấy giờ bác ta đang mải ngắm cái mặt cười toe toét của mình ở trong gương).

– Rõ không biết dơ! Thật là đồ không biết dơ! – phía sau lưng hai người bỗng có tiếng của Mavra Kuzminisna bấy giờ vừa lặng lẽ bước vào phòng. – Kìa xem cái lão mặt mẹt kia nhe răng ra kìa. À ra các người giỏi nhỉ, dọn dẹp đã xong xuôi gì đâu? Bác Vaxilits đang nai lưng ra làm, mệt nhoài ra ngoài kia kìa. Để rồi xem!

Igrat xốc lại thắt lưng, miệng thôi cười mỉm và mắt nhìn xuống đất, ngoan ngoãn ra khỏi phòng.

– Thím ạ, cháu đánh khẽ thôi thím nhé, – chú bé nói.

– Rồi tao cho mày đánh khẽ, đồ on con Mavra Kuzimnisna vừa quát vừa vung tay lên dọa. – Đi mà đặt ấm lò cho ông nội mày.

Mavra Kuzimnisna phủi bụi trên phím đàn, đậy nắp đàn lại, rồi thở dài đánh phào một cái, ra khỏi phòng khách và khóa cửa lại.

Ra sân, bà đứng lại ngẫm nghĩ không biết bây giờ nên đi đâu: đến phòng bác Vixilits ở bên dọc uống nước chè, hay vào nhà kho dọn nốt những đồ đạc còn để ngổn ngang.

Chợt ở ngoài đường có tiếng chân bước rất nhanh. Những bước chân dừng lại bên cổng; cái then cài bắt đầu kêu lách cách vì có một bàn tay đang cố mở cánh cổng ra.

Mavra Kuzimnisna đi ra cổng.

– Ngài hỏi ai ạ?

– Tôi muốn hỏi bá tước, bá tước Ilya Anđreits Rôxtôv.

– Thế ngài là ai?

– Tôi là một sĩ quan. Tôi cần gặp bá tước, – người lạ mặt đáp, giọng rất dễ chịu, chắc phải là một người quý tộc Nga.

Mavra Kuzimnisna mở cánh cổng ra. Một người sĩ quan mặt tròn trĩnh, tuổi trạc mười tám, bước ra sân. Khuôn mặt người sĩ quan hao hao giống kiểu mặt của dòng họ Rôxtôv.

– Thưa cậu, bá tước đi rồi ạ. Đi từ chiều hôm qua rồi ạ.

Người sĩ quan trẻ tuổi đứng tần ngần bên cổng như phân vân không biết có nên vào không. Chàng tặc lưỡi.

– Chà, tiếc quá! – chàng nói. – Đến từ hôm qua có phải là... Chà, tiếc thật!...

Trong khi đó Mavra Kuzimnisna chăm chú và ái ngại nhìn kỹ những nét quen thuộc của dòng họ Rôxtôv trên khuôn mặt

người thanh niên, nhìn chiếc áo khoác rách và đôi ủng đã mòn của chàng.

– Cậu muốn gặp bá tước có việc gì à? – bà ta hỏi.

– Thôi... chả còn biết làm thế nào được - Người sĩ quan buồn bực nói, đoạn đưa tay lên cánh cổng như có ý muốn bỏ đi. Nhưng rồi chàng lại đứng lại, dáng tần ngần.

– Bà ạ, – chàng bỗng nói. – Tôi là người có họ với bá tước, bá tước đối với tôi xưa nay rất tốt. Cho nên, bà thấy không (chàng mỉm một nụ cười hiền lành và vui vẻ nhìn xuống chiếc áo khoác và đôi ủng của mình), áo quần tôi rách cả, mà tiền thì chẳng có đồng nào: cho nên tôi muốn hỏi xin bá tước...

Mavra Kuzminisna không để cho chàng nói hết.

– Cậu ạ, đợi cho một tí, một tí thôi nhé, – bà nói. Và người sĩ quan vừa rời tay khỏi cánh cổng thì bà ta quay gót đi nhanh vào sân sau, về phía phòng mình bên dãy nhà dọc.

Trong khi Mavray Kuzminisna về phòng, người sĩ quan đi đi lại lại ngoài sân, mỉm cười nhìn xuống đôi ủng mòn rách của mình. "Không gặp được chú ấy thật tiếc quá. Bà già kia tốt thật! Không biết bà chạy đi đâu? Muốn bắt kịp binh đoàn mình đã sắp đến Rogoxkaya rồi còn gì!" – chàng nghĩ thầm. Mavra Kuzminisna gương mặt có vẻ sợ hãi nhưng đồng thời lại quả quyết, hai tay cầm một chiếc khăn kẻ ô vuông gặp lại, từ góc sân bước ra. Khi còn cách người sĩ quan vài bước, bà mở chiếc khăn lấy ra một tờ giấy bạc hai mươi rúp màu trắng và hối hả đưa cho chàng.

– Giá có cụ lớn ở nhà, thế nào chỗ thân thích cụ cũng... nhưng bây giờ... có lẽ... – bà Mavra đâm luống cuống. Nhưng người sĩ quan, không từ chối mà cũng không vội vàng, đã cầm lấy tờ giấy bạc và cảm ơn Mavra Kuzminisna. Bà ta vẫn nói tiếp, như để xin lỗi: – Giá có bá tước ở nhà thì... Cầu Chúa phù hộ cho cậu tai qua nạn khỏi, – bà ta vừa nói vừa cúi chào và tiễn chân người sĩ quan

ra ngoài cổng. Người sĩ quan mỉm cười lắc đầu như để chế giễu mình, rồi chạy nhanh qua các phố xá vắng vẻ, về phía cầu Yauxki để đuổi theo đơn vị.

Bà Mavra Kuzminisna còn đứng hồi lâu trước hai cánh cổng đóng kín, rơm rớm nước mắt, lắc đầu dáng tư lự, và bỗng thấy lòng tràn ngập một tình trìu mến và xót thương mẫu tử đối với người sĩ quan trẻ tuổi không hề quen biết.

XXIII

Trong quán rượu ở phía dưới tòa nhà xây dở ở phố Varvaka có những tiếng reo hò và ca hát của những người say rượu. Trong gian phòng chật hẹp bẩn thỉu, chừng mười người thợ đang ngồi trên những chiếc ghế dài đặt cạnh mấy cái bàn. Họ đều say mèm, mồ hôi nhễ nhại, mắt lờ đờ, đang há hốc mồm ra cố hát cho thật to. Họ hát mỗi người một phách, có vẻ khó nhọc và ngượng gạo: có thể thấy rõ rằng họ hát như vậy không phải vì muốn hát, mà chỉ vì muốn tỏ ra mình đang say rượu và đang vui chơi thích thú đây. Trong đám có một chàng trai trẻ cao lớn, tóc vàng, mặc áo khoác xanh sạch sẽ, đang đứng trước mặt mấy người kia. Với sống mũi rọc dừa thanh tú của hắn, mặt hắn lẽ ra phải đẹp nếu không có đôi môi mỏng mím chặt luôn luôn động đậy và đôi mắt đục lờ cau có, đờ đẫn. Hắn đứng trước mặt mấy người đang hát, và hình như đang tưởng tượng điều gì, hắn hoa cánh tay trắng trẻo xắn lên đến khuỷu trên đầu họ và cổ xòe mấy ngón tay cáu bẩn ra một cách thiếu tự nhiên. Ống tay áo của hắn cứ chốc chốc lại tụt xuống, và hắn lại cẩn thận lấy tay trái xắn lên, làm như thể cánh tay trắng nổi gân xanh đang vung vẩy ấy nhất định phải để trần mới được, và đó là một điều gì hết sức quan trọng. Họ đang hát dở

chừng thì ngoài thềm nghe có tiếng hò hét và tiếng đấm đá. Chàng thanh niên cao lớn khoát tay một cái.

– Thôi! – hắn dõng dạc hô to. – Anh em ơi! Có đám đánh nhau. - Nói đoạn hắn bước ra thềm, tay vẫn không ngừng xắn ống áo.

Đám thợ thuyền ra theo. Sáng hôm ấy họ đã mang từ nhà máy lại mấy tấm da trao cho lão chủ quán đổi lấy rượu ngồi uống với nhau dưới sự chỉ huy của chàng thanh niên cao lớn kia. Mấy người thợ rèn ở các lò rèn bên cạnh bấy giờ nghe tiếng hát hò trong quán rượu tưởng là họ đang cướp phá ngôi quán, bèn cố sức ập vào. Ở ngoài thềm bắt đầu diễn ra một trận ẩu đả.

Lão chủ quán đang đứng ở ngưỡng cửa đánh nhau với một người thợ rèn, và khi mấy người thợ ở trong quán bước ra, thì người thợ rèn bị hất mạnh ra ngoài và ngã sấp mặt xuống mặt đường lát đá.

Một người thợ rèn khác lao vào cửa, đưa cả thân hình xô vào lão chủ quán. Chàng thanh niên tay áo xắn bấy giờ đang bước ra thoi một quả đấm vào mặt người thợ rèn đang lao vào và quát tướng lên: – Anh em ơi! Chúng nó đánh cánh ta đây này!

Trong khi đó người thợ rèn lúc nãy ngã xuống đất lồm cồm bò, quệt máu trên mặt và mếu máo kêu lên:

– Ai cứu tôi với! Chúng nó giết người đây này! Anh em ơi!

Một mụ đàn bà từ một cánh cổng bên cạnh bước ra cũng tru tréo lên:

– Trời ơi là trời, chúng nó đánh chết người, chúng nó giết người kia kìa!

Đám đông xúm xít quanh người thợ rèn máu me bê bết. Trong đám đông có người nói với lão chủ quán:

– Mày cướp giật của người ta, mày lột áo của người ta chưa đủ hay sao, mà lại còn muốn giết người? Đồ kẻ cướp!

Chàng thanh niên cao lớn đứng trên thềm đưa đôi mắt đục lờ hết nhìn lão chủ quán lại nhìn bọn thợ rèn, như đang nghĩ ngợi không biết nên đánh nhau với ai bây giờ. Rồi bỗng chõ mồm về phía lão chủ quán, hắn quát to:

– Đồ sát nhân! Anh em ơi, trói hắn lại!

– Ơ kìa! trói tôi ấy à, sao lại đi trói một người như tôi – lão chủ quán quát to, giơ tay gạt những người đang chồm vào người lão, rồi giật cái mũ chụp trên đầu vứt xuống đất. Cử chỉ này dường như có một ý nghĩ gì rất bí mật và ghê gớm, những người thợ đang xô vào trói lão chủ quán bỗng dừng lại có vẻ phân vân.

– Tôi biết rõ luật lệ lắm anh ạ. Tôi sẽ đi trình quận cho mà xem. Anh tưởng tôi không đi hẳn? Thời bây giờ cấm không ai được trộm cướp và hành hung - lão chủ quán vừa nhặt mũ vừa nói to.

– Ghê gớm nhỉ! Đi thì đi! Nào đi thì đi... ghê gớm nhỉ - lão chủ quán và chàng thanh niên cao lớn thi nhau nói đi nói lại như vậy, rồi cả hai cùng bước ra đường. Người thợ rèn máu me cũng đi bên cạnh họ. Mấy người thợ và đám người đứng xem cũng vừa đi theo vừa reo hò, bàn tán huyên náo cả lên.

Ở góc phố Maroxeyka, trước mặt một ngôi nhà lớn cửa đóng kín mít, trên cửa treo một cái biển hiệu đóng giày, có một tốp chừng hai mươi anh thợ giày, vẻ mặt buồn rười rượi, gầy gò, mệt mỏi, mặc những chiếc áo dài và áo khoác rách rưới. Một người thợ giày gầy gò có một bộ râu thưa thớt đang cau mày nói:

– Hắn phải trả tiền cho người ta cho sòng phẳng chứ! Đằng này hắn hút máu của bọn ta – rồi chuồn mất. Hắn cứ xỏ mũi lừa gạt bọn ta suốt cả tuần. Mãi đến bây giờ, tới lúc cùng kiệt rồi thì hắn lại lủi đi đâu mất.

Trông thấy đám đông đi với một người máu me bê bết, người đang nói im bặt, và cả tốp thợ giày tò mò vội nhập vào đám đông đang kéo đi.

– Họ đi đâu thế?

– Còn đi đâu nữa, đi trình quan!

– Thế nào, cánh ta thua thật à?

– Chứ còn gì nữa! Thử lắng nghe người ta nói thì biết.

Kẻ hỏi người đáp nhao nhao lên. Lão chủ quán thừa lúc đám người đông thêm, đi tụt lại phía sau và bỏ về quán rượu.

Chàng trai cao lớn, không nhận thấy kẻ thù của mình là lão chủ quán đã biến mất, vẫn hoa cánh tay để trần, nói không ngớt miệng, khiến mọi người chú ý. Đám đông phần lớn đều quây quần xung quanh hắn ta, mong hiểu rõ những điều gì đang làm cho họ thắc mắc. Chàng thanh niên khẽ nhếch mép mỉm cười, nói:

– Hắn thử nói rõ luật lệ ra nghe nào, đã có phép quan chứ! Tôi nói có đúng không nào, bà con?... Hắn tưởng bây giờ không có phép quan nữa chắc? Không có phép quan làm sao được? Kẻ cướp mọc lên như nấm ấy mà!

Trong đám đông có tiếng nói:

– Nói gì vớ vẩn thế? Chả nhẽ họ bỏ Maxkva như thế này à! Người ta nói đùa mà anh cũng tưởng là thật. Quân ta đông khối ra đấy kia! Lẽ nào để cho nó vào như vậy. Đã có quan trên lo liệu chứ! Kìa, thử nghe người ta nói kia kìa, – họ chỉ vào chàng thanh niên cao lớn, bảo nhau.

Bên bức thành Kitai Gorod một toán người khác không đông lắm vây quanh một người mặc áo khoác bằng dạ xù, tay cầm một tờ giấy. Trong đám đông có tiếng xì xào:

– Mệnh lệnh, họ đọc mệnh lệnh đấy! Họ đọc mệnh lệnh đấy!

Và mọi người đều đổ dồn về phía người đang đọc tờ giấy.

Người mặc áo khoác dạ xù đang đọc tờ yết thị ngày ba mươi mốt tháng tám. Khi thấy đám đông vây quanh, hắn có vẻ luống cuống, nhưng chàng thanh niên cao lớn lúc bấy giờ đã len vào tận

nơi, đòi hắn phải đọc tờ yết thị lên. Giọng hơi run, người mặc áo khoác bắt đầu đọc bản yết thị từ đầu:

"Sáng sớm mai ta sẽ đến gặp Điện hạ Tối quang minh – (chàng thanh niên cao lớn cau mày, nhoẻn miệng cười và lấy giọng trang trọng nhắc lại: Tối quang minh!) – để thương lượng với ngài về cách phối hợp với quân đội tiêu diệt quân thù; chính chúng ta cũng sẽ ra tay trị chúng. – Người đọc dừng lại một lát. Chàng thanh niên cao lớn đắc chí reo lên: "Thấy chưa? Họ sẽ liệu cho chúng..." – làm cho chúng hồn lìa khỏi xác và cho chúng về chầu quỷ sứ; bản chức sẽ trở về ăn bữa trưa và sau đó chúng ta sẽ bắt tay vào việc; chúng ta sẽ hành động đến nơi đến chốn và tiêu diệt quân giặc".

Những lời cuối cùng này được đọc lên trong cảnh im lặng hoàn toàn. Chàng thanh niên cao lớn cúi đầu ra dáng buồn bã. Có thể thấy rõ ràng chẳng ai hiểu nổi câu sau cùng. Đặc biệt là mấy chữ: "Bản chức sẽ trở về ăn bữa trưa" thì hình như cả người đọc lẫn người nghe đều lấy làm buồn. Bấy giờ dân chúng đang chờ nghe những lời trang trọng, nhưng câu ấy thì lại quá đơn giản và tầm thường một cách không cần thiết; nói như vậy thì trong dân chúng ai cũng nói được, cho nên trong một bản mệnh lệnh do nhà chức trách ban ra không thể nói như vậy được.

Mọi người đứng im lặng, rầu rĩ. Chàng thanh niên cao lớn mấp máy môi và lảo đảo như đứng không vững.

Bỗng ở các hàng người đứng sau có tiếng xôn xao:

– Phải hỏi ông ấy kia!... Chính ông ta đấy à?... Còn gì nữa, phải hỏi đi!... Chứ còn gì nữa... Ông ấy sẽ nói rõ cho mà nghe... – và mọi người đều chú ý đến chiếc xe độc mã của viên cảnh sát trưởng vừa đi vào quảng trường, có hai người lính long kỵ đi hộ vệ.

Sáng hôm ấy viên cảnh sát trưởng theo lệnh của bá tước đã đi đốt những chiếc phà chở sang ngang và nhân chuyến công cán

này đã đã kiếm được một món tiền lớn lúc bấy giờ đang nằm trong túi ông ta. Trông thấy đám đồng kéo tới, viên cảnh sát trưởng bảo người đánh xe dừng lại.

– Làm gì mà đông thế hả? – ông quát đám người hỗn độn đang rụt rè tiến đến gần xe. – Có việc gì thế? Ta hỏi các người? – Viên cảnh sát trưởng không nghe đáp, nhắc lại câu hỏi.

Người thư lại mặc áo khoác dạ xù nói:

– Bẩm quan lớn, họ... bẩm quan lớn, theo lời hiểu thị của bá tước đại nhân, họ muốn liều chết ra đánh giặc, chứ không phải muốn làm loạn gì đâu ạ; như bá tước đại nhân có dạy...

– Bá tước đại nhân chưa đi đâu, ngài hiện đang ở đây, ngài sẽ có lệnh truyền cho các người, – viên cảnh sát trưởng nói, rồi ra lệnh cho người đánh xe: – Đi thôi!

Đám đông xúm quanh những người đã nghe được lời nhà chức trách và đứng trông theo chiếc xe ngựa đang đi xa dần.

Trong khi đó viên cảnh sát trưởng sợ hãi ngoái lại nhìn, nói gì với người đánh xe không biết, chỉ thấy ngựa càng phi nhanh hơn.

– Họ lừa chúng ta đấy anh em ơi! Phải đến gặp đích thân bá tước! – chàng thanh niên cao lớn thét lên. – Đừng để cho hắn đi anh em ơi! Hắn phải trình bày cho chúng ta rõ! Giữ hắn lại! – Trong đám đông có nhiều tiếng quát tháo, và đám đông hè nhau chạy và theo sau chiếc xe ngựa, đuổi theo viên cảnh sát trưởng chạy vào phố Lubianka.

– Thế là cái gì? Bọn thân hào với bọn lái buôn đều chuồn cả, thế còn chúng ta có tội tình gì mà ở lại chết oan chết uổng? Dễ thường chúng ta là chó hay sao. – Trong đám đông tiếng la ó mỗi lúc một dữ dội.

XXIV

Tối hôm mồng một tháng chín, sau khi hội kiến với Kutuzov, bá tước Raxtopsin buồn rầu và tủi hổ vì chỗ không được mời dự hội đồng quân sự, vì Kutuzov không mảy may chú ý tới lời đề nghị tham gia phòng thủ kinh đô của ông ta, và lấy làm lạ về cái quan điểm mới phát sinh trong doanh trại; theo quan điểm này thì nền an ninh của kinh đô và tinh thần ái quốc của cư dân trong thành không những là vấn đề thứ yếu, mà còn bị coi là hoàn toàn vô bổ và không dám đếm xỉa đến. Lòng buồn rầu, tủi hổ và ngạc nhiên vì tất cả những việc đó, bá tước Raxtopsin, trở về Maxkva. Sau bữa ăn tối, bá tước không cởi áo ngoài, ngả mình trên trường kỷ thiếp đi. Gần một giờ sáng một liên lạc viên đến đánh thức ông ta dậy đưa một bức thư của Kutuzov gửi đến. Trong bức thư có nói rằng quân đội rút về con đường Ryaznan qua Maxkva và yêu cầu bá tước phái một số viên chức cảnh sát ra giúp cho quân đội kéo qua thành phố được dễ dàng. Tin này đối với bá tước Raxtopsin chẳng có gì mới lạ. Không phải chỉ từ cuộc hội kiến với Kutuzov ngày hôm qua trên đồi Poklonny, mà ngay từ trận Borođino, khi tất cả các tướng tá trở về Maxkva trăm người như một đều nói rằng không thể nào khai chiến lần nữa, và khi người ta đã được cho phép của bá tước bắt đầu chuyển tài sản của nhà nước ra ngoài và dân cư đã bỏ đi hết một nửa, bá tước Raxtopsin đã biết rằng Maxkva sẽ bị bỏ ngỏ; tuy vậy đang đêm nhận được mệnh lệnh này của Kutuzov, dưới hình thức một bức thư tầm thường, trong khi đang ngủ say, bá tước Raxtopsin cũng thấy ngạc nhiên và bực tức.

Về sau, để cắt nghĩa hoạt động của ông ta trong thời gian

này, bá tước Raxtopsin đã mấy lần viết trong hồi ký rằng lúc bấy giờ ông ta có hai mục đích quan trọng: *Duy trì an ninh ở Maxkva và làm cho dân cư ra khỏi thành*[1]. Nếu xét hai mục đích này thì bất cứ hành động nào của Raxtopsin lúc bấy giờ cũng không thể chê trách được. Tại sao những thành tích của thành Maxkva, những vũ khí, đạn dược, những kho thuốc súng; kho bột mì, lại không được chở đi? Tại sao lại nói dối với hàng ngàn dân cư là sẽ cố thủ Maxkva khiến cho họ phải sạt nghiệp? – Là vì cần phải gìn giữ an ninh trong thủ đô, lời giải thích của bá tước Raxtopsin đáp lại như vậy. Thế thì chở hàng đống giấy má vô ích ở các công sở, chở quả cầu Leppich và những thứ khác ra khỏi thành phố để làm gì? – Là để bỏ lại một thành phố trống rỗng, lời giải thích của bá tước Raxtopsin đáp lại như vậy. Chỉ cần cho rằng có một cái gì đang đe dọa an ninh của thành phố, là bất cứ hành động nào cũng đâm ra có lý do xác đáng cả.

Tất cả những hành động tàn bạo của thời kỳ khủng bố chẳng qua là vì lo lắng đến an ninh của quốc dân.

Vậy thì căn cứ vào đâu mà bá tước Raxtopsin lo sợ cho nền an ninh của quốc dân ở Maxkva năm 1812? Nguyên nhân nào đã khiến cho ông dự đoán là trong thành phố có khuynh hướng nổi loạn? Dân cư thì bỏ đi, quân đội trên đường rút lui tràn đầy cả thành phố. Tại sao dân chúng lại có thể nổi loạn trong tình cảnh ấy?

Không những ở Maxkva, mà ngay trong toàn cõi nước Nga cũng vậy; trong khi quân địch xâm lăng không hề xảy ra một việc gì giống như một cuộc nổi loạn. Ngày mồng một mồng hai tháng chín còn có hơn một vạn người ở lại Maxkva, và trừ đám đông tụ tập trong sân viên tổng đốc, do chính ông ta triệu tập lại thì chẳng thấy rõ rằng bỏ Maxkva và một việc tất yếu hay ít ra cũng là một việc rất có thể xảy ra, nếu khi đó Raxtopsin đừng phân phát vũ

1. De maintenir la tranquillité à Moscou et d'en jaire partir les habitants.

khi và ra tuyên cáo bừa bãi khiến cho dân chúng hoang mang, mà tiến hành những biện pháp cần thiết để chở các thánh tích, thuốc súng, đạn dược và ngân khố ra ngoài và tuyên bố thẳng thắn với nhân dân là sẽ bỏ thành phố, – nếu như vậy thì lại càng không có lý do gì để sợ dân chúng dấy loạn. Raxtopsin là một người nóng nảy và sung huyết, xưa nay vẫn sống trong các giới quan lại cao cấp, tuy có ít nhiều tinh thần yêu nước nhưng không hề hiểu biết gì về đám dân chúng mà ông yên trí là mình đang cai trị. Ngay từ khi quân địch bắt đầu tiến vào Xmolenxk, Raxtopsin trong trí tưởng tượng đã tự gán cho mình cái vai trò lãnh đạo tình cảm của nhân dân, lãnh đạo "quả tim của nước Nga". Ông ta không những có cảm tưởng (mỗi viên quan hành chính đều có cảm tưởng như vậy) rằng mình điều khiển những hoạt động bề ngoài của dân Maxkva, mà còn tưởng rằng mình lãnh đạo tâm trạng của họ bằng những lời kêu gọi và những tờ tuyên cáo viết bằng thứ ngôn ngữ dung tục mà nhân dân vẫn khinh miệt khi nghe nói ở môi trường của họ, và không hiểu khi nghe từ miệng quan trên truyền xuống. Raxtopsin thích đóng vai trò đẹp đẽ của người lãnh đạo tình cảm nhân dân, và đã quen với nó đến nỗi khi phải từ bỏ nó và rời bỏ Maxkva không kèn không trống, ông ta vô cùng bỡ ngỡ và thấy như người bị hẫng chân, chẳng còn biết nên làm thế nào nữa. Tuy ông có biết Maxkva sẽ bị bỏ ngỏ, nhưng cho đến phút cuối cùng ông vẫn chưa hoàn toàn tin điều đó và không tiến hành một việc gì nhằm mục đích đó cả. Cư dân bỏ đi là trái với ý muốn của ông ta. Nếu là cơ quan hành chính được di chuyển ra ngoài, thì đó chẳng qua là vì yêu cầu của các viên chức, và bá tước có ưng thuận cũng chỉ là miễn cưỡng. Bản thân ông ta thì chỉ lo đóng cái vai trò mà ông ta đã tự gán cho mình. Như ta vẫn thường thấy ở những người có một trí tưởng tượng nhạy bén, ông ta đã biết từ lâu rằng Maxkva sẽ bị bỏ lại, nhưng biết thế là biết bằng lý trí, chứ trong tâm hồn ông ta vẫn chưa tin hẳn điều đó,

trong tưởng tượng ông ta chưa chuyển được sang cái tình hình mới này.

Toàn bộ hoạt động của ông ta vốn rất cần mẫn và kiên quyết (nó có ích cho nhân dân đến đâu, thì đó lại là chuyện khác), toàn bộ hoạt động của ông ta chỉ nhằm thức tỉnh trong lòng cư dân cái cảm xúc của bản thân ông ta lúc bấy giờ: lòng căm thù dân tộc đối với quân Pháp và lòng tin tưởng ở mình.

Nhưng đến khi biến cố đã diễn ra với những quy mô lịch sử thực sự của nó, đến khi chỉ biểu lộ lòng căm thù quân Pháp bằng lời nói thôi không còn đủ nữa, đến khi không thể nào biểu lộ lòng căm thù đó ra nữa dù là bằng một trận đánh, đến khi lòng tin tưởng vào mình đã trở nên vô bổ, dù chỉ riêng đối với việc bảo vệ Maxkva không thôi cũng vậy, đến khi toàn thể cư dân muốn người như một đều vứt bỏ tài sản trẩy ra ngoài thành phố – một hành động tiêu cực tỏ rõ tất cả sức mạnh của tinh thần dân tộc, – đến khi ấy thì cái vai trò mà Raxtopsin chọn bỗng nhiên mất hết ý nghĩa. Ông ta bỗng cảm thấy mình cô độc, yếu ớt và lố lăng, thấy mình không còn có chỗ đứng nữa.

Đang ngủ bỗng dưng được đánh thức dậy và nhận được bức thư lãnh đạm và có vẻ như ra lệnh của Kutuzov, Raxtopsin cảm thấy mình có lỗi và càng thấy mình có lỗi thì lại càng thêm bực tức. Những gì còn bị bỏ lại ở Maxkva chính là những cái đã được phó thác cho ông ta, đó là những tài sản của quốc gia mà đáng lẽ ông ta phải đưa ra ngoài. Bây giờ thì không thể nào đưa ra được nữa.

"Thế thì lỗi tại ai? Ai đã để cho cơ sự đến nước này? – ông thầm nghĩ. – Cố nhiên không phải tại ta. Về phần ta thì mọi việc đều xong xuôi cả, ta nắm vững Maxkva như thế này! Thế mà chúng nó đã để cho cơ sự đi đến nước này! Quân khốn nạn, quân phản tặc!" – Ông nghĩ thầm, trong óc cũng không xác định được cho rõ những quân khốn nạn, những quân phản tặc nào đấy đã gây ra cái tình trạng dang dở và lố bịch của ông hiện nay.

Suốt đêm ấy, bá tước Raxtopsin ban bố mệnh lệnh cho các viên chức từ khắp Maxkva đến thỉnh thị ông ta. Những người thân cận chưa bao giờ thấy bá tước có vẻ lầm lì và bực bội như đêm hôm ấy.

"Bẩm quan lớn, sở Thái ấp cho người đến thỉnh thị. Cục Giám đốc giáo phận, viện nguyên lão, trường đại học, viện cô-nhi, tòa Giáo chủ... - có cho người hỏi lại - ... Về phần đội cứu hỏa thì sao..." – suốt đêm hôm ấy những người đến báo cáo với bá tước cứ nối đuôi nhau không ngớt.

Đối với tất cả những câu hỏi ấy, bá tước trả lời vắt tắt và bực bội, tỏ ra rằng những mệnh lệnh của ông ta bây giờ không cần thiết nữa, rằng tất cả những công việc mà ông ta đã ra sức chuẩn bị chu đáo nay đã có người làm hỏng và người đó sẽ phải chịu hết trách nhiệm về tất cả những việc sẽ xảy ra nay mai.

– Mày bảo với cái thằng ngu ấy, – bá tước đáp lại lời thỉnh thị của sở Thái ấp – là cứ ở lại mà canh giữ đống giấy của hắn. Thế còn mày hỏi lăng nhăng cái gì về đội cứu hỏa? Có ngựa đấy, cứ việc về Vladimir. Chả nhẽ để ngựa lại cho quân Pháp hay sao?

– Bẩm quan lớn, viên quản đốc nhà điên có đến xin ngài cho lệnh ạ...

– Lệnh ấy à? Đi tất, chỉ có thế thôi... Còn bọn điên thì thả ra phố. Một khi mà quân đội toàn do bọn điên chỉ huy cả, thì cố nhiên là phải như thế.

Nghe hỏi đến các phạm nhân đang giam trong ngục, bá tước giận dữ quát viên cai ngục:

– Thế nào, mày muốn tao cho hai tiểu đoàn đi hộ tống chắc? Tao làm gì có?

- Thả tất, có thế thôi!

– Bẩm quan lớn có cả tù chính trị nữa ạ: Meskov, Veressaghin.

– Veressaghin à! Nó chưa bị xử giảo à? – Raxtopsin quát lên. – Đem nó lại đây cho ta.

XXV

Vào khoảng chín giờ sáng, khi quân đội đã kéo qua Maxkva, không có ai đến hỏi mệnh lệnh của bá tước nữa. Tất cả những ai có thể đi được thì đã tự bỏ đi rồi; những người ở lại thì tự quyết định lấy mình phải làm gì.

Bá tước ra lệnh thắng ngựa để đi Xokokniki, rồi chắp tay im lặng ngồi trong văn phòng, vẻ mặt cau có, nước da vàng vọt.

Trong buổi thái bình vô sự, mỗi viên quan hành chính đều có cảm tưởng rằng sở dĩ dân sống được chỉ là nhờ những sự nỗ lực của mình, họ tin chắc rằng không có mình thì không được, và chính cái ý thức đó là phần thưởng lớn nhất cho những công lao khó nhọc của họ. Dĩ nhiên, khi mặt biển lịch sử đang phẳng lặng, thì viên quan cai trị, đứng trên chiếc xuồng mỏng manh của mình, trong khi cầm sào chống vào chiếc tàu lớn của nhân dân mà đi tất nhiên có cảm tưởng rằng chính nhờ mình mà chiếc tàu kia đi được. Nhưng chỉ cần một trận bão nổi lên làm mặt biển cuộn sóng và chiếc tàu tiến nhanh lên, là cái ảo giác ấy không còn tồn tại được nữa. Chiếc tàu tiến theo cái đà mãnh liệt, độc lập của nó, cái sào không với tới thân tàu được nữa, và từ địa vị của bậc chúa tể, của cội nguồn phát ra sức mạnh, viên quan hành chính đột nhiên biến thành một con người vô nghĩa, vô dụng và yếu ớt.

Raxtopsin cảm thấy điều đó và chính điều đó làm cho ông ta bực mình.

Viên cảnh sát trưởng vừa rồi bị đám đông chặn hỏi hỏi cùng với viên sĩ quan phụ tá đến báo rằng ngựa đã thắng xong, cùng

vào phòng bá tước một lúc. Mặt cả hai người đều tái mét. Sau khi báo cáo việc thừa hành công cán vừa rồi, viên cảnh sát trưởng cho biết rằng ngoài sân nhà bá tước có một đám người rất đông đang muốn gặp bá tước.

Raxtopsin không đáp một lời. Ông ta đứng dậy và đi nhanh ra gian phòng khách sáng sủa và sang trọng của ông ta, bước tới cánh cửa dẫn ra bao lơn, đặt tay lên nắm cửa, nhưng rồi lại buông ra và đến cạnh cửa sổ, nơi có thể trông rõ cả đám đông. Chàng thanh niên cao lớn đứng ở hàng đầu, vẻ mặt nghiêm nghị, đang hoa tay nói gì không rõ. Người thợ rèn máu me bê bết đang đứng cạnh hắn, vẻ lầm lì. Tuy các cửa sổ đều đóng kín, vẫn có thể nghe được tiếng nói ồn ào của đám đông. Raxtopsin rời khỏi khung cửa sổ, nói:

– Xe đã thắng xong chưa?

– Bẩm quan lớn xong rồi à, – viên sĩ quan phụ tá đáp.

Raxtopsin lại đi về phía cánh cửa dẫn ra bao lơn.

Ông hỏi viên cảnh sát trưởng.

– Chúng nó muốn cái gì thế?

– Bẩm quan lớn, chúng nó bảo là chúng nó tụ họp lại để đi đánh Pháp theo lệnh của quan lớn, chúng nó la ó cái gì về chuyện phản quốc ấy. Nhưng đám này có vẻ hung hãn lắm, thưa quan lớn tôi chật vật lắm mới thoát khỏi chúng. Bẩm quan lớn, tôi xin mạn phép bàn một cách...

– Xin ông đi ra cho, không có ông tôi cũng biết là phải làm gì, – Raxtopsin giận dữ quát. Ông ta đứng ở cửa bao lơn nhìn xuống đám đông, nghĩ thầm: "Đấy bọn chúng đã đưa nước Nga đến nông nỗi này đây! Bọn chúng đã đưa ra đến nông nỗi này đây!" Ông cảm thấy trong lòng dấy lên một nỗi căm giận không sao ghìm nổi đối với người nào đó, người mà ông có thể đổ tội là đã gây ra cơ sự này. Với những người nóng nảy thường như vậy: ông ta nổi

giận lên rồi nhưng vẫn chưa tìm ra một đối tượng cho cơn giận của mình. Raxtopsin nhìn đám dân chúng, thầm nghĩ: "Đây chính là cái đám dân đen, cái cặn bã của xã hội, đám tiện dân mà sự ngu xuẩn của bọn họ đã làm dấy lên. Phải thí cho nó một cái mồi"[1], – ý nghĩ đó vụt hiện lên trong trí óc Raxtopsin trong khi ông nhìn người thanh niên cao lớn đang hoa tay. Và sở sĩ ông ta bỗng có ý nghĩ đó là vì chính bản thân ông ta cũng đang cần một cái mồi, một đối tượng để trút cơn giận của mình lên.

– Xe đã thắng xong chưa? – ông hỏi lại một lần nữa.

– Bẩm quan lớn xong rồi ạ. Bẩm còn Verssaghin thì sao ạ? Hắn đang đợi ở ngoài thềm, – viên sĩ quan phụ tá nói.

– A! – Raxtopsin bỗng reo lên, như chợt nhớ ra một điều gì.

Ông vụt mở cửa và quả quyết bước ra bao lớn. Tiếng nói xôn xao bỗng im bặt, những chiếc mũ được bỏ xuống, và mắt mọi người đều ngước lên nhìn bá tước vừa ra bao lơn.

– Chào các anh em! – bá tước nói rất nhanh, và rất to, – cám ơn các anh em đã đến đây. Tôi xin ra ngay với anh em, nhưng trước hết chúng ta phải xử trí tên gian tặc đã. Chúng ta phải trừng trị tên phản quốc đã làm cho Maxkva thất thủ. Anh em đợi tôi một chút! – và bá tước lại bước nhanh về phòng, sau khi đóng cửa thật chặt.

Một tiếng xì xào đồng tình và vui thích lướt qua đám đông. "Đấy ngài sẽ xử hết bọn gian phi cho mà xem! Thế mà mày bảo là một thằng Pháp... Rồi ngài sẽ liệu cho chúng nó đâu vào đấy cả" – đám người nói nhao nhao như để trách móc nhau đã kém tin tưởng.

Mấy phút sau từ cửa chính một viên sĩ quan hấp tấp bước ra hô một mệnh lệnh gì đấy, và thấy đội long kỵ dàn ra thành hàng.

1. "La voilà la populace, la lie du peuple, la plèbe qu'ils ont soulevées par leur sottise. Il leur faut une victime".

Đám đông rời chỗ bao lớn háo hức dồn về phía thềm. Raxtopsin vẻ giận dữ bước nhanh ra thềm và vội vã đưa mắt nhìn quanh như tìm kiếm người nào.

– Nó đâu rồi? – bá tước hỏi, và ngay lúc ấy ông ta trông thấy hai người lính long kỵ dẫn từ sau góc nhà ra một người trẻ tuổi, cổ cao và gầy, đầu cạo hết một nửa, chỗ bị cạo tóc đã mọc lởm chởm. Người trẻ tuổi mặc một chiếc áo tu–lúp da chồn phủ dạ xanh, trước kia chắc cũng khá bảnh bao, một cái quần vải dày cáu ghét của phạm nhân nhét vào đôi ủng da mịn đã vẹt gót và rất bẩn thỉu. Trên đôi chân gày gò và yếu ớt lủng lẳng những sợi xiềng làm cho bước đi ngập ngừng của người trẻ tuổi thêm chật vật.

– À! – Raxtopsin vừa nói vừa ngoảnh mặt đi, tránh nhìn vào người trẻ tuổi mặc áo da chồn, rồi chỉ vào bậc cấp dưới cùng trước thềm nói: - Để nó đứng đấy!

Người trẻ tuổi nặng nề bước lên bậc thềm, xiềng xích kêu lẻng xẻng, hắn đưa một ngón tay lên nới cái cổ áo quá chật, quay đi quay lại cái cổ dài ngoẵng rồi thở dài đưa hai bàn tay mảnh dẻ có vẻ chưa bao giờ làm việc nặng, đặt trước bụng với một cử chỉ nhẫn nhục.

Im lặng kéo dài mấy giây, trong khi người trẻ tuổi bước lên bậc thềm. Chỉ ở các hàng sau mới nghe có tiếng ho khục khặc, tiếng rền rĩ và tiếng giẫm chân của những người đang cố xô đẩy nhau về một phía.

Raxtopsin, trong khi chờ cho người trẻ tuổi đứng vào chỗ đã định, cau mày và đưa tay lên xoa mặt.

– Anh em ơi! – Raxtopsin nói, giọng vang lên lanh lảnh, – tên này là Verssaghin, chính cái tên khốn nạn đã làm cho Maxkva thất thủ.

Người trẻ tuổi mặc áo da chồn đứng yên, dáng nhẫn nhục hai tay chắp lại trước bụng, người hơi cúi xuống. Khuôn mặt gầy gò,

non trẻ của hắn lộ vẻ tuyệt vọng. Mái đầu tóc cạo nham nhở cúi gầm xuống. Nghe bá tước nói mấy tiếng đầu, hắn từ từ ngẩng mặt lên và ngước mắt nhìn lên phía bá tước, vẻ như muốn nói với ông ta điều gì hay chỉ là bắt gặp được mắt ông ta thôi cũng được. Nhưng Raxtopsin không nhìn hắn. Trên cái cổ cao và gầy của người trẻ tuổi, ở phía sau tai một đường gân xanh bỗng nổi lên như một sợi dây thừng, và da mặt hắn bỗng đỏ bừng lên.

Mắt mọi người đều đổ dồn vào hắn. Hắn nhìn đám đông, và dường như vẻ mặt của những người đứng trước mặt làm lóe lên trong lòng hắn một tia hy vọng, hắn buồn rầu và bẽn lẽn mỉm cười rồi lại cúi gầm mặt xuống, nhích nhích hai bàn chân đứng trên bậc thềm.

– Nó đã phản bội Sa hoàng và tổ quốc, nó đã quy hàng Bonapatơ, trong toàn dân chỉ có một mình nó đã làm hoen bẩn thanh danh người Nga, và chính vì nó mà Maxkva thất thủ, – Raxtopsin nói, giọng đanh và đều đều, nhưng bỗng nhiên mắt ông ta liếc nhanh xuống chỗ Verssaghin, lúc bấy giờ vẫn đứng yên với dáng điệu nhẫn nhục như cũ. Dường như khi nhìn thấy thế ông ta bỗng điên tiết lên. Raxtopsin giờ cao tay, quay về phía đám đông nói to gần như quát: – Anh em hãy xử tội nó đi! Tôi trao nó cho anh em đấy!

Đám dân chúng lặng thinh và chỉ ép vào nhau sát hơn nữa. Đứng chen chúc trong cái không khí ngột ngạt hơi người này không sao cựa mình được, để chờ đợi một việc gì không ai biết rõ, một việc khó hiểu và kinh khủng sắp xảy ra – điều đó đã trở thành một cái gì không sao chịu nổi. Những người đứng ở các hàng trước, được thấy và được nghe tất cả những gì đang xảy ra trước mắt, mắt vẫn giương to vì kinh hãi, mồm vẫn há hốc, đang cố sức cưỡng lại sức xô đẩy của những người đứng sau đè nặng lên lưng.

Raxtopsin thét:

– Hạ thủ nói đi!... Hãy giết chết tên phản tặc. Đừng để cho nó làm ô danh Nga-la-tư! Chém đi! Ta ra lệnh như thế đấy.

Đám đông không nghe Raxtopsin nói gì, chỉ nghe thấy giọng nói giận dữ của ông ta. Họ rên lên một tiếng và nhích tới, nhưng rồi lại đứng yên.

– Bá tước!... – trong phút im lặng vừa trở lại bỗng nghe giọng nói rụt rè mà đồng thời lại có vẻ đóng kịch của Verssaghin. – Thưa bá tước, chỉ có Thượng đế mới xét xử chúng ta... – Verssaghin ngẩng đầu lên, và đường gân xanh to tướng trên cái cổ khẳng khiu của hắn lại nổi lên, mặt hắn đỏ rồi lại tái nhợt đi rất nhanh. Hắn không nói hết được những điều đang muốn nói.

– Chém chết nó đi! Ta ra lệnh như vậy!... Raxtopsin quát lên, mặt bỗng tái mét y như mặt Verssaghin.

– Tuốt gươm ra! – viên sĩ quan hô to ra lệnh cho mấy người lính long kỵ, và tự mình tuốt gươm ra khỏi vỏ.

Một luồng sóng mãnh liệt hơn nữa cuộn lên trong đám đông, và khi lan ra các hàng người phía trước, luồng sóng ấy xô những người đứng trước tràn tới, nhấp nhô đến tận sát bậc thềm. Chàng thanh niên cao lớn, nét mặt cứng đờ ra như đá, cánh tay giơ lên không nhúc nhích, đứng sát cạnh Verssaghin.

– Chém! – viên sĩ quan nói với mấy người lính long kỵ, giọng gần như thều thào, và một người lính, vẻ mặt hằn học trông rất gở, giơ sống gương đánh vào đầu, Verssaghin kêu lên một tiếng ngắn ngủi và kinh ngạc, hoảng hốt nhìn quanh như không hiểu tại sao mình lại bị xử trí như thế. Một tiếng rên rỉ ngạc nhiên và kinh hãi như vậy cũng truyền khắp đám đông.

"Trời ơi," – có ai kêu lên một tiếng não lòng.

Nhưng sau tiếng kêu ngạc nhiên vừa thốt ra, Verssaghin bắt đầu gào lên vì đau đớn, và tiếng gào ấy đã hãm lại hắn. Cái tình cảm nhân loại như một sợi dây căng thẳng đến tột độ còn giữ đám

người lại mãi đến bấy giờ, bỗng nhiên đứt tung ra. Tội ác đã mở đầu, và không thể nào không đi đến cùng được. Tiếng kêu đau đầy ý trách móc bị tiếng gầm thét giận dữ của đám đông át đi. Như đợt sóng cuối cùng đánh chìm chiếc tàu, đợt sóng cuối cùng không gì ngăn nổi của đám đông từ các hàng người phía sau cuộn lên và tràn ra các hàng trước lật ngã nó và nuốt chửng mọi vật. Người lính long kỵ toan giơ gươm lên chém lại một lần nữa Verssaghin rú lên một tiếng kinh hãi, giơ hai tay ra chống đỡ và né người về phía đám đông, xô vào người thanh niên cao lớn. Hắn liền giơ hai tay chộp lấy cái cổ khẳng kheo của Verssaghin, hét lên một tiếng man sợ và hai người cùng ngã xuống dưới chân đám đông đang gầm gừ chồm tới.

Người thì đánh đấm, cấu xé Verssaghin, người thì lại đánh, xé chàng thanh niên cao lớn. Tiếng kêu của những người bị giẫm đạp và của những người muốn cứu chàng thanh niên cao lớn kia chỉ làm cho sự phẫn nộ của đám đông càng thêm điên cuồng. Những người lính long kỵ một hồi lâu không sao gỡ ra được người thợ máu me đầm đìa, bị đánh gần chết. Và một hồi lâu, tuy đám đông đang hối hả cố hoàn thành cho nhanh cái việc đã mở đầu kia, nhưng những kẻ đánh đập bóp cổ và cấu xé Verssaghin cũng không sao giết chết được hắn; đám đông dồn ép họ từ bốn phía, kẹp họ vào giữa thành một khối dày đặc, khi xô sang bên này, khi dồn sang bên kia, khiến cho hợ không sao giết chết tươi được Verssaghin, mà cũng không sao bỏ hắn ra được.

"Lấy rìu mà bổ cho chết chứ?... giẫm chết mất rồi... một thằng phản tặc bán cả Chúa Cơ-đốc!... hắn còn sống... sống dai thật...đáng đời quân gian phi!... Lấy rìu mà bổ!... còn sống à...?".

Mãi đến khi nạn nhân đã thôi chống đỡ và những tiếng kêu la của hắn đã nhường chỗ cho một tiếng phều phào thoi thóp đều đều và kéo dài, đám đông mới vội vã lui ra và bắt đầu đi lại quanh

cái xác chết đẫm máu. Mỗi người đều lại gần xem người bị giết rồi lùi lại, ngạc nhiên, kinh hãi và đầy vẻ trách móc.

Trong đám đông có tiếng nói:

"Ôi lạy Chúa, họ chẳng khác nào loài thú dữ, anh ta sống làm sao được! Anh ta còn trẻ... chắc con cái nhà buôn!... Họ thế đấy. Nghe nói không phải anh ta... người khác kia... Sao, người khác à, trời ơi... Còn người kia nữa, nghe nói cũng bị đánh gần chết... Chao ôi, họ thế đấy... không sợ phải tội với trời đất..." – chính những người lúc nãy bây giờ lại than thở như vậy, họ đau xót đứng nhìn cái xác chết với khuôn mặt tím bầm bê bết máu lẫn đất và cái cổ dài và mảnh bị chém đứt.

Một viên chức cảnh sát cần mẫn cho rằng để một xác chết nằm trong sân dinh quan lớn là một điều thất nghi, liền ra lệnh cho lính long kỵ kéo xác người bị giết ra đường. Hai người lính nắm lấy hai bàn chân đầy thương thích lôi đi. Cái đầu cạo nham nhở trên cái cổ dài của người chết, bê bết máu và bụi, kéo lê xệt dưới đất, hết nghiêng bên này lại nghẹo bên kia. Đám đông chen nhau giạt ra một bên, tránh cho xa cái xác chết.

Trong khi Verssaghin ngã xuống và đám đông xô đẩy nhấp nhô trên người hắn với một tiếng gầm thét man rợ. Raxtopsin bỗng tái mặt đi, và đáng lẽ phải đi ra thềm sau, nơi chiếc xe ngựa đang đợi ông ta, thì ông ta lại cúi đầu bước nhanh theo dãy hành lang dẫn xuống các phòng ở tầng dưới, mà cũng chẳng biết mình đi đâu và để làm gì nữa. Bá tước tái mét, và tuy ông đã cố sức cưỡng lại, hàm dưới của ông ta cứ run lên bần bật như đang cơn sốt.

– Bẩm quan lớn phía này ạ... bẩm quan lớn đi đâu thế ạ? Xin rước quan lớn ra lối này... – một giọng nói run sợ ở sau lưng ông ta. Bá tước Raxtopsin bấy giờ không còn đủ sức mở miệng trả lời nữa, ông ta ngoan ngoãn quay lại, đi về phía người ta vừa chỉ cho mình. Ở thềm sau có một chiếc xe song mã đang đứng đợi. Ngay ở đấy tiếng gầm thét xa xa của đám đông vẫn còn vẳng đến. Bá

tước Raxtopsin hối hả ngồi lên xe và bảo đánh về ngôi biệt thự ngoại thành của ông ở Xokolniki. Khi đã đến phố Miaxnixkaya và không còn nghe tiếng hò hét của đám đông nữa, bá tước bắt đầu hối hận. Ông ta bực mình nhớ lại cái vẻ xúc động và sợ hãi mà ông ta đã để lộ ra trước mặt các thuộc hạ. Ông nghĩ thầm bằng tiếng Pháp: "*Đám cùng dân thật là kinh khủng, gớm guốc. Chúng nó thật như người lang sói, phải có thịt tươi cho chúng thì mới yên được...*[1]

"Bá tước! chỉ có Thượng đế mới xét xử chúng ta: – Raxtopsin chợt nhớ câu nói của Verssaghin, và một cảm giác lạnh buốt khó chịu vụt luồn qua sống lưng ông ta. Nhưng cảm giác đó chỉ thoáng qua trong giây lát, rồi bá tước Raxtopsin lại mỉm cười khinh bỉ chế nhạo mình. "*Ta còn nhiều nhiệm vụ khác*, – ông thầm nghĩ, – *cần phải ổn định nhân tâm. Biết bao nạn nhân khác đã chết và đang chết vì công ích*"[2]. – Rồi ông ta bắt đầu nghĩ đến những bổn phận chung chung của ông ta đối với gia đình của mình, đối với kinh đô của mình (nghĩa là đã được giao phó cho mình cai trị) và đối với bản thân – nhưng bản thân đây không phải là Feodor Vaxilievits, Raxtopsin (ông ta cho rằng Feodor Vaxilievits phải hy sinh cho *công ích*[3]), mà lại quan tổng đốc tư lệnh, người đại diện của chính quyền và người đã được hoàng đế ủy thác toàn quyền hành động. "Giá ta chỉ là Feodor Vaxilievits, *thì con đường xử trí của ta sẽ vạch ra một cách khác hẳn*[4], nhưng đây lại phải bảo tồn cả tính mệnh danh giá của một vị tổng đốc".

---

1. "La populace est terreble, elle est hideuse. Ils sont comme les loups qu'on ne peut apaiser qu'avec de la chair".

2. "J'avais d'autres devoirs. Il fallait apaiser le peuple. Bien d'autres victimes ont péri et périssent pour le bien public".

3. Bien pulbic.

4. Ma ligne de conduite aurait été tuot autrement tracée.

Trong khi khẽ lắc lư trên cái ổ díp mềm mại của cỗ xe và không còn nghe những tiếng la ó kinh khủng của đám đông nữa, Raxtopsin trở lại bình tĩnh về thể chất và cũng như thói thường vẫn thế, đồng thời với trạng thái bình tĩnh về thể chất thì lý trí cũng tìm ra được những lý do cho ông ta trở lại bình tĩnh về tinh thần. Ý nghĩ làm cho Raxtopsin bình tĩnh lại chẳng phải là một ý gì mới mẻ. Kể từ khi khai thiên lập địa, kể từ khi loài người bắt đầu chém giết nhau, chưa bao giờ có một người nào phạm một tội ác đối với đồng loại mà lại không dùng ý nghĩ này để tự yên ủi. Ý nghĩa đó chính là *công ích*[1], là phúc lợi của những người khác.

Một người không bị dục vọng khống chế thì không bao giờ biết đến cái công ích này; nhưng một người đang nhúng tay vào một tội ác bao giờ cũng biết rất rõ cái công ích đó là cái gì. Và giờ đây Raxtopsin cũng biết rõ điều đó.

Trong khi suy luận ông ta không những không tự trách mình về hành động vừa rồi, mà lại còn tìm ra những lý do tự mãn về việc ông ta biết lợi dụng cái đó một cách *đúng lúc*[2] và có công hiệu – vừa trừng trị kẻ có tội mà lại vừa ổn định được nhân tâm.

"Verssaghin đã bị tòa xử tử hình, – Raxtopsin thầm nghĩ "tuy thật ra Verssaghin chỉ bị viện nguyên lão xử phạt khổ sai) – Hắn là một tên gian tặc và phản quốc; ta không thể tha cho hắn được, ngoài ra làm như vậy thật là *nhất cử lưỡng đắc*[3]: ta đã cung cấp cho dân một vật hy sinh để cho họ yên tâm, và đồng thời lại trừng trị được tên gian phi".

Về đến biệt thự và bắt tay vào sai bảo những việc vụn vặt trong nhà, bá tước đã bình tĩnh hẳn lại.

1. Bien public.
2. À propos.
3. Je faisais d'une pierre deux coups.

Nửa giờ sau bá tước lên một chiếc xe thắng một bộ ngựa tế rất nhanh, cho đám xe qua cánh đồng Xokolniki. Bây giờ ông ta không còn nhớ gì những việc vừa xảy ra nữa, chỉ suy nghĩ đến những việc sẽ còn xảy ra sau này. Xe đang đi về phía cầu Yauxki, nơi mà người ta bảo là Kutuzov hiện đang ghé lại. Bá tước Raxtopsin sắp sẵn trong trí óc những lời trách cứ giận dữ và chua chát mà ông ta sẽ nói với Kutuzov, người ta đã lừa dối ông ta. Ông ta sẽ cho con cáo già của triều đình thấy rằng tất cả những tai họa do việc bỏ ngỏ thủ đô, do việc nước Nga thất thủ (Raxtopsin nghĩ như vậy) gây ra, đều là tại cái đầu óc lẩm cẩm của hắn ta cả. Trong khi sắp sẵn những lời sẽ nói với Kutuzov, Raxtopsin giận dữ trở mình trên xe và hầm hầm đưa mắt nhìn quanh.

Cánh đồng Xokolniki vắng tanh. Chỉ về phía cuối, bên cạnh nhà tế bần và nhà thương điên thấy có những tốp người mặc áo quần trắng và mấy người đi lẻ cùng ăn mặc như vậy đang băng qua cánh đồng, vừa đi vừa quát tháo và hoa chân múa tay.

Một trong những người đó chạy về phía xe. Bá tước Raxtopsin, người đánh xe và mấy người lính long kỵ đều có một cảm giác mơ hồ sợ hãi vừa tò mò khi nhìn những người điên thả rông này, và nhất là người đang chạy lại gần họ. Bước lảo đảo trên đôi chân cao lòng không, tà áo phanh ra phất phới hai bên, người điên này chạy lại rất nhanh, mắt nhìn chòng chọc vào Raxtopsin, cất giọng khàn khàn quát tháo những tiếng gì không rõ và ra hiệu cho ông ta dừng xe lại. Mặt người điên gầy gò và vàng vọt, râu ria nham nhở đám dài đám ngắn. Hai con ngươi đen lánh như mã não của hắn đảo qua đảo lại, trợn ngược xuống phía dưới, để lộ hai mảng lòng trắng màu nghệ. – Đứng lại! Đứng lại! Tao đã bảo đứng lại mà! – người điên hét lên the thé, và lại hổn hển quát tháo cái gì không rõ, có vẻ như ra lệnh, vừa quát vừa hoa chân múa tay.

Hắn đã đến ngang tầm xe và chạy song song bên cạnh.

– Chúng nó đã giết tao chết ba lần, đã ba lần tao sống lại.

Chúng nó lấy đá đập tao, chúng nó đã đóng đinh tao lên cây thập tự... Tao sẽ sống lại... sống lại... sống lại. Chúng nó xé xác tao ra. Vương quốc của Đức Chúa trời sẽ sụp đổ... Tao sẽ phá đổ ba lần và ba lần sẽ dựng nó lại[1] – hắn quát, mỗi lúc một to giọng. Bá tước Raxtopsin bỗng tái mặt đi như khi đám đông vồ lấy Verssaghin. Ông ta quay đi, cất giọng run run nói với người xà-ích.

– Ch...cho... cho xe đi nhanh lên!

Chiếc xe song mã lao nhanh hết tốc lực; nhưng hồi lâu ở phía sau lưng, bá tước Raxtopsin còn nghe tiếng la hét thất thanh, rồ dại mỗi lúc một xa dần, và trước mắt thì chỉ thấy cái mặt đẫm máu, lộ vẻ kinh ngạc và sợ hãi của tên phản bội mặc áo tu lúp da chồn.

Tuy kỷ niệm này rất mới mẻ, bấy giờ Raxtopsin cũng cảm thấy rằng nó đã khắc sâu vào tim ông ta, khắc sâu đến bật máu tim ra. Bây giờ ông đã thấy rõ ràng dấu vết máu của kỷ niệm này sẽ không bao giờ phai nhạt, mà trái lại cái kỷ niệm khủng khiếp ấy sẽ càng ngày càng da diết hơn, ác liệt hơn, cứ thế mà sống mãi trong lòng ông ta cho đến giờ chết. Ông có cảm tưởng như đang nghe văng vẳng bên tai những lời ông đã nói: "Chém chết nó đi, ta ra lệnh như vậy, nếu không chúng bay sẽ chết với ta!". Ông thầm nghĩ: "Tại sao ta lại nói như thế! Hình như ta đã buột miệng nói ra thì phải... Lúc đó ta có thể không nói như vậy: nếu vậy thì đã chẳng có gì xảy ra hết". Ông hồi tưởng lại vẻ mặt sợ sệt rồi bỗng chuyển sang hằn học của người lính long kỵ đã giơ gươm chém vào tên phản tặc và cái nhìn lặng lẽ, rụt rè và đầy trách móc của người thanh niên mặc áo tu lúp đã ngước lên nhìn ông..." Nhưng ta làm như vậy có phải vì ta đâu. Ta đã buộc lòng phải

1. Những câu này phỏng theo những lời Jêxu trong Phúc âm: bọn Pharixiên gán cho Jêxu là đã huyênh hoang tuyên bố rằng mình sẽ ba lần pha đổ đền Jêruxalen và sẽ ba lần dựng nó lại.

làm như vậy. *Đám dân đen, tên phản tặc... công ích*[1] – ông nghĩ thầm.

Bên cầu Yauxki quân lính vẫn còn chen chúc. Khí trời oi bức, Kutuzov, vẻ ủ dột, cau có, đang ngồi trên một chiếc ghế dài ở đầu cầu và lấy chiếc roi vẽ loằng ngoằng trên cát, khi chiếc xe song mã lăn ầm ầm đến đỗ cạnh chỗ ông. Một người mặc quân phục cấp tướng đội mũ có ngù lông, mắt đảo qua đảo lại không biết vì sợ hãi hay vì tức giận, tiến lại gần Kutuzov và bắt đầu nói với ông một câu gì bằng tiếng Pháp. Đó là bá tước Raxtopsin. Ông ta nói với Kutuzov rằng ông ta đến đây là vì nay Maxkva không còn nữa, thủ đô không còn nữa, chỉ có quân đội mà thôi. Ông ta nói:

– Giá đại nhân đừng nói với tôi rằng đại nhân sẽ không bỏ Maxkva mà không giao chiến, thì cơ sự sẽ khác hẳn, có đâu đến nông nỗi này!

Kutuzov đưa mắt nhìn Raxtopsin và dường như không hiểu người ta nói gì với mình, ông ra sức nhìn kỹ gương mặt của người đang nói như để tìm một ý nghĩ gì đặc biệt phản chiếu trên gương mặt ấy. Raxtopsin đâm luống cuống: ông ta im bặt. Kutuzov khẽ lắc đầu, và vẫn nhìn chằm chằm vào mắt Raxtopsin, ông nói khẽ:

– Phải, tôi sẽ không bỏ Maxkva mà không chiến đấu.

Không biết khi nói câu này Kutuzov mải nghĩ đến một việc gì khác hẳn, hay ông ta biết rõ nó vô nghĩa hết sức mà vẫn cố ý nói ra; nhưng bá tước Raxtopsin không đáp lấy một câu nào, vội vàng bỏ ra chỗ khác. Và lạ thay! Quan tổng đốc tư lệnh thành Maxkva, bá tước Raxtopsin kiêu hãnh, cầm lấy một ngọn roi, bước lại gần cầu và vừa hò hét vừa đuổi đánh những chiếc xe tải đang chen chúc ở đầu cầu.

1. La plèbe, le traitre... le bien Public".

XXVI

Vào khoảng gần bốn giờ trưa, quân của Muyra tiến vào Maxkva. Đi trước là một chi đội phiêu kỵ Vuyrtemberg, và tiếp theo là đích thân quốc vương thành Napoli[1] cưỡi ngựa cùng đi với một đoàn tùy giá rất đông.

Vào khoảng giữa Arbat, gần Nilolai Yavlenny, Muyra dừng lại chờ tin tức của đạo tiến quân loan tin báo về tình hình của thành "Kremlin"[2].

Một tốp người gồm những cư dân ở lại Maxkva tụ tập lại xung quanh Muyra. Mọi người đều rụt rè và ngỡ ngàng ngắm nghía ông chỉ huy kỳ quặc để tóc dài, quân phục thêu thùa đầy những kim tuyến, mũ cắm đầy những lông chim.

– Thế nào, Sa hoàng của họ đấy à? Trông cũng bảnh đấy chứ! – trong đám đông có tiếng nói khẽ.

Một viên thông ngôn cưỡi ngựa lại gần. Trong đám đông có tiếng giục nhanh:

– Cất mũ đi... cất mũ.

Viên thông ngôn hỏi một người gác cổng già, xem từ đây đến thành Kreml có còn xa không? Lão gác cổng nghe cái giọng Ba – lan lạ tai quá, không nhận ra rằng đó là tiếng Nga, không hiểu viên thông ngôn muốn nói gì, và lẩn ra sau lưng mấy người khác.

Muyra cho ngựa bước lại gần viên thông ngôn và bảo y hỏi xem quân Nga ở đâu. Trong đám người Nga có người đã hiểu được câu hỏi của viên thông ngôn, và bỗng có mấy người cùng trả lời một lúc. Một viên sĩ quan Pháp từ đạo tiến quân trở lại báo với

1. Tức Muyra (xem phụ lục quyển I)
2. "Le Kremlin"

Muyra rằng cổng thành đã đóng và hình như có quân mai phục bên trong.

– Được! - Muyra nói, đoạn quay về phía một sĩ quan trong đoàn tùy tùng, ra lệnh đem bốn khẩu khinh pháo bắn vào cổng thành.

Đội pháo binh từ đạo quân đi sau Muyra tiến ra và đoàn xe kéo pháo chạy dọc theo phố Arbat. Đi đến cuối phố Vozdvijenka, đội pháo binh dừng lại và xếp thành thế trận trên quảng trường. Mấy viên sĩ quan Pháp cho bố trí các khẩu đại bác và bắc ống nhòm nhìn vào thành Kreml.

Trong thành bỗng vẳng ra tiếng chuông nguyện buổi chiều. Hồi chuông làm cho quan Pháp hoang mang lo lắng. Họ tưởng đó là hồi chuông báo động kêu gọi dân chúng cầm vũ khí. Một đội bộ binh Pháp chạy về phía cổng Kutafiev. Cổng này có chống thêm những khúc gỗ và những tấm ván. Người sĩ quan vừa dẫn đội bộ binh chạy lại phía cổng thì từ phía trong cổng nổ ra hai phát súng trường. Viên tướng đứng cạnh bốn khẩu pháo liền ra lệnh cho viên sĩ quan dẫn tốp lính chạy lùi lại.

Trong cổng còn nghe thêm ba tiếng súng nổ.

Một phát súng trường bắn trúng chân một người lính Pháp, phía sau đống gỗ ván chống ở cạnh cổng bỗng vang lên mấy tiếng reo kỳ lạ của một nhóm người không đông lắm. Vẻ vui tươi và điềm tĩnh trên gương mặt viên tướng Pháp, các sĩ quan và binh lính Pháp, bỗng cùng một lúc, răm rắp như theo một mệnh lệnh, nhường chỗ cho một vẻ mặt đăm chiêu biểu lộ tinh thần sẵn sàng chiến đấu và chịu dựng đau khổ. Đối với họ, kể từ viên thống soái cho đến người lính thường, chỗ này không phải là Vozđvijenka, Mokhovaya, Kutuafya hay là cửa ô Troixki mà là một địa điểm mới của một chiến trường mới, nơi có lẽ sắp xảy ra một trận huyết chiến. Và mọi người đều chuẩn bị bước vào trận chiến đấu này. Những tiếng reo trong cổng đã im bặt. Bốn khẩu pháo đã được

đẩy tới. Mấy người pháo binh thổi cho bùi nhùi cháy to lên. Viên sĩ quan hô: "bắn!"[1] và hai tiếng đạn rít kế tiếp nhau. Loạt đạn ria vỗ đôm đốp vào nền đá, và đống gỗ ván ở cổng thành; và hai đám khói lớn từ quảng trường bốc lên.

Tiếng vang của loạt đạn từ bức thành đá của điện Kremli dội ra im đi được một lát thì trên đầu quân Pháp bỗng nghe có một âm thanh kỳ lạ. Một đám chim galka[2] đông hàng nghìn con bay lên lượn vòng trên thành, kêu quang quác và vỗ cánh rào rào. Đồng thời từ cánh cổng vang lên một tiếng cười thét đơn độc, và từ sau làn khó hiện ra một bóng người mặc kaftan không đội mũ. Người đó cầm một khẩu súng chĩa vào quân Pháp.

– Bắn[3] – viên sĩ quan pháo binh lại hô, và một phát súng trường cùng hai phát đại bác cùng nổ vào một lúc. Khói lại phủ kín cổng thành.

Sau đống gỗ ván không thấy động đậy gì nữa, và đám quân lính và sĩ quan Pháp lại gần cổng. Trước cổng thành có ba người bị thương và bốn người chết nằm ngổn ngang. Hai người mặc áo kaftan chạy dọc theo bức thành, về phía Znamenka.

Viên sĩ quan chỉ đống gỗ và mấy xác chết, nói:

– Hót đi.[4]

Quân Pháp bắn mấy người bị thương cho chết hẳn và quăng xác qua tường. Những người ấy là ai, thì chẳng có người nào biết. Người ta chỉ có: "Hót đi!" rồi quẳng đi; về sau họ lại được mang đi lần nữa, cho khỏi thối. Chỉ có một mình Tyer[5] dành cho vong hồn họ mấy dòng chữ bao hàm nhiều ý nghĩa:

1. "Feu!".
2. Loại quạ nhỏ.
3. "Feu!".
4. "Enlevez - moi cà".
5. Sử gia Pháp (xem quyển I)

"Những kẻ khốn nạn ấy đã xông vào thành Kremlin thần thánh, kiếm được mấy khẩu súng trong kho vũ khí và bắn (cái quân khố nạn) vào người Pháp. Người ta đã chém chết mấy tên và quét sạch chúng ra khỏi điện Kremlin"[1].

Họ báo cáo với Muyra là đường vào thành đã mở. Quân Pháp tiến vào cổng thành và bắt đầu đóng thành doanh trại ở quảng trường nguyên lão viện. Quân lính vứt ghế qua cửa sổ Nguyên lão viện để nhóm bếp.

Những đội quân khác kéo qua điện Kreml và chia nhau hạ trại ở Moraxeyka, Lebianka, Pokrovka. Lại có những đội khác chia nhau đóng ở Vozdvijenka, Tverxkaya, Nikolxkaya, Tverxkaya. Chẳng có nơi nào còn chủ nhà nữa, nên quận Pháp không đóng như khi trú quân ở nhà dân, mà lại đóng thành một doanh trại rải rộng ra trong thành phố.

Mặc dầu rách rưới, đói khát, mệt lả và chỉ còn được một phần ba quân số cũ, quân Pháp vẫn tiến vào Maxkva thành đội ngũ chỉnh tề. Đó là một quân đội đã mỏi mệt, kiệt quệ, nhưng vẫn là một quân đội thiện chiến hùng mạnh. Nhưng nó chỉ còn là một quân đội cho tới khi các đơn vị phân tán ở rải rác trong các khu phố: quân lính vừa chia nhau vào ở các tòa nhà trống trải và sang trọng trong thành, thì quân đội đã vĩnh viễn mất đi, và thay vào đó là một thứ gì chẳng phải là dân, chẳng phải là lính, mà là một hạng trung gian, thường gọi là những kẻ đi hôi của[2]. Năm tuần sau, khi chính những con người đó ra khỏi Maxkva, thì họ không còn là một quân đội nữa. Đó là một đám người đi hôi của, trong đó ai nấy đều chở hay mang theo một đống đồ đạc mà họ cho là quý

1. "Ces misérables avaient envahi la citadelle sacrée, s'étaient emparés des fusilsde l'arsenal, et tiraient (les misérables) sur les Francais. On en sabra quelques uns et purgoa le Kremlin de leur présence".

2. Nguyên văn: Maroder (maraudeurs) - từ chỉ những quân lính ăn trộm của dân trong thời chiến.

giá hay cần dùng. Mục đích của mỗi người khi ra khỏi Maxkva không còn là chinh phục đất người như trước kia nữa, mà chỉ là làm sao giữ lại những của cải đã vớ được. Giống như con khỉ thò tay vào hũ bốc được một nắm hạt dẻ rồi không rút tay ra được vì miệng hũ quá hẹp, nhưng vẫn không chịu thả hạt dẻ ra, cứ thế mà chịu chết, quân Pháp khi rút ra khỏi Maxkva hẳn là cũng sẽ phải chết vì cứ cố mang theo những vật đã cướp được, mà không thể nào bỏ những vật ấy lại, cũng như con khỉ không thể nào bỏ lại nắm hạt dẻ. Mười phút sau khi một trung đoàn Pháp tiến vào một khu phố nào đấy ở Maxkva, và đã không còn lại một người lính hay một sĩ quan nào nữa. Trong các khung cửa sổ có thể thấy thấp thoáng những con người mặc áo ca-pốt và đi ghệt, cười ha hả đi lang thang khắp các phòng; trong các gian chứa thức ăn và trong các hầm rượu cũng có những người như vậy đang tha hồ sử dụng các thứ lương thực; trong các sân cũng có những người như vậy đang mở và đập phá các cửa vựa thóc và tàu ngựa; trong các bếp họ nhóm lửa, xắn tay áo lên, luộc, nấu, rán, nhào bột, dọa nạt đàn bà trẻ con, trêu cho họ cười, vuốt ve họ. Và những người ấy thì đâu đâu cũng có rất nhiều; trong các cửa hiệu; trong các nhà; nhưng quân đội thì không còn nữa.

Ngay hôm ấy các sĩ quan chỉ huy Pháp đã ra hết lệnh này đến lệnh nọ cấm các đơn vị không được phân tán trong thành phố, nghiêm cấm việc hành hung cư dân và trộm cắp của cải, ấn định ngay tối hôm ấy sẽ tổng kiểm điểm quân số; nhưng dù có tiến hành biện pháp gì đi nữa, thì những con người mà trước đây đã từng làm thành một quân đội, đều vẫn cứ tràn dần ra khắp cái thành phố trống trải, giàu có và lắm tiện nghi, lắm thức ăn uống này.

Maxkva không còn dân cư nữa, và như nước thấm vào cát, quân lính bị hút sâu vào các phố phường từ điện Kreml là nơi họ vào trước tiên, tỏa ra bốn phía như những cánh sao, không gì

cưỡng lại được. Mấy người lính kỵ mã vào nhà một người lái buôn còn nguyên đồ đạc, tàu ngựa rộng rãi thừa chỗ buộc ngựa, nhưng vẫn sang choán thêm ngôi nhà bên cạnh, vì họ có cảm tưởng là nhà này còn tốt hơn nữa. Nhiều người chiếm đến ba bốn nhà, lấy phấn viết tên mình ở trước cổng, cãi cọ và thậm chí còn đánh nhau với các đơn vị khác để tranh nhà. Chưa kịp dọn xong chỗ ở, quân lính đã chạy ra ngắm cảnh phố phường và khi nghe đồn là dân cư đã bỏ hết của cải lại, họ ùa nhau chạy đến những nơi nào có thể vớ được nhiều đồ vật quý giá. Các sĩ quan chỉ huy đi gọi quân lính trở về, cũng bất giác làm theo họ. Ở khu Karetny Riad có những cửa hàng đóng xe còn để lại rất nhiều xe cộ, thế là các tướng tá tấp nập kéo đến để chọn xe. Những người dân còn ở lại mời các sĩ quan chỉ huy về nhà, mong dựa vào họ để khỏi bị quân lính cướp bóc. Của cải nhiều vô số, tưởng chừng không sao kể xiết; quanh những nơi có quân Pháp đóng, đâu đâu cũng thấy còn những nơi chưa khám phá, chưa bị chiếm, và quân Pháp cứ có cảm giác là những nơi ấy, lại còn có nhiều của cải hơn nữa. Và Maxkva nỗi lúc một hút sâu quân Pháp vào lòng. Khi đổ nước xuống đất khô, thì nước cũng biến mất, mà đất khô cũng không còn; khi một quân đội đói khát tiến vào một thành phố trù phú bị bỏ trống cũng vậy: quân đội cũng biến mất, mà thành phố trù phú cũng chẳng còn: chỉ còn lại rác rưởi, trộm cắp và hỏa hoạn.

Người Pháp gán việc đốt cháy Maxkva cho *lòng ái quốc hung tàn của Raxtopsin*[1]; người Nga gán việc đó cho sự tham tàn dã man của quân pháp. Thật ra không có và không thể có nguyên nhân nào gây nên vụ hỏa hoạn Maxkva, nếu hiểu nguyên nhân đây là phần trách nhiệm của một người hay một số người nào đó. Maxkva cháy là vì nó được đặt vào những điều kiện mà bất cứ thành phố nào làm bằng gỗ cũng phải cháy, bất luận trong thành phố đó có hay không có một trăm ba mươi cái vòi chữa cháy hạng

1. Le patriotisme féroce de Rastopchine.

tồi Maxkva tất phải cháy là vì dân cư đã đi hết. Nó cũng cháy một cách tất nhiên như một đống vỏ bào tất phải cháy nếu cứ có những tán lửa liên tiếp rơi xuống trong mấy ngày liền. Một thành phố làm bằng gỗ, mà ngay khi các cư dân, các chủ nhà còn ở lại và trong thành phố còn có một đội cảnh sát, hầu như ngày nào cũng có đám cháy, thì không thể nào không cháy khi trong thành phố không có dân ở nữa mà chỉ có những đội quân hút thuốc, lấy ghế của Viện nguyên lão ra đun bếp trên quảng trường của viện, mỗi ngày hai lần thổi nấu. Vào thời bình, chỉ cần có những đơn vị bộ đội trú quân ở trong các làng thuộc một địa phương nhất định, là số đám cháy trong địa phương ấy lập tức tăng lên. Thế thì khả năng xảy ra hỏa hoạn còn tăng lên đến chừng nào khi một đội quân ngoại quốc đóng trong một thành phố bằng gỗ không dân? *Cái lòng ái quốc hung tàn của Raxtopsin* và sự tham tàn dã man của quân Pháp không hề dính dáng gì ở đây cả. Maxkva cháy là vì những tẩu thuốc, những cái bếp, những đống lửa, vì sự cẩu thả của quân lính địch, là những kẻ ở trong nhà nhưng lại không phải là chủ nhà. Vả chăng, dù có những kẻ cố tình đi đốt chăng nữa - điều này rất khó tin, vì chẳng ai có lý do gì để đốt nhà, và dù sao đốt nhà như vậy cũng là một công việc khó khăn và nguy hiểm, thì cũng không thể xem những người đó là nguyên nhân, bởi vì không có họ thì cơ sự cũng vẫn thế.

Dù người Pháp lấy làm thích thú buộc tội cho tính hung tàn của Raxtopsin, dù người Nga lấy làm thích thú buộc tội cho tên giặc Bonapartơ, rồi về sau lại cho rằng bàn tay nhân đạo họ đã giơ ngọn đuốc anh hùng lên đốt cháy kinh đô, thì cũng không thể nào không thấy rằng vụ hỏa hoạn này không thể có một nguyên nhân trực tiếp như vậy, bởi vì thế nào rồi Maxkva cũng phải cháy, như bất cứ làng nào, bất cứ nhà máy nào, bất cứ ngôi nhà nào mà các chủ nhà đã bỏ đi để cho người lạ vào làm chủ và tha hồ nấu

nướng. Maxkva đã bị dân đốt cháy, quả đúng như vậy; nhưng đây không phải là những người dân ở lại trong thành phố, mà là những người dân đã bỏ đi. Khi bị địch quân chiếm đóng, Maxkva không còn nguyên vẹn được như Berlin. Viên và các thành phố khác, chỉ vì dân cư của nó không bưng bánh mì và muối[1], không mang chìa khóa[2] ra đón quân Pháp, mà lại bỏ thành phố ra đi.

XXVII

Suốt ngày mồng hai tháng chín, quân Pháp ngấm dần vào Maxkva, tỏa rộng ra bốn phía như những cánh sao. Đến tối ngày hôm ấy nó mới ngấm đến tận khu vực mà Pier hiện trú ngụ.

Sau hai ngày vừa qua sống cô độc trong một trạng thái gần như bệnh điên, một ý nghĩ độc nhất đang ám ảnh chàng. Chàng cũng không biết ý nghĩ này đến với chàng như thế nào và từ bao giờ, nhưng bây giờ nó khống chế chàng đến nỗi chàng không còn nhớ gì những việc xảy ra trong quá khứ, mà cũng chẳng hiểu tí gì về những việc đang diễn ra hiện nay; và tất cả những điều mà chàng thấy trước mắt và nghe bên tai đều mờ ảo như trong giấc mộng.

Pier bỏ nhà ra đi chỉ vì muốn thoát khỏi những yêu cầu rối ren hỗn tạp của cuộc sống đang vây bọc lấy chàng như một màng lưới mà trong tình trạng hiện nay chàng không sao đủ sức gỡ ra được... Chàng đến nhà Ioxip Alekxeyevits lấy cớ là để chọn sách vở giấy tờ của người quá cố, nhưng thực ra chỉ là để tìm cách khuấy khỏa những mối lo âu bứt rứt của cuộc sống. Và trong tâm

1. Tượng trưng cho lòng mến khách (theo phong tục Nga).

2. Tức chìa khóa tượng trưng của thành phố, để tỏ ra rằng thành phố mở cửa không chống cự.

trí chàng những kỷ niệm về Ioxip Alekxeyevits gắn liền với cái thế giới của những tư tưởng vĩnh hằng, yên tĩnh và trang nghiêm, hoàn toàn trái ngược với những nỗi lo lắng rối ren mà chàng đang cảm thấy mình bị lôi cuốn vào. Chàng tìm ra một nơi trú ẩn tĩnh mịch, và quả nhiên đã tìm thấy chỗ ẩn náu đó trong gian phòng làm việc của Ioxip Alekxeyevits. Trong căn phòng im phăng phắc, khi chàng ngồi xuống, chống hai khuỷu tay lên cái bàn giấy phủ bụi của người quá cố, trong tưởng tượng của chàng lần lượt hiện ra, thanh thản và đầy ý nghĩa, những kỷ niệm của những ngày vừa qua, đặc biệt là của trận Borođino và cái cảm giác mà chàng không sao cưỡng nổi – rằng mình vô nghĩa và dối trá quá chừng so với sự chân thật, giản dị và mạnh mẽ của lớp người đã in sâu vào lòng chàng thành một chữ giản đơn: họ. Khi Gheraxim vào phòng đột ngột làm cho chàng sực tỉnh, chàng bỗng nảy ra ý nghĩ mình sẽ cùng nhân dân tham dự vào công cuộc phòng thủ Maxkva sắp tới mà chàng biết là đã được dự định. Và để thực hiện ý định ấy chàng lập tức bảo Gheraxim kiếm cho chàng một chiếc áo kaftan và một khẩu súng ngắn, và cho người lão bộc biết rõ là chàng sẽ giấu kín tên tuổi và ở lại nhà Ioxip Alekxeyevits. Rồi, trong cái ngày đầu sống cô độc và nhàn rỗi (Pier đã mấy lần cố gắng lưu ý đến cái bản thảo viết tay của hội Tam điểm, nhưng không được), chàng nhiều lần nhớ đến ý nghĩa thần bí của cái quan hệ giữa tên chàng với bên Bonapartơ. Russe Besuhof[1], là người có sứ mệnh chấm dứt sự hoành hành của con ác thú ấy. Trước đây chàng cũng đã nhiều lần nghĩ đến điều này, nhưng đó chỉ là một ước mơ vụt thoáng qua trong tưởng tượng một cách vô cứ và không để lại dấu vết gì.

Sau khi mua được chiếc áo kaftan (chỉ nhằm mục đích tham dự vào việc bảo vệ Maxkva và nhân dân), Pier đã gặp gia đình Rôxtôv, và khi Natasa đã nói với chàng: "Anh ở lại à? Chà, hay

1. Người Nga Bêduhop.

quá!" thì chàng bỗng có ý nghĩ rằng quả cũng hay thật, dù Maxkva có thất thủ thì chàng cũng nên ở lại để hoàn thành cái nhiệm vụ tiền định cho chàng.

Ngày hôm sau, với một ý nghĩ duy nhất là quyết không tiếc thân mình và không thua kém họ chút nào, Pier đi ra cửa ô Trigorư. Nhưng khi chàng quay về nhà vì đã biết rõ người ta sẽ không bảo vệ thì điều mà trước kia chàng chỉ xem như một khả năng thôi nay đã trở thành một việc tất nhiên phải làm và không sao tránh khỏi. Chàng nhất định phải giấu kín tên họ ở lại Maxkva tìm cách gặp Napôlêông và giết hắn đi: một là chết, hai là chấm dứt cơn hoạn nạn của toàn thể châu Âu, cơn hoạn nạn mà Pier cho là chỉ do một mình Napôlêông gây ra. Pier biết rất rõ vụ mưu sát Napôlêông do người sinh viên Đức[1] tiến hành ở Viên năm 1809, và cũng biết người sinh viên đó đã bị xử bắn. Và điều nguy hiểm có thể hy sinh cả tính mạng, trong khi thực hiện ý định lại càng cổ vũ Pier thêm.

Hai tình cảm có sức mạnh ngang nhau không sao cưỡng nổi đang lôi cuốn Pier tới chỗ thực hiện ý định đó. Trước hết, Pier thấy mình nhất thiết phải hy sinh và đau khổ khi đã nhận thức được tai họa chung: đó chính là cái tình cảm đã khiến chàng đến Mojaixk vào ngày hai mươi nhăm tháng trước và dấn thân vào nơi lửa đạn, rồi đến nay bỏ nhà ra đi, từ giã cảnh sinh hoạt sang trọng và xa xỉ đến ngủ trên một chiếc đi-văng cứng không cởi áo ngoài, và cũng chia sẻ bữa ăn với Gheraxim; tình cảm thứ hai là lòng khinh miệt mơ hồ mà chỉ riêng người Nga mới có đối với tất cả những cái gì ước lệ, giả dối, nhân tạo, đối với tất cả những cái gì mà người đời thường xem là hạnh phúc tuyệt đỉnh của nhân loại. Lần đầu tiên, Pier đã có cái tình cảm kỳ lạ và đầy sức quyến rũ ở cung Xlobodxki, khi mà chàng chợt hiểu rằng của cải, quyền binh, tính mệnh, tất cả những điều mà con người ta ra sức xếp

1. Tên là Phrđich Stáp (1792 - 1809).

đặt và giữ gìn – tất cả những thứ đó nếu có chút giá trị gì thì chẳng qua cũng là ở cái khoái cảm mà người ta có được khi vứt bỏ nó đi. Đó chính là cái tình cảm khiến người lính chí nguyện đem nướng đồng cô-pếch cuối cùng của mình trong quán rượu, khiến người quá chén vô cớ đập vỡ gương và kính, tuy cũng biết rằng sẽ phải đem những đồng tiền cuối cùng trong túi ra đền; đó là cái tình cảm khiến người ta làm những việc điên rồ (theo con mắt người tục) như để thử thách sức mạnh và quyền lực của mình, cái tình cảm chứng tỏ rằng có một tòa án cao cả đứng ở bên trên những quy ước của nhân loại và xét xử cuộc sống.

Từ ngày Pier thể nghiệm lần đầu tiên cái tình cảm này ở cung Xlobođxki, chàng đã luôn luôn chịu ảnh hưởng của nó, nhưng mãi đến bây giờ chàng mới có khả năng thỏa mãn tình cảm đó một cách trọn vẹn. Hơn nữa, trong giây phút này việc mà Pier đã làm theo hướng ấy khiến chàng giữa vững ý định và không cho phép chàng từ bỏ nó nữa. Việc chàng bỏ nhà ra đi, chiếc áo kaftan, khẩu súng ngắn, những lời chàng nói với gia đình Rôxtôv rằng chàng sẽ ở lại Maxkva, – tất cả những điều đó không những sẽ mất hết ý nghĩa, mà lại còn đâm ra đáng khinh và lố bịch nữa (Pier rất sợ điều này), nếu như sau đó chàng lại rời Maxkva ra đi như những người khác.

Cơ thể của Pier lúc bấy giờ – đó là lệ thường đối với bất kỳ ai – cũng phù hợp với tâm trạng của chàng. Những thức ăn thô tạp mà chàng vốn không quen ăn, những cốc rượu vốt-ca mà chàng uống mấy hôm nay, tình trạng thiếu rượu nho và xì-gà, bộ đồ lót bẩn lâu ngày không thay, hai đêm gần như mất ngủ trên chiếc đi-văng ngắn thay giường, tất cả những cái đó khiến Pier luôn luôn ở trong tình trạng thần kinh khích động gần như điên.

Bấy giờ đã hơn một giờ trưa. Quân Pháp đã tiến vào Maxkva. Pier biết thế, nhưng chàng vẫn chưa hành động, mà chỉ ngồi nghĩ đến ý định của mình, suy đi tính lại thật tỷ mỷ những việc sẽ

làm. Trong khi mơ tưởng như vậy, chàng không hình dung được rõ rệt khi chàng hoạt động, khi Napôlêông chết sẽ ra sao, nhưng lại hình dung được cảnh mình bị sát hại và thái độ dũng cảm của mình một cách rõ rệt lạ thường, và thấy khoái trá nhưng cũng buồn buồn khi nghĩ đến cảnh ấy.

"Phải, vì mọi người, một mình ta phải làm tròn việc đó, hay là chết! – Pier thầm nghĩ. – Phải, ta sẽ đi... rồi đột nhiên... Dùng súng hay dùng dao găm?... thì cũng thế thôi. Đây không phải là cá nhân ta, đây là bàn tay của Thượng đế trừng phạt ngươi... ta sẽ nói thế (Pier sắp sẵn những lời sẽ đem ra nói khi giết Napôlêông). – Thôi được, các ngươi bắt ta đi, hay hành hình ta đi" – Pier nhẩm nói một mình, vẻ mặt buồn rầu nhưng rắn rỏi, đầu cúi gằm.

Trong khi Pier đứng ở giữa phòng suy nghĩ một mình như vậy thì cửa phòng bỗng mở toang ra và Makar Alekxeyevits xuất hiện trên ngưỡng cửa. Cái dáng dấp xưa nay vẫn rụt rè của hắn ta bây giờ đã thay đổi hẳn. Chiếc áo dài của hắn ta bây giờ đã thay đổi hẳn. Chiếc áo dài của hắn phanh rộng ra; mặt hắn đỏ gay và trông rất dễ sợ. Rõ ràng là hắn đang say rượu. Thoạt mới trông thấy Pier, hắn luống cuống một lúc, nhưng khi nhận thấy vẻ mặt chàng cũng có vẻ luống cuống, hắn dạn dĩ lên ngay và bước loạng choạng trên đôi chân khẳng kheo tiến vào giữa phòng.

– Chúng nó sợ rồi. – Makar Alekxeyevits nói, giọng khàn khàn, có vẻ tin cậy. – Tôi đã bảo là tôi không hàng, tôi đã bảo mà... có phải không thưa ngài? – hắn ngẫm nghĩ một lát rồi chợt trông thấy khẩu súng ngắn để trên bàn, hắn chộp lấy một cách nhanh nhẹn không ngờ và chạy ra hành lang.

Gheraxim và người gác cổng chạy theo Makar Alekxeyevits lại và cố giật khẩu súng ra. Pier ra hành lang, nhìn theo lão dở điên dở dại, vừa thấy thương vừa ghê tởm. Makar Alekxeyevits nhăn nhó vì đang cố lấy gân giữ khẩu súng lại, cất tiếng khàn

khàn quát tháo huyên thiên, chắc là đang tưởng tượng ra một việc gì long trọng lắm.

– Báo động! Xung phong! Chỉ láo, không tước được súng của tao đâu! – hắn quát.

– Thôi, xin ông thôi cho. Ông làm ơn bỏ súng ra cho. Kìa, ông!... – Gheraim tìm cách đẩy hắn vào trong nhà.

– Mi là ai? Bonapatơ!... - Makar Alekxeyevits quát lên.

– Như thế không tốt đâu; ông ạ. Xin mời ông về phòng nghỉ một chút. Xin ông thả khẩu súng ra cho.

– Xéo ngay, hỡi tên nô lệ đáng khinh kia! Chớ có chạm vào người ta! Người thấy chưa? – Makar Alekxeyevits quát, tay hoa khẩu ngắn. – Xung phong!

Gheraxim nói thầm với người gác cổng:

– Nắm lấy!

Họ chộp lấy hai cánh tay Makar Alekxeyevits và kéo vào phía cửa.

Trong phòng ngoài vang lên những tiếng rú khàn khàn của người say rượu đang kêu thất thanh và tiếng người lôi kéo nhau huỳnh huỵch.

Bỗng một tiếng rú khác, một tiếng rú the thé của một người đàn bà từ ngoài thềm đưa vào, rồi bà nấu bếp chạy vào phòng ngoài.

– Chúng nó đấy! Cha mẹ ơi! Đúng là chúng nó rồi... Bốn đứa cưỡi ngựa!... – bà ta thét.

Gheraxim và người gác cổng thả Makar Alekxeyevits ra, và trong dãy hành lang bây giờ im phăng phắc nghe rõ mồn một tiếng mấy bàn tay gõ lên cánh cửa ra vào.

XXVIII

Pier đã đinh ninh tự nhủ rằng từ bây giờ cho tới khi hoàn thành ý định chàng sẽ không để lộ tên họ mình ra và cũng sẽ giấu kín không cho ai biết là chàng biết tiếng Pháp. Chàng đứng bên cánh cửa hé mở trong dãy hành lang, định là hễ quân Pháp vào thì sẽ lánh mặt ngay. Nhưng quân Pháp đã vào mà Pier vẫn đứng yên ở cửa: một sự tò mò không sao khắc phục nổi đã giữ chàng lại.

Cả thảy có hai người Pháp. Người thứ nhất là một viên sĩ quan, một người cao lớn, xốc vác và đẹp trai, người kia chắc là một người lính hay một người cần vụ gì đấy, dáng người thấp bé, gầy gò, nước da đen sạm, má hóp, vẻ mặt ngờ nghệch. Viên sĩ quan chống một chiếc can đi khập khiễng bước vào hành lang. Đi vào được mấy bước, viên sĩ quan như đã yên chí rằng đây là một chỗ ở tốt, bèn dừng lại, quay về phía hai người lính đang đứng ở ngoài cổng lớn tiếng sai họ dắt ngựa vào. Làm xong công việc đó, viên sĩ quan đưa tay lên sửa lại bộ ria, khuỷu tay khuỳnh ra trông rất ngang tàng, rồi đưa bàn tay chạm vào vành mũ.

– *Chào tất cả*![1] – viên sĩ quan mỉm cười nói, đưa mắt vui vẻ nhìn quanh.

Không ai đáp lại một tiếng. Viên sĩ quan quay sang Gheraxim hỏi:

– *Ông là chủ nhà phải không*?[2].

Gheraxim sợ sệt và bỡ ngỡ nhìn viên sĩ quan.

– *Quác-tia, quác-tia*[3], *chỗ ở ấy mà* – viên sĩ quan nói, miệng

1. Bonjour, la compagne.
2. Vous êtes le bourgeois?
3. Tức quartier (tiếng Đức) hay kvartira (tiếng Nga), đều có nghĩa chỗ ở.

mỉm một nụ cười hồn hậu và ra vẻ bề trên, đưa mắt xuống ông già thấp bé. – *Người Pháp rất hiền lành. Có quái gì đâu nào! Thôi đừng giận, ông bạn già nhé*[1], – viên sĩ quan vừa nói thêm vừa vỗ vai Gheraxim bấy giờ lặng thinh, có vẻ hoảng sợ.

– *Chà! thế ra trong cửa hiệu này không có ai biết nói tiếng pháp à*[2] – người Pháp nói thêm, đưa mắt nhìn quanh và bắt gặp đôi mắt của Pier, Pier vội lảng đi.

Viên sĩ quan lại quay về phía Gheraxim, bảo lão ta dẫn hắn đi xem các phòng trong nhà.

– Ông chủ, không có lớ.... tôi, không hiểu lớ... – Gheraxim nói, ý chừng lão cho rằng nói trọ trẹ đi như vậy thì người Pháp kia may ra mới hiểu.

Viên sĩ quan Pháp mỉm cười xòe hai bàn tay ra khua khua trước mũi Gheraxim để tỏ ra rằng hắn ta cũng chẳng hiểu gì nốt, rồi khập khiễng bước về phía cánh cửa có Pier đứng.

Pier đã toan lẩn đi, nhưng ngay lúc ấy chàng trông thấy Makar Alekxeyevits tay cầm súng ngắn từ cửa nhà bếp lù lù bước ra. Với cái vẻ tinh quái của một người điên. Makar Alekxeyevits đưa mắt nhìn viên sĩ quan Pháp từ đầu đến chân rồi giơ súng lên nhằm.

– Xung phong!!! – người say rượu quát to và luồn ngón tay vào bấm còi. Viên sĩ quan Pháp nghe tiếng quát giật mình quay lại, và cũng ngay lúc ấy Pier đã lao người vào Makar Alekxeyevits. Trong khi Pier nắm lấy khẩu súng ngắn và nhấc bổng lên, người say rượu đã bấm trúng cò, và một phát súng nổ choáng tai, khói thuốc bao bọc lấy mọi người. Người Pháp tái mặt đi và chạy ra cửa.

---

1. Quartire, quartire, logement. - Les Francais sont des bons enfants. Que diable, voyons! Ne nous fâchons pas vieux.

2. A cà! Dité donc, on ne parle donc pas francis dans cette boutique?

Quên mất ý định giấu không cho ai biết mình biết tiếng Pháp, Pier giật khẩu súng ngắn vứt đi, và chạy lại gần viên sĩ quan nói với hắn bằng tiếng Pháp:

– *Ông không bị thương chứ?*.[1]

– *Hình như không,* –viên sĩ quan vừa đáp vừa nắn nắn *khắp người – nhưng lần này thì suýt nữa toi mạng*[2] – hắn nói thêm, tay chỉ vào chỗ vừa bị sứt trên tường, rồi đưa mắt nghiêm nghị nhìn Pier, hắn hỏi: – *Người này là ai?*[3]

– *Ồ, tôi thật vô cùng ân hận về việc xảy ra,* – Pier nói nhanh: bây giờ chàng đã quên hẳn vai trò của mình. – *Đó là một người điên, một người khốn khổ chẳng biết mình làm gì nữa*[4].

Viên sĩ quan lại gần Makar Alekxeyevits và túm lấy cổ áo hắn. Makar Alekxeyevits, môi trề xuống, người lắc lư dựa vào tường, như người ngủ gật. – *Đồ kẻ cướp, mày sẽ biết tay tao* – người Pháp bỏ tay ra nói – *người Pháp chúng tôi rất khoan hồng sau khi thắng trận, nhưng chúng tôi không dung thứ những kẻ phản trắc*[5] – hắn nói thêm, vẻ mặt trang trọng và nghiêm khắc, tay làm một cử chỉ cương quyết trông rất đẹp mắt.

Pier tiếp tục dùng tiếng Pháp xin viên sĩ quan đừng chấp làm gì một kẻ điên rồ say rượu. Người Pháp lặng thinh nghe chàng nói, vẻ mặt lầm lầm vẫn không thay đổi, rồi bỗng mỉm cười ngảnh về phía Pier, im lặng nhìn chàng một lát. Trên gương mặt tuấn tú của hắn hiện lên một sắc thái dịu dàng rất bi kịch. Hắn chìa tay ra.

---

1. Vous n'êtes pas blessé?

2. Je crois que non, - mais je l'ai manqué belle cette fois-ci.

3. Quel est cet homme?

4. Ah. je suis vraiment au désespoir de ce qui vient d'arriver. - C'est un fou, un malheureux qui ne sayait pas ce qu'il faisait.

5. Brigand,tu me le payeras - Nous autres, nous sommes cléments après la victoire, mais nous ne pardonnons pas aux traitres.

– *Ông đã cứu sống tôi! Ông là người Pháp*[1] – hắn nói.

Đối với một người Pháp, đó là một kết luận chắc chắn không còn phải nghi ngờ gì nữa. Chỉ có một người Pháp mới có một hành động cao cả được, mà cứu sống hắn, là *M.Rambal, đại úy của trung đoàn khinh binh thứ mười ba*[2], chắc chắn phải là hành động cao cả nhất.

Nhưng mặc dù cái kết luận ấy thật không còn có thể nghi ngờ gì nữa, viên sĩ quan một mực tin chắc như vậy, Pier vẫn thấy cần làm cho hắn ta vỡ mộng.

– *Tôi là người Nga*[3], – chàng nói nhanh.

– *Ô chà chà chà, thôi xin ông,* – người Pháp vừa nói vừa giơ ngón tay lên khua khua ở trước mũi. – *Chốc nữa ông kể cho tôi nghe đầu đuôi chuyện này nhé. Rất sung sướng được gặp một người đồng bang. Thế nào! bây giờ ta xử trí người này ra sao?*[4] – hắn nói thêm với Pier, giọng đã thân mật như chỗ anh em.

Dù Pier không phải là người Pháp thì một khi đã được nhận cái danh hiệu cao cả nhất trên đời này, chàng ta cũng không thể nào khước từ nó được, – giọng nói và vẻ mặt của viên sĩ quan Pháp biểu lộ rõ ràng ý nghĩ đó.

Pier phân trần một lần nữa cho nên viên sĩ quan hiểu Makar Alekxeyevits là người thế nào, chàng cắt nghĩa rằng ngay trước khi họ đến, con người điên rồ và say rượu ấy đã lôi ở đâu ra được một khẩu súng có nạp đạn, người nhà chưa kịp lấy lại thì họ đã vào, và chàng yêu cầu viên sĩ quan đừng trừng trị hành động đó.

Người Pháp ưỡn ngực ra và dang tay làm một cử chỉ đế vương.

1. Vous m'avez sauvé la vie! Vous êtes Francais.

2. M.Ramballe. capitaine du 13- ème léger.

3. Je suis Russe.

4. A. d'autres. Tout à l'heure vous allez me conter tout ca Charmé de rencontrer un compatriote. Eh bien! Qu'allons nous faire de cet homme?

– *Ông đã cứu sống tôi, Ông là người Pháp, Ông xin ân xá cho tên này? Tôi xin chiều ông. Quân bay, đem tên kia đi*[1]*!*– người Pháp nói nhanh, giọng cương quyết. Hắn khoác tay Pier người đã được hắn phong là người Pháp vì đã cứu hắn thoát chết, và cùng đi với Pier vào phòng trong .

Những người lính đợi ở ngoài sân nghe tiếng súng nổ chạy vào phòng ngoài hỏi xem có việc gì xảy ra, ra vẻ sẵn sàng trừng trị những kẻ thủ phạm; nhưng viên sĩ quan nghiêm nghị cản họ lại, nói:

– *Khi nào ta cần đến các chú, ta sẽ cho gọi*[2].

Mấy người lính lui ra. Người lính cần vụ, lúc bấy giờ đã có đủ thì giờ vào thăm nhà bếp, lại gần viên sĩ quan nói:

– *Thưa đại úy, trong nhà bếp có xúp và đùi cừu ạ. Có phải dọn lên hầu ngài không ạ?*

– *Có, cả rượu vang nữa nhé*[3], – viên đại úy nói.

XXIX

Khi viên sĩ quan Pháp đã cùng Pier bước vào phòng trong, Pier tự thấy mình có nhiệm vụ phân trần với viên đại úy một lần nữa rằng mình không phải là người Pháp và muốn bỏ đi, nhưng viên sĩ quan Pháp một mực không nghe, cứ gạt phắt đi. Hắn ta lễ độ, nhã nhặn, hiền lành và thành thực biết ơn người đã cứu mạng cho hắn đến nỗi Pier không nỡ từ chối và đành ngồi lại với hắn

1. Vous m'avez sauvé la vie. Vous êtes Francais. Vous demanez sa grâce? Je vous l'accorde. Qu'on emmène cet homme!

2. On vous demandera quand on aura besoin de vous.

3. Capitaine, ils ont de Ia soupe et du gigot de mouton dans la cuisine. Faut-il vous Iapporter? - Oui, et le vin.

trong gian phòng khách lớn, gian phòng đầu tiên hai người vào. Khi Pier khẳng định rằng chàng không phải là người Pháp, viên đại úy chắc hẳn là không hiểu nổi tại sao người ta lại từ chối một tước vị cao quý như vậy, liền nhún vai nói rằng nếu chàng cứ khăng khăng nhất định bảo mình là người Nga thì thôi, cũng được, nhưng hắn ta thì dù sao cũng vẫn biết ơn chàng trọn đời vì đã cứu mạng hắn.

Giả sử người Pháp này có khả năng hiểu biết tình cảm của người khác và đoán được những cảm giác của Pier thì có lẽ Pier đã bỏ đi rồi; nhưng đằng này hắn không có lấy một chút khả năng thông cảm nào đối với những cái gì không phải là chính bản thân hắn ta và cái vẻ say sưa hồ hởi của hắn đã chinh phục được Pier.

– *Dù ông là người Pháp hay là một vị hoàng thân Nga ẩn danh,* – người Pháp vừa nói vừa nhìn chiếc áo sơ-mi tuy bẩn nhưng rất mịn của Pier và chiếc nhẫn chàng đeo trên ngón tay, *tôi cũng đã nhờ ông mà thoát chết và xin ông nhận cho tình bằng hữu của tôi. Một người Pháp không bao giờ quên một lời nhục mạ hay một công ơn. Xin ông vui lòng nhận tình cảm của tôi. Tôi chỉ xin nói có thế thôi*[1].

Giọng nói, vẻ mặt và cử chỉ của viên sĩ quan này có một cái gì hiền lành và cao thượng (theo cách quan niệm của người Pháp về chữ này) đến nỗi Pier bất giác mỉm cười đáp lại nụ cười của người Pháp và khi hắn giơ tay ra chàng cũng bắt tay hắn.

– *Đại úy Rambal thuộc trung đoàn khinh binh thứ mười ba đã được tuyên dương nhân trận mồng bảy tháng chín*[2] – hắn tự giới thiệu với nụ cười tự mãn không sao kiềm chế nổi làm cho môi

1. Francais ou prince russe incognito, je vous dois la vie et je vous offre mon amitié. Un Francais n'oublie Jamais ni une insulte ni un service. Je vous offre mon amitié. Je ne nous dis que ca.

2. Capitanie Rambable du 13-ème léger, déceré pour l'affaire du Sept.

hắn cong lên dưới bộ ria mép. – *Bây giờ xin ông cho tôi được rõ tôi đang được hân hạnh nói chuyện thú vị như thế này với ai, trong khi lẽ ra tôi đã phải nằm ở trạm cứu thương với viên đạn của thằng điên ấy trong người*[1].

Pier đáp rằng chàng không thể nói rõ tên họ được, và đỏ mặt toan tìm cách bịa ra một cái tên nào đấy và giãi bày những lý do khiến cho chàng không thể nói rõ tên họ, nhưng người Pháp đã hối hả ngắt lời chàng:

– *Thôi xin ông miễn cho! Tôi hiểu những lý do của ông rồi: ông là một sĩ quan..., sĩ quan cao cấp cũng nên. Ông đã cầm khí giới chống lại chúng tôi. Nhưng đó không phải là việc của tôi. Tôi đã nhờ ông mà thoát chết. Thế là đủ rồi. Tôi là người của ông. Ông là một quý tộc chứ?* – hắn nói thêm, giọng hơi uốn cao lên như muốn hỏi. Pier nghiêng đầu – *Xin ông cho biết tên rửa tội? Tôi không dám hỏi gì hơn. Ông Pier à?... Tốt lắm. Tôi chỉ cần biết có thế thôi*[2].

Khi thịt cừu, chả trứng, ấm lò, vốt–ca và rượu vang (chỗ rượu này họ đã lấy ở một hàng rượu Nga mang đến đây) đã được bày ra bàn, Rambal mời Pier dự tiệc này và lập tức tự mình bắt tay vào ăn nhanh và rất ngon miệng, chứng tỏ mình là một người khỏe mạnh và đang đói, hàm răng lực lưỡng nhai ngấu nghiến, luôn luôn chép miệng và trầm trồ: *ngon quá, ngon tuyệt*[3]. Mặt hắn ta đỏ bừng lên và lấm tấm mồ hôi. Pier cũng đang đói nên vui lòng dự vào bữa ăn. Morel, tên lính cần vụ, bưng lên một sóng nước

1. Voudrez - vous me dire à présent à qui j'ai l'honneur de parler aussi agréablement au lieu de rester à l'ambulance avec la balle de ce fou dans le corps.

2. De grâce. Je comprends vos raisons. vous êtes officier... officier supérieur. peut-être. Vous avez porté les armes contre nous. Ce n'est pas mon affaire. Je vous dois la vie. Cela me suffit. Je suis tout à vous. Vous êtes gentilhomme? - Votre nom de baptême. s'il vous plait? Je ne demande pas davantage. Mr. Pierre. dites vous.... Parfait. C'est tout ce que je désire savoir.

3. Excellent. exquis.

nóng và ngâm chai rượu vang đỏ vào. Ngoài ra, hắn lại mang đến một chai Kvax[1] mà hắn đã lấy ở nhà bếp để nếm thử. Bây giờ quân lính Pháp đã biết đến thứ nước ngọt này và đặt tên cho nó là *limonade de cochon* (nước chanh của lợn). Morel khen lấy khen để chai *limonade de cochon* mà hắn đã tìm thấy trong nhà bếp. Nhưng vì viên đại úy đã có mấy chai rượu vang kiếm chác được khi đi lại trong thành Maxkva, cho nên hắn nhường chai Kavx cho Morel và tấn công vào chai bordô. Mambal lấy khăn bông quấn vào cổ chai, rót rượu cho mình và cho Pier. Khi cơn đói đã dịu bớt và hơi men đã bốc, viên đại úy càng thêm sôi nổi hoạt bát, suốt bữa ăn nói không ngớt miệng.

– Phải, ông Pier thân mến ạ, đối với ông, tôi chịu một cái ơn rất lớn... ông đã cứu tôi thoát khỏi tay cái thằng hóa dại kia... Ông ạ, người tôi ăn từng ấy đạn cũng đã đủ lắm rồi. Đây một viên này (hắn chỉ vào hông) Vagram và hai viên nữa ở Xmolenxk – hắn chỉ cái sẹo trên má. – Lại còn cái chân này nữa, ông cũng thấy đấy, nó chẳng buồn đi cho. Tôi bị vết thương này trong trận đánh lớn hôm mồng bảy trên sông Maxkva. Mẹ kiếp, hùng vĩ thật! Phải biết, thật là một trận bão lửa. Các anh đã làm cho chúng tôi vất vả ra trò: thật tình mà nói, quả các anh có thể tự hào về trận đó. Và mặc dù trong trận ấy tôi đã kiếm được cái này (hắn chỉ chiếc huân hương chữ thập), tôi vẫn sẵn lòng chơi lại một trận nữa. Tôi thương hại cho những kẻ nào không được dự trận vừa rồi[2].

---

1. Thứ rượu ngọt rất nhẹ làm bằng nước quả ép, vị hơi chua chua.

2. Oui, mon cher M.Pierre, je vous dois une fière chandelle de m'avoir sauvé... de cet enragé... J'en ai assez, voyez-vous, de balles dans le corps. En voilà une à Wagram et deux à Smolensk. Et cette jambe comme vous voyez qui-ne veut pas marcher. C'est à la grande bataille du 7 à la Moskowa que j'ai recu cà. Sacré dieu. c'était beau. Il fallait voir cà. c'est un déluge de feu. Vous nous avez taillé une rude besogne: vous pouvez vous en vanter, nom d'um petit bonhomme. Et, ma parole, malgré l'atout que j'y ai gagné. je serais prêt à recommencer. Je plains ceux qui n'ont pas vu cà.

– Tôi có dự trận ấy[1], *– Pier nói.*

– Ô, thật à! Thế thì càng tốt, – Người Pháp nói tiếp, – các ngài thật là những kẻ địch cừ khôi chứ không phải vừa... Hỏa điểm chính kháng cự dai thật đấy, bố khỉ, quả là ngài đã bắt chúng tôi trả bằng một giá rất đắt. Cứ như tôi đây, tôi cũng đã xông lên chiến lũy ấy ba lần. Đã ba lần chúng tôi leo được lên mấy khẩu pháo rồi, và ba lần các ngài đã hất bật chúng tôi ra như những thằng người giấy. Ô, thật là đẹp mắt, ông Pier ạ. Lính thủ pháo của các ngài cừ thật. Sáu lần liền tôi đã thấy họ dồn hàng lại đi đều như duyệt binh. Kền thật! Quốc vương thành Náp của chúng tôi rất biết người biết của, ngài đã phải thốt lên: cừ quá!... À! À! Ra ông cũng là quân nhân như chúng tôi à? – hắn nói sau một phút im lặng. *– Càng tốt, càng tốt, ông Pier ạ. Rất đáng sợ khi ra trận... rất lịch thiệp với mỹ nhân* – hắn mỉm cười nháy mắt *– Người Pháp là như thế đấy, có phải không, hở ông Pier?*[2].

Viên đại úy cởi mở, vui vẻ một cách ngây thơ và hồn hậu, lại có vẻ tự mãn một cách thật thà đến nỗi Pier cũng suýt nháy mắt theo, trong khi đang vui vẻ nhìn hắn. Hình như chữ "lịch thiệp với phụ nữ" (galant) khiến cho viên đại úy sực nhớ đến tình trạng thành Maxkva.

– À này, ông ạ, có đúng là bao nhiêu phụ nữ đều đã bỏ đi cả rồi không? Lạ thật! Họ sợ cái gì kia chứ?[3]

1. J'y ai été.

2. Bah. vraiment! Eh bien, tant mieux. Vous êtes de fins ennemis. tout de même. La grande redoute a été tenace, nom d'une pipe. Et vous nous l'avez fait cranement payer. J'y suis allé trois fois, tel que vous me voyez. Trois fois nous étions sur les canons et trois fois on nous a culbutés comme des capu- cins de cartes. Oh! C'était beau. M.Pierre vos grenadiers ont été superbes, tonnerre de Dieu. Je les ai vus six fois de suite serrer les rangs et marcher comme à la revue. Les beaux hommes! Notre roi de Naples, qui s'y connait, a crié: Bravo! Ah, ah! Soldat comme nous autres! Tant mieux, tant mieux. M.Pierre. Terribles en bataille... galants... avec les belles, voilà las Francais. M.Pierre, n'est-ce-pas?

3. A propos. dites-done. est-ce vrai que toutes les femmes ont quitté Moscou? Une drôle d'idée! Qu'avaient-elles à craindre?

– *Vì phỏng quân Nga tiến vào Pari thì phụ nữ Pháp dễ thương không bỏ đi hay sao*[1]? Pier nói.

– Ha ha ha!... – Người Pháp vui vẻ cười phá lên, tiếng cười của những người thịnh huyết, vừa cười vừa vỗ vỗ lên vai Pier – *Chà! câu trả lời chúa thật. Pari ấy à?... Nhưng mà Pari... Pari...*[2]

– *Pari thủ đô của thế giới...*[3] – Pier đỡ lời hắn.

Viên đại úy đưa mắt nhìn Pier. Hắn có thói quen đang giữa chừng câu chuyện bỗng ngừng bặt và nhìn chằm chặp vào người tiếp chuyện với đôi mắt tươi cười và thân mật.

– *Ấy đấy, giá ông không nói với tôi rằng ông là người Nga, thì tôi đã tin chắc rằng ông là dân Pari rồi. Ông có một cái gì... tôi chả biết nói thế nào... một cái gì nó...*[4] – nói xong lời tán dương này, hắn lại im lặng đưa mắt nhìn Pier.

– *Tôi trước có ở Pari, tôi đã ở đấy mấy năm.* – Pier nói.[5]

– *Ô, thảo nào! Pari... Làm người mà không biết Pari thì chẳng khác gì một thằng mọi. Một người Pari thì dù cách xa hai dặm cũng đánh hơi thấy được. Pari tức là Talma*[6]*, là Đuysenoa*[7]*, là Portt*[8]*, là trường Xorbon*[9]*, là các đại lộ*, – và nhận thấy các đại lộ này không được xứng với các thứ kia, hắn vội vã nói thêm: – *trên*

1. Est-ce que les dames francaises me quitteraient pas Paris si les Russes y entraient?
2. Ah, ah, ah!... Ah! Elle est forte celle - là... Pari? Mais Pari...Pari...
3. Paris la capitale du monde...
4. Eh bien, si vous ne m'aviz pas dit que vous êtes Russe, j'aurai parié que vous êtes Parisien. Vous avez ce je ne sais quoi... ce...
5. J'ai été à Paris, j'y ai passe des années
6. Francois joseph Talma, diễn viên bi kịch ưu tú của thời Na-po-lê-ong (1763-1826)
7. Cathrine Josephine Duchesnois, nữ diễn viên bi kịch có tiếng (1777-1835).
8. Robet Joseph Pothier (1699-1772) nhà luật học: giáo sư và chánh án ở Orlêăng.
9. Tên trường thần học cao đẳng ở Pari, thành lập năm 1253; về sau là trường Đại học Tổng hợp Pari.

đời này chỉ có một Pari mà thôi. Ông đã từng ở Pari nhưng vẫn là người Nga. Ấy thế nhưng tôi vẫn quý trọng ông như thường.[1]

Vì ảnh của mấy cốc rượu vừa uống và sau những ngày sống cô độc với những tư tưởng đen tối của mình, Pier bất giác thấy thích thú trong khi ngồi nói chuyện với con người vui tính và thật thà này.

– Trở lại chuyện các cô các bà ở đây ấy mà, nghe đồn là họ đẹp lắm thì phải. Ai đời tự dưng lại đi rúc vào các thảo nguyên trong khi quân đội Pháp ở Maxkva. Họ đã bỏ lỡ một dịp may thật là hiếm có. Bọn mu-gích thì chả nói làm gì, chứ như các ông các bà là người văn minh lẽ ra phải hiểu chúng tôi hơn mới phải. Chúng tôi đã chiếm Viên, Berlin, Mađriđ, Napl, Rôm, Varxôvi, tất cả các thủ đô trên thế giới... Người ta sợ chúng tôi, nhưng cũng yêu mến chúng tôi. Hiểu biết chúng tôi cũng thú vị lắm chứ. Hơn nữa Hoàng đế...[2]

Pier ngắt lời hắn.

– Hoàng đế... – Pier nhắc lại, và gương mặt chàng bỗng lộ vẻ buồn rầu và ngượng ngập. *– Liệu Hoàng đế có...* [3]

– Hoàng đế ấy à? Người chính là độ lượng, là khoan hồng. Là công lý, là trật tự, là thiên tài, Hoàng đế là như vậy đấy! Tôi đây

---

1. Oh ca se voit bien. Pari!... Un homme qui ne connait pas Paris est un sauvage. Un Parisien, cà se sent à deux lieux. Paris c'est Talma, la Du-chesnois, Potier, la Sorbonne, les boulevards... il n'y a qu'un Paris au monde. Vous avez été à Paris et vous êtes resté Russe. Eh bien, je ne vous en estime pas moins.

2. Pour en revenir à vos dames. on les dit bien belles. Qu'elle fichue idée d'aller s'enterrer dans les steppes, quand l'armée Francaise est à Moscou. Quelle chance elles ont manqué celles-là. Vos moujiks, c'est autre chose, mais vous autres gens civilisés, vous devrriez nous mieux connaitre que cà. Nous avons pris Vienne, Madrid, Naples, Rome, Varsovie, toutes les capitales du monde... On nous craint, mais on nous aime. Nous sommes bons à connai - tre. Et púi l'Empereur...

3. L'Empereur... Est-ce que l'empereur...

là Rambal, tôi xin nói với ông như vậy. Tám năm trước đây tôi hãy còn là một kẻ thù của Người. Cha tôi là một bá tước lưu vong... Nhưng con người ấy đã chinh phục được tôi. Người đã nắm được tôi. Tôi không sao cưỡng lại được, khi thấy cảnh tượng hùng vĩ và quang vinh mà Người đã đem lại cho nước Pháp. Khi tôi đã hiểu ý chí của Người, khi tôi đã thấy được rằng Người đang làm cho chúng tôi một kiệu giường bằng nguyệt quế, ông ạ, tôi tự nhủ: đây là một đấng minh quân, và tôi đã đem mình hiến dâng cho Người. Ấy thế đấy! Ồ đúng thế ông bạn ạ, đó là con người vĩ đại nhất của những thế kỷ đã qua và sắp đến[1]

– *Hiện nay ngài có ở Maxkva không?*[2] – Pier hỏi, giọng ấp úng, vẻ mặt như người có lỗi.

Người Pháp nhìn vẻ mặt có lỗi của Pier và mỉm cười.

– *Không, mai Người mới ngự vào thành*[3], – nói đoạn hắn lại tiếp tục kể chuyện huyên thiên.

Đang dở chừng câu chuyện thì có mấy người quát tháo ở ngoài cổng, rồi Morel vào bảo với viên đại úy là một đội phiêu kỵ Vuyrtemberg vừa mới đến, cứ muốn buộc ngựa ngay trong sân nhà này, tuy đã có mấy con ngựa của viên đại úy buộc ở đây. Sở dĩ việc đâm ra lôi thôi phần lớn là vì bọn lính phiêu kỵ không biết tiếng Pháp.

Viên đại úy cho gọi viên hạ sĩ quan cao cấp nhất trong bọn

1. L'Empereur? C'est la générosité, la clémence, justice, l'ordre, le génie, voilà l'Empereur! C'est moi, Ramballe, qui vous le dis. Tel que vous me voyez j'éteis son ennemi il y a encore huit ans. Mon père a été comte émigré... Mais il m'a vaincu, cet homme. It m'a empoigné. Je n'ai pas pu résister au spectacle de grandeur et de gloire don't il couvrait la France. Quand j'ai compris ce qui'l voulait, quand j'aivu qu'il nous faisait une litière de lauries, voyez vous, je me suis dit: voilà un souverain, et je me souis donné à lui. Et voilà! Oh oui, mon cher, c'est le plus grand homme des siècles passés et à venir.

2. Est-it à Moscou?

3. Non, il fera son entrée demain

vào và lấy giọng nghiêm nghị hỏi hắn thuộc trung đoàn nào, ai chỉ huy, và hắn có quyền gì mà lại dám đến chiếm một chỗ ở đã có người chiếm từ trước. Tên lính Đức biết tiếng Pháp chẳng được bao lăm. Nghe hai câu hỏi đầu, hắn nói tên trung đoàn và tên sĩ quan chỉ huy của hắn, nhưng đến câu hỏi sau cùng thì hắn chả biết gì cả. Hắn dùng tiếng Đức có chen những chữ Pháp nói sai bét trả lời rằng hắn là tiền trạm của trung đoàn và đã được lệnh của thủ trưởng chiếm lĩnh tất cả các nhà ở khu này. Pier, vốn có biết tiếng Đức, dịch cho viên trung uý nghe những điều tên lính Đức vừa nói và dịch cho tên phiêu kỵ Vuyrtemberg nghe câu trả lời của viên đại úy. Nghe xong, tên lính Đức nhượng bộ và đem quân lính của hắn đi nơi khác. Viên đại úy ra ngoài thềm, cất giọng oang oang ra lệnh này lệnh nọ một lúc.

Khi hắn ta trở vào phòng, Pier vẫn ngồi ở chỗ cũ, hai tay ôm đầu. Gương mặt chàng lộ vẻ đau khổ. Quả nhiên, trong giây phút ấy Pier rất khổ tâm. Khi viên đại úy ra ngoài và Pier ngồi lại một mình, chàng bỗng sực nhớ ra và nhận thức được tình cảnh của mình lúc bấy giờ. Maxkva đã bị chiếm, và những kẻ chiến thắng diễm phúc kia đang hoành hành, lên mặt chủ nhà, và chính họ đang che chở cho chàng; – mặc dù những điều đó rất khó chịu đối với Pier, nhưng giờ phút này cái làm cho chàng đau khổ không phải là những điều đó. Chàng đau khổ là vì thấy rõ mình yếu đuối quá. Vài cốc rượu, dăm ba câu chuyện với con người thật thà kia đã phá tan được cái tâm trạng đăm chiêu và u uất của chàng trong mấyngày qua, một tâm trạng rất cần thiết cho việc thực hiện những ý định của chàng. Khẩu súng tay, con dao găm, bộ quần áo cải trang đã sẵn sàng, ngày mai Napôlêông sẽ đến. Pier vẫn thấy giết tên bạo tặc kia là một việc hữu ích và đáng trọng chẳng kém gì trước kia; nhưng bây giờ chàng cảm thấy rằng mình sẽ không làm việc đó. Tại sao? – chàng cũng chẳng biết nữa, nhưng chàng như cảm thấy trước rằng mình sẽ không thực hiện được ý

định. Chàng cố kháng cự lại cái ý thức cho rằng mình yếu đuối, nhưng lại thấy lờ mờ rằng mình sẽ không đủ sức khắc phục nó, rằng vừa mới tiếp xúc với một anh cha căng chú kiết nào mà ý chí phục thù, ám sát và hy sinh trước đấy của chàng đã đủ tiêu tan như mây khói.

Viên đại úy chân hơi khập khiễng, huýt sáo khe khẽ, bước vào phòng.

Những câu chuyện gẫu của người Pháp lúc nãy chàng thấy là ngộ nghĩnh thì bây giờ chàng lại thấy nó khả ố quá. Và điệu hát mà hắn huýt sáo mồm, và cả dáng đi, điệu bộ, cả cái cử chỉ vân vê ria mép của hắn bây giờ Pier đều thấy là những điều làm chàng xấu hổ.

"Ta sẽ đi ngay, ta sẽ không nói với hắn một lời nào nữa" – Pier suy nghĩ như vậy, nhưng vẫn ngồi ở chỗ cũ. Một cảm giác yếu đuối kỳ dị như đóng đinh chàng vào chiếc ghế: chàng muốn đứng dậy bỏ đi, nhưng không sao đứng dậy được.

Viên đại úy thì ngược lại, có vẻ rất vui. Hắn đi qua đi lại hai lượt trong gian phòng. Mắt hắn sáng long lanh, bộ ria khẽ nhích nhích lên như thể hắn đang cười tủm tỉm một mình về một ý nghĩ gì rất ngộ nghĩnh.

– *Thú tuyệt,* – hắn bỗng nói, – *viên đại tá của cái bọn Vuyrtemberg kia thú tuyệt! Lão ta là người Đức. Ấy thế mà lại rất tốt. Nhưng vẫn là người Đức*[1].

Hắn ngồi xuống trước mặt Pier.

– *Này, thế ra ông cũng biết tiếng Đức à?*[2]

Pier lặng thinh nhìn hắn.

1. Charmant, le colonel de ces Wurtembourgeois. C'est un Allemand; mais brave gracon, s'il en fut. Mais Allemand.

2. Apropos, vous savez donc l'allemand, vous?

– *Nhà cứu tế tiếng Đức nói thế nào nhỉ?*[1]

– *Nhà cứu tế à? – Nhà cứu tế tiếng Đức là Unterkunft*[2].

– *Ông bảo sao?*[3] – viên đại úy hỏi lại rất nhanh, vẻ bỡ ngỡ.

– *Unterkunft* – Pier nhắc lại.

– *Onterkoff.* – viên đại úy nói đoạn đưa đôi mắt tươi cười nhìn Pier một lát. – *Người Đức họ ngốc ra trò, có phải không ông Pier nhỉ?*[4] – hắn kết luận.

– *Nào, làm thêm một chai bordo Maxkva nữa chứ? Morel đem hâm cho ta một chai nữa đi nào. Rorel*[5] *– viên đại úy vui vẻ cất tiếng gọi to.*

Morel đem nến và rượu vang ra. Viên đại úy nhìn Pier dưới ánh nến, và hình như lấy làm lạ vì vẻ mặt ủ dột của chàng, Rambal, vẻ buồn rầu và ái ngại thành thật, tiến lại gần Pier và cúi xuống phía chàng.

– *Thế nào anh bạn của tôi buồn à,* – hắn vừa nói vừa đặt tay lên cánh tay Pier. – *Hay tôi có điều gì làm anh phật ý? Không, chắc anh có gì giận tôi thật rồi,* – hắn hỏi lại. – *Hay có lẽ vì tình thế hiện nay?*[6]

Pier lặng thinh không đáp, nhưng dịu dàng nhìn thẳng vào mặt người Pháp. Vẻ ái ngại của hắn làm cho chàng thấy dễ chịu.

– *Xin lấy danh dự mà nói rằng dù không kể đến chuyện tôi chịu ơn ông nữa, tôi cũng vẫn thấy mến ông lắm. Ông có cần tôi giúp việc gì không? Xin ông cứ bảo. Sống chết tôi cũng xin hết*

1. Comment dites vous asile en allemand?

2. Asile? Asile en allemand - Unterkunft.

3. Comment dites vous?

4. Onterkoff. Les Allemands sont de fières bêres. N'est-ce pas, M.Pierre?

5. Eh bien, encore une bouteille de ce bordeau moscovits, n'est pas? Morel, va nous chauffer encore une petite bouteille. More!

6. Eh bien, nous sommes tristes. Vous aurai-je fait de la peine? Non vrai, avez- vous quelque chose contre moi?... Peut- être rapport à la situation?

lòng. Tôi xin để tay lên tim mà nói như vậy[1], – hắn vừa nói vừa vỗ mạnh lên ngực.

– *Cám ơn ông*[2]. – Pier nói. Viên đại úy nhìn Pier chằm chằm, đúng như khi được biết nhà cứu tế tiếng Đức nói thế nào, và gương mặt hắn ta bỗng bừng sáng lên.

– *À! Nếu vậy tôi xin nâng cốc mừng tình bạn của chúng ta*[3] – hắn vui vẻ reo to và rót hai cốc rượu vang. Pier cầm lấy cốc rượu và uống cạn. Rambal cũng uống cạn cốc của mình, bắt tay Pier một lần nữa và chống khuỷu tay lên bàn, trong một tư thế u hoài và tư lự.

– *Phải, bạn ạ, những cảnh xoay vần bất ngờ của số mệnh là thế đấy. Xưa kia có ai dè rằng tôi là một quân nhân và là một đại úy long kỵ trong quân đội của Bônapatơ như hồi đó chúng tôi vẫn gọi Người. Ấy thế mà giờ đây tôi đang ở Maxkva với Người. Bạn thân mến ạ*, – hắn nói tiếp với cái giọng buồn buồn và đều đều như khi sắp kể một câu chuyện rất dài, – *cần phải nói để bạn rõ rằng dòng họ chúng tôi là một dòng quý tộc lâu đời vào bậc nhất ở Pháp*[4].

Và với thái độ cởi mở dễ dàng và ngây thơ mà người Pháp vốn có, viên đại úy kể cho Pier nghe chuyện các tổ tiên của hắn ta, liệt kê tất cả các bà con họ hàng, các quan hệ tài sản và gia đình. Cố nhiên "*bà mẹ đáng thương của tôi*"[5] đóng một vai trò quan trọng trong câu chuyện này.

1. Parole d'honneur, sans parler de ce que je vous dois, j'ai de l'amitié pour vous. Puis-je faire quelque chose pour vous? Disposez de mi. C'est à la mort. C'est la main sur le coeur que je vous le dis.

2. Merci.

3. Ah, dans ce je cas bois à notre amitié!

4. Oui, mon cher ami, voilà les caprices de fortune. Qui m'aurait dit que je serai soldat et capitaine de dragon au service de Bonaparte, comme nous l'appelions jadis. Et cépndant me voilà à Moscou avec lui. Il faut vous dire, mon cher, que notre nom est l'un des plus anciens de la France.

5. "Ma pauvre mère".

– *Nhưng tất cả những thứ đó chỉ mới là sự dàn cảnh của cuộc đời, thực chất của nó là ái tình kia. Ái tình! có phải không ông Pier?* – hắn càng nói càng hăng. - *Thêm cốc nữa nhé.*[1]

Pier lại uống cạn và rót cho mình một cốc nữa.

– *Chao ôi! đàn bà, đàn bà*[2] – và viên đại úy hai mắt sáng long lanh nhìn Pier, bắt đầu nói về tình yêu và kể lại những chuyện yêu đương của mình. Những chuyện ấy rất nhiều: cứ trông khuôn mặt bảnh bao và tự mãn của viên sĩ quan và vẻ hứng khởi hân hoan của hắn ta khi nói đến đàn bà cũng đủ có thể tin được điều đó. Mặc dầu tất cả những câu chuyện tình của Rambal đều có cái sắc thái sàm sỡ mà người Pháp vẫn thường xem là nhân tố tạo nên tất cả sức mê hoặc và thi vị của tình yêu, nhưng viên đại úy kể chuyện mình với một lòng tin chắc chắn rằng chỉ riêng hắn ta mới được nếm và biết hết những cái thú tuyệt vời của tình yêu, và mô tả phụ nữ một cách duyên dáng hấp dẫn đến nỗi Pier cũng phải tò mò lắng nghe hắn ta.

Rõ ràng thứ ái tình[3] mà người Pháp kia ưa thích say mê chẳng phải là thứ tình yêu hạ đẳng và đơn giản mà Pier đã từng có đối với vợ chàng, cũng chẳng phải là thứ tình yêu lãng mạn của chàng đối với Natasa, một tình yêu mà chính chàng đang cố nhen lên, cả hai loại ái tình này Rambal đều khinh miệt như nhau – một loại là *ái tình của bọn phu xe*[4], loại kia thì lại là *ái tình của những thằng ngốc*[5], thứ *ái tình*[6] mà người Pháp thời ấy thờ phụng chủ yếu xây dựng trên những quan hệ tự nhiên đối với phụ nữ và trên

1. Mais tout cela n'est que la mise en scène de la vie, le fond c'est l'amour! L'amour! N'est-ce-pas. M. Pierre?... Encoreun verre.

2. Oh. Les femmes, les femmes!

3. L'amour.

4. L'amour des charretiers.

5. L'amiyr des nigayds.

6. L'amour.

sự kết hợp những cách bố trí kỳ quặc gây thành sức hấp dẫn chính của tình cảm.

Chẳng hạn, viên đại úy kể câu chuyện tình lâm ly của hắn ta với một hầu tước phu nhân ba mươi lăm tuổi rất mực kiều diễm và đồng thời với cô con gái của phu nhân, một thiếu nữ mười bảy tuổi, ngây thơ và duyên dáng tuyệt vời. Cuộc tranh đua về lòng đại lượng giữa hai mẹ con rốt cục đi đến chỗ là người mẹ tự hy sinh, thuận lòng gả con gái cho tình nhân của mình. Mãi cho đến nay, cuộc tranh đua ấy tuy chỉ là một kỷ niệm xa xưa, nhưng vẫn làm cho viên đại úy xúc động. Sau đó hắn ta kể một câu chuyện trong đó người chồng đóng vai trò tình nhân, còn hắn ta (tức người tình nhân) thì lại đóng vai trò người chồng, và thêm nhiều mẩu chuyện buồn cười khác trong số các *kỷ niệm đất Đức*[1], nơi mà nhà cứu tế được gọi là Unterkunft, nơi mà *các đức ông chồng ăn dưa bắp cải*[2] và là nơi mà *tóc các thiếu nữ quá vàng*[3].

Cuối cùng là câu chuyện xảy ra cách đây không lâu ở Ba Lan, hãy còn tươi rói trong ký ức của viên đại úy. Chuyện này hắn ta vừa kể vừa hoa tay lia lịa, mặt đỏ bừng lên: hắn đã cứu sống một người Ba Lan (nói chung trong các câu chuyện của viên đại úy luôn luôn xảy ra những trường hợp cứu mạng như thế) và người Ba Lan này giao người vợ kiều diễm của mình (người thì Ba Lan nhưng tâm hồn thì lại là tâm hồn một gái Pari)[4] cho hắn ta trông nom hộ, còn bản thân người kia thì tình nguyện sung vào quân đội Pháp.

Viên đại úy rất sung sướng, người thiếu nữ Ba Lan xinh đẹp muốn đi trốn với hắn ta; nhưng vì lòng đại lượng, viên đại úy đã trả vợ lại cho người Ba Lan, nói với anh chồng rằng: "Tôi đã cứu

1. Souvenirs d'Allemagne.
2. Les maris mangent de la chou croute.
3. Les jeunrs filles sont trop blondes.
4. Parisienne de coeur:

mạng cho ông, và bây giờ thì tôi cứu vớt danh dự của ông!"[1]. Khi nhắc lại mấylời này, viên đại úy dịu mắt và lắc mạnh cái đầu như để xua đuổi một cảm xúc uỷ mị đang tràn vào lòng mình khi gợi lại những kỷ niệm động lòng ấy.

Trong lúc nghe viên đại úy kể chuyện, – những khi đêm đã khuya và có hơi men người ta vẫn thường thấy như vậy – Pier theo dõi tất cả những điều viên đại úy nói, hiểu tất cả và đồng thời cũng lần theo dòng kỷ niệm riêng của mình, những kỷ niệm bỗng dưng hiện lên trong trí nhớ của chàng. Khi chàng nghe kể những câu chuyện tình ấy, chàng chợt nhớ lại tình yêu của mình đối với Natasa, và trong khi ôn lại những bức tranh của mối tình này, chàng thầm so sánh những cảnh ấy với những câu chuyện của Rambal. Lắng nghe chuyện đấu tranh giữa tình yêu và bổn phận, Pier thấy hiện ra trước mắt cuộc gặp gỡ vừa rồi giữa chàng với người mà chàng yêu dấu ở gần tháp Xukharev. Hôm ấy, cuộc gặp gỡ không có ảnh hưởng gì trong lòng chàng; thậm chí chàng cũng không có lần nào nhớ lại cuộc gặp gỡ đó.

Nhưng bây giờ chàng lại có cảm tưởng rằng cuộc gặp gỡ vừa qua có một cái gì đấy ý nghĩa và rất nên thơ.

"Anh Piotr Kirilyts, anh lại đây, tôi nhận ra anh rồi", – câu nói của Natasa như còn văng vẳng bên tai chàng, và đôi mắt, nụ cười, chiếc mũ chụp đi đường trường, món tóc xổ ra ngoài vành mũ hiện rõ cả trước mắt chàng... và chàng thấy tất cả những thứ đó có một cái gì cảm động lạ thường khiến lòng chàng lại dịu hẳn đi.

Kể xong câu chuyện về cô gái Ba Lan kiều diễm, viên đại úy hỏi Pier xem chàng đã bao giờ có cái cảm giác của kẻ tự hy sinh vì tình yêu và lòng ghen ghét đối với người chồng hợp pháp như vậy chưa.

1. "Je vous ai sauvé et je sauve votre honneur!".

Được câu hỏi này khích lệ, Pier ngẩng đầu lên và thấy cần phải nói rõ những ý nghĩ đang khiến chàng bận tâm; chàng bắt đầu giãi bày rằng mình có một quan niệm nơi khác về tình yêu đối với phụ nữ. Chàng nói rằng suốt đời chàng chỉ yêu có một người đàn bà, nhưng người đàn bà ấy không bao giờ có thể là vợ chàng.

– *Chà!*[1] – viên đại úy nói.

Sau đó Pier phân trần rằng chàng đã yêu người đàn bà ấy từ thuở còn niên thiếu; vì nàng còn trẻ quá, còn chàng thì khi ấy chỉ là một đứa con bất hợp pháp chẳng có tên họ. Rồi về sau, khi chàng đã có tên họ và của cải, chàng cũng vẫn không dám nghĩ đến nàng, vì chàng yêu nàng quá, chàng đặt nàng cao hơn tất cả, và do đó, lại càng quá cao đối với bản thân chàng. Kể đến chỗ này, Pier hỏi viên đại úy có hiểu điều đó không.

Viên đại úy làm một cử chỉ ngụ ý rằng dù hắn ta hiểu chăng nữa cũng xin Pier cứ kể tiếp cho.

– *Tình yêu lý tưởng, mây mù...*[2], hắn lẩm bẩm. Không biết vì hơi men, hay vì đang cần thổ lộ, hay vì nghĩ rằng người này hiện không biết và sẽ không bao giờ biết được một nhân vật nào trong câu chuyện mình kể, hay vì tất cả những thứ đó gộp lại, Pier nói rất tự do, chẳng giữ gìn gì cả. Đôi mắt mơ mộng nhìn vào cõi xa xăm, miệng dấp dính, Pier lè nhè kể lại tất cả chuyện đời của mình: cuộc hôn nhân của chàng, chuyện Natasa yêu người bạn tốt nhất của chàng, chuyện nàng phản bội người yêu, và tất cả những mối quan hệ đơn giản giữa chàng với nàng. Được những câu hỏi của Rambal khích lệ thêm, chàng nói luôn cả những điều mà lúc đầu chàng đã giấu giếm, – địa vị của chàng trong xã hội và thậm chí cả tên họ chàng nữa.

1. Tiens!
2. L'amour platonique, les nuages.

Trong câu chuyện của Pier kể, điều khiến cho viên đại úy kinh ngạc hơn cả là Pier rất giầu, chàng có hai tòa lâu đài ở Maxkva mà lại ở lại trong thành phố, giấu kín tên họ và tung tích.

Đêm đã khuya khi họ cùng nhau bước ra phố. Đêm hôm ấy trời ấm áp và sáng sủa. Về phía bên trái ngôi nhà, trên trời hừng lên một ánh sáng mờ mờ: ánh lửa của đám cháy đầu tiên ở Maxkva, bùng lên ở phố Petrovka. Về bên phải, vầng trăng lưỡi liềm treo cao trên nền trời, và ở phía đối diện với mặt trăng lơ lửng ngôi sao chổi vốn gắn bó với tình yêu của Pier trong lòng chàng. Bên cổng, bác Gheraxim, bà nấu bếp cùng đứng với hai người lính Pháp. Họ đang cười cười nói nói, mỗi đằng một thứ tiếng, chẳng hiểu nhau tí gì cả. Họ nhìn cái ráng đỏ chập chờn trên thành phố.

Một vụ cháy nhỏ ở xa trong một thành phố rộng lớn thì chẳng có gì là đáng sợ cả.

Nhìn bầu trời cao đầy sao, nhìn vầng trăng, ngôi sao chổi và ánh lửa mờ mờ, Pier thấy lòng vui khấp khởi và đồng thời dịu lại. "Đấy, thế này cũng tốt quá rồi, còn cần gì hơn nữa?" – chàng thầm nghĩ. Và đột nhiên sực nhớ lại ý định của mình, chàng chợt thấy choáng váng khó ở, đến nỗi chàng phải dựa vào hàng rào cho khỏi ngã.

Không cáo từ người bạn mới, Pier loạng choạng rời cổng bước vào phòng, ngả lưng trên đi–văng và lập tức ngủ thiếp đi.

XXX

Ánh lửa của vụ hỏa hoạn đầu tiên xảy ra hôm mồng hai tháng chín được những người dân đang đi lánh nạn và những đạo quân đang rút lui nhìn thấy từ nhiều nẻo đường khác nhau và với những tình cảm khác nhau.

Đêm hôm ấy, đoàn xe của gia đình Rôxtôv ghé lại Mưtisi cách Maxkva hai mươi dặm. Ngày mồng một tháng chín, họ ra đi muộn, đường đi chật nhích những xe cộ và quân lính, đồ đạc thì bỏ quên rất nhiều, cứ phải luôn luôn cho người về lấy, đến nỗi đêm hôm ấy phải quyết định dừng lại nghỉ đêm cách Maxkva năm dặm. Sáng hôm sau họ dậy muộn, và giữa đường đi phải dừng lại nhiều chặng, thành thử chỉ đi được đến Đại Mưtisi. Đến mười giờ, gia đình Rôxtôv và những người thương binh cùng đi với họ đều phân tán vào các sân và các nhà nông dân trong làng. Gia nhân, xà-ích của nhà Rôxtôv và lính cần vụ của các sĩ quan bị thương, sau khi đã dọn chỗ ngủ cho chủ, ngồi lại ăn bữa khuya, cho ngựa ăn cỏ và ra thềm đứng.

Trong ngôi nhà bên cạnh có một viên sĩ quan phụ tá của Raievxki, cổ tay bị đập nát, vết thương đau đớn khủng khiếp khiến ông ta không ngừng rên rỉ thảm thiết, và những tiếng rên ấy vang lên nghe thật rùng rợn trong đêm thu tối mịt. Đêm hôm trước viên sĩ quan hành dinh này cùng ngủ trong một sân với gia đình Rôxtôv. Bá tước phu nhân nói rằng bà nghe tiếng rên ấy không tài nào chợp mắt được, cho nên khi đến Mưtisi bà đã sang ở một ngôi nhà tồi tàn hơn chỉ cốt sao cách xa người bị thương một chút.

Một người gia nhân nhìn qua nóc một chiếc xe song mã đỗ ở trước thềm trông thấy trong đêm tối có ánh lửa của một đám cháy khác, không lớn lắm. Ánh lửa trước thì người ta đã thấy từ lâu và ai cũng biết rằng đó là đám cháy ở Tiểu Mưtisi do quân cô-dắc của Mamonov đốt lên.

Một người lính cần vụ nói:

– Này các bác, lại có một đám cháy khác kìa.

Mọi người đến chú ý đến ánh lửa mới hừng lên.

– Nghe nói là lính cô-dắc đốt Tiểu Mưtisi đấy.

– Chính họ! Nhưng đấy không phải Mưtisi, xa hơn kia.

– Nhìn mà xem, cứ như ở Maxkva ấy.

Hai người đày tớ bước xuống bậc thềm, đi vòng ra sau xe và ngồi lên bậc xe.

– Không phải ở Mưtisi rồi! Mưtisi ở về phía này, chếch sang bên phải, chứ đằng này lại chếch sang bên trái.

Mấy người nữa nhập bọn. Một người nói:

– Thấy chưa, cháy to lắm, đúng là ở Maxkva rồi, các bác ạ; ở phố Xusevxkaya hay ở Rôgxkya gì đấy.

Không ai đáp lại câu vừa rồi. Và đám người im lặng một lúc khá lâu nhìn ánh lửa bập bùng xa xa của đám cháy mới.

Đanilo Terentits, người hầu phòng già của bá tước, lại gần đám đông và tất tiếng gọi Miska.

– Có cái gì đâu mà xem, cái thằng ôn con kia... Bá tước mà gọi một cái thì có ai thưa; đi vào mà xếp dọn quần áo.

– Thì cháu chỉ mới chạy ra lấy nước một tí thôi mà, – Miska nói.

– Bác thấy thế nào hở bác Đanilo Terentits? – một người gia đinh nói, – cứ như ở Maxkva ấy nhỉ?

Đanilo Térentis lặng thinh không đáp, và mọi người lại im lặng hồi lâu. Ánh lửa lan rộng dần và mỗi lúc một to thêm.

– Lạy Chúa!... Trời thì hanh mà gió lại to thế này... – có tiếng nói.

– Xem kìa, cứ lan rộng ra mãi. Trời ơi! Trông thấy cả chim galka kia kìa.

- Lạy chúa tha tội!

– Chắc họ sẽ dập tắt, lo gì.

– Ai dập tắt mới được chứ? – Đanilo Terentits nãy giờ lặng thinh, bỗng cất tiếng nói, giọng bình tĩnh và chậm rãi. – Chính là

Maxkva đấy các chú ạ, chính thành phố mẹ đẻ của chúng ta, thành phố có những bức thành trắng... – giọng nói của ông già nghẹn ngào trong cổ và bật lên thành tiếng nấc khàn khàn của những người già cả. Và dường như mọi người chỉ chờ đợi có thể để hiểu rõ ý nghĩa của cái ánh lửa bập bùng kia đối với họ. Có những tiếng thở dài, tiếng lâm râm cầu nguyện và tiếng khóc thút thít của người hầu phòng già của bá tước.

XXXI

Người hầu phòng quay trở vào và báo cáo với bá tước rằng Maxkva đang bốc cháy. Bá tước mặc áo ngủ và ra ngoài xem. Xônya, bấy giờ chưa cởi áo, và cả bà Sox cũng cùng ra theo. Chỉ còn Natasa và bá tước phu nhân ngồi lại trong phòng. (Petya bấy giờ không ở với gia đình nữa, cậu ta đã cùng với trung đoàn đi đến Trôitxa).

Nghe tin Maxkva bốc cháy bá tước phu nhân khóc òa lên. Natasa, gương mặt tái xanh, mắt đờ đẫn, ngồi trên chiếc ghế dài ở phía dưới các tượng thánh (ngay ở chỗ nàng ngồi xuống khi vừa mới đến đây) và không hề để ý những lời cha nàng vừa nói. Nàng lắng tai nghe tiếng rên không ngớt của viên sĩ quan phụ tá tuy ở cách đây ba nhà mà vẫn vọng tới.

Xônya từ ngoài sân trở vào run cầm cập, vẻ hoảng hốt, kêu lên:

– Trời ơi!, kinh khủng quá! Chắc là cả thành Maxkva đang bốc cháy, ánh lửa to quá! Natasa nhìn mà xem này, bây giờ nhìn ra cửa sổ cũng thấy đấy, – nàng nói, chắc là muốn làm cho cô em khuây khỏa. Natasa đưa mắt nhìn nàng, nhưng không hiểu người ta muốn hỏi gì mình, rồi lại thẫn thờ nhìn vào góc lò sưởi. Natasa

thẫn thờ như vậy từ sáng hôm nay, ngay từ khi Xônya tự dưng thấy cần nói cho Natasa biết công tước Andrêy bị thương và hiện cùng đi với đoàn xe của gia đình. Không hiểu tại sao Xônya lại làm như vậy, và điều đó làm cho bá tước phu nhân rất ngạc nhiên và bực mình; bà giận Xônya lắm, ít khi thấy bà nổi giận như vậy. Xônya khóc và xin mẹ thứ lỗi, và bây giờ dường như để chuộc tội, nàng cứ theo săn sóc Natasa từng ly từng tí.

– Natasa xem kìa, cháy ghê chưa, – Xônya nói.

– Cái gì cháy? – Natasa hỏi, – À phải, Maxkva.

Và dường như không muốn từ chối, để cho Xônya khỏi phật lòng và để cho cô ta đi đi cho rảnh, nàng quay đầu về phía cửa sổ nhìn một lúc – nhưng nhìn như vậy rất rõ rệt là chẳng trông gì hết, – rồi lại ngồi yên như cũ.

– Nhưng cô đã trông thấy gì đâu?

– Không, em thấy rồi, thật mà, – Natasa nói, giọng như van xin Xônya để cho mình yên.

Và cả bá tước phu nhân lẫn Xônya đều hiểu rõ rằng Maxkva, đám cháy ở Maxkva hay dù là chuyện gì chăng nữa đều chẳng có nghĩa lý gì đối với Natasa hết.

Bá tước lại trở về nằm sau tấm vách ngăn. Bá tước phu nhân lại gần Natasa, lấy lưng bàn tay khẽ chạm lên đầu nàng như những khi nàng ốm, rồi lại đưa môi chạm vào trán nàng như để xem nàng có sốt không và hôn nàng, nói:

– Con lạnh à? Con run rẩy cả người. Con đi nằm đi con ạ.

– Đi nằm? Vâng được ạ, con sẽ đi nằm. Con sẽ đi nằm ngay, – Natasa nói.

Sáng hôm nay, từ khi được biết công tước Andrêy bị thương nặng và hiện đang đi trong đoàn xe của nhà nàng, lúc mới đầu Natasa hỏi tới tấp những là chàng đi đâu? Chàng ra sao? Vết thương có nguy hiểm không? Có thể gặp chàng được không? Nhưng

sau khi nghe nói là không thể gặp công tước Anđrêy được, là chàng bị thương nặng nhưng không nguy hiểm đến tính mệnh, rõ ràng nàng không tin những điều đó, nhưng nàng biết chắc rằng dù mình có hỏi gì thì người ta sẽ vẫn cứ trả lời y như thế, nên nàng không hỏi và không nói gì nữa. Suốt dọc đường đi, đôi mắt nàng mở trừng trừng, đôi mắt mà bá tước phu nhân biết rất rõ và rất sợ. Nàng ngồi im không động đậy trong góc xe; và đến bây giờ nàng cũng vẫn ngồi im như thế trên chiếc ghế dài từ khi vào nhà này. Nàng đã nghĩ ra một điều gì đây, nàng đang quyết định hay đã quyết định xong một điều gì đây, – bá tước phu nhân biết rõ như vậy, nhưng điều ấy là điều gì thì phu nhân không biết, và chính vì vậy mà phu nhân lo sợ và khổ tâm.

– Natasa, cởi áo ra con ạ, nằm trên giường với mẹ. (Người ta chỉ dọn giường cho mỗi một mình bá tước phu nhân: bà Sox và hai cô tiểu thư đều phải lót rạ nằm trên sàn nhà).

– Không, con nằm sàn thôi mẹ ạ, – Natasa bực bội trả lời. Nàng lại gần cửa sổ và mở nó ra. Qua khung cửa sổ mở rộng, tiếng rên của viên sĩ quan phụ tá nghe càng rõ mồn một. Nàng ló đầu ra ngoài không khí ẩm thấp của ban đêm, và bá tước phu nhân thấy cái cổ mảnh dẻ của nàng rung lên từng đợt chạm vào khung cửa, Natasa biết rằng tiếng rên ấy không phải của công tước Anđrêy. Nàng biết rằng công tước Anđrêy nằm cùng một nhà với gia đình nàng, nhưng trong một gian khác, bên kia phòng ngoài; nhưng tiếng rên khủng khiếp không lúc nào ngớt ấy vẫn khiến nàng khóc nấc lên. Bá tước phu nhân và Xônya đưa mắt nhìn nhau.

– Đi nằm đi con ạ, đi nằm đi, cô bạn nhỏ của mẹ; – bá tước vừa nói vừa lấy tay khẽ chạm vào vai Natasa. – Nào thôi, đi nằm đi con.

– À vâng... Con đi nằm ngay bây giờ đây, - Natasa nói đoạn hấp tấp cởi áo ngoài và tháo dây thắt lưng. Sau khi cởi áo và

khoác chiếc áo ngủ lên người, nàng xếp chân ngồi vào chỗ ngủ dành cho nàng ở giữa sân, vắt chiếc bím tóc mỏng và không dài lắm qua vai và bắt đầu tết lại. Mấy ngón tay thon thon của nàng nhanh nhẹn, khéo léo và thành thạo tháo bím tóc, tết lại rồi thắt nút ở phía dưới. Mái đầu nàng nghiêng bên này rồi lại nghiêng sang bên kia với một cử chỉ quen thuộc, nhưng đôi mắt nàng trừng trừng mở rộng như trong cơn sốt cứ nhìn thẳng trước mặt. Khi đã soạn sửa xong để đi ngủ, Natasa từ từ ngả lưng xuống tấm chăn trải trên lớp rạ cạnh cửa ra vào.

– Natasa nằm giữa nhé, – Xônya nói.

– Tôi nằm đây, – Natasa nói. – Kìa chị nằm đi chứ, – nàng nói thêm, giọng gắt gỏng. Và nàng úp mặt vào một chiếc gối.

Bá tước phu nhân, bà Sox và Xonya vội vã cởi áo đi nằm. Trong phòng chỉ còn một ngọn đèn thờ leo lét. Nhưng ở bên ngoài ánh lửa cháy ở Tiểu Mưtisi cách hai véc-xta, vẫn tỏa sáng và từ quán rượu ở góc phố bị lính cô-dắc Mamonov cướp phá vang lại những tiếng rên la ơi ới. Tiếng rên của viên sĩ quan phụ tá vẫn kéo dài không ngớt.

Hồi lâu Natasa nằm yên không động đậy, lắng tai nghe ngóng những tiếng động ở trong nhà và ở bên ngoài vẳng lại. Lúc đầu nàng nghe tiếng mẹ nàng cầu nguyện và thở dài, tiếng chiếc giường kêu răng rắc dưới người bà, tiếng ngáy huýt lên như còi của bà Sox mà nàng quen thuộc, tiếng thở nhè nhẹ của Xônya. Rồi bá tước phu nhân cất tiếng gọi Natasa. Natasa lặng thinh không đáp.

– Hình như nó ngủ rồi mẹ ạ, – Xônya khẽ nói. Bá tước phu nhân im lặng một lúc rồi cất tiếng gọi lần nữa nhưng lần này chẳng ai có thưa cả.

Chẳng bao lâu Natasa nghe tiếng thở đều đều của mẹ. Natasa không nhúc nhích, mặc dầu bàn chân nhỏ nhắn để trần của nàng thòi ra ngoài chăn chạm vào sàn nhà lạnh buốt.

Dường như mừng rỡ vì đã thắng mọi vật, một con dế bắt đầu kêu ri rỉ trong một khe vách. Có tiếng gà gáy xa xa, rồi một tiếng gà ở gần đâu đây đáp lại. Những tiếng hò hét bên quán rượu đã im, chỉ còn tiếng rên của viên sĩ quan phụ tá vẫn kéo dài như cũ. Natasa nhổm dậy.

– Xônya, chị ngủ rồi à? Mẹ ơi? – Nàng thì thào. Không ai đáp lại. Natasa chậm rãi và thận trọng đứng dậy, làm dấu thánh giá và rón rén đặt bàn chân mảnh khảnh và mềm mại lên tấm sàn nhà bẩn lạnh. Mấy tấm ván kêu cót két. Nàng thoăn thoắt đưa chân chạy mấy bước, nhẹ nhàng như một con mèo con, và đặt tay lên nắm cửa lạnh buốt.

Nàng có cảm tưởng như một vật gì rất nặng đang nện thình thịch lên khắp các bức tường của ngôi nhà; đó là tiếng đập của quả tim nàng, đang lịm đi, đang muốn vỡ tung ra vì sợ hãi, khủng khiếp và yêu đương.

Nàng mở cửa, bước qua ngưỡng cửa và đặt chân lên nền đất ẩm thấp lạnh lẽo của dãy nhà cầu. Không khí lạnh buốt thấm vào người khiến nàng trở nên tỉnh táo. Nàng lấy bàn chân không thử chạm vào một người đang nằm ngủ giữa phòng, bước ngang qua người ấy và mở cửa dẫn vào phòng công tước Andrêy. Trong phòng tối mịt. Ở góc phòng phía bên kia, bên cạnh cái giường trên đấy có một hình người đang nằm dài, một ngọn đèn bạch lạp chập chờn trên chiếc ghế dài sắp chảy xuống thành hình một chiếc nấm lớn.

Ngay từ sáng nay, khi được biết rằng công tước Andrêy bị thương và hiện cùng đi trong đoàn xe, Natasa đã quyết định là phải gặp chàng. Nàng không biết gặp như thế để làm gì, nàng biết cuộc gặp mặt sẽ đau đớn, nhưng chính vì vậy nàng lại càng thấy rõ rằng thế nào cũng phải gặp chàng.

Suốt ngày hôm nay nàng chỉ sống với niềm hy vọng là đêm nay sẽ được gặp chàng. Nhưng bây giờ, khi giây phút ấy đã đến, nàng bỗng thấy sợ hãi những điều nàng sắp trông thấy. Chàng bị

què quặt ra sao? Chàng còn lại được những gì? Chàng có giống như tiếng rên không ngớt của viên sĩ quan phụ tá kia không? Phải rồi, chàng giống hệt như thế. Trong tưởng tượng của nàng, chàng chính là hiện thân của tiếng rên kinh khủng ấy. Khi nàng trông thấy cái khối lờ mờ trong góc phòng mà nhầm tưởng hai đầu gối của chàng nhô lên dưới lớp chăn là hai vai của chàng, nàng hình dung thấy một thân thể gì gớm guốc, và hoảng sợ dừng lại. Nhưng một sức mạnh không sao cưỡng nổi lôi nàng về phía trước. Nàng rón rén bước một bước, một bước nữa và thấy mình đứng giữa gian phòng chật hẹp chất đầy những đồ đạc. Trên chiếc ghế dài, bên dưới các tượng thánh có một người nằm (đó là Timokhin) và trên nền nhà lại có hai người khác nữa (đó là người thầy thuốc và người hầu phòng).

Người hầu phòng nhổm dậy và nói thì thầm mấy tiếng gì không rõ. Timokhin, vì chân bị thương đau nhức không ngủ được, gương to mắt nhìn cái bóng hiện hình kỳ dị của người con gái mặc áo thụng trắng và đội mũ chụp ban đêm. Câu hỏi ngái ngủ và hoảng sợ của người hầu phòng: "Cái gì thế? Cô muốn gì" chỉ làm cho Natasa rảo bước đi về phía cái hình người nằm ở góc phòng. Dù cái hình thù dễ sợ ấy chẳng có gì giống người, nàng quyết phải đến gặp nó. Nàng đi ngang qua người hầu phòng, cái nấm bằng sáp đổ xuống và nàng trông thấy rõ rệt công tước Andrêy nằm trên tấm chăn, hai tay dang rộng, vẫn giống hệt như trước kia nàng thường thấy.

Chàng vẫn như xưa: nhưng nước da đỏ bừng trong cơn sốt, đôi mắt sáng long lanh đang hân hoan nhìn nàng và nhất là cái mềm yếu như trẻ con lộ ra ngoài cổ áo sơ-mi mở rộng, làm cho chàng có một vẻ ngây thơ như con trẻ, một vẻ gì đặc biệt mà dù sao nàng cũng chưa bao giờ thấy ở công tước Andrêy. Nàng lại gần chàng và với một động tác nhanh nhẹn, mềm mại, trẻ trung, nàng quỳ xuống cạnh giường.

Chàng mỉm cười và giơ tay về phía chàng.

XXXII

Bẩy ngày đã trôi qua từ khi công tước Anđrêy hồi tỉnh ở trạm cứu thương của chiến trường Borođino. Suốt thời gian ấy, hầu như chẳng lúc nào chàng không mê man bất tỉnh. Theo ý kiến người bác sĩ được cử đi theo người bị thương thì với trạng thái sốt nóng và chỗ ruột bị phạm phát viêm lên như vậy, chàng sẽ không thể nào qua khỏi. Nhưng đến ngày thứ bảy chàng ăn một miếng bánh mỳ và uống một ít nước trà thấy ngon miệng, và người thầy thuốc nhận thấy trạng thái sốt nóng đã thuyên giảm. Sáng hôm sau, công tước Anđrêy tỉnh lại. Đêm đầu tiên sau khi ra khỏi Maxkva trời khá ấm, cho nên họ để công tước Anđrêy nằm nghỉ đêm trong chiếc xe song mã; nhưng đến Mưtisi thì chính người bị thương đòi được khiêng vào nhà và bảo pha trà cho mình uống. Trong khi chuyển, chàng đau quá bật ra tiếng rên và ngất đi một lần nữa. Khi họ đặt chàng trên chiếc giường xếp, chàng nằm im hồi lâu không động đậy, hai mắt nhắm nghiền. Một lát sau chàng mở mắt ra và khẽ thì thào: "Thế nào có trà chưa?" Thấy chàng nhớ được những chi tiết sinh hoạt nhỏ nhặt như vậy, viên bác sĩ rất lấy làm lạ. Ông ta bắt mạch cho chàng và khi nhận thấy mạch đập tốt hơn trước, ông rất ngạc nhiên và phiền lòng. Phiền lòng vì kinh nghiệm đã cho ông biết chắc chắn rằng công tước Anđrêy không thể sống được, và nếu chàng không chết ngay thì tất cũng sẽ chết sau một thời gian ngắn trong những cơn đau còn ghê gớm hơn nữa mà thôi. Đi cùng xe với công tước Anđrêy có viên thiếu tá Timokhin mũi đỏ thuộc trung đoàn chàng, đã bắt liên lạc với chàng ở Maxkva. Ông ta bị thương ở chân, cũng trong trận Borođino.

Cùng đi với họ còn có ông thầy thuốc, người hầu phòng và công tước, người xa-ích của chàng và hai người lính cần vụ.

Họ dọn trà cho công tước Anđrêy. Chàng uống lấy uống để, đôi mắt long lanh trong cơn sốt nhìn thẳng về phía cánh cửa trước mặt như đang cố hiểu và nhớ lại một điều gì.

– Thưa công tước đại nhân, tôi đây ạ.

– Vết thương thế nào?

– Vết thương của tôi ấy à? Cũng đỡ. Nhưng công tước thì sao ạ?

Công tước Anđrêy lại trầm ngâm như muốn nhớ lại điều gì.

– Làm sao kiếm được quyển sách ấy nhỉ? – chàng nói.

– Quyển gì ạ?

– Quyển Phúc âm! Tôi hiện không có.

Người thầy thuốc hứa sẽ tìm cho chàng và hỏi xem chàng thấy trong người ra sao. Công tước Anđrêy trả lời tất cả các câu hỏi của người thầy thuốc một cách miễn cưỡng nhưng phải chăng, rồi nói rằng cần kê thêm một cái gối dưới lưng, chứ không thì chàng thấy vướng và đau lắm. Người thầy thuốc và người hầu phòng giở chiếc áo khoác đắp trên người chàng, và nhăn mặt vì mùi thịt thối rất nặng từ vết thương bốc lên, họ bắt đầu xem xét cái chỗ khủng khiếp ấy[1]. Người thầy thuốc lộ vẻ bực bội một điều gì không rõ, nắn nắn chữa chữa một lúc, đặt người bị thương nằm lại cách khác, khiến cho chàng rên lên vì đau đớn và ngất đi một lần nữa. Chàng bắt đầu nói sảng. Chàng cứ nhắc đi nhắc lại là phải kiếm ngay cho chàng quyển sách ấy và để nó bên cạnh chàng.

1. Y học thời ấy (1812) chưa biết cách ngừa và trị chứng hoại thư. Văn hào Anton Tsekhov vốn là bác sĩ. có nói rằng ông có thể chữa được chứng hoại thư của công tước Anđrêy.

– Thì các người có mất gì đâu nào ! – Chàng nói. - Tôi hiện không có quyền ấy, xin các người kiếm cho tôi, để đây cho tôi một lúc, – chàng nói với một giọng thảm thương.

Bác sĩ ra phòng ngoài để rửa tay.

– Chà, các anh thật là đồ vô lương tâm, thật đấy, – ông ta nói với người hầu phòng bấy giờ đang giội nước cho ông ta rửa tay, – Tôi mới quay lưng ra có một phút mà đã thế. Đau đến thế kia mà chịu được thì lạ thật.

– Lạy chúa, chúng ta đặt như vừa rồi may ra cũng đỡ, – người hầu phòng nói.

Lần đầu tiên công tước Andrêy đã hiểu mình đang ở đâu và đã gặp phải việc gì. Chàng nhớ ra rằng chàng bị thương, và cũng nhớ rằng khi chiếc xe đỗ lại ở Mưtisi chàng đã yêu cầu họ đưa chàng vào nhà. Sau khi đau quá ngất đi, chàng lại hồi tỉnh trong căn nhà gỗ khi chàng uống nước trà, và đến đây chàng ôn lại một lần nữa trong trí nhớ tất cả những gì đã xảy ra. Chàng hồi tưởng thấy lại rõ rệt hơn cả cái phút nằm trong trạm cứu thương, khi mà trước cái cảnh kẻ thù của chàng quằn quại đau đớn, những ý nghĩ mới mẻ đã đến chàng làm cho lòng chàng thấy hạnh phúc. Và những ý nghĩ này, tuy mơ hồ mông lung, bây giờ lại tràn ngập lòng chàng. Chàng nhớ ra rằng nay chàng đã có một hạnh phúc mới, và cái hạnh phúc này có liên quan thế nào đấy với quyển Phúc âm. Chính vì thế mà chàng hỏi quyển sách này. Nhưng vì bị đặt nằm không thuận, rồi sau đó lại bị trở người lần nữa, trí óc chàng lại chìm vào cõi hôn mê, và khi chàng hồi tỉnh thứ ba thì quanh chàng là bóng đêm im phăng phắc. Mọi người đều đã ngủ yên. Có tiếng dế ri rỉ lọt qua cửa phòng ngoài, ngoài phố có ai reo và hát, mấy con gián chạy sột soạt trên bàn, trên các bức tượng thánh và trên tường, một con nhặng húc hầu vào gối chàng và bay vo ve quanh cây bạch lạp đặt cạnh giường chàng cháy thành hình chiếc nấm lớn.

Tâm trí chàng đang ở trong một trạng thái kh ông bình thường. Một người khỏe mạnh thường tư duy, cảm giác và nhớ lại rất nhiều điều trong một lúc, nhưng lại có đủ sức lựa chọn lấy một loạt ý nghĩ hay hiện tượng nào và hướng sự chú ý của mình vào đấy. Dù trong phút suy nghĩ đăm chiêu nhất, người khỏe mạnh cũng có thể dứt ra khỏi ý nghĩ của mình để chào hỏi một người mới bước vào phòng, rồi sau đó lại trở về những ý nghĩ lúc nãy. Về mặt tâm lý của công tước Anđrêy đang ở vào một trạng thái không bình thường. Tất cả những công năng tinh thần của chàng bấy giờ linh hoạt và sáng suốt hơn bao giờ hết, nhưng nó hoạt động bên ngoài ý chí của chàng. Những tư tưởng và những biểu tượng hết sức khác nhau đồng thời tràn vào tâm trí chàng. Đôi khi tư duy của chàng đột nhiên bắt đầu hoạt động, và hoạt động với một sức mạnh, một sự minh mẫn và một chiều sâu mà trong trạng thái hoạt động như vậy, nó bỗng đứt quãng giữa chừng, nhường chỗ cho một hình ảnh khác rất bất ngờ, và không sao có thể trở lại với ý nghĩ cũ được nữa.

"Phải, ta đã thấy được một hạnh phúc mới mẻ, không thể tách rời ra khỏi con người, – chàng nghĩ trong khi nằm trong gian phòng im lặng tối mờ mờ, hai mắt trân trân mở rộng nhìn thẳng về phía trước. – Một hạnh phúc không tùy thuộc những sức mạnh vật chất, những ảnh hưởng ngoại lai đối với con người, hạnh phúc riêng của tâm hồn, hạnh phúc của tình thương! Bất cứ người nào cũng có thể hiểu được điều đó, nhưng chỉ có Thượng đế mới có thể soi sáng và phán truyền điều đó được. Nhưng Thượng đế phán truyền đạo luật này như thế nào? Tại sao lại là Chúa Con?..." Rồi đột nhiên dòng tư tưởng ấy lại bị cắt đứt, và công tước Anđrêy nghe (không biết trong tâm hồn mê hay là trong cõi thực) một tiếng nói gì thì thầm khe khẽ nhắc đi nhắc lại đều đặn: "I–pi–chi pi–chi pi–chi" rồi sau đó là "i–chi–chi" rồi lại "i–pi–chi pi–chi" rồi lại "i–chi–chi". Đồng thời, trong những âm thanh rả rích của điệu

nhạc này, công tước Andrêy cảm thấy ở trên mặt mình, ngay ở chính giữa, dần dần nổi lên một tòa kiến trúc kỳ lạ nhẹ nhàng như không khí, làm toàn bằng kim hay bằng vỏ bào. Chàng cảm thấy (tuy điều đó làm cho chàng khổ sở), rằng mình phải cố giữ thăng bằng sao cho tòa kiến trúc ấy đừng đổ, nhưng nó vẫn đổ xụp xuống, rồi sau đó lại từ từ dựng lên trong những âm thanh đều đều của điệu nhạc rả rích. "Nó cứ kéo dài? Cứ kéo dài ra mãi, càng dài càng mảnh, và vẫn cứ kéo dài" – công tước Andrêy tự nhủ. Trong khi lắng nghe tiếng nhạc thì thầm và cảm thấy tòa kiến trúc bằng kim kia kéo dài và dâng cao lên, công tước Andrêy đồng thời cũng thấy cái quầng đỏ chập chờn của ngọn nến và nghe tiếng đàn gián bò sột soạt, tiếng vo ve của con nhặng chốc chốc lại húc vào gối và vào mặt chàng. Và cứ mỗi lần con nhặng chạm vào mặt chàng, nó lại gây nên một cảm giác nhức buốt như khi bị bỏng; nhưng đồng thời chàng lấy làm lạ không hiểu sao khi nó húc vào tòa kiến trúc đang dựng lên trên mặt chàng, nó lại gây nên một cảm giác nhức buốt như bị bỏng; nhưng đồng thời chàng lấy làm lạ không hiểu sao khi nó húc vào tòa kiến trúc đang dựng lên trên mặt chàng, con nhặng lại không làm cho tòa kiến trúc ấy đổ xuống. Nhưng ngoài điều đó ra, lại còn một điều nữa rất quan trọng. Đó là một cái gì trăng trắng ở cửa, đó là một pho tượng của con Xphynx[1] và nó cũng đang đè nặng trên bóng vía chàng.

"Nhưng có lẽ đây là chiếc áo sơ-mi của ta để trên bàn – công tước Andrêy nghĩ, – và đây là chân của ta, còn đây là khung cửa; nhưng tại sao nó lại cứ kéo dài, lan rộng ra mãi và pi–chi pi–chi i chi–chi i pi–chi–pi–chi...".

– Thôi, đủ rồi, xin thôi cho, đừng thế nữa, – công tước Andrêy khó nhọc cầu xin một người nào không rõ. Và đột nhiên tư duy, cảm giác lại có một sức mạnh và một sự minh mẫn lạ thường.

1. Một con vật hoang đường trong truyền thuyết Hy Lạp, tượng trưng cho sự bí ẩn, thường được hình dung như một con sư tử đầu người có cánh.

"Phải, tình yêu thương (chàng lại nghĩ một cách sáng suốt hoàn toàn), nhưng không phải là thứ tình thương có lý do, có nguyên nhân và có mục đích, mà là thứ tình thương ta đã cảm thấy lần đầu khi trên giường bệnh ta trông thấy kẻ thù nhưng ta vẫn thương yêu kẻ đó. Ta đã có được cái tình thương vốn chính là thực chất của linh hồn, thứ tình thương không cần có đối tượng. Và ngay bây giờ đây ta cũng vẫn có cái tình cảm diễm phúc đó. Thương yêu đồng loại, thương yêu kẻ thù của mình. Thương yêu tất cả – thương yêu Thượng đế trong tất cả những sự thể hiện của Người. Có thể thương yêu một người chí thân bằng tình yêu của con người, nhưng chỉ có thể thương yêu một kẻ thù bằng tình yêu của Thượng đế. Chính vì thế mà ta thấy vui sướng khi cảm thấy mình yêu thương người ấy. Người ấy nay ra sao? Có còn sống không?... Khi yêu thương bằng tình yêu của con người, có thể từ yêu thương chuyển sang thù ghét; nhưng tình yêu của Thượng đế thì không thể thay đổi được. Không có gì, dù là cái chết cũng vậy, không có gì có thể phá hoại tình yêu đó. Nó là thực chất của linh hồn. Trong đời ta, ta đã thù ghét biết bao nhiêu người. Và trong tất cả mọi người, không có ai ta yêu thương và thù ghét cho bằng nàng". Và với tất cả sức tưởng tượng của mình, chàng hình dung Natasa không phải như chàng vẫn hình dung trước kia, chỉ có những nét đáng yêu làm cho chàng say sưa; nhưng lần đầu tiên chàng đã hình dung được tâm linh của nàng. Và chàng đã hiểu tình cảm của nàng, những nỗi đau khổ, sự hổ thẹn, lòng hối hận của nàng. Bây giờ lần đầu tiên chàng đã hiểu được tất cả sự tàn nhẫn của chàng khi cự tuyệt nàng, chàng đã thấy rõ sự tàn nhẫn của việc đoạn tuyệt này. "Giá có thể gặp nàng một lần nữa thôi, để nhìn vào đôi mắt ấy mà nói rằng...".

Pi-chi pi-chi pi-chi, i chi-chi, i pi-chi pi-chi... bùm! Con nhặng lại vừa húc vào gối... Và sức chú ý của chàng bỗng chuyển sang một thế giới khác vừa thực vừa ảo, trong đó đang xảy ra một

điều gì khác thường. Trong thế giới đó cái tòa kiến trúc kia vẫn cứ từ từ dựng lên không ngừng, vẫn có một cái gì kéo dài ra mãi, ngọn nến vẫn cháy thành một quầng đỏ, vẫn chiếc áo sơ-mi xphynx nằm ở cửa vào: nhưng ngoài tất cả các thứ đó ra có cái gì kêu đánh kẹt một tiếng, một luồng gió mát thổi vào, và một con Xphynx khác, trắng toát, đứng thẳng, hiện ra trước khung cửa. Và mặt của con Xphynx ấy chính là khuôn mặt xanh nhợt và đôi mắt long lanh của Natasa, người mà chàng vừa nghĩ đến.

"Ôi, cứ mê sảng liên miên như thế này thì khổ thật!" – công tước Andrêy nghĩ thầm, cố xua đuổi cái khuôn mặt ấy ra khỏi trí tưởng tượng. Nhưng khuôn mặt ấy cứ ở trước mặt chàng với sức mạnh của hiện thực, và nó đang nhích lại gần. Công tước Andrêy muốn trở về với thế giới tư duy thuần túy trước đây, nhưng không được, và cõi hôn mê lại lôi cuốn chàng vào lĩnh vực của nó. Tiếng nhạc rả rích kia vẫn tiếp tục thì thầm, có một cái gì đè ép chàng, kéo dài ra, và khuôn mặt kỳ dị ấy đứng trước mặt chàng, Công tước Andrêy thu hết tàn lực để tỉnh dậy; chàng khẽ cựa mình và trong tai chàng bỗng có tiếng kêu ong ong, mắt chàng mờ tối, và như một người chìm nghỉm xuống nước, chàng ngất đi. Khi chàng bừng tỉnh, Natasa, chính Natasa bằng xương bằng thịt, người mà chàng tha thiết ước ao được yêu với tình thương mới mẻ, tình yêu của Thượng đế, tình yêu thuần tuý mà chàng đã tìm thấy, chính Natasa đang quỳ trước mặt chàng. Chàng đã hiểu rằng đây chính là Natasa thật, và chàng không ngạc nhiên, mà chỉ thấy một nỗi vui mừng êm dịu. Natasa quỳ bên giường, đôi mắt sợ hãi nhìn chàng không chớp (nàng không sao cử động được). Nàng cố ghìm tiếng nấc; mặt nàng xanh xao và bất động. Chỉ có phía dưới hơi run rẩy.

Công tước Andrêy thở dài nhẹ nhõm, mỉm cười và đưa tay ra cho nàng.

– Cô đấy à? – Chàng nói – sung sướng quá!

Natasa nhanh nhẹn nhưng thận trọng nhích đến gần chàng, cầm lấy tay chàng và cúi mặt xuống hôn, môi chỉ khẽ chạm vào bàn tay.

– Anh tha thứ cho em! – Nàng nói thì thào và ngẩng đầu lên nhìn chàng. – Xin anh tha thứ cho em!

– Tôi yêu Natasa, – công tước Anđrêy nói.

– Anh tha thứ...

– Tha thứ việc gì? – công tước Anđrêy hỏi.

– Xin anh tha thứ tất cả... những gì em đã... làm – Natasa thì thầm, giọng đứt quãng, khẽ đến nỗi công tước Anđrêy chỉ vừa đủ nghe thấy, và liên tiếp hôn lên khắp bàn tay chàng, môi chỉ khẽ chạm vào da.

– Anh yêu em nhiều hơn, đằm thắm hơn trước, – công tước Anđrêy nói và lấy tay nâng mặt nàng lên để có thể nhìn thẳng vào mắt nàng.

Đôi mắt ấy rưng rưng những giọt nước mắt vui sướng, đang rụt rè, thương xót và âu yếm nhìn chàng. Khuôn mặt gầy và xanh của Natasa với đôi môi sưng húp trông chẳng đẹp chút nào, lại dễ sợ nữa. Nhưng công tước Anđrêy không trông thấy khuôn mặt ấy, chàng trông thấy đôi mắt sáng long lanh. Đôi mắt ấy đẹp lạ lùng. Phía sau họ có tiếng nói lao xao.

Piotr, người hầu phòng, bấy giờ đã tỉnh hẳn và đã đánh thức người thầy thuốc dậy – Timokhin, suốt đêm không chợp mắt vì đau chân, đã trông thấy từ lâu mọi việc đang xảy ra, và cố lấy chăn đắp kín tấm thân không mặc áo của mình co ro trên ghế dài.

– Cái gì thế? – người thầy thuốc nói trong khi nhổm dậy.

– Xin tiểu thư đi ra cho.

Vừa lúc ấy có tiếng gõ cửa của một người đầy tớ gái được bá tước phu nhân sai đi tìm Natasa.

Như một người mắc chứng miên du[1] bị người ta đánh thức trong khi đang ngủ say, Natasa đi ra và trở về phòng gieo mình xuống đệm rơm khóc nức nở.

Từ hôm ấy, trong suốt cuộc hành trình của gia đình Rôxtôv, những khi dừng lại hoặc nghỉ đêm, Natasa không lúc nào rời khỏi Bolkonxki, và người thày thuốc phải thú nhận rằng ông không ngờ một người con gái lại có thể cương nghị và khéo chăm sóc người bị thương đến thế.

Tuy bá tước phu nhân rất khiếp sợ khi nghĩ rằng công tước Andrêy có thể chết trên tay con gái mình (theo lời người thày thuốc thì điều đó rất có thể xảy ra) bà vẫn không thể ngăn cấm Natasa được. Mặc dù sự gần gũi giữa công tước Andrêy và Natasa khiến người ta nghĩ rằng nếu chàng khỏi thì những mối quan hệ trước kia giữa hai vợ chồng chưa cưới sẽ được nối lại, trong nhà vẫn không ai nói đến điều đó: cái vấn đề chưa được giải quyết, vấn đề sống hay chết, đang treo lơ lửng không những trên đầu công tước Andrêy mà còn trên đầu toàn thể nước Nga nữa, bây giờ đã lấn át hết mọi ý nghĩ khác.

XXXIII

Ngày mồng ba tháng chín Pier dậy muộn. Đầu chàng nhức buốt, bộ quần áo mà chàng không cởi ra khi đi ngủ làm cho thân thể chàng thấy bức bối, và trong tâm trí chàng có một ý thức mơ hồ rằng hôm qua mình đã làm một việc gì đáng hổ thẹn: đó là cuộc nói chuyện với đại úy Rambal.

Đồng hồ chỉ mười một giờ, nhưng ở bên ngoài trời có vẻ u ám

1. Người mắc bệnh đi lang thang trong khi đang ngủ.

lạ thường. Pier đứng dậy, dụi mắt và khi trông thấy khẩu súng tay với chiếc cán chạm mà Gheraxim đã đặt lại trên bàn viết, Pier sực nhớ mình hiện đang ở đâu, và ngày hôm nay mình phải làm gì.

"Không biết có chậm không? – Pier nghĩ. – Không có lẽ ít nhất phải đến mười hai giờ hắn mới vào Maxkva". Pier không cho phép mình nghĩ ngợi về những điều sắp phải làm, nhưng vội vã tìm cách hành động cho thật chóng.

Chàng xốc lại áo, cầm lấy khẩu súng ngắn và đã toan đi. Nhưng đến đây, lần đầu tiên chàng băn khoăn tự hỏi mình sẽ mang vũ khí như thế nào để đi giữa đường. Cầm ở tay thì không được rồi. Ngay dưới tà áo kaftan rộng thùng thình cũng khó lòng giấu được khẩu súng to tướng. Giắt ở lưng hay cắp ở nách thì người ta trông thấy mất. Hơn nữa, viên đạn trong khẩu súng đã bắn ra rồi, và Pier chưa kịp nạp lại viên khác. "Thôi, dao găm cũng được", – Pier tự nhủ, mặc dầu trong khi suy tính cách thực hiện ý định chàng đã nhiều lần nghĩ rằng cái sai lầm chủ yếu của người sinh viên năm 1809 là ở chỗ anh ta muốn giết Napôlêông bằng dao găm. Nhưng tựa hồ như mục đích chính của Pier không phải là thực hiện một công việc đã dự tính, mà là cố sao tỏ rõ cho bản thân mình thấy rằng mình không từ bỏ ý định và đang làm đủ cách để thực hiện ý định đó, Pier vội vã cầm lấy con dao găm vừa cùn vừa mẻ đút trong chiếc vỏ xanh mà chàng đã mua ở tháp Xukharev cùng với khẩu súng ngắn, rồi giấu nó dưới lần áo gi–lê.

Sau khi đã thắt áo kaftan và đội cái mũ chụp xuống tận mắt. Pier cố tránh mặt viên đại úy, đi thật im lặng qua hành lang và ra đường.

Đám cháy mà tối hôm qua chàng đã đứng nhìn một cách thản nhiên như vậy, nay qua một đêm đã to lên khá nhiều. Bây giờ thành Maxkva đã bốc cháy từ nhiều phía. Xóm hàng xe, khu tả ngạn Maxkva, khu Goxtiny Đvor, phố Povarxkaya, xóm thợ thuyền

trên sông Maxkva và khu chợ củi gần cầu Đorogonilov cùng cháy một lúc.

Đường đi của Pier băng qua các ngõ hẻm đến phố Povarxkaya và từ đó rẽ sang Arbat, đi về phía nhà thờ Nikôlai Yavlenny, nơi mà từ lâu trong trí tưởng tượng chàng đã chọn để thực hiện ý định của mình. Phần lớn các nhà đều đóng cửa kín mít. Phố xá và ngõ hẻm đều vắng tanh. Không khí phảng phất mùi khói và mùi cháy khét. Thỉnh thoảng mới gặp những người Nga với bộ mặt lo lắng rụt rè và những người Pháp với bộ điệu của một đám quân vô lệnh đi nghênh ngang ở chính giữa đường. Cả người Nga lẫn người Pháp đều nhìn Pier có vẻ ngạc nhiên. Ngoài cái thân hình cao lớn đẫy đà, ngoài vẻ mặt và dáng điệu đăm chiêu, ủ dột và khổ sở rất kỳ lạ của chàng, người Nga còn chú ý nhìn Pier vì họ không hiểu con người kia thuộc tầng lớp nào. Còn người Pháp thì ngạc nhiên đưa mắt nhìn theo chàng đặc biệt vì trong khi tất cả những người Nga khác đều nhìn người Pháp một cách sợ sệt và tò mò, thì trái lại Pier chẳng hề để ý đến họ một chút nào cả. Ở bên cổng một ngôi nhà chàng đi qua, ba người Pháp đang muốn nói gì với mấy người Nga nhưng họ nghe chẳng hiểu gì cả, bèn chặn Pier lại hỏi xem chàng có biết tiếng Pháp không.

Pier lắc đầu ra hiệu không biết và tiếp tục đi. Ở một ngõ khác, một tên lính canh đứng cạnh một cái thùng sơn xanh, lớn tiếng gọi chàng, và mãi đến khi nghe tiếng quát thứ hai và tiếng súng tách cách của tên lính canh đang giơ súng lên. Pier mới hiểu ra rằng chàng chẳng nghe thấy gì, chẳng trông thấy gì ở xung quanh hết. Hấp tấp và sợ hãi, chàng mang cái ý định của mình trong lòng như một vật gì kinh khủng và xa lạ đối với chàng, chỉ sợ xao nhãng mất ý định ấy; kinh nghiệm tối hôm qua đã giữ trọn được tâm trạng của mình cho đến nơi đến chốn. Hơn nữa, dù trên đường đi không có gì trở ngại, ý định của chàng cũng không thể nào thực hiện được nữa rồi, vì một lẽ giản đơn là Napôlêông

đã từ ngoại ô Dorogomilov đi qua Arbat để vào thành Kreml cách đây bốn tiếng đồng hồ và hiện đang ngồi ở phòng giấy của Sa hoàng trong cung điện với một tâm trạng thật là ảo não, và đang ra những mệnh lệnh tỷ mỷ, tường tận về những biện pháp cần thi hành để dập tắt đám cháy, ngăn cản việc cướp bóc và ổn định nhân tâm. Nhưng Pier không biết thế; tâm trí chàng dồn cả vào việc làm, chàng khổ sở như những người đang cố tâm mưu đồ một việc gì không thể làm được, không phải vì việc đó có nhiều khó khăn, mà vì nó không hợp chút nào với bản thân của mình; chàng khổ sở vì sợ rằng mình sẽ nao núng trong giờ phút quyết liệt và sau đó sẽ tự khinh mình.

Tuy chàng chẳng nghe thấy gì, chẳng trông thấy gì ở xung quanh, nhưng trực giác cũng mách chàng đi đúng đường, và chàng đã không lạc lối khi đi vào các ngõ hẻm dẫn đến phố Povarxkaya.

Càng đến gần phố Povarxkaya, khói càng dày đặc, và thậm chí càng thấy nóng người lên vì hơi lửa tỏa ra. Thỉnh thoảng lại trông thấy những ngọn lửa liếm trên cái mái nhà. Trên đường phố gặp nhiều người hơn trước và những người đó lại có vẻ lo lắng hơn. Nhưng tuy chàng cảm thấy có một cái gì khác thường đang diễn ra quanh mình. Pier cũng vẫn không nhận thức được rằng mình đang đến gần một đám cháy. Đang đi theo một con đường mòn băng qua một khoảng đất trống chưa xây nhà, một mặt giáp phố Povarxkaya còn mặt kia thì giáp khu vườn của nhà công tước Gruzinxki, Pier chợt nghe tiếng một người đàn bà khóc thảm thiết ngay sát cạnh mình. Chàng dừng lại như vừa sực tỉnh và ngẩng đầu lên.

Bên cạnh con đường mòn, trên lớp cỏ cháy khô và phủ bụi, chồng chống một mớ những đồ gia dụng: nệm lông, ấm lò, tượng thánh và rương hòm. Bên cạnh mấy cái hòm có một bà đã luống tuổi, gầy gò, răng dài và vẩu, mặc áo choàng đen và đội mũ chụp, đang ngồi giữa đất. Người đàn bà vừa lắc lư vừa khóc nức nở,

mồm không ngớt kể lể thạn vãn. Hai đứa con gái khoảng từ mười đến mười hai tuổi, mình mặc váy ngắn và khoác chiến áo choàng bẩn, đang đứng nhìn mẹ với vẻ ngỡ ngàng và sợ hãi trên gương mặt tái xanh. Một đứa bé con trai lên bảy, mặc chiếc áo rộng và đội một cái mũ lưỡi trai to tướng, đang khóc lè nhè tên tay bà u già. Một người đày tớ gái bẩn thỉu đi chân không ngồi trên chiếc hòm đang tháo cái bím tóc màu vàng nhạt và gỡ những món tóc bị cháy xém ra, chốc chốc lại đưa lên mũi ngửi. Người chồng, một người thâm thấp, mặc y phục công chức, lưng hơi gù, râu quai nón, hai thái dương phẳng phiu lộ rõ dưới chiếc mũ lưỡi trai đội rất ngay ngắn, vẻ mặt đờ đẫn, đang xê dịch mấy cái rương chồng lên nhau, lôi ra mấy thứ quần áo. Trông thấy Pier, người đàn bà gần như phủ phục xuống chân chàng.

– Các ông ơi, các ông là người cơ–đốc chính giáo, các ông cứu giúp chúng tôi với, xin các ông rủ lòng thương cho!... Có ai cứu tôi với!... Con gái tôi! Họ bỏ sót đứa con gái út của tôi lại rồi! Nó chết cháy mất! Trời ô–ô–ôi! Mẹ nuôi dưỡng nâng niu con bấy lâu mà bây giờ... ô–ô–ôi!.

– Thôi đi nào, Marya Nikôlaievna, – người chồng nói khẽ với vợ, – hẳn là chỉ để thanh minh trước người lạ mặt. – Chắc là cô em đã bế nó đi rồi, chứ không thì sao chẳng thấy nó đâu cả!

– Đồ quỷ sứ, đồ khốn nạn! – người đàn bà bỗng thôi khóc, rít lên một cách hằn học. – Mày thật không có lương tâm, con mày mà mày cũng không biết thương. Giá người khác thì người ta đã xông vào lửa cứu nó ra rồi. Còn mày là quỷ chứ không phải là người, mày không phải là người bố. Ông là người có lòng tốt, – người đàn bà quay sang Pier nói rất nhanh, vừa nói vừa khóc thút thít. – Nhà bên cạnh cháy, thế là lan sang nhà chúng tôi... Con sen kêu: cháy rồi! Chúng tôi chạy đi vơ vén đồ đạc. Vớ được cái gì mang ra cái ấy... Đây, ngần này đồ đạc đây... Cái tủ thờ và cái gương hồi môn đều mất cả. Khi nhìn lại bầy con thì chẳng

thấy con Katya đâu. Trời ô-ô-ôi!... – và bà ta lại khóc nấc lên. – Con tôi, đứa con yêu quý của tôi chết cháy mất rồi! Chết cháy mất rồi!

– Nhưng nó ở đâu, nó ở đâu mới được chứ? – Pier. Trông vẻ mặt hăm hở của chàng người đàn bà kia đã hiểu rằng người này có thể giúp được mình.

– Con ơi! Cha đẻ của tôi! – bà ta kêu lên, ôm chặt lấy chân chàng. – Ân nhân ơi, xin ông cứu giúp cho tôi yên lòng... Ani-ska, con trời đánh kia, đi đi, đưa ông ấy đi – bà ta giận dữ há to mồm ra quát người đày tớ gái, làm cho mấy cái răng vẩu lộ rõ hơn nữa.

– Chị đưa tôi đi, tôi... tôi... sẽ làm, – Pier nói vội, giọng hớt hải.

Người con gái bẩn thỉu ngồi trên rương đứng dậy, sửa lại bím tóc, thở dài rồi bước trên hai bàn chân đất to tướng và bẩn thỉu, đi theo con đường mòn. Pier như sực tỉnh sau một cơn mê rất dài. Chàng cất cao mái đầu lên, mắt chàng sáng long lanh và đầy sinh khí, chàng bước nhanh theo người đày tớ gái, vượt qua chị ta và bước ra phố Povarxkaya. Suốt dãy phố bị che kín trong một đám khói đen nghịt. Dân chúng chen chúc thành một đám rất đông đứng trước đám cháy. Ở giữa đường có một viên tướng Pháp đang đứng nói gì với mấy người vây quanh. Pier và người đày tớ gái toan đến gần chỗ viên tướng: nhưng một tốp lính Pháp chặn họ lại.

– *Không đi được!*[1] – có tiếng quát.

– Đi lối này bác ạ – người đày tớ gái nói, – Ta sẽ vào ngõ, đi qua sân nhà bác Nikulin.

Pier quay trở lại và bước đi, chốc chốc lại nhảy mấy bước để theo cho kịp chị ta. Người đày tớ gái chạy qua đường, quay sang

1. On ne passe pas!

trái, rẽ vào ngõ và đi qua ba nhà rồi quay sang phải, rẽ vào một cái cổng.

– Đây, sắp đến rồi, – chị ta nói, đoạn chạy qua sân mở một cánh cửa đi qua một hàng rào bằng gỗ, rồi đứng lại chỉ cho Pier thấy một dãy nhà ngang nhỏ bằng gỗ đang cháy rất to, hơi lửa bốc ra nóng hừng hực. Một bên nhà đã sụp xuống, bên kia thì đang cháy, và những ngọn lửa sáng rực từ trong các khung cửa sổ và từ dưới mái nhà lem lém bùng lên.

– Nhà nào, nhà nào? – Chàng hỏi.

– Trời ô–ô–ô - người đày tớ gái kêu rống lên và giơ tay chỉ dãy nhà ngang.

– Chính đây, nhà chúng tôi ở đây. Cô chết cháy mất rồi cô Katya ơi là cô Katya! Trời ô–ô–ôi! – Aniska tru tréo lên: khi trông thấy căn nhà cháy, chị ta cũng cảm thấy cần thổ lộ tình cảm của mình ra như vậy.

Pier lao mình về phía căn nhà, nhưng lửa nóng đến nỗi chàng bất giác đi vòng quanh dãy nhà và thấy mình đứng trước một tòa nhà lớn chỉ mới cháy một bên mái. Bên cạnh tòa nhà có một đám đông linh Pháp đi lại lố nhố. Lúc đầu Pier không hiểu bọn lính này làm gì mà lôi kéo đồ đạc đi như vậy; nhưng khi thấy một tên lính Pháp dùng sống gươm đánh một người mu–gích và cởi chiếc áo khoác lông chồn của anh ta, Pier hiểu lờ mờ rằng họ đang cướp của, nhưng chàng không có thì giờ nghĩ đến việc này.

Tiếng những bức vách gỗ và những tấm trần nhà gãy răng rắc và đổ xuống ầm ầm, tiếng lửa réo vù vù và tiếng kêu la ơi ới của dân chúng, cảnh những đám khói khi thì ùn ùn tụ lại dày đặc và đen ngòm, khi thì bốc lên sáng rực với những tia lửa tung tóe, những ngọn lửa đang táp lên các bức tường, nơi thì đỏ và dày như những bó lúa, nơi thì lại vàng óng lên, hơi nóng, khói và những động tác mau lẹ, tất cả những thứ đó đã có tác dụng kích thích

Pier như các đám cháy vẫn thường có. Đối với Pier, các tác dụng này lại càng mạnh hơn nữa là vì khi trông thấy đám cháy, Pier bỗng cảm thấy mình được giải thoát ra khỏi những ý nghĩ đang đè nặng lên tâm tư. Chàng cảm thấy mình trẻ trung, vui vẻ, nhanh nhẹn và quả quyết. Chàng chạy vòng qua dãy nhà ngang từ phía tòa nhà lớn và đã toan xông vào gian nhà còn đứng vững, thì ngay trên đỉnh đầu chàng nghe có mấy tiếng người kêu lên và tiếp theo là tiếng một vật gì nặng đổ xuống ầm ầm bên cạnh chàng.

Pier ngẩng lên nhìn và thấy ở khung cửa sổ của tòa nhà có mấy tên lính Pháp vừa vứt xuống một cái ô kéo tủ ngăn đựng đầy những đồ đạc bằng kim loại. Mấy tên khác đứng ở dưới đang đi về phía cái ô kéo.

– *Này cái anh kia muốn gì hả*[1], –một tên lính Pháp quát Pier.

– *Có một đứa bé đang ở trong nhà. Các ông có thấy một đứa bé không?*[2] – Pier nói.

– *Chà, cái thằng cha kia nói lảm nhảm cái gì thế hả? Cút đi*[3], – có mấy tiếng nói, và một tên lính Pháp, chắc là sợ Pier lấy mất chỗ đồ bạc và đồ đồng trong ô kéo, liền tiến về phía chàng, vẻ mặt dữ tợn.

– Một đứa bé à? – một tên lính Pháp ở trên gác nói to. – *Tớ có nghe cái gì léo nhéo ở ngoài vườn ấy. Có lẽ là thằng nhóc của lão kia cũng nên.* Phải nhân đạo chứ, các cậu.... [4]

– *Nó ở đâu? Nó ở đâu rồi?* [5] – Pier hỏi.

---

1. Eh bien, qu'est-ce qu'it veut celui-là?

2. Un enfant dans cette maison. N'avez-vous pas vu un enftant?

3. Tiens, qu'est-ce qu'it chante celui-là? Va te promener.

4. Un enfant? - J'ai entendu quelque chose piailler au jardin. Peutêtre c'est son moutard, au bonhomme. Faut-être, humain, voyez-vous.

5. Ou est, ou set-il?

– *Phía này này, phía này này!* – tên lính Pháp trên cửa sổ nói to, tay chỉ ra khu vườn ở sau nhà. – *Đợi một tí tôi sẽ xuống ngay*[1].

Và quả nhiên một phút sau tên lính Pháp, một gã trai tráng mắt đen có cái bớt ở bên má, mình chỉ mặc áo sơ-mi, từ khung cửa sổ tầng dưới nhảy ra và vỗ vai Pier một cái rồi cùng chàng chạy ra vườn.

– *Còn các chú kia nhanh lên*, – hắn quát bọn lính, – *bắt đầu nóng quá rồi đấy*[2].

Họ vòng ra sau nhà và chạy vào một lối đi rải cát. Tên lính Pháp kéo tay Pier và chỉ cho chàng một vật gì tròn tròn. Dưới một cái ghế dài có một đứa con gái ba tuổi mặc áo dài màu hồng nằm co ro.

– *Thằng nhóc của ông đấy. À! Một đứa con gái, càng tốt,* – *tên Pháp nói,* – *chào ông béo nhé. Phải nhân đạo chứ. Chúng ta đều là người, đều có lúc chết cả ông ạ*[3] – Nói đoạn tên Pháp có cái bớt ở má chạy về phía các bạn hắn.

Pier mừng đến nghẹt thở vội chạy đến gần đứa bé và toan bế nó lên. Nhưng trông thấy người lạ, đứa con gái, vẻ ốm yếu và cam sài, trông rất dễ ghét, giống hệt mẹ nó, bỗng kêu thé lên và vùng chạy. Tuy vậy, Pier chộp lấy nó và bế nó lên; nó hét lên the thé, giọng hằn học, lấy hai tay cố gỡ tay Pier ra và giơ cái mồm đầy rãi nhớt ra cắn tay chàng. Pier thấy kinh hãi và ghê tởm như khi nhỡ chạm phải một con sâu. Tuy vậy chàng cố tự chủ để đừng thả rơi đứa bé, và bế nó chạy về phía tòa nhà lớn. Nhưng bây giờ không thể nào trở về theo lối cũ được nữa; cô đầy tớ gái Aniska chẳng thấy đâu, và Pier, trong lòng vừa thương hại vừa ghê tởm, cố ôm

1. Par ice, par ici! Attendez, je vais descendre

2. Dépêchez-vous, vous autres, il commence à faire chaud.

3. Voilà votre moutard. Ah, une petite, tant mieux. - Au revoir, mon gros. Faut- être humain. Nous sommes tous mortels, voyez-vous.

đứa bé ướt át vào lòng một cách thật dịu dàng trong khi nó khóc hét lên, rồi chàng chạy qua vườn đi tìm một lối ra khác.

XXXIV

Sau khi chạy qua mấy cái sân và mấy ngõ hẻm, Pier ẵm đứa bé chạy về phía khu vườn của nhà Gruzinxki ở góc phố Povarxkaya. Thoạt tiên, chàng không nhận ra nơi mà chàng đã xuất phát để đi tìm đứa bé: nơi ấy chật ních những người và chất đầy đồ đạc từ trong các nhà lôi ra. Ngoài các gia đình Nga với của cải của họ vừa chạy được, ở đây còn có mấy người lính Pháp mặc nhiều thứ y phục khác nhau. Pier không chú ý đến họ. Chàng vội vã đi tìm gia đình người công chức để trả đứa con gái cho mẹ nó và đi cứu thêm vài người nữa. Pier có cảm tưởng như mình đang cần làm thêm nhiều việc nữa mà phải làm cho thật nhanh. Người nóng bừng lên vì hơi lửa và vì chạy nhanh, giờ phút này Pier càng thấy rõ hơn nữa cái cảm giác trẻ trung, hưng phấn và quả quyết đã tràn vào lòng chàng khi chàng chạy đi cứu đứa trẻ. Bấy giờ đứa con gái đã nín, và hai tay bám vào chiếc áo kaftan của Pier, nó ngồi trên tay chàng và đưa mắt nhìn quanh như một con thú rừng nhỏ. Pier thỉnh thoảng lại nhìn nó và mỉm cười. Chàng có cảm giác là trong cái khuôn mặt ốm yếu và hoảng sợ của nó có một cái gì rất ngây thơ và cảm động.

Ở chỗ hồi nãy chẳng thấy vợ chồng người công chức đâu nữa. Pier bước nhanh giữa đám đông, nhìn mặt những người ở xung quanh. Chàng bất giác để ý đến một gia đình người Gruzi hay người Armêni gì đấy, gồm một cụ già rất cao tuổi, khuôn mặt kiểu Đông phương rất đẹp, mình mặc một chiếc áo tu – lúp mới có phủ dạ, chân đi đôi ủng mới, một bà già cũng kiểu mặt như thế và

một người thiếu phụ. Pier thấy người thiếu phụ trẻ măng ấy thật là một khuôn mẫu tuyệt vời của sắc đẹp phương Đông, với đôi lông mày đen uốn vòng cung, với nước da màu hồng mơn mởn mịn lạ thường trên một khuôn mặt trái xoan rất đẹp, không biểu lộ một tình cảm nào. Ở giữa những đống đồ đạc ngổn ngang, giữa dám người chen chức trên khoảng đất trống, mình mặc chiếc áo xa-tanh sang trọng và đầu trùm chiếc khăn màu tím tươi, nàng giống như một đóa hoa mềm dịu vốn nở trong một lồng kính ủ cây mà bị vứt ra giữa tuyết lạnh. Nàng ngồi trên mấy cái tay nải sau bà già một quãng, đôi mắt lá răm to và đen với đôi hàng mi dài đăm đăm nhìn xuống đất. Hình như nàng cũng biết mình đẹp và lo sợ cho nhan sắc của mình. Khuôn mặt ấy khiến Pier cũng ngoái lại nhìn nàng mấy lần. Đi đến cuối dãy hàng rào và không thấy những người chàng đang tìm, Pier dừng lại đưa mắt nhìn quanh.

Bóng dáng Pier ẵm đứa bé trên tay bấy giờ lại càng dễ được mọi người chú ý hơn trước, và đã có mấy người Nga, vừa đàn ông vừa đàn bà, xúm lại quanh chàng.

– Hình như ông lạc mất người nào thì phải? Ông là người quý phái phải không – họ hỏi chàng.

Pier đáp lại rằng đứa trẻ này là con một mụ đàn bà mặc áo đen, hồi nãy ngồi với mấy đứa con ở chỗ này, và hỏi xem có ai biết bà ta không và bà ta đi đâu rồi.

– Chắc là gia đình nhà Anferov, – một ông thầy dòng già nói với một người đàn bà mặt rỗ – Lạy chúa tôi, – ông ta nói thêm với cái giọng trầm quen thuộc.

– Anferov nào? – người đàn bà mặt rỗ nói. – Nhà Anferov đi từ sáng sớm rồi còn gì. Đây chắc phải là Marya Nikôlai-evna hay nhà Ivanov.

– Ông ấy nói là một mụ đàn bà, còn Marya Nilolaiva là một bà lớn kia mà, – một người gia đình nói.

– Chắc các người biết bà ta, răng vẩu, người gầy thế này này, – Pier nói.

– Đúng là Marya Nikôlaievna rồi. Họ đang đi vào khu vườn kia thì bọn lang sói ấy ập đến, – người đàn bà chỉ bọn lính Pháp nói.

– Ôi, lạy Chúa, – ông thầy dòng lại nói.

– Ông đi lại đằng kia kìa, họ đang ở đấy. Chính bà ta ở đấy. Suốt buổi chỉ khóc lóc kêu gào, – người đàn bà nói thêm.

– Chính bà ta đấy. Phía này này.

Nhưng Pier không nghe họ nói gì. Đã mấy giây đồng hồ chàng chăm chú nhìn một việc đang xảy ra cách chàng mấy bước. Chàng nhìn cái gia đình người Armêni và hai tên lính thấp bé, vẻ rất láu lỉnh, mặc một áo khoác xanh thắt một sợi dây thừng. Hắn đội một cái mũ chụp, đi chân không. Tên kia khiến Pier đặc biệt chú ý: đó là một người cao và gầy, lưng hơi gù, tóc vàng, có những động tác chậm chạp một vẻ mặt đần độn. Tên này mặc một chiếc áo ca–pốt dạ xù, một cái quần xanh và đi đôi ủng kỵ binh đã rách. Tên lính thấp bé đi chân không và mặc áo khoác xanh đến gần mấy người Armêni nói mấy tiếng gì không rõ rồi lập tức nắm lấy chân ông già. Ông già hối hả cởi ủng ra. Tên mặc áo ca–pốt dừng lại trước mặt cô gái Armêni xinh đẹp kia và hai tay đút túi đứng im nhìn nàng.

– Bế lấy, bế lấy đứa bé, – Pier vừa nói vừa vội vừa trao đứa con gái cho người đàn bà. Chàng nói to gần như quát lên, giọng như ra lệnh. – Bà mang đi trả cho người ta, mang đi... chàng đặt đứa bé đang khóc xuống đất và quay lại nhìn hai tên lính Pháp và gia đình mấy người Armêni. Ông già đã cởi một chiếc ủng. Tên Pháp thấp bé rút chiếc kia ra và đập đập hai chiếc ủng vào nhau. Ông già vừa khóc vừa nói một câu gì nhưng Pier chỉ thấy thoang thoáng những việc đó; tất cả sức chú ý chàng đều tập trung vào tên lính mặc ca–pốt lúc bấy giờ đang khuyệnh khạng bước chậm

rãi lại gần người thiếu phụ và rút hai tay ra khỏi túi nắm lấy cổ nàng.

Người thiếu phụ Armêni xinh đẹp vẫn ngồi im như cũ, hai hàng mi dài cụp xuống, có vẻ như không thấy và không hề hay biết tên lính kia làm gì mình.

Khi Pier chạy đến nơi thì tên cướp cao lênh khênh mặc capốt kia đã tháo chạy được chiếc vòng của người thiếu phụ đang đeo. Nàng giơ hai tay lên cổ và kêu thét lên.

– *Không được động đến người đàn bà này*[1] – Pier gầm lên, giọng giận dữ. Chàng nắm lấy hai vai tên lính cao và gù kia ẩy ra phía sau. Hắn ngã ngửa ra, lồm cồm bò dậy và bỏ chạy. Nhưng tên lính kia ném đôi ủng xuống đất, rút đoản kiếm ra và tiến về phía Pier, vẻ dữ tợn. Hắn quát:

– *Này, đừng có lôi thôi!*[2]

Pier đang ở trong một cơn giận điên cuồng, không còn nhớ gì nữa; sức chàng tăng lên gấp mười lúc thường. Chàng xông vào tên lính Pháp đi chân không, và tên này chưa kịp rút gươm đã bị ngã lăn ra; chàng tới tấp nện hai quả đấm vào người hắn. Trong đám đông đứng xung quanh có tiếng reo hò tán thưởng, và cùng một lúc ấy từ góc phố hiện ra một đội kỵ binh U-lan của Pháp đi tuần tiễu. Đội U-lan phóng nước kiệu về phía Pier và tên lính Pháp, và vây quanh hai người Pier không còn nhớ gì những việc xảy ra sau đó nữa. Chàng chỉ nhớ mang máng là chàng có đánh một người nào, rồi người ta đánh chàng và cuối cùng chàng thấy tay mình bị trói lại, rồi một đám lính Pháp đứng quanh chàng và lục soát chàng.

– *Thưa trung úy, hắn có một con dao găm*[3] – Đó là những lời đầu tiên mà Pier hiểu được.

1. Laissez cette femme.
2. Voyons. pas de bêtises.
3. Il a un poignard, lieutunant.

– *À, có vũ khí à!*[1] – Viên sĩ quan nói đoạn quay về phía tên lính đi chân không lúc bấy giờ cũng cùng bị bắt với Pier.

– *Được, ra tòa án binh sẽ nói chuyện*[2] – viên sĩ quan nói xong lại quay về phía Pier hỏi: *Anh có biết nói tiếng Pháp không, anh kia?*[3].

Pier đưa đôi mắt đỏ ngầu nhìn quanh và lặng thinh không đáp. Chắc vẻ mặt của chàng trông rất khủng khiếp cho nên viên sĩ quan quay ra nói thì thầm mấy tiếng, và thêm bốn người lính U-lan nữa tách ra khỏi hàng ngũ đến đứng kèm hai bên Pier.

– *Anh có biết nói tiếng Pháp không?*[4] – viên sĩ quan đứng cách Pier khá xa nhắc lại câu hỏi. – *Gọi thông ngôn lại đây*[5].

Từ trong hàng ngũ bước ra một người nhỏ loắt choắt mặc thường phục kiểu Nga. Trông lối ăn mặc và nghe giọng nói, Pier nhận ra hắn là một người Pháp kiều làm trong một cửa hiệu buôn ở Maxkva.

Người thông ngôn ngắm nghía Pier một lúc rồi nói:

– Trông hắn không có vẻ là một người bình dân.[6]

– *Ồ, ồ! Ta trông tên này dáng một tên đốt nhà lắm,* – viên sĩ quan nói. – *Thử hỏi hắn xem hắn là ai.*[7]

– Mày là ai? – viên thông ngôn hỏi. – Mày phải trả lời quan trên. – Hắn nói thêm.

– *Tôi sẽ không nói cho các người biết tôi là ai đâu. Tôi là tù binh của các người. Các người cứ dẫn tôi đi!*[8] – Pier bỗng nói bằng tiếng Pháp.

1. Ah, une arme?
2. C'est bon, vous direz tout cela au comseil de guerre.
3. Parlez-vous francais. vous?
4. Parlez-vous francais?
5. Faites venir l'interprète
6. II, n'a pas l'air, d'un homme du peuple.
7. Oh, oh! Cam'a bien l'air d'un de ces incendires. Demandez lui ce qu'il est.
8. Je ne vous dirai qui je suis, je suis votre prisonniers. Emmenez-moi

– *À! À!*– Viên sĩ quan cau mày nói. – *Thôi, đi*[1].

Chung quanh toàn lính U-lan người đứng xem khá đông. Đứng gần Pier nhất là người đàn bà mặt rỗ bế đứa con gái: khi toán lính thúc ngựa đi, bà ta tiến lên mấy bước, nói:

– Ông ơi, họ đem ông đi đâu thế? Thế còn con bé thì sao? Nếu không phải con họ thì tôi biết mang nó đi đâu?

– *Mụ kia muốn thì thế?*[2] – viên sĩ quan hỏi.

Pier bấy giờ như người say rượu. Cái tâm trạng phấn khích của chàng lại càng tăng thêm khi chàng trông thấy đứa con gái mà chàng đã cứu sống. Chàng nói:

– *Bà ta nói gì ấy à? Bà ta đem đứa con gái của tôi lại cho tôi. Tôi vừa cứu nó ở trong đám cháy ra,* – chàng nói, – *Thôi vĩnh biệt!*[3] – chàng cũng không biết tại sao mình lại thốt ra một lời nói dối vô ích như vậy nữa. Chàng bước quả quyết và dõng dạc đi giữa toán lính Pháp.

Đội tuần tiễu vừa rồi là một trong những đội được phái đi khắp các phố Maxkva theo lệnh của Đuyronel để ngăn chặn việc cướp bóc và nhất là để bắt những kẻ đốt nhà, vì hôm ấy ý kiến chung của những sĩ quan cao cấp của Pháp đều cho rằng có những kẻ đã gây ra những đám cháy nhà. Sau khi vòng qua mấy phố đội tuần tiễu bắt thêm năm người Nga khả nghi nữa, gồm một người chủ hiệu buôn, hai người học trò trường dòng, một người mu-gích và một người gia nô. Ngoài ra, họ còn bắt thêm mấy tên lính đi ăn cướp nữa. Nhưng trong số những người khả nghi ấy thì Pier trông có vẻ khả nghi hơn cả. Khi quân Pháp dẫn họ vào nghỉ đêm trong tòa nhà lớn ở cạnh thành Zubovxki, nơi có lập một đồn cảnh sát, Pier được giam riêng ra một nơi và được canh phòng rất cẩn mật.

1. Ah! Ah! - Marchons.
2. Qu'est-ce qu'elle veut, cêtt femme?
3. Ce qu'elle dit? Elle m'apporte ma fille que je viens de sauver des flammes. Adieu.

PHẦN THỨ HAI

I

Ở Pêterburg, trong các giới cao cấp diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt hơn bao giờ hết giữa các đảng phái của Rumiantev, của các quan lại người Pháp, của Marya Feođorovna, của thái tử của mấy người khác nữa. Cũng như xưa nay vẫn thế, cuộc tranh chấp này diễn ra trong tiếng vo ve của bầy ong đực trong triều đình. Nhưng cuộc sống Pêterburg yên tĩnh, xa hoa, chỉ bận tâm lo đến những ảo ảnh, những phản ánh của cuộc đời, vẫn tiếp tục theo nếp cũ, cho nên phải cố gắng lắm mới có thể nhận thức được nguy cơ và tình cảnh khó khăn của nhân dân Nga hồi bấy giờ. Vẫn những buổi lâm triều ấy, những cuộc vũ hội ấy, đoàn kịch Pháp ấy, cũng vẫn những cuộc tranh chấp, chạy chọt, kèn cựa như trước ở cung đình và trong quan trường. Chỉ có trong các giới cao cấp nhất người ta mới cố gắng nhớ tới sự khó khăn của tình thế lúc bấy giờ. Người ta thì thầm rỉ tai nhau chuyện hai hoàng hậu[1] chống đối nhau trong những hoàn cảnh khó khăn như vậy. Hoàng hậu Marya Feođorovna, luôn lo lắng đến các cơ quan từ thiện và giáo dục dưới quyền chủ trì của người, đã thu xếp dờitất cả cơ quan này về Kagan, và bấy giờ đồ đạc của các cơ

1. Tức hoàng hậu Mary Feođorovna vợ Pa-ven, và đương kim hoàng hậu Elizaveta Alekxeyevna vợ Alêcxanđr đệ nhất

quan đó đều đã được đóng gói sẵn sàng. Còn hoàng hậu Elizveta Alekxeyevna[1] thì khó có người hỏi người có truyền bảo gì không, hoàng hậu đã trả lời với lòng ái quốc đặc biệt Nga-la-tư của mình rằng người không thể truyền bảo gì về các cơ quan của nhà nước được vì đó là việc của hoàng thượng; còn về phần riêng, thì người đã có lòng phán rằng người sẽ là người cuối cùng rời khỏi Pêterburg.

Ở nhà Anna Pavlovna, tối hôm hai mươi sáu tháng tám, đúng vào ngày diễn ra trận Borođinô, có tổ chức một buổi tiếp tân. Tiết mục then chốt của tối tiếp tân này là tuyên đọc bức thư của đức cha giám mục gửi kèm theo bức tượng thánh Xerghi gửi lên hoàng đế. Bấy giờ bức thư này được xem là mẫu mực của thể văn hùng biện ái quốc của giới tăng lữ. Người đọc bức thư sẽ là công tước Vaxili, người nổi tiếng về nghệ thuật đọc (chính ông ta vẫn thường đọc trong cung hoàng hậu). Theo quan niệm thời bấy giờ thì nghệ thuật đọc là ở chỗ đọc cho to, giọng ngân nga luôn chuyển từ tiếng hét the thé sang tiếng thì thầm êm dịu, hoàn toàn không đếm xỉa gì đến ý nghĩa của câu văn, cho nên từ này được đọc the thé lên, từ kia được đọc thì thầm, đều hoàn toàn là chuyện tình cờ. Việc đọc này, cũng như tất cả các buổi tiếp tân của Anna Povlovna, đều có một ý nghĩa chính trị. Đến dự tối tiếp tân sẽ có một số nhân vật quan trọng cần phải làm cho họ xấu hổ vì họ thường hay lui tới kịch viện Pháp, và cần phải thức tỉnh tình yêu nước trong lòng họ. Các tân khách đều đã khá đông, nhưng Anna Povlovna thấy trong phòng khách chưa đủ mặt những người cần có mặt nên chưa cho đọc thư; mà chỉ cầm trịch cho tân khách nói chuyện chung chung.

Tin sốt dẻo nhất trong ngày hôm ấy là tin bá tước phu nhân

1. Hoàng hậu Elizaveta Alekxeyvna là công chúa xứ Baden (Đức) nhưng sau khi lấy chồng thì lại biểu dương một lòng ái quốc "đặc biệt Nga-la-tư".

Bezukhova ốm. Cách đây mấy hôm, bá tước phu nhân bỗng lâm bệnh, bỏ mấy buổi họp trong đó lẽ ra phu nhân phải là vật trang hoàng, và nghe nói phu nhân không tiếp ai cả, không mời các bác sĩ nổi tiếng ở Pêterburg xưa nay vẫn chữa cho phu nhân, mà lại phó mình cho một ông thầy thuốc người Ý nào đó chữa theo một phương pháp gì đấy rất mới, rất lạ.

Mọi người đều biết rõ rằng vị bá tước phu nhân kiều diễm ấy lâm bệnh là vì lâm vào tình cảnh éo le một lúc lấy hai chồng, và cách chữa bệnh của ông thầy thuốc người Ý chính là làm thế nào khắc phục được cái tình cảnh éo le ấy; nhưng trước mặt Anna Pavlovna không những không ai dám nghĩ đến điều đó, mà thậm chí người ta còn làm như không ai hay biết tí gì về việc đó nữa.

– *Tội nghiệp, nghe nói bá tước phu nhân ốm nặng lắm. Ông thầy thuốc bảo đó là bệnh viêm ức*[1].

– *Viêm ức à? Ồ! đó là một thứ bệnh rất đáng sợ!*[2].

– *Nghe nói hai kẻ tình địch đã hòa giải nhờ cái bệnh viêm ức này*[3].

Người ta nhắc đi nhắc lại hai chữ "viêm ức!" một cách khoái trá.

– *Nghe nói vị bá tước già tội nghiệp lắm thì phải. Ông ta đã khóc như một đứa trẻ khi bác sĩ nói với ông ta rằng trường hợp* này nguy hiểm[4].

– *Ồ, phu nhân có mệnh hệ nào thì thật là một tổn thất kinh khủng. Phu nhân là một người đàn bà kiều diễm mê hồn*[5].

---

1. On dit que la pauvre comtesse est très mal. Le médecin dit que c'est l'angine pectorale.

2. L'angine? Oh. c'est une maladie terrible!

3. On dit que les rivaux se sont réconciliés grâce à l'angine.

4. Le vieux comte est totuchant à ce qu'on dit il a pleuré comme un enfant quand le médecin lui a ditque le cas est dangereux.

5. Oh! Ce serait une perte terrible. C'est une femme ravissante.

– *Các vị đang nói đến bá tước phu nhân đáng thương của chúng ta đấy ư?* – Anna Pavlovna lại gần nói. – *Tôi đã cho người đi hỏi tin tức. Nghe nói phu nhân đã đỡ được chút ít.*

- *Ồ, chắc chắn nàng là người đàn bà đáng yêu nhất đời*[1] – Anna Pavlovna nói đoạn mỉm cười như để chế giễu thái độ bồng bột của mình, – *Phu nhân với tôi hai người thuộc hai phái khác nhau, nhưng điều đó không hề ngăn trở tôi quý trọng phu nhân đúng như phu nhân xứng đáng được quý trọng. Phu nhân thật là bất hạnh*[2] – Anna Pavlovna nói thêm. Cho rằng Anna Pavlovna nói câu này là đã hé mở bức màn bí mật phủ trên bệnh tình của bá tước phu nhân, một chàng thanh niên thiếu thận trọng đã dám tỏ ý ngạc nhiên không hiểu tại sao người ta lại không cho mời những vị danh y mà lại dùng một anh lang băm có thể cho phu nhân uống những liều thuốc nguy hiểm.

– *Những tin tức của ông thu lượm được có thể chính xác hơn của tôi* – Anna Pavlovna bỗng dùng một giọng chua chát đáp lại chàng thanh niên thiếu lịch lãm – *nhưng tôi được biết qua một nguồn tin chắc chắn rằng ông thầy thuốc đó là một người rất uyên bác và tài giỏi. Đó là vị thầy thuốc thân cận của hoàng hậu Tây-ban-nha*[3] – Và sau khi đã giáng lên chàng thanh niên kia một đòn trí mạng như vậy, Anna Pavlovna quay về phía Bilibin bấy giờ đang đứng ở một nhóm khác nói chuyện về người Áo, da trán co lại, hẳn là đang chuẩn bị cho nó dãn ra để buông *một câu dí dỏm*[4].

---

1. Vous parlez de la pauvre comtesse. J'ai envoyé savoir de ses nouvelles. On m'a dit qu'elle allait un peu mieux. Oh! Sans doute c'est la plus charmante femme du monde.

2. Nous appartenons à des caps différents, mais cela ne m'empêche pas de l'estimer comme elle le mérite! Elle est bien malheureuse.

3. Vos informations peuvent être meilleures que les miennes. Mais je sais de bonne source que ce médecin estun homme très savant et très habile. C'est le médecin intime de la Reine d'Espagne.

4 Un mot.

– *Tôi cho là rất thú!*[1] – Bilibin nói về bức văn kiện ngoại giao gửi về Viên kèm theo mấy lá cờ Áo do Vitghenstain, *vị anh hùng thành Pêtropol*[2] chiếm được. (Ở Pêterburg thường gọi Vitghenstain như vậy).

– Sao, thế nào? – Anna Povlovna hỏi Bilibin, có ý để mọi người im lặng nghe cái câu dí dỏm Bilibin sắp cho ra (câu này bà ta đã biết trước), và Bilibin nhắc lại nguyên văn câu sau đây trong bức thông điệp ngoại giao mà chính ông ta đã viết ra: – *Hoàng đế gửi lại mấy lá cờ Áo,* – Bilibin nói, – đây là *những lá cờ của nước bạn đã thất lạc mà ngài đã tìm thấy ngoài lề đường*[3] – Bilibin vừa nói vừa cho lớp da trên trán dãn ra.

– *Thú tuyệt, thú tuyệt*[4], – Công tước Vaxili nói.

– *Có lẽ đó là con đường Varxôvi chăng*[5] – Công tước Ippolit bỗng nói rất to và rất bất ngờ. Mọi người đều quay lại nhìn Ippolit không hiểu chàng muốn ngụ ý gì. Công tước Ippolit cũng vui vẻ và ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh.

Cũng như mọi người, chính chàng cũng không hiểu câu mình vừa nói ngụ ý gì. Trong sự nghiệp ngoại giao của chàng, Ippolit đã có lần nhận thấy rằng những câu nói ra một cách đột ngột như vậy nhiều khi lại đâm ra rất dí dỏm, cho nên hễ có dịp là chàng cứ nói ra bất cứ một câu gì. Chưa biết chừng thế mà hóa ra hay cũng nên, – chàng nghĩ, – và dù không hay đi nữa, thì rồi họ cũng tìm ra được cách hiểu. Quả nhiên, trong đám tân khách vừa bắt đầu có một phút im lặng nặng nề, thì nhân vật thiếu lòng ái quốc mà Anna Pavlovna đang chờ đợi và muốn cảm hóa đã bước vào

1. Je trouve que c'est charmant.
2. Le héro de Pétropol.
3. L'Empereur renvoie les drapeaux Autrichiens, drapeaux amis et égarés, qu'il a trouvés hors de la route.
4. Charmant, charmant.
5. C'est la route de Varsovie peut-être.

phòng. Anna Pavlovna mỉm cười đưa ngón tay lên dọa Ippolit, rồi cùng công tước Vaxili ra bàn, đem lại cho ông ta hai cây nến và bản chép tay túc thư giám mục, đoạn yêu cầu ông ta bắt đầu. Trong phòng lặng hẳn đi.

– Tâu bệ hạ chính nhân chí thánh–Công tước Vaxili cất giọng nghiêm trang đọc lớn, đoạn đưa mắt nhìn qua cử tọa một lượt như muốn hỏi xem có ai phản đối gì không. Nhưng chẳng có ai nói gì cả. – "Maxkva, thủ đô đầu tiên của chúng ta, thành Jeruxalem mới, đang tiếp đón đấng Cơ đốc của nó" – ông ta nhấn mạnh hai chữ "của nó" – "như người mẹ hiền đón những người con hiếu thảo vào lòng và qua bóng đen vừa xuất hiện vẫn nhìn thấy trước ánh vinh quang rực rỡ của triều đại Người, thành Maxkva hân hoan cất tiếng ca: "Hoxanna, cầu Thượng đế ban phước cho người sắp đến!"[1] – Công tước Vaxili đọc câu cuối cùng này với một giọng như sắp khóc.

Bilibin chăm chú quan sát mấy cái móng tay của mình, và có nhiều người có vẻ bối rối như tự hỏi không biết mình phạm lỗi gì? Anna Pavlovna thì thầm nhắc trước câu sắp đến, như một bà già xuýt xoa khấn khứa bài kinh nhận mình thánh: "Cứ mặc cho tên Goliath hỗn xược và trơ tráo..."[2].

Công tước Vaxili đọc tiếp:

– "Cứ mặc cho tên Goliath hỗn xược và trơ tráo kia từ biên cương nước Pháp đem đến tận biên thùy nước Nga những nỗi thê lương khủng khiếp và đầy tử khí, cái đức tính khiêm tốn, cái ná của Đavid Nga–la–tư sẽ bất thần đánh mạnh vào cái đầu kiêu hãnh khát máu của nó. Bức tượng thánh này của đức thánh Xerghi, vị chiến sĩ nhiệt thành xưa kia đã từng bảo vệ hạnh phúc của tổ quốc ta, thần xin dâng lên Sa hoàng bệ hạ. Thần lấy làm

1. Lời hoan hô chào đón Jêxu Cơ đốc (Phúc âm)

2. Goliath là người khổng lồ của quân Philixtin bị Đavid, người chăn cừu xứ Izrael, giết chết (Cựu ước).

ân hận rằng tuổi già sức yếu không cho phép mình có được diễm phúc đến chiêm ngưỡng dung mạo tối anh minh của bệ hạ. Thần xin gửi lên đấng cao xanh những lời cầu nguyện nhiệt thành, cầu đấng Vạn năng phù hộ cho dòng dõi những người chính trực và thực hiện những ước nguyện của bệ hạ được".

– *Hùng tráng quá! Văn hay quá!*[1] – chung quanh có tiếng trầm trồ khen ngợi người đọc và người viết thư. Được bài văn này cổ vũ, các tân khách của Anna Pavlovna còn bàn tán hồi lâu về tình cảnh của tổ quốc và đưa ra nhiều ức thuyết khác nhau về kết quả trận đánh sắp diễn ra nay mai.

– *Rồi các vị sẽ xem*[2] – Anna Pavlovna nói, – Ngày mai, ngày sinh nhật của hoàng thượng, ta sẽ nhận được những tin mới. Linh tính tôi báo trước là tin rất lành.

II

Linh tính của Anna Pavlovna quả nhiên đã ứng nghiệm. Ngày hôm sau, trong khi đang làm lễ ca ngợi trong cung nhân ngày sinh nhật của hoàng đế, công tước Volkonxki được gọi ra ngoài nhà thờ và nhận được một bức thư của công tước Kutuzov. Đó là bức thông báo của Kutuzov viết ở Tatarinovo hôm diễn ra trận đánh. Kutuzov viết rằng quân đội Nga không hề rút lui một bước, rằng quân Pháp tổn thất nặng nề hơn quân ta rất nhiều, nhưng trong khi viết vội thông báo về triều đình ngay tại chiến trường ông chưa kịp thu thập những tài liệu sau cùng. Như vậy, nghĩa là quân ta đã thắng. Thế là trong nhà thờ lập tức làm lễ tạ ơn đấng sáng tạo ra muôn loài đã phù hộ cho quân ta thắng trận.

1. Quelle force! Quel style!
2. Vous verrez.

Linh cảm của Anna Pavlovna đã được xác nhận và suốt buổi sáng hôm ấy trong thành phố tràn ngập một tâm trạng vui mừng hân hoan như ngày hội. Mọi người đều cho rằng đây là một trận toàn thắng, và có mấy người đã nói đến việc bắt Napôlêông làm tù binh, phế truất y và chọn một quốc trưởng mới cho nước Pháp.

Xa nơi trận mạc và ở giữa hoàn cảnh sinh hoạt của cung đình, các biến cố thật khó lòng được phản ảnh trọn vẹn. Các biến cố chung vô tình được tập hợp lại chung quanh một sự việc cá biệt nào đó. Chẳng hạn bây giờ các triều thần vui mừng vì quân ta thắng trận đã đành, nhưng họ cũng vui mừng không kém vì tin thắng trận này đều đúng vào ngày sinh nhật của hoàng thượng. Cứ như là một trò chơi "bất ngờ" thành công vậy. Trong bản thông báo của Kutuzov cũng nói đến những tổn thất của quân ta, và trong số các tướng sĩ tử trận thấy có Tutskov, Bagratyon, Kutaixov. Trong giới xã giao của Pêterburg khía cạnh đáng buồn của biến cố này tự nhiên lại tập hợp chung quanh một sự việc – cái chết của Kutaixov. Ai cũng biết ông ta, hoàng thượng yêu mến ông ta, ông ta trẻ tuổi và hấp dẫn. Ngày hôm ấy hễ gặp nhau là người ta nói:

– Thật là một sự tình cờ lạ lùng. Đúng giữa khi đọc kinh Ca ngợi[1]. Kutaixov chết đi thật là một tổn thất nặng nề! Ồ, đáng tiếc thật.

– Đấy tôi đã bảo mà, Kutuzov có phải tầm thường đâu – Bây giờ công tước Vaxili lại nói với giọng kiêu hãnh của một nhà tiên tri. – Xưa nay tôi vẫn nói chỉ có ông ta mới đánh bại được Napôlêông thôi mà.

Nhưng ngày hôm sau không nhận được tin tức gì của quân đội gửi về, và giọng bàn tán lại có chiều lo lắng. Các triều thần khổ sở về chỗ hoàng thượng rất phiền muộn chẳng biết hư thật ra sao.

1. Tức bài "Te Deum laudamus" ("Chúng con ca ngợi Người. Thượng đế!").

– Tình cảnh của hoàng thượng thật là bi đát! – Các triều thần bảo nhau như vậy, và họ không còn ca tụng Kutuzov như hôm qua nữa, mà lại lên án ông ta đã làm cho hoàng thượng lo âu. Ngày hôm ấy công tước Vaxili cũng không tán dương Kutuzov, người được ông ta *bênh vực*[1], mà chỉ im lặng mỗi khi có ai nói đến vị tổng tư lệnh. Hơn nữa, tối hôm ấy dường như mọi việc đều dồn dập làm cho dân Pêterburg lo sợ; lại có tin bá tước phu nhân Elena Bezukhova vừa qua đời một cách đột ngột vì cái chứng bệnh kỳ lạ mà người ta thích nhắc đến tên. Trong các buổi tiếp tân lớn mọi người đều chính thức nói rằng bá tước phu nhân Bezukhova chết *vì một cơn bệnh viêm ức*[2] kinh khủng, nhưng những lúc họp mặt thân mật người ta lại nói chi tiết rằng ông bác sĩ thân cận của hoàng hậu Tây Ban Nha đã kê đơn cho Elen uống một thứ thuốc nào đấy với những liều lượng nhỏ đều gây nên những tác dụng nhất định; nhưng Elen, xót xa vì bị ông bá tước già nghi kỵ và vì đã viết thư cho chồng (cái thằng cha Pier phóng đãng khốn nạn ấy) mà không được trả lời, nên đã uống thuốc với một liều lượng rất lớn và đã chết trong những cơn đau quằn quại trước khi người ta kịp chạy chữa. Họ kể lại rằng công tước Vaxili và vị bá tước già cũng định bắt viên thầy thuốc người Ý, nhưng ông này đưa ra những bức thư nhỏ gì đấy của người quá cố bất hạnh, làm hai người lập tức phải thả ông ta.

Cuộc trò chuyện tập trung vào ba sự kiện đáng buồn: nỗi băn khoăn của hoàng thượng, Kutaixov tử trận và cái chết của Elen.

Hai ngày sau khi nhận được bức thư thông báo của Kutuzov, có một trang chủ từ Maxkva lên Pêterburg và trong khắp thành phố có tin đồn Maxkva đã bị để lọt vào tay quân Pháp. Thật là khủng khiếp! Tình cảnh của hoàng thượng thật là bi đát. Kutuzov là một tên phản bội, và trong những cuộc thăm viếng chia buồn

1. Protégé.
2. Angine pectorale.

nhận cái chết của Elen, công tước Vaxili nhắc đến Kutuzov, người mà mấy hôm trước ông vừa tán dương (trong khi buồn rầu tang tóc như thế này ông ta có quên những lời nói trước kia thì cũng chẳng có gì đáng trách), có nói rằng lão già đui chột và trụy lạc ấy tất nhiên phải hành động như vậy, không thể chờ mong gì hơn được nữa.

– Tôi chỉ lạ không hiểu sao người ta lại có thể trao vận mệnh nước Nga cho một con người như vậy.

Trong khi tin này chưa phải là tin chính thức thì người ta còn có thể hồ nghi được. Nhưng hôm sau lại nhận được một bản thông báo của bá tước Raxtopsin như sau:

"Sĩ quan phụ tá của công tước Kutuzov đã đem lại cho tôi một bức thư yêu cầu tôi cung cấp những sĩ quan cảnh binh để giúp vào việc chuyển quân ra con đường Ryazan. Công tước nói rằng công tước đành lòng phải bỏ Maxkva. Tâu bệ hạ! hành động của Kutuzov định đoạt vận mệnh của thủ đô và toàn thể đế quốc của bệ hạ. Nước Nga sẽ rung chuyển khi biết tin bỏ ngỏ Maxkva, nơi tập trung sự vĩ đại của nước Nga, nơi chôn cất tro tàn của hài cốt các tiên đế. Tôi sẽ đi theo quân đội. Tôi đã cho chuyển tất cả những cái gì cần phải chuyển ra khỏi thành. Nay tôi chỉ còn biết khóc thương số phận của tổ quốc nữa mà thôi".

Nhận được bản thông báo này, hoàng đế liền phái công tước Volkonxki đem trao cho Kutuzov tờ dụ sau đây:

"Công tước Mikhail Harionovits! Từ ngày hai mươi chín tháng tám ta không nhận được tin gì mới của công tước. Trong khi đó ngày mồng một tháng chín, ta lại nhận được của quan tư lệnh thành Maxkva, chuyển qua đường Yaroxlavi, cái tin đáng buồn là công tước đã quyết định cùng quân đội rời khỏi Maxkva. Chắc công tước có thể tưởng tượng được tin này đã tác động đến ta như thế nào và sự im lặng của công tước lại càng khiến ta kinh ngạc

bội phần. Ta phái phó tướng của ta là công tước Volkonxki mang thư này đến gặp công tước, để biết rõ tình hình quân đội và những nguyên nhân đã khiến công tước quyết định một việc đáng buồn như vậy".

III

Chín ngày sau khi Maxkva bị bỏ ngỏ có một tin sứ của Kutuzov đến Pêterburg đưa tin chính thức về việc này. Tin sứ này là một người Pháp tên là Misô, người không biết tiếng Nga nhưng tuy người là ngoại quốc mà lòng dạ lại là Nga-la-tư[1] như chính ông ta vẫn nói.

Nhà vua lập tức cho ông ta bệ kiến trong phòng riêng ở cung điện Kemmenny Oxtrov, Misô chưa bao giờ trông thấy Maxkva trước chiến dịch này và lại không biết tiếng Nga. Nhưng vẫn rất cảm động khi ra mắt vị hoàng đế chí nhân của chúng ta[2] (như ông ta vẫn viết) để đưa tin Maxkva bị cháy, lửa bừng lên sáng rực cả đường đi của ông ta[3].

Tuy nhiên nguyên do khiến ông Misô buồn[4] chắc phải khác hẳn những nguyên do khiến người Nga đau khổ, gương mặt ông khi ông bước vào văn phòng hoàng đế cũng rầu rĩ đến nỗi nhà vua hỏi ngay:

– *Đại tá mang lại cho ta những tin buồn chăng?*[5]

---

1. Quoique étranger, Russe de coeur et d'âme.
2. Notre très gracieux souverran.
3. Don't les flammes écleiralent sa route.
4. Chagrin.
5. M'apportez-vous de tristes nouvelles, colonel?

– *Rất buồn, tâu hoàng thượng*, - Misô đáp trong một tiếng thở dài, mắt nhìn xuống đất, – *Maxkva đã bị bỏ ngỏ*[1].

– *Chẳng lẽ người ta đã bỏ ngỏ cố đô của ta mà không chiến đấu sao?*[2] – Nhà vua bỗng đỏ mặt lên nói nhanh.

Misô kính cẩn truyền đạt lại những điều Kutuzov đã dặn: không thể nào chiến đấu ở vùng Maxkva, cho nên chỉ còn có thể chọn một trong hai đường – hoặc mất cả quân đội lẫn Maxkva, hoặc chỉ mất Maxkva, vì vậy nguyên soái đành phải chọn lấy cách sau cùng.

Hoàng thượng im lặng nghe, không nhìn Misô.

– *Quân địch đã tiến vào thành phố chưa?*[3] – ngài hỏi

– *Tâu bệ hạ, vào giờ này thành phố đã cháy ra tro. Khi tôi ra đi cả thành phố đang cháy rực lên*[4] – Misô nói giọng quả quyết nhưng khi nhìn hoàng đế, ông phát hoảng vì đã nói như vậy. Hoàng đế bắt đầu thở dồn dập, môi dưới của ngài run lên và đôi mắt xanh đẹp của ngài trong khoảnh khắc đã rớm lệ.

Nhưng chỉ một phút sau, hoàng đế đã cau mày lại như muốn tự trách mình đã yếu đuối như vậy. Và hoàng đế ngẩng đầu lên cất giọng rắn rỏi nói với Misô.

– *Đại tá ạ, qua tất cả những việc đang xảy ra, ta đã thấy rõ rằng Thượng đế đòi hỏi ở chúng ta những hy sinh lớn lao... Ta sẵn sàng phục tùng tất cả những ý muốn của Thượng đế; nhưng ông Misô, ông hãy nói cho ta rõ tinh thần quân đội khi ông ra đi*

1. Bien tristes, sire, l'abandon de Moscou.
2. Aurait-on livré mon ancienne capitale sans se battre?
3. L'ennemi est-it entré en ville?
4. Oui, sire, er elle est en cendres à l'heure qu'il est je l'ai laissee toute en flammes.

như thế nào, khi họ thấy cố đô của ta bị bỏ ngỏ không hề bắn một viên đạn như vậy? Ông có thấy họ có nản lòng không?[1]

Thấy vị hoàng đế chí nhân huệ[2] của mình đã bình tâm lại Misô cũng yên tâm, nhưng câu hỏi trực tiếp và trọng yếu của hoàng thượng cũng đòi hỏi một câu trả lời trực tiếp mà ông ta chưa kịp chuẩn bị.

– *Tâu hoàng thượng, hoàng thượng có cho phép tôi được nói thẳng thắn như một quân nhân trung thực không*?[3] – Misô nói để có thêm thì giờ.

– *Đại tá ạ, bao giờ ta cũng đòi hỏi như vậy,* hoàng thượng nói. – *Đại tá đừng giấu diếm gì hết, ta nhất thiết muốn biết rõ tình hình thật hiện nay ra sao*[4].

– *Tâu hoàng thượng*! Misô nói, miệng chỉ khẽ nhếch một chút thành một nụ cười tế nhị: bấy giờ ông ta đã kịp chuẩn bị câu trả lời dưới hình thức một trò chơi chữ[5] nhẹ nhàng và kính cẩn. – *Tâu hoàng thượng khi tôi ra đi thì toàn thể quân đội, kể từ các vị chỉ huy cho đến những người lính thường không trừ một ai, đều cùng chung một mối lo sợ khủng khiếp...*[6]

– *Sao lại thế?* – Hoàng thượng cau mày ngắt lời Misô, giọng nghiêm khắc. – *Chả nhẽ dân Nga của ta lại nản lòng trước cơn hoạn nạn... Không đời nào!...*[7]

1. Je vois, colonel, par tout ce qui nous arrive, que la providence exige de grands sacrifices de nous - Je suis prêt à me soumetter à toutes ses volontés; mais dites-moi Michaud, comment avez-vous laissé l'armée en voyant ainsi sans coup ferir abandonner mon ancienne capitale? N'avez-vous pas apercu du découragement.

2. Très gracieux souverain.

3. Sire. me permettrez-vous de vous parler franchement en loyal militaire?

4. Colonel, je l'exige toujours. Ne me cachez rien, je veux savoir absolument ce qu'il en est.

5. Jeu de mots.

6. Sire j'ai laissé toute l'armée depuis les chefs jusqu'au dernier soldat, sans exception. dans une crainte épouvantable, effrayante...

7. Comment Cà? Mes Russes se laisseront-ils abattre par le malheur. Jamais!

Misô chỉ chờ có thế để thực hiện trò chơi chữ của mình.

– *Tâu hoàng thượng,* – ông ta nói với một giọng bông lơn nhưng vẫn kính cẩn, – *họ chỉ lo sợ bệ hạ nghe theo lòng nhân từ mà thuận tình hòa giải. Họ đều nức lòng muốn chiến đấu,* ông ta nói với tư cách một người đại diện toàn quyền của nhân dân Nga, – *và thiết tha mong được hy sinh tính mệnh để chứng minh cho hoàng thượng rõ họ hết lòng vì hoàng thượng đến chừng nào...*[1]

– À! - Hoàng thượng yên tâm, vừa nói vừa vỗ lên vai Misô, mắt long lanh một ánh sáng dịu dàng trìu mến. – *Đại tá làm cho ta yên tâm.*[2]

Nhà vua cúi đầu im lặng một lát.

– *Thôi, đại tá hãy trở về quân đội đi,* – ngài nói, người đứng thẳng lên, quay về phía Misô với một cử chỉ tuy nghiêm mà thân mật, – *và hãy nói lại với những người lính dũng cảm của chúng ta, nói lại với tất cả các thần dân tốt lành của ta ở bất cứ nơi nào đại tá đi qua, rằng đến khi nào ta không còn lấy một người lính nữa, ta sẽ thân hành đứng ra chỉ huy, lớp quý tộc yêu quý của ta và đám nông dân tốt lành của ta, ta sẽ sử dụng đến hết tài lực cuối cùng của đế chế ta. Đế chế của ta còn nhiều tài lực hơn là những kẻ thù của ta vẫn tưởng.* – Nhà vua nói, mỗi lúc một thêm phấn chấn. – *Nhưng vạn nhất, nếu Thượng đế truyền phán rằng,* – ngài ngước đôi mắt đẹp đẽ, dịu dàng và sáng long lanh vì xúc động nhìn lên trời – *rằng vương triều của ta sẽ không còn được trị vì trên ngai vàng của các tiên đế nữa, thì sau khi đã tận dụng các phương tiện mà ta có thể sử dụng được, ta sẽ để cho râu mọc dài đến đây* (nhà vua giơ tay chỉ ngang ngực) *và ta sẽ đi ăn khoai với*

1. Sire, ils craignent seulement que votre Majesté par bonté de coeur ne se laisse persuder de faire la paix. IIs brulent de combattre et de prouver à votre Majesté par le sacrifice de leur vie combien ils lui sont dévoués...

2. Ah! Vous me tranquilliez, colonel.

người dân cày bần cùng nhất của ta, còn hơn là ký kết thừa nhận nỗi ô nhục của tổ quốc và dân tộc yêu quý của ta mà ta biết quý trọng những hy sinh của nó...[1] – Nói xong mấy câu này với một giọng cảm động, nhà vua bỗng quay mặt đi, như để cho Misô khỏi trông thấy những giọt nước mắt đang trào lên mi, và bỏ đi về phía cuối phòng. Sau khi đứng yên ở đấy một lát, ngài lại bước những bước dài trở về phía Misô và xiết cánh tay ông ta ở phía dưới khuỷu một chút trong một cử chỉ hùng tráng. Khuôn mặt đẹp đẽ dịu dàng của nhà vua ửng đỏ lên, và trong đôi mắt ngài sáng long lanh ánh lửa của chí cương quyết và lòng căm phẫn.

– *Đại tá Misô ạ, ông đừng quên những điều tôi nói với ông ngày hôm nay, ở nơi này, có lẽ rồi một ngày kia chúng ta sẽ nhớ lại và lấy làm thú vị... Napôlêông hay là ta,* – nhà vua đưa tay để lên ngực nói – *hai người không thể cùng trị vì được nữa. Ta đã có dịp hiểu rõ Napoleông, y sẽ không lừa ta được nữa đâu...*[2] – Và nhà vua cau mày im lặng. Nghe mấy lời này và trông thấy vẻ quả quyết kiên cường trong ánh mắt của nhà vua, Misô – *tuy người là ngoại quốc, nhưng lòng dạ lại là Nga-la-tư*[3] – trong giây phút long trọng này cảm thấy mình *nức lòng phấn khởi trước tất cả*

1. Eh bien, retournez à l'amée, et dites à nos braves, dites à tous mes bons sujets partout où vous passerez, que quand je n'aurais plus aucun soldat, je me mettrai moi même à la tête de ma chère noblesse, de mes bons paysans et j'userai ainsi jusqu'à la dermière ressource de mon empire. Il m'en offre encore plus que mes ennemis ne pensent. Mais si jamais il fut écrit dans les décrets de la divine providence que ma dynastie dut cesser de régner sur le trône de mes ancêtres, alors, aprés avoir épuisé tous les moyens qui sont en mon-pouvoir: je me laisserai croitre la barbe jusqu'ici, et j'irai manger des pommes de terre avec le dernier de mes paysans plutôt que de signer la honte de ma patrie et de ma chère nation, don't ne sais apprécier les sacrifices!...

2. Colonel Michaud, n'oubliez pas ce que je vous dis ici, peut être qu'un jour nous nous le rappelons avec plaisir... Napoléon ou moi nous ne pouvons plus régner ensemble. J'ai appris à le connaitre, it ne me trompera plus...

3. Quoique étranger, mais russe dé coeur et d'âme.

những điều vừa được nghe[1] (về sau ông ta có nói như vậy), và đã biểu đạt ra bằng những lời sau đây những tình cảm của mình cũng như của nhân dân Nga mà ông ta tự xem là người đại diện toàn quyền:

– *Tâu hoàng thượng*, – Misô nói. – *Trong lúc này hoàng thượng đang ký kết sự vinh quang của dân tộc và cứu vớt cho toàn thể châu Âu!*[2].

Nhà vua từ giã Misô bằng một cái gật đầu.

IV

Trong khi nước Nga đã bị chiếm mất một nửa, dân cư Maxkva đã đi lánh nạn về những tỉnh xa, và các đoàn dân binh lần lượt đứng lên bảo vệ tổ quốc, thì chúng ta, những người không sống vào thời kỳ bấy giờ, không khỏi hình dung rằng tất cả những người Nga, từ bé đến lớn, đều chỉ một lòng muốn hy sinh thân mình, cứu nguy cho tổ quốc hay khóc thương trước họa diệt vong của đất nước. Những truyện ký, những bài văn miêu tả thời bấy giờ đều nhất thiết chỉ nói đến sự hy sinh quên mình, đến tình yêu tổ quốc, đến sự tuyệt vọng, nỗi đau buồn và lòng dũng cảm của người Nga. Song thực tế không phải như vậy. Chẳng qua ta chỉ có cảm tưởng như vậy thôi, bởi vì khi nhìn về quá khứ ta chỉ thấy cái lợi ích chung về lịch sử của thời đại, ta không thấy được tất cả những quyền lợi cá nhân, có tính chất người, của những người thời bấy giờ. Thế nhưng trong thực tế thì những quyền lợi cá nhân ấy quan trọng hơn những lợi ích chung, đến nỗi thường lấn

1. Enthousiasme par tout ce qu'il venait d'entendre.

2. Sire, votre. Majesté signe dans ce moment la gloire de sa nation et le salut de l'Europe!

át và thậm chí còn che lấp hẳn những lợi ích chung nữa là khác. Phần đông những người thời ấy đều không hề chú ý đến quá trình diễn biến đại thể của sự việc, mà chỉ hành động theo những quyền lợi và những suy tính thiết thân đối với cá nhân họ trong hiện tại. Và chính những người đó là những con người hữu ích nhất của thời đại bấy giờ.

Còn những người cố hiểu quá trình diễn biến chung của tình hình và muốn tham gia vào đấy một cách anh dũng và hy sinh cái gì họ cũng hiểu sai lệch đi, và tất cả những việc đó để đem lại lợi ích cho tổ quốc đều chỉ là những trò nhảm nhí vô bổ, như các trung đoàn dân binh của Pier, của Mamonov, chỉ giỏi đi cướp phá các làng mạc Nga, hay như những mớ vải xô để buộc vết thương của các tiểu thư làm, chẳng bao giờ đến tay thương binh, v.v... Ngay cả những người thích lý sự và bày tỏ tình cảm của mình, trong khi bàn bạc về tình hình hiện nay tại các nước Nga, bất giác cũng có những lời lẽ vờ vĩnh và dối trá, hoặc những lời phê phán hằn học vô bổ đối với những người khác, gán cho họ những tội mà không ai có thể là thủ phạm. Qua các biến cố lịch sử có thể thấy rõ hơn cả tại sao lại có lệnh cấm quả cây trí thức[1]. Chỉ có một hoạt động bất tự giác mới có thể mang lại kết quả, và con người đóng một vai trò nào đó trong một biến cố lịch sử không bao giờ hiểu ý nghĩa của biến cố đó. Nếu con người đó cố tìm cách hiểu thì hoạt động của hắn sẽ không đem lại kết quả gì hết.

Về các biến cố đang diễn ra lúc bấy giờ ở Nga thì con người càng tham gia trực tiếp vào đấy càng khó thấy rõ ý nghĩa của nó. Ở Pêterburg và ở các tỉnh xa Maxkva, các phu nhân và các ông lớn mặc quân phục dân binh thương khóc nước Nga, thương khóc thủ đô và luôn luôn nói đến sự hy sinh quên mình v.v... nhưng

1. Theo truyền thuyết thánh kinh, khi hai con người đầu tiên là Adam và Eva đang ở vườn Eđen (thiên đường trần gian), thượng đế cấm họ ăn quả cây trí thức: chính vì vi phạm lệnh cấm này mà loài người bị thượng đế đày đọa (Cựu ước).

trong quân đội bấy giờ vừa rút về phía nam Maxkva người ta hầu như không nói gì và không nghĩ gì đến Maxkva cả, và khi nhìn ánh lửa cháy nhà, không ai thề thốt trả thù quân Pháp, người ta chỉ nghĩ đến số tiền lương sắp được lĩnh quý sau, đến địa điểm trú quân sắp tới, đến cô bán hàng rong Matrioska v.v...

Nikôlai Rôxtôv, chẳng vì mục đích hy sinh quên mình nào cả, mà chỉ vì tình cờ chiến tranh xảy ra trong khi chàng đang tại ngũ, đã trực tiếp tham gia vào việc bảo vệ tổ quốc trong một thời gian dài, và vì vậy, đã nhìn nhận những sự việc diễn ra ở đất Nga thời bấy giờ một cách bình tĩnh, không tuyệt vọng, không có những suy diễn bi quan. Giá có ai hỏi chàng nghĩ gì về tình hình hiện nay của nước Nga thì chàng sẽ nói rằng mình chẳng việc gì phải nghĩ đến cả, đã có Kutuzov và nhiều người khác làm việc đó; còn chàng thì chỉ biết rằng nghe đâu người ta đang bổ sung quân số các trung đoàn, chắc là sẽ còn đánh nhau lâu, và trong tình hình hiện nay rất có thể chỉ vài năm nữa chàng sẽ được nhận chỉ huy một trung đoàn.

Vì chàng nhìn nhận sự việc như vậy, nên khi được tin phải đi Voronej làm công tác bổ sung số ngựa cho trung đoàn, không những chàng không thấy buồn bực vì không được tham gia vào cuộc chiến đấu quyết liệt, mà chàng còn lấy làm thích thú vô cùng, điều đó chàng cũng không giấu giếm, và các bạn đồng ngũ của chàng hiểu rõ tâm trạng này.

Trước trận Borođino ít hôm, Nikôlai nhận tiền bạc, giấy tờ, và sau khi phái một người lính kỵ đi trước chàng lên xe trạm đi Voronej.

Chỉ có người nào đã từng trải qua cảnh đó, nghĩa là đã sống mấy tháng liền trong bầu không khí nhà binh, trong sinh hoạt chiến đấu, mới có thể hiểu được cái khoái cảm mà Nikôlai thể nghiệm khi chàng ra khỏi khu vực quân đội thường lui tới để lấy cỏ cho ngựa, kiếm lương thực và lập bệnh xá, khi chàng trông

thấy những làng mạc không có lính, không có xe tải nhà binh, không có những dấu vết bẩn thỉu của một doanh trại đóng gần đâu đấy, những làng mạc với những bác mu-gich, những cô gái quê, những tòa nhà của trang chủ, những cánh đồng lác đác những súc vật đang ăn cỏ, những ngôi trạm với những bác coi trạm đang ngủ gật, chàng thấy lòng phơi phới tưởng như lần đầu tiên được trông thấy những thứ này. Và đặc biệt, điều làm cho chàng ngạc nhiên và vui mừng mãi là được gặp những người đàn bà, trẻ trung, khỏe mạnh, và mỗi người như vậy lại không bị hàng chục sĩ quan đi theo ve vãn, và đều lấy làm mừng và hãnh diện khi thấy người sĩ quan qua đường đùa cợt với họ.

Trong một tâm trạng cao hứng tột độ Nikôlai đến Vornej vào ban đêm, chàng tới khách sạn gọi tất cả những món ăn mà trong quân đội đã lâu chàng phải nhịn, và hôm sau, râu cạo nhẵn thín, mình mặc bộ đại quân phục duyệt binh đã từ lâu không mặc tới, chàng đến trình diện các cấp chỉ huy sở tại.

Viên thủ trưởng dân binh là một viên quan văn đã già; ông ta có vẻ thích thú với các chức vị và cấp bậc nhà binh của mình lắm. Ông ta tiếp Nikôlai một cách cáu kỉnh (vì cho đó là tác phong nhà binh) và hỏi chuyện chàng một cách quan trọng, vừa hỏi vừa bàn luận về tình hình chung của chiến sự, khi thì tỏ ý tán thành, khi thì tỏ ý phàn nàn, làm như mình có quyền phê phán những việc đó. Nikôlai đang vui cho nên những điều đó chàng chỉ thấy ngộ nghĩnh mà thôi.

Sau khi gặp viên thủ trưởng dân binh, chàng đến tìm viên tổng đốc. Viên tổng đốc là một người nhỏ nhắn, linh lợi, rất niềm nở và xuề xòa. Ông ta mách cho Nikôlai biết những trại có thể đến tìm ngựa, giới thiệu cho chàng một anh lái ngựa trong thành phố và một trang chủ ở cách thị xã hai mươi dặm, có những con ngựa tốt nhất vùng, và hứa sẽ hết sức giúp đỡ chàng.

– Ông là con trai bá tước Ilya Anđreyvits phải không? Ngày

trước nhà tôi chơi thân với bà cụ thân sinh ông lắm đấy. Thứ năm nào nhà tôi cũng tiếp khách; hôm nay là thứ năm, mời ông cứ đến chơi tự nhiên nhé, – viên tổng đốc nói khi chàng cáo từ ra về.

Ở nhà viên tổng đốc ra, Nikôlai thuê ngay một cỗ xe trạm vào cùng viên tào trưởng đến trại người trang chủ ở cách thị xã hai mươi dặm. Trong thời gian mới đến Voronej, Nikôlai thấy việc gì cũng dễ dàng và vui vẻ, và khi người ta đang ở trong một tâm trạng như vậy thì làm việc gì cũng thường có kết quả mỹ mãn.

Người trang chủ mà Nikôlai đến gặp là một viên sĩ quan kỵ binh già sống độc thân, một tay chơi ngựa rất sành, thích săn bắn. Ông ta có một hầm rượu hồ tiêu để lâu hàng trăm năm, có rượu vang Hunggari và những con ngựa rất hay.

Hai bên chỉ trao đổi qua vài câu là Nikôlai đã bằng lòng mua ngay mười bảy con ngựa đực ưu tú (như chàng nói) với giá sáu nghìn rúp, để cung cấp cho đơn vị. Sau khi ăn bữa chiều và uống khá nhiều rượu Hung, Rôxtôv ôm hôn ông chủ nhà (hai người đã gọi nhau bằng "cậu") rồi lên đường về thị xã, trong lòng cao hứng đến tột độ, luôn mồm thúc giục người xà ích cho ngựa phi thật nhanh để kịp về dự tối tiếp tân ở nhà quan tổng đốc.

Sau khi thay áo quần, xức nước hoa và gội đầu bằng nước lạnh, Nikôlai đến nhà quan tổng đốc. Chàng đến hơi muộn, nhưng đã sắp sẵn một câu: *thà muộn còn hơn không*[1] để tự bào chữa.

Đây không phải là một vũ hội, và chẳng có ai nói rằng tối hôm nay sẽ có khiêu vũ; nhưng mọi người đều biết rằng Katerina Pêtrovna sẽ chơi những bài valse và những điệu nhảy Tô–cách–lan trên đàn dương cầm, và người ta sẽ khiêu vũ, cho nên mọi người đều phục sức như khi đi dự vũ hội.

Cuộc sống ở tỉnh nhỏ vào năm một ngàn tám trăm mười hai cũng giống như mọi năm khác, chỉ khác một điều là không khí

1. Mieux vaut tard que jamais.

trong thị xã nhộn nhịp hơn vì có nhiều gia đình giàu có ở Maxkva mới về, và cũng như trong tất cả những việc diễn ra ở Nga lúc bấy giờ, có thể nhận thấy một cái gì vô tư lự, phóng túng đặc biệt, và ngoài ra, những câu chuyện gẫu rất cần t`rong khi giao thiệp trước kia vẫn nói về thời tiết và những người quen chung, thì nay lại nói về Maxkva, về quân đội và Napôlêông.

Đám tân khách tụ tập ở nhà viện tổng đốc là những người thượng lưu vào bậc nhất ở Voronej.

Số phụ nữ rất nhiều, trong đó có mấy người quen cũ của Nikôlai ở Maxkva, nhưng trong đám khách nam giới thì không ai có thể kình địch phần nào với chàng sĩ quan phiêu kỵ đeo huân chương Gheorghi, đồng thời lại là bá tước Rôxtôv, hồn nhiên và hào hoa phong nhã. Trong số tân khách nam giới có một người tù binh Ý – vốn là sĩ quan của quân đội Pháp, và Nikôlai cảm thấy sự có mặt của người tù binh này lại càng đề cao phẩm giá một trang anh hùng Nga-la-tư như chàng. Người đó dường như là một chiến lợi phẩm. Nikôlai thấy như vậy, và chàng có cảm tưởng mọi người cũng nhìn người Ý ấy với một quan niệm như vậy, cho nên đối với hắn chàng tỏ ra hòa nhã một cách nghiêm trang và dè dặt.

Khi Nikôlai vừa bước vào, mình mặc quân phục phiêu kỵ, sực nức mùi nước hoa và rượu vang, mấy lần nói lại và được nghe lại câu: *thà muộn còn hơn không*[1], thì mọi người đều vây lấy chàng; bao nhiêu con mắt đều đổ dồn vào chàng, và chàng cảm thấy ngay rằng mình đã trở về với địa vị của con người được mọi người quý mến, địa vị chính đáng của chàng ở tỉnh nhỏ, địa vị mà xưa nay chàng vẫn thích, nhưng bây giờ, sau một thời gian dài sống thiếu thốn, lại càng khiến chàng say sưa ngây ngất. Không những ở các trạm xe, ở các quán trọ, ở phòng khách của người trang chủ bán ngựa, các cô hầu gái đều lấy làm thích thú được chàng để ý đến,

1. Mieux vaut tard que jamais.

mà ngay ở đây, trong buổi dạ hội của viên tổng đốc, cũng có vô số những phu nhân còn trẻ và những tiểu thư xinh đẹp (chàng có cảm tưởng như vậy) đang nóng lòng chỉ mong sao Nikôlai để ý đến họ. Các phu nhân và các tiểu thư làm duyên làm dáng với chàng, và ngay từ đầu các ông bà già đã nghĩ ngay đến chuyện kiếm vợ cho cái anh chàng phiêu kỵ bảnh trai và tinh nghịch này để cho anh ta trở nên chí thú. Trong số những người ấy có cả bà tổng đốc: bà ta tiếp chàng như một người bà con gần, gọi chàng là "Nikôlai", là "cậu".

Katerina Petrovna quả nhiên bắt đầu chơi những điệu Valse và những điệu vũ Tô-cách-lan, và cuộc khiêu vũ khai mạc Nikôlai nhảy rất cừ, và lại càng làm cho đám tân khách tỉnh nhỏ này say mê hơn nữa. Thậm chí chàng còn làm cho mọi người phải kinh ngạc vì cái phong cách phóng túng đặc biệt của chàng trong khi khiêu vũ. Chính Nikôlai cũng hơi lấy làm lạ về cách khiêu vũ của mình tối hôm ấy. Trước kia ở Maxkva chàng không bao giờ nhảy như thế và thậm chí còn cho rằng lối nhảy quá phóng túng ấy là không đứng đắn, là *phong cách kém*[1], nhưng ở đây chàng thấy cần phải có một cái gì khác thường để cho họ ngạc nhiên, một cái gì mà chắc họ phải tưởng là thông thường ở hai thủ đô, nhưng vì ở tỉnh nhỏ nên họ chưa biết.

Suốt buổi tối hôm ấy Nikôlai để ý nhiều hơn cả đến một thiếu phụ tóc vàng, người đầy đặn, mắt màu thanh thiên, trông rất dễ thương. Đó là vợ của một viên chức trong tỉnh. Với cái lòng tin tưởng ngây thơ của những người trẻ tuổi đang cao hứng cho rằng vợ người sinh ra để mua vui cho mình, Rôxtôv cứ bám riết lấy người thiếu phụ và nói năng với người chồng một cách thân mật như chỗ bạn bè hay thậm chí gần như với một người đồng lõa: chàng làm như thể chàng và ông chồng ấy, tuy... tuy không nói ra lời nhưng cả hai đều biết rằng họ (tức Nikôlai với vợ ông ta) rất

1. Mauvais genre.

hợp ý nhau. Song ông chồng hình như không đồng tình với những ý nghĩ đó, và có vẻ hậm hực khi nói chuyện với Rôxtôv. Nhưng thái độ của Nikôlai ngây thơ, thật thà đến nỗi ông chồng cũng bất giác nhiễm cái tâm trạng vui vẻ của chàng. Nhưng về cuối buổi dạ hội, mặt người vợ càng ửng đỏ và càng hồ hởi, thì mặt người chồng lại càng đạo mạo và buồn rầu, tưởng chừng như cả hai vợ chồng chỉ có chung một liều lượng vui vẻ nhất định cho nên vợ càng vui lên thì chồng lại càng kém vui đi.

V

Nikôlai, một nụ cười bất tuyệt luôn nở trên môi, ngồi trên ghế bành nghiêng mình sát người thiếu phụ tóc vàng và nói với nàng những lời tán dương như trong thần thoại.

Hai chân bó sát trong ống quần đi ngựa luôn luôn đổi tư thế với những động tác nhanh nhẹn thoải mái, khắp người sực nức mùi nước hoa, Nikôlai thích thú đưa mắt ngắm người bạn gái ngắm mình, ngắm hình dáng đẹp đẽ của đôi chân mình bó sát trong đôi quần nẹp da. Chàng nói với thiếu phụ tóc vàng rằng ở chốn Voronej này chàng đang có ý muốn bắt cóc một thiếu phụ...

– Người nào thế?

– Một mỹ nhân tuyệt thế, đẹp như một nữ thần. Mắt nàng (Nikôlai nhìn vào thiếu phụ) màu thanh thiên, môi nàng tựa san hô, nước da nàng trắng nõn... - Chàng nhìn lên vai nàng – dáng vóc của nàng chẳng khác Đyana[1].

Ông chồng lại gần chàng và hầm hầm hỏi vợ đang nói chuyện gì.

1. Nữ thần của nghề săn bắn và của ban đêm trong thần thoại La Mã.

– À! Ông Nikita Ivanyts, – Nikôlai vừa nói vừa lễ phép đứng dậy. Và dường như muốn cho Nikôlai Ivanyts cũng tham dự vào những chuyện đùa của mình, chàng bắt đầu kể cho ông ta rõ mình có ý định bắt cóc một cô gái tóc vàng.

Người chồng mỉm cười khó chịu, người vợ mỉm cười rất vui vẻ. Bà tổng đốc tốt bụng, vẻ như có ý quở trách, lại gần chàng.

– Bà Anna Ignatieva muốn gặp cậu đấy, cậu *Nikôlai* ạ, – bà nói mấy chữ Anna Ignatieva với một giọng đặc biệt khiến cho Nikôlai hiểu ngay rằng bà Anna Ignatieva là một vị mệnh phụ rất oai vệ – Ta đi đi, *Nicôlai*, cậu cho phép tôi gọi cậu như thế chứ?

– Ồ *thưa bác*[1] được chứ; ai thế ạ?

– Bà Anna Ignatieva Malvintxeva. Bà đã được nghe cô cháu gái nói chuyện về cậu: cậu đã cứu cô ta. Cậu đoán ra rồi chứ?...

– Cháu cứu khối người ra chứ có phải riêng ai! - Nikôlai nói.

– Cháu gái của phu nhân là công tước tiểu thư Bolkonxkaya. Tiểu thư hiện đang ở đây với bà dì. A ha, đỏ mặt kìa! Sao, hay là...?

– Hoàn toàn không phải thế. Cháu *xin bác*[1].

– Thôi được, thôi được. Chà cái cậu này!

Tổng đốc phu nhân dẫn chàng đến trước một bà già cao lớn đẫy đà đội mũ chịt đầu màu xanh nhạt, bấy giờ vừa đánh xong ván bài với những nhân vật quan trọng nhất trong thành phố. Đó là bà Malvintxeva, dì của công tước tiểu thư Marya, một bà quả phụ giàu không có con, bao giờ cũng ở Voronej. Bà ta đang chung tiền thua bạc khi Rôxtôv đến. Bà ta nheo nheo cặp mắt một cách nghiêm khắc và oai vệ, nhìn chàng rồi tiếp tục càu nhàu với vị tướng vừa được bạc bà ta.

1. Ma tante.
2. Mon cher

– Rất sung sướng được gặp cậu, – bà chìa bàn tay ra nói. – Mời cậu đến chơi nhà tôi.

Sau khi nói dăm câu về công tước tiểu thư Marya và người cha quá cố của nàng, mà hình như bà ta cũng chẳng ưa gì, và hỏi Nikôlai xem có biết tin gì về công tước Andrêy mà hình như bà ta cũng chẳng có cảm tình gì cho lắm, bà già oai vệ nhắc lại lời mời Rôxtôv đến chơi nhà, đoạn cho chàng cáo lui.

Nikôlai hứa sẽ đến, rồi lại đỏ mặt khi cúi đầu chào bà Malvintxeva. Khi nhắc đến công tước tiểu thư Marya, Rôxtôv có cái cảm giác e thẹn, thậm chí sợ hãi nữa, mà chàng không sao hiểu được.

Sau khi cáo từ bà Malvintxeva, Rôxtôv định trở ra khiêu vũ nhưng bà tổng đốc thấp bé đã đặt bàn tay múp míp của bà ta lên ống tay áo Nikôlai bảo rằng mình cần nói chuyện với chàng đoạn dẫn chàng vào phòng đi–văng. Những người đang ngồi trong phòng lập tức đứng dậy ra ngoài để khỏi làm phiền tổng đốc phu nhân.

– *Anh bạn*[1] ạ, – tổng đốc phu nhân nói, khuôn mặt nhỏ và hiền nghiêm trang hẳn lên – đây chính là một đám rất tốt cho anh đấy; anh có muốn bác làm mối cho không?

– Làm mối với ai ạ, *thưa bác*[2]? – Nikôlai hỏi.

– Với công tước tiểu thư ấy. Katerina Petrovna bảo là nên làm mối cô Lily, nhưng bác thì không ưng, – công tước tiểu thư kia mới được. Anh có thích không? Bác chắc mẹ anh sẽ cảm ơn bác thật nhiều đấy, tiểu thư thật là một người con gái đáng yêu tuyệt trần! Và thật ra cũng không đến nỗi xấu.

– Không xấu tí nào! – Nikôlai nói như có ý giận, – bác ạ, cháu là một quân nhân, nên không bao giờ đòi hỏi gì mà cũng chẳng từ

1. Mon cher
2. Ma tante.

khước điều gì, – Rôxtôv nói mà chưa kịp nghĩ xem mình cần nói gì.

– Thế thì nhớ đấy: không phải chuyện đùa đâu nhé.

– Đùa thế nào được ạ.

– Phải, phải, – tổng đốc phu nhân nói như thể nói một mình. - À nhân thể nói với *anh bạn*[1] điều này nhé. *Anh theo cô kia riết quá đấy, cô tóc vàng ấy*[2]. Trông ông chồng đến thảm, thật đấy.

– Ồ không, ông ta với cháu rất quý nhau, – Nikôlai thật thà nói: chàng không hề thoáng có ý nghĩ rằng một cách tiêu khiển vui như thế mà lại có thể làm cho một người nào phiền lòng.

Nhưng ta nói nhảm những gì với bà tổng đốc thế nhỉ! - Trong bữa ăn khuya Nikôlai bỗng sực nhớ lại. – Thế nào bà ta cũng đi làm mối. Thế còn Xonya?... và đến lúc từ biệt bà tổng đốc, khi bà ta nói với chàng: "Thôi anh nhớ đấy nhé" – thì chàng nói riêng với bà:

– Thế này *bác ạ*[3], cháu phải nói thật với bác là...

– Sao, chuyện gì thế anh bạn; ta lại đây ngồi.

Nikôlai bỗng cảm thấy muốn và cần phải nói rõ tất cả những ý nghĩ thầm kín của mình ra (những ý nghĩ mà giá với mẹ với em hay với bạn chàng, chàng cũng không nói) cho người đàn bà gần như không quen biết này rõ. Về sau, khi chàng nhớ lại cái phút cởi mở ấy, một sự cởi mở vô cớ, khó hiểu, nhưng đã có những hậu quả rất quan trọng đối với chàng, Nikôlai (cũng như bất cứ ai trong những trường hợp như vậy) có cảm tưởng đó chỉ là một hành động ngốc nghếch bất thường, nhưng thật ra phút cởi mở đó, cùng với những sự việc nhỏ nhặt khác, đã có những hậu quả hết sức quan trọng đối với chàng và cả gia đình chàng.

1. Mon cher
2. Vous êtes trop assidu de lautre, la blonde.
3. Ma tante.

– Thế này bác ạ. Đã từ lâu mẹ cháu muốn cưới cho cháu một cô vợ giàu; nhưng nghĩ đến chuyện lấy vợ vì tiền, cháu thấy khó chịu quá.

– Ồ, phải rồi; bác hiểu lắm, – bà tổng đốc nói.

– Nhưng công tước tiểu thư Bolkonxkaya thì lại là việc khác; trước hết, cháu xin nói thật với bác rằng cháu cũng thích cô ấy lắm, cô ấy rất hợp ý cháu, với lại sau lần cháu gặp cô ta trong những hoàn cảnh kỳ lạ như vậy, cháu thường có ý nghĩ rằng đây là số mệnh. Bác thử nghĩ mà xem: mẹ cháu đã nghĩ về việc này từ lâu, nhưng trước kia cháu không có dịp gặp cô ấy, mãi vẫn không gặp, không hiểu vì sao. Và hồi ấy, khi em gái cháu còn là vị hôn thê của anh cô ta, dĩ nhiên cháu không thể tính chuyện lấy cô ta được. Không biết số phận run rủi thế nào mà cháu gặp cô ta đúng vào lúc việc hôn nhân của Natasa đã tan vỡ, thế rồi tất cả những chuyện kia... Phải, thế đấy bác ạ. Cháu chưa hề nói và sẽ không nói gì với ai về chuyện này. Cháu chỉ nói với bác thôi.

Bà tổng đốc xiết khuỷu tay chàng tỏ ý cám ơn.

– Bác có biết Xôphi em họ cháu không? Cháu yêu cô ấy, cháu đã hứa lấy và sẽ lấy cô ấy... Cho nên, bác thấy không, không thể nào nói đến chuyện này được, – Nikôlai đỏ mặt lên, nói ấp úng.

– *Anh bạn ơi, anh bạn ơi*[1], – Anh nói gì lạ vậy? Xôphi không có gì cả, mà chính anh đã nói rằng công việc nhà cửa của ba anh rất khó khăn kia mà. Còn mẹ anh thì sao? Mẹ anh đến chết vì chuyện này mất, thế là một. Sau nữa nếu Xôphi là một người con gái có tình, thì đời cô ta sẽ ra sao? Mẹ thì phiền muộn, cửa nhà thì khánh kiệt... không, *anh bạn ạ*[2], anh với Xôphi phải hiểu điều đó chứ.

1. Mon cher, mon cher.
2. Mon cher.

Nikôlai lặng thinh. Chàng thấy dễ chịu khi nghe lời biện luận này.

– Dù sao, *bác ạ*[1], việc đó cũng không thể được, chàng thở dài nói sau một lát im lặng, – mà liệu công tước tiểu thư có thuận lấy cháu không? Vả lại hiện nay tiểu thư đang có tang. Làm sao có thể nghĩ đến chuyện ấy được? – Chả nhẽ anh tưởng tôi định bắt anh cưới ngay bây giờ hay sao? *Làm gì cũng phải có cung có cách chứ*[2], – bà tổng đốc nói.

– Bác thật là một bà mối giỏi, bác ạ... – Nikôlai vừa nói vừa hôn bàn tay mũm mĩm của bà.

VI

Đến Maxkva sau lần gặp Rôxtôv, công tước tiểu thư Marya gặp đứa cháu trai cùng với ông gia sư và bắt được bức thư của công tước Andrey dặn nàng đến Voronej tìm dì Malvintxeva. Những nỗi lo âu về việc di chuyển, về bệnh trạng của anh, những công việc xếp đặt cho cuộc sống ở nhà mới, những nhân vật mới quen, việc dạy dỗ cho cháu – tất cả những cái đó đã lấn át cái cảm giác hầu như cám dỗ đã từng giày vò nàng trong thời gian cha nàng lâm bệnh, sau khi cha nàng qua đời và nhất là sau cuộc gặp gỡ với Rôxtôv. Nàng buồn lắm. Trong tâm hồn nàng, cái chết của cha nàng thêm vào cảnh điêu vong của nước Nga gây nên một ấn tượng đau đớn, và sau một tháng sống trong cảnh yên tĩnh kể từ dạo ấy, ấn tượng đó càng ngày càng da diết thêm. Lòng nàng bồn chồn lo lắng: nghĩ đến những nguy cơ đang đe dọa anh nàng, người thân duy nhất còn lại, nàng không giây phút nào khỏi bứt

1. Ma tante.
2. Il y a manière et manière.

rứt. Nàng luôn luôn lo việc dạy dỗ đứa cháu trai, một công việc mà nàng vẫn cảm thấy mình không đủ sức làm; nhưng trong thâm tâm nàng đã có sự thỏa thuận với bản thân khi nghĩ rằng mình đã trấn áp được những mơ ước và hy vọng cá nhân đã chớm nở khi Rôxtôv xuất hiện.

Sau buổi tiếp tân ở nhà mình một hôm, bà tổng đốc đến nhà bà Malvintxeva và nói chuyện với bà dì về những dự định của mình (và có nói thêm rằng tuy trong hoàn cảnh hiện nay chưa thể nghĩ đến việc mối mai chính thức, nhưng vẫn có thể tìm cách cho hai trẻ gặp nhau và tìm hiểu nhau cho rõ), và sau khi được bà dì tán đồng, bà tổng đốc chọn lúc có cả tiểu thư Marya ngồi đấy để khơi chuyện nói về Rôxtôv, khen ngợi chàng và kể lại rằng chàng đã đỏ mặt khi nghe nhắc đến công tước tiểu thư. Nghe bà ta nói, công tước tiểu thư Marya không thấy vui, mà lại có một cảm giác đau xót. Sự thỏa thuận nội tâm của nàng không còn nữa, và trong lòng nàng lại dấy lên những nỗi ước mong, những mối nghi ngờ, những lời trách móc và những niềm hy vọng.

Trong khoảng hai hôm kể từ khi nhận được tin này cho tới khi Rôxtôv đến thăm, tiểu thư Marya không ngừng suy nghĩ không biết nên cư xử với Rôxtôv ra sao. Khi thì nàng quyết định rằng lúc chàng đến gặp bà bác mình sẽ không ra phòng khách, rằng trong khi có tang mà lại ra tiếp khách là một điều thất nghi, khi thì nàng nghĩ rằng, đối với một người đã cứu giúp mình mà lại tránh mặt người ta là vô lễ; khi thì nàng lại nghĩ rằng dì nàng và bà tổng đốc đang cố ý nhăm nhe gì cho nàng và Rôxtôv (những cái nhìn và những lời lẽ của họ đôi khi hình như cũng xác nhận điều phỏng đoán này); khi thì nàng tự nhủ rằng chỉ vì tâm địa nàng bất chính cho nên mới gán cho họ những ý định đó: họ không thể không nhớ rằng trong tình cảnh của nàng, khi nàng hãy còn mặc áo đại tang – thì mai mối như vậy là xúc phạm đến nàng và hương hồn cha nàng. Những lúc giả thiết rằng mình sẽ ra gặp chàng,

công tước tiểu thư Marya tưởng tượng những lời chàng sẽ nói với nàng và những lời nàng sẽ nói với chàng; và khi thì nàng thấy những lời đó quá lạnh nhạt, khi thì lại thấy những lời đó có một ý nghĩ quá rõ rệt. Điều mà nàng sợ nhất là nàng biết chắc rằng hễ trông thấy Rôxtôv là nàng sẽ luống cuống và để lộ những cảm nghĩ thầm kín của mình.

Nhưng hôm chủ nhật ấy, sau buổi xem lễ, khi người nội bộc vào phòng khách báo là có bá tước Rôxtôv đến, công tước tiểu thư không lộ vẻ gì luống cuống; má nàng chỉ hơi ửng hồng và mắt nàng bừng lên một ánh sáng mới mẻ, xán lạn.

– Dì đã gặp ông ấy chưa, thưa dì? – Công tước tiểu thư Marya nói, và chính nàng cũng không biết làm sao bề ngoài mình lại có thể bình thản và tự nhiên như vậy.

Khi Rôxtôv bước vào phòng, công tước tiểu thư cúi đầu một lát như để cho khách có đủ thì giờ chào hỏi bà dì, và sau đó, ngay khi Rôxtôv quay sang phía nàng, nàng ngẩng đầu lên và đưa đôi mắt trong sáng nhìn vào mắt chàng. Với một động tác chững chạc và uyển chuyển, nàng đứng dậy mỉm cười vui vẻ, đưa bàn tay mảnh dẻ và mềm mại ra cho chàng và trong giọng nói của nàng lần đầu tiên đã vang lên một âm điệu thâm trầm của người đàn bà. Cô Buriens bấy giờ cũng đang ở trong phòng khách, kinh ngạc và ngỡ ngàng nhìn nữ công tước Marya. Tuy vốn là người lơ trai lọc lõi, cô ta cũng không thể nào khéo léo hơn nàng khi muốn làm xiêu lòng một người mới gặp.

"Không biết vì màu đen của tang phục hợp với nước da tiểu thư đến thế, hay vì tiểu thư dạo này đẹp ra mà mình không để ý. Và cái chính là dáng điệu của tiểu thư thật là tế nhị và yểu điệu!" – Cô Burien nghĩ.

Giả sử công tước tiểu thư Marya có đủ sức để suy nghĩ trong giây phút này, thì nàng sẽ còn ngạc nhiên về sự thay đổi đang diễn ra trong người nàng hơn cả cô Burien nữa. Từ cái phút nàng

trông thấy khuôn mặt đáng yêu mà nàng yêu dấu ấy, một thứ sinh lực mới đã trào vào người nàng và buộc nàng phải nói, phải hành động vượt ra ngoài ý muốn của nàng. Từ khi Rôxtôv bước vào, gương mặt nàng chợt thay đổi hẳn. Khi thắp ngọn nến lên trong một chiếc đèn lồng, những nét chạm trổ tinh vi và trang hoàng mỹ thuật trước kia tưởng chừng thô sơ, tối tăm và vô nghĩa bỗng hiện lên lồng đèn với một vẻ đẹp lộng lẫy đến bất ngờ: gương mặt của công tước tiểu thư Marya cũng biến đổi như vậy; lần đầu tiên cuộc sống nội tâm thuần khiết của nàng từ trước đến nay bỗng lộ ra ngoài. Tất cả cái hoạt động tinh thần trước đây làm cho nàng luôn bất mãn với bản thân, những nỗi thống khổ, ý muốn vươn lên cõi chí thiện, lòng thuần thảo, nhân ái, quên mình – tất cả những cái đó sáng bừng lên trong đôi mắt long lanh, trong nụ cười tế nhị, trong mỗi đường nét dịu dàng trên khuôn mặt nàng.

Rôxtôv trông thấy tất cả những điều đó một cách rõ ràng tưởng chừng như chàng đã biết rõ tất cả cuộc đời nàng. Chàng cảm thấy con người đang đứng trước mặt mình là một con người khác hẳn, tốt hơn nhiều so với tất cả những người chàng đã từng gặp trước đây và nhất là tốt hơn cả bản thân chàng.

Câu chuyện giữa hai người hết sức đơn giản và bình thường. Họ nói đến chiến tranh, và cũng bất giác phóng đại như mọi người khác nỗi buồn của mình khi nghĩ đến biến cố này, họ nói đến cuộc gặp gỡ vừa rồi, và Nikôlai cố lái câu chuyện sang hướng khác; họ nói đến bà tổng đốc tốt bụng, đến những người thân của Nikôlai và công tước tiểu thư Marya.

Công tước tiểu thư Marya không nhắc đến anh. Dì nàng vừa nói đến công tước Andrey thì nàng đã lái câu chuyện sang hướng khác. Có thể thấy rõ rằng về cơn hoạn nạn của nước Nga thì nàng còn có thể nói một cách vờ vĩnh được, chứ anh nàng là một đối tượng quá thân thiết đối với lòng nàng, cho nên nàng không muốn và không thể nói đến chàng một cách hời hợt như vậy. Nikôlai

nhận thấy thế, và nói chung hôm ấy, trái với thường lệ, chàng tự dưng có được một năng lực quan sát sắc sảo cho phép chàng nhận thấy tất cả những sắc thái tinh vi trong nhân cách của công tước tiểu thư Marya. Tất cả những sắc thái ấy đều chỉ làm cho chàng tin chắc hơn nữa rằng nàng là một con người hoàn toàn đặc sắc và phi thường. Cũng đúng như công tước tiểu thư Marya, Nikôlai đỏ mặt và luống cuống mỗi khi có ai nhắc đến nàng và ngay cả những khi nghĩ đến nàng nữa, nhưng trước mặt nàng thì chàng cảm thấy mình hoàn toàn thoải mái và nói năng khác hẳn những điều mà chàng đã chuẩn bị trước; chàng nói như những điều chợt hiện lên trong trí chàng ngay lúc ấy và bao giờ cũng hiện lên đúng lúc.

Trong một lát im lặng, Nikôlai, cũng như người ta vẫn thường làm khi đến chơi một nhà có trẻ con, quay sang đứa con trai nhỏ của công tước Andrey cho đỡ lúng túng, vuốt ve nó và hỏi nó có muốn làm lính phiêu kỵ không. Chàng bế đứa bé lên, vui vẻ quay nó mấy vòng và đưa mắt nhìn công tước tiểu thư Marya. Đôi mắt nàng cảm động, sung sướng rụt rè nhìn theo đứa cháu cưng của nàng trên tay người đàn ông mà nàng yêu dấu. Nikôlai nhận thấy cái nhìn này và dường như hiểu được ý nghĩ của nó, chàng đỏ mặt lên vì thích thú và hôn đứa bé một cách vui vẻ hồn hậu.

Vì đang có tang, công tước tiểu thư Marya không đi đâu cả, và Nikôlai cũng thấy không nên lui tới nhà nàng; nhưng bà tổng đốc vẫn tiếp tục công việc mai mối, bà truyền đạt lại cho Nikôlai rõ những lời lẽ của tiểu thư Marya khen ngợi chàng và ngược lại cũng nói với tiểu thư Marya những điều chàng nói về nàng, rồi khẩn khoản khuyên Nikôlai ngỏ ý với công tước tiểu thư Marya. Để chàng có dịp ngỏ ý, bà dàn xếp một buổi gặp mặt ở nhà Đức Tổng giám mục trước buổi xem lễ.

Tuy Rôxtôv có nói với bà tổng đốc rằng chàng sẽ không ngỏ lời với công tước tiểu thư Marya, nhưng chàng cũng hứa là sẽ đến.

Nếu dạo ở Tilzit, Rôxtôv không cho phép mình nghi ngờ tự hỏi xem những điều mà mọi người đều thừa nhận là tốt có tốt thật không, thì bây giờ cũng vậy, sau một cuộc giằng co ngắn ngủi, nhưng thành thực giữa ý muốn thu xếp cuộc đời đúng như lý trí mình đòi hỏi và sự phục tòng hoàn cảnh, chàng đã chọn cách sau này và phó thác mình cho cái sức mạnh không sao cưỡng nổi mà chàng cảm thấy đang lôi cuốn chàng đến một nơi nào không rõ. Chàng biết rằng đã giao ước với Xonya mà lại còn bày tỏ tình cảm với công tước tiểu thư Marya là làm một việc mà chàng vẫn gọi là ti tiện. Và chàng cũng biết (không những chàng biết, mà tự trong thâm tâm chàng cũng cảm thấy như vậy) rằng trong khi phó mình cho uy lực của hoàn cảnh và của những người hướng dẫn chàng, không những chàng không làm việc gì xấu xa, mà chàng lại còn làm một việc gì rất quan trọng, quan trọng hơn hết thảy mọi việc mà chàng đã từng làm trong đời.

Sau buổi gặp mặt công tước tiểu thư Marya, tuy bề ngoài nếp sống của chàng vẫn như cũ, nhưng tất cả những thú vui trước kia của chàng đều mất hết ý vị. Chàng hay nghĩ đến công tước tiểu thư Marya, nhưng chàng không bao giờ nghĩ đến nàng như xưa nay chàng vẫn nghĩ đến tất cả các tiểu thư mà chàng đã gặp trong xã hội thượng lưu, không từ một ai, cũng không như chàng đã say sưa nghĩ đến Xonya trong một thời gian dài. Cũng như hầu hết những người thanh niên trung trực, mỗi khi nghĩ đến một người con gái nào chàng lại thử hình dung đó sẽ là vợ chàng và phác ra trong tưởng tượng tất cả những cảnh sống gia đình về sau: chiếc áo nội tấm trắng, người vợ ngồi bên ấm xamavar, lũ con nhỏ, maman và papa, cảnh sống mẹ con v.v... và những hình ảnh tương lai ấy làm cho chàng thích thú; nhưng khi chàng nghĩ đến công tước tiểu thư Marya, người mà họ đang làm mối cho chàng, chàng không lúc nào có thể hình dung được một nét gì trong cuộc sống vợ chồng sau này. Dù chàng có cố hình dung chăng nữa, thì cũng

chỉ thấy được những hình ảnh rời rạc và ngang trái, khiến chàng thấy sợ hãi nhiều hơn.

VII

Những tin tức khủng khiếp về trận Borođino, về những tổn thất, thương vong của quân ta, và cái tin khủng khiếp hơn nữa là Maxkva đã thất thủ, được đưa về đến Voronej vào trung tầm tháng chín. Công tước tiểu thư Marya chỉ biết tin anh bị thương qua các báo, ngoài ra chẳng được tin tức gì thêm nữa; nàng bèn sửa soạn lên đường đi tìm công tước Andrey. Nikôlai nghe người ta nói lại như vậy, vì mấy lâu nay chàng không được gặp công tước tiểu thư.

Được tin xảy ra trận Borođino và Maxkva bị bỏ ngỏ, Rôxtôv không thấy tuyệt vọng, căm phẫn, nóng lòng phục thù vân vân, nhưng bỗng thấy chán và bực mình về cảnh sống ở Voronej; chàng cứ có một cảm giác ngượng nghịu và lúng túng thế nào ấy. Tất cả những chuyện trò mà chàng nghe thấy đều có vẻ vờ vĩnh; chàng không biết nên phán đoán như thế nào về tất cả những điều đó, và cảm thấy chỉ có ở trung đoàn mọi việc mới trở lại rõ ràng minh bạch như cũ. Chàng vội vã lo việc mua ngựa cho xong và thường hay cáu gắt người đầy tớ và người tào trưởng của chàng một cách vô lý.

Trước ngày Rôxtôv ra đi mấy hôm, ở nhà thờ có làm lễ cầu nguyện tạ ơn Chúa nhân dịp quân Nga thắng trận. Nikôlai đến xem lễ. Chàng đứng ở phía sau ông tổng đốc một quãng, tư thế đĩnh đạc như đang làm một công vụ gì, tâm trí suy nghĩ lan man hết việc này đến việc nọ cho đến hết buổi lễ. Khi buổi lễ kết thúc, bà tổng đốc gọi chàng lại.

– Anh đã gặp công tước tiểu thư chưa? – bà nói, đoạn hất đầu chỉ một người đàn bà mặc áo đen đứng sau lễ đàn.

Nikôlai lập tức nhận ra tiểu thư Marya, không phải vì chàng đã thoáng trông thấy những đường nét trông nghiêng của nàng dưới chiếc mũ, mà vì có một cảm giác trân trọng, sợ hãi và ái ngại lập tức tràn ngập lòng chàng. Công tước tiểu thư Marya, hẳn đang mải suy nghĩ miên man, làm dấu thánh giá vài lần cuối cùng trước khi ra khỏi nhà thờ.

Nikôlai ngạc nhiên nhìn mặt nàng. Đó vẫn là khuôn mặt mà chàng đã tìm dạo trước, khuôn mặt ấy vẫn biểu hiện những đường nét tinh vi của hoạt động nội tâm, nhưng bây giờ nó hiện ra dưới một ánh sáng khác hẳn. Bây giờ trên khuôn mặt ấy có một vẻ u buồn, cầu khẩn và hy vọng khiến người ta phải động lòng. Cũng như trước kia mỗi khi có nàng, Nikôlai không đợi cho bà tổng đốc khuyên và cũng không tự hỏi xem ở đây, trong nhà thờ, mà đến hỏi thăm nàng thì có nên không, có đúng lễ nghi không, chàng đến bên nàng và nói rằng mình đã được nghe nàng có tin buồn và chân thành chia sẻ nỗi buồn của nàng. Nàng vừa nghe giọng nói của chàng, thì một ánh sáng rực rỡ bỗng bừng lên gương mặt nàng, dọi sáng trong cùng một lúc nỗi buồn và niềm vui của nàng.

– Tôi chỉ xin nói với công tước tiểu thư một điều, – Rôxtôv nói, – là giả sử công tước Anđrey Nikôlaievits không còn nữa, thì người ta đã công bố tin này trên các báo, vì công tước là một vị chỉ huy trung đoàn.

Công tước tiểu thư nhìn chàng, không hiểu câu nói của chàng nhưng vui sướng vì vẻ ái ngại trên gương mặt chàng.

– Vả lại tôi có biết nhiều trường hợp bị thương vì mảnh đạn như vậy (trên các báo có nói là bị thương vì tạc đạn): thường thường thì một là người bị đạn chết ngay, hai là ngược lại vết thương rất nhẹ, – Nikôlai nói. – Phải hy vọng điều tốt lành, và tôi tin chắc rằng...

Công tước tiểu thư Marya ngắt lời chàng.

– Nhỡ ra có làm sao thì thật là khủng kh... – nàng mở đầu, nhưng rồi xúc động quá không nói hết được. Nàng cúi đầu với một động tác duyên dáng (như tất cả những gì nàng làm trước mặt chàng) và sau khi đưa đôi mắt đầy lòng biết ơn nhìn chàng, nàng đi theo bà dì. Tối hôm ấy Nikôlai không đi chơi đâu cả. Chàng ở nhà thanh toán cho xong những việc tiền nong với mấy người bán ngựa. Khi xong việc thì đã quá giờ đi chơi nhưng vẫn chưa đến giờ đi ngủ, nên Nikôlai một mình đi đi lại lại hồi lâu trong phòng, suy ngĩ về đời mình, một việc rất ít khi thấy chàng làm.

Hôm ở gần Xmolenxk, công tước tiểu thư Marya đã gây nên trong lòng chàng một ấn tượng dễ chịu. Chàng đã gặp nàng trong một hoàn cảnh khác thường, và nàng lại chính là người mà mẹ chàng đã có thời chỉ cho chàng thấy là một đám giàu có: những điều đó đã khiến chàng đặc biệt chú ý đến nàng. Ở Voronej, hôm chàng đến thăm nàng, ấn tượng đó không những dễ chịu mà còn mạnh mẽ nữa. Nikôlai đã có một ấn tượng rất mạnh trước vẻ đẹp đặc biệt, vẻ đẹp tinh thần mà lần này chàng mới nhận thấy ở nàng. Nhưng chàng vẫn sửa soạn ra đi, và không hề có ý tiếc rằng rời Voronej chàng sẽ không có dịp gặp lại công tước tiểu thư nữa. Nhưng lần gặp tiểu thư Marya trong nhà thờ hôm nay (Nikôlai cảm thấy như vậy) đã khắc vào lòng chàng sâu hơn là trước kia chàng vẫn tưởng, và sâu hơn là chàng muốn, vì nó đã có phương hại đến sự yên tĩnh của tâm hồn chàng. Khuôn mặt xanh xao, tế nhị, u buồn ấy, cái nhìn trong sáng ấy, những động tác nhỏ nhẹ, uyển chuyển ấy và nhất là nỗi buồn sâu sắc và dịu dàng lộ rõ trên các nét mặt của nàng, đã khuấy động lòng chàng và đòi hỏi chàng phải chia sẽ những tình cảm của nàng. Ở những người đàn ông thì Rôxtôv không sao chịu nổi những dấu hiệu của một cuộc sống tinh thần cao cả (vì thế mà chàng không ưa công tước

Andrey) chàng khinh bỉ gọi đó là triết lý, là mơ mộng; nhưng công tước tiểu thư Marya, chàng lại cảm thấy chính cái vẻ u buồn đó, một vẻ u buồn biểu lộ tất cả cái thuần túy của một thế giới tinh thần xa lạ đối với Nikôlai, có một sức hấp dẫn không sao cưỡng nổi.

"Thật là một thiếu nữ tuyệt vời; đúng là một vị thiên thần! – Nikôlai tự nhủ. – Vì đâu ta không được tự do, vì sao ta lại vội vã hứa hẹn với Xonya?". Và chàng bất giác so sánh hai người: một đằng thì nghèo nàn, một đằng thì lại phong phú về những thiên bẩm tinh thần mà Nikôlai không có và chính vì vậy mà chàng đánh giá rất cao. Chàng thử hình dung sự việc sẽ ra sao nếu chàng không bị ràng buộc. Chàng sẽ ngỏ lời cầu hôn ra sao và nàng sẽ trở thành vợ chàng như thế nào? Không, chàng không thể hình dung được điều đó. Chàng bỗng thấy sờ sợ và không tưởng tượng ra được một hình ảnh nào cho rõ nét cả. Với Xonya thì từ lâu chàng đã dựng lên một bức tranh tương lai; và tất cả đều giản đơn và rõ ràng chính vì tất cả đều do chàng nghĩ ra, và chàng biết rõ tất cả những gì có trong Xonya, nhưng với công tước tiểu thư Marya thì không sao hình dung được cuộc sống sau này, vì chàng không hiểu nàng, mà chỉ yêu nàng thôi.

Những ước mong về Xonya có một cái gì vui vẻ, giống như một trò chơi. Những nghĩ đến công tước tiểu thư Marya thì bao giờ cũng thấy một cái gì khó khăn và hơi đáng sợ.

"Nàng cầu nguyện chân thành quá. – Chàng nhớ lại. – Thật là nàng đem hết cả tâm hồn trút vào lời cầu nguyện. Phải, đó chính là lời cầu nguyện có sức chuyển núi dời sông, và ta tin chắc rằng lời cầu nguyện cho những điều mà ta cần có? – chàng nhớ lại. – Ta cần có gì? cần tự do, cần đoạn tuyệt với Xonya. Bà ấy nói đúng, - chàng nhớ lại những lời lẽ của bà tổng đốc, – ta mà lấy Xonya thì chỉ khổ thôi, chỉ thêm rối ren, mẹ sẽ buồn phiền... công việc... một tình trạng rối ren, rối ren ghê gớm! Vả chăng ta cũng

không yêu Xonya. Phải, tình yêu ấy không phải là tình yêu thật sự. Lạy Chúa! Hãy đưa con ra khỏi cái tình cảnh đáng sợ, không có lối thoát này – Chàng bỗng bắt đầu cầu nguyện. – Phải, lời cầu nguyện có sức chuyển núi dời sông, nhưng phải tin, và phải cầu nguyện không phải như hồi còn nhỏ ta với Natasa cầu nguyện cho tuyết biến thành đường rồi chạy ra xem thử tuyết đã hóa thành đường chưa. Không, bây giờ ta không cầu nguyện vớ vẩn" – Chàng nói đoạn đặt tẩu thuốc vào một góc và chắp tay đến đứng trước bức tượng thánh. Và lòng hồi hộp cảm động nhớ đến công tước tiểu thư Marya, chàng bắt đầu cầu nguyện. Đã lâu chàng không có lần nào cầu nguyện như thế. Nước mắt rưng rưng trên mi và nghẹn ngào trong cổ chàng khi Luvruska cầm mấy tờ giấy gì không rõ bước vào phòng.

– Đồ ngu! Người ta không gọi sao lại cứ dẫn xác vào! – Nikôlai vừa nói vừa vội vàng thay đổi tư thế.

– Của quan tổng đốc, – Luvruska nói, giọng ngái ngủ, – liên lạc vừa đưa đến, có thư gửi cho ông.

– Được, cám ơn, chú ra đi.

Nikôlai cầm lấy hai bức thư. Một bức là của mẹ chàng, bức kia là của Xonya. Chàng nhận ra nét chữ của hai người, và bóc phong bì của Xonya ra trước. Chàng mới đọc qua được mấy dòng thì mặt chàng bỗng tái đi và mắt chàng mở rộng lộ vẻ sợ hãi và vui mừng.

– Không, không có lẽ – Chàng nói to một mình.

Không sao ngồi yên được một chỗ, chàng cầm bức thư trong tay, vừa đi đi lại lại trong phòng vừa đọc. Chàng đọc qua một lượt thật nhanh, rồi đọc lại, xong lại đọc lại lần nữa, rồi so vai và dang tay ra, chàng dừng lại ở giữa phòng, mồm muốn há hốc, mắt đờ đẫn. Điều mà chàng vừa cầu nguyện với lòng tin vững chắc rằng Chúa sẽ ưng chuẩn cho của chàng, nay đã được thực hiện; nhưng

Nikôlai lấy làm kinh ngạc dường như đó là một điều gì phi thường, và không bao giờ chàng ngờ đến. Điều đó đã được thực hiện một cách nhanh chóng đến nỗi chàng có cảm tượng đó là một bằng chứng tỏ ra rằng việc vừa xảy ra không phải vì Chúa đã chuẩn y lời cầu nguyện của chàng mà chỉ là do một sự ngẫu nhiên tầm thường.

Cái nút đang ràng buộc chàng và tưởng chừng như không thể nào gỡ ra được, cái nút ấy đã được bức thư đột ngột, vô cớ (Nikôlai tưởng như vậy) của Xonya tháo tung ra. Trong thư nàng viết rằng vì những sự việc không mảy may xảy ra gần đây, vì gia đình Rôxtôv đã mất hầu hết tài sản ở Maxkva, vì Borođino phu nhân đã mấy lần bày tỏ ước nguyện mong Nikôlai lấy công tước tiểu thư Bolkonxkaya, và vì thời gian gần đây chàng có nhiều lạnh nhạt và không gửi thư từ gì cho nàng, cho nên nàng đành phải giải bỏ lời hẹn ước cũ cho chàng và để chàng hoàn toàn tự do.

"Em quá khổ tâm khi nghĩ rằng mình có thể làm một nguyên nhân gây nên sự buồn phiền và xích mích trong gia đình những ân nhân của em, – nàng viết, – và tình yêu của em chỉ có một mục đích là hạnh phúc của những người mà em thương yêu; vì vậy em van anh, anh Nikôlai ạ, và xin anh tin cho rằng dù sao chăng nữa cũng không ai có thể yêu anh tha thiết như Xonya của anh". Cả hai bức thư đều gửi từ Troitxa – bức thư kia là của bá tước phu nhân. Trong thư có kể lại những ngày cuối cùng ở Maxkva lúc ra đi, trận hỏa hoạn và việc cả gia sản bị tiêu vong. Trong thư bá tước phu nhân cũng viết rằng công tước Anđrey cùng đi với gia đình trong số những người thương binh. Tình trạng của chàng rất nguy kịch, nhưng hiện nay bác sĩ nói rằng đã có nhiều hy vọng hơn trước. Xonya và Natasa hiện đang săn sóc chàng như hai người hộ lý.

Ngày hôm sau Nikôlai cầm bức thư này đến nhà công tước tiểu thư Marya. Nikôlai cũng như tiểu thư Marya đều không nói gì về ý nghĩa của câu "Natasa săn sóc công tước Anđrey" nhưng

nhờ bức thư này Nikôlai đã gần gũi thêm công tước tiểu thư và quan hệ của họ bấy giờ đã gần như quan hệ họ hàng.

Ngày hôm sau, Rôxtôv tiễn công tước tiểu thư Marya đi Yatoxlavl và được ít hôm sau chàng cũng trở về trung đoàn.

XIII.

Bức thư của Xonya gửi cho Nikôlai, bức thư thực hiện lời cầu nguyện của chàng, được viết ra trong khi nàng đang ở Troitxa. Và đây là những nguyên do đã khiến cho nàng viết bức thư này. Ý nghĩ lấy cho Nikôlai một người vợ giàu càng ngày càng ám ảnh bá tước phu nhân. Bà biết rằng Xonya là cái chướng ngại chủ yếu ngăn trở việc này. Và cuộc sống của Xonya trong thời gian gần đây, nhất là sau bức thư của Nikôlai kể lại cuộc gặp gỡ với công tước tiểu thư Marya ở Bogutsanrovo, mỗi ngày một thêm nặng nề khổ sở trong nhà bá tước phu nhân. Phu nhân không bỏ lỡ một dịp nào để nói cạnh nói khóe Xonya một cách cay độc và tàn nhẫn.

Nhưng trước khi lên đường rời khỏi Maxkva mấy hôm, mủi lòng và xúc động vì tất cả những việc vừa xảy ra, bá tước phu nhân cho gọi Xonya lại, và không trách móc đòi hỏi như trước đây nữa, bà ứa nước mắt van lơn nàng hãy hy sinh mình để đền đáp những ân huệ của gia đình đối với nàng, cầu xin nàng đoạn tuyệt với Nikôlai.

– Chỉ khi nào cháu hứa với bác, thì bác mới yên tâm, – bá tước phu nhân nói.

Xonya khóc nức nở như trong một cơn điên loạn, và trả lời qua những tiếng nấc rằng nàng sẽ làm tất cả, nàng sẵn sàng chịu tất cả, nhưng lại không hứa cụ thể và trong thâm tâm nàng không sao đành lòng làm cái việc mà người ta đòi hỏi nàng. Phải hy sinh

mình cho hạnh phúc của cái gia đình đã nuôi nấng và dạy dỗ nàng. Hy sinh mình cho người khác sung sướng đã thành một thói quen của Xonya. Với địa vị của nàng trong gia đình, chỉ có bằng sự hy sinh nàng mới bộc lộ được những đức tính của nàng, cho nên nàng đã quen và thích hy sinh. Nhưng trước kia trong tất cả những hành động hy sinh như thế nàng vui sướng nhận thức rằng trong hy sinh mình, nàng tự nâng cao phẩm giá của mình lên trong quan niệm của những người khác và càng thêm xứng đáng với Nikôlai, người mà nàng yêu hơn tất cả mọi thứ ở trên đời; nhưng bây giờ sự hy sinh của nàng lại là phải từ bỏ cái mà đối với nàng là phần thưởng duy nhất của sự hy sinh, là ý nghĩa duy nhất của sự hy sinh, và ý nghĩa duy nhất của cuộc sống. Và lần đầu tiên trong đời, nàng thấy oán giận những người đã làm ơn cho nàng để rồi lại làm cho nàng đau khổ nhiều hơn. Nàng thấy ghen tị với Natasa, người chưa bao giờ trải qua một việc gì tương tự, chưa bao giờ cần phải hy sinh, chỉ bắt những người khác hy sinh cho mình, mà vẫn được mọi người yêu quý. Và lần đầu tiên Xonya cảm thấy tình yêu dịu dàng trong sạch của nàng đối với Nikôlai bỗng biến thành một tình cảm bồng bột say đắm vượt hẳn lên trên mọi quy tắc, vượt lên trên đạo đức và tôn giáo; và dưới sự chi phối của tình cảm này Xonya, mà cuộc sống lệ thuộc đã biến thành một người kín đáo quen che giấu những cảm nghĩ thành thật của mình, bất giác trả lời bá tước phu nhân với những lời lẽ mơ hồ, tránh nói chuyện với phu nhân và quyết định chờ đợi một cuộc gặp mặt với Nikôlai, không phải để trả lại tự do cho chàng mà trái lại để vĩnh viễn gắn chặt đời mình vào đời chàng.

Những nỗi lo âu và kinh hãi của những ngày cuối cùng gia đình Rôxtôv còn ở Maxkva đã lấn át những ý nghĩ u ám đang đè nặng lên tâm hồn Xonya. Nàng vui mừng được tìm cách thoát khỏi những ý nghĩ đó trong những công việc thực tế. Nhưng khi nàng được biết công tước Andrey đang ở trong nhà, tuy nàng chân

thành thương xót chàng và Natasa, lòng Xonya đã tràn ngập một niềm vui sướng đậm màu mê tín: nàng thấy trời không muốn cho nàng phải đoạn tuyệt với Nikôlai. Nàng biết rằng Natasa chỉ yêu một mình công tước Anđrey và đến nay vẫn yêu chàng. Nàng biết rằng bây giờ, gặp lại nhau trong hoàn cảnh hãi hùng như thế này, họ nhất định sẽ lại yêu nhau và đến khi đó thì quan hệ thân thuộc sẽ khiến Nikolai không thể lấy công tước tiểu thư Marya được. Cho nên tuy trong những ngày cuối cùng ở Maxkva và những ngày đầu tiên của cuộc hành trình đã xảy ra những việc hết sức ghê sợ, cái cảm giác, cái ý thức là bàn tay Chúa đã can thiệp vào cuộc sống cá nhân của nàng đã khiến Xonya vui mừng.

Ở tu viện Troitxa, gia đình Rôxtôv ghé lại nghỉ ngơi lần đầu tiên trong cuộc hành trình của họ.

Người ta cắt cho gia đình Rôxtôv ba gian phòng lớn của tu viện, trong đó một gian được giành riêng cho công tước Anđrey. Hôm ấy chàng thấy đỡ nhiều. Natasa ngồi bên cạnh chàng. Ở phòng bên, bá tước và phu nhân kính cẩn nói chuyện với cha bề trên vừa đến thăm gia đình Rôxtôv và những người quen cũ trước kia vẫn cung tiến cho tu viện. Xonya cũng ngồi ở phòng ấy, lòng bứt rứt vì đang tò mò muốn biết công tước Anđrey và Natasa nói với nhau những gì, nàng lắng nghe tiếng nói của họ qua cánh cửa. Bỗng cửa phòng công tước Anđrey xịch mở ra, Natasa vẻ mặt xúc động, từ trong phòng bước ra. Không để ý thấy vị tu sĩ bấy giờ đang đứng dậy để đón nàng, tay giữ lấy ống áo rộng bên phải, nàng lại gần Xonya và cầm lấy tay bạn.

– Natasa, con làm sao thế? Lại đây, – bá tước phu nhân nói. Natasa đến cạnh vị tu sĩ để nhận phép lành, và cha bề trên khuyên nàng nên cầu xin. Chúa và vị thánh của Người phù hộ cho[1].

Ngay sau khi cha bề trên ra về, Natasa cầm lấy tay Xonya và cùng đi với bạn sang gian phòng trống bên cạnh.

1. Trong tu viện có xác ướp của thánh Xecghêy.

– Xonya, có đúng không? Anh ấy sẽ sống chứ? – Nàng nói – Xonya ạ, em sung sướng quá và đau khổ quá! Xonya ạ, chị yêu dấu của em, – mọi việc đều như cũ. Miễn sao anh ấy sống được. Anh ấy không thể... bởi vì, bởi... vì, vì... – và Natasa khóc òa lên.

– Thế à? Mình biết mà! Đội ơn Chúa, – Xonya nói. – Anh ấy sẽ sống.

Xonya xúc động chẳng kém gì bạn; xúc động vì nỗi sợ hãi và đau buồn của bạn, và vì những ý nghĩ riêng của mình, những ý nghĩ mà nàng không hề nói cho ai biết. Nàng nghẹn ngào hỏi Natasa và an ủi bạn. "Miễn sao anh ấy sống được!" – Xonya thầm nghĩ. Sau khi khóc và nói với nhau một lúc, hai người bạn gái lau nước mắt rồi đến bên cửa phòng công tước Andrey, Natasa thận trọng mở cửa ghé nhìn vào phòng. Xonya đứng cạnh nàng bên cánh cửa hé mở.

Công tước Andrey nằm kê cao đầu lên ba chiếc gối. Khuôn mặt xanh xao của chàng điềm tĩnh, hai mắt nhắm nghiền, và có thể thấy ngực chàng khẽ nâng lên hạ xuống theo nhịp thở đều đặn.

– Ồ! Natasa! – Xonya bỗng gần như kêu lên, nắm chặt tay bạn và lùi lại.

– Cái gì thế? gì thế? – Natasa hỏi.

– Đúng rồi, đúng thế thật đấy... – Xonya nói, mặt tái xanh, môi run lẩy bẩy.

Natasa khẽ đóng cửa lại và cùng Xonya đi ra cửa sổ. Nàng vẫn chưa hiểu người ta vừa nói gì với mình.

– Natasa có nhớ không. – Xonya nói, vẻ mặt sợ hãi và trịnh trọng. – Natasa có nhớ dạo mình nhìn vào gương thay cho Natasa không... Ở Otradnoye, hôm lễ Giáng sinh ấy mà... Nhớ không, hôm mình có thấy...

– À ừ! Có! – Natasa nói, mắt mở to; nàng mường tượng nhớ

lại rằng dạo ấy Xonya có nói gì về công tước Andrey, Xonya thấy chàng đang nằm...

– Natasa nhớ không? – Xonya nói tiếp – Hôm ấy mình thấy mình đã nói cho cả Natasa, cả Đuynasa nghe. Mình thấy anh ấy nằm trên giường – Xonya nói; cứ kể đến một chi tiết nào nàng lại giơ cao một ngón tay lên như ra hiệu, – anh ấy nhắm mắt, và đắp một chiếc chăn màu hồng đúng như thế này, hai tay anh ấy chắp lại, – trong khi Xonya lần lượt tả lại những chi tiết mà nàng vừa trông thấy, nàng quả quyết tin rằng dạo trước nàng đã từng trông thấy đúng như thế. Thực ra dạo ấy nàng chẳng trông thấy gì cả, chẳng qua bạ nghĩ ra được cái gì nàng cứ thế mà kể; nhưng bây giờ nàng thấy những điều mà dạo ấy nàng đã bịa đặt ra cũng đều có thật như bất kỳ kỷ niệm nào khác. Dạo ấy nàng nói rằng chàng quay lại nhìn nàng, mỉm cười, rằng chàng đắp một cái gì đo đỏ; những điều đó không những nàng nhớ lại, mà nàng còn tin chắc rằng ngay từ dạo ấy mình đã nhìn thấy và nói rằng chàng đắp cái chăn màu hồng, đúng màu hồng, và mắt chàng nhắm nghiền.

– Phải, phải, đúng là màu hồng, – Natasa nói; bây giờ hình như nàng cũng nhớ rằng dạo ấy Xonya có nói là màu hồng, và thấy rằng điều kỳ lạ và huyền bí nhất trong lời tiên đoán chính là ở chỗ ấy.

– Nhưng như thế nghĩa là thế nào? – Natasa nói, vẻ trầm ngâm.

– Ồ, mình không biết, thật là kỳ lạ. – Xonya nói, hai tay ôm đầu.

Vài phút sau công tước Andrey bấm chuông gọi, và Natasa vào với chàng; Xonya, lòng bồi hồi cảm động khác thường vẫn đứng lại bên cửa sổ, nghĩ ngợi về những việc phi thường vừa xảy ra.

Hôm ấy có dịp gửi thư tới quân đội, bá tước phu nhân liền viết thư cho con trai.

– Xonya, – bá tước phu nhân ngẩng đầu lên nói khi cô cháu gái đi ngang qua, – Xonya, con không viết thư cho Nikolenka à? – Bá tước phu nhân nói khẽ, giọng run run, và trong đôi mắt mệt mỏi nhìn qua cặp kính Xonya đã đọc được tất cả những gì mà phu nhân muốn ám chỉ qua những lời này. Trong khóe nhìn của phu nhân, có cả ý van lơn, ý lo sợ bị Xonya cự tuyệt, ý hổ thẹn vì phải cầu xin, và sự sẵn sàng chuyển sang lòng thù ghét sâu cay nếu nàng từ chối.

Xonya đến cạnh bá tước phu nhân, quỳ xuống hôn tay bà và nói:

– Con sẽ viết mẹ ạ[1].

Tất cả những sự việc xảy ra trong ngày hôm ấy đã làm cho Xonya xúc động mủi lòng và thấy tâm hồn mình dịu lại, nhất là sự thực hiện huyền bí của điều tiên đoán nọ. Bây giờ, khi nàng đã biết rằng quan hệ giữa Natasa và công tước Andrey được nối lại như cũ thì Nikôlai không thể nào lấy công tước tiểu thư Marya được nữa, Xonya vui mừng cảm thấy cái tâm trạng luôn luôn sẵn sàng hy sinh đã trở lại với nàng; nàng vẫn ưa thích và đã quen sống trong tâm trạng đó.

Mắt rớm lệ, lòng vui sướng vì có ý thức rằng mình đang làm một việc cao thượng, nàng viết thư cho Nikôlai. Dở chừng nàng mấy lần phải dừng lại vì những giọt lệ trào ra mờ cả đôi mắt đen dịu như nhung của nàng. Và đó chính là bức thư cảm động đã khiến Nikôlai kinh ngạc như vậy.

1. Maman

IX

Ở trạm gác của Pier được giải đến, viên sĩ quan và mấy người lính đã bắt giam Pier, đối xử với chàng một cách thù địch nhưng đồng thời cũng có ý kính nể chàng. Trong thái độ của họ vẫn còn có thể cảm thấy rằng họ vừa hồ nghi không biết chàng là ai (là một nhân vật rất trọng yếu chăng) vừa tức tối nhớ lại cuộc ẩu đả vừa qua với chàng.

Nhưng sáng hôm sau, khi đến giờ đổi giác, Pier nhận thấy rằng, đối với đội quân canh mới đến – sĩ quan cũng như binh lính, chàng đã không còn quan trọng như đối với những người đã bắt chàng. Và quả nhiên, trong con người to béo mặc áo kaftan, nông dân này, đội lính canh ngày hôm ấy không hề thấy con người linh hoạt đã đánh nhau chí tử với nhiều tên lính ăn cướp và với đội áp giải, và đã từng nói cái câu trang trọng về việc cứu sống đứa bé, mà chỉ thấy đó là người thứ mười bảy trong số những người Nga bị bắt giữ vì một lý do nào đó, theo lệnh của cấp trên. Vả chăng nếu Pier có một cái gì đặc biệt chăng nữa, thì đó chỉ là cái vẻ đăm chiêu tư lự chẳng hề sợ sệt của chàng, hoặc giả là cái tiếng Pháp điêu luyện của chàng mà người Pháp rất lấy làm lạ. Tuy vậy, ngay hôm ấy, Pier cũng được đưa sang giam cùng buồng với những người khả nghi khác, vì gian phòng dành riêng để giam chàng nay có một viên sĩ quan Pháp cần đến.

Tất cả những người Nga cũng bị giam với Pier đều là những người thuộc lớp cùng dân. Và khi nhận ra rằng Pier là một người thượng lưu, họ đều xa lánh chàng, huống hồ chàng lại nói tiếng Pháp nữa. Pier buồn rầu nghe những lời ohế giễu của họ nhằm vào chàng.

Đến tối ngày hôm sau, Pier được biết rằng tất cả những người bị bắt giam ở đây (và hình như trong số đó có cả chàng) đều sẽ bị đưa ra xử về tội đốt nhà. Đến ngày thứ ba, Pier cùng với những người bị giam khác bị dẫn sang một ngôi nhà có một viên tướng Pháp để bộ ria mép bạc trắng, hai viên trung tá và mấy người Pháp nữa có đeo băng hiệu ở ống tay áo quân phục. Họ hỏi Pier, cũng như những người bị giam khác, những câu mà người ta vẫn thường dùng để hỏi những bị cáo, những câu hỏi rõ ràng là chính xác được coi như vượt lên trên những sự yếu đuối của con người: Anh là ai? Trước đây ở đâu? Vì mục đích gì? v.v...

Những câu hỏi này gạt nội dung của sự việc ra một bên và loại trừ mọi khả năng phát hiện ra cái nội dung đó; cũng như tất cả những câu hỏi dùng ở tòa án, mục đích của nó là đưa ra trước người bị cáo một cái ống máng để cho những câu trả lời của họ chảy theo hướng những người xét xử mong muốn, nghĩa là để dẫn đến việc buộc tội. Hễ người bị cáo bắt đầu nói một điều gì không ăn nhập với mục đích buộc tội thì người ta rút ống máng đi, và nước muốn chảy đi đâu thì chảy. Ngoài ra, Pier còn có cái cảm giác mà người bị cáo vẫn thường có khi đứng trước bất cứ tòa án nào: cảm giác ngỡ ngàng không hiểu người ta hỏi những câu ấy để làm gì. Chàng cảm thấy rằng chỉ vì muốn làm ra vẻ khoan dung hay lễ độ mà người ta dùng cái thủ tục ống máng ấy. Chàng biết rằng mình đang nằm trong tay những người này, rằng chỉ có bạo lực dẫn chàng đến đây, rằng chỉ có bạo lực cho họ cái quyền bắt chàng trả lời những câu hỏi ấy, rằng mục đích duy nhất của cuộc họp mặt này là để buộc tội chàng. Cho nên, một khi đã có quyền lực và có ý muốn buộc tội, lẽ ra không cần dùng đến những câu hỏi cạm bẫy như vậy, mà cũng không cần xét xử làm gì. Có thể thấy rõ rằng tất cả những câu hỏi ấy đều nhằm đưa đến chỗ buộc tội. Khi họ hỏi chàng đang làm gì khi bị bắt, Pier trả lời với một giọng hơi bi đát, rằng chàng đang bế một đứa bé mà chàng

vừa *cứu trong đống lửa ra*[1] để mang trả lại cho cha mẹ nó, – Tại sao lại đánh nhau với tên lính ăn cướp?

Pier đáp rằng chàng bênh vực một người đàn bà, rằng bênh vực một người đàn bà bị xúc phạm là nhiệm vụ của mọi người, rằng... Họ ngăn chàng lại: những cái đó không dính dáng đến việc này. Vì sao chàng lại đứng trong sân một ngôi nhà đang cháy, như một số người làm chứng đã nói? Chàng đáp rằng chàng đang đi xem thử ở Maxkva đang xảy ra những việc gì. Họ lại ngắt lời chàng: đây không ai hỏi chàng đi đâu, mà hỏi chàng đứng gần đám cháy để làm gì. Chàng là ai? Họ lại hỏi câu hỏi đầu tiên, mà lúc nãy chàng đã đáp rằng chàng sẽ không trả lời. Bây giờ chàng lại nhắc lại một lần nữa rằng chàng không thể nói điều đó ra được.

– Ghi lấy; như thế không tốt. Rất là không tốt, – viên tướng có bộ ria bạc trắng và khuôn mặt đỏ gay nói với chàng một cách nghiêm khắc. Đến ngày thứ tư, các đám cháy lan đều bức tường thành Zubovxki.

Pier cùng với mười ba người khác bị giải đến Krymxki Brod, giam vào một cái kho để xe của một nhà buôn. Trong khi đi qua các phố, Pier ngạt thở vì làn khói bấy giờ hình như đang bao trùm khắp thành Maxkva. Bốn phía đều rừng rực ánh lửa cháy nhà. Lúc bấy giờ Pier chưa hiểu tầm quan trọng của việc Maxkva bốc cháy, chàng kinh hãi nhìn ánh lửa.

Trong gian nhà kho ở Krymxki Brod, Pier bị giam bốn ngày nữa, và trong thời gian đó, qua những câu chuyện trò của bọn lính Pháp nói với nhau chàng được biết rằng tất cả những người bị giam giữ ở đây phải đợi quyết định nay mai của nguyên soái. Nghe những mẩu chuyện ấy Pier không thể biết rõ nguyên soái đây là nguyên soái nào. Đối với những người lính ấy, chức nguyên soái hẳn là một cái khâu cao cấp và khá bí ẩn của quyền lực.

1. Qu'il avait sauvés flammes

Những ngày đầu tiên này –kể cho đến mồng tám tháng chín, ngày các phạm nhân bị đưa đi hỏi cung lần thứ hai, là những ngày khổ sở nhất đối với Pier.

X

Ngày mồng tám tháng chín có một viên sĩ quan Pháp vào gian nhà kho giam phạm nhân. Cứ xem thái độ kính cẩn của bọn lính canh đối với y, có thể đoán rằng y là một nhân vật quan trọng. Viên sĩ quan, chắc là một viên sĩ quan tham mưu, cầm một tờ danh sách bắt đầu gọi tên tất cả những người Nga bị giam, và gọi Pier *là người không chịu khai tên*[1]. Rồi sau đó khi đưa đôi mắt dửng dưng và uể oải nhìn qua tất cả đám tù nhân một lượt, y ra lệnh cho viên sĩ quan coi tù cho họ ăn mặc tươm tất và sửa soạn tề chỉnh trước khi dẫn đến trình nguyên soái. Một giờ sau có một đại đội lính đến giải Pier và mười ba người kia ra bãi Đivitsie. Ngày hôm ấy trời quang đãng; sau một trận mưa, nắng hửng và không khí trong trẻo lạ thường. Khói không bay là là sát đất như hôm Pier bị giải đi từ nhà giam ở tường thành Zubovxki, nó bốc lên thành từng cột trong làn không khí trong trẻo. Chung quanh không đâu thấy có lửa cháy nhà, nhưng bốn phía đều có những cột khói bốc lên, và khắp Maxkva, tất cả những nơi mà Pier trông thấy, đều chỉ là một đống tro tàn. Bốn phía chỉ thấy những khoảng đất trơ trụi, lác đác có những ống khói, những mảnh lò sưởi còn sót lại, và thỉnh thoảng vài bức tường cháy sém của những tòa nhà bằng đá. Pier nhìn kỹ những đống tro tàn nhưng không nhận ra những khu phố quen thuộc. Đây đó thấp thoáng bóng những ngôi nhà thờ không bị thiêu hủy. Thành Kreml vẫn nguyên vẹn,

1. Celui qui n'avoue pas son nom.

có thể trông thấy những bức tường trắng, những cái tháp cao và đền Ivan đại đế. Gần hơn, cái mái vòm của tu viện Noyo – Đivitsi vui vẻ ánh lên trong nắng, và tiếng chuông nguyện từ tu viện vẳng đến nghe vang dội khác thường. Tiếng chuông nguyện nhắc Pier nhớ rằng hôm ấy là chủ nhật và là lễ sinh nhật Đức Mẹ. Nhưng hình như không ai có ăn mừng lễ sinh nhật này được cả: bốn bể đều là những cảnh hoang tàn, và họa hoằn lắm mới gặp vài người Nga rách rưới, sợ sệt, hễ trông thấy người Pháp là lẩn trốn ngay.

Rõ ràng là cái tổ của dân Nga đã bị tàn phá tan hoang nhưng đằng sau cảnh tan hoang này của nếp sống Nga, Pier bất giác nhận ra nếp sống mới, hoàn toàn khác lạ, nhưng vững chắc, nếp sống của người Pháp. Chàng cảm thấy thế khi nhìn toán lính vui vẻ và hăng hái đi thành hàng ngũ chỉnh tề áp giải chàng và các phạm nhân khác, chàng cảm thấy thế khi trông thấy một viên quan chức trọng yếu nào đó của Pháp, trên chiếc xe song mã do một người lính đánh đi ngược lại phía chàng, chàng cảm thấy thế khi nghe những âm thanh vui vẻ của một đoàn nhạc binh từ bờ bên trái của cánh đồng vẳng lại, và đặc biệt chàng cảm thấy và hiểu điều đó qua bản danh sách mà sáng nay viên sĩ quan Pháp vừa đọc để điểm danh các tù nhân. Pier đã bị lính bắt, giải đến nơi này rồi lại giải đi nơi khác cùng với hàng chục người nữa; có lẽ người ta đã quên chàng, và lẫn lộn chàng với những người khác chăng. Nhưng không: những câu trả lời của chàng lúc bị hỏi cũng đã trở lại với chàng trong cách gọi chàng là người không chịu khai tên họ. Và dưới cái danh hiệu này, mà Pier thấy sợ, giờ đây họ đang dẫn chàng đến một nơi nào đấy, và trên gương mặt họ có thể thấy rõ họ tin chắc rằng chàng chính là người tù nhân kia là những người mà họ cần giải đi và họ đang giải đến nơi cần đến. Pier cảm thấy mình là một mẩu rơm chẳng ra gì rơi vào bánh xe

của một bộ máy mà chàng không biết là gì, nhưng là một bộ máy hoạt động đều đặn.

Pier và các tù nhân khác được dẫn đến bờ bên phải của bãi Đivitsie, cạnh một tu viện, đến một tòa nhà to sơn trắng có một khu vườn rộng. Đó là nhà của công tước Serbatov. Hồi trước, khi chủ ngôi nhà này còn ở đây, Pier vẫn thường đến chơi; bây giờ, như chàng được biết qua những câu trò chuyện của lính Pháp nói với nhau, nó được dùng làm nơi đóng đại bản doanh của nguyên soái quận công Ekmyl.

Toán tù nhân được đưa lên thềm và từng người một lần lượt được dẫn vào trong nhà, Pier là người thứ sáu. Qua dãy hành lang bằng kính, gian phòng mắc áo, gian phòng ngoài mà Pier rất quen thuộc, họ dẫn chàng vào một căn phòng giấy dài và thấp, ở cửa có một viên sĩ quan phụ tá túc trực.

Đavu ngồi trước một cái bàn đặt ở cuối phòng, kính đeo tụt xuống tận giữa mũi. Pier bước lại gần sát bàn. Đavu không ngước mắt lên, vẻ như đang chăm chú đọc một tờ giấy gì để trước mặt. Vẫn không nhìn lên, Đavu nói: – *Anh là ai?*[1]

Pier lặng thinh, vì chàng không sao nói ra được một lời nào. Đối với Pier, Đavu không phải chỉ là một viên tướng Pháp mà còn là một người tàn ác có tiếng. Nhìn gương mặt lạnh lùng của Đavu, bấy giờ như một ông thầy giáo nghiêm khắc đang chịu khó kiên nhẫn một lát để đợi câu trả lời, Pier cảm thấy rằng mỗi giây chần chừ đều có thể nguy hại cho tính mạng mình; nhưng chàng không biết nên nói gì. Nói đúng như lần hỏi cung đầu tiên thì chàng không dám; thú nhận tên tuổi và tước vị ra thì nguy hiểm và xấu hổ. Pier lặng thinh. Nhưng trước khi Pier kịp quyết định, Đavu đã ngẩng đầu nâng cặp kính lên trán nheo đôi mắt nhìn chòng chọc vào Pier.

1. Qui êtes-vous?

– *Ta biết người này*, – y nói, giọng đều đều và lạnh lùng, hẳn là để cho Pier khiếp sợ. Luồng hơi lạnh lúc nãy chạy dọc sống lưng chàng nay bỗng kẹp chặt lấy đầu chàng như một cái kìm.

– *Thưa tướng quân, tướng quân không thể biết tôi được, tôi chưa bao giờ gặp tướng quân...*[1]

– *Đây là một tên gián điệp Nga*[2] – Đavu ngắt lời chàng nói với một viên tướng khác cũng ở trong phòng nhưng nãy giờ Pier không trông thấy, Đavu quay mắt đi. Pier nói nhanh, giọng bỗng trở lên tha thiết:

– Thưa đức ông không phải, – chàng nói (lúc ấy chàng bỗng sực nhớ ra rằng Đavu là quận công. – Thưa Đức ông không phải ạ. Đức ông không thể biết tôi được. Tôi là một sĩ quan dân binh và tôi không hề ra khỏi Maxkva.

– Tên anh? – Đavu nhắc lại.

– Bezuhof.

– *Có chứng cớ gì tỏ ra rằng anh không nói dối?*[3]

– *Ồ sao Đức ông dạy thế!*[4]. - Pier kêu lên, giọng không có ý là mếch lòng mà lại có ý van lơn.

Đavu ngước mắt lên nhìn Pier chòng chọc. Hai người nhìn nhau trong khoảng vài giây, và cái nhìn đó đã cứu Pier thoát chết. Trong cái nhìn này, vượt ra khỏi tất cả những điều kiện của chiến tranh và pháp luật, giữa hai con người đã nảy ra một mối liên hệ nhân tình. Trong giây phút ấy cả hai đều mơ hồ thấy được rất nhiều điều và đã hiểu ra rằng cả hai đều là những đứa con của nhân loại, là anh em.

1. Mon général, vous ne pouvez pas me connaitre, je ne vous ai jamais vu.

2. C'est un espion russe.

3. Non Monseigneur, non Monseigneur, vous n'avez pas pu me connaitre. - Je suis un officier militionnaire et je n'ai pas quitté Moscou. - Votre nom? - Besuhof - Qu'est ce qui me prouvera que vous ne mentez pas?

4. Monseigneur!

Khi Đavu ngước mắt nhìn Pier lần đầu trong khi đang đọc bản danh sách, trong đó những công việc là tính mạng của con người được biểu danh bằng những con số, thì đối với ông ta Pier chỉ là một trường hợp; lúc ấy ông ta có thể ra lệnh bắn Pier mà lương tâm không hề nao núng, nhưng bây giờ thì ông ta đã thấy chàng là một con người. Đavu ngẫm nghĩ một lát.

– *Anh có cách nào chứng minh rằng những điều anh nói là đúng sự thật không?*[1]. - Đavu nói, giọng lạnh lùng.

Pier sực nhớ đến Rambal, liền nói tên trung đoàn hắn ra, kể luôn tên họ hắn, tên đường phố của ngôi nhà hắn ở.

– *Anh không phải là người như anh nói đâu*[2]. – Đavu lại nói.

Pier cất giọng run run, đứt quãng, bắt đầu đưa ra những bằng chứng cho thấy mình nói đúng sự thật.

Nhưng vừa lúc ấy viên sĩ quan phụ tá bước vào báo với Đavu điều gì không rõ. Mặt Đavu bỗng tươi lên khi nghe viên sĩ quan nói, và ông ta bắt đầu cài cúc áo quân phục lại. Hình như ông ta đã quên hẳn Pier.

Khi viên sĩ quan hành dinh nhắc cho ông ta nhớ đến tù nhân, Đavu cau mày hất hàm về phía Pier và bảo dẫn đi. Nhưng dẫn đi đâu thì Pier không biết: dẫn về nhà kho hay dẫn ra pháp trường, nơi mà khi đi ngang bãi Đêvitsie các bạn đồng hành có chỉ cho Pier xem.

Chàng ngoảnh đầu lại và thấy viên sĩ quan phụ tá đang hỏi lại một câu gì.

– *Phải, dĩ nhiên!*[3] – Đavu nói, nhưng "phải" là thế nào thì Pier không biết.

---

1. Comment me prouverez - vous la vérité de ce que vous me dits.
2. Vous n'êtes pas ce que vous dites.
3. Oui sans doute!

Pier không nhớ rõ mình đi đâu, đi như thế nào và có lâu không. Chàng đang ở trong tình trạng vô tri vô giác và đờ đẫn hoàn toàn, chàng không trông thấy gì ở chung quanh cả, cứ đưa chân bước theo những người khác, cho đến khi mọi người dừng lại thì chàng cũng dừng lại.

Suốt thời gian ấy Pier chỉ có một ý nghĩ: ai rốt cục đã ra lệnh hành hình chàng? Đó không phải là những người đã hỏi cung chàng ở uỷ ban[1]: trong số những người đó không ai muốn và hẳn là không ai có thể làm điều đó. Cũng không phải là Đavu: y đã nhìn chàng với đôi mắt nhân đạo như vậy kia mà. Giá chỉ thêm được một phút nữa thôi là Đavu hiểu rằng họ đang làm một việc xấu xa, nhưng vừa lúc ấy thì viên sĩ quan phụ tá vào, nên cái phút ấy đã không diễn ra được. Viên sĩ quan này hẳn cũng chẳng có tâm địa gì xấu, nhưng lẽ ra hắn có thể không vào lúc ấy. Thế thì ai, rút cục là ai hành hình chàng, giết chàng, tước mất cuộc sống của chàng, Pier với tất cả những kỷ niệm, những ước mong, những hy vọng, những ý nghĩ của chàng? Ai đã làm việc ấy? Và Pier cảm thấy rằng chẳng có ai cả.

Đó là một trật tự đã được thiết lập sẵn, là sự kết hợp của mọi hoàn cảnh. Có một thứ trật tự nào đó đang giết chàng Pier, tước đoạt sinh mạng của chàng, tước đoạt tất cả, tiêu diệt chàng.

XI

Từ tòa nhà của công tước Serbatov họ dẫn thẳng toán tù nhân đi xuống bãi Đivitsie và đưa họ đến gần một thửa vườn rau có cắm một cái cột. Sau cột có một cái hố mới đào đất còn thẫm mầu,

1. Ủy ban đây là ủy ban điều tra và truy nã những thủ phạm gây nên vụ hỏa hoạn

chung quanh hố và cột có một đám người rất đông đứng lố nhố. Đám người gồm có một số ít người Nga và những quân lính của Napoleông thuộc nhiều đơn vị pha lẫn không có hàng ngũ: có những tên lính Đức, lính Ý, lính Pháp mặc quân phục khác nhau. Bên phải và bên trái cái cột có hai dãy lính Pháp sắp hàng, mình mặc quân phục xanh có cầu vai đỏ, chân đi ghệt, đầu đội mũ sa-cô.

Các phạm nhân được xếp theo trật tự như trong danh sách (Pier là người thứ sáu) và được dẫn đến cạnh cái cột. Bỗng từ hai phía tiếng trống trận nổi lên, và Pier cảm thấy như cái âm thanh ấy đã xé một phần linh hồn chàng. Chàng đã mất khả năng suy nghĩ và tìm hiểu. Chàng chỉ còn có thể nhìn và nghe mà thôi. Và chàng chỉ có một ước mong – mong cho cái việc gì ghê gớm sắp phải diễn ra nó kết thúc đi cho thật chóng. Pier nhìn sang mấy người bạn đồng hành và xem xét họ.

Hai người đứng ở ngoài cùng là hai người tù khổ sai cạo trọc. Một trong hai người ấy mình cao và gầy; người kia thì đen thui, râu ria lông lá xồm xoàm, tay chân gân guốc, mũi tẹt. Người thứ ba là một người gia nô trạc bốn mươi lăm tuổi, tóc đã hoa râm, người béo tốt có vẻ no đủ. Người thứ tư là một người mu-gích rất đẹp có bộ râu màu vàng hung xòe ra thành hình quạt và đôi mắt đen. Người thứ năm là một người thợ gầy gò, nước da vàng bủng tuổi chừng mười tám, mặc áo khoác dài.

Pier nghe mấy người Pháp bàn nhau xem nên bắn từng người một hay hai người một? "Hai người một" – viên sĩ quan chỉ huy điềm nhiên và lãnh đạm đáp. Trong hàng ngũ quân lính có sự di chuyển, và có thể nhận thấy cả bọn đều vội vã, – vội vã đây không phải như khi người ta làm một việc mà ai nấy đều hiểu, mà lại như khi người ta cố làm xong một việc cần thiết, nhưng khó chịu và không thể hiểu được.

Một viên chức người Pháp tay đeo băng đến cạnh hàng bên

phải tốp phạm nhân và cất tiếng đọc bản tuyên án bằng tiếng Nga và tiếng Pháp.

Sau đó bốn người lính Pháp đi thành hai đôi đến cạnh toán phạm nhân và theo lệnh viên sĩ quan bắt lấy hai người tù khổ sai đứng ở ngoài cùng. Hai người tù khổ sai đến cạnh cái cột thì dừng lại, và trong khi lính mang những cái bị đến, họ im lặng đưa mắt nhìn quanh như những con thú bị dồn đến đường cùng nhìn người bị săn. Một trong hai người luồn tay làm dấu thánh giá, người kia thì gãi lưng và hai môi làm một cử động hao hao giống một nụ cười. Mấy người lính hối hả bịt mắt họ lại, luồn bị vào người họ và trói họ vào cột.

Hai người lính xạ kích bước những bước đều đặn và rắn rỏi cầm súng ra khỏi hàng ngũ và dừng lại cách cái cột tám bước. Pier ngoảnh mặt đi để khỏi trông thấy những việc sẽ diễn ra. Bỗng có tiếng nổ ầm ầm mà Pier nghe còn to hơn những tiếng sấm kinh khủng nhất. Chàng quay lại nhìn. Qua làn khói súng, chàng thấy bọn lính Pháp, mặt tái mét, tay run lẩy bẩy, đang làm gì bên miệng hố không rõ. Họ dẫn hai người khác ra. Hai người đó cũng nhìn mọi người với khóe mắt như thế; họ im lặng, chỉ nhìn bằng mắt, cầu xin một sự che chở nào không thể đến được, và rõ ràng là họ không hiểu và không tin điều sắp xảy ra. Họ không thể tin được, bởi vì chỉ có họ mới biết sinh mạng của họ quý đến nhường nào đối với họ, cho nên họ không hiểu và không tin rằng người ta có thể tước đoạt sinh mạng của họ.

Pier muốn đừng nhìn nữa. Chàng lại ngoảnh mặt đi; nhưng một tiếng nổ khủng khiếp lại đập vào tai chàng, và cùng lúc ấy chàng trông thấy khói, thấy máu người chảy ra, và những gương mặt tái nhợt, hoảng sợ của mấy người lính Pháp bấy giờ lại làm những gì bên cạnh cái cột, đưa những bàn tay run rẩy xô đẩy nhau. Pier thở nặng nhọc đưa mắt nhìn quanh như muốn hỏi

xem: cái gì thế này? Trong tất cả những cái nhìn mà Pier bắt gặp cũng đều hiện rõ câu hỏi đó.

Trên gương mặt của tất cả những người Nga, tất cả những người Pháp dù là lính hay sĩ quan, không trừ một ai, chàng đều đọc thấy nỗi kinh hãi, sợ sệt và băn khoăn đang day dứt lòng chàng. "Những ai, ai làm ra sự việc này thế? Họ cũng đều khổ sở như ta cả. Thế thì ai? Thế thì ai?" – Ý nghĩ đó lóe lên trong tâm tư Pier trong khoảng một giây.

– *Xạ thủ trung đoàn tám sáu, bước lên!*[1] – Có tiếng hô. Họ dẫn người thứ năm đứng cạnh Pier ra cột, – chỉ dẫn có một người thôi. Pier không hiểu rằng mình đã thoát chết: không hiểu rằng chàng và tất cả những người còn lại bị dẫn đến đây để chứng kiến cuộc hành hình. Với một lòng kinh hãi mỗi lúc một tăng, không cảm thấy vui mừng, cũng không thấy bình tâm lại, chàng nhìn những việc đang diễn ra. Người thứ năm là người thợ mặc áo dài. Họ vừa chạm vào người anh ta thì anh ta đã hoảng hốt nhảy lùi lại và bám lấy Pier (Pier giật nẩy mình và gỡ ra). Người thợ không đi được. Họ xốc nách lôi anh ta đi, trong khi anh ta đến cạnh cái cột, anh ta im bặt, dường như vừa hiểu ra một cái gì. Không biết anh ta đã hiểu ra rằng có kêu la cũng vô ích, hay anh ta nghĩ rằng không thể nào người ta lại giết mình được, chỉ thấy anh ta đứng bên cột chờ cho họ bịt mắt lại như những người kia, và đưa đôi mắt sáng long lanh nhìn quanh như một con thú bị thương.

Pier không còn đủ sức để ngoảnh mặt đi và nhắm mắt lại nữa. Trí tò mò và sự xúc động của chàng cũng như của đám đông trong khi diễn ra vụ sát nhân thứ năm này đã lên đến cực điểm. Cũng như mấy người trước, người thứ năm này cũng có vẻ bình tĩnh: anh ta cài cúc áo và cọ cọ hai bàn chân không vào nhau.

---

1. Tirailleurs du 86 ème. en avant!

Khi họ bắt đầu bịt mắt anh ta, anh ta sự sửa lại cái nút ở qua gáy cho đỡ đau; rồi đến khi họ đẩy anh ta dựa vào cái cột đẫm máu người, anh ta ngả hẳn về phía sau. Vì thế đứng này làm anh ta khó chịu, anh ta đứng thẳng người dậy và điềm tĩnh dựa lưng vào cột. Pier nhìn chằm chặp vào người thợ không bỏ qua một cử động nhỏ nào.

Chắc lúc ấy phải có tiếng hô, chắc là sau tiếng hô phải có tiếng nổ của tám khẩu súng trường. Nhưng Pier dù về sau chàng đã hết sức cố nhớ lại, cũng không hề mảy may nghe thấy tiếng nổ nào. Chàng chỉ thấy người thợ chẳng hiểu tại sao bỗng dưng tụt người xuống, máu bỗng đỏ loang ra ở hai nơi, những sợi dây bị sức nặng của thân hình anh ta kéo trĩu xuống bỗng tụt ra và người thợ gục đầu xuống một cách không tự nhiên, chân gập lại, ngồi xuống đất. Pier chạy đến cạnh cái cột. Không ai giữ chàng lại cả. Quanh người thợ có những con người hoảng sợ, mặt tái nhợt, đang làm cái gì không rõ. Một người Pháp già râu ria đến cởi dây trói. Hàm dưới hắn rung rung. Cái xác rơi phịch xuống. Mấy người lính vội vã và vụng về kéo cái xác ra sau cột và bắt đầu đẩy xuống hố.

Hiển nhiên cả bọn họ đều biết rằng mình là những kẻ phạm tội và cần phải che giấu những vết tích của tội ác mình vừa làm.

Pier liếc nhìn xuống hố và thấy người thợ nằm ngửa, gối co lên đến sát đầu, vai nghiêng hẳn sang một bên. Cái vai nhô cao hơn vai kia cứ giật giật như lên kinh phong. Nhưng những thuổng đất đã phủ lên khắp cái thân hình đang hấp hối. Một người lính giận dữ quát bảo Pier lùi ra, giọng hằn học và đau đớn. Nhưng Pier không nghe rõ, chàng cứ đứng yên cạnh cái cột và chẳng ai xua chàng đi cả.

Khi cái hố đã lấp xong, một tiếng hô vang lên. Họ dẫn Pier về chỗ cũ. Toán lính Pháp đứng sắp hàng hai bên cột quay về phía sau và bắt đầu bước đều nhịp đi qua cái cột. Hai mươi bốn người

lính xạ kích, súng đã rỗng nòng, đứng ở giữa vòng người, chạy về chỗ trong khi các đại đội đi cạnh họ. Pier đưa đôi mắt đẫn đờ, vô tri vô giác nhìn mấy người xạ thủ đang từng đôi một chạy ra khỏi vòng. Mọi người đều đã trở về hàng ngũ, trừ một người lính trẻ tuổi, mặt tái mét như người chết, đầu đội mũ sa-cô hất ngược ra sau gáy, súng hạ xuống, vẫn đứng ở trước hố, chỗ hắn ta đứng bắn lúc nãy. Như một người say rượu, hắn lảo đảo, khi thì bước tới một vài bước, khi thì bước lùi, để giữ thăng bằng cho cái thân hình đang nghiêng ngả. Một người hạ sĩ quan vào hàng. Đám người Nga và người Pháp bắt đầu giải tán. Ai nấy đều lặng thinh bước đi, đầu cúi gằm.

– *Cho chừa cái thói đốt nhà đi...*[1] – một người Pháp nói. Pier ngoảnh lại nhìn người vừa nói và thấy đó là một người lính đang muốn tìm cách tự an ủi sau những việc vừa xảy ra, nhưng vô hiệu. Nói chưa hết câu, hắn đã khoát tay một cái và bỏ đi.

XII

Sau cuộc hành trình, họ tách Pier ra khỏi những người bị giam khác và đưa chàng vào một ngôi nhà thờ nhỏ bị phá tan hoang và bị ô uế.

Đến chập tối một viên sĩ quan coi tù vào nhà thờ nói cho Pier biết rằng chàng đã được tha tội chết và bây giờ sẽ được đưa vào trại tù binh. Pier không hiểu hắn nói gì hết, chàng đứng dậy đi theo tốp lính. Họ đưa chàng đến một khóm nhà lán làm bằng những mảnh ván và những súc gốc cháy dở dựng trên một cánh đồng, và dẫn chàng vào một trong những cái lán. Trong bóng tối có chừng hai mươi người thuộc đủ các hạng đứng vây lấy Pier.

1. Cà leur apprendre à incendier...

Pier nhìn họ, không hiểu họ là ai, tại sao họ ở đây và họ muốn gì chàng. Chàng cũng có nghe những lời họ nói với chàng, nhưng không rút ra được một kết luận nào và không biết dùng những điều nghe được vào việc gì hết: chàng hiểu. Họ hỏi thì chàng cũng trả lời, nhưng chàng không rõ người đang nghe mình nói là ai và họ hiểu những câu trả lời của mình ra sao. Chàng nhìn những khuôn mặt, những bóng người trong lán, và những khuôn mặt, những bóng người ấy chàng đều thấy vô nghĩa như nhau.

Từ cái phút mà Pier mục kích vụ giết người khủng khiếp kia do những người tiến hành, tuy họ không muốn làm như vậy, chàng chợt cảm thấy hình như cái dây cót giữ vững mọi vật và cho mọi vật một dáng dấp có sức sống trong tâm hồn chàng bỗng bị giật tung ra, và mọi vật đều sụp đổ thành một đống hỗn độn và vô nghĩa. Tuy chàng không có ý thức rõ rệt, lòng chàng đã mất hết tin tưởng vào tính chất hài hòa của thế giới, vào lòng người cũng như vào lòng mình, vào Thượng đế. Trước đây Pier cũng đã từng có một tâm trạng như vậy, nhưng chưa bao giờ nó mạnh mẽ như bây giờ. Trước kia, những khi trong lòng chàng nổi dậy những mối ngờ vực như thế, thì cội nguồn của nó đều là những lỗi lầm của chàng. Và những lúc ấy trong thâm tâm Pier cảm thấy con đường thoát khỏi những thất vọng, ngờ vực này có thể tìm ngay trong bản thân chàng. Nhưng bây giờ chàng cảm thấy không phải vì lỗi tại chàng mà thế giới sụp đổ xuống trước mặt chàng như vậy, chỉ còn lại những đống vụn vô nghĩa. Chàng thấy mình không sao lấy lại được lòng tin vào cuộc sống nữa.

Có nhiều người vây quanh chàng trong bóng tối: chắc là họ thấy chàng có một cái gì lạ lắm. Người ta đã nói với chàng điều này điều nọ, hỏi han chàng chuyện này chuyện kia, rồi dẫn chàng đến chỗ này chỗ nọ, và cuối cùng chàng thấy mình đứng trong góc lán bên cạnh những người nào không biết, đang nói nói cười cười chung quanh.

– Anh em ạ... đây chính là cái ông hoàng thân mà... (chữ mà này được nhấn mạnh đặc biệt) – có tiếng ai nói ở góc lán đối diện.

Pier lặng thinh ngồi không động đậy trên lớp rạ trải sát vách, khi thì mở mắt ra, khi thì nhắm lại. Nhưng chàng vừa nhắm mắt đã trông thấy ở phía trước hiện ra khuôn mặt khủng khiếp, đặc biệt khủng khiếp là vì nó hình dị lạ thường, của người thợ, và những khuôn mặt của bọn sát nhân bất tự giác kia, còn khủng khiếp hơn nữa vì vẻ lo lắng bứt rứt của nó. Và chàng lại mở mắt ra, ngơ ngác nhìn bóng tối bao bọc quanh mình.

Bên cạnh chàng có một người nhỏ bé ngồi cúi lom khom. Lúc đầu Pier nhận thấy cạnh mình có người này là vì cái mùi mồ hôi rất nặng bốc ra mỗi khi hắn ta cử động. Hắn đang lúi húi trong bóng tối, cúi xuống sát bàn chân làm gì không rõ, và tuy không trông thấy mặt hắn, Pier vẫn có cảm giác rằng hắn luôn luôn đưa mắt nhìn chàng. Khi mắt đã quen nhìn trong bóng tối, Pier hiểu rằng người ấy đang cởi giày cởi dép gì đấy, và cách hắn ta cởi giày khiến chàng chú ý.

Sau khi tháo mảnh giẻ dài quấn ở chân, hắn cẩn thận cuốn mảnh giẻ lại và lập tức chuyển sang chân kia, vừa cởi vừa liếc mắt nhìn Pier. Trong khi một tay hắn đang treo mảnh vải lên vách, tay kia đã bắt đầu tháo mảnh vải ở chân kia. Sau khi tháo những miếng vải quấn chân một cách cẩn thận, với những động tác tròn trĩnh, khéo léo, không vấp váp, tuần tự kế tiếp nhau như vậy, người ấy treo mấy mảnh vải quấn chân lên những cái cọc đóng vào vách ở trên đầu, lấy một con dao con ra cắt một vật gì, xếp dao lại, đút xuống chỗ gối đầu, và sau khi ngồi lại cho thoải mái hơn, hắn ta đưa tay ôm lấy hai đầu gối nhô cao lên và nhìn thẳng vào Pier. Pier cảm thấy trong những động tác khéo léo, trong cách thu xếp cái góc nhà thành chỗ ở và ngay trong cái mùi mồ hôi của người ấy nữa đều có một cái gì dễ chịu và tròn trĩnh khiến cho chàng thấy bình tâm. Chàng cũng chăm chú nhìn lại.

– Chắc ông đã gặp phải lắm chuyện không may, phải không?

Con người bé nhỏ kia bỗng cất tiếng nói. Và trong giọng nói ngân nga của hắn ta có một âm sắc hồn hậu và dịu dàng khiến Pier muốn trả lời, nhưng hàm dưới chàng cứ run lên, và chàng thấy nghẹn ngào không nói được. Nhưng ngay lúc ấy, không để cho Pier kịp lộ vẻ bối rối, lại nghe cái giọng nói dễ chịu ấy nói tiếp:

– Thôi, anh bạn ạ, đừng buồn – người ấy nói với cái giọng ngân nga và âu yếm như giọng những bà già nông dân Nga. – Đừng buồn, anh ạ: khổ một giờ, sống đời đời! Thế đấy anh bạn ạ. Và nhờ trời sống thế này cũng tạm ổn. Người cũng có người xấu người tốt – hắn nói, và chưa hết câu, hắn đã chống gối nhỏm dậy với một động tác mềm mại, rồi vừa ho hắng vừa bỏ đi đâu không rõ.

– À, đồ mất dạy, đã về đấy à! – Giọng nói dịu dàng lúc nãy từ cuối lán vọng lại. – Nó lại về, cái con mất dạy này này, thì ra nó cũng nhớ! Thôi thôi, được rồi. - Và người lính vừa ẩy một con chó nhỏ đang chồm lên người vừa trở về chỗ cũ và ngồi xuống. Tay hắn ta cầm một gói gì bọc trong miếng giẻ rách.

– Đây, ông xơi một chút ông ạ, – người lính nói, trở lại giọng kính cẩn như cũ, tay mở gói giẻ và đưa cho Pier mấy củ khoai nướng. – Bữa ăn chiều vừa rồi có xúp. Nhưng khoai này ngon lắm!

Suốt ngày hôm ấy Pier không ăn gì, cho nên mùi khoai nướng bốc lên khiến chàng thấy dễ chịu lạ lùng. Chàng cảm ơn người lính và bắt đầu ăn.

– Ấy chết, kìa, cứ thế mà ăn? – người lính mỉm cười nói đoạn lấy ra một củ khoai. – Ăn như thế này này. – Hắn ta lại lấy con dao xếp ra, để củ khoai lên lòng bàn tay cắt ra làm hai miếng bằng nhau, lấy muối gói trong miếng giẻ rắc lên và đưa cho Pier.

– Khoai ngon lắm, – hắn nhắc lại. – Ăn như thế này này, anh ăn đi.

Pier tưởng chừng chưa bao giờ ăn món gì ngon hơn thế.

– Tôi thì chẳng nói làm gì; – Pier nói, – nhưng tại sao họ đem bắn những người khốn khổ ấy!... Người sau cùng chỉ độ hai mươi tuổi.

– Suỵt, suỵt, – người lính nhỏ bé nói; – thật là có tội, thật là có tội... – hắn nói thêm rất nhanh, và dường như những lời của hắn bao giờ cũng sẵn sàng trong miệng và bất thần tuôn ra, hắn nói tiếp: – Sao thế ông ở lại Maxkva à?

– Tôi không ngờ chúng đến nhanh thế. Tôi tình cờ ở lại – Pier nói.

– Thế chúng nó bắt anh như thế nào hở anh bạn? Vào nhà bắt à?

– Không, tôi đi xem cháy nhà, thế là chúng bắt tôi, buộc cho tôi tội đốt nhà.

– Đâu có xét xử là ở đấy có oan ức – người lính nhỏ bé nói.

– Thế anh ở đây đã lâu chưa? – Pier hỏi trong khi nhai nốt củ khoai cuối cùng.

– Tôi ấy à? Chủ nhật vừa rồi chúng lôi tôi ra khỏi nhà thương Maxkva.

– Thế anh là thế nào, lính à?

– Lính trung đoàn Apseron. Bị sốt gần chết. Họ chẳng bảo gì chúng tôi cả. Trong bọn nằm ở nhà thương chúng tôi có cả thảy chừng hai mươi người. Họ cũng chẳng biết gì, mà cũng chẳng ngờ.

– Anh ở đây có buồn không? – Pier hỏi.

– Sao lại không buồn, anh bạn? Tôi là Platon, họ Karataiev, – người lính nói thêm, chắc là để cho Pier dễ xưng hô khi nói

chuyện – Trong đơn vị họ đùa tôi là "con điểu con". Sao lại không buồn hở anh bạn! Maxkva là bà mẹ các thành phố! Trông thấy thế ai mà chả buồn. Nhưng con sâu ăn bắp cải thì lại chết trước bắp cải, các cụ vẫn bảo mà, – hắn ta nói thêm rất nhanh.

– Sao, anh nói thế nào? – Pier hỏi.

– Tôi ấy à? – Karataiev nói. – Tôi bảo là kẻ xét xử không phải là chúng ta mà là Chúa – hắn đáp, yên trí rằng mình đang nhắc lại câu vừa nói, rồi lập tức nói tiếp:

– Thế nào, anh cũng có điền trang chứ? Có nhà cửa chứ? Thế chắc là giàu có ê hề lắm nhỉ! Thế có bà chị ở nhà không? Ông cụ bà cụ còn cả chứ? – hắn hỏi, và tuy Pier không trông thấy hắn trong bóng tối, chàng cảm thấy môi người lính đang mỉm một nụ cười rụt rè và trìu mến trong khi hỏi chàng. Hắn ta hình như lấy làm buồn khi biết Pier không còn cha mẹ, nhất là không còn mẹ.

– Vợ là để bàn bạc, bà nhạc là để đón chào, nhưng không có ai quý cho bằng mẹ đẻ ra mình! – hắn nói – Thế có con không? - hắn hỏi tiếp. Khi nghe Pier nói là không, hắn hình như lại lấy làm buồn, và vội vã nói thêm: – Thôi hai người còn trẻ, nhờ trời rồi sẽ có. Miễn sao sống với nhau cho hòa thuận.

– Nhưng bây giờ thì còn thiết gì, – Pier bất giác thốt lên.

– Chà cái ông này, cái bị cũng phúc, nhà ngục cũng may chứ – Platon cãi. Hắn ngồi lại cho thoải mái, đằng hắng mấy cái, hẳn là đang sắp sửa kể một câu chuyện dài; – Đấy, ông xem, tôi đang ở nhà, – hắn mở đầu. – Điền trang thì trù phú, tất nhiên, nông dân sống khá giả, nhà tôi cũng thế, đội ơn Chúa. Cha tôi ngày ngày ra đồng cắt cỏ. Chúng tôi sống khá giả lắm. Chúng tôi ăn ở như người cơ đốc giáo yên lành. – Thế rồi... – Và Platon kể một câu chuyện dài, chuyện hắn ta đi vào rừng cùng nhà địa chủ láng giềng dẫn gỗ chẳng may bị lão kiểm lâm bắt được. Họ đánh hắn, đem ra tòa xử rồi bắt đi lính; – Ấy thế anh bạn ạ, – hắn nói tiếp,

giọng nghe hơi khác đi và đang nhoẻn miệng cười, – tưởng là chuyện buồn hóa ra lại là chuyện vui! Tôi mà không bị tội thì em tôi phải đi rồi! Chú nó có năm con, còn tôi thì chỉ có một mình vợ tôi ở nhà. Trước kia, tôi cũng có mụn con gái, nhưng Chúa đã gọi về từ trước khi tôi đi lính. Có dạo tôi được về phép, anh ạ, tôi thấy cả nhà sống khá giả hơn trước. Nhà rất nhiều miệng ăn, đàn bà ở nhà, hai chú nó thì đi kiếm ăn ở chỗ khác. Chỉ có Mikhailo, chú em út nhà tôi ở lại. Ông cụ nhà tôi bảo: con nào cũng như nhau; cắn ngón nào mà tay chẳng đau? Thằng Platon mà không bị bắt đi lính thì thằng Mikhailo cũng phải đi. Ông lão gọi cả nhà lại đứng trước tượng thánh, ông ạ. Mikhailo, ông lão bảo thế, lại đây, cả bà nó nữa, lại đây, và cả các con nữa, lại đây mà quỳ xuống trước tượng Chúa. Hiểu chưa? Ông lão bảo thế. Đấy, anh bạn ạ. Cũng tại số cả. Ta thì phán đoán: cái này không tốt, cái kia không ổn. Bạn ạ, hạnh phúc của ta cũng như nước ở trong cái đó bắt cá ấy; bỏ xuống thì đầy nước, rước lên thì rỗng không. Thế đấy, – và Platon trở mình, ngồi lại trên ổ rơm.

Ngồi im lặng một lúc, Platon đứng dậy.

– Thế nào, chắc ông buồn ngủ rồi phỏng? – Platon nói đoạn bắt đầu làm dấu thánh giá rất nhanh, mồm lâm râm cầu nguyện:

– Lạy Chúa Jêxu, lạy thánh Nikôlai, Frolo và Lavra, lạy Chúa Jêxu phù hộ cứu vớt chúng con! – Hắn kết thúc, sụp lạy sát đất, đứng dậy thở dài và ngồi xuống ổ rơm. – Thế đấy. Lạy Chúa cho con ngủ thật đẫy, dậy thật dòn. – Nói đoạn hắn ta nằm xuống, kéo chiếc áo khoác đắp lên người.

– Anh đọc kinh gì thế? – Pier hỏi.

– Hả? – Platon nói (hắn đã thiu thiu ngủ) – Kinh gì ấy à? À cầu nguyện Chúa đấy. Thế anh không đọc kinh à?

– Có chứ, tôi cũng đọc, – Pier nói. – Nhưng anh đọc cái gì mà có cả Frolo và Lavra thế?

– Chứ còn sao nữa, – Platon đáp nhanh, – đó là hai vị thánh của loài ngựa. Cũng phải thương lấy súc vật chứ? Chà, đồ mất dậy, cuộn thu lu thế à? Ấm rồi chứ, đồ "chó đẻ"? – Platon vừa nói vừa sờ sờ con chó nằm ở dưới chân rồi lại trở mình sang một bên và ngủ thiếp đi ngay.

Ở bên ngoài, xa xa đâu đó có tiếng kêu khóc, và qua những khe hở trên vách lán thấp thoáng có ánh lửa; nhưng trong lán im lặng và tối om. Pier hồi lâu không ngủ, mắt mở thao láo nằm trong bóng tối nghe tiếng ngáy đều đều của Platon nằm cạnh chàng và cảm thấy cái thế giới trước đây đã sụp đổ bây giờ lại nẩy nở trong lòng chàng, với một vẻ đẹp tinh khôi và dựa trên những nền móng mới mẻ, chắc chắn không gì lay chuyển nổi.

XIII

Pier bị giam trong lán bốn tuần lễ. Cùng ở đây có cả thảy hai mươi ba người lính, ba người sĩ quan và hai viên chức.

Về sau, khi Pier hồi tưởng lại những ngày ấy, hình ảnh của tất cả những người đó hiện lên lờ mờ như trong đám sương mù, nhưng riêng Platon Karataiev thì vẫn mãi mãi còn lại trong lòng Pier. Đối với chàng, đó là kỷ niệm sâu sắc nhất và thân yêu nhất, và là hiện thân của tất cả cái bản tính Nga, tốt đẹp, tròn trĩnh. Sáng hôm sau lúc tờ mờ đất, khi Pier trông thấy người bạn mới, cái ấn tượng đầu tiên của chàng hôm qua về một cái gì tròn trĩnh lại càng được củng cố thêm: tất cả cái bóng dáng của Platon, trong chiếc áo khoác của Pháp thắt lưng bằng sợi dây thừng, với chiếc mũ lưỡi trai và đôi giầy tết bằng thớ vỏ cây, cả cái bóng dáng ấy có một vẻ gì tròn trĩnh khác thường; đầu Platon cũng tròn vo, lưng, ngực, vai, và ngay cả đôi tay nữa – đôi cánh tay bao giờ

cũng sắp sửa ôm một cái gì – đều tròn trĩnh; nụ cười dễ chịu và đôi mắt to màu nâu dịu dàng của Platon cùng tròn.

Platon Karataiev chắc phải quá năm mươi tuổi; theo những câu chuyện bác ta kể về những chiến dịch đã từng tham gia từ hồi còn trẻ, có thể đoán chắc như vậy. Tự bản thân bác ta thì không biết và không sao có thể nói rõ mình bao nhiêu tuổi, nhưng răng bác ta, trắng bóng và rất chắc, luôn luôn vẽ thành hai hình bán nguyệt mỗi khi bật cười, (Platon rất hay cười) đều còn nguyên và cái nào cũng rất tốt, râu tóc bác chưa có sợi nào bạc; toàn thân bác lộ rõ vẻ dẻo dai và nhất là sự rắn rỏi, sức chịu đựng.

Mặt Platon tuy có những nếp nhăn nhỏ tròn tròn, vẫn có vẻ ngây thơ và trẻ trung; giọng nói bác ngân nga; nghe rất dễ chịu. Nhưng đặc biệt hơn cả là bác ta nói năng rất hồn nhiên, nhanh nhẩu, lời lẽ bao giờ cũng tự nhiên và đúng lúc. Hình như bác ta không bao giờ nghĩ gì đến những điều mình đã nói và sẽ nói, và chính vì thế mà giọng nói nhanh nhẩu và chắc chắn của bác ta có một sức thuyết phục không sao cưỡng nổi.

Trong thời gian đầu bị giam cầm, Platon tỏ ra khỏe mạnh và nhanh nhẹn đến nỗi có thể tưởng chừng bác không hề biết thế nào là một nhọc, ốm đau. Cứ mỗi tối, đến khi đi ngủ bác ta lại nói: "Lạy Chúa con ngủ thật đấy, dậy thật dòn"; sáng sáng ngủ dậy bao giờ cũng so vai nói: "cuộn tròn mà ngủ, rũ mình mà dậy". Và quả nhiên hễ bác ta nằm xuống một cái là ngủ ngay, ngủ rất say, và hễ lúc bác ta dậy, rũ mình một cái là lập tức bắt tay vào làm một việc gì, không hề chần chừ lấy một giây, như trẻ con hễ thức dậy là vớ ngay lấy đồ chơi vậy. Việc gì bác ta cũng làm được; làm không khéo lắm, nhưng cũng không vụng. Bác ta nướng, luộc, khâu, bào, vá giày, lúc nào cũng luôn tay và chỉ đến đêm mới tự cho phép mình chuyện trò (bác ta rất thích nói chuyện) và ca hát. Bác ta hát không phải như những ca sĩ vốn biết người ta đang nghe mình hát, mà như loài chim, rõ ràng là hát vì thấy cần phải

phát ra những nhạc thanh, cũng như cần nằm hay cần đi vậy; và những âm thanh ấy bao giờ cũng thanh thanh dìu dịu, buồn man mác, gần như tiếng hát của đàn bà, và những khi hát nét mặc bác rất nghiêm trang.

Bị bắt làm tù binh, bác để râu mọc xồm xoàm, hình như đã cởi bỏ những gì xa lạ mà cuộc đời lính đã khoác lên người bác, và trở về với nếp sống cũ của người dân cày, của dân gian.

– Lính giải ngũ rồi thì áo bỏ ngay ra ngoài quần[1] – Platon thường nói. Bác ta không thích nhắc đến thời đi lính, tuy cũng không khi nào than phiền về quãng đời đó, và thường nói rằng suốt trong thời gian tại ngũ bác ta chưa bị đánh roi nào. Những khi kể chuyện, bác thường thích kể hơn cả những kỷ niệm xưa mà chắc là bác trân trọng đặc biệt, những kỷ niệm cuộc đời nông dân, cuộc đời "cơ đốc"[2] như bác vẫn nói. Những câu tục ngữ nhan nhản trong lời nói của bác ta không phải là những tục ngữ phần lớn thô tục và bạo miệng mà lính tráng hay dùng; đó là những câu ngạn ngữ dân gian, những câu tách riêng ra thì có vẻ vô nghĩa nhưng khi nói đúng lúc thì bỗng bao hàm những ý nghĩa khôn ngoan một cách thâm thúy.

Nhiều khi bác ta nói trái hẳn lại với điều đã nói trước, nhưng cả hai điều đó cũng đều đúng như nhau. Bác thích nói và nói rất hay, luôn tô điểm lời nói của mình bằng những danh từ âu yếm[3] và những câu tục ngữ mà Pier có cảm tưởng là chính bác ta đặt ra; nhưng điều thú vị hơn cả là qua cửa miệng Platon, những sự việc hết sức tầm thường, đôi khi chính là những sự việc mà Pier

1. Nông dân Nga mặc áo rubaska rộng bỏ ra ngoài quần có thắt một sợi dây ngang lưng.

2. Trong tiếng Nga chữ *nông dân* (krextyanxki) và chữ *cơ đốc* gần giống nhau về ngữ âm.

3. Trong tiếng Nga tất cả các danh từ (hay tính từ; trạng từ cũng thế) có thể cấu tạo thành những từ có nghĩa "âu yếm" bằng cách thêm những vi tố đặc biệt.

vẫn thường thấy nhưng không để ý, bỗng dưng có một vẻ đẹp gì trang trọng lạ thường. Platon thích nghe những câu chuyện cổ tích mà cứ tối tối một người lính lại kể (tối nào cũng vẫn những chuyện ấy) nhưng bác thích nghe hơn cả là những mẩu chuyện về cuộc sống thật. Bác mỉm cười vui sướng trong khi nghe chuyện, thỉnh thoảng lại đệm một lời hay hỏi một câu nhằm tìm cho ra cái gì tốt đẹp trong những điều nghe kể. Karataiev không hề có những tình quyến luyến, tình bạn hay tình yêu như Pier quan niệm. Nhưng bác ta yêu mến và gần gũi tất cả những gì cuộc sống run rủi cho bác tiếp xúc, và nhất là con người – không phải một con người nào nhất định, mà tất cả những con người đang ở trước mặt bác ta. Bác ta yêu mến con chó của bác, yêu mến các bạn cùng lán, yêu mến những người lính Pháp, yêu mến Pier là người nằm cạnh bác. Nhưng Pier cảm thấy rằng tuy bác ta đối với chàng ân cần và thân mật như vậy (một phần cũng vì bác ta bất giác trân trọng cuộc sống tinh thần của Pier), nhưng nếu phải từ giã chàng thì bác ta cũng sẽ không buồn phiền lấy một phút. Và Pier cũng bắt đầu có một tình cảm như vậy đối với Karataiev.

Đối với tất cả các tù binh khác, Platon Karatiev là một người lính hết sức bình thường; họ gọi bác là "con điểu hâu" hay là Platosa, họ chế giễu bác một cách hồn hậu, và nhờ bác đi việc này việc nọ. Nhưng đối với Pier, Platon, vẫn như khi chàng gặp bác ta lần đầu, là cái hiện thân bí ẩn, tròn trĩnh và vĩnh cửu của tinh thần giản dị và chân thật, và mãi mãi về sau vẫn như thế.

Platon Karataiev không thuộc lòng một cái gì hết ngoài lời cầu nguyện của bác. Những khi bắt đầu nói, hình như bác ta chẳng biết mình sẽ kết thúc ra sao.

Đối khi Pier, kinh ngạc vì ý nghĩa sâu sắc của câu bác ta vừa nói, yêu cầu bác nhắc lại một lần nữa. Nhưng Platosa không sao nhớ được điều mình vừa nói cách đây một phút, – cũng như không sao đọc lại lời bài hát ưa thích của mình cho Pier nghe. Trong bài

hát có những câu: "Mẹ yêu dấu", "cây bạch dương nhỏ" và "ta buồn lắm" nhưng nghe cả bài thì những câu ấy chẳng có mạch lạc gì cả. Bác ta không hiểu và không sao hiểu được nghĩa của những từ tách ra khỏi câu nói. Mỗi lời nói, mỗi hành động của bác đều là sự thể hiện của một hoạt động mà bác không hề ý thức: cuộc sống của bác. Nhưng cuộc sống của Platon thì, theo như bác quan niệm, không hề có ý nghĩa nếu tách riêng ra một mình. Nó chỉ có ý nghĩa khi là một bộ phận nhỏ của một cái tổng thể mà bác luôn luôn cảm biết. Lời lẽ và hành động của bác toát ra từ bản thân bác cũng đều đặn, tất yếu và trực tiếp như mùi hương toát ra từ cánh hoa. Bác không thể hiểu giá trị hay ý nghĩa của một hành động hay một lời nói tách rời.

XIV

Được Nikôlai cho biết tin anh nàng đang ở với gia đình Rôxtôv ở Yaroxlavl, công tước tiểu thư Marya, bất chấp những lời can ngăn của bà dì, lập tức sửa soạn ra đi, không những thế, nàng lại còn đem cả đứa cháu trai cùng đi nữa. Đi như vậy có khó khăn gì không, liệu có đi được không, nàng không hề hỏi và không muốn biết; bổn phận của nàng không những là phải ở bên cạnh anh nàng, có lẽ bây giờ đang hấp hối cũng nên, mà còn phải làm đủ cách để đưa con trai đến cho anh nàng gặp mặt. Và nàng đã nhất quyết ra đi. Nàng tự nhủ rằng sở dĩ công tước Andrey không cho nàng biết tin này là vì hoặc chàng yếu quá không viết thư được, hoặc chàng cho rằng nàng và đứa con trai của chàng đi một quãng đường xa xôi như vậy thì quá gian nan và nguy hiểm.

Chỉ vài ngày tiểu thư Marya đã sửa soạn xong để lên đường. Xe cộ của nàng gồm có cỗ xe kiện to tướng của lão công tước –

chiếc xe nàng đã dùng để đến Voronej, mấy chiếc xe britska và mấy chiếc xe chở đồ. Cùng đi với nàng có cô Burien, Nikoluska với ông gia sư, bà u già, ba người nữ tỳ, Tikhon, một người nội bộc trẻ tuổi và một người hành bộc của bà dì phái đi theo nàng.

Không thể nghĩ đến chuyện đi theo con đường Maxkva như thường lệ được, công tước tiểu thư Marya phải đi theo một con đường vòng qua Lipetxki, Ryazan, Vlađimir. Con đường này rất dài, rất khó đi vì nhiều nơi không có trạm đổi ngựa, và qua vùng Ryazan lại còn nguy hiểm nữa là khác, vì nghe đâu quân Pháp đã xuất hiện ở vùng này.

Trong cuộc hành trình vất vả, cô Burien, Đêxal và những người tôi tớ của công tước tiểu thư Marya đều phải lấy làm lạ vì sự cương nghị và sức hoạt động của nàng. Nàng bao giờ cũng đi ngủ sau cùng và dậy trước mọi người, và không có khó khăn trở ngại nào có thể ngăn cản nàng được. Nhờ sức hoạt động và nghị lực của nàng cổ vũ các bạn đồng hành, cuối tuần lễ thứ hai họ đã gần đến Yaroxlavl.

Trong thời gian vừa qua ở Voronej, tiểu thư Marya đã được hưởng cái hạnh phúc êm đẹp nhất trong đời nàng. Tình yêu của nàng đối với Rôxtôv không còn làm cho nàng bứt rứt và khích động nữa. Tình yêu ấy đã tràn ngập lòng nàng, đã trở thành một bộ phận khăng khít của bản thân nàng và nàng không còn đấu tranh với tình cảm nữa. Trong thời gian gần đây, công tước tiểu thư Marya đã thấy rõ – tuy nàng chưa bao giờ tự nói với mình điều đó bằng những từ ngữ rõ ràng minh xác – rằng mình yêu và được yêu. Nàng đã thấy rõ như vậy trong lần gặp gỡ sau cùng với Nikôlai khi chàng đến báo cho nàng biết rằng anh nàng hiện ở với gia đình Rôxtôv. Nikôlai không hề có một lời nào ám chỉ rằng bây giờ những quan hệ trước kia giữa công tước Andrey và Natasa (nếu công tước Andrey qua khỏi) sẽ được nối lại, nhưng cứ nhìn gương mặt chàng, tiểu thư Marya cũng thấy rằng chàng biết và

có nghĩ đến điều đó. Ấy thế mà không những thái độ của chàng đối với nàng – một thái độ trân trọng, dịu dàng và chan chứa tình yêu – vẫn không thay đổi, mà chàng lại còn có vẻ như lấy làm mừng rằng quan hệ thân thuộc giữa chàng đối với tiểu thư Marya cho phép chàng tỏ bầy một cách tự do hơn mối tình bạn và tình yêu của chàng, tiểu thư Marya có đôi khi nghĩ như vậy. Tiểu thư Marya biết rằng nàng yêu lần này là lần đầu tiên và là lần cuối cùng trong đời, và cảm thấy mình được yêu, nàng thấy vui sướng và điềm tĩnh về phương diện này.

Nhưng niềm vui này không những không làm mờ nhạt bớt tình thương xót của nàng đối với người anh, mà ngược lại, trạng thái yên tâm về mặt này lại khiến nàng có thể hoàn toàn buông mình theo tình thương ấy. Khi mới lên được ở Voronej, cảm xúc ấy mạnh đến nỗi khi nhìn gương mặt bơ phờ, tuyệt vọng của nàng, những người cùng đi đến yên trí rằng nàng nhất định sẽ ốm dọc đường; nhưng chính những nỗi khó khăn và những nỗi lo lắng trong cuộc hành trình, mà nàng đã dốc toàn lực vào để giải quyết, đã giúp nàng tạm thời khuây khỏa và cho nàng có thêm sức mạnh.

Cũng như thường lệ những khi người ta đi đường trường, công tước tiểu thư Marya chỉ nghĩ đến cuộc hành trình mà quên bẵng cả mục đích của nó. Nhưng khi đến gần Yaroxlavl, khi lại sực nhớ đến những sự việc có thể đang chờ đón mình, không phải sau mấy ngày nữa, mà chỉ ngay tối nay thôi, nỗi xúc động của tiểu thư Marya dâng lên đến cực điểm.

Khi người hành bộc, được phái đến Yaroxlavl trước để hỏi xem gia đình Rôxtôv ở đâu và hiện tình công tước Andrey ra sao, quay trở về và gặp chiếc xe kiệu lớn đang tiến vào thành phố ở gần trạm kiểm soát, anh ta hoảng sợ vì thấy khuôn mặt xanh xao một cách khủng khiếp của công tước tiểu thư Marya ló ra ngoài cửa xe.

– Thưa tiểu thư, con đã hỏi đủ cả: gia đình Rôxtôv hiện ở

cạnh quảng trường, ở nhà một người lái buôn tên là Bronnikov. Gần đây thôi ạ, ngay sát bờ sông Volga – người hành bộc nói.

Công tước tiểu thư Marya đưa đôi mắt hoảng sợ và băn khoăn nhìn vào mắt người hành bộc, không hiểu tại sao anh ta lại không trả lời câu hỏi quan trọng nhất: anh nàng hiện ra sao? Cô Burien hỏi hộ nàng:

– Công tước thế nào?

– Công tước đại nhân cùng ở với gia đình Rôxtôv trong ngôi nhà ấy.

"Thế nghĩa là anh ấy còn sống" – Công tước tiểu thư nghĩ thầm và hỏi khẽ:

– Anh tôi ra sao?

– Nghe người nhà nói là vẫn thế ạ.

"Vẫn thế" nghĩa là thế nào thì công tước tiểu thư Marya không hỏi. Nàng liếc mắt nhanh sang nhìn thẳng Nikoluska lên bảy đang ngồi trước mặt nàng, vui mừng ngắm cảnh phố phường, rồi nàng cúi đầu xuống và không ngẩng lên nữa mãi cho đến khi chiếc xe nặng nề đang vừa lắc lư vừa lăn ầm ầm bỗng dừng lại. Cái bậc xe bỏ xuống đất nghe đánh xịch một tiếng loảng xoảng.

Cửa xe mở ra. Bên trái là sông Volga bát ngát, bên phải là một cái thềm nhà; trên thềm có nhiều người gia nô và một người con gái nào da dẻ hồng hào, làn tóc đen tết thành một chiếc bím dày, đang mỉm một nụ cười vờ vĩnh trông đến khó chịu, công tước tiểu thư Marya có cảm tưởng như vậy (người đó là Xonya). Công tước tiểu thư chạy lên mấy bậc thềm, người con gái có nụ cười vờ vĩnh nói: – "Đây ạ, đây ạ!" – và công tước tiểu thư thấy mình đứng trong một gian tiền phòng, trước mặt một người đàn bà đã có tuổi, kiểu mặt như người phương Đông, đi ra đón nàng, vẻ cảm động. Đó là bá tước phu nhân. Bà ôm lấy tiểu thư Marya và hôn nàng.

– *Con ơi!* – bà nói. – *Ta yêu con và đã biết con từ lâu*[1].

Tuy đang bồi hồi xúc động, công tước tiểu thư Marya cũng hiểu rằng đó là bá tước phu nhân, và cần phải nói với phu nhân một câu gì mới được. Nàng ấp úng nói mấy câu tiếng Pháp đáp lễ (nàng cũng chẳng biết mình làm thế nào mà nói được như vậy), với cái giọng mà người ta đã dùng để nói với nàng, rồi hỏi: "Anh ấy thế nào ạ?".

– Bác sĩ bảo là không có gì nguy hiểm, – bá tước phu nhân nói, nhưng trong khi nói như vậy, bà lại thở dài ngước mắt nhìn lên trời, và trong cử chỉ đó có một cái gì trái hẳn với câu nói của bà.

– Anh ấy ở đâu? Có thể gặp anh ấy được không ạ? – Công tước tiểu thư hỏi.

– Được chứ, được chứ, cô bạn ạ, cô sẽ gặp ngay. Con anh ấy đây à? – bá tước phu nhân quay về phía Nikôluska bấy giờ đang đi với Đêxal vào phòng. – Sẽ có đủ chỗ, nhà này rộng lắm. Ồ, cậu bé xinh quá!

Bá tước phu nhân đưa công tước tiểu thư vào phòng khách. Xonya nói chuyện với cô Burien. Bá tước phu nhân vuốt ve cậu bé. Lão bá tước bước vào phòng chào công tước tiểu thư. Lão bá tước đã thay đổi rất nhiều từ dạo ông gặp công tước tiểu thư lần cuối cùng. Dạo ấy ông hãy còn là một ông già linh hoạt, vui vẻ đầy lòng tự tin, bây giờ thì ông là một con người lạc lõng, thảm hại. Trong khi nói chuyện với công tước tiểu thư, ông luôn luôn đưa mắt nhìn quanh như thế muốn hỏi mọi người xem mình làm như thế có được không. Sau khi Maxkva bị thiêu hủy và tài sản bị thất tán, còn mình thì bị tách ra khỏi nếp sống quen thuộc, bá tước hình như đã mất ý thức về lẽ sống của mình và cảm thấy mình bây giờ không còn chỗ đứng trong cuộc đời nữa.

1. Je vous aime et vous connais depuis longtemps.

Tuy chỉ mong sao được gặp anh ngay, và bực bội vì trong khi chỉ mong được thấy mặt anh mà người ta lại cứ ám lấy nàng và vờ vĩnh khen ngợi đứa cháu của nàng, công tước tiểu thư Marya cũng để ý thấy tất cả những việc đang diễn ra quanh nàng, và thấy cần phải tạm khuất phục cái trật tự mới của nơi nàng vừa đến. Nàng biết rằng tất cả những cái đó đều không thể tránh được và không lấy làm bực mình vì họ.

– Đây là cháu gái tôi; – bá tước giới thiệu Xonya, công tước tiểu thư chưa biết nó à?

Công tước tiểu thư quay về phía Xonya, và cố nén cái cảm giác thù địch đang nổi dậy trong lòng, nàng hôn Xonya. Nhưng nàng thấy khổ tâm vì tâm trạng của tất cả những người ở chung quanh sao khác xa những điều đang xốn xang trong lòng nàng quá.

– Anh ấy ở đâu? – nàng hỏi lại tất cả mọi người một lần nữa.

– Anh ấy ở dưới nhà ạ! Natasa đang ngồi với anh ấy, – Xonya đỏ mặt nói. – Đã cho người đi hỏi rồi ạ. Chắc tiểu thư mệt lắm, phải không ạ?

Công tước tiểu thư ứa nước mắt vì tức bực. Nàng quay mặt đi và toan hỏi lại bá tước phu nhân một lần nữa xem phải đi lối nào để đến phòng công tước Andrey thì ngoài cửa có những tiếng bước nhẹ nhàng, rất nhanh, nghe như vui vẻ. Công tước tiểu thư quay lại nhìn và thấy Natasa đi như chạy vào phòng, Natasa, người mà hồi nào gặp ở Maxkva đã gây cho nàng nhiều ác cảm như vậy.

Nhưng công tước tiểu thư vừa thoáng nhìn lên gương mặt Natasa thì đã hiểu rằng đây là một người thật sự cùng chung nỗi buồn với nàng, và do đó là bạn của nàng. Nàng lao người ra đón Natasa, ôm lấy nàng, và úp mặt trên vai Natasa mà khóc.

Đang ngồi bên đầu giường công tước Andrey, Natasa được tin công tước tiểu thư Marya đến, nàng đã lặng lẽ đi ra khỏi phòng

với những bước chân nhanh nhẹn mà công tước tiểu thư Marya nghe như vui vẻ đón, để chạy tới gặp nàng.

Khi nàng chạy vào phòng, trên giương mặt khích động của nàng chỉ biểu lộ tình cảm – tình yêu thương đối với chàng, đối với tiểu thư Marya, đối với tất cả những cái gì gần gũi với người mà nàng yêu, niềm trắc ẩn, nỗi đau xót vì những người khác và lòng mong muốn thiết tha quên tất cả đời mình để giúp họ. – Có thể thấy rõ rằng giây phút ấy trong tâm trí Natasa không hề có một ý nghĩ nào về mình, về những mối quan hệ của mình với công tước Andrey.

Vốn có một trực giác nhậy bén, công tước tiểu thư Marya thoạt nhìn gương mặt Natasa đã hiểu ngay tất cả những điều đó. Nàng khóc trên vai Natasa với một nỗi buồn pha lẫn một cảm giác vui sướng.

– Đi đi, ta vào với anh ấy đi, Marya, – Natasa nói đoạn dẫn nàng sang phòng bên.

Công tước tiểu thư Marya ngẩng đầu lên, lau nước mắt và quay mặt về phía Natasa nàng sẽ biết hết sự tình.

– Anh ấy... – nàng bắt đầu hỏi, nhưng lại ngừng bặt. Nàng thấy không thể nào dùng ngôn ngữ để hỏi han hay để trả lời được. Gương mặt và đôi mắt của Natasa tất phải nói hết với nàng, rõ hơn và sâu hơn.

Natasa nhìn nàng, nhưng hình như Natasa đang lo sợ và phân vân – có nên nói tất cả những điều mà nàng biết với công tước tiểu thư hay không: nàng dường như cảm thấy rằng trước đôi mắt trong sáng này, đang dọi suốt vào tận đáy lòng nàng, không thể không nói hết, nói hết sự thật đúng như nàng đã thấy. Môi Natasa bỗng run lên, miệng chúm lại thành những nếp nhăn xấu xí, rồi nàng bật lên tiếng khóc thổn thức và lấy tay bưng mặt.

Công tước tiểu thư hỏi Natasa.

– Nhưng vết thương của anh ấy ra sao? – Nói chung tình trạng anh ấy thế nào?

– Tiểu thư... tiểu thư sẽ thấy, – Natasa chỉ nói được như vậy.

Họ ngồi một lát ở nhà dưới, cạnh phòng chàng, để đủ thì giờ nín khóc mà vào phòng chàng với một vẻ mặt điềm tĩnh.

– Bệnh trạng diễn biến từ đầu ra sao? Bệnh tăng đã lâu chưa? Cái đó xảy ra từ bao giờ? – công tước tiểu thư Marya hỏi.

Natasa kể rằng thời gian đầu bệnh tình có nguy kịch vì trạng thái sốt nóng và những cơn đau, nhưng đến Troixa thì đỡ, và bác sĩ chỉ còn lo một điều là chứng hoại thư, nhưng rồi nguy cơ này cũng qua khỏi. Khi đến Yaroxlavi, vết thương bắt đầu mưng mủ (Natasa biết tất cả những điều gì có dính dáng đến hiện tượng mưng mủ v.v...) và bác sĩ nói rằng quá trình mưng mủ có thể diễn biến tốt. Rồi công tước Andrey lại sốt. Bác sĩ nói rằng cơn sốt này không lấy gì làm nguy hiểm.

– Nhưng cách đây hai ngày, – Natasa bắt đầu nói. – bỗng dưng *cái đó* xảy ra... – nàng nén những tiếng thổn thức. – Tôi không hiểu tại sao, nhưng tiểu thư sẽ thấy rõ anh ấy thế nào.

– Yếu đi! Gầy đi à?... - Công tước tiểu thư hỏi.

– Không, không phải thế, còn tệ hơn nữa. Chị sẽ biết. Ôi Marya, anh ấy tốt quá, anh ấy không thể... anh ấy không thể sống, bởi vì.

XV

Khi Natasa, với một động tác quen thuộc, mở cửa phòng công tước Andrey ra và tránh sang một bên nhường lối cho công tước tiểu thư vào trước, tiểu thư Marya đã thấy nghẹn ngào trong cổ

chỉ chực khóc òa lên. Dù nàng có chuẩn bị tinh thần, có cố trấn tĩnh bao nhiêu, nàng cũng vẫn biết rằng mình không sao đủ sức trông thấy anh mà không khóc được.

Tiểu thư Marya hiểu Natasa muốn nói gì khi nàng bảo là *cái đó đã xảy ra cách đây hai ngày*. Nàng hiểu rằng như thế nghĩa là công tước Andrey bỗng nhiên đã dịu hẳn lại và đó chính là dấu hiệu của cái chết. Khi đến gần cánh cửa, nàng đã trông thấy trong tưởng tượng khuôn mặt của Andrey và nàng đã từng biết hồi còn nhỏ, vẻ mặt dịu dàng, hiền hòa mà về sau nàng ít khi thấy ở chàng, cho nên bao giờ cũng có sức tác động rất mạnh đối với nàng. Nàng biết chàng sẽ nói với nàng những lời dịu dàng, âu yếm, như những lời cha nàng đã nói trước khi tắt thở, nàng biết mình sẽ không nén nổi lòng và sẽ khóc òa lên trước mặt chàng. Nhưng trước sau rồi cũng đành phải thế, và nàng bước vào phòng. Những tiếng thổn thức mỗi lúc một dâng lên trong cổ nàng, trong khi đôi mắt cận thị của nàng mỗi lúc một thấy rõ hơn hình dáng và khuôn mặt chàng và sau cùng nàng thấy rõ những nét mặt và bắt gặp đôi mắt chàng.

Chàng nằm trên chiếc đi văng lót nhiều gối đệm, mình mặc chiếc áo dài nội tấm lót lông. Chàng gầy và xanh. Một bàn tay gầy gò, trắng nhợt và trong suốt của chàng cầm một chiếc mùi xoa, còn bàn tay kia khẽ đưa ngón lên vuốt mấy sợi râu mép mỏng mọc đã dài. Mắt chàng nhìn hai người đang bước vào phòng.

Trông thấy mặt chàng và đôi mắt chàng nhìn công tước tiểu thư, Marya bỗng đi chậm lại. Nàng cảm thấy nước mắt mình bỗng khô đi và những tiếng thổn thức trong cổ ngừng bặt. Trông thấy vẻ mặt và khóe mắt của chàng, nàng bỗng thấy e sợ và cảm thấy mình có lỗi.

"Nhưng ta có lỗi gì?" – nàng tự hỏi.. – "Có lỗi ở chỗ cô sống và nghĩ đến những cái gì đang sống, còn tôi...!" – Đôi mắt lạnh lùng nghiêm nghị của chàng đáp lại.

Trong đôi mắt ấy, một đôi mắt không nhìn ở bên ngoài mà lại nhìn vào bên trong mình, có một cái gì hầu như thù địch, khi chàng chậm rãi đưa mắt nhìn em gái.

Chàng cầm lấy tay em gái và hôn nàng, như thường lệ ngày trước.

– Chào em, Marya, em làm thế nào đến được tận đây? – chàng nói với một giọng thản nhiên và xa lạ như đôi mắt chàng. Giả sử chàng thét lên một tiếng tuyệt vọng, tiếng thét ấy hẳn sẽ làm cho tiểu thư Marya đỡ hoảng sợ hơn là giọng nói này.

– Em đem cả cháu Nikoluska đến nữa à? – chàng nói, giọng vẫn bình thản, chậm rãi như trước, và rõ ràng là có vẻ như đang cố nhớ lại.

– Sức khỏe anh nay ra sao? – Tiểu thư Marya nói, và chính nàng cũng lấy làm lạ về câu hỏi của mình.

– Cái đó thì phải hỏi bác sĩ, em ạ? – chàng đáp, và hình như lại cố gắng một lần nữa để tỏ vẻ trìu mến, chàng nói thêm.

– *Cám ơn em đã đến!*[1] – Có thể thấy rõ rằng chàng chỉ nói bằng đầu môi và không để tâm vào lời lẽ của mình.

Công tước tiểu thư Marya siết tay chàng. Chàng hơi nhăn mặt một chút khi nàng siết tay như vậy. Chàng lặng thinh, và nàng không biết nói gì. Nàng đã hiểu cái điều đã xảy đến với chàng từ hai ngày nay. Trong những lời lẽ, trong giọng nói của chàng và nhất là trong khóe nhìn ấy – một cái nhìn lạnh lùng, gần như thù địch – có thể cảm thấy một sự cách vời đối với những gì thuộc về trần thế, khiến người đang sống phải kinh sợ. Hình như chàng phải chật vật lắm mới hiểu được những cái gì thuộc về cõi sống; nhưng đồng thời cũng có thể cảm thấy sở dĩ chàng không hiểu không phải vì không còn đủ sức để hiểu, mà vì chàng đã hiểu

1. Merci, chère amie, d'être venue!

một cái gì khác, một cái gì mà người sống không hiểu và không thể nào hiểu nổi, và cái đó đã thu hút hết tâm trí chàng.

– Phải, số phận đã run rủi cho chúng tôi gặp nhau lại một cách kỳ lạ như thế đấy! – Chàng nói, chấm dứt phút im lặng, và chỉ vào Natasa: – Cô ấy suốt ngày săn sóc anh.

Công tước tiểu thư Marya lắng nghe mà không hiểu chàng nói gì. Làm sao công tước Andrey, một người tế nhị, dịu dàng như vậy, mà lại có thể nói như thế trước mặt người con gái mà mình yêu. Người con gái đang yêu mình! Nếu chàng nghĩ mình sẽ sống, thì chàng đã không nói điều đó với một giọng lạnh lùng khó chịu như vậy. Nếu chàng biết mình sẽ chết, thì làm sao chàng lại không thương hại nàng, làm sao chàng lại có thể nói như vậy trước mặt nàng được? Chỉ có thể có một cách giải thích, là bây giờ chàng thờ ơ với hết thảy mọi sự, và như vậy là vì có một cái gì khác, một cái gì tối quan trọng, đã mở ra trước mắt chàng.

Cuộc nói chuyện diễn ra lạnh nhạt, lúng túng và phút phút lại đứt quãng.

– Marya đi qua đường Ryazan đấy, – Natasa nói.

Công tước Andrey không để ý thấy nàng gọi em gái chàng là Marya, Natasa thì lần đầu tiên nhận thấy mình gọi tiểu thư Marya như vậy.

– Thế sao? - Chàng hỏi.

– Chị ấy có nghe họ kể lại là Maxkva đã cháy trụi, đâu hình như...

Natasa ngừng bặt: không thể nào nói chuyện được. Chàng rõ ràng là đang cố gắng lắng nghe, nhưng vẫn không chú ý nổi.

– Phải, cháy hết rồi, nghe họ bảo thế. – Chàng nói, – thật đáng tiếc, – đoạn chàng bắt đầu nhìn thẳng phía trước, mấy ngón tay lơ đễnh đưa lên vuốt hàng ria mép lún phún.

– Marya ạ, thế em có gặp bá tước Nikôlai à? – Công tước

Andrey nói, hẳn là muốn cho họ vui lòng. – Anh ấy có viết thư về gia đình ở đây nói là yêu em lắm, – chàng nói tiếp một cách giản dị, bình thản, hẳn là không đủ sức hiểu cái ý nghĩa phức tạp mà câu nói này có thể có đối với những người đang sống. Nếu em cũng yêu anh ấy thì... hai người lấy nhau là rất tốt – chàng nói thêm, hơi nhanh hơn trước một chút, tưởng như hài lòng vì đã tìm được những chữ mà mình tìm mãi không ra. Công tước tiểu thư Marya nghe lời chàng nói, nhưng những lời lẽ ấy đối với nàng không có ý nghĩa nào khác hơn là cho nàng thấy rõ hiện nay chàng đã xa cách đến nhường nào tất cả những gì thuộc về cõi sống.

– Nói đến em làm gì! – nàng điềm tĩnh đáp và liếc nhìn Natasa, Natasa cảm thấy cái nhìn ấy đặt lên mình nhưng nàng không nhìn lại. Cả ba người lại lặng thinh.

– Anh Andrey ạ, anh có muốn... công tước tiểu thư Marya bỗng cất giọng run run, – anh có muốn gặp cháu Nikoluska không? Cháu nhắc đến anh luôn đấy.

Công tước Andrey lần đầu tiên hơi nhếch mép mỉm cười, nhưng tiểu thư Marya, vốn biết rất rõ gương mặt chàng, hoảng sợ hiểu ra đó không phải là một nụ cười vui mừng, thương yêu đối với đứa con, mà là một nụ cười chế giễu kín đáo, nhẹ nhàng đối với tiểu thư Marya đã dùng đến thủ đoạn cuối cùng (theo như nàng nghĩ) để đưa chàng về cõi sống.

– Có, anh rất mừng. Nikoluska có khỏe không?

Khi họ dẫn Nikoluska vào gặp công tước Andrey – cậu bé sợ sệt nhìn cha nhưng không khóc, vì bấy giờ chẳng có ai khóc cả, – chàng hôn con và rõ ràng là không biết nói gì với nó.

Khi họ dẫn đứa bé ra ngoài, công tước tiểu thư Marya đến cạnh giường một lần nữa, hôn anh, và không sao kìm nổi được, nàng òa lên khóc nức nở.

Công tước Andrey nhìn nàng đăm đăm.

– Em nghĩ đến Nikoluska và? – Chàng hỏi.

Tiểu thư Marya vừa khóc vừa gật đầu.

– Marya, em cũng biết sách Phúc â... - nhưng rồi chàng im bặt.

– Anh nói sao?

– Không, có gì đâu. Không nên khóc ở đây, – chàng nói, mắt vẫn nhìn nàng lạnh lùng như cũ.

Khi công tước tiểu thư Marya khóc, chàng hiểu rằng nàng khóc vì nghĩ đến nông nỗi Nikoluska sẽ mồ côi cha. Chàng cố hết sức trở về với cõi sống và với quan niệm của hai người.

"Phải, chắc họ phải cho thế là thê thảm lắm! – Chàng nghĩ – nhưng thực ra nó đơn giản biết chừng nào!".

"Chim trời không gieo, không gặt, nhưng đức Chúa Cha nuôi chúng nó sống"[1] – Chàng tự nhủ, và toan nói với công tước tiểu thư như vậy. "Nhưng thôi, họ sẽ hiểu theo cách của họ, họ không hiểu được đâu! Họ không thể hiểu rằng tất cả những tình cảm mà họ trân trọng, tất cả những ý nghĩ mà họ cho là quan trọng như vậy thật ra đều vô ích. Ta và họ không thể hiểu được nhau" – Và chàng lặng thinh.

Đứa con trai của công tước Andrey đã lên bảy. Nó mới đọc được lõm bõm, và chưa biết gì cả. Kể từ ngày hôm ấy nó mới bắt đầu biết cảm nghĩ, có thêm khiếu quan sát và kinh nghiệm; nhưng giả sử lúc ấy nó có tất cả những phẩm chất đó nó cũng sẽ không thể nào hiểu một cách rõ hơn, sâu hơn lúc bấy giờ tất cả ý nghĩa của cái cảnh diễn ra giữa cha nó, tiểu thư Marya và Natasa, bây giờ nó đã hiểu được tất cả, nó không khóc khi bước ra khỏi phòng, nó lặng lẽ lại gần Natasa bấy giờ cũng bước ra theo, ngước đôi mắt xinh đẹp tư lự nhìn nàng có chiều rụt rè, cái môi trên hơi cong của nó run run, nó tựa đầu vào người nàng và khóc.

1. Câu trong kinh thánh

Từ hôm ấy nó tránh Đêxal, tránh bá tước phu nhân, người vẫn hay vuốt ve nó, và hoặc ngồi một mình, hoặc mon men đến gần tiểu thư Marya hay Natasa mà bây giờ hình như nó yêu hơn cả cô nó, rồi im lặng và rụt rè vuốt ve họ.

Công tước tiểu thư Marya khi rời phòng công tước Anđrey đã hiểu rõ hết những điều mà gương mặt của Natasa nói với nàng. Nàng không nói chuyện hy vọng chàng sống với Natasa nữa. Nàng thay phiên Natasa bên chiếc đi-văng của chàng và không khóc nữa, nhưng suốt ngày cầu nguyện, dâng linh hồn mình lên đấng vĩnh hằng huyền bí mà hiện thời nàng cảm thấy rõ rệt sự tồn tại ở bên trên thân thể con người đang hấp hối.

XVI

Công tước Anđrey không những biết rằng mình sẽ chết, mà còn cảm thấy mình đang chết, thấy mình đã chết một nửa. Chàng biết rõ mình đang xa lạ dần với tất cả những cái gì thuộc về trần thế, và có một cảm giác lâng lâng hoan hỉ và kỳ dị. Không vội vã và không lo lắng, chàng chờ đợi điều sắp xảy đến. Cái cõi vĩnh hằng, đáng sợ, huyền bí mà suốt cuộc đời chàng không lúc nào không cảm thấy, nay đã gần chàng lắm, và cái cảm giác lâng lâng kỳ dị của chàng lúc này chứng tỏ đối với chàng nó đã gần như dễ hiểu, hữu hình, cụ thể...

.....

Trước kia chàng vẫn sợ chết. Chàng đã hai lần thể nghiệm cảm giác sợ chết, cái cảm giác day dứt khủng khiếp ấy, nhưng bây giờ chàng không còn hiểu nó nữa.

Lần đầu tiên chàng thể nghiệm cái cảm giác này là khi quả tạc đạn quay tít trước mặt chàng như một con quay, và chàng thì

nhìn những đống rạ, những bụi cây, bầu trời, và biết rằng trước mặt chàng là cái chết. Đến khi chàng tỉnh dậy sau thời gian ngất đi vì vết thương và trong tâm hồn chàng, dường như bỗng chốc được giải phóng khỏi gánh nặng của cuộc sống, đã nở rộ đóa hoa của tình yêu vĩnh viễn, tự do, không lệ thuộc vào cõi đời này, thì chàng không còn sợ chết và không còn nghĩ đến cái chết nữa.

Trong những giờ phút cô đơn đạu xót, nửa mê nửa tỉnh mà chàng đã trải qua sau khi bị thương, chàng càng nghĩ đến cái nguyên lý mới mẻ của tình yêu vĩnh viễn mở ra trước mắt, thì lại càng bất giác thoát ra khỏi cuộc sống trần tục. Yêu mọi vật, yêu mọi người, luôn luôn hy sinh mình cho tình yêu, có nghĩa là không yêu ai hết, có nghĩa là không sống cuộc sống trần gian này nữa. Và càng đi sâu vào cái nguyên lý của tình yêu này, càng thoát ly cuộc sống, chàng lại càng xóa bỏ hẳn cái trở ngại đáng sợ vẫn đứng ở giữa cuộc sống và cái chết khi ta không có tình yêu. Trong thời gian gần đây, mỗi khi chàng nhớ rằng mình phải chết, chàng lại tự nhủ: ừ thì thôi, càng tốt.

Nhưng sau cái đêm ở Mutisi, khi trong lúc nửa mê nửa tỉnh chàng thấy xuất hiện người con gái mà chàng khao khát, và khi chàng áp môi vào bàn tay nàng mà khóc những giọt nước mắt lặng lẽ và vui mừng, thì tình yêu đối với một người đàn bà đã bất giác len lỏi vào lòng chàng và lại gắn bó chàng với cuộc sống. Và những ý nghĩa vừa vui vừa mừng và hồi hộp bắt đầu dồn dập tràn tới. Bây giờ, nhớ lại cái phút trông thấy Kuraghin ở trạm cứu thương, chàng không còn có thể trở về với tình cảm lúc ấy được nữa, bây giờ lòng chàng đang bứt rứt với câu hỏi: hắn còn sống không? Nhưng chàng không dám hỏi.

Bệnh trạng của chàng diễn biến theo trình tự bình thường. Nhưng sự kiện mà Natasa gọi là cái đó đã đến với chàng, thì đã xảy ra hai ngày trước khi công tước tiểu thư Marya đến. Đó là cuộc vật lộn cuối cùng giữa cuộc sống và cái chết trong linh hồn

công tước Andrey, và cái chết đã thắng. Đó là sự nhận thức đột ngột rằng chàng còn quý cuộc sống, cuộc sống được biểu trưng trong tình yêu của chàng đối với Marya, và là sự khắc phục cơn hoảng sợ cuối cùng trước cái chưa hề biết.

Bấy giờ là vào buổi tối. Cũng như thường lệ sau bữa ăn chiều, chàng đang ở trong trạng thái sốt nhẹ, và tư tưởng của chàng minh mẫn lạ thường. Xonya ngồi bên bàn. Chàng thiu thiu ngủ. Bỗng nhiên một cảm giác hạnh phúc tràn ngập lòng chàng.

"À, nàng đã vào đấy!" – chàng nghĩ.

Quả nhiên, Natasa đã lặng lẽ bước vào và ngồi ở chỗ Xonya lúc nãy.

Từ khi nàng bắt đầu săn sóc chàng, công tước Andrey luôn luôn cảm biết được sự có mặt của nàng bằng một trực giác thể xác. Nàng ngồi trên ghế bành, quay nghiêng về phía chàng, mình che ánh nến, và đan bít tất. (Nàng đã học đan bít tất từ khi công tước Andrey nói với nàng rằng không có ai biết cách săn sóc người ốm giỏi bằng các bà u già đan bít tất, rằng trong những động tác của người đan bít tất có một cái gì làm cho tâm hồn yên tĩnh lại). Những ngón tay thon thon của nàng đang đưa nhanh đôi que đan thỉnh thoảng khẽ chạm vào nhau, và chàng có thể thấy rõ những nét trông nghiêng của mặt nàng đang tư lự cúi xuống. Nàng cựa mình – cuộn len ở trên đầu gối nàng lăn xuống đất. Nàng giật mình, liếc nhìn chàng rồi lấy tay che ngọn nến, nàng cúi mình xuống với một động tác thận trọng, mềm mại và chính xác, nhặt cuộn len lên và ngồi lại như cũ.

Chàng nhìn nàng, nằm yên không cựa quậy, và thấy rằng sau động tác vừa rồi lẽ ra nàng cần phải thở phào một cái nhưng nàng không dám, chỉ khẽ thở lại cho đều đặn dần dần.

Ở tu viện Troixta hai người đã nhắc nhở lại thời dĩ vãng và chàng có nói với nàng là nếu chàng được sống, chàng sẽ vĩnh viễn

biết ơn Chúa vì cái vết thương đã khiến cho chàng được gặp nàng; nhưng từ bấy đến nay họ không bao giờ nói đến tương lai nữa.

"Có thể như thế hay không? – Bây giờ chàng thầm nghĩ trong khi nhìn nàng và lắng tai nghe tiếng lách cách nhè nhẹ của đôi que đan. – Lẽ nào số phận run rủi cho ta gặp lại nàng một cách kỳ lạ như thế để rồi chết?... Chẳng lẽ chân lý của cuộc sống mở ra trước mắt ta chỉ để cho ta sống suốt đời trong sự dối trá hay sao? Ta yêu nàng hơn hết tất cả trên đời. Nhưng ta biết làm thế nào, nếu ta yêu nàng?" – Chàng tự nhủ, và bỗng bất giác rên lên một tiếng, theo một thói quen đã nhiễm phải trong thời gian đau đớn vì vết thương.

Nghe tiếng rên, Natasa đặt chiếc bít tất xuống, quay về phía chàng, và bỗng nhận thấy mắt chàng sáng long lanh, nàng bước nhẹ đến cạnh chàng và cúi xuống.

– Anh không ngủ ư?

– Không, anh nhìn em đã lâu; anh đã cảm thấy em vào. Ngoài em ra không ai có thể cho anh cái cảm giác yên ổn, êm ái ấy... cái ánh sáng ấy... anh những muốn khóc vì vui sướng...

Natasa cúi xuống sát người chàng. Mắt nàng ánh lên một niềm vui bồng bột.

– Natasa, anh yêu em quá đỗi, yêu hơn hết tất cả trên đời.

– Thế em thì sao? – Nàng quay mặt đi một thoáng. – Tại sao lại "quá đỗi"? – Tại sao lại "quá đỗi" ư?... Thế em nghĩ sao, trong thâm tâm em cảm thấy thế nào, liệu anh có sống được không? Em thấy thế nào?

– Em tin chắc như vậy, chắc chắn như vậy! – Natasa nói gần như kêu lên, cuống quýt nắm chặt lấy hai tay chàng.

Chàng im lặng một lát.

– Được như thế thì sung sướng quá – Và chàng cầm tay nàng lên hôn.

Natasa sung sướng và xúc động; và ngay lúc ấy nàng sực nhớ ra rằng như thế không được, chàng đang cần yên tĩnh.

– Nhưng anh chưa ngủ, – nàng nén nỗi vui mừng lại nói, – Anh cố ngủ đi... em xin anh.

Chàng xiết tay nàng rồi buông ra; nàng đi về phía ngọn nến và lại ngồi xuống như cũ. Hai lần nàng quay mặt nhìn chàng, và mắt chàng long lanh nhìn lại. Nàng tự để ra cho mình một giới hạn trên chiếc tất và tự nhủ là sẽ không nhìn lại nữa cho đến khi nào đan xong chỗ đó.

Quả nhiên, được một lát thì chàng nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi. Chàng không ngủ lâu. Chỉ một lát sau chàng bỗng giật mình tỉnh dậy, người toát mồ hôi lạnh.

Trong khi ngủ thiếp đi, chàng vẫn nghĩ đến điều mà gần đây chàng vẫn luôn nghĩ tới; cuộc sống và cái chết. Và chàng nghĩ đến cái chết nhiều hơn.

Chàng thấy mình gần cái chết hơn.

"Tình yêu? Tình yêu là cái gì nhỉ?" – Chàng nghĩ thầm

"Tình yêu ngăn cản cái chết. Tình yêu là sự sống. Tất cả những điều mà ta hiểu, sở dĩ ta hiểu được mọi là vì ta yêu. Tất cả sở dĩ có, sở dĩ tồn tại cũng chỉ vì ta yêu. Tình yêu là mối liên hệ duy nhất kết hợp vạn vật. Tình yêu là Thượng đế, và chết đi nghĩa là ta, một phần nhỏ của tình yêu, trở về với cái nguồn cộng đồng vĩnh cửu của mọi vật". Chàng thấy những ý nghĩ này có sức an ủi chàng. Nhưng đó chỉ là những ý nghĩ mà thôi. Có một cái gì còn thiếu ở trong ấy, có một cái gì phiến diện, cá biệt, chỉ thuộc trí tuệ, không được hiển nhiên. Và mối lo âu cũ, trạng thái mơ hồ trước kia vẫn còn. Chàng ngủ thiếp đi.

Chàng chiêm bao thấy mình đang nằm trong chính gian phòng này, nhưng chàng không bị thương, chàng vẫn khỏe mạnh. Nhiều khuôn mặt khác nhau, vô nghĩa, dửng dưng, hiện ra trước mắt

chàng. Chàng nói chuyện với họ, bàn cãi với họ những chuyện bâng quơ vô bổ. Họ đang sửa soạn đi đâu đấy. Công tước Andrey nhớ mang máng rằng tất cả những thứ đó đều vô nghĩa và chàng còn có những nỗi lo âu khác rất quan trọng, nhưng chàng vẫn tiếp tục nói những câu trống rỗng mà ý nhị làm cho họ ngạc nhiên. Dần dần những khuôn mặt ấy đều biến đi đâu từ lúc nào không rõ, và tất cả đến nhường chỗ cho một vấn đề duy nhất, là phải làm thế nào khép cánh cửa lại. Chàng đứng dậy và đi ra cửa để khép cửa và đóng chặt lại. Có chốt kịp cánh cửa hay không, tất cả đều lệ thuộc vào đấy. Chàng bước đi, chàng bước rất vội, nhưng chân chàng không chịu cử động, và chàng biết rằng chàng sẽ không chốt kịp cánh cửa, nhưng chàng vẫn ráng hết sức mình một cách đau đớn. Và một nỗi sợ hãi ghê gớm tràn ngập lòng chàng. Nỗi sợ hãi đó chính là nỗi sợ hãi trước cái chết: chính nó đang đứng sau cánh cửa kia. Nhưng ngay trong khi chàng vụng về và bất lực lê về phía cái cửa, cái vật gì ghê sợ ấy từ bên kia cánh cửa đã đẩy vào. Một cái gì trái với tình cảm con người – cái chết – đã xô vào cánh cửa, và vấn đề là phải giữ cánh cửa lại. Chàng nắm lấy cánh cửa, thu hết tàn lực; bây giờ không còn chốt cửa được nữa rồi – thôi chỉ mong sao giữ cánh cửa lại; nhưng sức chàng yếu lắm, chàng vụng lắm, và bị cái vật khủng khiếp ấy xô đẩy, cánh cửa mở ra, rồi lại khép lại.

Ở ngoài cửa, cái ấy lại đẩy vào một lần nữa. Những cố gắng cuối cùng, những cố gắng của chàng đều vô ích, và cả hai cánh cửa lặng lẽ mở rộng ra, cái ấy đã vào, và cái ấy chính là cái chết. Công tước Andrey đã chết.

Nhưng ngay cái giây phút chàng chết đi, công tước Andrey sực nhớ ra rằng mình đang ngủ, và ngay trong cái giây phút chàng chết đi, chàng cố gượng dậy, chàng bừng tỉnh.

"Phải, đó chính là cái chết. – Ta đã chết – ta đã tỉnh dậy. Phải, cái chết là một sự thức tỉnh" – điều đó bỗng lóe lên trong

tâm hồn chàng, và bức màn cho đến nay vẫn che kín cõi u minh huyền bí đã vén lên trước nhãn quang tinh thần của chàng. Chàng cảm thấy như thể cái sức mạnh trước đây vẫn bị trói buộc trong người chàng nay đã được giải thoát, và chàng lại thấy cái cảm giác lâng lâng kỳ dị từ đây không rời khỏi chàng nữa.

Sao chàng giật mình tỉnh dậy, nhưng toát mồ hôi lạnh và cựa mình trên đi-văng, Natasa đến cạnh chàng và hỏi chàng làm sao thế. Chàng không đáp, chàng không hiểu nàng nói gì, và nhìn nàng với đôi mắt quái gở.

Đó chính là điều đã xảy đến với chàng hai ngày trước khi công tước Marya đến. Cũng từ hôm ấy bác sĩ nói rằng trạng thái sốt nóng đã chuyển hướng không tốt. Natasa không chú ý đến lời bác sĩ: nàng đã thấy rõ những dấu hiệu tinh thần khủng khiếp mà nàng biết là còn chắc chắn hơn nhiều.

Từ ngày hôm ấy đối với công tước Andrey, cùng với cuộc thức tỉnh từ giấc ngủ, đã bắt đầu cuộc thức tỉnh từ cuộc sống. Và so với thời gian sống, chàng thấy nó không chậm hơn một cuộc tỉnh giấc so với thời gian chiêm bao. Không có gì đáng sợ và đột ngột trong cuộc thức tỉnh tương đối chậm rãi ấy.

Những ngày cuối cùng của chàng trôi qua một cách bình thường và giản dị. Tiểu thư Marya cũng như Natasa, bấy giờ không rời chàng một phút, đều cảm thấy như thế. Hai người không khóc, không run rẩy, và thời gian sau này họ cũng cảm thấy rằng không phải mình đang săn sóc công tước Andrey (chàng không còn nữa, chàng đã bỏ họ mà đi rồi), mà đang săn sóc cái kỷ niệm thân thiết nhất của chàng: hình hài của chàng. Cảm giác của hai người mạnh đến nỗi mặt bề ngoài, mặt khủng khiếp của cái chết không có tác động gì đến tâm hồn họ, và họ không thấy cần phải khơi thêm nỗi đau buồn của mình làm gì. Họ không khóc, dù là trước mặt chàng hay sau lưng chàng cũng thế, họ không bao giờ nói chuyện với nhau về chàng. Họ cảm thấy không thể dùng lời nói để biểu đạt những điều mà họ hiểu được.

Cả hai người đều thấy chàng đang dần dần từ giã họ, khoan thai và chậm rãi dần vào cõi nào không biết, và cả hai đều hiểu rằng nhất định phải như thế, và như thế là tốt.

Chàng chịu lễ xưng tội và nhận mình thánh; cả nhà đến vĩnh biệt chàng. Khi họ dẫn con trai đến cho chàng, chàng đặt môi lên trán nó rồi quay mặt đi, không phải vì chàng khổ tâm và thương xót đứa con côi cút (tiểu thư Marya và Natasa cũng hiểu điều này), mà chỉ vì chàng cho rằng người ta chỉ đòi hỏi chàng có thế, song đến khi họ bảo chàng làm dấu ban phúc cho nó, chàng cũng ngoan ngoãn làm theo và nhìn quanh như muốn hỏi xem có cần làm gì nữa không.

Khi cái thân thể bị linh hồn rời bỏ xung giật lên những đợt cuối cùng, tiểu thư Marya và Natasa đều có mặt ở đấy.

– Thế là hết ư? – tiểu thư Marya hỏi khi xác công tước Andrey nằm im lìm đã được mấy phút và lạnh dần trước mặt họ. Natasa lại gần, nhìn vào đôi mắt đã chết và vội vã vuốt nó xuống, nhưng không hôn, mà chỉ khẽ chạm môi vào cái vật kỷ niệm gần gũi nhất là thi thể của chàng.

"Anh ấy đi đâu? Bây giờ anh ấy ở đâu?..."

Khi xác công tước Andrey được tắm rửa và trang phục đã nằm trong chiếc quan tài đặt trên bàn, mọi người đều lại gần để vĩnh biệt, và mọi người đều khóc.

Nikoluska khóc vì cảm giác ngỡ ngàng đau đớn như đang vò nát tim nó ra. Bá tước phu nhân và Xonya khóc vì thương Natasa và vì nay chàng không còn nữa. Lão bá tước khóc vì cảm thấy chẳng bao lâu nữa ông cũng phải bước cái bước khủng khiếp này.

Natasa và công tước Marya bây giờ cũng khóc, nhưng không phải vì nỗi buồn riêng của nó; họ khóc vì tâm hồn họ tràn ngập một cảm giác xúc động và tôn sùng trước sự huyền bí đơn giản và trang nghiêm của cái chết đã diễn ra trước mắt họ.

PHẦN THỨ BA

I

Trí tuệ con người không sao bao quát hết được các nguyên nhân của một hiện tượng. Nhưng nhu cầu tìm hiểu nguyên nhân là một nhu cầu bẩm sinh của tâm hồn. Và vì không thấu triệt được những điều kiện tách rời ra đều có thể tưởng là một nguyên nhân, cho nên hễ gặp một mối liên hệ nào dễ hiểu là trí tuệ con người vội chộp lấy mà nói: nguyên nhân đây rồi. Trong các biến cố lịch sử (trong đó đối tượng quan sát là hành động của những con người) vào thời đại nguyên thủy người ta đi tìm nguyên nhân ở ý muốn của thần thánh, rồi về sau, người ta lại tìm ở ý muốn của những người đứng ở vị trí lịch sử để dễ thấy nhất, – ý muốn của các nhân vật lịch sử. Nhưng chỉ cần đi sâu vào thực chất của mỗi biến cố lịch sử, tức là vào sự hoạt động của khối quần chúng có tham gia vào biến cố ấy, cũng đủ thấy rõ rằng ý muốn của nhân vật lịch sử không những không chỉ đạo các hành động của quần chúng, mà chính nó còn bị chỉ đạo nữa là khác. Có thể tưởng rằng quan niệm ý nghĩa của biến cố lịch sử theo cách này hay theo cách khác thì cũng thế thôi. Nhưng giữa một người nói rằng các dân tộc phương Tây đi sang phương Đông vì Napôlêông muốn thế với một người nói rằng sự việc đó diễn ra là vì nó tất phải diễn ra, cũng có một sự khác nhau xa như giữa những người khẳng định rằng quả đất đứng yên một chỗ và các hành tinh xoay

chung quanh nó với những người nói rằng mình không biết quả đất tựa vào cái gì, nhưng biết rằng có những quy luật chi phối sự chuyển động của quả đất cũng như của các hành tinh khác. Một biến cố lịch sử không có và không thể có nguyên nhân nào cái nguyên nhân duy nhất của mọi nguyên nhân. Nhưng có những quy luật chi phối các biến cố, trong đó có quy luật ta không biết, mà cũng có quy luật ta có thể mò mẫm ra được. Những quy luật này chỉ có thể khám phá được khi nào ta hoàn toàn từ bỏ việc tìm tòi nguyên nhân trong ý muốn của một con người, cũng như việc khám phá các quy luật chuyển động của các hành tinh chỉ có thể thực hiện được khi nào người ta từ bỏ quan niệm cho rằng quả đất là cố định.

Sau trận Borođino, sau khi quân địch chiếm Maxkva và kinh đô này bốc cháy, sự kiện mà các nhà sử học cho là quan trọng nhất trong cuộc chiến tranh năm 1812 là cuộc hành quân của quân đội Nga từ con đường Ryazan ra con đường Kaluga tiến về doanh trại Tarutino, thường gọi là cuộc hành quân đường chéo sau con sông Kraxnaya Pakhra. Các nhà sử học gán công lao thực hiện cái chiến công oanh liệt này cho nhiều nhân vật khác nhau, và tranh cãi nhau về chỗ công ấy cụ thể là công của ai. Ngay cả các sử gia ngoại quốc, các sử gia Pháp, cũng thừa nhận thiên tài của các nhà cầm quân Nga khi nói đến cuộc hành quân đường chéo này. Nhưng tại sao các tác gia quân sự (và tất cả những người khác cũng nghe theo họ) lại cho rằng cuộc hành quân đường chéo này là một sáng kiến đầy mưu trí của một nhân vật nào đó, một sáng kiến đã cứu nước Nga và đưa Napoleông đến thất bại, thì thật khó lòng mà hiểu nổi. Thứ nhất, khó lòng mà hiểu được cuộc hành quân này mưu trí và thiên tài ở chỗ nào; vì chẳng cần nghĩ ngợi gì sâu xa lắm cũng có thể đoán ra rằng khi đạo quân không bị tấn công thì vị trí tốt nhất của nó là ở chỗ nào có nhiều lương thực hơn cả. Và bất cứ người nào, ngay cả một thằng bé

mười ba tuổi khờ khạo cũng có thể dễ dàng đoán ra rằng năm 1812 vị trí có lợi nhất của quân đội sau khi rút lui quá Maxkva là con đường Kaluga. Cho nên trước hết không thể hiểu được các nhà sử học đã suy luận như thế nào để đi đến chỗ cho rằng cuộc hành quân này là cao mưu. Sau đó, càng khó lòng hiểu nổi các nhà sử học căn cứ vào đâu mà cho rằng cuộc hành quân này có tác dụng cứu vãn quân Nga và đưa quân Pháp đến diệt vong; vì cuộc hành quân đường chéo này, trong những điều kiện có trước, đồng thời và có sau nó, có thể rất tai hại cho quân Nga và có lợi cho quân Pháp. Nếu từ khi tiến hành cuộc chuyển quân này tình hình quân đội Nga bắt đầu khá lớn hơn, thì quyết không phải vì thế mà ta có thể kết luận rằng cuộc chuyển quân đó chính là nguyên nhân đã làm cho tình hình khá lớn.

Cuộc hành quân đường chéo này sẽ không thể nào đưa đến lợi ích gì hết mà sẽ làm cho quân đội Nga bị tiêu diệt nếu hồi ấy không có sự đồng quy của những điều kiện khác. Giả sử nếu Maxkva không bị cháy, nếu Muyra không mất hút bóng quân Nga, nếu Napoleông không khoanh tay ngồi không, nếu ở gần vùng Kraxnaya Pakhra quân đội Nga mở một trận đánh theo như đề nghị của Bennigxen và Barclay, thì sẽ ra sao? Nếu sau đó Napoleông khi tiến đến gần Tarutino, mở cuộc tấn công vào quân Nga dù chỉ với một sức mạnh bằng một cuộc tấn công vào quân Nga ở Xmolenxk, thì sẽ ra sao? Nếu quân Pháp tiến đánh Pêterburg thì sẽ ra sao? Nếu những việc đó xẩy ra thì cái tác dụng cứu vãn của cuộc hành quân đường chéo có thể biến thành một tác dụng tai hại không cùng.

Thứ ba, điều khó hiểu nhất là những người nghiên cứu lịch sử cố tình không muốn thấy rằng cuộc hành quân đường chéo không thể gán riêng cho một người nào, rằng chưa hề bao giờ có một người nào dự kiến được cuộc hành quân này, và cũng như cuộc rút lui ở Fili, cuộc hành quân này chưa bao giờ được người

nào hình dung ra một cách toàn vẹn; sự thật là nó toát ra dần dần, từng bước một, qua từng biến cố, qua từng thời đại, từ vô số những điều kiện hết sức đa dạng, và chỉ lộ rõ toàn bộ khi nó đã diễn ra trọn vẹn và trở thành việc đã qua.

Trong buổi hội nghị ở Fili ý kiến chiếm ưu thế trong bộ tư lệnh Nga là ý kiến dựa trên một sự tất yếu hiển nhiên, chủ trương rút lui theo hướng thẳng về phía sau, tức là theo con đường Nijegorod. Chứng cớ là đa số các ý kiến trong hội đồng đều phát biểu theo hướng này và cái chính là cuộc nói chuyện nổi tiếng giữa vị tổng tư lệnh Lanxkoy trưởng phòng quân lương. Lanxkoy cho biết rằng số lương thực dành cho quân đội phần lớn được tập trung dọc sông Oka trong hai tỉnh Tula và Katuga, và nếu rút lui về phía Nijni, thì quân đội sẽ bị con sông Oka, một con sông lớn, ngăn cách với các kho lương thực, và đầu mùa đông sẽ không thể nào vận chuyển lương thực qua sông được. Đó là dấu hiệu đầu tiên cho thấy cần phải từ bỏ hướng đi cũ về phía Nijni, mà trước kia người ta cho là dĩ nhiên. Quân đội bèn đi chếch về phía nam, theo con đường Ryazan nhích gần về phía các kho lương. Vì quân Pháp cứ khoanh tay ngồi không và thậm chí còn để mất hút bóng quân Nga, vì cần phải lo phòng thủ nhà máy Tula[1] và chủ yếu là vì cần nhích gần tới các kho lương, quân đội Nga lại càng đi chếch về phía Nam hơn nữa, tiến ra con đường Tula trong cuộc hành quân tuyệt vọng từ Pakhra lên con đường Tula, nên các vị tư lệnh của quân đội Nga trù tính dừng lại ở Podolxk và không hề nghĩ đến vị trí Tarutino, nhưng đã có vô số tình huống như việc quân Pháp trước đây mất hút bóng quân Nga nay bỗng lại xuất hiện ở sau lưng họ, rồi những dự kiến tác chiến, và cái chính là số lương thực dồi dào ở Kaluga đã khiến cho quân ta đi chếch thêm về phía Nam và chuyển vào chính giữa những con đường tiếp tế lương thực của nó, từ con đường Tula chuyển sang con đường

1. Nhà máy vũ khí nổi tiếng của Nga.

Kaluga, về phía Tarutino. Nếu đã không thể nào trả lời được câu hỏi Maxkva đã bị bỏ rơi như thế nào, thì cũng không thể nói rõ việc đổi hướng rút quân về phía Tarutino được quyết định vào lúc nào và do ai quyết định. Mãi đến khi quân đội đã đến Tarutino do vô số những động lực khác nhau, người ta mới bắt đầu quả quyết tin rằng chính mình đã muốn như thế và đã dự kiến việc này từ lâu.

II

Nội dung cuộc hành quân đường chéo nổi tiếng ấy chung quy là quân đội Nga lúc bấy giờ đang rút thẳng mãi về phía sau, ngược với hướng tấn công của quân Pháp, đã đi chệch ra khỏi hướng thẳng lúc đầu, và khi không thấy truy kích, đã theo lẽ tự nhiên mà kéo về phía những nơi có lương thực dồi dào.

Nếu ta thử hình dung rằng quân đội Nga không có những vị tướng lĩnh thiên tài cầm đầu, mà chỉ là một đội quân không người chỉ huy, thì đội quân này cũng không thể làm gì khác hơn là đi vòng trở lại phía Maxkva vẽ thành một đường vòng cung theo những nơi có nhiều lương thực, những vùng trù phú nhất.

Cuộc chuyển quân từ con đường Nijegorod sang con đường Ryazan, rồi sang con đường Tula, rồi lại sang con đường Kaluga là một việc tự nhiên đến nỗi những người lính Nga đảo ngũ cũng chạy theo hướng này, và Piotr cũng ra lệnh cho Kutuzov phải rút quân theo hướng này. Ở Tarutino, Kutuzov nhận được một bức thư của nhà vua hầu như khiển trách ông ta vì đã đem quân rút về con đường Ryazan, và chỉ định cho ông đến đóng ở vị trí trước mặt Kaluga, nơi mà ông đã đóng khi đọc bức thư này.

Quân đội Nga suốt trong thời gian chiến dịch và ở trận

Borođino giống như một quả bóng bật lùi trở lại khi gặp phải một sức xô đẩy mạnh từ phía trước tới. Khi sức xô đẩy đó đã mất, và không bị xô thêm nữa, thì quả bóng kia lăn đến vị trí nào thuận chiều nhất.

Công lao của Kutuzov không phải ở chỗ đã thực hiện một cuộc hành quân chiến lược thiên tài như người ta thường nói, mà là ở chỗ chỉ có một mình ông hiểu được ý nghĩa của các biến cố đang diễn ra. Một mình Kutuzov ngay từ lúc ấy đã hiểu ý nghĩa của việc quân Pháp khoanh tay không hoạt động, một mình ông tiếp tục khẳng định rằng trận Borođino là một trận thắng. Một mình ông – lẽ ra, ở địa vị tổng tư lệnh như ông, người ta thường có khuynh hướng tấn công mới phải – một mình ông đã cố sức làm sao đừng để cho quân đội Nga mở những trận giao chiến vô ích.

Con thú bị thương ở Borođino nay đang nằm ở đâu đấy, ở nơi mà người thợ săn đã bỏ nó lại để chạy đi nơi khác. Nhưng nó còn sống hay đã chết, nó đã kiệt sức hay vẫn còn mạnh và đang nấp rình, điều đó thì người thợ săn không biết. Thế rồi bỗng nghe tiếng rên của con thú.

Tiếng rên của con thú bị thương, tức quân đội Pháp, tiếng rên đã để lộ tình cảnh nguy khốn của nó, chính là việc Lorixton được phái đến đại bản doanh Kutuzov để giảng hòa.

Napoleông, xưa nay vốn tin chắc rằng cái tốt, cái hay không phải là cái gì tốt, cái gì hay tự bản thân nó, mà chính là cái gì nẩy ra trong đầu óc ông ta, đã viết cho Kutuzov mấy câu chẳng có nghĩa lý gì, rõ ràng là bạ nghĩ ra thế nào thì viết thế ấy.

"*Thưa ngài Công tước Kutuzov*"[1] – ông ta viết, – *tôi xin phai một viên phó tướng của tôi đến gặp ngài để bàn nhiều vấn đề đáng quan tâm. Tôi mong rằng điện hạ sẽ tin những lời của ông ta, nhất là khi ông ta sẽ biểu đạt lời lòng kính và nể vì đặc biệt ma*

1. Monsieur le prince Koutouzov

tôi đã có từ lâu đối với ngài... Trước khi dừng bút, tôi xin cầu nguyện Thượng đế hãy đặt ngài, thưa ngài công tước Kutuzov dưới sự bảo trợ thiêng liêng và cao cả của Người.

Maxkva, ngày 30 tháng Mười, 1812.

Ký tên: Napoleông[1]

"Tôi sẽ bị hậu thế nguyền rủa nếu người ta coi tôi như người đứng ra chủ trương một sự thỏa hiệp nào. Hiện nay tinh thần của dân tộc tôi là như thế đấy"[2]

Kutuzov trả lời, và tiếp tục đem hết công sức làm thế nào ngăn chặn không để quân ta tấn công.

Trong cái tháng mà quân Pháp đi cướp bóc ở Maxkva và quân Nga trú quân yên ổn ở Tarutino, đã diễn ra một sự chuyển biến trong mối tương quan giữa lực lượng hai đội quân (về tinh thần và số lượng), và sau đó ưu thế ngả về phía quân Nga. Tuy người Nga không biết tình hình của quân Pháp và quân số của nó nhưng mối tương quan kia vừa chuyển biến thì đã có vô số dấu hiệu cho thấy rằng đã đến lúc phải tấn công. Những dấu hiệu đó là việc phái Lorixton đến doanh trại Nga, là số lượng thực dồi dào ở Tarutino, những tin tức từ khắp nơi gửi về cho biết tình trạng hỗn độn của quân Pháp đang ngồi không, việc bổ sung các trung đoàn của ta bằng lính mộ, là thời tiết tốt, là thời gian nghỉ ngơi kéo dài của binh sĩ Nga, là cái tâm trạng thường phát sinh trong quân đội sau khi nghỉ ngơi như thế: tâm trạng sốt ruột, muốn bắt tay ngay hoàn thành cái nhiệm vụ của mình tụ tập lại đấy để làm tròn, tò mò muốn biết hiện nay trong quân đội Pháp ra sao (từ

1. J'envoie près de vous un de mes aides de camp généraux pour vous entretenir de plusieurs objets interssants, Je desire que Votre Altesse ajoute foi à ce qu'il lui dira, surtout lorsqu'il exprimera les sentiments d'estime et de particulière considération que j'ai depuis longtemps pour sa personne. Cette lettre n'étant à autre fin, je prie Dieu Moscou, le 30 Octobre, 1812. Signé: Napoeon"

2. "Je serais maudit par la postérité si l'on me regardait comme le premièr moteur d'un accommodement quelconque. Tel est l'esprit actuel de ma nation"

(từ lâu họ đã mất hút bóng dáng quân Pháp), và sự táo bạo của các đội tiền tiêu Nga bây giờ luôn luôn thọc sâu vào vùng quân Pháp đóng ở gần Tarutino, là tin tức về những trận thắng dễ dàng của những toán nông dân và quân du kích, là lòng nô nức do những tin tức này nhen nhóm lên và ý chí phục thù nung nấu trong lòng mỗi người từ khi quân Pháp vào Maxkva, và chủ yếu là một ý thức mơ hồ nhưng đã ăn sâu vào lòng mỗi người lính là tương quan lực lượng nay đã thay đổi và ưu thế đã ngả về phía ta. Sự chuyển biến căn bản trong tương quan lực lượng đã diễn ra, và cuộc tấn công nay đã trở thành tất yếu. Và ngay tức khắc, cũng chính xác như bộ chuông đồng hồ bắt đầu điểm khi cái kim phút đã đi hết một vòng, trong các giới cao cấp cũng có sự vận dụng ráo riết, và tiếng xè xè của bộ máy đánh chuông bắt đầu hoạt động kế theo sự chuyển biến về tương quan lực lượng này.

III

Quân đội Nga được đặt dưới sự chỉ huy của Kutuzov với bộ tham mưu của ông và dưới sự chỉ huy của hoàng đế từ Pêterburg. Ở Pêterburg, ngay từ khi nhận được tin bỏ ngỏ Maxkva, người ta đã soạn ra kế hoạch tỉ mỉ cho toàn bộ một cuộc chiến tranh và gửi đến cho Kutuzov để ông ta theo đó mà hành động. Tuy được soạn ra trong khi người ta hãy còn tưởng rằng Maxkva đang nằm trong tay quân ta, kế hoạch này vẫn được bộ tham mưu tán thành và quyết định thực hiện, Kutuzov chỉ trả lời rằng những điều dự tính ở xa bao giờ cũng khó thực hiện. Và để giải quyết những khó khăn có thể phát sinh, người ta gửi đến những chỉ thị mới và phái đến những nhân vật có nhiệm vụ theo dõi hành động của Kutuzov để báo cáo về kinh đô.

Ngoài ra, bấy giờ toàn bộ tham mưu của quân đội Nga đã được cải tổ. Người ta cử người thay Bagratyon đã tử trận và Barclay đã bất mãn cáo lui. Người ta suy tính một cách khá nghiêm chỉnh xem làm thế nào lợi hơn: đưa A, lên thay B, còn B. thì đưa sang thay D. ngược lại, để D. thay cho A v.v... tưởng chừng như ngoài sự thích thú của A và B. ra, việc này còn đưa đến một kết quả nào khác nữa.

Trong bộ tham mưu quân đội, do dự bất hòa giữa Kutuzov với tham mưu trưởng của ông ta là Bennigxen, do sự có mặt của những nhân vật đặc phái của nhà vua và do những thuyên chuyển này, những mưu mô tranh chấp giữa các bè phái diễn ra càng rắc rối hơn thường lệ: A. dùng thủ đoạn chống lại B, B. kèn cựa với C v.v..., trong tất cả những sự thuyên chuyển và dàn xếp có thể có được. Trong tất cả những cuộc kèn cựa này thì đối tượng là mình chỉ đạo; nhưng các việc quân cơ đó lại tiến hành ngoài ý muốn của họ, đúng như nó phải tiến hành, nghĩa là không bao giờ phù hợp với những điều do con người nghĩ ra, mà lại toát ra từ thực chất của mối quan hệ giữa những đám quần chúng. Tất cả những điều suy tính bày vẽ kia chồng chéo nhau, xen lẫn nhau trong các giới cao cấp, chỉ là phản ánh trung thành của những điều tất nhiên phải diễn ra.

Trong bức thư của hoàng thượng đề ngày mồng hai tháng mười sau trận Tarutino có viết: "Công tước Mikhail Ilarionovits! Từ mồng hai tháng chín, Maxkva đã lọt vào tay quân địch. Những bản báo cáo gần đây nhất của công tước và những bản đề ngày hai mươi; và suốt quãng thời gian này không những công tước không tiến hành việc gì để chống lại quân địch và giải phóng đệ nhất kinh đô, mà theo như các bản báo cáo của công tước thì công tước lại còn rút lui xa hơn, Xerpukhov đã bị một chi đội địch chiếm đóng, và Tula với cái xưởng vũ khí nổi tiếng và cần thiết cho quân đội như vậy, cũng đang lâm nguy. Theo những bản báo cáo

của tướng quân Vintxingerot, ta được biết rằng một đạo quân địch gồm một vạn người đang tiến lên con đường đi Pêterburg. Một đạo quân khác gồm mấy nghìn người cũng tiến về phía Đmitrov. Một đạo quân thứ ba đang tiến dọc theo con đường Vladimir. Một đạo quân thứ tư khá mạnh đang đóng giữa Ruza và Mojaixk. Còn bản thân Napoleông thì đến ngày hai mươi nhăm tháng tám vẫn còn ở Maxkva. Theo tất cả những tin tức này, trong khi quân địch phân tán lực lượng thành những chi đội lớn như thế, trong khi Napoleông còn ở Maxkva với đạo quân cận vệ ngự lâm của y, lẽ nào những lực lượng địch ở trước mặt công tước lại có thế mạnh đến nỗi không cho phép ngài hành quân tiến công? Ngược lại, có đủ căn cứ để ức đoán rằng quân địch đang truy kích ngài với những chi đội hay giỏi lắm là với một lữ đoàn yếu hơn đạo quân được giao phó cho ngài rất nhiều. Thiết tưởng lẽ ra công tước có thể lợi dụng những hoàn cảnh nói trên để tấn công một cách có hiệu quả một quân địch yếu hơn quân của ngài và tiêu diệt nó, hay ít ra cũng buộc nó phải rút lui, giành lại một phần lớn các tỉnh hiện tại đang bị quân địch chiếm đóng, và do đó gạt xa mối nguy cơ đang đe dọa thành Tula và các thành phố nội địa khác của ta. Nếu quân địch đủ sức cất một đạo quân lớn đánh về Pêterburg và uy hiếp kinh đô này, là nơi không thể có nhiều quân đóng giữ được, thì công tước phải chịu lấy trách nhiệm, vì với đạo quân giao phó cho ngài, nếu hành động cương quyết và tích cực, ngài sẽ có đủ phương tiện để ngăn chặn mối nguy cơ mới này. Xin công tước nhớ cho rằng ngài còn phải trả lời về việc tổ quốc bị xúc phạm vì đã để mất Maxkva. Công tước đã biết rõ rằng ta xưa nay vẫn sẵn lòng ban thưởng cho công tước. Sự sẵn lòng này cho đến nay vẫn không hề giảm sút, nhưng ta và nước Nga có quyền mong đợi công tước tất cả sự tận tụy, tính cương quyết và những thắng lợi mà trí thông minh của công tước, tài thao lược

của công tước và lòng dũng cảm của quân đội do công tước chỉ huy vẫn hứa hẹn với tổ quốc và với ta".

Bức thư này chứng minh rằng ngay cả Pêterburg người ta cũng đã nhận thức được sự thay đổi tương quan lực lượng này. Nhưng trong khi thư còn đang ở trên đường đi, thì Kutuzov đã không làm sao ngăn cản được quân đội tấn công, và một cuộc giao chiến đã xảy ra.

Ngày mồng hai tháng mười, một người lính cô-dắc và Sopovalov trong khi cưỡi ngựa đi tuần tiễu đã dùng súng trường bắn chết một con thỏ rừng và bắn bị thương một con khác. Mải đuổi theo con thỏ bị thương, Sopovalov đi sâu vào rừng và vấp phải cánh sườn bên trái của quân đoàn Muyra, lúc bấy giờ đang trú quân không phòng bị gì cả. Người cô-dắc vừa cười vừa kể lại cho các bạn nghe chuyện anh ta suýt bị Pháp bắt ra sao. Một viên thiếu úy kỵ binh cô-dắc nghe kể liền báo lại cho cấp trên biết.

Người ta gọi người cô-dắc lên hỏi: các sĩ quan trong đơn vị của hắn muốn lợi dụng cơ hội này để cướp ngựa của quân Pháp, nhưng một trong những viên sĩ quan ấy vốn có quen với các sĩ quan cao cấp trong quân đội, liền báo tin này cho một viên tướng tham mưu. Thời gian gần đây trong bộ tham mưu quân đội tình hình đã căng thẳng đến tột độ. Yermolov trước đây mấy hôm có đến gặp Bennigxen khẩn khoản xin ông ta dùng ảnh hưởng của mình đối với tổng tư lệnh để vận động cho quân đội mở cuộc tấn công.

- Giả sử tôi không biết rõ ông, thì tôi sẽ nghĩ rằng ông nói thế, nhưng thực tâm không muốn thế. – Bennigxen đáp. – Hễ tôi đề nghị một điều gì, là Điện hạ nhất định làm ngược lại.

Tin của đơn vị cô-dắc, được những đội trinh sát phái đi điều tra về xác nhận, chứng minh rằng tình hình đã chín muồi. Sợi dây căng thẳng đã bật ra, chiếc đồng hồ bắt đầu kêu xè xè và

chuông đồng hồ bắt đầu điểm. Mặc dù chỉ có một quyền hành hư ảo, mặc dù có trí thông minh, có kinh nghiệm và biết người rất rõ, Kutuzov sau khi lưu ý đến bức thông điệp của Bennigxen (Bennigxen vẫn thường gửi báo cáo riêng lên hoàng thượng), đến nguyện vọng nhất trí của tất cả các tướng, mà ông biết cũng chính là nguyện vọng của nhà vua, và đến những tin tức của lính cô-dắc đưa về, đã không thể kìm nổi cái phong trào tất yếu này và đã ra lệnh tiến hành cái việc mà ông cho là vô ích và có hại: ông ta đã chấp thuận một việc đã rồi.

IV

Bức thông điệp của Bennigxen nói về sự cần thiết phải tấn công và những tin tức của các đơn vị cô-dắc cho biết cánh trái của quân Pháp không được yểm hộ chỉ là những dấu hiệu cuối cùng cho thấy cái thế tất yếu phải ra lệnh tấn công, và cuộc tấn công đã được ấn định vào ngày mồng năm tháng mười.

Sáng ngày mồng bốn tháng mười, Kutuzov ký vào bản mệnh lệnh tác chiến. Tol đọc bản mệnh lệnh cho Yermolov nghe đề nghị ông ta lo việc vạch ra những kế hoạch điều quân tiếp theo.

– Được, được, nhưng bây giờ tôi không có thì giờ, - Yermolov nói đoạn ra khỏi nhà. Kế hoạch tác chiến do Tol soạn ra rất hay – Cũng như trong bản kế hoạch tác chiến Auxerlitx, trong bản kế hoạch này cũng có viết, tuy không phải bằng tiếng Đức:

"Đạo quân thứ nhất tiến[1] đến nơi này nơi kia, đạo quân thứ hai tiến[2] đến nơi này nơi nọ" v.v... Và trên tờ giấy tất cả các đạo quân này đều đến đúng chỗ, đúng giờ quy định và tiêu diệt quân

1. Die erste Colonne marschiert
2. Die zweite Colonne marschiert

thù. Cũng như trong tất cả các kế hoạch tác chiến, mọi việc đều được suy tính rất kỹ, và cũng như trong tất cả các cuộc tiến quân theo kế hoạch tác chiến, không có lấy một đạo quân nào đến được đúng giờ và đúng chỗ.

Khi bản kế hoạch đã được sao ra đủ số bản, người ta gọi một viên sĩ quan đến và sai đem một bản lại cho Yermolov để ông ta chiếu theo mà thi hành. Viên sĩ quan kỵ binh cận vệ, phái viên của Kutuzov, hả hê vì được phái đi làm một việc quan trọng như vậy, liền lên ngựa đến nhà trọ của Yermolov.

– Ngài đi rồi ạ, – người cận vụ của Yermolov đáp. Viên sĩ quan kỵ binh cận vệ liền đến nhà viên tướng mà Yermolov thường lui tới.

– Không có, cả tướng quân cũng đi vắng.

Viên sĩ quan kỵ binh cận vệ lên ngựa đến nhà một viên tướng khác.

– Không có, đi vắng rồi ạ.

"Miễn sao đừng phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ này! Bực quá!" – Viên sĩ quan nghĩ thầm. Anh ta cưỡi ngựa đi khắp doanh trại. Người thì bảo Yermolov cưỡi ngựa đi đâu với mấy vị tướng khác, người thì bảo chắc ông ta trở về nhà rồi. Viên sĩ quan không ăn trưa, tìm mãi đến sáu giờ chiều. Chẳng thấy tăm hơi Yermolov đâu, và chẳng có ai biết ông ta hiện ở đâu nữa. Viên sĩ quan ghé vào nhà một người bạn ăn qua quýt mấy miếng rồi lại cưỡi ngựa đến cánh tiến quân tìm Miloradovits. Miloradovits cũng không có nhà, nhưng người ta bảo rằng Miloradovits đi dự vũ hội ở nhà tướng Kikin, và chắc Yermolov cũng đang ở đấy.

– Nhưng ở đâu mới được chứ?

– Ở đằng kia, ở thôn Yetskino ấy, – viên sĩ quan cô-dắc nói, tay chỉ một tòa nhà trang chủ ở xa xa.

– Sao lại ở đấy? Chỗ ấy ở ngoài tuyến của quân ta kia mà.

– Họ đã cho hai trung đoàn chúng tôi ra yểm hộ. Ở đấy mấy hôm nay yến tiệc linh đình phải biết! Hai dàn nhạc, ba đội đồng ca.

Viên sĩ quan vượt ra ngoài phòng tuyến đến thôn Yetskino. Từ xa đã nghe những tiếng hát hài hòa và vui vẻ trong nhà vẳng ra. Đó là một điện ca vũ của binh sĩ.

– "Trên bãi cỏ... trên bãi cỏ xanh...! – tiếng hát vẳng ra, đệm thêm tiếng huýt sáo và tiếng giẫm chân, thỉnh thoảng lại có tiếng reo hò nổi lên, át cả tiếng hát. Viên sĩ quan nghe những âm thanh này cũng bắt đầu thấy vui vui, nhưng đồng thời cũng thấy lo sợ vì mãi không đưa được tờ công văn quan trọng đã giao cho anh ta. Bấy giờ đã hơn tám giờ tối.

Viên sĩ quan xuống ngựa và bước lên thềm tòa nhà cao lớn, nguyên vẹn ở giữa hai chiều tuyến Nga và Pháp. Trong phòng hầu rượu và phòng ngoài những nội bộc mang rượu và thức ăn lui tới tấp nập. Dưới các cửa sổ có những ca sĩ đứng hát. Người nhà dẫn viên sĩ quan vào cửa, và anh ta bỗng thấy tất cả các vị tướng quan trọng của quân đội cùng tụ tập lại đây, trong số đó có cả các bóng dáng to lớn, rất dễ nhận ra của Yermolov. Tất cả các vị tướng đều mặc áo hở khuy, mặt họ đều đỏ gay và lộ vẻ phấn khích. Họ đứng quây lại thành hình bán nguyệt, cười ha hả. Ở giữa phòng một viên tướng người tầm thước, rất đẹp trai, mặt đỏ, đang nhảy điệu trepak một cách nhanh nhẹn và mềm dẻo.

– Ha, ha, ha! Hoan hô Nikôlai Ivanovits! Ha ha ha!

Viên sĩ quan cảm thấy rằng trong giờ phút này mà đem một bản mệnh lệnh quan trọng đến đây là có lỗi gấp đôi, cho nên anh ta toan đứng đợi một lúc; nhưng một trong các vị tướng đã trông thấy anh ta, và khi biết rõ anh ta đến có việc gì, liền nói với Yermolov.

Yermolov cau mặt ra gặp viên sĩ quan, và nghe xong, ông cầm lấy tờ giấy, chẳng nói với anh ta một câu.

Tối hôm ấy một người ở bộ tham mưu nói với viên sĩ quan kỵ binh cận vệ:

– Cậu tưởng anh ta bỏ đi như vậy là chuyện tình cờ à? Không đâu, mẹo cả đấy, cố ý đấy. Cốt chơi khăm Konovnitxyn mà! Rồi cậu xem, mai tha hồ mà nát bét.

V

Sáng hôm sau, ông lão Kutuzov dậy rất sớm, cầu nguyện, mặc áo, và với cái cảm giác khó chịu là mình phải chỉ huy một trận đánh mà mình không tán thánh, ông lên xe ngựa ra khỏi làng Letasovka cách năm dặm Nga về phía sau Tarutino và đến địa điểm tập hợp của các đạo quân tấn công. Ngồi trên xe Kutuzov ngủ gà ngủ gật, mỗi khi tỉnh dậy lại lắng tai nghe xem phía bên phải có tiếng súng không, xem trận đánh đã bắt đầu chưa?

Nhưng mọi vật vẫn im lặng. Bây giờ là lúc tảng sáng của một ngày thu ướt át và ảm đạm. Khi xe đến gần Tarutino, Kutuzov trông thấy mấy kỵ binh đang dắt ngựa đi uống nước, vượt qua con đường mà chiếc xe của ông đang đi. Kutuzov nhìn kỹ họ, bảo dừng xe lại và hỏi xem họ thuộc trung đoàn nào người kỵ binh này thuộc một đơn vị đáng lẽ lúc này đã phải bố trí rất xa ở phía tiền tuyến để phục kích địch. "Chắc là một sự nhầm lẫn gì đây" – Vị tổng tư lệnh già nghĩ thầm. Nhưng đi được một quãng nữa. Kutuzov lại trông thấy những trung đoàn bộ binh, súng thì châu lại, binh lính thì đang mặc quần đùi, người thì nấu cháo, người thì nhặt củi. Ông cho gọi một viên sĩ quan lại. Viên sĩ quan báo cáo rằng không hề có lệnh xuất phát nào cả.

– Sao lại Kutuzov có!... - Kutuzov mở đầu, nhưng rồi lại im bặt và cho gọi viên sĩ quan chỉ huy đến. Ông xuống xe, cúi đầu

thở hổn hển, đi đi lại lại cạnh xe, lặng lẽ chờ đợi. Khi viên sĩ quan tham mưu tổng tư lệnh Aikhen được gọi đến. Kutuzov đỏ mặt tía tai lên không phải vì viên sĩ quan này là kẻ đã gây nên tội, mà vì hắn là một đối tượng xứng đáng để ông trút cơn giận ra ngoài cho hả. Run lẩy bẩy, thở hổn hển, ông lão đã giận đến cái mức có thể lăn lộn ra đất như ông đã từng làm trong những cơn cuồng nộ ghê gớm nhất; ông xông vào Aikhen đưa hai nắm tay lên hăm dọa, quát tháo ầm ĩ và chửi bới rất tục tằn. Đại uý Brozin tình cờ đi qua đấy, tuy chẳng có tội gì, cũng phải chịu chung số phận với Aikhen.

– Lại còn thằng chó chết nào đây nữa? Xử bắn ngay! Quân khốn nạn! – Kutuzov quát, giọng khản đặc, tay vung tứ phía và loạng choạng như người say rượu. Ông có một cảm giác đau đớn thể xác. Một vị tổng tư lệnh, một vị công tước như ông, lại là người mà ai cũng quả quyết gọi là người nắm được nhiều quyền hành nhất ở nước Nga từ xưa đến nay, thế mà bây giờ lại lâm vào cái cảnh bị biến thành một trò cười trước mặt toàn quân! Trò cười của toàn quân "Ta thật uổng công cầu nguyện cho ngày hôm nay, suốt đêm thật là uổng công trằn trọc suy đi nghĩ lại mọi việc. Ông tự nhủ. – Hồi ta hãy còn là một thằng sĩ quan nhãi ranh cũng không có ai dám nhạo báng ta như thế này... Thế mà nay!" Ông có một cảm giác đau đớn thể xác như sau khi bị đòn vọt, mà không thể không biểu lộ cảm giác đó ra bằng những tiếng kêu la giận dữ và thống thiết. Nhưng chỉ được một lúc sức ông đã kiệt. Ông nhớn nhác nhìn quanh, và cảm thấy mình đã nói nhiều điều không hay, ông lên xe và lặng lẽ quay về. Cơn giận đã được phát tiết ra ngoài nên không trở lại nữa, và Kutuzov, mắt nhấp nháy một cách yếu ớt, lắng nghe lời thanh minh, tự bào chữa (Yermolov mãi đến hôm sau mới đến trình diện) và những lời khẩn khoản của Bennigxen, của Kônvnitxyn và của Tol, xin tiến hành lại cuộc hành quân hụt này vào ngày hôm sau. Kutuzov đành phải ưng thuận một lần nữa.

VI

Ngày hôm sau từ chập tối quân đội đã tập hợp ở những vị trí ấn định và đến đêm thì xuất phát. Đêm ấy là một đêm thu trời phủ đầy những đám mây màu đen tim tím, nhưng không có mưa. Mặt đất ẩm ướt, nhưng không lầy lội, và các đoàn quân kéo đi không một tiếng động, chỉ thỉnh thoảng mới nghe tiếng lịch kịch của những khẩu pháo. Có lệnh cấm không được nói to, hút thuốc, châm lửa; phải cố sao cho ngựa đừng hí. Binh sĩ kéo đi rất vui vẻ. Và đoàn quân dừng lại, chụm súng vào nhau và nằm xuống mặt đất lạnh lẽo, cho rằng mình đã đến nơi ấn định; một số khác (đây là số đông) đi suốt đêm và rõ ràng là đã đi quá nơi ấn định.

Chỉ có bá tước Orlov Đenixov cùng đi với đội cô-dắc (đó là đơn vị nhỏ nhất) là đến đúng chỗ và đúng lúc. Đội quân này dừng lại ở ven rừng, trên con đường mòn dẫn từ thôn Xtromilovaya đến thôn Đmitrovxkaye.

Lúc tờ mờ đất, bá tước Orlov đang thiu thiu ngủ thì bị đánh thức dậy. Họ đã dẫn đến cho ông một người vừa trốn ở doanh trại quân Pháp ra. Đó là một viên sĩ quan Ba-lan thuộc lữ đoàn Pơnyatoxvki. Viên hạ sĩ quan dùng tiếng Ba-lan phân trần rằng hắn ta trốn sang vì bị làm nhục trong quân đội Pháp, lẽ ra hắn phải được thăng lên sĩ quan từ lâu: hắn dũng cảm hơn ai hết; vì vậy hắn đã bỏ đi để trả thù. Hắn nói là Muyra nghỉ đêm cách đây một dặm và nếu cho một trăm quân đi theo hắn, hắn sẽ bắt sống được Muyra. Bá tước Orlov Đenixov liền hội ý với các sĩ quan. Lời đề nghị của viên hạ sĩ quan Ba-lan nghe bùi tai quá, khó lòng mà khước từ được. Mọi người đều tình nguyện xin đi, mọi người đều bàn là nên thử xem. Sau khi tranh luận và cân nhắc hồi lâu,

thiếu tướng Grekov quyết định đem hai trung đoàn cô-dắc đi theo viên hạ sĩ quan.

– Nhưng phải nhớ đấy, – bá tước Orlov Đenixov nói với viên hạ sĩ quan Ba-lan khi từ giã hắn – hễ anh nói dối, ta sẽ cho treo cổ anh lên như một con chó, còn nếu anh nói thật, ta sẽ thưởng cho anh một trăm tiền vàng.

Viên hạ sĩ quan, vẻ quả quyết, không trả lời, lên yên và cùng đi với Grekov bấy giờ vừa sửa soạn xong. Họ mất hút vào trong rừng. Bá tước Orlov, người co ro vì khí lạnh của buổi ban mai đang hửng sáng, lòng hồi hộp vì vừa gánh lấy một trách nhiệm nặng nề, bước ra khỏi rừng sau khi tiễn Grekov đi, và bắt đầu xem xét doanh trại quân địch bấy giờ hiện ra mờ ảo trong ánh sáng rạng đông mới hửng và ánh lửa trại đang lụi dần. Ở bên phải bá tước Orlov Đenixov là một sườn đồi trống trải: các đạo quân của ta sẽ xuất hiện trên sườn đồi này. Bá tước Orlov nhìn về phía ấy, nhưng vẫn không thấy gì; nếu họ đến, thì từ xa đã có thể trông thấy rõ rồi. Trong doanh trại Pháp, bá tước Orlov Đenixov nhác trông như bắt đầu có động, như là sau khi nghe lời viên sĩ quan phụ tá rất tinh mắt của ông ta.

– Ồ, đúng thật, muộn quá! – bá tước Orlov nói trong khi nhìn về phía doanh trại Pháp. Cũng như ta vẫn thường thấy khi người mà ta tin cậy không còn ở trước mặt ta nữa, bá tước Orlov bỗng thấy rõ rệt như một điều hết sức hiển nhiên rằng viên hạ sĩ quan kia là một tên lừa bịp, rằng hắn chỉ nói láo, và cuộc tấn công sẽ hỏng hết vì thiếu hai trung đoàn kia, bị nó dẫn đi đâu có trời biết được. Giữa một đám quân dày đặc như thế kia thì làm thế nào mà tóm được tổng tư lệnh của chúng?

– Đúng là hắn nói láo, cái thằng chó chết ấy, – bá tước nói.

– Có thể gọi họ quay trở lại, – một người trong đám tùy tùng nói. Cũng như bá tước Orlov, người này thấy nghi ngại cho kết quả cuộc mưu sự vừa rồi khi nhìn doanh trại quân Pháp.

– Hả? Thật à?... Ông thấy thế nào? Hay là cứ để họ đi? Hay là bảo họ quay lại?

- Ngài ra lệnh cho quay lại ạ?

– Cho quay lại, quay lại, – bá tước Orlov đột nhiên chuyển sang giọng dứt khoát, mắt nhìn đồng hồ. – Muộn mất, sáng hẳn rồi còn gì.

Viên sĩ quan phụ tá liền phi ngựa vào rừng đuổi theo Grekov. Khi Grekov trở lại bá tước Orlov Đenixov bị khích động vì cuộc mưu sự bất thành vừa qua, vì đợi các đạo bộ binh mãi mà chẳng thấy họ đâu và vì thấy quân địch gần quá (tất cả các binh sĩ trong quân đội của ông đều có những cảm giác đó) liền ra lệnh tấn công.

Ông thì thào ra lệnh: "Lên yên!". – Binh sĩ sắp thành hàng ngũ, làm dấu thánh giá.

– Gửi Chúa!

– Ura-a-a-a!" – tiếng hô vang dội cả khu rừng, và như từ trong một cái bị trút ra, từng kỵ đội cô-dắc lần lượt phóng ngựa lao qua suối, dáo chĩa về phía trước, vui vẻ lao về phía doanh trại quân địch.

Người lính Pháp trông thấy quân cô-dắc trước tiên hoảng hốt rú lên một tiếng thất thanh, và tất cả lính nhốn nháo lên, bọn lính Pháp, còn đang ngái ngủ, mình chưa mặc áo, hối hả vứt hết đại bác, súng trường, ngựa trận bỏ chạy tán loạn.

Giả sử quân cô-dắc, khi truy kích quân Pháp, không để ý đến những gì ở sau lưng và ở xung quanh họ thì họ sẽ bắt được cả Muyra và tất cả bọn tướng tá ở đấy, đúng như các vị chỉ huy mong muốn. Nhưng không thể nào thúc cho quân cô-dắc tiến lên được khi họ đã mải mê với chiến lợi phẩm và tù binh. Không ai thèm nghe mệnh lệnh. Quân ta bắt ngay tại trận một nghìn năm trăm tù binh, ba mươi tám khẩu đại bác, mấy lá cờ và [illegible] và cái này đối với quân cô-dắc mới là quan trọng hơn cả [illegible] nhiều ngựa.

yên ngựa, chăn mền và những đồ đạc, linh tinh khác. Phải thu xếp tất cả những thứ này, phải tập hợp tù binh, đại bác lại, phải chia chiến lợi phẩm, phải cãi nhau, thậm chí phải đánh nhau nữa: quân cô-dắc làm đủ các việc đó.

Quân Pháp không bị truy kích nữa liền định thần lại, tập hợp thành từng đội nhỏ và bắt đầu bắn. Orlov – Đenixov còn chờ các đạo quân khác đến nên không tiếp tục tấn công.

Trong khi đó các đạo bộ binh do Bennigxen chỉ huy và Tol điều động đã xuất phát đúng theo kế hoạch tác chiến: "Đạo quân thứ nhất tiến"[1], và cũng như thường lệ, đã đến một nơi nào đó, nhưng không phải là nơi đã ấn định cho họ. Xưa nay vẫn thế: binh sĩ khi ra đi thì vui vẻ nhưng bấy giờ thì bắt đầu dừng lại xì xào bất mãn; binh sĩ đã đoán ra là có sự lầm lẫn gì đấy và họ đang đi giật lùi đến một nơi nào không rõ. Các sĩ quan phụ tá và các tướng soái phi ngựa tứ tung, quát tháo, nổi giận, cãi nhau nói rằng quyết không phải chỗ này, rằng bây giờ đã muộn quá, chửi bới ai không rõ, v.v..., rồi cuối cùng mọi người đều buông xuôi để mặc cho cơ sự muốn ra sao thì ra, và đoàn quân lại kéo đi chỉ để cho có đi mà thôi. "Rồi cũng phải đến một nơi nào chứ"! Và quả nhiên họ đã đến, nhưng không phải đến nơi đã định, hoặc giả một số người cũng đến được đúng nơi đã định, nhưng muộn đến nỗi dù có đến cũng chẳng có ích lợi gì, chẳng qua chỉ để cho người ta bắn vào mình mà thôi. Tol, trong trận này vốn đóng vai trò của Vairother ở Auxterlix, chăm chỉ phi ngựa từ chỗ này đến chỗ khác và đến đâu cũng thấy mọi việc bị đảo lộn lung tung cả lên. Chẳng hạn ông ta đang phi ngựa trong rừng bỗng gặp phải quân đoàn của Bargovut lúc trời đã sáng rõ, nghĩa là lúc mà lẽ ra Bargovut phải đến chỗ Orlov Đenixov bố trí từ lâu.

Lòng lo lắng buồn rầu vì thất bại, và nghĩ rằng phải tìm cho ra kẻ đã gây ra cơ sự này, Tol phi ngựa đến gặp viên tướng chỉ

1. Die erste Colonne marschiert.

huy quân đoàn và lên tiếng quở mắng ông ta một cách khắc nghiệt, bảo là phải xử bắn ông ta mới đáng. Bargovut một viên tướng già thiện chiến, bình tĩnh, bấy giờ cũng đã lộn ruột lên vì những lúc dừng lại đợi, vì tình trạng rối ren, vì những mệnh lệnh mâu thuẫn nhau, liền nổi khùng lên và trái hẳn với tính tình xưa nay của ông ta, lớn tiếng mắng nhiếc Tol, khiến cho mọi người phải ngạc nhiên.

– Tôi không cần ai dạy khôn hết. Tôi cũng biết chết với lính của tôi không kém ai, – ông ta nói và đem một sư đoàn tiến lên phía trước.

Bargovut, là người gan dạ nhưng lúc bấy giờ quá xúc động, tiến thẳng ra chiến trường, không hề suy nghĩ xem bây giờ xung trận với một sư đoàn đơn độc như vậy có ích lợi gì không, và cho quân đi dưới làn đạn. Sự nguy hiểm, đạn đại bác và đạn súng trường chính là những thứ cần thiết cho ông ta trong tâm trạng tức giận này. Một trong những viên đạn đầu tiên bắn ông ta chết, những viên đạn sau giết rất nhiều quân lính. Và trong một thời gian sư đoàn của ông đã phải chịu đựng hỏa lực của địch một cách vô ích.

VII

Trong khi đó, một đạo quân khác có nhiệm vụ tấn công vào chính diện quân Pháp, nhưng trong đạo quân đó lại có Kutuzov. Ông ta biết rõ rằng trận đánh này, một trận đã được tiến hành trái với ý muốn của ông, không thể đưa lại cái gì khác hơn là tình trạng hỗn loạn, và ông ta đã dùng hết quyền hạn của mình để kìm giữ quân đội lại. Ông không cho tiến quân.

Kutuzov lặng lẽ ngồi trên mình con ngựa xám của ông, uể oải trả lời khi có ai đề nghị tấn công.

– Các ông cứ luôn mồm bàn chuyện tấn công mà không thấy rằng chúng ta không biết thực hiện những cuộc hành quân phức tạp, – ông nói với Miloradovits bây giờ vừa xin ông cho tiến quân.

– Sáng nay, các ông không bắt sống được Muyra và đến vị trí cho đúng lúc; bây giờ chẳng biết làm thế nào nữa, – ông trả lời một người khác.

Khi người ta báo với Kutuzov rằng: phía sau lưng quân Pháp, nơi mà theo những lời báo cáo của quân cô–dắc lính Ba Lan, ông liếc mắt nhìn Yermolov đang đứng ở phía sau (từ hôm qua ông không nói một câu nào với Yermolov).

– Đấy họ đang xin tấn công, họ đề ra đủ các kế hoạch, thế mà hễ bắt tay vào việc là không đâu vào đâu cả, trong khi đó quân địch đã biết trước và đã có biện pháp đối phó.

Yermolov nheo nheo đôi mắt và hơi nhếch mép mỉm cười khi nghe mấy lời này. Ông ta đã hiểu rằng cơn giông tố trên đầu mình đã qua và Kutuzov chỉ nói thế thôi.

– Ông ấy nói xỏ tôi đấy, – Yermolov nói khẽ lấy đầu gối huých vào Raievxki bấy giờ đang đứng cạnh ông ta.

Một lát sau Yermolov thúc ngựa tiến đến cạnh Kutuzov và kính cẩn báo cáo: – Thưa điện hạ, vẫn còn thì giờ, quân địch chưa bỏ đi. Hay là điện hạ cho lệnh tấn công? Nếu không, quân cấm vệ chẳng được trông thấy khói súng nữa.

Kutuzov không nói gì, nhưng khi có tin báo rằng quân của Muyra đang rút lui, ông liền ra lệnh tấn công: nhưng cứ đi được một trăm bước ông ta lại cho dừng lại bốn mươi lăm phút.

Tất cả trận đánh chỉ thu gọn trong cuộc tập kích của đội cô–dắc do Orlov Đenixov chỉ huy; các đơn vị khác thì bị thương vong mất vài trăm người một cách vô ích..

Sau trận này Kutuzov được thưởng một huy chương kim cương, Bennigxen cũng được thưởng kim cương và một vạn rúp.

những người khác, chiều theo cấp bậc, cũng được thưởng khá hậu, và sau trận đánh bộ tham mưu lại được cải tổ lại lần nữa.

"Đấy, trong quân ta bao giờ cũng thế, cái gì cũng đảo ngược hết" – Sau trận Tarutino các sĩ quan và tướng soái Nga nói như vậy, – cũng đúng như ngày nay người ta vẫn nói ám chỉ rằng có một kẻ ngu xuẩn nào đấy làm đảo ngược cả, chứ giá phải chúng tôi thì chúng tôi không làm như thế. Nhưng những người nói như vậy hoặc không biết rõ sự việc mình đang nói tới, hoặc cố tình tự lừa dối mình. Bất cứ trận nào cũng vậy – trận Tarutino, trận Borodino hay trận Auxterlitx – bất cứ trận nào cũng đều diễn ra không phải như những người chỉ huy đã trù tính. Đó là một điều tất yếu và căn bản.

Có vô số những lực lượng tự do (vì không có nơi nào con người lại tự do hơn trên chiến trường, nơi mà vấn đề sống còn được đặt ra cho mỗi người) tác động vào hướng diễn biến của trận đánh, hướng đó không bao giờ có thể được và không bao giờ trùng với hướng của một lực lượng riêng lẻ nào. Nếu có nhiều lực lượng khác hướng cùng tác động vào một vật thể, thì hướng chuyển động của vật thể này không thể trùng với bất cứ lực nào; bao giờ cũng có một hướng trung bình, ngắn nhất – cái mà trong cơ học được biểu đạt bằng đường chéo của hình bình hành tác lực.

Nếu trong lời miêu tả của các nhà sử học, đặc biệt là các nhà sử học Pháp, ta thấy nói rằng về phía họ cuộc chiến tranh và các trận đánh đều tiến hành theo một kế hoạch đã định sẵn, thì cái kết luận duy nhất mà ta có thể rút ra là những lời miêu tả này không đúng.

Trận Tarutino rõ ràng là không đạt được các mục đích mà Tol muốn nhắm: đưa các đơn vị lần lượt vào trận địa theo đúng kế hoạch tác chiến, cũng như mục đích của bá tước Orlov: bắt sống Muyra, cũng như mục đích của Bennigxen và một số nhân vật khác, cũng như mục đích của viên sĩ quan muốn dự trận để có

dịp lập công, cũng như mục đích của người cô-dắc muốn vớ được nhiều chiến lợi phẩm hơn số đã vớ được v.v... Nhưng nếu mục đích chính là việc đã xảy ra thật, và là điều mà tất cả những người Nga thời ấy đều mong mỏi (đuổi quân Pháp ra khỏi nước Nga và tiêu diệt quân đội của họ), thì hiển nhiên là trận Tarutino chính do những sự bất hợp lý của nó, đúng là điều cần thiết cho thời kỳ này của chiến dịch. Thật khó lòng mà nghĩ ra được một kết quả nào hợp lý hơn kết quả thực tế của trận đánh này. Với một cố gắng tối thiểu, với những tổn thất không đáng kể, và tuy diễn ra trong một cảnh hỗn loạn đến cùng cực, trận này đã thu được những kết quả to lớn nhất trong suốt chiến dịch: bước chuyển từ giai đoạn rút lui sang giai đoạn tấn công đã thực hiện, sự suy yếu của quân Pháp đã lộ rõ, và sức xô đẩy mà quân đội Napoleông đang chờ đợi để bắt đầu chạy trốn đã bắt đầu thể hiện.

VIII

Napoléông tiến vào Maxkva sau trận thắng oanh liệt trên sông Maxkva[1]; không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một thắng lợi, vì sau trận đánh này chiến trường ở trong tay quân Pháp. Quân Nga rút lui và bỏ ngỏ kinh đô Maxkva đầy ắp lương thực, vũ khí, đạn dược và vô số của cải, lọt vào tay Napoleông. Quân đội Nga, chỉ mạnh bằng nửa quân đội Pháp, suốt một tháng ròng không lần nào thử giao chiến. Tình thế của Napoleông thật là lạc quan. Để dốc một lực lượng mạnh gấp đôi đánh vào đám tàn quân Nga và tiêu diệt nó đi, để ký kết một hòa ước có lợi hay nếu người Nga không chịu, sẽ tiến quân uy hiếp Pêterburg, để khi vạn nhất có thất bại, có thể trở về Xmolenxk hay Vilna, hoặc giả ở lại Maxkva,

1. De la Moskowa.

nói tóm lại là để duy trì cái tình thế lạc quan của quân đội Pháp lúc bấy giờ, tưởng cũng chẳng cần có một thiên tài lỗi lạc gì cho lắm. Muốn thế chỉ cần làm một việc hết sức đơn giản và dễ dàng là không để cho quân lính đi cướp phá chuẩn bị trang phục mùa đông (ở Maxkva có thể kiếm đủ cho cả quân đội) và tập trung một cách chu đáo số lương thực này đủ dùng cho toàn quân trong nửa năm). Napoleông, thiên tài vĩ đại nhất trong các thiên tài và có thừa quyền hành để điều khiển quân đội, như các nhà sử học vẫn khẳng định, không hề làm một việc gì như thế cả.

Không những ông ta không làm gì trong số những việc đó, mà ngược lại còn dùng quyền hành của mình để chọn lấy đường lối hành động ngu xuẩn nhất và tai hại nhất trong những đường lối có thể theo. Trong tất cả những việc mà Napoleông có thể làm được: nghỉ lại mùa đông ở Maxkva, tiến đánh Pêterburg, tiến đánh Nijni Novgorod rút về phía sau, theo hướng bắc hay hướng nam, theo con đường mà sau này Kutuzov đã đi, không thể tìm được một việc nào ngu xuẩn và tai họa hơn cái việc mà Napoleông đã làm, tức là ở lại Maxkva cho đến tháng mười để mặc cho quân đội cướp phá thành phố, rồi để lại một đội tuần thủ, ngập ngừng ra khỏi Maxkva tiến về phía Kutuzov, không tìm cách mở trận, tiến chếch sang bên phải đi đến Molo-Yaroxlavl, vẫn không tìm cơ hội chọc thủng trận tuyến, không theo con đường của Kutuzov đi, mà lại lùi về Mojaixk trên con đường Xmolenxk qua những miền bị tàn phá tan hoang, – quả không tài nào nghĩ ra được một hành động nào ngu xuẩn hơn và tai hại cho quân đội: điều này sẽ được những hậu quả về sau chứng minh rõ rệt. Các nhà chiến lược tài ba nhất hãy thử tưởng tượng rằng mục đích của Napoleông là làm sao cho quân đội mình tiêu vong, rồi thử nghĩ ra một cách chắc chắn, bất luận quân Nga hành quân ra sao: họ sẽ không thể nghĩ ra được cách nào công hiệu hơn cái cách mà Napoleông đã chọn.

Napoleông, con người thiên tài, đã làm việc ấy. Nhưng nói rằng Napoleông làm cho quân đội mình tiêu vong là vì ông ta muốn hay là vì ông ta rất ngu xuẩn thì cũng sai như nói rằng Napoleông đem quân đội đến tận Maxkva vì ông ta muốn thế và vì ông ta rất thông minh và thiên tài. Chẳng qua là trong cả hai trường hợp, hoạt động cá nhân của mỗi người lính, đã phù hợp với những quy luật chi phối hiện tượng đang xảy ra.

Các nhà sử học khẳng định hoàn toàn sai lầm (chỉ vì các hậu quả đã không biểu lộ cho hoạt động của Napoleông) rằng lực lượng của Napoleông bị suy yếu trong thời gian ở Maxkva. Hồi ấy cũng như trước kia và sau này vào năm 1813, Napoleông đã vận dụng hết tài năng và sức lực của mình để đem lại thắng lợi tối đa cho bản thân ông ta và quân đội ông ta. Hoạt động của Napoleông hồi ấy cũng kỳ diệu như hồi ở Ai Cập, ở Ý, ở Áo và ở Phổ. Ta không được biết chính xác cái thiên tài của Napoleông đã biểu lộ cụ thể như thế nào ở Ai Cập, nơi mà bốn mươi thế kỷ chiêm ngưỡng sự vĩ đại của ông ta[1], vì ta chỉ được biết những chiến công vĩ đại đó qua những lời miêu tả của người Pháp. ta không có cách nào phê phán cho đúng đắn về cái thiên tài của ông ta ở Áo và ở Phổ, vì phải rút những tài liệu về hoạt động của ông ta từ những sách vở của Pháp và của Đức, và việc làm cho các quân đoàn nộp vũ khí mà không tốn một viên đạn và các pháo đài hàng phục mà không cần vây hãm, tất phải khiến cho người Đức có xu hướng thừa nhận thiên tài của ông ta – vì đó là cách giải thích duy nhất có thể dùng cho cuộc chiến tranh diễn ra ở Đức. Nhưng chúng ta thì nhờ

1. Ám chỉ một lời của Napoleông nói với binh sĩ khi đi ngang các kim tự tháp, trước khi giao chiến với quân mamluk của Ai Cập: "Hỡi binh sĩ, từ trên các đỉnh kim tự tháp kia, bốn mươi thế kỷ đang chiêm ngưỡng các người!" ("Soldats! Du haut de ces pyramides, quarante siècles vous contemplent.").

trời không việc gì phải thừa nhận thiên tài của ông ta để chữa thẹn. Chúng ta đã giành được quyền nhìn thẳng vào sự việc một cách đơn giản, và chúng ta sẽ không nhường bỏ cái quyền đó.

Hoạt động của Napoleông, ở Maxkva cũng kỳ diệu và thiên tài không kém bất cứ nơi nào. Từ khi tiến vào Maxkva cho đến khi ra khỏi thành này ông ta không ngừng ban bố hết mệnh lệnh này đến mệnh lệnh khác, vạch hết kế hoạch này đến kế hoạch khác. Việc Maxkva không còn cư dân và không cử đoàn đại biểu không làm cho ông ta nao núng. Ông ta không hề sao nhãng phúc lợi cho quân đội mình, cũng như hoạt động của quân địch, cũng như phúc lợi của các dân tộc Nga-lư-tư, cũng như việc quản lý các công việc ở Pari, cũng như những sự suy tính ngoại giao về những điều kiện hòa ước nay mai.

IX

Về phương diện quân sự, ngay khi tiến vào Maxkva, Napoleông đã ra nghiêm lệnh cho tướng Xebaxtyêng theo dõi những cuộc vận chuyển của quân đội Nga, điều các lữ đoàn đi tỏa ra các nẻo đường và ra lệnh cho Muyra phải tìm cho ra Kutuzov. Sau đó Napoleông lo việc củng cố thành Kreml rất cẩn thận: rồi vạch ra một kế hoạch tác chiến thiên tài cho chiến dịch sắp tới trên khắp tấm bản đồ nước Nga. Về phương diện ngoại giao, Napoleông cho triệu đại úy Yakovlev đến – viên đại úy này mắc nghẽn ở Maxkva và đã bị cướp sạch không còn mảnh áo, – trình bày tỉ mỉ cho Yakovlev biết chính sách và lượng khoan hồng của mình, rồi viết một bức thư cho hoàng đế Alekxandr nói rằng ông đã tự thấy có nhiệm vụ phải báo cáo cho người bạn và người anh

em của mình biết rằng Raxtopsin đã làm hỏng việc rất nhiều ở Maxkva đoạn sai Yakovlev đem bức thư đến với Tutolmin cũng tỉ mỉ như thế, Napoleông phái luôn cả ông già này đến Pêterburg để thương lượng.

Về phương diện pháp lý, ngay sau khi xảy ra vụ hỏa hoạn, Napoleông ra lệnh tìm cho ra bọn thủ phạm đem hành hình. Và tên tội phạm Raxtopsin đã bị trừng trị bằng cách thiêu hủy tòa nhà hắn ở.

Về phương diện hành chính, Napoleông ban bố cho Maxkva một hiến chương, cho thành lập một tòa thị chính và sai ra bản tuyên cáo sau đây:

Cơn hoạn nạn của các ngươi thật là tàn khốc, nhưng Hoàng đế và Quốc vương bệ hạ muốn chấm dứt những nỗi thống khổ đó. Những tấm gương khủng khiếp đã cho các ngươi thấy rõ Ngài trừng trị những kẻ bất tuân lệnh và những kẻ phạm tội ác như thế nào. Những biện pháp nghiêm ngặt đã được thi hành nhằm chấm dứt tình trạng hỗn loạn và phục hồi nền an ninh chung. Một cơ quan hành chính thân ái do chính các ngươi bầu ra, sẽ thành lập tòa thị chính hay ban quản trị thành phố của các ngươi. Cơ quan này sẽ quan tâm đến các ngươi, đến những nhu cầu và những quyền lợi của các ngươi. Những người trong cơ quan sẽ đeo một dây băng đỏ quàng qua vai, còn thị trưởng thì thắt thêm một dải thắt lưng trắng. Nhưng ngoài thời gian thừa hành công vụ, họ chỉ đeo một cái băng đỏ trên cánh tay trái thôi.

Cơ quan cảnh sát thị xã đã được thành lập trên những cơ sở cũ, và nhờ hoạt động của nó, trật tự đã khả quan hơn. Chính phủ cử ra hai tổng ủy viên hay cảnh sát trưởng và hai mươi ủy viên hay quận trưởng đặt ở khắp các khu phố. Các ngươi sẽ nhận ra được những quan chức này nhờ cái băng trắng mà họ mang ở

cánh tay trái. Một số nhà thờ thuộc nhiều tôn giáo khác nhau đã được mở, và nay việc lễ bái được tiến hành không hề có gì trở ngại. Hằng ngày đã có những người dân Maxkva trở về nhà cũ, và chính quyền đã ra mệnh lệnh cần thiết để cho họ được giúp đỡ và che chở sau cơn hoạn nạn. Trên đây là những biện pháp mà chính phủ dùng để phục hồi trật tự và cải thiện tình cảnh của các người; nhưng muốn đạt tới mục đích đó, các người cần phải ra sức hợp tác với chính phủ, các người cần phải cố quên những nỗi khổ cực đã trải qua nếu có thể, phải hy vọng một số phận không đến nỗi hẩm hiu vậy, phải tin chắc rằng một cái chết nhục nhã không sao tránh khỏi đang chờ đợi những kẻ nào dám xâm phạm đến các người và những của cải còn sót lại của các người, hãy tin chắc rằng những của cải đó sẽ được bảo vệ, vì đó là ý muốn của vị hoàng đế vĩ đại và công minh nhất trong các vị hoàng đế! Hỡi binh sĩ và dân cư, vô luận là người dân tộc nào! Các người hãy khôi phục lại lòng tin cậy vào chính phủ, cội nguồn hạnh phúc của quốc gia, các người hãy sống như anh em, hãy giúp đỡ và che chở nhau, hãy đoàn kết lại để phá tan âm mưu của những kẻ có ác ý, hãy phục tùng các nhà chức trách văn võ, và nước mắt của các người chẳng bao lâu nữa sẽ ngừng chảy".

Về phương diện tiếp lương cho quân đội, Napoleông đã ra lệnh cho tất cả các đơn vị lần lượt vào Maxkva để hôi của[1] và chuẩn bị lương thực dành cho quân đội dùng sau này.

Về phương diện tôn giáo, Napoleông ra lệnh *đưa các ông pốp về*[2] và phục vụ việc thờ phụng trong các nhà thờ.

Về phương diện thương mại, và để tiếp tế lương thực cho quân đội, khắp nơi đều có dán tờ tuyên cáo sau đây.

1. à la maraude.
2. Ramener les popes.

TUYÊN CÁO

"Hỡi các người, những cư dân yên lành của thành Maxkva, những nhà tiểu công nghệ và thợ thuyền mà cơn hoạn nạn đã buộc phải lánh xa thành phố, và các người nữa, những người dân cày sống rải rác mà một nỗi sợ hãi vô căn cứ đang giữ lại nơi thôn dã, hãy nghe đây! Hòa bình đã trở lại khắp thủ đô, và trật tự đã được hồi phục. Đồng bào của các người đang mạnh dạn ra khỏi những nơi ẩn náu vì thấy rằng chính phủ tôn trọng họ. Bất cứ hành động hung bạo nào xúc phạm đến họ và tài sản của họ đều bị trừng trị tức khắc. Hoàng đế và Quốc vương bệ hạ che chở cho họ, và trong đám các người không có ai bị xem là kẻ thù địch của ngài, trừ những kẻ không chịu tuân theo lệnh ngài. Ngài muốn chấm dứt những nỗi tai ương của các người và hoàn lại nhà cửa và gia đình cho các người. Vậy các người hãy hưởng ứng những ý định ân đức của ngài và hãy đến với chúng ta không chút sợ hãi. Hỡi các cư dân! Hãy yên tâm trở về nhà cũ: các người chẳng bao lâu sẽ tìm được những phương tiện thỏa mãn nhu cầu của mình! Hỡi các nhà thủ công nghệ và các thợ thuyền! Hãy trở về với công việc làm ăn: những ngôi nhà, những cửa hàng, những đội bảo vệ an ninh đang chờ các người, và các người sẽ được trả công thích đáng! Và các người nữa, hỡi các nông dân, hãy ra khỏi các khu rừng trong đó các người đang ẩn náu vì sợ hãi, hãy yên tâm về nhà, hãy tin chắc rằng các người sẽ được bảo vệ. Những kho lương thực đã được tổ chức trong thành phố, nông dân có thể mang những lương thực và những hoa màu đến bán. Chính phủ đã thi hành những biện pháp sau đây để bảo đảm cho họ được tự do bán hàng: 1. Kể từ ngày hôm nay, nông dân và những người dân ở ngoại thành Maxkva có thể chở lương thực dự trữ của mình, bất

luận là loại lương thực gì, vào thành phố (không sợ có gì nguy hiểm và đem đến hai kho lương thực ở Mokhovaya ở Okhotny Raid. 2. Những lương thực này sẽ được mua với giá thỏa thuận giữa người bán và người mua; nhưng nếu người bán không nhận được số tiền chính đáng mà họ đòi hỏi, họ có thể mang số lương thực của mình về, và không ai được cản trở điều đó dù dưới hình thức gì. 3. Ngày chủ nhật và ngày thứ tư hàng tuần được lấy làm ngày chợ phiên; cho nên cứ đến thứ ba và thứ bảy một số quân đầy đủ sẽ được bố trí dọc tất cả các đường lớn, cách thành phố một quãng thích hợp để bảo vệ những xe tải lương về. 4. Những biện pháp nói trên cũng sẽ được thi hành để bảo đảm cho nông dân với xe, ngựa của họ không gặp trở ngại trên đường về. 5. Sẽ lập tức dùng những phương pháp cần thiết để khôi phục những chợ búa. Hỡi các dân cư thành thị và nông dân, hỡi các thợ thuyền và các nhà tiểu công nghệ, vô luận là người dân tộc nào! Các người hãy hưởng ứng những ý định nhân từ như cha mẹ của hoàng đế và quốc vương bệ hạ và góp sức với ngài xây dựng hạnh phúc chung. Hãy đặt dưới chân Người lòng sùng kính và tin cậy, và hãy mau mau trở về liên kết với chúng ta!".

Về phương diện cổ vũ tinh thần quân đội và dân chúng, những cuộc duyệt binh và khen thưởng kế tiếp theo nhau không ngớt. Hoàng đế cưỡi ngựa dạo qua các phố và úy lạo dân cư; và tuy bận lo quốc sự, ngài cũng thân hành đến thăm những kịch viện xây dựng theo lệnh của ngài.

Về phương diện từ thiện, viên ngọc sáng nhất trên mũ miện của các bậc đế vương, Napoleông cũng làm đủ tất cả những gì thuộc quyền mình. Trên các tòa nhà từ thiện ông ta cho đề: *Nhà của mẹ ta*[1], và như thế phối hợp được cả lòng hiếu thảo của một người con với đại lượng của một bậc đế vương. Ông ta đến thăm

1. Maison de ma mère.

viện cô nhi, cho các trẻ mồ côi được ông ta cứu vớt hôn đôi bàn tay trắng trẻo của ông ta, ân cần nói chuyện với Tutolmin. Sau đó, theo những lời hùng hồn của Tyer thuật lại, ông ta ra lệnh phát cho quân đội những tờ giấy bạc Nga giả mạo do ông sai làm ra. Nâng cao giá trị của việc sử dụng những phương tiện này bằng một hành động xứng đáng với Người và với quân đội Pháp, – Napoleông ra lệnh phát chẩn cho những người bị hỏa hoạn. Nhưng vì lương thực quá hiếm không thể đem phát chẩn người ngoại quốc phần lớn là thù địch, Napoleông đã chọn cách phát tiền cho họ tự mua lấy lương thực ở ngoài hơn và ra lệnh phát rúp giấy cho họ[1].

Về phương diện kỷ luật quân đội, Napoleông liên tiếp ra lệnh trừng trị nghiêm khắc những hành động bất tuân thượng lệnh và ban bố những mệnh lệnh nhằm chấm dứt những vụ cướp bóc.

X

Nhưng lạ thay, tất cả những mệnh lệnh, những biện pháp và những kế hoạch này, là những cái tuyệt nhiên không thua kém gì những cách thức mà người ta thường làm trong những trường hợp tương tự, đều không động chạm đến thực chất của vấn đề, và như đôi kim trên một cái mặt đồng hồ bị tách rời ra khỏi bộ máy, nó quay lung tung, không có mục đích, không dính dáng gì đến bộ bánh xe trong máy.

Về phương diện quân sự, bản kế hoạch tác chiến thiên tài mà

1. Relvant l'emploi de ces moyens par un acte digne de lui et de l'armês trancaise, il fit distribuer des secours aux incendiés. Mais les vivres étant trop précieux pour être donnés à des étrangers, la plupart ennemis. Napoleông aime mieux leur fournir de l'argent afin qu'ils se fournissent au dehors et il leus fit distribuer des roubles papiers.

Tyer có nói là: thiên tài của Người chưa bao giờ tưởng tượng ra được một cái gì thâm thúy hơn, khôn khéo hơn và đáng khâm phục hơn[1], và trong khi bút chiến với ông Phen, Tyer lại còn chứng minh rằng kế hoạch này soạn ra ngày mười lăm tháng mười chứ không phải ngày mồng bốn, bản kế hoạch thiên tài ấy không bao giờ và không thể nào được thực hiện, vì nó không có chút gì sát với thực tế. Việc củng cố thành Kreml mà muốn thực hiện cần phải phá hủy cái đền Hồi giáo[2]. (Napoleông gọi nhà thờ Vaxili Blajenny như vậy) hoàn toàn không có ích lợi gì cả. Việc đặt mìn dưới thành Kreml chỉ góp phần thực hiện ý muốn của hoàng đế khi rút ra khỏi Maxkva, tức là muốn cho thành Kreml nổ tung, nghĩa là làm cái việc đánh vào nền nhà để dỗ đứa trẻ vừa bị ngã xuống đất. Việc truy kích quân đội Nga, một việc khiến Napoleông bận tâm rất nhiều, là một hiện tượng lạ kỳ chưa từng có: các tướng lĩnh Pháp đã mất hút bóng đạo quân sáu vạn người này, và theo lời Tyer, may mà nhờ sự khéo léo và thậm chí cái thiên tài của Muyra cho nên mới tìm lại được đạo quân Nga sáu vạn người này, chẳng khác nào tìm một cái kim găm.

Về phương diện ngoại giao, tất cả những lời biện luận của Napoleông về lòng đại độ và sự công minh của mình, trước mặt Tatolmin cũng như trước mặt Yokovlev, mà mối lo chủ yếu lúc bấy giờ là làm sao kiếm được một chiếc áo khoác và một cái xe tải, những lời biện luận ấy đều tỏ ra vô hiệu: Alekxandr không tiếp các sứ giả này và không phúc đáp.

Về phương diện hành chính, cơ quan thị chính không ngăn chặn được các vụ cướp bóc và chỉ đem lại lợi ích cho một vài nhân vật có tham gia vào cơ quan thị chính này: họ lấy cớ giữ gìn an

1. Que son génie n'avait imaginé de plus profond, de plus habile et de plus admirable.

2. La Mospuée.

ninh để cướp bóc dân Maxkva hay để bảo vệ cho tài sản riêng của họ khỏi bị cướp bóc.

Về phương diện tư pháp, sau khi hành hình những người bị gán tội đốt nhà, phần nửa còn lại của Maxkva cũng bốc cháy nốt.

Về phương diện tôn giáo, cái phương sách thăm viếng các đền thờ đã dùng ở Ai Cập này chẳng đem lại kết quả gì. Hai giáo sĩ tìm được ở Maxkva cũng có thử thi hành ý muốn của Napoleông, nhưng một người trong bọn họ đã bị một tên lính Pháp tát tai trong khi làm lễ, còn về người kia thì một viên quan chức Pháp có báo cáo như sau:

"Người linh mục mà tôi tìm ra được và mới làm lễ lại như cũ đã quét dọn và đóng cửa nhà thờ. Nhưng đêm hôm qua lại có kẻ đến phá cửa lớn, bẻ khóa, xé sách và gây nhiều việc lộn xộn khác"[1].

Về phương diện thương mại, tờ tuyên cáo kêu gọi "các nhà tiểu công nghệ cần cù và tất cả các nông dân" không hề thu được một tiếng vang nào. Nhà tiểu công nghệ cần cù thì không có, còn như nông dân thì những tên phái viên nào dám đi quá xa để phát tờ tuyên cáo này đều bị họ bắt và giết đi.

Rồi phương diện giải trí cho dân chúng và quân đội bằng kịch viện, công việc cũng chẳng khả quan hơn. Những nhà hát tổ chức trong thành Krem và trong nhà Peznyakov lập tức phải đóng cửa, vì các nam nữ diễn viên đều bị cướp hết của cải.

Rồi đến việc từ thiện cũng không đưa lại những kết quả mong muốn. Giấy bạc giả và giấy bạc thật tràn ngập khắp Maxkva và không có giá trị gì hết. Đối với bọn lính Pháp đang cố vơ vét của cải, thì chỉ có vàng là cần thiết. Không những giấy bạc giả mà

1. Le prêtre que j'avais découvert et invité à recommencer à dire la messe, a nettoyé et fermé l'eglise. Cette nuit on est venu de nouveau enfoncer les portes, casser les cadenas, dechirer les livres et commettre d'autres désordres.

Napoleông ban phát cho những người khốn khổ một cách nhẹ từ vậy đã hết giá trị, mà ngay cả bạc nén nữa cũng bị đem đổi lấy vàng với tỷ lệ rất thấp.

Nhưng hiện tượng kỳ lạ nhất về sự vô hiệu của những biện pháp của Napoleông vào thời kỳ ấy là sự thất bại của ông ta trong việc cố gắng chặn các vụ cướp bóc và phục hồi kỷ luật.

"Những vụ cướp bóc vẫn diễn ra trong thành phố, tuy đã có lệnh chặn đứng nó lại. Trật tự vẫn chưa được phục hồi, và không có một nhà buôn nào trở lại buôn bán một cách hợp pháp. Chỉ có bọn bán rong là dám bán hàng, mà cũng chỉ bán những của ăn cắp".

"Một khu vực trong quận tôi vẫn bị quân lính thuộc lữ đoàn ba cướp phá. Giành giật những đồ đạc ít ỏi còn sót lại của những người khốn khổ đang trốn tránh dưới các hầm nhà; vẫn chưa vừa lòng, quân lính còn nhẫn tâm dùng gươm chém họ bị thương, như tôi đã từng thấy nhiều trường hợp".

"Không có gì mới ngoài việc quân lính vẫn tự tiện trộm cướp Ngày mười chín tháng mười".

"Trộm cướp vẫn hoành hành. Trong quận chúng tôi có một toán kẻ trộm, rồi đây cần phải đưa những đội quân hùng hậu đến bắt. Ngày mười một tháng mười"[1].

"Hoàng đế rất đỗi bất bình khi thấy rằng tuy đã ra lệnh chặn đứng những vụ cướp bóc, nhưng lúc nào cũng chỉ thấy những

1. "La partie de mon arrondissement continue à être en proie au pillage des soldats du 3è corps, qui, non contents d'arracher aux malheureux réfugiés dans des souterrains le peu qui leur reste, ont même la férocité les blessr à coups de sabre, comme j'en ai vu plusieurs exemples" "Rien de nouveau outre... que les solddats se permettent de voler et de piller. Le 9 Octobre" "Le vol et le pillage continuent. Il y a une bande de voleurs dan notre district qu'it faudra faire arrêter par de fortes gardes Le 11. Octobre".

toán quân vệ binh đi ăn cướp trở về điện Kreml. Trong đạo quân vệ binh kỳ cựu tình trạng hỗn loạn và việc cướp bóc lại tái diễn vào ngày hôm qua, đêm qua và ngày hôm nay một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hoàng đế rất phiền lòng khi thấy những binh sĩ tinh nhuệ được chọn để hộ vệ ngài, lẽ ra phải nêu gương kỷ luật, thì lại lăng loàn đến mức xông vào đập phá các hầm rượu và các kho lương dành cho quân đội. Một số khác lại tồi tệ đến nỗi không chịu nghe những người lính canh và những sĩ quan đi tuần, lại còn chửi bới và đánh đập họ nữa".

"Quan lễ nghi đại thần của hoàng cung hết sức than phiền – viên tổng đốc viết – rằng tuy đã nhiều lần ra lệnh cấm mà quân lính vẫn đại tiện ở khắp các sân và thậm chí ngay cả dưới cửa sổ của hoàng đế[1].

Cái quân đội ấy, như một đàn súc vật thả rông, giẫm nát đám có lẽ ra có thể cứu chúng khỏi chết đói, cứ tan rã dần, và càng ở Maxkva thêm ngày nào nó lại càng đi dần vào cõi chết ngày ấy.

Nhưng nó vẫn không nhúc nhích.

Mãi đến khi quân Nga cướp những xe lương trên con đường Xmolenxk và khi nhận được tin trận Tarutino nó mới phát hoảng lên mà bỏ chạy. Napoleông được tin này một cách đột ngột khi đang duyệt binh. Như Tyer có nói, tin này khiến cho ông ta nóng lòng muốn trừng phạt bọn Nga, và ông ta liền ra lệnh dời quân, một mệnh lệnh mà toàn quân đều nức lòng mong đợi.

Bỏ Maxkva chạy trốn, binh sĩ trong đạo quân này vơ theo tất cả những gì họ đã cướp được. Napoleông cũng chở theo một kho

1. Le grand maréchal de palais se plaint vivement que malgré les défenses réitérées, les soldats continuent à faire leurs besoins dans toutes les cours et même jusque sous les fenêtres de l'Empereur".

tàng[1] riêng. Trông thấy đoàn xe rềnh rành trẩy theo đoàn quân, Napoleông rất kinh hãi (như Tyer có nói). Nhưng vì đã có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh, ông ta không ra lệnh đốt các xe chở đồ như ông đã từng làm với các xe chở đồ của một viên thống chế trong khi quân tiến về phía Maxkva. Ông ta nhìn những cỗ xe kiệu và xe hòm chở lính đi và nói rằng sau này dùng những chiếc xe kia để chở lương thực và chở thương binh, bệnh binh thì rất tốt.

Tình cảnh của toàn thể quân đội giống như tình cảnh của một con vật bị thương đang cảm thấy mình chết và không biết mình đang làm gì. Nghiên cứu những hành động khôn khéo và những mục đích của Napoleông và của quân đội ông ta từ khi tiến vào Maxkva cho đến khi bị tiêu diệt cũng chẳng khác gì nghiên cứu ý nghĩa của những sự giãy giụa của một con vật bị thương đang hấp hối. Nhiều khi con vật bị thương nghe thấy tiếng sột soạt, lao mình về phía trước khiến cho người đi săn có dịp bắn nhanh hơn. Napoleông cũng làm như vậy dưới sức ép của toàn thể quân đội ông ta. Tiếng vang của trận Tarutino khiến con thú hoảng sợ, nó trốn về phía trước, chạy đến tận mũi súng người đi săn, rồi lại quay đi, và cuối cùng, cũng như bất cứ con thú nào, nó chạy lùi trở lại theo con đường bất lợi, nguy hiểm nhất, nhưng là con đường quen thuộc, còn in vết chân cũ của nó.

Napoleông, mà ta tưởng là kẻ chỉ huy toàn bộ cuộc vận chuyển này (cũng như một người mông muội tưởng rằng cái hình khắc ở mũi thuyền chính là cái sức mạnh chỉ huy con thuyền), Napoleông trong suốt thời gian hoạt động của ông ta cũng giống như một đứa trẻ ngồi cầm những cái dải dính trong hòm xe mà tưởng tượng rằng mình đang đánh xe đi.

---

1. Trésor

XI

Sáng ngày mồng sáu tháng mười, Pier ra khỏi lán từ sớm và khi trở về, dừng lại trước cửa chơi với con chó lông tia tía, mình dài, chân ngắn và cong vòng kiềng đang quấn quít quanh chàng. Con chó này ở với họ trong gian nhà lán, nó ngủ với Karataiev, nhưng thỉnh thoảng lại đi lang thang ra ngoài phố, rồi lại trở về. Có lẽ trước đây nó chẳng phải là của ai cả. Bây giờ nó cũng vẫn vô chủ, và cũng không có tên. Lính Pháp gọi nó là Azor, người lính hay kể chuyện cổ tích gọi là Femgalka, Karataiev và mấy người khác nữa gọi nó là con xám, hay đôi khi là con Dài. Cái thân phận chẳng có chủ, cũng chẳng có tên mà cũng chẳng có giống – thậm chí lông cũng chẳng có màu sắc rõ rệt – hình như chẳng hề làm cho con chó nhỏ nao núng. Cái đuôi xù ngắt lên phía trên thành một cái ngù tròn vững chắc, bốn cái chân vòng kiềng phục vụ nó đắc lực đến nỗi nhiều khi, không thèm dùng cả bốn, nó duyên dáng nhấc một chân sau lên và cứ thế mà chạy ba chân, chạy rất nhanh và rất khéo. Đối với nó, cái gì cũng là một dịp để vui mừng. Khi thì nó mừng rỡ rít lên, làn ngửa ra, khi thì nó nằm sưởi nắng với một vẻ đăm chiêu bao hàm rất nhiều ý nghĩa, khi thì nó lại nô rỡn với một mảnh gỗ hay một cái cọng rơm.

Quần áo của Pier bây giờ gồm một chiếc sơ-mi bẩn và rách, di tích cuối cùng của bộ trang phục trước kia của chàng, một cái quần lính mà Pier đã theo lời khuyên của Karataiev lấy dây thắt ống lại cho ấm, một cái áo Kaftan và một cái mũ chụp của nông dân. Dạo này, Pier trông khác hẳn đi. Chàng không có vẻ béo lắm nữa, tuy vẫn giữ cái dáng to lớn lực lưỡng là một nét di truyền của dòng họ chàng. Râu quai nón và râu mép chàng mọc xồm xoàm, tóc chàng dài và rối xù lên, nhưng nhức nhưng chấy, làm

thành một cái mũ chụp lên đầu chàng. Mặt chàng có vẻ rắn rỏi điềm đạm và linh lợi, một vẻ mà trước kia không hề thấy có ở chàng. Cái tính xuề xòa buông trôi trước kia vẫn lộ ra ngay trong đôi mắt ấy, nay đã nhường chỗ cho một nghị lực luôn luôn sẵn sàng hành động và đối phó. Chàng đi chân đất.

Pier hết nhìn xuống cánh đồng nơi mà sáng nay những đoàn xe và những đoàn người ngựa kéo đi nườm nượp, lại nhìn ra phía con sông ở xa xa, rồi lại nhìn con chó đang giả làm ra vẻ muốn cắn chàng thật sự, rồi lại nhìn đôi chân không, mà chàng đặt đi đặt lại đủ các kiểu một cách thích thú, ngọ nguậy mấy ngón chân to mập, và bẩn thỉu. Và cứ mỗi lần nhìn đôi chân không của mình chàng lại thoáng nở một nụ cười hớn hở và thỏa mãn. Đôi chân không ấy nhắc chàng nhớ lại tất cả những sự việc mà chàng đã trải qua trong thời gian ấy, và những kỷ niệm này làm cho chàng thấy dễ chịu.

Đã mấy hôm nay thời tiết dịu hẳn lại, trời quang đãng, sáng sáng có những cơn gió nhẹ, chính là cái tiết trời thường gọi là Babye leto[1].

Ngoài trời nắng ấm, và hơi ấm ấy pha lẫn với khí trời lạnh giá của buổi sớm còn sót lại trong không trung lại càng khiến cho người ta thấy khoan khoái dễ chịu.

Trên mọi vật xa gần đều lấp lánh cái ánh pha lê kỳ diệu chỉ thấy vào tiết thu này. Xa xa có thể trông thấy Ngọn đồi Chim sẻ với xóm nhà gỗ, ngôi nhà thờ của một tòa nhà lớn màu trắng. Những cành cây trụi lá, những dải cát, những mỏm đá, những ngôi nhà, cũng như ngọn tháp xanh nhọn hoắt của tòa nhà thờ và những đường viền của tòa nhà trắng ở xa xa – tất cả những thứ đó đều hiện rõ từng nét tinh vi trong làn không khí trong suốt.

1. "Mùa hè của đàn bà" - tiết ấm trời, xen vào giữa những ngày rét mướt của mùa thu như một dư âm của mùa hạ.

Lại gần hơn, có thể trông thấy thấp thoáng cái bóng dáng quen thuộc của một tòa nhà trang chủ bị quân Pháp chiếm ở nay đã đổ nát và cháy nham nhở, nhưng những khóm đinh hương lam mọc ven bờ rào vẫn còn xanh tốt. Và ngay cả tòa nhà đổ nát và cháy dở này, trông thật ảm đạm vào những hôm xấu trời, nay dưới ánh nắng rực rỡ, trong làn không khí im phăng phắt, cũng có một vẻ đẹp lạ lùng khiến cho lòng người dịu lại.

Một viên hạ sĩ quan Pháp mặc quân phục hở khuy, đầu đội mũ chụp như đang ở nhà, răng cắn một tẩu thuốc ngắn từ sau góc nhà lán bước ra thân mật nháy mắt với Pier và đến cạnh chàng.

– Nắng đẹp quá ông Kiril nhỉ? (Tất cả các binh sĩ Pháp đều gọi Pier như vậy) cứ như mùa xuân ấy[1] – Đoạn viên hạ sĩ tựa lưng vào cửa và mời Pier hút tẩu thuốc, tuy hắn mời Pier đã nhiều lần và lần nào chàng cũng từ chối.

– Trời này mà hành quân thì... [2] – hắn mở đầu.

Pier hỏi viên hạ sĩ có nghe nói gì về việc dời quân không. Viên hạ sĩ kể rằng hầu hết các đơn vị đều lên đường và hôm nay chắc sẽ có lệnh về tù binh. Trong gian nhà lán trong đó Pier bị giam có một người lính tên là Xokolov ốm sắp chết, Pier bèn nói với viên hạ sĩ rằng phải lo thu xếp cho anh ta. Viên hạ sĩ bảo rằng Pier có thể yên tâm, việc này đã có bệnh xá lưu động và bệnh xá cố định, rồi người ta sẽ liệu thu xếp và nói chung những việc có thể xảy ra đều được cấp trên trù liệu trước cả.

– Với lại ông chỉ cần nói một tiếng với quan đại úy thôi ông Kiril ạ. Ối! Ngài là một người... Ngài chả bao giờ quên việc gì. Khi nào Ngài đi tuần, ông cứ nói với ngài một tiếng, ông cần gì ngài cũng sẵn sàng giúp đỡ[3].

1. Quel soleil, hein, monsieur Kiril! On dirait le printemps.

2. Si l'on marchait par un temps comme celui là...

3. Et puis Mr Kiril, vous n'avez qu' à dire un mot au capiaine, vous savez. Oh, c'est un... qui n'oublie jamais rien. Dites au capitaine quand il fera sa tournée, il fera tout pour vous...

Viên đại úy này vẫn thường nói chuyện lâu với Pier và đối sử với chàng rất hậu hĩ. Viện hạ sĩ nói tiếp:

– Này Xanh Toma ạ, hôm trước ngài bảo tôi thế, Kiril là một người có học thức, lại biết nói tiếng Pháp; đó là một vị lãnh chúa Nga đã gặp phải những chuyện không may, nhưng vẫn là một người. Mà lại biết điều nữa... Nếu ông ta muốn gì cứ nói với tôi, tôi không từ chối điều gì. Ông ạ, một khi đã là người có học hành thì người ta biết quý học thức và quý những người tử tế. Tôi nói thế cũng vì ông đấy ông Kiril ạ. Việc hôm trước mà không có ông ta thì lôi thôi to[1].

Viên hạ sĩ quan đứng tán gẫu một lát nữa rồi bỏ đi (cái việc mà viên hạ sĩ vừa nhắc đến là một cuộc ẩu đả giữa tù binh với lính Pháp, trong đó Pier đã can ngăn được các bạn). Mấy người tù binh đã từng nghe Pier nói chuyện với viên hạ sĩ lập tức hỏi chàng xem hắn ta nói những gì. Trong khi Pier đang kể cho các bạn những điều viên hạ sĩ vừa nói về việc xuất quân, có một tên lính Pháp gầy gò, vàng vọt, ăn mặc rách rưới, đến gần cả nhà lán. Hắn đưa nhanh ngón tay lên trán với một cử chỉ rụt rè để chào Pier và hỏi chàng xem có phải trong lán này có anh lính Platos[2] không, chả hôm trước hắn có giao cho anh ta may một chiếc áo sơ–mi.

Trước đây một tuần lễ quân Pháp được phát da và vải, liền giao cho tù binh may giày và áo.

– Xong rồi, xong rồi anh bạn ạ. - Karataiev vừa nói vừa bước ra, tay cầm một chiếc áo sơ–mi gấp cẩn thận.

1. Vois-tu, Saint-Thomas, qu'il me disait l'autre jour: Kiril c'est un homme qui a de l'instruction: qui parle francais: c'est un seigneur russe, qui a ru des malheurs mais c'est un homme. Et il s'y entend le... S'il demande quelque chose qu'il me dise, il n'y a pas de refus. Quand on a fait ses études, voyez-vous, on aime l'instruction et les gens comme il faut. C'est pour vous que je dis cela, M.Kiril. Dans l'affaire de l'autre jour si ce n'était grace à vous, cà aurait fini mal.

2. Platoche.

Vì khí trời ấm áp và để làm việc cho tiện Karataiev chỉ mặc chiếc quần đùi và chiếc áo sơ-mi rách bươm đen xỉn như màu đất. Bác ta lấy dây buộc tóc lại theo kiểu thợ thuyền và khuôn mặt tròn trĩnh của bác lại càng có vẻ tròn trĩnh hơn và hiền hậu hơn.

– Hẹn giờ nào, trao giờ ấy; thợ giỏi đúng hẹn, thợ kém khất lần. Tôi bảo thứ sáu xong là y như rằng, đây, – Platon mỉm cười nói, và giơ chiếc áo sơ-mi vừa may xong ra.

Tên lính Pháp đưa mắt lo lắng nhìn quanh, rồi như đã khắc phục được ý lưỡng lự, hắn cởi chiếc áo quân phục mặc ngoài ra rất nhanh và mặc chiếc áo sơ-mi vào. Dưới chiếc áo ngoài tên lính Pháp không mặc áo sơ-mi, và trên tấm thân gầy gò, vàng vọt của hắn chỉ có một chiếc áo gi-lê dài bằng lụa hoa cáu bẩn. Hình như tên lính Pháp sợ rằng tốp tù binh đang nhìn hắn sẽ cười phá lên, bèn hối hả rúc đầu vào cổ áo sơ-mi. Trong đám tù binh không ai nói một tiếng.

– Đấy, vừa khéo, – Platon vừa nói vừa kéo chiếc áo sơ-mi. Sau khi đã chui đầu vào cổ áo và xỏ tay vào ống, tên lính Pháp không ngước mắt lên, hắn ngắm nghía chiếc áo đang mặc, rồi xem kỹ một đường may.

– Thôi anh bạn ạ, được rồi, đây có phải tiệm may đâu, chả có đồ nghề cho ra hồn mà không có đồ nghề thì giết một con rận cũng không xong – Platon nói, miệng mỉm một nụ cười tròn trĩnh và có vẻ tự lấy làm thích thú với tác phẩm của mình.

– Tốt lắm, tốt lắm, cám ơn, nhưng chắc còn thừa vải chứ?[1] Tên lính Pháp nói:

– Khi nào mặc hắn vào người lại còn đẹp hơn nữa cho mà xem, – Karatiev nói, bác ta vẫn mải ngắm nghía tác phẩm của mình. – Vừa đẹp lại vừa thoải mái...

1. C'est bien, e'est bien merci mais, vous devez avoir de la toile de reste?

– Cám ơn, cám ơn ông bạn già, thế còn chỗ vải thừa?...

Tên lính Pháp mỉm cười nhắc lại, rồi rút một tờ giấy bạc đưa cho Karataiev.

– Nhưng còn chỗ vải thừa[1]...

Pier thấy rằng Platon không muốn hiểu ý tên lính Pháp nói gì. Chàng không xen vào câu chuyện, lặng lẽ đứng nhìn. Karataiev cám ơn tên lính Pháp về chỗ món tiền giấy và tiếp tục ngắm nghía công trình của mình. Tên Pháp cứ khăng khăng đòi chỗ vải thừa và nhờ Pier dịch hộ cho Karataiev nghe.

– Hắn lấy chỗ vải vụn ấy làm gì? – Karataiev nói. – Để cho chúng mình làm băng quấn chân có phải tốt biết mấy. Thôi, Chúa phù hộ cho hắn, – Và Karataiev, sắc mặt buồn hẳn đi, rút ở trong ngực ra một nắm giẻ đưa cho tên lính Pháp, mặt không nhìn hắn. - Đấy! – Karataiev nói đoạn quay trở vào. Tên lính Pháp nhìn nắm giẻ, nghĩ ngợi một lát, đưa mắt nhìn Pier có ý dò hỏi, rồi dường như khóe mắt của Pier đã nói với hắn một điều gì, hắn bỗng đỏ mặt cất tiếng nói lí nhí như khóc:

– Platos, này Platos, cứ giữ lấy[2] – Hắn nói đoạn giả nắm vải vụn cho Karataiev rồi vội quay đi.

– Đấy anh em, – Karataiev bắt đầu nói, – gọi là quân tà giáo, thế nhưng cũng có lòng đấy chứ. Các cụ thường bảo tay ướt hay cho, tay khô keo kiệt kể cũng đúng: Chính hắn cũng rách rưới, ấy thế mà hắn vẫn cho. - Karataiev trầm ngâm cười tủm tỉm nhìn mấy miếng vải vụn, im lặng một lát. – Làm băng quấn chân tốt ra phết, – nói đoạn Karataiev quay trở vào nhà.

---

1. Marci, merci mon vieux, et le reste? - Mais le reste...
2. Platoche, dites donc, Platoche, gardez pour vous.

XII

Kể từ Pier bị bắt cho đến nay đã được bốn tuần lễ. Tuy quân Pháp có đề nghị với chàng sang ở bên nhà lán của sĩ quan, chàng vẫn ở lại gian nhà họ đã giam chàng hồi đầu cùng với những người lính thường.

Ở lại giữa thành Maxkva bị tàn phá và thiêu hủy, Pier đã trải qua những nỗi thiếu thốn gần như cùng cực mà con người có thể chịu được; nhưng nhờ có sức khỏe và sức chịu đựng, điều mà trước đây chàng không ngờ tới và nhất là vì những sự thiếu thốn này cứ đến dần từng tí một, khiến chàng không thể nói rõ nó bắt đầu từ lúc nào, cho nên chàng chịu đựng tình cảnh này một cách dễ dàng, thậm chí còn vui vẻ nữa. Và chính trong thời gian này, chàng đã có được cái tâm trạng thư thái và sự hài lòng với bản thân mà bấy lâu chàng đã hoài công tìm kiếm. Trong đời chàng, Pier đã tìm kiếm khắp nơi cái tâm trạng thư thái, thỏa thuận với bản thân đó, – Nó là điều đã đập mạnh vào tâm trí chàng ở những người lính trên chiến trường Borođino. Chàng đã tìm kiếm nó trong những công việc từ thiện, trong hội Tam điểm, trong cuộc sống phóng túng của giới xã giao, trong rượu, trong một chiến công hy sinh anh dũng, trong mối tình lãng mạn đối với Natasa, chàng cũng đã tìm tâm trạng đó bằng con đường tư duy, nhưng tất cả những sự tìm kiếm, những mưu toan ấy đều đã phụ lòng mong đợi của chàng.

Thế mà nay, chỉ vì đã trải qua những cơn khủng khiếp trước cái chết, trải qua những nỗi thiếu thốn, trải qua những điều mà chàng đã hiểu được ở Karataiev, chàng đã tìm được sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự hài lòng với bản thân, tuy không hề nghĩ đến

điều đó. Những phút kinh hoàng mà chàng đã trải qua trong cuộc hành hình dường như đã vĩnh viễn gạt bỏ khỏi tưởng tượng và ký ức của chàng những ý nghĩ và những cảm giác bứt rứt băn khoăn mà trước kia chàng tưởng là quan trọng. Chàng không hề nghĩ đến nước Nga, đến chiến tranh, đến chính trị hay đến Napoleông. Chàng thấy rõ như một sự thật hiển nhiên là những cái đó đều không dính dáng gì đến chàng, rằng chàng không có phận sự phê phán gì những cái đó cả, cho nên không thể phê phán được, "Nước Nga và mùa hè chẳng phải là bạn bè" – Chàng nhẩm lại lời Karataiev, và lời nói này đem lại cho chàng một sự yên tĩnh lạ lùng. Bấy giờ chàng thấy việc chàng định giết Napoleông và những cuộc tính toán của chàng về con số bùa chú và về con vật trong Apocalypxô là kỳ quặc, thậm chí còn lố lăng nữa. Lòng căm giận của chàng đối với vợ và sự lo lắng của chàng về chỗ tên họ của mình sẽ bị nhơ nhuốc, bây giờ chàng thấy nó không những vô nghĩa mà còn ngộ nghĩnh nữa. Người đàn bà ấy đang ở tận đâu đâu, sống cuộc đời mà người ấy ưa thích, thì điều đó có quan hệ gì đến chàng? Bọn Pháp biết hay không biết rằng tù binh của họ là bá tước Bezukhov thì cái đó có quan hệ đến ai, nhất là đến chàng?

Chàng thường nhớ lại buổi nói chuyện với công tước Anđrey và hoàn toàn đồng ý với bạn, nhưng chàng hiểu ý công tước Anđrey khác đi một chút. Công tước Anđrey nghĩ và nói rằng hạnh phúc chỉ có thể là tiêu cực, nhưng công tước Anđrey nói như vậy với một sắc thái chua chát và mỉa mai, tựa hồ trong khi nói như vậy lại muốn phát biểu ra một ý khác – là tất cả những khát vọng vươn tới hạnh phúc thực vốn có trong chúng ta đều chỉ cốt để cho chúng ta phải day dứt vì không được thỏa mãn. Chính Pier thừa nhận điều đó là đúng, không mảy may dè dặt. Không đau khổ, thỏa mãn được các nhu cầu sơ đẳng của sự sống và được tự do lựa chọn công việc làm tức là lựa chọn cách sống đó là hạnh phúc cao nhất của con người; bây giờ Pier đã thấy rõ như vậy, chẳng còn

nghi ngờ gì nữa. Ở đây, mãi đến bây giờ, lần đầu tiên Pier mới hiểu hết giá trị của cái thú được ăn khi đói; được uống khi khát, được ngủ khi buồn ngủ, được sưởi khi lạnh, được nói chuyện với một con người khi cần nói và khi cần nghe tiếng nói của con người. Thỏa mãn các nhu cầu – ăn cho ngon, ở cho sạch, sống cho tự do – bây giờ Pier phải thiếu tất cả những thứ ấy nên chàng thấy đó là hạnh phúc trọn vẹn, còn việc được lựa chọn việc làm, tức là được sống thì nay đã bị hạn chế lại và do đó, trở thành một việc đã dễ dàng quá, đến nỗi chàng thường quên rằng mọi cuộc sống quá phong lưu đến thủ tiêu hết cái hạnh phúc được thỏa mãn cái nhu cầu, và cái tự do lựa chọn việc làm, cái tự do to lớn mà học thức, của cải, địa vị xã hội đã cấp cho chàng, chính cái tự do đó khiến cho việc lựa chọn việc làm trở nên khó khăn đến nỗi không sao giải quyết được, và thủ tiêu cả nhu cầu lẫn khả năng làm việc.

Tất cả những ước mơ của Pier bây giờ đều hướng tới khi chàng sẽ được tự do. Thế nhưng về sau Pier suốt đời sẽ nghĩ và nói một cách hân hoan đến cái tháng bị cầm tù này, đến những cảm giác mạnh mẽ và vui mừng không bao giờ còn trở lại, và nhất là đến cái tâm trạng hoàn toàn thư thái và tự do mà chỉ có thời gian ấy chàng mới được cảm thấy.

Sáng hôm đầu tiên, khi chàng dậy từ sớm tinh mơ bước ra ngoài nhà lán và trông thấy những chiếc mái vòm tối xẫm, những cây thập tự của tu viện Novedevitsi, trông thấy những ngọn đồi Chim sẻ và dải bờ có rừng rậm uốn quanh co trên sông và khuất dần trong cõi xa xăm phủ một làn sương tim tím, khi chàng cảm thấy làn không khí mát lạnh mơn man trên da thịt và nghe những tiếng vỗ cánh của chim galka từ Maxkva băng qua đồng tới đây, rồi sau đó, khi chân trời phía đông bỗng lóe sáng lên, rồi vành trên của mặt trời trang trọng nhô lên khỏi đám mây, và chiếc mái vòm, những cây thập tự, những hạt sương, chân trời, dòng sông đều lung linh dưới làn ánh sáng tươi vui, Pier có một cảm giác

mới mẻ mà chàng chưa hề biết, cảm giác vui mừng và khỏe mạnh của sự sống.

Và cảm giác này không những không lúc nào rời chàng trong suốt thời gian bị cầm tù, mà trái lại, tình cảnh của chàng càng khó khăn thì cảm giác đó lại càng mạnh mẽ.

Cái cảm giác sẵn sàng chờ đón tất cả ấy, cái cảm giác khiến người ta thấy sức mạnh tinh thần của mình được gom góp lại ấy lại càng được củng cố thêm trong lòng Pier nhờ lòng kính phục của các bạn cầm tù đối với chàng ngay từ khi chàng đến gian nhà lán này. Pier biết nhiều ngoại ngữ, quân lính Pháp rất kính nể chàng, ai xin gì chàng cũng cho một cách dễ dãi và giản dị (theo tiêu chuẩn sĩ quan mỗi tuần chàng được cấp ba rúp), chàng có một sức mạnh phi thường, mà các binh sĩ đã từng được thấy rõ khi chàng dùng tay không ấn những cái đinh vào vách nhà lán, chàng đối xử rất hiền từ với các bạn, chàng có cái khả năng mà họ không sao hiểu nổi là có thể ngồi im hàng giờ không làm gì cả để suy nghĩ: những điều đó khiến cho binh sĩ thấy chàng là một con người siêu việt và có phần nào bí ẩn. Chính những đức tính của chàng mà trước kia, trong xã hội thượng lưu, nếu không phải là có hại thì cũng khiến chàng thấy là vướng víu: sức mạnh, thái độ coi thường những tiện nghi sinh hoạt, tính đãng trí, tính giản dị – thì ở đây, giữa những con người này, đã đưa lại cho chàng một địa vị gần như địa vị một bậc anh hùng. Và Pier cảm thấy lòng kính nể đó đòi hỏi chàng phải đáp ứng lại cho xứng đáng.

XIII

Đêm mồng sáu rạng ngày mồng bảy tháng mười, cuộc rút lui của quân Pháp bắt đầu: những gian nhà bếp, nhà lán bị phá đi,

những chiếc xe chở đồ được thu xếp gọn ghẽ, và đoàn quân lính cùng những đoàn xe bắt đầu chuyển động.

Vào lúc bẩy giờ sáng một toán quân áp giải của Pháp, mặc binh phục hành quân, đầu đội mũ sa-cô, vai vác súng, mang bạc-đà và những cái đẫy to tướng, đến đứng trước mấy gian nhà lán và tiếng nói chuyện rôm rả đặc biệt của người Pháp xen lẫn tiếng thề rủa, vang dội khắp cả tuyến quân.

Trong lán ai nấy đều đã mặc áo, nai nịt, đi giày xong xuôi và chỉ còn đợi lệnh ra ngoài, Xokolov, người lính bị ốm, xanh xao, gầy gò, hai con mắt thâm quầng, vẫn ngồi một mình ở chỗ cũ, chưa mặc áo đi giày gì cả, chỉ đưa đôi mắt lồi hẳn lên vì mặt quá gầy nhìn các bạn có ý dò hỏi, trong khi họ không để ý đến anh ta cả, và cất tiếng rên khe khẽ và đều đều. Hình như anh ta rên rỉ như vậy vì đau thì ít – anh bị bệnh kiệt lỵ – mà vì sợ buồn khi thấy phải ở lại một mình thì nhiều hơn.

Pier, chân đi một đôi giày mà Karataiev đã khâu cho chàng bằng chỗ rẻo thừa của một miếng da do một tên lính Pháp mang lại nhờ anh ta chữa hộ đế giày, lưng thắt một sợi dây thừng đến cạnh người ốm và ngồi xổm xuống trước mặt anh ta.

– Thôi Xokolov ạ, họ không đi hẳn đâu mà! Ở đây họ còn để lại một bệnh xá. Có lẽ anh còn đỡ khổ hơn chúng tôi, – Pier nói.

– Ôi lạy chúa! Tôi chết mất thôi! Ôi lạy chúa! – người lính cất tiếng rên to.

– Để tôi xin họ một lần nữa xem, – Pier nói đoạn đứng dậy đi ra cửa nhà lán. Trong khi Pier đến cạnh cửa, từ bên ngoài bước tới hai người lính cùng đi với viên hạ sĩ hôm qua đã mời Pier hút tẩu thuốc. Cả ba đều mặc binh phục hành quân, đeo bạc-đà, đội mũ sa-cô quai gài xuống cằm khiến cho khuôn mặt quen thuộc của họ trông lạ hẳn đi.

Viên hạ sĩ đến đây là để đóng cửa lán lại, theo lệnh cấp trên. Trước khi xuất phát phải điểm lại số tù binh.

– Ông hạ sĩ ơi người ốm này biết tính thế nào đây...?[1] - Pier mở đầu; nhưng ngay khi nói câu ấy chàng chợt nảy ra ý nghĩ hoặc không biết đây có phải là viên hạ sĩ chàng vẫn quen không, hay là một người lạ: lúc ấy viên hạ sĩ thật chẳng giống ngày thường chút nào. Hơn nữa, ngay khi Pier nói cậu ấy, thì từ hai phía bỗng nổi lên tiếng trống trận. Viên hạ sĩ nghe Pier nói thì cau mày văng ra một câu chửi rủa vô nghĩa rồi đóng sập cửa lại. Trong lán tối lờ mờ, từ hai phía tiếng trống dồn dập gay gắt, át hẳn tiếng rên rỉ của người ốm.

– "Nó đấy! Lại nó đấy?" – Pier tự nhủ, và bất giác chàng bỗng thấy lạnh toát sau sống lưng. Trong gương mặt thay đổi hẳn đi của viên hạ sĩ, trong giọng nói của hắn, trong tiếng trống thôi thúc và ầm ĩ át hết mọi tiếng khác Pier đã nhận ra cái sức mạnh huyền bí, dửng dưng, đã thúc đẩy con người phải giết đồng loạt mặc dầu không muốn thế, cái sức mạnh mà chàng đã thấy tác động của nó trong buổi hành hình. Sợ sệt, trốn tránh sức mạnh này, cầu xin hay van lơn những người làm công cụ cho nó đều vô ích. Bây giờ Pier đã biết rõ như vậy. Đành phải chờ đợi và chịu đựng thôi. Pier không lại gần người ốm nữa và không nhìn về phía anh ta. Chàng cau mày lặng lẽ đứng bên cửa lán.

Khi mở cửa và đám tù binh như một bầy cừu chen chúc nhau ùa ra, Pier chen ra phía trước và đến cạnh viên đại úy, chính viên đại úy mà viên hạ sĩ kia đã nói quả quyết với chàng là chàng cần gì ông ta cũng sẵn sàng giúp. Viên đại úy cũng mặc binh phục hành quân và trên khuôn mặt lạnh lùng của hắn cũng thấy có "nó", có cái mà Pier đã nhận ra trong tiếng trống và trong giọng nói của viên hạ sĩ.

1. Caporal, que fera-t-on du malade?

– *Đi đi, đi đi*[1], – viên đại úy nói, mày cau lại một cách nghiêm khắc và mắt nhìn những đám tù binh lũ lượt đi qua cạnh hắn. Pier biết rằng mình sẽ uổng công, nhưng vẫn đến gặp hắn.

– *Sao, có việc gì thế hả*[2] – viên đại úy ngoảnh lại nhìn, vẻ như không nhận ra Pier. Pier giãi bày tình cảnh người bệnh binh.

– Rồi nó sẽ đi được tốt, chứ quái gì! – Viên đại úy nói. – *Đi đi, đi đi!*[3] – Hắn nói tiếp, mắt không nhìn Pier.

– Không đi được đâu, anh ấy gần chết rồi[4] – Pier bắt đầu nói.

– *Thôi đủ rồi...!*[5] – Viên đại úy quát, mày cau lại, vẻ đanh ác. Đram–đa–đa–đam, đam, đram... tiếng trống vẫn đổ dồn, và Pier hiểu rằng cái sức mạnh huyền bí kia đã khống chế hoàn toàn những con người ấy, và bây giờ có nói gì cũng vô ích mà thôi.

Những sĩ quan tù binh bị tách riêng ra khỏi các tù binh thường và bị dẫn đi trước. Số sĩ quan, trong đó có Pier, là ba mươi người, lính thường thì có vào khoảng ba trăm.

Các sĩ quan tù binh ở các nhà lán khác thả ra đều lạ mặt, và ăn mặc tươm tất hơn Pier nhiều. Họ nhìn chàng, nhìn đôi giày của chàng một cách bỡ ngỡ và nghi kỵ. Đi cách Pier không xa có một viên thiếu tá to béo hình như được tất cả các bạn cùng bị giam kính nể. Ông ta mặc một chiếc áo dài nội tấm kiểu ka–zan lưng thắt một chiếc khăn bông, mặt vàng vọt, phù thũng và cau có, một tay ông ta cầm túi thuốc lá đút dưới vạt áo, tay kia chống trên một cái tẩu thuốc dài. Viên thiếu tá thở hổn hển không ra hơi, luôn mồm lẩu nhẩu và cáu bẳn với mọi người vì ông ta cứ có cảm giác là họ xô đẩy mình, là ai nấy đều quá hấp tấp, tuy chẳng có việc gì mà phải vội, là mọi người cứ lấy làm lạ về việc này việc

1. Filez
2. Eh bien, qu'est ce qu'il y a?
3. Il pourra marcher, que diable filez, filez
4. Mais son il a l'agonie
5. Voulez vous bien!..

nọ, tuy chẳng có chuyện gì đáng lấy làm lạ cả. Một người khác, một viên sĩ quan thấp bé và gầy gò, luôn mồm nói chuyện với khắp mọi người, phỏng đoán nào là bây giờ chúng đưa họ đi đâu, nào là trong ngày hôm nay liệu đi được bao xa. Một viên công chức đi ủng da, mặc quân phục quân nhu, chạy lăng xăng bên này bên kia để xem cảnh Maxkva bị cháy, lớn tiếng loan báo cho mọi người biết những điều mình vừa quan sát được: chỗ nào đã bị cháy, và góc phố hiện có thể trông thấy là khu nào. Một viên sĩ quan thứ ba, mà nghe giọng nói có thể đoán là người quê ở Ba Lan, tranh luận với viên công chức quân nhu, chứng minh cho hắn ta thấy rằng hắn đã xác định sai cái khu phố Maxkva.

– Các ông cãi vã gì thế? – Viên thiếu tá nói, giọng cáu kính. – Nikôlai hay Vlax cũng thế thôi; các ông không thấy là tất cả đều cháy trụi đấy sao? Chỉ có thế thôi... Sao ông lại cứ xô đẩy người ta thế, đường chật lắm hay sao? – ông ta bực tức quát một người đi ở phía sau, tuy người này chẳng hề xô đẩy gì ông ta cả.

– Ái chà chà, chúng nó tệ quá. – Khi thì ở phía này, khi thì ở phía kia, có nhiều tiếng xuýt xoa của đám tù binh, đang ngắm cảnh hoang tàn của thành phố, – Cả khu Zamoxkvoretsye cả khu Zobovo, và cả Kreml nữa... các ông nhìn mà xem, không còn lấy được một nửa. Thì tôi đã bảo cả khu Zamoxkvoretsye mà, các ông thấy chưa.

– À, ông đã biết là cháy rồi thì còn nói làm gì nữa! – viên thiếu tá nói. Khi đi ngang khu Khamovniki (một trong những khu phố hiếm hoi không bị cháy), qua một ngôi nhà thờ, cả đám tù binh bỗng dồn về một phía. Có những tiếng kêu kinh hãi và ghê tởm.

– Chà, cái quân khốn nạn! Thật là quân tà giao! Đúng là một người chết, đúng là một người chết rồi... không biết chúng nó lấy cái gì bôi vào mặt người ta thế!

Pier cũng len về phía nhà thờ, nơi có cái vật gây nên những tiếng kêu đó, và thoáng thấy một vật gì tựa vào hàng rào nhà thờ. Qua lời những người bạn thấy rõ hơn chàng Pier được biết rằng vật đó là một cái xác người đứng bên hàng rào, mặt trát đầy mồ hóng.

– *Đi đi, mẹ chúng mày... đi nhanh lên, đồ quỷ sứ!*[1] – có tiếng chửi rủa của toán quân đi áp giải, và bọn lính Pháp lại lấy sống gươm giận dữ xưa đám tù binh đang nhìn cái xác chết.

XIV

Qua các ngõ hẻm của khu Khamovniki chỉ có đoàn tù binh cùng đi với đội áp giải và những cỗ xe chở đồ của binh sĩ trong đội áp giải kéo theo sau; nhưng khi đi ngang các kho lương, họ lọt vào giữa một đoàn xe rất lớn của pháo binh đang trẩy thành một khối dày đặc, chen lẫn với những chiếc xe tải của tư nhân.

Đến sát cầu, tất cả đều dừng lại đợi cho những đoàn đi trước kéo qua. Đứng ở đầu cầu nhìn ra phía trước và về phía sau, đám tù binh có thể trông thấy những dãy xe vô tận đang trẩy đi. Bên phải, nơi con đường Kaluga uốn vòng qua Naxkutsnoye và mất hút ở phía xa, có những đoàn quân lính và xe tải kéo dài không dứt. Đó là những đạo quân thuộc lữ đoàn Bôharne đã xuất phát trước tất cả các lữ đoàn khác; ở phía sau, dọc theo bờ sông vào vắt ngang qua cầu Kamenny, quân đoàn của Ney với những đoàn xe tải của nó đang lũ lượt trẩy đi.

Quân của Đavu, trong đó có đoàn tù binh, đang lội qua quãng sông cạn Krưmxki và một bộ phận đã đổ ra đường. Nhưng các đoàn xe kéo dài đến nỗi những cỗ xe đi sau cùng của Bôharne chưa ra khỏi Maxkva và chưa tiến vào đường Kaluga mà tiền đạo của Ney đã ra khỏi Bolsaia Ordnka rồi.

1. Marchez, sacrénom... Filej; trente mille diables!

Khi lội qua chỗ cạn Krưmxki, đoàn tù binh đi vài bước rồi dừng lại, rồi lại bước đi, và bốn phía người và xe chen chúc nhau mỗi lúc một thêm dữ dội. Hơn một tiếng đồng hồ, họ mới vượt qua cái khoảng cách một trăm thước giữa cầu và đường Kaluga, đi đến quảng trường nơi hai con đường Zamoxkvoretsye và Kaluga gặp nhau, đoàn tù binh ùn lại thành một cụm, dừng lại và đứng yên ở chỗ ngã ba này mấy tiếng đồng hồ liền. Bốn bề đều nghe tiếng bánh xe lăn ầm ầm, tiếng giày dẫm rầm rập, và những tiếng quát tháo chửi rủa hòa với nhau thành một tiếng ào ào không lúc nào ngớt, nghe như tiếng sóng bể, Pier tựa sát người vào tường một ngôi nhà cháy dở, lắng tai nghe âm thanh ấy; trong trí tưởng tượng của chàng, nó pha lẫn với tiếng trống.

Mấy người sĩ quan tù binh muốn xem cho rõ hơn đã leo lên trên tường của ngôi nhà cháy dở nơi Pier đang đứng.

– Đông quá! Chà đông ghê thật...! Đồ đạc chất cả lên đại bác! Xem kìa, nó chở cả những bộ da lông. Quân khốn kiếp, chúng nó cướp nhiều thật... Xem chiếc xe tải của cái thằng ở phía sau kia kìa... Đúng là lấy ở tượng thánh ra rồi! Hẳn đó là bọn Đức. Có cả một lão mu-gich nhà ta nữa kia, đúng thế...! Chà quân khốn mạt...! Xem kìa. Chất nhiều đến nỗi không đi được nữa...! Kìa nữa, cả xe Đrojki chúng cũng lấy! Xem thằng kia ngồi trên đống rương hòm kia!... Cha mẹ ơi!... A, chúng nó đánh nhau!...

– Nó đánh vào mõm thằng kia, đúng vào mõm! Cứ thế này thì đợi đến tối cũng chưa đi được. Xem kìa, các ông xem kìa... chính Napoleông đây rồi. Thấy không, toàn ngựa quý, có mang phù hiệu mũ miện! Một ngôi nhà xếp! Thằng kia đánh rơi cái đẫy mà không biết. Lại đánh nhau... Cái bà bế con kia, trông khá đáo để! Nhìn mà xem, đi mãi không thấy hết. Bọn đĩ Nga kia, đúng rồi! Chúng ngồi trên xe rất chễm chệ...

Cũng như khi đi qua nhà thờ Khamovniki, một làn sóng tò mò lại dồn tất cả những tù binh ra đường, và Pier, nhờ vóc người cao

lớn, đã nhìn được qua đầu những người khác và trông thấy cái điều đã thu hút lòng tò mò của đám tù binh. Trên ba chiếc xe ngựa, lạc vào giữa những chiếc thùng đựng đạn có mấy người đàn bà ăn mặc diêm dúa, màu áo lòe loẹt, mặt đánh phấn tô son, đang ngồi chồng chất lên nhau, mồm kêu the thé.

Từ cái phút Pier thấy hiển hiện cái sức mạnh huyền bí kia, chàng không còn thấy cái gì là kỳ lạ hay khủng khiếp nữa: dù là cái xác mà người ta đã lấy bồ hóng trát vào mặt để làm trò đùa, hay những người đàn bà kia, đang vội vã đi đâu không rõ, hay cảnh Maxkva cháy tan hoang cũng vậy. Bây giờ tất cả những điều mà Pier trông thấy hầu như không gây nên một ấn tượng gì trong lòng chàng nữa, – tưởng chừng như trong khi sửa soạn bước vào một cuộc vật lộn khó khăn, lòng chàng không chịu tiếp đón những ấn tượng có thể làm cho nó suy nhược đi.

Đoàn xe chở đàn bà đã đi qua. Theo sau lại có những đoàn xe chở đồ, những toán lính, những xe chở lương, những toán lính, những chiếc xe hiệu, những toán lính, những hòm đạn, lại những toán lính, và thỉnh thoảng lại có những tốp đàn bà.

Pier không thấy rõ từng người riêng biệt, chàng chỉ thấy sự chuyển động của họ.

Tất cả những đoàn người ngựa ấy tựa hồ như đang bị một sức mạnh vô hình nào xua đi. Trong khoảng một tiếng đồng hồ, thời gian Pier đứng nhìn họ, tất cả những đoàn người ngựa ấy từ các phố đổ ra, cùng chung một nguyện vọng duy nhất là làm sao đi qua cho chóng; mỗi khi chạm phải nhau, họ đều phát cáu lên, đánh nhau; những hàm răng trắng nhe ra, những đôi lông mày cau lại, vẫn những câu chửi bới ấy lại được ném vào mặt nhau, và trên tất cả các gương mặt đều có cái vẻ cương quyết lạnh lùng và tàn nhẫn mà sáng hay Pier đã trông thấy trên gương mặt của viên hạ sĩ trong khi tiếng trống đổ dồn.

Đến chiều, viên sĩ quan chỉ huy đội quân áp giải tập hợp đơn vị lại, và luôn mồm quát tháo và cãi vã, y mở một con đường trong đám xe cộ. Đoàn tù binh len ra con đường Kaluga.

Họ đi rất nhanh, không nghỉ, và mãi đến khi mặt trời đã bắt đầu lặn họ mới đứng lại. Những đoàn xe được xếp sát vào nhau, và đám người bắt đầu sửa soạn nghỉ đêm. Ai nấy đều có vẻ tức giận và cau có. Hồi lâu, bốn phía đều nghe những tiếng chửi rủa, những tiếng quát tháo hằn học và những tiếng ẩu đả. Chiếc xe kiệu đi ở phía sau đội lính áp giải húc càng xe vào chiếc xe chở đồ của đội này, làm cho thùng xe vỡ toác ra. Từ bốn phía có mấy người lính chạy lại, người thì đánh vào đầu những con ngựa kéo chiếc xe kiệu và bắt chúng quay lại, người thì đánh nhau, và Pier thấy rõ một người lính Đức bị trọng thương vì một nhát đoản kiếm chém vào đầu.

Hình như bây giờ, khi đã đứng lại giữa cánh đồng trong ánh hoàng hôn lạnh lẽo của một chiều thu, tất cả những con người ấy đều cùng có một cảm giác khích động khó chịu vì cái tình trạng vội vã và phải di chuyển gấp gáp đến một nơi nào không rõ, cái cảm giác đã bao trùm lên mọi người khi xuất phát. Khi đã dừng lại, ai nấy dường như đã hiểu ra rằng chưa biết mình sẽ còn đi đâu nữa và trong chuyến đi này sẽ gặp nhiều khó khăn cực nhọc.

Ở trạm nghỉ đêm này lính áp giải đối xử với tù binh còn tệ hơn cả khi ra đi. Lần đầu tiên người ta đã phải thịt ngựa cho tù binh ăn.

Từ các sĩ quan đến người lính mạt hạng, ai nấy hình như đều có một mối thù riêng với mỗi người tù binh. Sự thay đổi đột ngột trong thái độ rất thân mật trước kia của họ khiến cho người ta có một cảm giác rõ rệt như vậy.

Thái độ thù hằn này càng lộ rõ thêm khi họ điểm danh các tù binh và nhận thấy rằng khi rời Maxkva một người lính Nga đã thừa lúc lộn xộn giả vờ đau bụng trốn mất. Pier thấy một tên Pháp

đánh một người lính Nga vì anh ta đi ra xa đường cái, và nghe tiếng viên đại úy, "bạn" chàng, trách mắng một viên hạ sĩ quan về tội đã để cho người lính Nga tẩu thoát và hăm dọa sẽ đưa hắn ra tòa. Khi viên hạ sĩ quan phân trần rằng người lính kia ốm không đi được, viên sĩ quan trả lời là đã có lệnh bắn chết những người tụt lại sau. Pier cảm thấy cái sức mạnh oan nghiệt đã đè bẹp chàng trong buổi hành hình và đã tạm thời bị che khuất đi trong thời gian giam cầm, nay lại hiện ra khống chế cuộc sống của chàng. Chàng thấy sợ hãi; nhưng chàng lại cảm thấy rằng các sức mạnh oan nghiệt ấy càng ra sức đè nén chàng bao nhiêu, thì cái sinh lực trong tâm hồn càng, không lệ thuộc vào sức mạnh kia, càng lớn mạnh lên bấy nhiêu.

Pier ăn xúp bột mì đen nấu với thịt ngựa và nói chuyện với các bạn.

Pier cũng như các bạn đồng hành của chàng không ai nhắc đến những điều họ đã trông thấy ở Maxkva, đến thái độ thô bạo của quân Pháp hay đến cái lệnh bắn chết những người tụt lại sau: dường như để đối phó với tình cảnh hiện tại, mọi người đều vui vẻ và phấn chấn. Họ nói đến những kỷ niệm riêng, đến những câu chuyện buồn cười đã xảy ra trong khi chiến dịch, và mỗi khi câu chuyện đả động đến tình cảnh hiện tại họ nói lảng sang chuyện khác.

Mặt trời đã lặn từ lâu. Lác đác trên nền trời, vài ngôi sao đã bắt đầu lấp lánh; một cái ráng đỏ giống như một đám cháy hiện lên ở chân trời, mặt trăng rằm từ từ mọc lên, và quả cầu đỏ ối, to tướng ấy rung rinh một cách kỳ lạ trong bóng tối màu xám. Trời sáng dần lên. Buổi chiều đã tàn, nhưng đêm vẫn chưa xuống. Pier đứng dậy, rời khỏi những người bạn mới và len giữa các đống lửa đi sang bên kia đường, nơi chàng nghe nói là các binh sĩ Nga bị bắt đang ngồi nghỉ. Chàng muốn nói chuyện với họ. Trên đường cái một tên lính canh Pháp chặn chàng lại và ra lệnh cho chàng phải quay về.

Pier quay lại, nhưng không trở về đống lửa của các bạn tù binh, mà lại đến cạnh một chiếc xe tải đã tháo ngựa. Ở đây không có ai cả. Chàng xếp chân ngồi xuống mặt đất lạnh lẽo bên cạnh bánh xe, đầu gục xuống. Chàng ngồi hồi lâu không nhúc nhích, trầm ngâm suy nghĩ. Hơn một giờ trôi qua, không ai đến quấy rầy chàng cả. Bỗng chàng cất tiếng cười hồn hậu, chàng cười to đến nỗi mọi người đều quay lại nhìn lại xem ai cười một mình mà nghe lạ lùng như vậy.

– Ha ha ha! – Pier cười lớn. Và chàng nói to lên một mình: – Tên lính kia không cho ta đi. Chúng nó bắt ta, giam ta. Chúng nó giữ ta lại làm tù binh. Ai! Ta! Ta à? Phải, ta, linh hồn bất diệt của ta! Ha ha ha!... – Chàng cười đến nỗi trào nước mắt ra.

Có ai đó đứng dậy và lại gần để xem cái người to béo và kỳ quặc kia có chuyện mà ngồi cười một mình như vậy. Pier im bặt, đứng dậy bỏ đi để tránh con người tò mò kia, và đưa mắt nhìn quanh.

Khu trại lộ thiên khổng lồ vô tận nãy giờ ầm ĩ những tiếng nói chuyện, tiếng củi nổ lách tách nay đã im lặng; những đống lửa đang lụi dần. Vầng trăng tròn trĩnh treo cao trên nền trời trong sáng. Những khu rừng và những cánh đồng mà lúc nãy đứng trong phạm vi khu vực hạ trại không thể trông thấy, nay đã hiện ra ở phía xa. Và xa hơn những khu rừng và những cánh đồng này nữa có thể thấy khoảng không vô tận, sáng sủa, rung rinh, đang như kêu gọi lòng người về với nó. Pier nhìn lên trời, dõi theo những ngôi sao đang lấp lánh và như đang xa dần ra mãi. "Và tất cả những cái đó đều là của ta, đều ở trong ta, tất cả những cái đó đều là ta! – Pier nghĩ. – Và tất cả những cái đó đã bị chúng bắt nhốt vào một gian nhà bằng ván!" Chàng mỉm cười và trở về dọn chỗ ngủ bên cạnh các bạn tù binh.

XV

Vào những ngày đầu tháng mười lại có một sứ giả đem thư của Napoleông đến gặp Kutuzov đề nghị giảng hòa. Bức thư đề là gửi từ Maxkva, nhưng thực ra bấy giờ Napoleông đang ở cách Kutuzov không xa, trên con đường Kaluga cũ. Kutuzov cũng phúc đáp bức thư này giống như đã phúc đáp bức thư trước đây do Lorixton đưa lại: ông trả lời là không thể nói đến chuyện hòa giải được.

Ít lâu sau có tin của đội du kích Đorokhov, bấy giờ đang hành quân ở phía trái Tarutino, báo về là quân địch xuất hiện ở Fominxkoye: đó là sư đoàn của Bruxiê, sư đoàn này cách biệt với các đơn vị khác khá xa, cho nên có thể tiêu diệt nó một cách dễ dàng. Binh lính và sĩ quan lại đòi hành động. Các tướng tá ở bộ tham mưu, được trận thắng dễ dàng ở Tarutino khích lệ, nằng nặc đòi Kutuzov thi hành lời đề nghị của Đorokhov. Kutuzov cho rằng lúc này không cần phải tấn công gì cả. Rốt cục người ta có được một cái gì nửa vời; đó chính là những việc sẽ được thực hiện. Một đội quân nhỏ được phái đến Fominxkoye để tấn công Bruxiê.

Do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, công việc này – một công việc hết sức khó khăn và quan trọng, như sau này người ta đã thấy rõ, – được giao cho Đorokhturov, chính cái ông Đorokhturov nhỏ bé, khiêm tốn mà không có ai miêu tả đang ngồi soạn kế hoạch tác chiến, là đang phóng ngựa như bay trước các binh đoàn hay đang ném huân chương chữ thập lên các trận địa pháo, vân vân con người vẫn bị coi là thiếu cương quyết, thiếu sáng suốt, nhưng lại chính là người mà trong suốt thời gian diễn ra những cuộc chiến tranh Nga, – Pháp, từ Auxterlitx cho đến năm 1813, hễ nơi nào tình thế khó khăn là ta thấy đứng ở vị trí chỉ huy. Ở Auxterlitx,

ông ta đã ở lại sau cùng bên đê Aoghext, tập hợp các trung đoàn, cứu vãn những gì còn cứu vãn được, trong khi mọi người đều đã bỏ chạy hay gục chết, và ở hậu quân không có lấy một viên tướng. Chính ông ta, trong khi đang ốm đau, đang lên cơn sốt, đã đem hai vạn quân đến Xmolenxk để bảo vệ thành phố này, chống cự với toàn thể đại quân của Napoleông. Ở Xmolenxk, trong khi đang nằm thiu thiu ngủ ở gần cửa Malakhovxki trong một cơn sốt cực kỳ dữ dội, tiếng đại bác oanh tạc Xmokenxk đã đánh thức ông ta dậy, và Xmolenxk đã kháng cự suốt một ngày ròng rã. Ở trận Bagratyon đã tử trận, các đơn vị ở cánh trái quân ta thương vong chỉ còn một phần chín và pháo binh Pháp tập trung hết hỏa lực bắn vào đấy, người ta chẳng cử ai ngoài cái ông Đorokhturov thiếu cương quyết và thiếu sáng suốt ấy; Kutuzov cũng đã toan phái người khác, nhưng lại vội vàng chữa lại sai lầm. Và Đorokhturov, con người thấp bé hiền lành ấy đã phi ngựa đến đấy, và trận Borođino đã trở thành áng vinh quang lớn nhất của quân đội Nga. Người ta đã ca ngợi bằng văn xuôi và bằng thơ nhiều vị anh hùng trong trận Borođino, nhưng Đorokhturov thì hầu như chẳng có ai nhắc đến một câu.

Và chính Đorokhturov đã được cử đến Fominxkoye rồi từ đấy lại được cử đến Maly – Yaroxlavltx, nơi đã xảy ra trận đánh cuối cùng với quân Pháp, và là nơi mà quá trình diệt vong của quân đội Pháp đã bắt đầu. Và người ta lại ca ngợi nhiều vị anh hùng và nhiều nhà cầm quân thiên tài đã lập công trong thời kỳ này, nhưng Đokhoturov thì chẳng ai nói đến, hoặc chỉ nói rất ít, hoặc nói với một thái độ hồ nghi. Và việc họ tảng lờ Đokhturov đi như vậy chính là bằng chứng hiển nhiên nhất tỏ rõ tài năng và công lao của ông. Lẽ tự nhiên khi một người không hiểu hoạt động của máy móc mà nhìn vào bộ máy đang chạy, thì có thể tưởng đâu bộ phận quan trọng nhất là cái mảnh vỏ bào tình cờ rơi vào máy đang chạy loạn xạ giữa các bánh xe và cản trở hoạt động của máy. Một người không

biết rõ cơ cấu của máy thì không thể hiểu rằng bộ phận quan trọng nhất trong máy không phải là cái mảnh vỏ bào kia, vốn chỉ là cho máy khó chạy và hư hỏng đi, mà là cái trục chuyển tiếp nhỏ đang quay đều không tiếng động.

Ngày mồng mười tháng mười, chính cái ngày mà Đokhoturov đã đi được nửa đoạn đường dẫn đến Fominxkoye và dừng lại ở thôn Arixtovo chuẩn bị thi hành một cách chính xác mệnh lệnh đã nhận được, quân đội Pháp lúc bấy giờ trong cuộc hành quân hoảng hốt đã đi đến vị trí của Muyra, có vẻ như định mở một trận đánh, thì bỗng nhiên vô cớ quay về bên trái, tiến về con đường Kaluga mới và bắt đầu tiến vào thôn Fominxkoye nơi mà trước đây chỉ có một mình Bruxiê đóng. Lúc ấy dưới quyền chỉ huy của Đokhturov, ngoài đội du kích của Đorokhturov ra còn có hai đội quân nhỏ của Figner và Xexlavin.

Tối hôm mười một tháng mười Xexlavin đem một tên tù binh trong đội cận vệ của Pháp vừa mới bắt được đến gặp thượng cấp ở Arixtovo. Tên tù binh cho biết rằng những đạo quân đến Fominxkoye hôm nay là tiểu đạo của đại quân, rằng Napoleông hiện có mặt ở đấy, rằng toàn quân đội đã ra khỏi Maxkva được năm hôm nay. Cũng tối hôm ấy, một người gia nô ở Borovxk đến kể lại rằng y đã thấy một đạo quân rất lớn tiến vào thành phố. Những người lính cô-dắc trong đội du kích của Đorokhov báo cáo rằng họ đã trông thấy đội quân cận vệ của Pháp đi trên con đường dẫn đến Borovxk. Qua tất cả những tin tức ấy có thể thấy rõ rằng nơi mà trước đây người ta đã dự tính sẽ gặp một sư đoàn, thì nay là toàn thể quân đội Pháp từ Maxkva đến theo một hướng đi bất ngờ - theo con đường Kaluga cũ. Đokhoturov không muốn quyết định tiến hành một việc gì hết vì bây giờ ông ta không thấy rõ nhiệm vụ của ông là thế nào. Ông đã được lệnh tấn công Fominxkoye. Nhưng trước đây ở Fominxkoye chỉ có một mình Bruxiê mà nay thì lại là toàn thể quân đội Pháp, Yermolov muốn hành động theo ý của

mình, nhưng Đorokhturov một mực nói rằng ông ta cần phải có lệnh của Điện hạ Tối quan minh. Họ bèn quyết định gửi báo cáo về đại bản doanh.

Với mục đích này họ chọn một viên sĩ quan thông minh, tên là Bokkhovitinov, ngoài việc đưa thư ra còn có nhiệm vụ trình bày hết tình hình hiện tại. Vào khoảng gần nửa đêm Bolkhovitinov nhận phong thư và những lời căn dặn, rồi đem theo một người lính cô-dắc và mấy con ngựa dự bị, phi nước đại về đại bản doanh.

XVI

Đêm hôm ấy là một đêm thu tối trời và ấm áp. Trời mưa lâm thâm đã bốn ngày nay. Sau khi đổi ngựa hai lần và vượt ba mươi dặm đường bùn lầy nhớp nháp trong một tiếng rưỡi đồng hồ, Bolkhovitinov đến Betasovka vào khoảng một giờ đêm. Đến trước một ngôi nhà có treo biển "Đại bản doanh" ở hàng rào, anh ta xuống ngựa và bước vào gian phòng ngoài tối om.

– Cần gặp vị tướng phiên trực ngay! Việc rất quan trọng - Fominxkoye Bolkhovitinov nói với một người nào vừa nhổm dậy và đang thở phì phì trong bóng tối của gian phòng ngoài.

– Từ tối hôm qua, tướng quân mệt nặng, đã ba đêm nay không ngủ, – tiếng người cần vụ thì thào khẩn khoản. – Ông hãng đánh thức quan đại úy đã dậy.

– Quan trọng lắm, có tin của tướng quân Đokhturov – Bolkhovitinov vừa nói vừa lần mò bước vào cửa. Người cần vụ leo vào trước và bắt đầu đánh thức một người nào không rõ.

– Thưa đại nhân, thưa đại nhân có "cung" văn!

– Cái gì thế, cái gì thế, sao? Ai gửi đến? – Có tiếng ai ngái ngủ hỏi lại.

– Do Đokhturov và Alekxey Petrovits phái đến. Napoleông đã đến Fominxkoye, – Bolkhovitinov nói, trong bóng tối anh ta không trông thấy người hỏi, nhưng nghe giọng nói anh ta đoán biết là không phải Konovnitxyn.

Người bị đánh thức ngáp dài và vươn vai.

– Tôi chẳng muốn đánh thức ông ta dậy một tí nào, – Người ấy vừa nói vừa sờ soạng tìm cái gì không rõ. – Đang ốm; chắc lại tin đồn thế thôi chứ gì?

– Báo cáo đấy, – Bolkhovitinov nói, – có lệnh phải chuyển ngay cho tướng phiên trực.

– Khoan đã, để tôi thắp nến. Thằng chết tiệt, mày để ở đâu thế? – người kia vừa vươn vai vừa nói với người cần vụ – đó là Serbinin sĩ quan phụ tá của Konovnitxyn. – Đây rồi, đây rồi – anh ta nói thêm.

Người cần vụ đánh đá lửa, Serbinin mò mẫm tìm cái chân nến.

– Chà cái đồ đá lửa hạng bét, – anh ta nói, giọng ngán ngẩm.

Trong ánh lửa lóe ra. Bolkhovitinov thấy khuôn mặt trẻ trung của Serbinin đang cầm nến ở góc phòng có một người nào vẫn đang ngủ. Đó chính là Konovnitxyn.

Khi lưu huỳnh xát vào cái bùi nhùi đã bùng cháy thành một ngọn lửa lúc đầu xanh lè, sau ngả thành màu đỏ, Serbinin đốt ngay nến mỡ bò lên khiến cho mấy con gián đang gặm nến bỏ chạy tán loạn, và ngước mắt lên nhìn người tín sứ. Bolkhovitinov người lấm bùn be bét, đang lấy ống tay áo quệt lên mặt.

– Nhưng ai báo? – Sebinin nói, tay cầm lấy phong thư.

– Tin chắc chắn đấy, – Bolkhovitinov nói. – Tù binh, lính cô-dắc, trinh sát viên đều nhất trí với nhau.

– Thôi đành phải thức ông ấy dậy, – Serbinin nói đoạn đứng dậy bước đến cạnh phòng – Ông Piotr Petrovits – Anh ta gọi.

Konovnitxyn không nhúc nhích. – Lên đại bản doanh! – Anh ta nói thêm và mỉm cười, vì biết rằng mấy chữ này chắc chắn sẽ làm cho Konovnitxyn choàng dậy. Quả nhiên, cái đầu đội mũ chụp ban đêm lập tức nhấc lên. Trên khuôn mặt tuấn tú, cương quyết của Konovnitxyn, với đôi má hum húp và đỏ ửng vì cơn sốt, trong một khoảng khắc vẫn còn lại cái thần sắc mơ màng của những giấc chiêm bao xa rời tình hình hiện tại, nhưng rồi ông bỗng giật mình: gương mặt lại trở lại với vẻ điềm tĩnh và cương nghị thường ngày.

– Sao, có việc gì? Ai phái ông đến? – Konovnitxyn hỏi ngay, nhưng không hấp tấp, mắt nhấp nháy vì chói ánh đèn. Trong khi nghe viên sĩ quan báo cáo, ông ta bóc thư ra đọc. Vừa đọc xong, ông đã bỏ đôi chân đi tất len xuống nền đất và bắt đầu xỏ giầy. Đoạn ông ta cất chiếc mũ chụp, chải lại mớ tóc mai rồi đội mũ lưỡi trai lên.

– Anh đi đến đây có nhanh không? Ta đến gặp điện hạ đi, – Konovnitxyn hiểu ngay rằng tin vừa đưa lại có một tầm quan trọng rất lớn, và không thể chậm trễ được. Tin ấy lành dữ ra sao, ông ta không hề băn khoăn tự hỏi. Điều đó không quan trọng gì đối với ông. Ông nhìn nhận việc quân không phải bằng trí tuệ, bằng óc xét đoán, mà bằng một cái gì khác. Trong tâm hồn ông có một niềm tin sâu sắc và không biểu lộ ra ngoài, rằng mọi việc đều sẽ tốt đẹp. Nhưng ông lại cho rằng không nên tin như vậy và lại không nên nói ra, chỉ nên làm tròn bổn phận của mình. Và ông đã dốc hết sức lực ra làm việc đó.

Piotr Petrovits Konvovnitxyn, cũng như Đorokhov, sở dĩ được ghi tên vào danh sách những người gọi là anh hùng của những Platov, những Miloradovits, chẳng qua cũng vì người ta sợ không ghi tên họ vào thì khó coi. Cũng như Đokhturov, ông ta thường được xem là một người năng lực và kiến thức rất hạn chế, và cũng như Đokhturov, Konovnitxyn không bao giờ soạn kế hoạch tác chiến, nhưng chỗ nào khó khăn nhất bao giờ cũng có mặt ông ta; từ

khi nhận chức tướng phiên trực, ông bao giờ cũng để ngỏ cửa phòng trong khi ngủ và dặn là có tín sứ nào đều cũng phải đánh thức ông ta dậy; trong chiến trận, ông ta bao giờ cũng có mặt ở dưới hỏa lực của địch, đến nỗi Kutuzov phải quở trách ông ta về việc đó và thường ngại không dám cử ông đi; và cũng như Đokhturov, ông ta là một trong những cái trục nhỏ im lặng quay đều, nhưng lại là bộ phận trọng yếu nhất của bộ máy.

Khi ra khỏi ngôi nhà gỗ bước vào bóng đêm tối mịt và ướt át, Konovnitxyn cau mày, phần vì đầu đang nhức buốt lại càng nhức buốt thêm, phần vì một ý nghĩ khó chịu vừa nẩy ra trong óc, là bây giờ cả cái đám nhân vật trọng yếu ở bộ tham mưu kia sẽ tha hồ mà lăng xăng nhốn nháo, nhất là Bennigxen, sau trận Tarutino đã trở thành kẻ thù sâu cay của Kutuzov. Họ sẽ tha hồ đề nghị, tranh cãi, ra lệnh, bãi lệnh. Và ý nghĩ này làm cho Konovnitxyn khó chịu, tuy ông cũng biết rằng không thế thì không xong.

Quả nhiên ông vừa ghé vào nhà Tol báo tin, thì hắn ta lập tức trình bày ý kiến với viên tướng cùng ở chung nhà. Sau khi im lặng và mỏi mệt nghe Tol nói, Konovnitxyn nhắc hắn đến gặp Điện hạ Tối quang vinh.

XVII

Cũng như tất cả các cụ già, về đêm Kutuzov ngủ rất tí. Ban ngày thì ông hay ngủ gật bất thình lình, nhưng ban đêm thì ông cứ để nguyên áo quần nằm trên giường, thường không ngủ và trầm ngâm suy nghĩ.

Bây giờ cũng vậy, ông đang nằm trên giường, tựa cái đầu to bị thương tật lên bàn tay phốp pháp, chống khuỷu xuống đệm, trầm ngâm suy nghĩ, con mắt độc long mở thao láo vào bóng tối.

Từ khi được thư đi từ lại với hoàng thượng và trở thành người có thế lực nhất trong bộ thươm mưu, Bennigxen đã tránh mặt ông ta, và Kutuzov được yên tâm hơn vì bây người ta không bắt quân đội của ông phải tham gia vào những cuộc hành binh tấn công vô ích nữa. Bài học của trận Tarutino và những việc xẩy ra ngày hôm trước ông nhớ rất rõ những việc đó như người ta thường nhớ kỹ một kỷ niệm đau đớn – chắc cũng phải tác động đến họ, Kutuzov nghĩ thế.

"Họ phải hiểu rằng quân ta mà tấn công thì chỉ có thể thua thôi. Kiên nhẫn và thời gian: đó là hai chiến sĩ dùng mãnh nhất của ta!" – Kutuzov nghĩ. Ông ta biết rằng không nên hái quả táo khi nó hãy còn xanh. Nó sẽ rụng xuống khi đã chín, còn nếu hái quả xanh thì chỉ hại quả, hại cây và hại cả mình nữa. Như một người thợ săn giàu kinh nghiệm, Kutuzov biết rằng con thú đã bị thương, và chỉ có toàn lực lượng của dân Nga mới có thể làm cho nó bị thương nặng đến như vậy được, nhưng vết thương có nguy hại đến tính mạng nó không, thì vẫn còn là một vấn đề chưa được sáng tỏ. Bây giờ, cứ suy qua những chuyến đi của Lorixton và Berthelemy, và những lời báo cáo của quân du kích, Kutuzov đã biết gần chắc rằng nó đã bị tử thương. Nhưng vẫn cần có thêm bằng chứng, vẫn cần phải đợi.

"Họ cứ muốn chạy ra xem xem họ đã đánh nó bị thương như thế nào. Hãy đợi đấy, rồi sẽ thấy. Cứ nói hành quân với tấn công mãi – Kutuzov nghĩ. – Để làm gì? Lúc nào cũng muốn tỏ ra xuất sắc! Làm như đánh nhau là một việc vui vẻ lắm không bằng. Họ chẳng khác những đứa trẻ mà khi có ai muốn hỏi xem sự việc đã xảy ra như thế nào thì cứ nói lung tung không thể nào hiểu được, vì trong bọn họ ai cũng muốn tỏ ra mình biết đánh nhau đây. Nhưng bây giờ vấn đề không phải ở đấy.

"Mà bọn họ đề ra những cách hành quân mới tài tình chứ! Họ tưởng đâu nghĩ ra được hai ba trường hợp có thể xảy ra (ông nhớ

lại bản kế hoạch tổng quát ở Pêterburg) thế là đã dự tính được hết mọi trường hợp rồi đấy. Mà trường hợp có thể xảy ra thì vô số!".

Cái vấn đề chưa được giải quyết, là vết thương của con thú ở Borođino có nguy hại đến tính mệnh nó không, đã suốt một tháng ròng treo lơ lửng trên đầu Kutuzov. Một mặt thì quân Pháp đã chiếm Maxkva. Mặt khác Kutuzov cảm thấy rõ rằng không còn chút hồ nghi, rằng cái vố kinh khủng mà ông ta đã cùng toàn dân Nga dốc hết sức lực giáng vào đầu nó, tất phải làm cho nó tử thương. Nhưng dù sao cũng phải có những bằng chứng, ông đợi những bằng chứng ấy đã một tháng nay, và thời gian trôi qua thì ông càng sốt ruột. Trong những đêm trường nằm thao thức không ngủ, Kutuzov cũng làm cái việc mà giới tướng tá trẻ tuổi vẫn làm, chính cái việc mà ông thường chê bai họ. Ông nằm nghĩ ra tất cả những trường hợp có thể xảy ra, cũng đúng như bọn tướng trẻ, chỉ khác một điều là ông không lấy những điều dự tính ấy làm căn cứ để mưu tính việc gì cả, và không phải chỉ nghĩ ra vài ba trường hợp, mà hàng nghìn. Ông càng nghĩ lại càng thấy có thêm nhiều trường hợp. Ông nghĩ ra đủ các cách hành quân của Napoleông – di chuyển toàn quân hay từng bộ phận – hoặc tiến về Pêterburg hoặc tiến đánh ông, hoặc đi vòng để vây bọc ông. Kutuzov nghĩ đến cả cái trường hợp mà ông sợ nhất, là Napoleông cũng dùng cái sách lược của chính ông để chống lại ông: ở lại Maxkva đợi quân Nga, Kutuzov lại còn nghĩ đến trường hợp Napoleông cho quân lui về Mađyn và Yukhnov[1], nhưng cái trường hợp duy nhất mà ông không thể ngờ được lại là trường hợp đã thực tế xảy ra, cái cuộc hành quân điên rồ, hốt hoảng của quân đội Napoleông trong khoảng mười một ngày đầu kể từ khi rời bỏ Maxkva, một cuộc hành quân đã khiến cho cái việc mà hồi đó Kutuzov chưa dám nghĩ tới lại có khả năng trở thành sự thật: tiêu diệt hoàn toàn quân đội Pháp.

1. Mađyn và Yukhanov đều ở trên đường Kaluga.

Những bản báo cáo của Đorokhov về sư đoàn Bruxiê, tin tức của quân du kích đưa về kể lại những thảm họa của quân Napoleông, những tin đồn về việc sửa soạn rời khỏi Maxkva – mọi việc đều xác nhận ức thuyết cho rằng quân Pháp đã kiệt quệ và đang sửa soạn chạy dài, nhưng đó chỉ là những ức thuyết, giới thanh niên thì cho là quan trọng, nhưng Kutuzov thì không. Với cái lịch lãm của một ông già sáu mươi, Kutuzov biết rõ cách đánh giá các tin đồn, ông biết rằng khi người ta mong muốn một điều gì, người ta có thể tập hợp các tin tức một cách thế nào cho nó có vẻ xác nhận điều đang mong muốn, và sẵn sàng bỏ bớt tất cả những điều có thể chứng minh ngược lại. Và càng mong muốn điều đó, Kutuzov lại càng ít cho phép mình cả tin rằng nó đang trở thành hiện thực. Vấn đề này đã thu hút hết tinh lực của ông. Tất cả những việc khác đối với ông chỉ là cách thực hiện quen thuộc nếp sinh hoạt thường ngày: những cuộc nói chuyện với các sĩ quan trong bộ tham mưu, những bức thư gửi bà đờ Xtal[1] viết từ Tarutino, đọc tiểu thuyết, ban phát huân chương, thư từ với Pêterburg v.v... Nhưng sự diệt vong của quân Pháp, mà chỉ có một mình Kutuzov dự tính trước, là ước vọng thiết tha nhất, ước vọng duy nhất của ông.

Đêm mười một tháng mười ông chống khuỷu tay nằm nghĩ đến điều đó.

Ở phòng bên có tiếng sột soạt và tiếng bước chân của Tol, Konovnitxyn và Bolkhovitinov.

– Ai đấy? Vào, mời vào đi! Có tin gì mới? – vị nguyên soái gọi to. Trong khi người cần vụ thắp nến, Tol liền kể lại các tin tức.

– Ai đem tin lại? – Kutuzov hỏi, và khi ngọn nến đã thắp lên, vẻ mặt lạnh lùng và nghiêm khắc của ông khiến Tol phải kinh ngạc.

1. Mme de Stael. Nhà văn Pháp sống ở Nga trong thời kỳ Đế chính.

– Thưa Điện hạ, không còn có thể nghi ngờ gì nữa ạ.

– Gọi người ấy vào đây, gọi vào đây.

Kutuzov ngồi buông thõng một chân xuống giường, cái bụng phệ đè lên trên chân kia đang xếp lại. Ông nheo con mắt độc long lại để nhìn cho rõ người tín sứ, dường như muốn đọc trên nét mặt người ấy một lời giải đáp cho những điều đang khiến ông băn khoăn.

– Nói đi, nói đi anh bạn. – Kutuzov nói với Bolkhovitinov với cái giọng trầm của các cụ già, tay cài cúc chiếc áo sơ-mi hở ngực. – Lại đây, lại gần đây nào. Anh đem lại cho ta những tin gì thế? Napoleông đã rời Maxkva à? Thật chứ? Hả?

Bolkhovitinov thuật lại tỉ mỉ từ đầu tất cả những điều anh ta được lệnh báo cáo.

– Nói nhanh, nói nhanh đi, đừng làm ta sốt ruột, – Kutuzov ngắt lời viên tín sứ.

Bolkhovitinov đã báo cáo xong và lặng thinh đợi lệnh. Tol toan nói, nhưng Kutuzov đã ngắt lời. Ông muốn nói một câu gì. Nhưng bỗng nhiên mặt ông nhăn lại; ông khoát tay về phía Tol, quay mặt vào góc bàn thờ của gian nhà, nơi có những bức tượng Thánh tối mờ mờ.

– Lạy Chúa, đấng đã sáng tạo ra con! Người đã nghe lời cầu nguyện của chúng con... – Kutuzov chắp tay lại nói, giọng run run. – Nước Nga đã thoát nạn. Xin đội ơn Chúa! – Nói đoạn ông khóc nức nở.

XVIII

Từ khi được tin quân Pháp rút khỏi Maxkva cho đến khi chiến dịch kết thúc, toàn bộ hoạt động của Kutuzov chỉ nhằm làm sao dùng quyền hành, dùng mưu mẹo, dùng những lời cầu xin để giữ

cho quân đội khỏi lao vào những cuộc tấn công, những cuộc chuyển quân, những cuộc xung đột vô ích với một kẻ địch đang trên con đường diệt vong. Đokhturov tiến về phía Maly Yaroxlavetz; nhưng Kutuzov cứ chần chừ và ra lệnh rút khỏi Kaluga, cho rằng rất có thể còn phải rút xa hơn nữa.

Khắp các nơi Kutuzov đều rút lui, nhưng quân địch không đợi cho ông rút quân đã bỏ chạy về phía ngược lại.

Các sử gia của Napoleông kể lại cho chúng ta nghe cuộc hành quân khôn khéo của ông ta về phía Tarutino và Maly Yaroklavetx, giả thiết những việc sẽ diễn ra nếu Napoleông kịp đem quân tới những tỉnh trù phú ở miền Nam.

Nhưng các sử gia đó quên mất rằng thật ra không có gì ngăn trở Napoleông tiến vào các tỉnh miền Nam này (vì quân đội Nga để cho ông ta đi lại tự do, họ lại còn quên rằng không có gì có thể cứu vãn được quân đội Napoleông nữa, vì ngay từ lúc ấy nó đã mang trong người nó những điều kiện tất yếu của sự dồi dào ở Maxkva nhưng không gìn giữ mà lại giẫm nát ra, một quân đội khi đến Xmolenxk đã không chịu chia lương cho quân lính mà lại phá hủy đi, làm sao một quân đội như thế lại có thể phục hồi sinh lực ở tỉnh Kaluga, nơi mà dân cư vẫn là những người Nga như ở Maxkva, và ở đấy lửa cũng có cái thuộc tính chung là đốt cháy những vật đưa vào.

Quân đội ấy dù ở nơi nào cũng không thể phục hồi sinh lực được. Từ trận Borodino và từ khi cướp phá Maxkva, nó dường như đã mang trong mình đủ các điều kiện hóa học của sự giải thể rồi.

Bây giờ thì các quân đội ấy chỉ còn là một đám người bỏ chạy với những kẻ cầm đầu, chẳng biết mình chạy đi đâu, và chỉ mong có một điều (từ Napoleông cho đến từng tên lính một): làm thế nào cho bản thân mình thoát ra khỏi cái tình trạng mà do một trực giác mơ hồ họ đều biết là tuyệt vọng. Vì thế cho nên trong buổi họp hội đồng Maly Yaroxlavetx sau khi các tướng Pháp đưa ra nhiều ý kiến khác nhau rồi giả vờ tranh luận, thì ý kiến cuối cùng của

tướng Mutông chất phác và ngây thơ, nói lên cái điểm mà ai nấy đã đang nghĩ là phải làm sao chuồn đi cho nhanh, ý kiến ấy đã làm cho mọi người câm miệng, và không có ai, ngay cả Napoleông, có thể nói một câu nào để bác lại cái sự thật mà mọi người đều công nhận.

Tuy ai nấy đều biết rằng cần phải rút đi, nhưng người ta vẫn xấu hổ khi nghĩ rằng mình phải bỏ chạy. Cần phải có một sức đẩy ở bên ngoài có thể thắng được sự xấu hổ ấy. Và cái sức đẩy đó đã đến đúng lúc. Đó chính là cái mà người Pháp gọi là tiếng hô *Ura của hoàng đế*[1].

Sau hôm họp hội đồng, vào lúc sáng sớm Napoleông giả vờ muốn kiểm tra lại quân đội và quan sát cái địa điểm đã xảy ra và sắp xảy ra chiến trận, cùng với đoàn tùy giá gồm các thống chế và đội vệ binh cưỡi ngựa đi giữa tuyến quân. Một toán cô-dắc đang sục sạo để tìm chiến lợi phẩm tình cờ vấp phải hoàng đế và chỉ thiếu một ly nữa là bắt được ông ta. Sở dĩ lần này quân cô-dắc không bắt được Napoleông là vì cái đã đưa quân đội Pháp đến chỗ chết lại chính là cái cứu thoát ông ta: đó là chiến lợi phẩm. Ở đây cũng như ở Tarutino, quân cô-dắc đã bỏ người lao vào cướp chiến lợi phẩm cũ. Họ không để ý đến Napoleông, chỉ chú tâm vào chiến lợi phẩm cho nên Napoleông đã trốn thoát kịp.

Khi *mà những đứa con đẻ của sông Đôn*[2] đã có thể suýt bắt được đích thân vị hoàng đế ngay ở giữa quân đội của ngài, thì người ta có thể thấy rõ rằng không còn có thể làm gì khác hơn là chạy trốn cho nhanh theo con đường quen thuộc gần nhất. Napoleông, với cái bụng phệ của một người tứ tuần, không còn cảm thấy mình tháo vát và gan dạ như trước nữa, và đã hiểu được tầm quan trọng của sự kiện này. Do ảnh hưởng của mối sợ hãi mà toán quân cô-dắc đã gieo vào lòng ông ta, Napoleông lập tức đồng

1. Le hourra de l'Empereur.
2. Les enfants du Don.

ý mới Mutông và ra lệnh, như các sứ giả vẫn nói, rút lui về con đường Xmolenxk[1].

Napoleông đồng ý với Mutông và quân đội ông ta rút lui, như vậy không có nghĩa là ông ta đã ra lệnh làm như thế, mà có nghĩa là những sức mạnh đang tác động vào toàn quân, hướng nó về con đường Mojaixk đồng thời cũng đã chi phối cả Napoleông.

XIX

Khi con người đang ở trong trạng thái chuyển động, bao giờ nó cũng nghĩ ra cho mình một mục tiêu của sự chuyển động đó. Muốn đi một nghìn dặm, con người cần phải nghĩ rằng cuối đoạn đường một nghìn dặm đó sẽ có một cái gì rất hay. Phải tưởng tượng ra một "cõi đất hứa hẹn" mới có đủ sức mà đi như vậy được.

Cõi đất hứa hẹn của quân Pháp trong khi tấn công là Maxkva còn trong khi rút lui thì lại là tổ quốc họ. Nhưng tổ quốc xa quá, và đối với một con người đang đi một nghìn dặm nhất thiết cần phải quên cái mục đích cuối cùng đi mà nghĩ rằng: "Hôm nay ta sẽ đến chỗ nghỉ đêm, sau khi đã đi bốn mươi dặm", và trong chặng đường đầu tiên, cái trạm nghỉ đêm ấy che lấp cả cái đích cuối cùng và thu hút hết mọi ước mong và hy vọng của người đi đường. Những ước vọng được biểu hiện trong từng người một bao giờ cũng khuếch đại lên trong một đám đông.

Đối với cái đám người Pháp đang rút lui theo con đường Xmolenxk cũ, cái đích cuối cùng – tổ quốc – xa xôi quá, cho nên cái đích trước mắt tập trung tất cả những ước mong và hy vọng tăng lên gấp bội trong đám đông, cái đích trước mắt ấy là Xmolenxk.

1. Theo truyền thuyết thánh kinh Moise đã đem dân Do Thái từ Ai Cập về đến Khanaan "cõi đất hứa hẹn" qua một cuộc hành trình dài đầy gian khổ.

Như thế không phải vì họ biết rằng ở Xmolenk có nhiều lương thực và nhiều quân dự trữ; không phải vì người ta nói với họ như vậy (trái lại, các giới cao cấp trong quân đội và cả Napoleông nữa cũng biết rằng ở đây rất ít lương thực), mà bởi vì chỉ có như thế họ mới có sức cử động và chịu đựng những nỗi thiếu thốn hiện tại. Những người biết sự thật cũng như những người không biết đều tự dối mình như nhau để hướng về Xmolenxk như hướng về một cõi đất hứa hẹn.

Trẩy ra con đường cái lớn, quân Pháp lao về cái mục tiêu do họ nghĩ ra với một quyết tâm phi thường, với một tốc độ chưa từng thấy. Ngoài cái nguyên nhân nói trên gắn bó đám binh sĩ Pháp thành một khối và cấp cho nó ít nhiều sức mạnh, thúc nó về một phía, còn có một nguyên nhân khác gắn bó họ lại với nhau. Đó là số lượng của họ. Khối người to lớn đó, dường như theo quy luật hấp dẫn trong vật lý học, thu hút vào bản thân nó những con người riêng lẻ như những nguyên tử. Cái khối hàng chục vạn người ấy chuyển động như cả một quốc gia.

Trong đám người ấy mỗi người đều có một mong ước là được quân địch bắt làm tù binh, thoát khỏi tất cả những nỗi khổ cực và tai ương khủng khiếp. Nhưng một mặt thì sức thu hút của mục tiêu Xmolenxk lôi kéo mọi người cùng lao về một phía, và mặt khác thì một quân đoàn không thể nào đi đầu hàng một đại đội, và tuy lính Pháp hễ có cơ hội thuận tiện là lập tức kiếm cách tách rời nhau ra, và hễ tìm được một lý do gì ổn ổn một chút là lập tức đầu hàng, song những cơ hội và lý do đó không phải bao giờ cũng có. Ngay cái số lượng của họ cũng như cuộc di chuyển nhanh chóng của họ làm cho họ mất cái khả năng đó và khiến người Nga không những khó lòng mà còn không thể nào ngăn chặn được cuộc di chuyển ấy, một cuộc di chuyển mà khối quân Pháp đã dồn hết sức lực của mình vào để thực hiện. Việc cắt xé một cơ thể ra bằng

phương pháp cơ học không thể nào xúc tiến quá trình giải thể diễn ra nhanh hơn quá một giới hạn nào đấy.

Một khối tuyết không thể nào đun ta trong chốc lát được. Trong một giới hạn thời gian nhất định, dù có tăng nhiệt độ lên bao nhiêu cũng không thể làm cho tảng tuyết tan ra được. trái lại càng nóng thì chỗ tuyết còn lại càng rắn hơn.

Trong số các tướng Nga, chỉ có Kutuzov hiểu được điều đó. Khi hướng tẩu thoát của quân Pháp trên con đường Xmolenxk đã rõ, thì cái việc mà Konovnitxyn đã dự đoán đêm mười một tháng mười bắt đầu thực hiện. Tất cả các tướng tá trong quân đội đều muốn lập công, muốn cắt đứt, muốn đuổi đánh, muốn tiêu diệt, muốn bắt sống quân Pháp, và tất cả đều đòi tấn công.

Chỉ riêng một mình Kutuzov là dốc hết sức lực (sức lực của vị tổng tư lệnh nào cũng vậy: chẳng có được bao nhiêu) cưỡng lại chủ trương tấn công.

Ông không thể nói với họ cái điều mà ngày nay chúng ta vẫn nói: việc gì phải mở trận, phải chặn đường, phải mất quân lính và tàn sát những con người khốn khổ kia một cách vô nhân đạo? Việc gì phải làm như vậy, một khi từ Maxkva đến Vyazma, tuy không đánh trận nào, đạo quân ấy cũng đã tiêu tan mất một phần ba? Nhưng ông cũng dùng cái trí khôn già dặn của mình, lựa những điều mà họ có thể hiểu được để nói với họ: ông kể cho họ nghe chuyện cái cầu vàng. Và họ liền chế nhạo ông ta, vu cáo ông ta, họ lăng xăng, cuống quýt, lên mặt anh hùng trước cái xác con thú dữ đã chết.

Ở gần Vyazma, Yermolov, Miloradovits, Platov và một số tướng khác thấy quân Pháp gần quá không sao cưỡng nổi ý muốn cắt đứt và đánh bật hai lữ đoàn Pháp. Để báo cáo cho Kutuzov biết việc này, họ gửi cho ông ta một phòng bì đựng một tờ giấy trắng thay cho bản báo cáo.

Và tuy Kutuzov đã ra sức kìm giữ quân đội lại, quân đội vẫn tấn công, vẫn cố chặn đường quân Pháp. Như người ta vẫn thường kể, các trung đoàn bộ binh trong tiếng quân nhạc và tiếng trống trận, tiến lên công phá quân địch; họ giết chết và bị tổn thất hàng nghìn người.

Nhưng các đường thì họ cắt được đường, mà cũng không đánh bật được ai. Và quân đội Pháp đứng trước nguy cơ, đã xiết chặt hàng ngũ lại, tiếp tục cuộc hành trình tai họa về Xmolenxk, trong khi vẫn tan rã một cách đều đặn.

PHẦN THỨ TƯ

I

Trận Borođino với những việc tiếp diễn theo sau: Maxkva thất thủ, quân Pháp bỏ chạy không đánh thêm trận nào, là một trong những hiện tượng lịch sử đáng để cho người ta suy nghĩ nhất.

Tất cả các nhà sử học đều nhất trí cho rằng hoạt động bề ngoài của các quốc gia và các dân tộc trong khi xung đột với nhau được thể hiện ra bằng những cuộc chiến tranh, và thế lực chính trị của các quốc gia và các dân tộc tăng hay giảm xuống là hậu quả trực tiếp của sự thắng bại trong chiến tranh.

Trong các pho sử người ta thường kể rằng một quốc vương hay một hoàng đế nào đó xích mích với một hoàng đế hay một quốc vương nào đó rồi cất quân đánh kẻ thù, giết chết ba nghìn, năm nghìn, một vạn người, và do đó mà chinh phục một quốc gia và cả một dân tộc hàng mấy triệu người; thật khó lòng hiểu nổi tại sao sự thất trận của một đội quân, nghĩa là của một phần trăm trong toàn thể các lực lượng của một dân tộc, lại có thể khiến cho một dân tộc phải khuất phục; tuy vậy tất cả những sự kiện lịch sử mà ta biết đều xác nhận rằng những thắng lợi lớn nhỏ của quân đội một dân tộc trong khi chiến đấu với quân đội một dân tộc khác là

những nguyên nhân hay ít ra cũng là những dấu hiệu quan trọng của sự tăng cường hay suy giảm thế lực của các dân tộc. Hễ một quân đội thắng trận, là những quyền hạn của dân tộc chiến thắng lập tức được tăng lên, trong khi quyền hạn của dân tộc kia bị giảm sút. Hễ một quân đội bại trận, thì dân tộc bị chiến bại lập tức mất ít nhiều quyền hạn tùy theo mức độ bại trận, và nếu quân đội bị đánh bại hoàn toàn thì dân tộc đó phải hoàn toàn khuất phúc kẻ chiến thắng.

Từ thời thượng cổ đến nay (theo sử học) bao giờ cũng vậy: tất cả các cuộc chiến tranh của Napoleông đều xác nhận quy luật này. Tùy theo mức độ bại trận của quân đội Áo, nước Áo mất một số quyền hạn, còn quyền hạn và thế lực của nước Pháp thì lại tăng lên. Thắng lợi của quân Pháp ở Iena và Auerstet thủ tiêu sự tồn tại độc lập của nước Phổ.

Nhưng đột nhiên năm 1812 quân Pháp thắng trận ở gần Maxkva, Maxkva thủ thất, và sau đó, tuy không có trận nào diễn ra, không phải nước Nga không tồn tại nữa, mà chính là đạo quân mươi vạn người của Napoleông thôi tồn tại, rồi sau đó là cả nước Pháp của Napoleông cáo chung. Gò ép các sự kiện cho đúng với các quy luật sử học, nói rằng sau trận Borođino, chiến trường ở trong tay quân Nga, rằng sau Maxkva đã diễn ra những trận đánh tiêu diệt quân đội ở Napoleông, đều không thể được.

Sau khi quân Pháp thắng trận Borođino không những không xảy ra một trận đánh toàn quân nào, mà thậm chí cũng không có lấy một trận nào đáng kể, thế mà quân đội Pháp vẫn không còn nữa. Như thế nghĩa là thế nào? Giả sử việc này xảy ra trong lịch sử Trung Quốc, thì người ta đã có thể nói rằng đây là một hiện tượng phi lịch sử (một cái mẹo của các nhà sử học dùng khi nào có một biến cố gì không hợp với những quy củ quen thuộc của họ): giả sử đây là một cuộc xung đột ngắn ngủi, trong đó chỉ có những đội quân nhỏ tham gia, thì ta có thể xem hiện tượng này như một

ngoại lệ; nhưng đằng này biến cố ấy lại diễn ra trước mắt các cha ông chúng ta, nó đặt ra vấn đề sống còn của tổ quốc, và cuộc chiến tranh này là cuộc chiến tranh lớn nhất xưa nay...

Thời kỳ chiến dịch 1812, kể từ trận Borođino cho đến khi quân Pháp bị đuổi ra khỏi nước Nga, đã chứng minh rằng một trận thắng không những không phải là nguyên nhân của một sự chinh phục, mà thậm chí cũng không phải là dấu hiệu thường xuyên của sự chinh phục nữa; nó đã chứng minh rằng cái sức mạnh định đoạt của dân tộc không phải là ở những kẻ đi chinh phục, thậm chí cũng không phải là ở các quân đội và các chiến trận, mà là ở một cái gì khác.

Các nhà sử học Pháp khi miêu tả tình cảnh của quân đội Pháp trước khi rút khỏi Maxkva đều khẳng định rằng trong đạo quân vĩ đại mọi việc đều ổn thỏa, vì ngựa và gia súc có sừng không có lương thảo. Tình trạng này không có gì cứu vãn nổi, vì nông dân ở các cùng lân cận đã đốt hết rơm rạ, không chịu cấp cho quân Pháp.

Trận thắng đã không đưa lại kết quả thường thấy, bởi vì những người nông dân như Karp và Vlax sau khi quân Pháp rút đi đã đem xe tải vào vơ vét trong thành phố và nói chung không biểu lộ những tình cảm gì anh hùng cả, và vô số những người nông dân như thế đã không chở rơm rạ vào Maxkva để bán lấy tiền theo cái giá rất hời người ta mặc cả với họ mà lại đem đốt đi. Ta thử tưởng tượng hai người cầm kiếm ra đấu tay đôi theo đúng mọi quy tắc của thuật đấu kiếm. Cuộc đọ sức tiếp diễn trong một thời gian khá dài; bỗng một trong hai đấu thủ cảm thấy mình bị thương, và hiểu ra rằng đây không phải là chuyện đùa mà là chuyện sống còn, liền vứt kiếm đi và vớ lấy một cái vồ hoa lên. Nhưng ta thử tưởng tượng rằng con người đã khôn ngoan dùng đến cái phương diện tốt nhất và đơn giản nhất để đạt đến mục đích như thế, đồng thời lại có những tư tưởng đúng với truyền thống mã thượng, muốn che giấu thực chất của sự việc mà một mực khẳng định rằng mình đã dùng

gươm theo đúng mọi quy tắc của thuật kiếm và đã giành phần thắng trong cuộc tỷ thí. Ta có thể hình dung cách miêu tả ấy sẽ đưa đến một tình trạng rối ren và khó hiểu đến nhường nào.

Người đấu thủ đã đòi đọ sức theo đúng những quy tắc của nghệ thuật là quân Pháp, đối thủ của họ, kẻ đã vứt kiếm cầm vồ, là dân Nga; những người muốn cắt nghĩa việc theo đúng các quy tắc của thuật đấu kiếm là các nhà sử học đã cầm bút viết về biến cố này.

Từ khi Xmolenxk bị đốt cháy đã bắt đầu một cuộc chiến tranh không hề phù hợp với bất cứ truyền thống nào trước đây. Việc thiêu hủy các thành phố và làng mạc, việc rút quân sau các trận đánh, cuộc chạm trán ở Borođino và cuộc rút lui sau trận này, việc đốt cháy Maxkva, việc bắt cóc bọn lính đi hôi của, việc chặn đánh những đoàn xe, cuộc chiến tranh du kích – tất cả những việc đó đều là những việc vi phạm các quy tắc của nghệ thuật.

Napoleông cảm thấy điều đó, và ngay từ khi ông ta dừng lại ở Maxkva với một tư thế đúng kiểu của người đấu kiếm, và đang chờ đợi mũi gươm của đối thủ thì lại thấy một chiếc gậy tầy hoa lên đầu mình, ông ta luôn luôn than phiền với Kutuzov và hoàng đế Alekxandr rằng cuộc chiến tranh này tiến hành trái quy tắc (làm như có những quy tắc ấn định cách giết người). Bất chấp những lời than phiền của quân Pháp về việc các quy tắc không được tôn trọng, bất chấp những người Nga có địa vị cao luôn thấy xấu hổ khi phải dùng gậy tầy mà đánh nhau, luôn muốn theo đúng quy tắc đứng vào thế bốn hay thế ba, rồi chuyển sang tấn công ở thế một[1] v.v... chiếc gậy tầy của chiến tranh nhân dân vẫn giơ cao lên với sức mạnh dữ dội và hùng vĩ của nó, và không cần biết đến thị hiếu của ai, không cần biết đến quy tắc nào cả, với một sự đơn giản ngô nghê, nhưng hợp lý, chẳng cần suy xét gì hết, nó giơ cao lên và

1. Quarte, tierce, prime (thuật ngữ đấu kiếm).

giáng xuống quân Pháp cho đến khi toàn bộ cuộc xâm lăng tan vỡ hoàn toàn.

Và diễm phúc thay cái dân tộc đã không làm như quân Pháp năm 1813 tức là giơ gươm lên chào theo đúng mọi quy tắc của nghệ thuật và quay ngược đốc gươm lại, kính cẩn trao gươm cho kẻ chiến thắng khoan dung với một cử chỉ đẹp mắt, diễm phúc thay cái dân tộc trong giờ phút thử thách không hề hỏi xem dân tộc khác đã hành động như thế nào trong những trường hợp tương tự, theo đúng các quy tắc, mà lại với lấy một chiếc gậy tầy có sẵn trước mắt một cách dễ dàng và đơn giản, rồi giáng xuống đầu kẻ địch cho đến khi cảm giác căm giận và phục thù trong lòng họ nhường chỗ cho lòng khinh miệt và thương hại.

II

Một trong những sự vi phạm rõ rệt có lợi nhất đối với những cái gọi là quy tắc chiến tranh là hoạt động của những nhóm người lẻ tẻ chống lại một đám người tập trung thành khối. Lối hoạt động này bao giờ cũng thấy có trong một cuộc chiến tranh mang tính chất nhân dân. Đáng lẽ tập hợp lại thành một đám đông để chống lại cái đám đông kia, người ta phân tán ra thành từng tốp nhỏ, tập kích lẻ tẻ và lập tức bỏ chạy khi bị những lực lượng lớn tấn công, rồi hễ có dịp lại quay lại đánh. Những người *Guerilleros*[1] Tây Ban Nha, thổ dân vùng núi Kavkaz và dân Nga năm 1812 đều đã làm như vậy.

Người ta gọi loại chiến tranh này là chiến tranh du kích và cho rằng đặt tên như vậy tức là đã làm sáng tỏ ý nghĩa của nó. Thật ra, kiểu chiến tranh này không những không phù hợp với bất

1. Du kích quân (tiếng Tây Ban Nha)

cứ quy tắc nào mà lại còn mâu thuẫn trực tiếp với một quy tắc chiến thuật vẫn được xem là tuyệt đối đúng. Quy tắc đó nói rằng kẻ tấn công phải tập trung quân lực làm sao cho khi lâm trận mạnh hơn hẳn địch quân.

Chiến tranh du kích (mà lịch sử đã chứng minh là bao giờ cũng thắng lợi) mâu thuẫn trực tiếp với quy tắc này.

Sở dĩ có sự mâu thuẫn này là vì khoa học quân sự quan niệm rằng sức mạnh của một đạo quân là đồng nhất với số lượng của nó. Khoa học quân sự nói rằng quân càng đông thì lực lượng càng lớn. Những đội ứng chiến lớn bao giờ cũng thắng[1].

Trong khi nói như vậy, khoa học quân sự giống như cái khóa cơ học chỉ xét các vật thể đang chuyển động căn cứ trên khối lượng của các vật thể đó và nói rằng lực của các vật thể đó bằng nhau hay không bằng nhau vì khối lượng của nó bằng nhau hay không bằng nhau.

Lực (số lượng của sự chuyển động) là tích số của khối lượng với tốc độ.

Trong lĩnh vực quân sự, sức mạnh của quân đội cũng là tích số của khối lượng với một cái gì khác mà ta chưa biết, một ẩn số x nào đấy.

Khoa học quân sự thấy trong lịch sử có vô số những trường hợp khối lượng của một đạo quân không trùng làm một với sức mạnh của nó, những đội quân nhỏ vẫn thường đánh thắng những đội quân lớn, nên cũng thừa nhận một cách mập mờ sự tồn tại của cái ẩn số này và cố gắng tìm ra nó khi thì trong cách bố trí hình học của các đội quân, khi thì trong vũ khí, khi thì – điều này thường thấy hơn cả – trong thiên tài của các tướng lĩnh. Nhưng những cách xác định ẩn số ấy đều không đạt đến những kết quả phù hợp với các sự kiện lịch sử.

1. Les gros bataillons ont toujours raison.

Thế nhưng chỉ cần trút bỏ cái quan điểm sai lạc đối với hiệu lực thực tế của các mệnh lệnh do các cấp chỉ huy tối cao ban ra trong thời điểm – một quan điểm xác lập ra để làm vừa lòng các vị anh hùng – là có thể tìm ra được cái ẩn số x kia.

Ẩn số x đó chính là tinh thần quân đội, nghĩa là cái ý chí chiến đấu và xông xáo nơi nguy hiểm của tất cả những con người làm thành đạo quân, hoàn toàn vô luận họ chiến đấu dưới sự chỉ huy của những tướng lĩnh có thiên tài hay không có thiên tài, xếp thành ba hàng hay hai hàng, cầm vồ hay cầm những khẩu súng trường bắn ba mươi phát trong một phút. Những người có một ý chí chiến đấu mạnh hơn bao giờ cũng tìm được cách đặt mình vào những điều kiện chiến đấu thuận lợi nhất.

Tinh thần quân đội là cái thừa số mà khi đem nhân với khối lượng sẽ cho tích số lực lượng. Xác định và biểu hiện tầm quan trọng của tinh thần quân đội – tức là cái ẩn số kia – chính là nhiệm vụ của khoa học.

Nhiệm vụ này chỉ có thể thực hiện được khi nào ta không còn thay thế một cách võ đoán giá trị của toàn bộ ẩn số x này bằng những sự kiện trong đó sức mạnh được thể hiện, như các mệnh lệnh của vị tướng lĩnh, như cách vũ trang v.v... cho rằng chính đó là ý nghĩa của thừa số kia, và thừa nhận rằng đó chính là chí chiến đấu và xông pha nguy hiểm. Chỉ có khi ấy, bằng cách dùng những phương trình biểu hiện một số sự kiện lịch sử ta mới có thể hy vọng dùng lối so sánh giá trị tương đối của ẩn số này mà xác định ẩn số kia.

Mười người, mười tiểu đoàn hay mười sư đoàn, đã đánh thắng mười lăm người, mười lăm tiểu đoàn hay mười lăm sư đoàn, nghĩa là giết chết và bắt làm tù binh tất cả không sót một người nào, còn về phía mình thì chỉ mất có bốn; như vậy nghĩa là một bên mất bốn, một bên mất mười lăm. Do đó, bốn bằng mười lăm, và $4x = 15y$. Vậy $x:y = 15:4$. Phương trình này không cho thấy giá trị

của ẩn số, nhưng nó nói lên mối tương quan giữa hai ẩn số. Và nếu áp dụng hệ thống phương trình này cho các đơn vị khác nhau (các trận đánh, các chiến dịch, các thời kỳ của một cuộc chiến tranh) ta sẽ có một loạt con số trong đó tất phải có những quy luật có thể phát hiện ra được.

Cái quy tắc chiến thuật nói rằng cần phải tập trung thành khối lớn mà tấn công và phải phân tán thành từng tốp nhỏ rồi rút lui vô hình trung cũng chỉ xác nhận một sự thật là sức mạnh của quân đội lệ thuộc vào tinh thần của nó. Muốn đẩy những con người vào nơi đạn lửa, cần phải có một kỷ luật chặt chẽ hơn là khi muốn lẩn tránh những cuộc tiến công, và chỉ có tập hợp thành từng khối lớn mới có được một kỷ luật như vậy. Nhưng quy tắc này không đếm xỉa đến tinh thần quân đội và luôn luôn tỏ ra là không đúng và mâu thuẫn một cách đặc biệt gay gắt với thực tế ở nơi nào mà tinh thần quân đội lên mạnh hay suy sụp rõ rệt, nghĩa là trong tất cả những cuộc chiến tranh nhân dân.

Năm 1812, khi rút lui, lẽ ra theo chiến thuật quân Pháp phải phân tán từng tốp nhỏ mà tự vệ, thì họ lại tập hợp lại thành một khối lớn, vì tinh thần quân đội đã sa sút đến mức chỉ có làm như vậy mới có thể giữ quân lính lại thành một đội được. Ngược lại, lẽ ra theo chiến thuật quân Nga phải tập hợp thành một khối để tấn công, thì họ lại phân tán ra, vì tinh thần họ lên cao đến mức không cần phải cưỡng ép họ cũng xông pha vào rơi khó khăn nguy hiểm.

III

Cuộc chiến tranh thường gọi là du kích bắt đầu từ khi quân đội Pháp rút về Xmolenxk.

Trước khi cuộc chiến tranh du kích được chính phủ ta chính

thức công nhận, trong quân đội địch đã có hàng nghìn người – những tên lính đi hôi của, những tên lính đi lấy lương thảo tụt lại phía sau – bị những người cô-dắc và những người nông dân tiêu diệt; họ giết bọn này cũng một cách vô ý thức như một đàn chó cắn chết một con chó dại chạy rông vậy. Đenix Đavyđov, với cái mẫn cảm của một người Nga, lần đầu tiên đã hiểu được tác dụng của loại vũ khí khủng khiếp này, loại vũ khí đã tiêu diệt quân Pháp, bất chấp các quy tắc của nghệ thuật quân sự và chính Đavyđov đã giành lấy vinh quang đi bước đầu tiên trên con đường hợp pháp hóa biện pháp chiến tranh này.

Ngày hai mươi bốn tháng tám, đội du kích đầu tiên của Đavyđov được thành lập và kế tiếp theo đội này, những đội khác cũng lần lượt ra đời. Chiến dịch càng tiến triển thì số các đội du kích càng tăng.

Quân du kích tiêu diệt Đạo quân Vĩ đại từng bộ phận một. Họ lượm lặt những chiếc lá úa tự nó lìa khỏi cành cây khô héo – tức là quân đội Pháp – rơi xuống đất, và đôi khi lại rung cây cho lá rụng. Vào tháng mười trong khi quân Pháp rút chạy về Xmolenxk có hàng trăm những đội du kích như vậy, đủ các cỡ to nhỏ và đủ các loại khác nhau. Có những đội có đủ các cung cách của quân chính quy, có bộ binh, pháo binh, bộ tham mưu và đủ các tiện nghi sinh hoạt; có những đội có dân cô-dắc, những đội kỵ binh; có những đội nhỏ lẫn lộn cả bộ binh lẫn kỵ binh, có những đội vô danh của nông dân và trang chủ. Có một ông thày dòng chỉ huy một đội như vậy đã bắt được mấy trăm tù binh trong vòng một tháng. Có một bà thôn trưởng là Vaxilixa giết được hàng trăm lính Pháp.

Những ngày cuối tháng mười là thời kỳ chiến tranh du kích sôi sục lên đến cực độ. Cái thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh này, khi mà quân du kích hãy còn lấy làm lạ cho sự táo bạo của mình, luôn luôn lo sợ bị quân Pháp vây bọc và bắt sống, không dám tháo yên cương và hầu như không có lúc nào xuống ngựa, ẩn nấp trong rừng và không giây phút nào khỏi lo bị địch đánh đuổi, cái thời kỳ

ấy đã qua rồi. Bây giờ thì cuộc chiến tranh ấy đã được xác định rõ ràng, mọi người đều đã thấy rõ những việc có thể tiến hành và những việc không thể tiến hành để đánh Pháp. Bây giờ thì chỉ có những người chỉ huy nào hành quân cách xa quân Pháp với những bộ tham mưu và theo đúng các quy tắc chính quy mới cho rằng có nhiều việc không thể làm được. Còn những đội du kích nhỏ đã khởi sự từ lâu và đã chạm trán nhiều với quân Pháp thì ngay những việc mà những người chỉ huy các đội du kích lớn không dám nghĩ đến, họ cũng thấy là có thể làm được. Những người cô-dắc và dân cày len lỏi vào tận giữa đám quân Pháp thì cho rằng bây giờ việc gì cũng có thể làm được tất.

Ngày hai mươi hai tháng mười; Denixov một trong các đội trưởng du kích cùng với đội quân của chàng đang say sưa đến tột độ với cuộc chiến tranh này. Từ mờ sáng, chàng đã dẫn đầu đội du kích lên đường. Suốt ngày, chàng đi men theo những cánh rừng dọc đường cái lớn, theo dõi những đoàn xe chở đồ của kỵ binh Pháp và những đoàn tù binh Nga bị áp giải đi. Những đoàn này tách ra khỏi các đơn vị khác, và những người trinh sát và những tên tù binh vừa bắt được cho biết, thì họ đang kéo về phía Xmolenxk dưới sự yểm hộ của một số đội hộ tống rất mạnh. Không phải chỉ có Đenixov và Đôlôkhôv (bây giờ cũng chỉ huy một đội du kích nhỏ) biết có đoàn vận tải nay đang đi qua vùng Đenixov hoạt động, mà ngay cả các thủ trưởng chỉ huy những đội lớn có bộ tham mưu cũng đến biết tin này, và như Đenixov nói, họ đang thèm rỏ rãi ra. Trong số các thủ trưởng đó có hai người – một là người Ba Lan, một là người Đức – hầu như cùng một lúc đã gửi thư mời Đenixov sáp nhập vào đội mình để tấn công đoàn vận tải.

– Thôi đi, ông anh ạ, tôi cũng khôn chán, - Đenixov nói sau khi đọc hai bức thư này. Chàng viết cho viên thủ trưởng người Đức một bức thư phúc đáp rằng tuy rất thiết tha muốn phục vụ dưới trướng một vị tướng dũng cảm và lừng lẫy như vậy, chàng cũng

đành phải chịu mất cái diễm phúc này, vì chàng đã sung vào đội viên của viên tướng Ba Lan. Mặt khác, chàng lại gửi cho viên tướng Ba Lan một bức thư y như thế, cho ông ta hay rằng chàng đã sung vào đội của viên tướng người Đức.

Sau khi đã dàn xếp như vậy, Đenixov trù tính sẽ cùng Đôlokhov đem những lực lượng nhỏ của mình đánh chiếm lấy đoàn vận tải này mà không báo cáo lên thượng cấp. Ngày hai mươi hai tháng mười đoàn vận tải kéo từ làng Mikulino đến làng Samsavo, có những khu rừng lớn có chỗ ăn ra sát đường cái, có chỗ lại lùi vào cách đường cái một dặm hay hơn nữa. Suốt ngày, Đenixov dẫn đội du kích đi theo những cánh rừng này, khi thì đi sâu vào giữa rừng khi thì mon men ra ngoài ven rừng, không lúc nào mất rời khỏi đoàn vận tải của Pháp đang kéo đi. Từ sáng sớm, cách Mikulino không xa, ở chỗ rừng ăn sát đường cái, một toán cô-dắc trong đội của Đenixov đã chiếm được mấy chiếc xe tải chở yên ngựa bị sa lầy và đã kéo vào rừng. Từ lúc ấy và mãi cho đến tối, đội du kích tiếp tục theo dõi hành trình của đoàn vận tải Pháp, không tấn công lần nào nữa. Cần phải để cho họ êm thấm đi cho đến thôn Samsevo, không làm cho họ hoảng sợ, và lúc ấy sáp nhập với Đôlokhov rồi sẽ từ hai phía bất thình lình đánh úp lại, giết sạch và chiếm toàn bộ đoàn vận tải. Hai bên đã quy ước là tối hôm ấy Đôlôkhôv sẽ đến họp mặt với Đenixov ở ngôi nhà kiểm lâm cách Samsevo một dặm.

Ở phía sau, cách Mikulino hai dặm, nơi mà khu rừng ăn ra đến tận đường cái, họ để lại sáu người cô-dắc có nhiệm vụ cấp báo cho toàn đội biết ngay khi có những đạo quân khác của Pháp xuất hiện.

Ở phía trước Samsevo, Đôlôkhôv cũng có nhiệm vụ trinh sát con đường cái để biết rõ những đơn vị khác của Pháp còn cách Samsevo bao nhiêu. Theo ước lượng thì số quân hộ tống đoàn vận tải là một ngàn năm trăm người, Đenixov có hai trăm quân, và Đôlôkhôv cũng có khoảng ngần ấy, nhưng sự chênh lệch về quân

số không làm cho Đenixov chùn bước. Chàng chỉ cần biết có một điều, là trong đội hộ tống này có những đơn vị nào; với mục đích ấy Đenixov cần bắt một cái lưỡi (nghĩa là một tên địch có thể cung cấp những tài liệu cần thiết). Sáng hôm nay, trận đánh chiếm mấy chiếc xe tải tiến hành vội vã đến nỗi những người lính Pháp ở bên cạnh xe đều bị giết sạch, chỉ còn lại một chú lính đánh trống nhỏ tuổi bị tụt lại sau, không thể cho biết rõ trong đội hộ tống có những đơn vị nào.

Tấn công một lần nữa thì Đenixov cho là nguy hiểm vì có thể làm cho toàn đội hộ tống kinh động, cho nên chàng phái một người nông dân trong đội của chàng là Tikhon Serbty đến làng Samsevo trước, tìm cách bắt cho được một trong những tên lính tiền trạm của Pháp đang ở đây.

IV

Hôm ấy là một ngày thu ấm áp, trời mưa tầm tã. Nền trời và chân trời đều cùng một màu nhờ nhờ như nước đục. Khi thì một làn mưa mịn hạt như sương mù buông xuống mặt đất, khi thì bỗng đổ xuống một trận mưa to, hạt nặng rơi chênh chếch.

Đenixov mặc chiếc áo burka, đầu đội mũ chụp da cừu ròng ròng nước mưa, cưỡi con ngựa giống gầy gò hai sườn lép kẹp. Cũng như con ngựa đang cúi đầu, tai cụp xuống, chàng nhăn mặt dưới làn mưa chênh chếch và đăm chiêu nhìn về phía trước. Khuôn mặt gầy với bộ râu đen và rậm xén ngắn như đang có điều gì tức giận.

Bên cạnh Đenixov, cũng mặc áo burka và một mũ chụp như chàng, viên đại đội trưởng cô-dắc giúp việc cho Đenixov đang cưỡi một con ngựa cao lớn giống sông Đôn.

Một người thứ ba là viên thủ lĩnh cô-dắc Lavaixki cũng mặc

burka và đội mũ chụp, người cao lêu đêu và lép kẹp như tấm ván, mặt trắng, tóc vàng nhạt, có đôi mắt trong sáng hẹp như hai khe hở dưới đôi mi, gương mặt và tư thế cưỡi ngựa có một vẻ gì ung dung và tự mãn. Tuy không thể nói con ngựa và người cưỡi có cái gì đặc biệt, nhưng thoạt nhìn viên thủ lĩnh cô-dắc và Đenixov cũng có thể thấy ngay rằng Đenixov ướt át khó chịu: Đenixov là con người ngồi trên mình ngựa, còn viên thủ lĩnh cô-dắc thì vẫn ung dung thoải mái như thường, và đó không phải là một người đang cưỡi một con ngựa, mà là một khối thống nhất gồm cả người lẫn ngựa, một sinh vật khuếch đại có sức mạnh gấp đôi.

Ở phía trước họ một quãng có một người mu-gích ướt như chuột lột đang đi bộ – đó là người dẫn đường, mình mặc áo kartan, đầu đội mũ chụp trắng.

Ở phía sau một chút có một viên sĩ quan trẻ tuổi mặc áo khoác xanh của Pháp, cưỡi một con ngựa nhỏ giống Kirghiz gầy gò, bờm, đuôi rất rậm và dài, mồm rớm máu.

Bên cạnh viên sĩ quan có một người lính phiêu kỵ cưỡi ngựa đèo sau lưng một chú bé mặc quân phục Pháp rách rưới và đội mũ chụp xanh. Chú bé giơ hai tay đỏ ửng lên vì lạnh bám vào người lính phiêu kỵ, cựa quậy đôi chân không cho đỡ rét và ngơ ngác dương mắt nhìn quanh. Đó là chú lính đánh trống bị bắt sáng nay.

Phía sau, những người lính phiêu kỵ, đi từng tốp ba bốn người trên con đường mòn hẹp và lầy lội, rồi đến những người cô-dắc, người thì mặc áo buruka, người thì mặc áo capốt của Pháp, người thì lấy chăn ngựa trùm lên đầu. Những con ngựa hồng, ngựa làng đều trông thành ngựa ô hết, vì lông ướt đẫm nước mưa. Bờm ngựa ướt dính bết lại làm cho cổ ngựa trông mảnh dẻ một cách kỳ lạ. Mình ngựa bốc hơi nghi ngút. Áo quần, yên cương đều ướt sũng, trông cũng nhầy nhụa như mặt đất và lớp lá rụng phủ trên đường mòn. Mọi người đều co ro, cổ không cựa quạy, để cho chỗ nước mưa thấm vào người có thể ấm lên một chút và để cho giọt nước lạnh

buốt đang chảy trên cổ, trên đầu gối và dưới yên ngựa khỏi thấm thêm vào người. Ở khoảng giữa đoàn cô-dắc kéo dài, hai chiếc xe tải, thắng mấy con ngựa của Pháp kèm thêm mấy con ngựa cô-dắc có đóng yên, gập gềnh trên những cành gẫy và những rễ cây, bánh lăn lép bép trong các rãnh bùn.

Con ngựa của Đenixov bỗng bước sang một bên để tránh một vũng bùn khiến cho đầu gối chàng thúc vào một thân cây.

– Ờ, đồ quỷ – Đenixov tức giận quát, đoạn nghiến răng lấy roi quất hai ba lần vào mình ngựa, làm cho bùn bắn tung tóe lên người chàng và lên các bạn đồng ngũ. Đenixov đang bực mình: phần vì mưa, phần vì đói (từ sáng chưa có ai ăn gì cả) và nhất là vì mãi không được tin gì của Đôlokhov, và người lính phải đi bắt "lưỡi" vẫn chưa thấy về.

"Khó lòng mà có được một dịp khác để tấn công một đoàn vận tải như hôm nay. Đánh một mình thì quá liều lĩnh, mà hoãn sang hôm sau thì một trong những đội du kích hạng lớn kia sẽ phỗng tay trên mất" – Đenixov thầm nghĩ, mắt đăm đăm nhìn về phía trước ngóng người của Đôlokhov phái đến.

– Có ai đang đi ngựa lại kia kìa, – chàng nói.

Viên thủ lĩnh cô-dắc nhìn theo hướng Đenixov chỉ.

– Hai người, một sĩ quan và một người cô-dắc, nhưng không thể đoán rằng đó chính là ngài trung tá, – viên thủ lĩnh nói: anh ta vẫn thích dùng những chữ mà người cô-dắc thường không biết.

Hai người cưỡi ngựa đi xuống dốc, khuất đi một lát rồi lại hiện ra. Người đi trước là một viên sĩ quan, đầu tóc rối bù, áo quần ướt sũng, ống quần xắn lên quá đầu gối, dùng roi thúc con ngựa đang phi nước đại một cách mệt mỏi. Phía sau là một người cô-dắc đứng thẳng trên bàn đạp, con ngựa phóng nước kiệu. Viên sĩ quan là một thiếu niên trẻ măng, mặt to, da dẻ hồng hào, đôi mắt tinh

nhanh vui vẻ, phi ngựa đến trước mặt Đenixov và đưa cho chàng một chiếc phong bì ướt sũng.

– Thư của tướng quân gửi ngài, – viên sĩ quan nói. – Xin ngài thứ lỗi cho, thư không được khô ráo cho lắm.

Đenixov cau mày cầm lấy phong thư và bắt đầu bóc đầu xi.

– Đấy họ cứ bảo mãi là nguy hiểm, nguy hiểm, – viên sĩ quan nói với viên thủ lĩnh cô–dắc trong khi Đenixov đọc thư. – Vả chăng tôi với Kamorov – viên sĩ quan chỉ huy cô–dắc – đã chuẩn bị chu đáo. Chúng tôi mỗi người có hai khẩu súng. Thế còn đây là thế nào? - Viên sĩ quan trông thấy chú lính đánh trống của Pháp liền hỏi, – tù binh à? Các ông đã giao chiến rồi à? Nói chuyện với nó được chứ?

– Rôxtôv! Petya! – Đenixov bây giờ vừa đọc lướt qua phong thư, bỗng reo lên, – Chà sao cậu không xưng tên ra ngay? – Và Đenixov mỉm cười quay lại chìa tay ra cho viên sĩ quan.

Viên sĩ quan ấy chính là Petya Rôxtôv.

Suốt dọc đường Petya đã rắp tâm là sẽ không nhắc đến tình quen biết ngày trước, và cư xử với Đenixov với tư cách một người lớn, một sĩ quan. Nhưng Đenixov vừa mỉm cười với cậu ta thì mặt Petya đã tươi rói và đỏ ửng lên vì vui sướng; cậu ta quên cả cái thái độ công vụ đã chuẩn bị sẵn và bắt đầu kể chuyện cậu vừa cưỡi ngựa qua sát vị trí của quân Pháp ra sao, nào là cậu đã vui mừng đến nhường nào khi được giao công cán này, nào là cậu đã được tham dự trận Vyazma, nào là trong trận này có một viên phiêu kỵ đã lập được nhiều chiến công xuất sắc.

– Tôi rất mừng được gặp cậu, – Đenixov ngắt lời Petya và mặt chàng lại có vẻ lo lắng như cũ.

– Mikhail Feoklityts, – chàng quay lại bảo viên thủ lĩnh cô–dắc, lão người Đức lại gửi thư nữa đây này. Cậu này ở trong đội của lão ta đấy. – Và Đenixov kể cho viên đại úy nghe nội dung thư

gửi đến. Trong thư có nhắc lại lời yêu cầu của viên tướng Đức muốn Đenixov sáp nhập với quân ông ta để đánh đoàn vận tải. – Ngày mai mà không chiếm được thì lão ta phỗng tay trên mất, – chàng kết luận.

Trong khi Đenixov nói chuyện với viên đại úy. Petya bối rối vì giọng nói lạnh nhạt của Đenixov và đoán chừng rằng nguyên nhân của giọng nói này chính là tình trạng cái quần mình đang mặc, liền luồn tay xuống dưới lần áo khoác buông ống quần xắn móng lợn xuống cố sao cho đừng ai thấy, và cố làm cho ra một dáng dấp thật hùng dũng.

– Đại nhân ra lệnh như thế nào? - Cậu ta hỏi Đenixov, tay đưa lên vành lưỡi trai và trở về với trò chơi sĩ quan phụ tá gặp tướng quân mà cậu đã sắp sẵn, – hay đại nhân cho tôi ở lại bên cạnh ngài?

– Lệnh à?... - Đenixov nói, vẻ trầm ngâm. – Thế cậu ở lại đây đến mai có được không?

– Ồ, xin tuân lệnh... Tôi có thể ở lại bên cạnh ngài chứ hả? – Petya reo lên.

– Thế tướng quân ra lệnh cho cậu như thế nào – về ngay à? – Đenixov hỏi. Petya đỏ mặt.

– Tướng quân có ra lệnh gì đâu. Tôi ở lại được chứ ạ? – Petya giọng có ý dò hỏi.

– Thôi được, – Đenixov nói. Đoạn quay về phía mấy người thuộc hạ, chàng ra lệnh cho đội du kích đi đến nơi hẹn cạnh trạm gác kiểm lâm ở trong rừng và bảo viên sĩ quan cưỡi con ngựa Kirghiz (viên sĩ quan này làm nhiệm vụ phụ tá) đi tìm Đôlôkhôv hỏi xem tối nay anh ta có đến hay không. Còn Đenixov thì định cùng Petya và viên thủ lĩnh cô–dắc ra ven rừng phía Samsevo để xem vị trí quân Pháp, nơi nào ngày mai sẽ tấn công.

– Nào, già râu, – chàng nói với người mu-gích dẫn đường, – dẫn ta đến Samsevo đi.

Đenixov, Petya và viên thủ lĩnh cô-dắc, cùng với mấy người cô-dắc và người lính phiêu kỵ chở chú lính đánh trống của Pháp sau lưng, cho ngựa đi sang bên trái, vượt qua một cái khe và tiến về phía ven rừng.

V

Mưa đã tạnh, chỉ còn sương mù buông mịn hạt, và những giọt nước đọng ở các cành cây rơi xuống lộp bộp. Đenixov, viên thủ lĩnh cô-dắc và Petya lặng lẽ cưỡi ngựa đi theo người mu-gích đội mũ chụp đang đưa đôi chân chữ bát đi giày cỏ bước nhẹ nhàng và im lặng trên những rễ cây và trên lớp lá ướt sũng dẫn họ ra ven rừng.

Ra đến một chỗ ngoặt, người mu-gích dừng lại nhìn quanh một lát rồi đi về phía một hàng cây thưa thớt. Bên một cây sồi lớn chưa rụng hết lá, bác ta đứng lại và vẫy tay ra hiệu bảo đến gần, vẻ bí mật.

Đenixov và Petya cho ngựa lại gần người mu-gích. Đứng ở chỗ bác ta có thể trông thấy quân Pháp. Ngay sát khu rừng là một cánh đồng lúa mì dốc thoai thoải xuống. Bên phải, sau một cái khe bờ dốc đứng, có thể trông thấy một khóm làng nho nhỏ và một ngôi nhà trang chủ sập mái. Trong làng, trong ngôi nhà, trên khắp cánh đồng dốc thoai thoải, trong vườn, bên cạnh giếng và bên bờ ao, trên suốt con đường dốc đi từ một chiếc cầu dẫn vào làng, cách chỗ họ đứng không quá hai trăm xa-giêng, đều thấy có những đám đông người thấp thoáng trong lớp sương mù lay động. Có thể nghe những tiếng quát lạ tai, không giống tiếng Nga tí nào, của những người đang giục ngựa kéo xe lên dốc và gọi nhau ơi ới.

– Đem thằng tù binh lại đây, – Đenixov nói khẽ, mắt vẫn không rời những đám quân Pháp ở trước mắt.

Người cô-dắc, xuống ngựa, đỡ chú bé xuống và dắt lại gần Đenixov. Đenixov chỉ bọn lính Pháp hỏi chú bé xem đấy là những đơn vị nào. Chú bé đút hai bàn tay rét cóng vào túi áo và giương cao đôi mắt sợ hãi nhìn Đenixov. Có thể thấy rõ rằng chú bé muốn nói hết những điều mình biết, nhưng luống cuống trả lời không được, chỉ gật đầu xác nhận những điều Đenixov hỏi. Đenixov cau mày, quay sang phía viên thủ lĩnh cô-dắc bàn mấy câu.

Petya nhanh nhẩu ngoảnh đầu từ bên này sang bên kia hết nhìn chú lính đánh trống lại nhìn Đenixov, nhìn viên thủ lĩnh cô-dắc, nhìn những toán lính Pháp trong làng và viên đường cái, chỉ lo bỏ lỡ mất một việc gì quan trọng.

– Đôlôkhôv có đến hay không cũng cứ phải đánh lấy!... Ha? – Đenixo nói, khóe mắt long lanh một tia sáng vui vẻ.

– Chỗ này tiện đây, – viên thủ lĩnh cô-dắc nói.

– Ta sẽ cho bộ binh đi xuống phía dưới, quá khoảng đầm lầy – Đenixov tiếp, – họ sẽ bò sát đến khu vườn; anh sẽ đem quân cô-dắc từ phía kia đến, – Đenixov chỉ khu rừng ở sau làng, – còn tôi sẽ xuất phát từ chỗ này với đội phiêu kỵ. Hễ nghe tiếng súng hiệu...

– Đi dưới cái rãnh ấy không được đâu, có hố đấy, – viên thủ lĩnh cô-dắc nói, – ngựa sa lầy mất. Phải đi quanh sang bên trái,

Trong khi họ nói chuyện với nhau như vậy, thì ở phía dưới, trong cái rãnh chảy từ ao ra, có một tiếng súng nổ, rồi một tiếng nữa, hai đám khói trắng bay lên và một tiếng quát rất đều của hàng trăm tên lính Pháp đang ở trên dốc vang lên, nghe như một tiếng reo mừng rỡ. Thoạt tiên cả Đenixov lẫn viên thủ lĩnh cô-dắc đều lùi lại. Họ dừng gần quân Pháp đến nỗi họ ngỡ rằng chính họ là nguyên nhân gây nên những phát súng và những tiếng quát này. Nhưng thật ra thì không phải. Ở phía dưới, qua khoảng đầm

lầy, có một người mặc áo gì đó đang chạy. Hẳn là quân Pháp đang bắn và quát tháo người ấy.

– Đúng là Tikhon nhà ta rồi, – viên thủ lĩnh cô–dắc nói.

– Đúng! Chính hắn rồi.

– Chà, cái thằng bợm - viên thủ lĩnh cô–dắc nheo nheo đôi mắt nói.

Người mà họ gọi là Tikhon chạy về phía con ngòi nhỏ và nhảy ùm xuống làm nước bắn tung tóe lên, không thấy anh ta đâu nữa. Rồi một lát sau anh ta lại lồm cồm bò lên, người ướt sũng trông đen sẫm hẳn lại, rồi tiếp tục chạy trốn. Những tên lính Pháp đang đuổi theo dừng lại.

– Chà, tài thật – viên thủ lĩnh cô–dắc nói.

– Cái thằng chết tiệt! – Đenixov nói, vẫn với cái vẻ bực bội như lúc nãy.

– Thế từ sáng đến giờ hắn làm gì?

– Ai đấy? – Petya hỏi.

– Một anh chàng cô–dắc của chúng tôi đấy. Tôi vừa sai hắn ta đi bắt một cái lưỡi về.

– À, phải, - Petya nghe chưa dứt đã gật đầu nói, làm như mình đã hiểu hết, tuy thật ra cậu ta không hiểu lấy được một chữ nào.

*

* *

Tikhon Serbaty là một trong những con người cần thiết nhất ở trong đội du kích. Anh ta là một nông dân ở làng Pokrovxkoye, ở gần sông Gjat. Hồi mới bắt đầu hoạt động có lần Đenixov đến Pokrovxkoye; cũng như thường lệ, chàng cho gọi viên thôn trưởng đến hỏi xem có biết gì về quân Pháp không, thì cũng như tất cả những viên thôn trưởng khác, lão ta trả lời, giống như muốn thanh minh, rằng lão chẳng hay biết chút gì cả. Nhưng khi Đenixov cắt

nghĩa cho lão ta hiểu rằng chàng muốn đánh quân Pháp, và khi chàng hỏi lão ta xem quân Pháp có mò mẫm đến đây không, thì viên thôn trưởng trả lời rằng bọn lính Pháp có đến ăn trộm vặt, nhưng trong làng này chỉ có Tikhon Serbaty là lo đến những việc này. Đenixov cho gọi Tikhon đến, khen ngợi anh ta đã hoạt động hăng hái, rồi trước mặt viên thôn trưởng chàng nói mấy lời về lòng trung thành đối với Sa hoàng và tổ quốc, về lòng căm thù giặc Pháp, là những điều mà những người con của tổ quốc phải tôn trọng.

Nghe những câu này, Tikhon làm ra vẻ sợ hãi, anh ta nói:

– Chúng tôi có làm gì ác với những người Pháp đâu. Chúng tôi chỉ đùa gọi là đôi chút với anh em thôi mà. Chúng tôi quả có giết vài chục tên lính đi ăn trộm, ngoài ra thì chẳng làm điều gì ác...

Ngày hôm sau, khi Đenixov rời khỏi thôn Pokrovxkoye, lòng đã quên khuấy người nông dân này, họ báo cáo với chàng rằng Tikhon cứ van nài xin ở lại trong đội du kích. Đenixov ra lệnh nhận anh ta ở lại.

Lúc đầu người ta giao cho Tikhon những việc lao công như nhen lửa, đi lấy nước, lột da ngựa, v.v... nhưng chẳng bao lâu anh ta tỏ ra rất ham thích và có nhiều khả năng về chiến tranh du kích. Đêm đêm về anh ta thường đi kiếm chiến lợi phẩm và lần nào cũng mang một tí áo quần hay vũ khí của Pháp, và nếu được lệnh, anh ta còn bắt về cả tù binh nữa. Đenixov cho Tikhon được miễn lao động, đem anh theo mỗi lần xuất kích cho anh nhập vào hàng ngũ cô–dắc.

Tikhon không thích cưỡi ngựa và bao giờ cũng đi bộ, nhưng không lúc nào tụt lại sau kỵ binh. Vũ trang của anh ta gồm có một khẩu súng trường ngắn (anh mang khẩu súng này để chơi cho vui, nhiều hơn là để bắn) một ngọn giáo và một cái rìu. Tikhon sử dụng cái rìu này cũng như một con sói sử dụng bộ răng. Răng con sói có

thể tìm bọ chét trong bộ lông hay gặm những cái xương lớn một cách dễ dàng như nhau, thì Tikhon cũng có thể hoa cái rìu lên đánh hết sức xuống một súc gỗ cần bổ hoặc cần lấy đầu rìu gọt những chiếc cọc nhỏ hay những cái thìa gỗ con con. Trong đội du kích của Đenixov, Tikhon có một vị trí rất đặc biệt. Khi cần phải làm một việc gì đặc biệt khó khăn và nặng nhọc – kê vai nhấc một chiếc xe bò bị sa lầy ra khỏi bùn, cầm đuôi một con ngựa lôi ra khỏi một vùng lầy, chải cho nó sạch bùn, len lỏi vào tận giữa quân Pháp, đi bộ năm mươi dặm trong một ngày, – mọi người đều cười chỉ vào Tikhon.

– Việc ấy thì thấm gì với con quỷ kia! Hắn khỏe như con bò mộng ấy mà. – Họ thường nói về Tikhon như vậy.

Có lần một tên Pháp mà Tikhon định bắt đã dùng súng tay bắn trúng vào hông anh ta. Vết thương này được Tikhon chữa toàn bằng rượu vốt-ka, trong uống ngoài xoa, và đã được toàn đội dùng làm đầu đề để đùa cợt hết sức vui vẻ, và Tikhon cũng vui lòng hưởng ứng những lời đùa cợt này.

– Thế nào đấy anh bạn, chữa thôi chứ? Nhức đến tận xương rồi còn gì. – Mấy người cô-dắc vừa cười vừa nói. Tikhon cố làm ra bộ đau đớn, oằn người, nhăn mặt, giả vờ nổi giận, và dùng những câu chửi bới thật buồn cười để nguyền rủa quân Pháp. Việc vừa xảy ra chỉ có một ảnh hưởng duy nhất, là sau đó Tikhon ít bắt sống tù binh mang về hơn trước.

Tikhon là con người có ích và can đảm nhất trong đội. Không có ai tìm ra được cơ hội tấn công hơn anh ta, không có ai bắt và giết được nhiều lính Pháp hơn anh ta; vì vậy Tikhon trở thành anh hề của cả đội cô-dắc, đội phiêu kỵ, và cũng vui lòng đảm nhận chức vụ này. Từ đêm hôm qua Tikhon được Đenixov phái đến Samsevo để bắt một "cái lưỡi". Nhưng không biết vì anh ta chưa hài lòng vì chỉ mới bắt được một tên Pháp hay vì anh ta ngủ quên cả đêm hôm qua, chỉ thấy giữa ban ngày mà anh ta len lỏi vào tận chính giữa

quân Pháp, và như Đenixov đứng trên đồi có thể trông thấy, anh ta đã bị lộ.

VI

Sáng khi bàn bạc thêm một lúc với viên thủ lĩnh cô-dắc về cuộc tấn công ngày mai, mà trong khi đứng nhìn quân Pháp hình như Đenixov đã quyết định dứt khoát là về tiến hành, chàng thúc ngựa quay trở lại.

– Nào thôi, bây giờ đi sưởi cho khô đã anh bạn ạ, – chàng bảo Petya.

Đến gần trạm kiểm lâm. Đenixov dừng ngựa lại nhìn vào trong rừng. Ở giữa các hàng cây thấy một người đang bước nhẹ nhàng trong từng bước dài trên đôi chân cao lòng khòng, hai tay dài đung đưa, mình mặc áo ngắn, chân đi giày gai, đầu đội mũ kazan, vai khoác súng trường và lưng giắt một cái rìu. Trông thấy Đenixov, người ấy hối hả ném một vật gì vào bụi rậm rồi cất cái mũ ướt sũng vành cụp cả xuống, đến trước mặt viên chỉ huy. Người ấy là Tikhon. Khuôn mặt rỗ hoa và nhăn nheo của anh ta với đôi mắt ti hí sáng long lanh sáng bừng lên vì một niềm vui đầy tự mãn. Anh ta vênh mặt nhìn Đenixov, có vẻ như đang cố nhịn cười.

– Thế nào, đi đâu mất mặt thế hả? – Đenixov hỏi.

– Đi đâu mất mặt à? Đi kiếm mấy thằng Pháp, - Tikhon mạnh dạn và vội vã đáp, giọng trầm hơi khàn nhưng ngân nga.

– Sao lại làm giữa ban ngày thế hả? Đồ súc sinh! Thế sao không bắt được à?

– Bắt thì có bắt được đấy ạ, – Tikhon nói.

– Thế nó đâu rồi?

– Thì thoạt tiên tôi bắt được một thằng từ lúc mờ sáng, – Tikhon nói tiếp, hai chân bèn bẹt đi giày gai choạc rộng ra, – thế rồi dẫn nó vào rừng. Tôi biết ngay là thằng này chẳng được tích sự gì. Tôi nghĩ bụng chi bằng đi bắt một thằng khác chững chạc hơn.

– Chà, thằng bợm già, tôi biết mà, – Đenixov nói với viên thủ lĩnh cô-dắc. – Thế tại sao mày không dẫn thằng ấy đến?

– Thì dẫn đến làm gì? – Tikhon vội vã ngắt lời, có vẻ phật ý – không được tích sự gì hết mà lại. Chả nhẽ tôi không biết ngài cần loại nào hay sao?

– Đồ súc vật...! Thế sao?

– Tôi đi tìm thằng khác, – Tikhon nói tiếp, – tôi bò vào rừng như thế này này, xong nằm rạp xuống. – Tikhon đột nhiên nằm sấp xuống một cách mềm mại, để cho mọi người thấy rõ mình đang nằm xuống như thế nào. – Thế là một thằng đi qua, – Tikhon nói tiếp. – Tôi mới chồm lên người nó như thế này này – Tikhon nhẹ nhàng và nhanh nhẹn nhẩy chồm lên – Đi đi, tôi bảo, đi đến gặp đại tá. Nó mới kêu rống lên! Thế là có bốn thằng chạy. Chúng cầm gươm xông vào tôi. Tôi mới vung riu lên thế này này: chúng mày muốn gì, tôi bảo thế, Chúa cứu vớt linh hồn chúng bay, – Tikhon quát lớn, hai tay hoa lên, mày cau lại ra vẻ dữ tợn, ngực ưỡn ra.

– Thế cái lúc mà chúng tớ thấy cậu ba chân bốn cẳng chạy qua mấy cái đầm là thế đấy hẳn, – viên thủ lĩnh cô-dắc nói, hai mắt sáng long lanh ti hí lại chỉ còn hai khe hở nhỏ.

Petya muốn cười lắm, nhưng cậu ta thấy mọi người đều đang nhịn cười. Cậu đưa mắt rất nhanh hết nhìn Tikhon lại nhìn mặt viên đại úy, không hiểu như thế nghĩa là thế nào.

– Đừng có giở trò hề nữa, – Đenixov vừa nói vừa ho húng hắng ra vẻ tức giận. – Tại sao lại không đưa thằng thứ nhất về đây.

Tikhon bắt đầu đưa một tay lên gãi lưng, tay kia gãi đầu, rồi bỗng nhiên cả cái mồm của anh ta bạnh ra thành một nụ cười ngu

ngốc và rạng rỡ để lộ cái răng sún (chính vì vậy mà anh ta được gọi là Secbaty). Đenixov cười tủm tỉm, còn Petya thì vui sướng cười phá lên, Tikhon cũng cất tiếng cười theo.

– Thì ngài còn bảo sao, nó chẳng tươm tất tí nào hết, – Tikhon nói, – nó ăn mặc rách bẩn thế thì đưa đến làm gì? Đã thế lại còn thô tục nữa. Gớm chửa, hắn bảo thế, tao đây cũng là con nhà tướng đấy, tao không đến đâu, hắn bảo thế.

– Đồ súc vật! – Đenixov nói. – Ta đang cần hỏi nó...

– Thì tôi cũng có hỏi nó rồi, – Tikhon nói. – Nó bảo: tôi không biết. Quân chúng tôi đông lắm, nó bảo thế, nhưng chả ra gì, chỉ cái tên thôi. Các anh cứ thét lên cho to, nó bảo thế là bắt sống được ráo thôi, – Tikhon kết luận, mặt vui vẻ và quả quyết nhìn thẳng vào mặt Đenixov.

– Ta cho mày nếm thử một trăm roi thật sốt dẻo xem mày có làm hề được mãi không, – Đenixov nói, giọng nghiêm nghị.

– Thôi ngài giận làm gì, – Tikhon nói, – gớm, dễ thường tôi không biết ngài cần những thằng Pháp như thế nào hay sao? Cứ để trời tối một cái là tôi sẽ đem đến cho ngài mấy thằng thật vừa ý, ba thằng cũng được ấy chứ.

– Thôi ta đi đi, Đenixov nói. Và suốt dọc đường đến trạm gác chàng im lặng ngồi trên mình ngựa, cau mày bực tức.

Tikhon đi ở phía sau, và Petya nghe mấy người cô-dắc cười nhạo anh ta về những đôi ủng gì đấy mà anh ta vừa vứt vào bụi.

Khi đã hết buồn cười về những câu nói và cái miệng sún nhoẻn ra cười của Tikhon, và chợt hiểu ra rằng cái anh chàng Tikhon kia đã giết người, Petya bỗng thấy rờn rợn. Cậu liếc nhìn chú lính đánh trống bị bắt, và có một cái gì nhoi nhói lên trong tim cậu. Nhưng cảm giác ấy thì thoáng qua trong khoảnh khắc. Cậu thấy cần phải cất cao mái đầu lên hơn nữa, dạn dĩ lên và làm ra vẻ quan

trọng hỏi han viên thủ lĩnh cô-dắc về những công việc dự định ngày mai, để cho xứng với những người xung quanh.

Viên sĩ quan được phái đi đã về đón Đenixov trên đường đi để báo tin rằng Đôlôkhôv sắp thân hành đến ngay và về phía Đôlôkhôv mọi việc đều ổn.

Đenixov lập tức vui vẻ trở lại và gọi Petya đến.

– Nào, cậu kể cho tôi nghe hết chuyện đi, – chàng nói.

VII

Sau khi rời Maxkva, Petya đã từ giã gia đình đến trung đoàn và ít lâu sau được bổ làm sĩ quan tùy tùng cho một viên tướng chỉ huy một chi đội lớn. Từ khi được thăng chức sĩ quan và nhất là từ khi gia nhập bộ đội chiến đấu đánh trận Vyazma, Petya luôn luôn có một tâm trạng phấn khởi, sung sướng vì nghĩ rằng mình đã thành người lớn, và cậu chỉ nơm nớp lo sợ bỏ lỡ mất một cơ hội nào có thể thực hiện một hành động anh hùng thực sự. Petya rất sung sướng về những điều mà được trông thấy và thể nghiệm trong quân đội, nhưng đồng thời cậu cứ luôn có cảm tưởng là nơi nào hiện không có cậu ta chính là nơi diễn ra những việc quan trọng nhất, anh hùng nhất. Và Petya vội vã tìm cách đến những nơi hiện không có mặt cậu ta.

Ngày hai mươi mốt tháng mười, khi viên tướng của Petya tỏ ý muốn phái người đến đội du kích của Đenixov, Petya khẩn khoản xin đi một cảnh thảm thương đến nỗi viên tướng không sao từ chối được. Nhưng khi phái Petya đi, viên tướng nhớ lại hành động điên rồ của cậu ta ở trận Viazma: lần ấy đáng lẽ phải đi đến nơi được phái đến bằng con đường người ta đã chỉ định cho mình thì Petya lại phi ngựa lên tiền tiêu dưới hỏa lực của quân Pháp và bắn hai

phát súng tay ở đấy. Cho nên khi phái Petya đi, viên tướng cấm ngặt Petya không được tham gia vào bất cứ hoạt động nào của Đenixov. Chính vì thế mà Petya đỏ mặt và lúng túng khi Đenixov hỏi xem cậu ta ở lại có được không. Trước khi đến ven rừng, Petya vẫn tự nhủ là phải thi hành mệnh lệnh cho thật đúng và trở về ngay. Nhưng khi trông thấy quân Pháp trông thấy Tikhon và được biết đêm nay họ nhất định tấn công, thì với cái khả năng thay đổi ý kiến rất nhanh của tuổi trẻ, cậu ta tự nhủ rằng viên tướng của cậu ta, người mà xưa nay cậu rất kính trọng, là một lão Đức bất tài, rằng Đenixov là một trang anh hùng, viên thủ lĩnh cô-dắc cũng là một trang anh hùng, cả Tikhon cũng thế, và trong giờ phút khó khăn này mà bỏ họ ra đi thì thật là xấu hổ.

Trời đất xâm xẩm tối khi Đenixov cùng với Petya và viên thủ lĩnh cô-dắc đến gần ngôi trạm giác rừng. Trong ánh hoàng hôn nhá nhem thấp thoáng những con ngựa đã đóng yên, những người cô-dắc, những người lính phiêu kỵ đang lấy cành cây làm lán ở khoảng đất quang và đốt lửa ở dưới khe núi, để cho quân Pháp khỏi trông thấy khói. Trong gian phòng trước cửa ngôi trạm nhỏ, một người cô-dắc ống tay xắn cao đang chặt thịt cừu. Ở nhà trong có ba viên sĩ quan trong đội du kích của Đenixov đang lấy cánh cửa ghép thành bàn. Petya cởi chiếc áo ướt đem hong cho khô và lập tức bắt tay vào giúp viên sĩ quan dựng bàn ăn.

Mười phút sau, bàn đã dựng xong, mặt bàn phủ một chiếc khăn bông. Trên bàn có bày rượu vốt-ca, rượu rum đựng trong một cái lọ, mấy khoanh bánh mì trắng và mấy súc thịt cừu rán có rắc muối.

Ngồi ăn với các sĩ quan và xé miếng thịt cừu béo thơm với mấy ngón tay nhầy nhụa những mỡ, Petya có một tâm trạng phấn khởi trẻ con, cái tâm trạng làm cho người ta thấy yêu mến mọi người, và do đó mà tin chắc rằng những người khác cũng yêu mến mình như vậy.

– Thế anh nghĩ sao hở anh Vaxili Fiodorovits, - cậu nói với

Đenixov, – tôi ở lại với các anh một hôm được chứ? – Và không đợi câu trả lời, cậu tự đáp cho mình nghe: – họ sai tôi đến tìm hiểu tình hình, thì tôi tìm hiểu chứ sao... Miễn là các anh để cho tôi đến đúng vào..., chỗ nào chủ yếu nhất... Tôi không cần khen thưởng gì... Tôi chỉ muốn... – Petya nghiến răng và đưa mắt quanh, lắc mái đầu đang ngẩng lên và khua tay.

– Chỗ nào chủ yếu nhất... – Đenixov mỉm cười nhắc lại.

– Chỉ xin một điều là các anh cho hẳn tôi một đội để tôi chỉ huy, – Petya nói tiếp, – thì các anh có mất gì đâu? À, anh cần dao à? – cậu ta nói với một viên sĩ quan đang loay hoay muốn cắt miếng thịt cừu. Đoạn cậu đưa dao xếp cho viên sĩ quan.

Viên sĩ quan khen con dao.

– Anh cứ lấy mà dùng. Tôi có nhiều chiếc như thế... – Petya đỏ mặt nói. – Cha mẹ ơi! Thế mà tôi quên bẵng đi mất, – cậu ta bỗng kêu lên. – Tôi có mớ nho khô tuyệt lắm, các anh ạ, loại nho không có hột ấy mà. Ở đơn vị chúng tôi có một lão bán rong mới đến, lão ta bán những thứ tuyệt quá. Tôi đã mua đến mười bảng nho khô. Tôi quen ăn của ngọt. Các anh ăn tí nhé?... – Đoạn Petya chạy ra phòng ngoài tìm người lính cô-dắc và đem vào mấy cái túi để đựng chừng năm bảng nho khô. – Ăn đi, các vị, ăn đi.

– Hay có lẽ ông cần một chiếc ấm pha cà-phê? – Petya nói với viên thủ lĩnh cô-dắc. – Tôi mua được của lão bán hàng rong ở đơn vị một chiếc ấm rất tuyệt! Đồ của lão toàn vào loại thượng hảo hạng cả. Mà lão ta rất thật thà. Cái ấy mới là cái chính. Thế nào tôi cũng sẽ gửi biếu ông. À hay có lẽ ông hết đá lửa[1] rồi cũng nên? Thường cũng có khi như vậy. Tôi có mang theo, đây này.... – Cậu ta chỉ mấy cái túi dết, – có một trăm thỏi đá lửa. Tôi mua được rất rẻ. Ông cần bao nhiêu xin cứ lấy mà dùng, lấy hết đi cũng được... - Rồi

1. Vào thời kỳ (1812) ở kíp súng trường và súng tay có lắp một thỏi đá lửa mài nhọn. Khi kíp bật xuống, đá lửa phát ra một tia lửa làm cháy ngòi thuốc.

bỗng đâm hoảng, không biết mình nói như vậy có quá chăng, Petya im bặt, mặt đỏ bừng.

Cậu ta bắt đầu nhớ lại xem vừa rồi mình có làm điều gì ngu xuẩn nữa không. Ôn lại những việc xảy ra trong ngày, cậu sực nhớ đến chú lính đánh trống người Pháp. "Chúng ta thì sung sướng thế này, nhưng nó thì ra sao? Họ để nó ở đâu rồi? Họ có cho nó ăn không? Họ có hành hạ nó không?" – Petya nghĩ thầm. Nhưng nhận thấy mình vừa nói nhảm về chuyện đá lửa, cậu ta đâm ra sợ sệt.

"Không biết xin có được không? – cậu ta nghĩ, – sợ họ lại bảo mình cũng là trẻ con nên mới thương thằng trẻ con ấy. Mai ta sẽ cho họ thấy rõ ta có trẻ con hay không! Ta mà xin thì có gì xấu hổ không nhỉ? Ồ, cần nhìn các sĩ quan xem họ có ý chễ giễu gì chăng.

– Gọi thằng bé bị bắt vào đây có được không ạ? Cho nó ăn dăm ba miếng... có lẽ...

– Được chứ, khổ thân thằng bé, – Đenixov nói, hẳn là chàng không thấy có gì đáng hổ thẹn trong việc nhắc đến chú bé, – cho gọi nó vào đây. Nó tên và Vanhxăng Bôx[1]. Gọi nó vào.

– Tôi gọi cho, – Petya nói.

– Gọi đi, gọi đi. Khổ thân thằng bé, – Đenixov lặp lại.

Petya đang đứng ở cửa khi Đenixov nói câu này. Cậu ta len qua đám sĩ quan đến sát cạnh Đenixov.

– Anh cho phép tôi hôn anh một cái, anh nhé, – cậu ta nói. – Ồ tuyệt qúa, thích quá! – Và sau khi hôn Đenixov, cậu chạy ra ngoài.

– Bôx! Vanhxăng! – Petya đứng lại ở cửa cất tiếng gọi.

– Ngài cần gọi ai ạ? – Trong bóng tối có tiếng hỏi. Petya đáp là cần gọi thằng bé người Pháp vừa bắt được hồi sáng.

– À thằng Vexenny ấy phải không ạ? – người cô-dắc nói.

1. Vincent Bos

Tên chú bé Vanhxăng đã được những người cô-dắc đổi thành Vexenny, còn nông dân và binh sĩ thì đổi thành Vixenya. Trong cả hai cách cải biến này ý nghĩa mùa xuân[1] đều phù hợp với hình ảnh cậu bé măng sữa.

– Chú bé đang ngồi sưởi ở đống lửa đằng kia. Ê, Vixenya! Vixenya! Vexenny– Trong bóng tối có nhiều tiếng gọi truyền đi và tiếng cười khúc khích.

– Thằng bé láu lỉnh lắm, – người lính phiêu kỵ đứng cạnh Petya nói. – Chúng tôi vừa cho nó ăn lúc nãy. Nó đòi khiếp đi được.

Trong bóng tối có tiếng những bước chân không dẫm lép bép trong bùn, rồi chú lính đánh trống đến gần khung cửa.

– À, anh đấy à – Petya nói. – *Có muốn ăn không? Đừng sợ, chẳng ai làm gì anh đâu,* – cậu ta nói thêm, rụt rè và thân ái đưa tay chạm vào chú bé. – *Vào đi, vào đi*[2]

– *Cám ơn ông ạ*[3], – chú lính đánh trống đáp, giọng non nớt run run, rồi bắt đầu quệt hai bàn chân lấm bùn vào ngưỡng cửa. Petya muốn nói thật nhiều với chú bé, nhưng không dám. Cậu cứ đứng cạnh chú bé ở phòng ngoài, hết đứng chân này lại đổi sang chân bên kia. Rồi cậu nắm lấy tay chú bé mà xiết trong bóng tối.

– Vào đi, vào đi[4], – Petya chỉ nhắc lại, giọng thầm âu yếm.

"Chao, biết làm gì cho chú bé bây giờ" – Petya tự nhủ, đoạn mở cửa rồi tránh sang một bên cho nó bước vào phòng.

Khi chú lính đánh trống đã vào trong gian phòng nhỏ hẹp Petya cố ngồi cách xa chú bé, nghĩ rằng mình mà tỏ ra chú ý đến nó thì e

1. Vexenny là tính từ phái sinh của Vexna - mùa xuân. Visenya cũng có một âm hưởng khêu gợi ý Vexna.

2. Ah, c'est vous? Voulez-vous manger? N'ayez pas peur, on ne vous era pas de mal. Entrez, entrez.

3. Marci, monsieur.

4. Entrez, entrez?

mất phẩm giá. Cậu chỉ nắn nắn mấy đồng tiền trong túi, lòng ngần ngại không biết là đem cho chú lính đáng trống kia thì có gì xấu hổ không?

VIII

Theo lệnh của Đenixov người ta đã dọn thịt cừu và rượu vốt- ka cho chú lính đáng trống. Đenixov sai mặc cho nó chiếc áo Kaftan Nga và quyết định sẽ giữ nó lại trong đội du kích chứ không cho giải về hậu phương với các tù binh khác.

Petya đang bận tâm về chú bé, thì chợt có tin Đôlôkhôv đến, và bao nhiêu sức chú ý của Petya đều từ chú lính đánh trống đổ dồn sang Đôlôkhôv. Trong quân đội Petya đã được nghe kể nhiều câu chuyện về sự dũng cảm phi thường của Đôlôkhôv và sự tàn ác của chàng đối với quân Pháp, cho nên từ khi Đôlôkhôv bước vào phòng, Petya cứ nhìn chằm chặp vào chàng và mỗi lúc một thêm phấn chấn, mái đầu cất cao lên, cổ làm sao ngay khi được ngồi với một người như chàng mình cũng không đến nỗi không xứng đáng.

Cách phục sức cực kỳ đơn giản của Đenixov làm Petya kinh ngạc.

Đenixov thì mặc áo tsekmen[1], để râu dài, trên ngực có dính tượng thánh Nikôlai, người có nhiều phép lạ và trong cách nói năng, đi đứng của chàng đều để lộ rõ tính chất đặc biệt của địa vị chàng lúc bấy giờ.

Đôlôkhôv thì trước kia, khi còn ở Maxkva, vẫn mặc một bộ y phục Ba–tư, nhưng nay thì ngược lại, chàng phục sức như một sĩ quan cận vệ ưa làm dáng, hết sức thông thường. Mặt chàng cạo nhẵn, mình chàng mặc một cái áo khoác lót lông của quân cận vệ,

1. Áo lông của vùng núi Kavkaz.

khuy cổ dính một huân chương Ghe-orghi, trên đầu chàng có một chiếc mũ lưỡi trai giản dị đội rất thẳng. Chàng ra góc phòng cởi chiếc áo buôcka ướt sũng, rồi không chào hỏi ai hết, chàng đến cạnh Đenixov, và lập tức lên tiếng hỏi về công việc. Đenixov thuật lại cho chàng nghe chuyện các đội du kích lớn dòm ngó đoàn vận tải Pháp ra sao, cho chàng biết việc Petya được phái đến và cách dùng phúc đáp hai viên tướng nọ. Rồi Đenixov kể cho Đôlôkhôv rõ tất cả những điều mình biết được về tình hình đội quân Pháp.

– Đúng thế đấy, nhưng phải biết rõ đây là đơn vị nào và quân số bao nhiêu, – Đôlôkhô nói, – phải đi một chuyến mới xong. Không biết chắc quân số của chúng thì không thể khởi sự được. Tôi vốn thích làm ăn cẩn thận. Đây, trong số các vị ở đây có vị nào muốn đi với tôi vào trại quân Pháp không. Tôi có mang cả quân phục Pháp đến đây.

– Tôi, tôi... tôi sẽ đi với ông! – Petya kêu lên.

– Cậu chả cần đi làm gì hết, – Đenixov nói với Đôlôkhôv – còn cậu này thì tôi không đời nào để cho đi như thế đâu.

– Hay nhỉ! – Petya thét lên, – tại sao tôi lại không đi được kia chứ?...

– Tại vì chẳng việc gì phải đi cả!

– À, thế xin anh thứ lỗi cho, bởi vì... bởi vì tôi sẽ đi, có thế thôi. Anh đem tôi đi theo chứ? – Petya hỏi Đôlôkhôv.

– Chứ sao?... - Đôlôkhôv lơ đãng đáp, mắt nhìn vào mặt chú lính đánh trống người Pháp.

– Thằng bé con này ở với cậu lâu chưa? – chàng hỏi Đenixov.

– Vừa bắt được sáng nay, nhưng nó chẳng biết gì sất. Tớ để nó lại đây với tớ.

– À, thế còn những đứa khác thì cậu mang đi đâu? – Đôlôkhôv nói.

– Còn đi đâu nữa? Tớ cho giải về hậu phương có biên lai hẳn hoi! – Đenixov bỗng đỏ mặt quát lên. – Và tớ cũng phải nói thẳng ra rằng trong lương tâm tớ chưa hề có một sinh mạng nào. Chả nhẽ cậu không thấy cho áp giải ba mươi người hay là ba trăm người về thành phố cũng chẳng khó khăn gì, dù sao cũng còn hơn là làm nhơ bẩn, tớ nói thẳng ra như vậy, làm nhơ bẩn danh dự của một quân nhân.

– Để cho cậu tiểu bá tước mười sáu tuổi này nói những chuyện nhân ái ấy thì hợp hơn, – Đôlôkhôv nói, giọng ngạo nghễ và lạnh lùng, – còn cậu thì đã đến lúc có thể từ bỏ những trò ấy đi được rồi đấy.

– Kìa, tôi có nói gì đâu, – Petya nói, giọng rụt rè, – tôi chỉ bảo là tôi nhất định sẽ đi với ông thôi mà.

– Còn như cậu với tớ thì đã đến lúc nên bỏ cái trò ấy đi, cậu ạ. – Đôlôkhôv nói tiếp, như thể thấy thích thú đặc biệt khi nói đến một vấn đề vẫn khiến cho Đenixov khó chịu. – Thế tại sao cậu cho thằng bé này ở lại? – chàng lắc đầu nói. – Cậu thương hại nó chứ gì? Chúng tớ còn lạ gì những tờ biên lai của cậu nữa. Cậu gửi về một trăm tên, nhưng về đến nơi chỉ còn ba chục. Chúng nó sẽ chết dọc đường, vì đói, hay sẽ bị giết chết. Vậy thì thà đừng bắt chúng nó, cũng thế cả thôi.

Viên thủ lĩnh cô–dắc nheo nheo đôi mắt trong sáng, gật đầu tỏ ý tán thành.

– Thì cũng thế thôi, chả phải bàn cãi gì nữa. Tớ không muốn để lương tâm phải bứt rứt về chuyện ấy. Cậu bảo là chúng nó sẽ chết. Cũng được thôi. Miễn sao đừng chết vì tay tớ là được.

Đôlôkhôv cười phá lên.

– Dễ thường chúng nó không được lệnh bắt tớ hàng hai chục lần đấy! Và nếu chúng bắt được thì cả tớ lẫn cậu với cái tâm hồn nghĩa hiệp của cậu cũng vẫn lủng lẳng trên một sợi dây như thường.

– Đôlôkhôv im lặng một lát. – Nhưng thôi, phải lo đến công việc đi chứ. Bảo thằng cô–dắc của tớ mang cái đẫy vào đây. Tớ có hai bộ quân phục của Pháp. Thế nào, đi với tớ chứ? – Chàng hỏi Petya.

– Tôi ấy à? Vâng, vâng, nhất định chứ! – Petya reo lên, mặt đỏ rừ đến gần chảy nước mắt ra, mắt liếc nhìn Đenixov.

Trong khi Đôlôkhôv tranh cãi với Đenixov về cách xử trí tù binh, Petya lại cảm thấy luống cuống và bồn chồn lo lắng, nhưng cậu cũng vẫn không đủ thì giờ hiểu cho rõ họ nói về việc gì. "Nếu những người lớn, những người có danh tiếng, họ nghĩ như vậy thì tức là cần phải như vậy, như vậy mới đúng, – cậu nghĩ thầm. – Và cái chính là phải làm sao cho Đenixov đừng có mà nghĩ rằng mình phục tùng anh ta, rằng anh ta có thể chỉ huy mình. Mình nhất định sẽ đi với Đôlôkhô đến trại quân Pháp. Đôlôkhôv đi được thì mình cũng đi được chứ!".

Đáp lại tất cả những lời khuyên nhủ của Đenixov bảo cậu đừng đi, Petya nói là mình đã quen việc gì cũng làm cẩn thận chứ không chịu được cái lối làm ăn hú họa, và xưa nay không bao giờ nghĩ đến nguy hiểm cả.

– Bởi vì, anh cũng phải nhận thấy là nếu không biết chắc quân số chúng nó thì có thể nguy hại đến tính mạng hàng trăm người cũng nên, còn như đi như thế này thì chỉ có hai chúng tôi mà thôi. Vả lại tôi rất muốn và thế nào tôi cũng đi, anh đừng giữ tôi làm gì, chỉ thêm phiền.

Sau khi mặc áo ca-pốt và đội mũ sa-cô của Pháp, Petya và Đôlôkhôv cưỡi ngựa đi về phía khoảng rừng thưa nơi Đenixov đứng nhìn xuống trại lính Pháp sáng nay, rồi ra khỏi rừng và đi xuống hẻm núi trong bóng tối dày đặc. Xuống đến nơi, Đôlôkhôv dặn mấy người cô-dắc đi theo đứng đợi ở đấy và cho ngựa phóng nước kiệu trên con đường dẫn đến cái cầu. Petya tim lịm đi vì xúc động, cưỡi ngựa đi cạnh chàng.

– Nếu bị lộ, tôi sẽ không để cho nó bắt sống đâu, tôi có một khẩu súng ngắn đây, – Petya thì thầm.

– Đừng nói tiếng Nga, – Đôlôkhôv nói thầm rất nhanh, và ngay phút ấy trong bóng tối có tiếng quát *"ai?"*[1] và tiếng lên cò súng lách cách.

Máu dồn lên mặt Petya và cậu ta luồn tay vào chỗ cất khẩu súng ngắn.

– *Giáo kỵ trung đoàn 6*[2], – Đôlôkhôv đáp, không kìm ngựa lại mà cũng không cho ngựa phóng nhanh. Cái bóng đen ngòm của tên lính canh đứng sững trên cầu.

– *Khẩu lệnh*?[3]

Đôlôkhôv kìm ngựa lại cho đi bước một.

– *Này đại tá Jêrar có ở đây không nhỉ?*[4] – chàng nói.

– Khẩu lệnh?[5] – không đáp lại, tên lính canh quát một lần nữa và đứng chặn ngang cầu.

– *Khi một sĩ quan đi tuần, lính canh không có cái lối hỏi khẩu lệnh...* – Đôlôkhôv đột nhiên nổi xung lên quát lớn và cho ngựa bước sấn vào tên lính canh. – *Ta hỏi anh đại tá Jêrar có ở đây không*?[6].

Và không đợi câu trả lời của tên lính canh bấy giờ đã né sang một bên, Đôlôkhôv cho ngựa đi bước một lên dốc.

Trông thấy một bóng đen đi vượt qua đường, Đôlôkhôv chặn lại hỏi xem viên tư lệnh và các sĩ quan hiện ở đâu. Bóng đen này là một người lính vác một cái bị lên vai. Hắn đứng lại, đến sát cạnh

1. "Qui vive?"
2. Lanciers du 6 me.
3. Mot d'ordre?
4. Dites donc, le colonel Gérard est ice?
5. Mot d'ordre?
6. Quand un officier fait sa ronde, les sentinelles ne demandent pas le mot d'ordre... je vous demande si le colonel est ici?

Đôlôkhôv giơ tay vỗ vào ngực chàng rồi nói một cách thân mật và giản dị rằng quan tư lệnh và các sĩ quan đang ở trên dốc phía bên phải, trong sân, ấp (người lính gọi tòa dinh thự trang chủ như vậy).

Dọc đường đi, hai bên đều nghe có tiếng chuyện trò bằng tiếng Pháp từ những bếp lửa trại vẳng ra. Đi được một đoạn, Đôlôkhôv rẽ vào sân tòa dinh thự trang chủ. Đi qua cổng, chàng xuống ngựa và đến cạnh một bếp lửa lớn cháy bừng bừng, xung quanh có mấy người đang ngồi nói chuyện rất to. Ở cạnh ria đống lửa có bắc một cái nồi nấu một món gì đang sôi sùng sục, và một người lính đội mũ chụp nhọn và mặc ca-pốt xanh đang quỳ bên cạnh lấy que thông nòng khuấy khuấy vào nồi, ánh lửa bắt vào mặt hắn sáng rực.

– *Ồ ông ta hắc lắm đấy*[1], – một viên sĩ quan ngồi trong bóng tối phía bên kia bếp lửa nói.

– Ông ta sẽ cho chúng nó một chầu...[2] – một người khác cười lớn nói. Họ lặng thinh và nhìn vào đêm tối khi nghe tiếng chân Đôlôkhôv và Petya dắt ngựa bước lại gần đống lửa.

– Chào các vị![3] – Đôlôkhôv nói to, tách rõ từng tiếng. Mấy viên sĩ quan cựa quậy trong bóng tối, và một người cao lớn, cổ dài đi vòng qua đống lửa đến gần Đôlôkhôv.

– *Anh đấy à. Clêmăng*? – người ấy nói. – *Quái, anh ở đâu mà...*[4]. Nhưng hắn không nói hết câu thì đã nhận ra là mình lầm; hắn hơi cau mày, chào Đôlôkhôv như chào một người không quen và hỏi chàng xem chàng cần hỏi việc gì. Đôlôkhôv nói là chàng cùng với người bạn đang đuổi theo trung đoàn và hỏi đám sĩ quan xem có ai

1. Oh, c'est un dar à cuire.
2. Il les fera marcher, les lapins...
3. Bonjourr, messieurs!
4. C'est vous, Clément?... D'où diable...

biết gì về trung đoàn sáu không. Chẳng có ai biết gì cả, và Petya có cảm giác là các sĩ quan bắt đầu quan sát cậu với Đôlôkhôv một cách ác cảm và nghi ngờ.

– *Nếu các anh hy vọng ăn món xúp tối nay thì các anh đến khí chậm đấy*[1] – một người ở sau đống lửa nói vừa cười khúc khích.

Đôlôkhôv đáp rằng hai anh em ăn đã no và đang cần đi tiếp ngay đêm nay.

Chàng trao ngựa cho người lính đang khuấy món ăn trong nồi, và ngồi xổm xuống bên đống lửa cạnh viên sĩ quan cao cổ. Viên sĩ quan này nhìn Đôlôkhôv chằm chặp và hỏi lại một lần nữa: chàng ở trung đoàn? Đôlôkhôv không đáp, làm như không nghe thấy câu hỏi, chàng rút cái tẩu thuốc kiểu Pháp trong túi ra, vừa châm lửa hút vừa hỏi các sĩ quan xem đoạn đường sắp phải đi có bị bọn cô-dắc quấy nhiễu không.

– *Kẻ cướp thì đâu mà chẳng có*[2] – viên sĩ quan ngồi sau đống lửa nói.

Đôlôkhôv nói rằng bọn cô-dắc chỉ đáng sợ đối với những kẻ tụt lại sau như chàng và anh bạn của chàng thôi, còn những đội quân lớn thì chắc chúng không dám đánh, – chàng nói thêm có ý dò hỏi. Không ai đáp lại một lời.

– Thôi, bây giờ chắc anh ấy sẽ đi, – cứ phút phút Petya lại nghĩ thầm trong khi đứng trước bếp lửa lắng nghe chàng nói chuyện.

Nhưng Đôlôkhôv lại khơi chuyện và bắt đầu hỏi thẳng họ xem trong mỗi tiểu đoàn có bao nhiêu người, họ có cả thảy bao nhiêu tiểu đoàn, bao nhiêu tù binh. Trong khi hỏi về tốp tù binh Nga đang bị áp giải theo đội quân của họ, Đôlôkhôv nói:

– *Kéo lê những cái xác ấy theo sau phiền thật. Chi bằng bắn*

1. Si vous comptez sur la soupe du soir, vous venez trop tard.
2. Les brigands sont partout.

quách cái lũ chó chết ấy đi cho rảnh[1], – nói đoạn chàng cười phá lên, tiếng cười nghe quái gở đến nỗi Petya cứ tưởng là quân Pháp sẽ nhận ra ngay cái trò bịp bợm của chàng; cậu ta bất giác lùi một bước ra xa đống lửa. Không có ai hưởng ứng câu nói và tiếng cười của Đôlôkhôv; một viên sĩ quan Pháp nãy giờ chẳng trông thấy đầu (hắn trùm áo ca-pốt nằm giữa đất) bỗng nhổm dậy nói thì thầm mấy tiếng với một người bên cạnh. Đôlôkhôv đứng dậy và gọi tên lính giữ ngựa.

"Liệu chúng có trả ngựa không?" – Petya thầm nghĩ; cậu bất giác nhích lại gần Đôlôkhôv.

Họ đưa ngựa lại.

– *Chào các vị*[2] – Đôlôkhôv nói.

Petya muốn nói: Chào các vị nhưng không sao mở miệng được. Mấy viên sĩ quan nói thầm với nhau. Đôlôkhôv loay hoay một hồi lâu mới lên yên được, vì con ngựa không chịu đứng yên cho; sau đó chàng cho ngựa đi bước một ra cổng. Petya đi cạnh chàng; cậu rất muốn ngoái cổ nhìn lại xem bọn Pháp có đuổi theo không, nhưng cậu không dám.

Ra đến đường cái, Đôlôkhôv không trở về phía cánh đồng mà lại đi ven theo khóm làng. Được một lúc chàng dừng ngựa lại nghe ngóng.

– Cậu có nghe thấy không? – chàng nói.

Petya nhận ra âm hưởng những câu tiếng Nga và trông thấy những người tù binh Nga chập chờn quanh các bếp lửa. Hai người đi xuống dốc và đến cái cầu lúc nãy, vượt qua người lính canh đang lặng lẽ đi đi lại lại trên cầu, và trở về cái hẻm núi có mấy người cô-dắc đứng đợi.

---

1. La vilaine affaire de trainer ces cadavres après soi. Vaudrait mieux fusiller cette canaille.

2. Bonjour. Messieurs.

– Thôi bây giờ chào cậu nhé. Cậu bảo Đenixov là đến tảng sáng, khi nghe tiếng súng đầu tiên. – Đôlôkhôv nói đoạn toan bỏ đi, nhưng Petya đã nắm lấy tay chàng.

– Không Petya kêu lên, – anh thật là một vị anh hùng. Ồ thích quá! Tuyệt quá! Tôi yêu anh quá!

– Thôi được rồi, được rồi, – Đôlôkhôv nói, nhưng Petya không chịu buông chàng ra. Trong bóng tối, Đôlôkhôv thấy Petya nghiêng người về phía chàng. Cậu ta muốn chàng. Đôlôkhôv hôn Petya cười lớn rồi quay ngựa đi khuất trong đêm tối.

X

Về đến trạm gác, Pêtya gặp Đenixov đứng ở phòng ngoài. Đenixov đang đợi Petya về, lòng bồn chồn lo lắng và tự giận mình sao lại để cho Petya đi như vậy.

– Đội ơn Chúa! – chàng reo lên. – Chà, đội ơn Chúa! – Chàng nhắc đi nhắc lại trong khi nghe Petya hân hoan kể lại chuyến đi vừa qua. – Quỷ bắt cậu đi, cậu làm tôi không chợp mắt được đấy. Thôi, đội ơn Chúa, bây giờ đi mà ngủ đi. Còn đủ thì giờ đánh một giấc đến sáng.

– Ồ... không, – Petya nói. – Tôi chưa buồn ngủ. Tôi biết cái thói của tôi là hễ đã ngủ rồi thì thôi chẳng còn biết trời đất gì nữa. Vả lại tôi đã quen thức trước khi ra trận.

Petya ngồi một lát trong ngôi nhà, lòng khấp khởi vui mừng nhớ lại những chi tiết trong chuyến đi vừa qua và hình dung rõ rệt những việc sẽ xảy ra ngày mai. Rồi nhận thấy Đênixov ngủ thiếp đi, cậu đứng dậy đi ra ngoài.

Ngoài sân hãy còn tối mịt. Cơn mưa nhỏ đã tạnh, nhưng nước mưa đọng trên lá cây hãy còn nhỏ giọt xuống. Gần ngôi trạm gác,

thấp thoáng bóng những cái lán của lính cô-dắc và những con ngựa buộc chung một chỗ. Sau ngôi nhà có hai chiếc xe tải làm thành hai vệt đen sì, bên cạnh có mấy con ngựa đứng, và dưới hẻm núi bập bùng một ngọn lửa đỏ đang lụi dần. Trong số lính phiêu kỵ và cô-dắc cũng có nhiều người không ngủ: đây đó; xen lẫn với tiếng nước mưa rơi lộp bộp và tiếng ngựa nhai thóc rào rào gần sát bên cạnh, còn nghe những tiếng người nói khe khẽ, gần như thì thầm.

Petya từ phòng ngoài bước ra sân, đưa mắt nhìn bóng tối ở chung quanh và đến gần hai cỗ xe tải. Dưới xe có ai đang ngáy "khò khò", và ở xung quanh xe có những con ngựa đóng yên đang nhai thóc. Trong bóng tối, Petya nhận ra con ngựa của cậu; được cậu đặt tên là Karabakh tuy nó là một con ngựa vùng Tiểu Nga, và lại gần nó.

– Nào, Karabakh, mai ta sẽ làm nên chuyện, – Petya vừa nói vừa ghé sát mũi vào mũi ngựa mà hôn.

– Kìa cậu, cậu không ngủ à? – Người cô-dắc ngồi dưới gầm xe nói.

– Không, này anh... Likhatsov, có phải tên anh là thế không nhỉ? Chả tôi vừa mới về mà. Chúng tôi vừa đến trại quân Pháp xong. – Đoạn Petya kể tỉ mỉ cho người cô-dắc nghe đầu đuôi chuyến cậu ta đi trinh sát, lại còn giảng giải thêm cho anh ta rõ tại sao cậu ta lại đi như vậy và tại sao cậu ta cho rằng thà liều mạng như vậy còn hơn là làm ăn hú họa.

– Thôi, cậu nên ngủ một chút, – người cô-dắc nói.

– Không, tôi đã quen thức, – Petya đáp. – À, đá lửa trong súng tay của anh đã mòn hết chưa? Tôi có mang theo đây. Anh cần không? Lấy một ít mà dùng.

Người cô-dắc từ dưới gầm xe chui ra để nhìn Petya cho rõ.

– Chả là tôi vẫn quen làm việc gì cũng phải cho cẩn thận, –

Petya nói. – Nhiều người có cái lối làm hú họa, không chuẩn bị gì cả, rồi về sau lại ân hận. Tôi không thích thế.

– Đúng đấy, – người cô-dắc nói.

– À còn cái này nữa, anh ạ, anh mài hộ tôi thanh kiếm nhé; nó bị cùn... (nhưng Petya không dám nói dối) là nó chưa được mài lần nào cả. Có được không anh?

– Được chứ.

Likhotsov đứng dậy lục lọi một lúc trong cái đẫy, và một lát sau Petya đã nghe thấy âm hưởng hùng tráng của chất thép đưa trên đá mài. Cậu leo lên chiếc xe tải và ngồi trên thành xe. Người cô-dắc ngồi mài gươm dưới gầm.

– Thế nào, anh em ngủ cả rồi à? – Petya hỏi.

– Cũng có người ngủ, cũng có người thức như ta.

– Thế còn chú bé thì sao?

– Vexenny ấy à? Nó lăn kềnh ra ở cạnh cửa ấy. Suốt ngày nó lo sợ nên bây giờ ngủ say lắm. Bây giờ thì nó bằng lòng lắm rồi.

Sau đó Petya im lặng hồi lâu, lắng tai nghe những động ở chung quanh. Trong bóng tối có tiếng chân bước và một bóng đen hiện ra.

– Bác mài gì thế? – một người đến cạnh xe hỏi.

– À mài gươm cho công tử.

– Hay đấy, – người kia nói (Petya thấy hình như hắn ta là một người lính phiêu kỵ). – Này, các bác ở đây có cầm cái chén không?

– Kia kìa, cạnh bánh xe ấy. – Người lính phiêu kỵ đến lấy cái chén, – Hình như sắp sáng rồi thì phải, – hắn ta ngáp dài nói, đoạn bỏ đi.

Lẽ ra Petya phải biết rằng mình đang ở trong rừng với đội du kích của Đenixov, cách đường cái một dặm, rằng mình đang ngồi trên một chiếc xe tải cướp được của quân Pháp, bên cạnh có buộc

mấy con ngựa, rằng ở phía dưới là bác cô-dắc Likhatsov đang mài gươm cho cậu, rằng cái vết đen ở bên phải là một trạm kiểm lâm, và cái vệt sáng đỏ ngầu ở bên trái là một bếp lửa đang lụi dần, rằng người vừa đến tìm cái chén là một anh lính phiêu kỵ đang khát nước; nhưng cậu chẳng biết gì cả và cũng chẳng muốn biết. Cậu đang sống trong một xứ sở thần kỳ, trong đó không có gì giống cõi thực hết. Cái vệt đen lớn có lẽ đúng là trạm kiểm lâm, nhưng cũng có thể là một cái hang lớn dẫn đến tận lòng đất sâu thẳm. Cái vệt đỏ kia có lẽ là ngọn lửa, nhưng cũng có thể là con mắt của một con quái vật khổng lồ. Có lẽ đúng là cậu đang ngồi trên chiếc xe tải, nhưng cũng rất có thể không phải trên chiếc xe tải, mà trên một cái tháp cao ngất trời, cao đến nỗi nếu ngã xuống thì phải suốt một ngày, suốt một tháng mới đến mặt đất, cứ phải bay mãi, bay mãi mà không bao giờ chạm đất. Có lẽ người đang ngồi dưới gầm xe chỉ là bác cô-dắc Likhatsov thôi, nhưng cũng rất có thể đó chính là con người tốt nhất, can đảm nhất, kỳ diệu nhất, tuyệt vời nhất trên đời mà không ai biết đến. Có lẽ vừa rồi đúng là một anh lính phiêu kỵ đi tìm chén uống nước, rồi cầm chén đi xuống hẻm núi, nhưng cũng có thể là hắn ta đã mất hút, biến hẳn đi và thật ra không hề tồn tại.

Bây giờ dù Petya có trông thấy gì chăng nữa cậu cũng sẽ không hề ngạc nhiên. Petya đang sống trong một xứ sở thần kỳ, trong đó cái gì cũng có thể xảy ra.

Cậu nhìn lên trời. Cả bầu trời nữa cũng thần kỳ như trên mặt đất. Trời đang quang dần, và trên các ngọn cây, mây lướt nhanh, như đang mở dần ra cho các vì sao xuất hiện. Đôi khi người ta có cảm tưởng là mây quang dần để lộ bầu trời trong trẻo đen kịt. Đôi khi những khoảng đen ấy lại trông như những đám mây. Đôi khi trời lại trông như cứ cao lên dần, cao lên mãi; đôi khi bầu trời lại trông như hạ thấp hẳn xuống, đến nỗi có thể với tay đến được.

Petya nhắm mắt lại và bắt đầu gật gà gật gù.

Những giọt nước mưa rơi lộp bộp. Có tiếng nói chuyện rì rầm. Mấy con ngựa hí lên và quay ra đánh nhau. Đâu đây có tiếng ai ngáy.

– Xoẹt, xoẹt, xoẹt, xoẹt... – tiếng gươm xiếc trên đá mài đều đều. Và Petya chợt nghe những tiếng nhạc hài hòa đồng cử một điệu âu ca nào đấy âm hưởng ngọt ngào và trang trọng. Petya có khiếu âm nhạc chẳng kém gì Natasa, và hơn cả Nikôlai, nhưng cậu chưa bao giờ học âm nhạc, không hề nghĩ đến âm nhạc, cho nên những âm thanh đột ngột vang lên trong tâm trí cậu có vẻ mới mẻ và hấp dẫn lạ thường. Tiếng nhạc mỗi lúc một rõ. Điệp khúc lớn dần lên, chuyển từ nhạc cụ này sang nhạc cụ khác. Đó chính là lối hành nhạc thường gọi là phú cách khúc[1] tuy Petya không hề có một khái niệm gì về phú cách khúc. Tiếng các nhạc cụ đang cử khi thì giống như tiếng vĩ cầm, khi lại nghe như tiếng kèn đồng, nhưng lại hay hơn và trong trẻo hơn tiếng vĩ cầm và tiếng kèn đồng. Mỗi nhạc cụ cử một điệu riêng, và chưa cử hết một nét nhạc đã hòa với một nét nhạc khác mở đầu gần như thế, rồi thành một nét thứ ba, rồi một nét thứ tư, và tất cả những nét nhạc ấy hòa lại làm một, rồi lại tản mác ra, để rồi lại hòa làm một, khi thì thành một điệu nhạc thánh đường trang nghiêm, khi thì lại thành một khúc khải hoàn tưng bừng, chói lọi.

"Ồ phải rồi, ta đang nghe tiếng nhạc này trong giấc mơ, Petya tự nhủ, người gật về phía trước. – Nó ở trong tai ta đây mà. Và có lẽ đây là nhạc của ta cũng nên. Nào, cử lại xem. Tiếng nhạc của ta ơi! Cử lên nào!...".

Petya nhắm mắt lại. Và từ khắp bốn phía, những âm thanh nghe như từ xa vẳng lại bắt đầu rung lên, hòa vào nhau, tản mác ra, lẫn vào nhau, rồi tất cả lại hòa thành điệu âu ca ngọt ngào và

1. Lối hành nhạc trong đó có nhiều bè (giọng hát hay nhạc cụ) lấy lại một chủ đề khởi đầu rồi phát triển nó ra mãi thành những đoạn phối hợp nhiều kiểu khác nhau về âm điệu, tiết tấu và hòa thành (fugue).

trang trọng ấy. "Ồ, tuyệt quá đi mất! Muốn bao nhiêu cũng được và muốn thế nào cũng được". – Petya tự nhủ. Cậu thử chỉ huy dàn nhạc khổng lồ kia.

"Nào, khẽ bớt, khẽ bớt, bây giờ thì lắng hẳn xuống đi". Và các âm thanh liền tuân theo. "Nào, bây giờ thì to hơn lên, vui hơn lên. Vui hơn nữa, hơn nữa". Và từ một nơi sâu thẳm mịt mùng đưa lên những âm thanh trang trọng mỗi lúc một thêm mạnh mẽ. "Nào, thanh nhạc bắt đầu hòa theo!" – Petya lệnh. Và từ xa xa, lúc đầu những giọng nam vang lên, rồi đến những giọng nữ. Tiếng hát to dần, to dần theo một tiến trình lên giọng đều đặn và trang nghiêm, Petya thấy sợ và vui trong khi lắng nghe những âm hưởng du dương lạ lùng ấy.

Điệu hát dâng lên thành một hành khúc khải hoàn trang trọng, những giọt nước rơi lộp bộp, thanh gươm xiết trên đá mài; xoẹt, xoẹt, xoẹt, và mấy con ngựa lại hí lên, đánh lẫn nhau, nhưng không phá rối điệu đồng ca, mà lại nhập vào thành một bộ phận của nó.

Petya không biết những khúc nhạc ấy kéo dài bao lâu: cậu chỉ say sưa thưởng thức, luôn luôn lấy làm lạ về cái khoái cảm của mình và tiếc rằng không có ai để cùng chia sẻ. Tiếng nói dịu dàng của Likhatsov làm Petya bừng tỉnh.

– Thưa cậu, xong rồi đấy ạ, có thể chém đứt đôi thằng Pháp. Petya mở bừng mắt.

– Sáng rồi, đúng là đã sáng rồi! – cậu kêu lên.

Bây giờ đã trông thấy rõ mấy con ngựa trước đây chìm trong bóng tối, cho đến đuôi ngựa trông cũng rõ, và qua những cành cây trụi lá đã hiện ra ánh sáng ướt át của buổi rạng đông. Petya rùng mình choàng dậy, móc túi lấy một đồng rúp đưa cho Likhotsov, vung gươm lên, thử lưỡi gươm rồi tra vào vỏ. Mấy người cô-dắc cởi dây buộc ngựa và thắt đai yên cho ngựa.

– Chỉ huy trưởng đây rồi, – Likhatsov nói.

Từ trạm gác rừng Đenixov bước ra, cất tiếng gọi Petya và ra lệnh chuẩn bị xuất phát.

XI

Trong ánh sáng mờ mờ của buổi rạng đông, quân sĩ nhanh nhẹn tìm lấy ngựa của mình, thắt đai yên và ai nấy đều theo lệnh về chỗ. Đenixov đứng cạnh trạm, ra những mệnh lệnh cuối cùng. Đội binh của đơn vị du kích, trong tiếng lép bép của hàng trăm bàn chân giẫm lên bùn, xuất phát trước, đi lên con đường cái và chỉ một loáng đã khuất giữa rặng cây trong làn sương mù của buổi rạng đông. Viên thủ lĩnh ra mệnh lệnh cho quân cô-dắc. Petya cầm cương ngựa, sốt ruột chờ lệnh lên yên. Mặt cậu, vừa rửa nước lạnh, và nhất là đôi mắt cậu, bừng bừng như lửa, sống lưng như có một luồng điện chạy qua, và toàn thân cứ rung lên từng đợt.

– Thế nào xong cả chưa? – Đenixov nói. – Đưa ngựa ra đây.

Họ dắt ngựa ra. Đenixov nổi cáu với người cô-dắc vì đai yên thắt lỏng; chàng mắng người cô-dắc rồi lên yên. Petya xỏ chân vào bàn đạp. Con ngựa theo thói quen cứ muốn cắn chân cậu, nhưng Petya bây giờ đang có cảm tưởng như mình không có trọng lượng nữa, đã nhanh nhẹn nhảy lên yên quay lại nhìn những người lính phiêu kỵ ở phía sau đang xuất phát trong bóng tối, và cho ngựa lại gần Đenixov.

– Anh Vaxili Fiođorovits, anh giao cho tôi một nhiệm vụ gì chứ? Anh nhé... tôi van anh... – Petya nói. Đenixov có vẻ như đã quên rằng Petya có tồn tại ở trên đời này. Chàng quay lại nhìn cậu.

– Tôi chỉ xin cậu một điều, – chàng nghiêm nét mặt nói, – là phải nghe tôi và đừng có tự ý chạy tứ tung lên.

Suốt dọc đường Đenixov không nói với Petya một câu nào nữa, chàng lặng thinh ngồi trên mình ngựa. Khi họ đến ven rừng; ở phía đông trời đã bắt đầu sáng rõ hơn. Đenixov nói thì thầm mấy tiếng với viên thủ lĩnh cô-dắc, và đoàn cô-dắc bắt đầu tiến qua mặt Đenixov và Petya. Khi họ đã đi qua hết, Đenixov giục ngựa đi xuống dốc núi. Lũ ngựa cứ trượt chân trên sườn dốc, thỉnh thoảng lại ngồi bệt mông xuống. Đoàn quân kéo xuống hẻm núi, Petya cưỡi ngựa đi cạnh Đenixov. Toàn thân cậu mỗi lúc một rung mạnh thêm. Trời sáng dần, chỉ có làn sương mù che khuất những vật ở xa xa. Xuống đến chân dốc, Đenixov ngoảnh lại và gật đầu ra hiệu cho người của mình đứng cạnh chàng, nói:

– Hiệu lệnh!

Người cô-dắc giơ cao tay lên, một tiếng súng nổ. Và ngay lúc ấy có tiếng vó ngựa phi rầm rập ở phía trước, tiếng hò reo ở khắp bốn phía và thêm nhiều tiếng nổ nữa.

Nghe thấy những tiếng vó ngựa và tiếng hò reo đầu tiên, Petya lập tức quất ngựa và buông cương cho ngựa phi lên trước, không thèm nghe Đenixov đang quát gọi cậu. Khi nghe tiếng súng nổ, Petya có cảm giác là trời bỗng sáng hẳn lên như giữa ban ngày, cậu phi về phía cầu. Phía trước quân cô-dắc đang phi ngựa trên đường cái. Trên cầu, Petya đuổi kịp những người cô-dắc bị tụt lại sau, và tiếp tục phi lên trước. Phía trước mặt có những người nào không rõ – chắc là lính Pháp – đang từ mé đường bên phải chạy sang mé bên trái. Một người ngã lăn ra giữa bùn, dưới chân ngựa Petya.

Cạnh một ngôi nhà gỗ có một đám cô-dắc đang xúm xít lại làm gì không rõ. Từ giữa đám đông đưa ra một tiếng rú kinh khủng. Petya cho ngựa phi lại gần đám người, và vật đầu tiên mà cậu ta trông thấy là khuôn mặt tái mét của một tên lính Pháp, hàm dưới run run, đang nắm giữ lấy cán một ngọn giáo chĩa vào người hắn.

– Ura!... Anh em ơi... quân ta... – Petya reo lên và buông lỏng

cương cho ngựa bấy giờ đã nóng máu phi dọc đường làng tiến lên phía trước.

Phía trước có nhiều tiếng súng nổ; những người cô-dắc, những người lính phiêu kỵ và những người tù binh Nga rách rưới từ hai bên đường đổ ra, la ó loạn xạ cả lên. Một tên lính Pháp mặc ca-pốt xanh, vẻ ngang tàng, đầu không đội mũ, mặt đỏ và cau có, đang dùng lưỡi lê chống chọi với quân phiêu kỵ. Khi Petya phi lại thì tên Pháp đã gục xuống. "Lại muộn rồi!" – ý nghĩ đó thoáng qua đầu Petya, và cậu liền nhắm nơi có tiếng súng dồn dập phi tới. Những tiếng súng vang lên từ sân tới nhà trang chủ đêm hôm qua Petya đã đến với Đôlôkhôv. Quân Pháp ở đây nấp sau dãy hàng rào, trong khu vườn rậm rạp mọc kín những bụi cây, bắn vào đám quân cô-dắc xúm xít ở trước cổng. Phi đến gần cổng, Petya trông thấy Đôlôkhôv trong đám khói súng, mặt xanh như tàu lá, đang quát gọi quân lính. "Đi vòng ra phía sau! Đợi bộ binh đến!" – chàng quát trong khi Petya phi ngựa tới gần.

– Đợi à?... Ura!... – Petya reo lên, và không chậm một phút, cậu phi đến chỗ có tiếng súng và khói phủ dày đặc. Một loạt súng nổ, những viên đạn lạ bay vèo vèo và những viên khác trúng đôm đốp vào những vật gì không rõ. Toán cô-dắc và Đôlôkhôv đuổi theo Petya phi ngựa vào cổng. Trong đám khói chập chờn dày đặc, lính Pháp đứa thì vứt súng rời các bụi cây chạy về phía quân cô-dắc, đứa thì chạy xuống dốc về phía ao. Petya ngồi trên ngựa phi dọc theo sân nhà trang chủ, hai tay không giữ cương mà lại đang rộng ra vẫy rất nhanh một cách kỳ quặc và người mỗi lúc một nghiêng hẳn về một bên. Con ngựa vấp phải một đống than hồng đang tàn lụi trong ánh ban mai, liền đứng lại, và Petya rơi phịch xuống mặt đất ướt át. Những người cô-dắc thấy chân tay cậu giật giật rất nhanh, trong khi đầu cậu im lìm không nhúc nhích. Một viên đạn đã xuyên qua sọ Petya.

Sau khi điều đình với viên sĩ quan chỉ huy Pháp vừa từ trong

tòa nhà cầm thanh gươm buộc chiếc khăn trắng ra gặp chàng để xin hàng, Đôlôkhôv xuống ngựa và đến cạnh xác Petya nằm im lìm dưới đất, hai tay dang rộng ra.

– Thế là xong, – chàng cau mày nói, đoạn ra cổng đón Đenixov đang cưỡi ngựa tới.

– Chết rồi à?! - Đenixov kêu lên khi trông thấy từ xa cái tư thế nằm của Petya, một tư thế rõ ràng của người chết mà chàng đã quá quen thuộc.

– Thế là xong, – Đôlôkhôv nhắc lại, như thể lấy làm thích thú khi nói mấy tiếng đó, đoạn bước nhanh về phía đám tù binh mà người cô-dắc vừa xuống ngựa đang vây quanh. – Không bắt sống đấy nhé! – chàng quát với về phía Đenixov.

Đenixov không đáp; chàng đến gần Petya, xuống ngựa và giơ hai tay run run quay khuôn mặt tái nhợt dính máu và bùn của Petya về phía mình.

"Tôi quen ăn ngọt. Nho khô này ngon lắm, anh lấy hết đi mà ăn" – chàng mường tượng nhớ lại. Và mấy người cô-dắc ngạc nhiên ngoảnh lại nhìn khi nghe những âm thanh giống như tiếng chó sủa phát ra từ cổ Đenixov khi chàng quay phắt đi, đến cánh hàng rào và vịn vào đấy.

Trong số những tù binh được Đenixov và Đôlôkhôv cứu thoát có Pier Bezukhov.

XII

Kể từ khi đoàn tù binh trong đó có Pier rời Maxkva ra đi, bộ chỉ huy Pháp không hề ra lệnh gì mới về đoàn tù binh này. Ngày hai mươi hai tháng mười nó không còn đi với những đơn vị và những đoàn xe tải đã cùng xuất phát từ Maxkva nữa. Một nửa đoàn xe

chở lương khô cùng đi với họ mấy chặng đường đều đã bị quân cô-dắc đánh cướp, còn lại một nửa đã đi vượt lên trước, những người kỵ binh đi bộ, lúc đầu đi phía trước mặt tù binh, nay không còn lấy một người nào: tất cả đều biến đi đâu hết. Những đội pháo binh mà trên những chặng đường đầu tiên vẫn thấy thấp thoáng ở phía trước thì nay đã nhường chỗ cho những đoàn xe tải khổng lồ của nguyên soái Juynô có những đơn vị người Vextphali hộ tống. Phía sau đoàn tù binh là đoàn xe chở đồ đạc của kỵ binh.

Qua Vyazma các quân đoàn Pháp trước kia đi thành ba đạo, nay dồn lại thành một lũ người. Những dấu hiệu mất trật tự mà Pier đã nhận thấy ở trạm nghỉ đầu tiên sau khi rời Maxkva nay đã đến mức thậm tệ.

Suốt hai bên lề đường, đâu đâu cũng thấy ngổn ngang những xác ngựa chết; những người lính rách rưới thuộc nhiều đơn vị khác nhau bị tụt lại, nối đuôi nhau không ngớt, khi thì đuổi theo kịp đoàn quân đang trẩy đi, khi thì lại tụt lại phía sau.

Trong khi hành quân, đã mấy lần có báo động hão: những lúc ấy bọn lính áp giải tù binh giơ súng lên bắn loạn xạ và cắm đầu giẫm lên nhau mà chạy, nhưng rồi sau đó lại tập hợp và mắng lẫn nhau về sự sợ hão huyền vừa qua.

Ba đoàn cùng đi với nhau ấy – đoàn xe chở đồ đạc của kỵ binh, đoàn tù binh và đoàn xe tải của Juyno – vẫn còn làm thành một cái gì thống nhất riêng biệt, tuy cả ba đều tan rã rất nhanh.

Trong đoàn xe của kỵ binh, lúc đầu có đến một trăm hai mươi cỗ xe, nay chỉ còn được sáu mươi: những cỗ khác đều bị cướp mất hoặc bị bỏ lại. Trong đoàn xe của Juyno cũng có mấy chiếc bị bỏ lại hay bị cướp mất. Ba chiếc bị những toán lính tụt lại sau của quân đoàn Đavu đánh cướp. Qua những câu chuyện trò của bọn lính Đức, Pier biết rằng quân Pháp cắt cho đoàn xe tải một đội hộ tống mạnh hơn là đội quân áp giải tù binh, và một trong số các bạn

đồng ngũ của họ, một người lính Đức, đã bị xử bắn theo lệnh của đích thân nguyên soái vì người ta soát thấy trong người hắn có một cái thìa bằng bạc của nguyên soái.

Nhưng trong ba đoàn này thì đoàn tù binh tan rã nhanh hơn cả. Trong số ba trăm ba mươi người xuất phát từ Maxkva nay chỉ còn sống sót non một trăm. Tù binh còn làm cho lính áp tải khổ sở hơn cả những bộ yên ngựa của đoàn xe tải kỵ binh hay những đồ đạc của Juyno. Những bộ yên ngựa và những cái thìa của Juyno thì họ còn biết là những thứ dùng được, chứ vì lẽ gì những binh sĩ đói rét như họ lại phải canh giữ một lũ người Nga cũng đói rét như thế, cứ chết dần ở dọc đường và hễ tụt lại sau là bị bắn chết theo lệnh cấp trên, điều đó không những họ không sao hiểu được, mà lại còn ghê tởm nữa. Và những người lính đi áp giải, dường như sợ rằng trong cái tình cảnh đáng buồn mà chính họ đang trải qua, họ sẽ lại thương xót tù binh như trước đây và do đó mà làm cho tình cảm của họ càng thêm khốn đốn, cho nên họ đối xử với tù binh càng thêm nghiêm khắc và hằn học.

Ở Đorogobuje, trong khi bọn lính áp giải nhốt tù binh vào một cái chuồng ngựa rồi đi cướp phá các kho lương của quân mình, có mấy người tù binh đào ngạch trốn đi, nhưng lại bị quân Pháp bắt được và đem bắn.

Cái quy chế được thiết lập khi xuất phát từ Maxkva, định rằng sĩ quan và lính thường trong đoàn tù binh phải đi riêng ra đã bị hủy bỏ từ lâu; tất cả những người còn đi bộ được đều đi thành một đoàn, và ngay từ chặng đường thứ ba Pier đã gặp lại Karataiev với con chó chân khuỳnh khuỳnh lông tía đã chọn Karataiev làm chủ.

Rời Maxkva được ba ngày thì Karataiev lại lên cơn sốt như khi nằm ở nhà thương Maxkva, và Karataiev càng kiệt sức thì Pier càng xa dần bác ta. Pier cũng không biết tại sao nữa, nhưng từ khi Karataiev bắt đầu yếu dần, thì Pier phải vật lộn với bản thân mới đủ can đảm đến gần bác. Rồi khi đến gần Karataiev và nghe những

tiếng rên khe khẽ của bác những khi nằm xuống nghỉ ở các trạm, ngửi thấy cái mùi bấy giờ mỗi ngày một thêm nặng từ người Karataiev bốc lên, Pier lại lảng đi thật xa và không nghĩ đến bác ta nữa.

Phải sống giam cầm, trong cái lán, Pier đã nhận ra không phải bằng lý trí mà bằng mỗi đường gân thớ thịt của mình, rằng con người sinh ra là để hưởng hạnh phúc, rằng hạnh phúc ở ngay trong con người, trong việc thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên của con người, và người ta khổ sở không phải vì thiếu thốn mà là vì thừa thãi; nhưng bây giờ, trong khoảng ba tuần hành quân gần đây, chàng lại biết thêm một chân lý mới đầy sức an ủi nữa – chàng đã nhận ra rằng trên đời này không cái gì đáng sợ cả. Chàng đã nhận ra rằng nếu trên đời này không có một tình cảnh nào có thể làm cho ta hoàn toàn sung sướng và tự do, thì cũng không có một tình cảnh nào có thể làm cho người ta hoàn toàn bất hạnh và mất tự do được. Chàng đã nhận ra rằng đau khổ và tự do đều có một giới hạn, và hai giới hạn đó là rất gần nhau rằng một người đã từng đau khổ vì trên chiếc giường lát bằng hoa hồng của mình có một cánh hoa bị gấp lại, thì cũng đau khổ đúng như chàng bây giờ khi ngả lưng trên mặt đất trơ trụi và ẩm ướt, một bên người thì rét cóng, còn bên kia thì nóng ran lên; rằng trước kia khi chàng đi đôi giày khiêu vũ hơi chật, chàng cũng thấy đau đớn đúng như bây giờ khi chàng đi chân không (giày của chàng đã rách nát từ lâu), đôi chân đầy những mụn loét. Chàng đã nhận ra rằng trước đây lấy vợ hoàn toàn theo ý muốn của mình – như chàng vẫn tưởng, – chàng cũng chẳng tự do hơn bây giờ, khi người ta nhét chàng vào chuồng ngựa để nghỉ đêm. Trong tất cả những thứ mà về sau chính chàng cũng gọi là những nỗi khổ cực, nhưng lúc bấy giờ chàng hầu như không cảm thấy, thì cái chính là đôi chân không giầy đầy những chỗ sưng phồng và lở loét. (Thịt ngựa thì ngon và bổ cái dư vị của chất diêm tiêu dùng thay muối lại còn đâm ra dễ chịu nữa là khác; trời không

có những cơn rét dữ dội, ban ngày khi đi đường hầu như lúc nào cũng thấy nóng, còn ban đêm thì đã có bếp lửa; những con rận nhung nhúc ở trên người chàng làm cho chàng ấm lên). Thời kỳ đầu chỉ có một điều làm cho chàng khổ: ấy là đôi chân.

Ở trạm nghỉ thứ hai, khi nhìn những chỗ loét trên chân dưới ánh lửa trại, Pier đã nghĩ rằng chân như thế này thì không tài nào bước đi được, nhưng khi ai nấy đều đứng dậy lên đường, chàng cũng khập khiễng bước theo, và về sau, khi đã nóng người lên, chàng bước như thường chẳng thấy đau đớn gì nữa, tuy đến chiều đôi chân nhìn lại càng khủng khiếp hơn trước. Nhưng chàng không nhìn xuống chân, và nghĩ sang việc khác.

Mãi đến bây giờ, Pier mới hiểu hết tác dụng của sức sống con người và hiệu lực bổ ích của cái khả năng bẩm sinh con người có thể đổi hướng chú ý; nó có tác dụng như cái nắp an toàn trên các nồi hơi, cứ mỗi khi sức ép vượt quá mức bình thường lại mở cho chỗ hơi thừa thoát ra ngoài.

Chàng không thấy và không nghe người ta bắn chết những người tù binh tụt lại sau, mặc dầu đã hơn một trăm tù binh chết như vậy. Chàng không nghĩ đến Karataitev mỗi ngày một kiệt sức và chắc hẳn chẳng bao lâu nữa sẽ phải chịu số phận ấy. Pier lại càng ít nghĩ đến bản thân nữa. Tình cảm của chàng càng khó khăn, tương lai càng khủng khiếp, thì những ý nghĩ, những kỷ niệm và những hình ảnh vui tươi và đầy sức an ủi lại càng đến với chàng nhiều hơn, bất chấp cả tình cảnh hiện tại của chàng.

XIII

Trưa ngày hai mươi hai, Pier đi trên một con đường bùn lầy lên dốc, mắt nhìn đôi chân của mình và nhìn những chỗ lồi lõm

trên mặt đường. Thỉnh thoảng chàng lại ngước mắt lên nhìn đám người quen thuộc ở chung quanh, rồi lại nhìn xuống chân. Cả hai thứ này đều quen thuộc và đều đã trở thành một cái gì của bản thân chàng. Con chó lông tía Xery chân khuỳnh khuỳnh vui vẻ chạy bên lề đường, thỉnh thoảng lại nhấc một chân sau lên và chạy ba chân để khoe tài và tỏ rõ sự thỏa mãn của nó rồi lại chạy cả bốn chân, vừa sủa vừa nhảy xổ vào đám quạ đậu trên các xác chết. Con Xery bây giờ vui vẻ và khỏe mạnh hơn ở Maxkva. Hai bên đường đâu đâu cũng có nhiều thứ thịt, kể từ thịt người cho đến thịt ngựa, ở nhiều giai đoạn thối rữa khác nhau, mà chó sói thì không dám lại gần những đoàn người đang kéo qua, cho nên Xery tha hồ chén no nê.

Trời mưa lâm thâm từ sáng sớm, và người ta cứ có cảm giác là mưa sắp tạnh, trời sẽ quang, nhưng chỉ tạnh được một lát thì mưa lại đổ xuống càng nặng hạt hơn. Mặt đường ướt sũng không còn hút nước được nữa, cho nên trong những rãnh bánh xe đi nước chảy đầy ăm ắp.

Pier bước đi, đưa mắt nhìn hai bên đường, bấm đốt ngón tay đếm từng ba bước một. Chàng nhẩm nói với cơn mưa: nào, nào, mưa nữa đi!

Chàng có cảm tưởng là mình không nghĩ đến việc gì hết; nhưng ở một nơi nào xa xăm, sâu thẳm, lòng chàng đang nghĩ một điều gì quan trọng và đầy sức an ủi. Điều đó là một kết luận hết sức tế nhị mà chàng đã rút ra được từ cuộc nói chuyện với Karataiev tối hôm qua.

Hôm qua, ở trạm nghỉ đêm, bếp lửa chỗ Pier ngồi tắt ngấm, chàng rét quá liền chạy sang bếp lửa bên cạnh cháy to hơn. Bên bếp lửa ấy, Platon, người trùm áo khoác kín mít như trùm nấm, đang ngồi kể một câu chuyện mà Pier đã nghe kể nhiều lần, giọng rõ ràng, dễ chịu nhưng đã yếu hẳn đi vì bệnh hoạn. Bấy giờ đã quá nửa đêm. Vào quãng này Platon vẫn thường lên cơn sốt nên hoạt bát hẳn lên. Khi đến gần đống lửa và nghe thấy giọng nói yếu ớt,

ốm đau của Platon, trông thấy khuôn mặt tiều tụy của bác ta sáng bừng lên trong ánh lửa, Pier cảm thấy tim nhói lên một cách khó chịu. Vì lòng thương xót của mình đối với con người ấy làm chàng sợ hãi và chàng toan bỏ đi, nhưng quanh đấy không có đống lửa nào khác, nên Pier đành đến ngồi bên đống lửa, cố ý không nhìn Platon.

– Sao sức khỏe bác thế nào? – chàng hỏi.

– Sức khỏe ấy à? Ốm mà than khóc thì trời chẳng cho chết đâu – Karataiev nói đoạn lập tức kể tiếp câu chuyện bỏ dở.

– ... Thế rồi, cậu ạ..., – Platon kể tiếp, một nụ cười thấp thoáng trên khuôn mặt gầy gò xanh xao, mắt long lanh một ánh sáng vui vẻ, khác thường, – cậu à, thế rồi...

Pier đã biết rõ câu chuyện này từ lâu, Karataiev đã kể đến năm sáu lần cho mỗi mình chàng nghe và khi kể bao giờ cũng vui vẻ một cách lạ thường. Nhưng dù Pier có biết rõ câu chuyện này đến đâu, bây giờ chàng cũng lắng nghe như nghe một câu chuyện gì mới mẻ, và cái cảm giác say sưa bình lặng của Karataiev trong khi kể cũng truyền sang Pier. Đó là chuyện một người lái buôn già, xưa nay cùng gia đình sống đạo đức, và luôn kính sợ Chúa, có lần đi chợ phiên Makarye có một người bạn, một người lái buôn giàu có. Ghé lại nghỉ đêm trong một quán trọ, hai người lái buôn ngủ thiếp đi, và sáng hôm sau người ta thấy người bạn bị cắt cổ chết, còn bao nhiêu tiền bạc bị lấy sạch. Dưới gối người lái buôn già họ tìm thấy một con dao vấy máu. Người lái buôn bị đưa ra tòa, bị phạt roi, bị xẻo mũi – theo đúng luật lệ, – Karataiev nói, – và bị đày khổ sai.

– Cậu ạ, thế rồi (Pier đến vào lúc Karataiev kể đến đoạn này), mười năm qua, hay hơn nữa, ông già kia sống ở trại khổ sai. Ông ta sống phục tùng rất phải đạo, không làm điều gì xấu. Ông ta chỉ xin Chúa cho ông ta được chết. Thế rồi một đêm nọ có mấy người tù

khổ sai ngồi quây quần với nhau như chúng ta ngồi thế này, có cả ông già ở đấy nữa. Họ quay ra nói chuyện ai phạm tội gì mà bị đày, ai có tội gì trước Chúa. Thế là họ bắt đầu kể, kẻ thì giết một mạng người, kẻ thì giết đến hai mạng người, có kẻ thì bỏ đi trốn, thế thôi, chả có tội tình gì. Rồi họ quay ra hỏi ông già: thế còn bác thì can tội gì? Các bạn đáng mến ạ, tôi thì tôi bị đày vì tội lỗi của tôi và của người kia. Ông ta nói thế. Tôi chả giết người, chả lấy của ai, tôi lại sẵn lòng chia sẻ cho anh em ăn mày. Các bạn ạ, tôi làm nghề buôn bán; của cải tôi cũng khá. Ông ta nói thế. Và ông ta kể cho bọn họ nghe đầu đuôi câu chuyện. Tôi chẳng buồn cho cái thân tôi đâu. Chẳng qua là Chúa chọn tôi thôi. Chỉ thương cho bà lão nhà tôi và mấy đứa trẻ. Thế là ông già khóc. Tình cờ trong bọn họ có cái người đã giết người lái buôn kia. Anh ta bảo: thế thì ở đâu hở bác? Năm nào, tháng nào? Anh ta hỏi hết. Lòng anh ta đau xót lắm. Anh ta đến gần ông già như thế này và sụp xuống chân ông ta. Thế là vì tôi, anh ta bảo, mà bác phải tù tội khổ sở thế này. Sự thật đúng là như thế đấy; anh em ạ, người này bị đày oan uổng. Chính tôi, anh ta nói thế, chính tôi đã giết người ấy và đã dúi con dao xuống dưới gối bác khi bác đang ngủ. Bác ơi, anh ta nói thế, bác hãy vì Chúa mà tha tội cho tôi.

Karataiev ngừng kể, mỉm cười vui vẻ, mắt nhìn đống lửa, tay xếp lại mấy thanh củi.

– Ông già mới nói: Chúa sẽ tha tội cho anh, còn chúng ta thì đều có tội với Chúa cả, tôi phải khổ sở thế này cũng vì tội lỗi của tôi. Đoạn ông ta khóc thảm thiết. Cậu ạ, thế rồi... – Karataiev nói, nụ cười hân hoan mỗi lúc một thêm rạng rỡ, dường như điều mà bác ta sắp kể mới thật là chỗ hay nhất và có ý nghĩa nhất của câu chuyện, – cậu nghĩ thế nào hả cậu? Thế rồi kẻ sát nhân ra thú tội với quan trên. Tôi đã giết sáu mạng người, anh ta nói thế (đó là một tay đại ác), nhưng tôi chỉ thương cho ông già này. Xin đừng để cho ông ta phải than khóc vì tôi. Anh ta nói rõ đầu đuôi, họ mới

biên giấy gửi đi cho các nơi theo đúng luật lệ. Đường thì xa, tòa án này tòa án nọ xét duyệt biên chép cũng phải mất nhiều thì giờ. Việc đến tai Sa hoàng. Cuối cùng có chiếu của nhà vua ban xuống; cho tha ông già lái buôn ra, bồi thường cho ông ta đúng như đã định trong chiếu chỉ. Tờ giấy gửi đến nơi, người ta mới đi tìm ông già. Thế ông già vô tội bị đày oan kia đâu rồi? Có giấy của Sa hoàng. Họ đi tìm - hàm dưới của Karataiev run run - nhưng Chúa đã tha cho ông ta rồi, ông ta đã chết. Thế đấy anh bạn ạ – Karataiev kết thúc và im lặng mỉm cười nhìn trân trân phía trước một hồi lâu.

Không phải bản thân câu chuyện này, mà chính cái ý nghĩa huyền bí nào đó, cái niềm vui say sưa dọi hào quang lên gương mặt Karataiev trong khi kể chuyện, cái ý nghĩa huyền bí của niềm vui đó, chính đó mới là điều đang tràn ngập lòng Pier như một cảm giác mơ hồ và vui sướng.

XIV

– *Về chỗ*[1] – bỗng có tiếng quát.

Đám tù binh và lính áp giải vui vẻ nhốn nháo lên và như đang chờ đợi một cái gì vui sướng và long trọng. Bốn bề vang lên những tiếng hô, và từ bên trái hiện ra một tốp người ăn mặc chỉnh tề cưỡi những con ngựa tốt phóng nước kiệu vượt qua đoàn tù binh. Trên mọi gương mặt đều lộ rõ cái vẻ khẩn trương thường thấy mỗi khi sắp có những nhân vật cao cấp đến. Tù binh dồn lại thành một tốp, họ bị dồn sang một bên lề đường! đoàn lính áp giải sắp lại thành hàng ngũ.

– *Hoàng đế! Hoàng đế! Nguyên soái! Quận công!*[2] – và ngay

1. A vos places!
2. L' Empereur! l'Emperur! Le Maréchal! Le Duc!

sau đoàn lính hộ tống no đủ, một cỗ xe kiệu thắng ngựa xám hàng dọc đi qua, bánh xe lăn ầm ầm. Pier thoáng thấy khuôn mặt béo tốt trắng trẻo, đẹp đẽ, điềm tĩnh của một người đội mũ ba góc. Đó là một vị nguyên soái. Nguyên soái đưa mắt nhìn bóng dáng to lớn rất dễ nhận thấy của Pier, và cau mày ngoảnh mặt đi. Trông vẻ mặt của vị nguyên soái khi ngoảnh đi, Pier thấy hình như ông ta có ý ái ngại cho chàng và muốn che giấu cảm giác đó.

Viên tướng chỉ huy đoàn vận tải, mặt đỏ gay có vẻ hoảng hốt thúc con ngựa gầy phóng theo cỗ xe kiệu. Mấy viên sĩ quan xúm lại, binh lính quây quần quanh họ. Ai nấy vẻ mặt đều căng thẳng và xúc động.

– *Ngài vừa nói gì thế? Ngài nói gì thế?*[1]

Khi xe nguyên soái đi qua tù binh dồn lại thành một tốp, và Pier trông thấy Karateiev. Sáng hôm nay, chàng chưa trông thấy bác ta lần nào. Karataiev mặc áo khoác ngồi tựa lưng vào một cây bạch dương. Trên mặt bác ta, ngoài cái vẻ cảm khích vui sướng như khi kể lại chuyện ông già vô tội bị đày ải, còn sáng ngời lên vì một vẻ gì trang trọng mà trầm tĩnh.

Karataiev nhìn với đôi mắt tròn hiền hậu bấy giờ đang rưng rưng nước mắt, và hình như muốn gọi Pier để nói một điều gì. Nhưng Pier sợ cho mình quá. Chàng giả vờ như không trông thấy Karataiev nhìn mình, và vội vã lánh đi.

Khi đoàn tù binh lại lên đường, Pier ngoảnh mặt lại nhìn phía sau. Karataiev ngồi bên lề đường, dưới gốc bạch dương, hai tên lính Pháp đang đứng nói gì với nhau ở bên cạnh bác ta. Pier không nhìn lại nữa. Chàng khập khiễng bước lên dốc.

Phía sau, ở chỗ Karataiev ngồi, có tiếng súng nổ. Pier nghe rất rõ tiếng nổ này, nhưng ngay giây lát chàng nghe thấy nó, Pier sực nhớ rằng mình chưa tính xong những chặng đường từ đấy đến

1. Qu'est-ce qu'il a dit? Qu'est-ce qu'il a dit?

Smolenxk mà chàng đã bắt đầu tính từ lúc viên nguyên soái chưa đi xe qua. Và chàng lại nhẩm tính toán. Hai tên lính Pháp, trong đó một tên cầm khẩu súng trường còn bốc khói, chạy qua cạnh Pier. Mặt cả hai đều tái mét, và vẻ mặt của họ - một trong hai tên rụt rè liếc nhìn Pier - có một cái gì giống như vẻ mặt mà Pier đã thấy ở tên lính Pháp trẻ tuổi trong buổi hành hình dạo trước. Pier nhìn tên lính và nhớ rằng hôm kia trong khi ngồi sưởi, hắn ta đã để cháy mất chiếc áo sơ mi và bị chúng bạn chế giễu.

Con chó cất tiếng gào lên ở phía sau, chỗ Karataiev ngồi lúc nãy. "Đồ ngu, sao nó lại rống lên như thế?" – Pier nghĩ thầm.

Các bạn tù binh đi cạnh Pier cũng như chàng không nhìn lại chỗ có tiếng súng nổ và có tiếng chó rống lên; nhưng trên mọi gương mặt đều hiện lên một thần sắc nghiêm nghị.

XV

Đoàn vận tải, đoàn tù binh và đoàn xe chở đồ của nguyên soái dừng lại ở làng Samsavo. Mọi người đều chen chúc quanh các đống lửa. Pier lại gần một đống lửa, ăn miếng thịt ngựa nướng, nằm quay lưng về phía lửa và ngủ thiếp đi. Giấc ngủ của chàng bấy giờ lại giống như giấc ngủ dạo trước ở Majaixk sau trận Borođino.

"Cuộc sống là tất cả. Cuộc sống là Thượng đế. Mọi vật đều di chuyển và vận động, và sự vận động ấy chính là Thượng đế. Và một khi còn cuộc sống thì còn lạc thú tự nhận thức được cái bản chất Thượng đế của mình. Yêu cuộc sống là yêu Thượng đế. Khó hơn cả và đáng quý hơn cả là yêu cuộc sống ấy với những nỗi đau khổ của mình, trong những nỗi đau khổ mà mình phải chịu mặc dầu vô tội".

– Karataiev! - Pier nhớ lại.

Và Pier chợt thấy hiện lên hình ảnh ông thày giáo già hiền lành hồi trước dạy địa lý cho chàng ở Thụy Sĩ, tưởng chừng như ông hãy còn sống vậy. "Khoan", – ông già nói, đoạn cho Pier xem một quả địa cầu. Quả địa cầu này là một hình cầu sinh động, phập phồng không có kích thước. Cả bề mặt quả cầu làm bằng những giọt nước dính sát vào nhau. Và những giọt nước này không ngừng chuyển động, đổi chỗ, và khi thì mấy giọt nhập lại thành một, khi thì một giọt lại tách ra thành nhiều. Mỗi giọt đều muốn phình ra, chiếm thật nhiều không gian, nhưng các giọt khác cũng muốn thế, nên ép giọt kia lại, đôi khi tiêu diệt nó đi, đôi khi lại hòa làm một với nó.

– Cuộc sống là như vậy đấy, – ông thày giáo già nói.

"Đơn giản và rõ ràng quá, – Pier nghĩ. – Làm sao trước đây ta lại không biết nhỉ".

– Ở trung tâm là Thượng đế, và mỗi giọt đều muốn phình rộng thêm ra để phản ánh Thượng đế cho thật nhiều. Và mỗi giọt đều lớn lên, lan ra, teo lại và mất đi trên bề mặt, chìm xuống chiều sâu, rồi lại nổi lên. Đấy Karataiev cũng lan rộng ra và mất, đi như vậy.

– *Đã hiểu chưa con*?[1] – ông giáo nói.

– *Đã hiểu chưa, đồ chết tiệt*?[2] – có tiếng quát, và Pier bừng tỉnh.

Chàng nhổm người lên rồi ngồi dậy. Bên đống lửa có một tên lính Pháp ngồi xổm. Hắn vừa đuổi một người Nga sang bên để lấy chỗ ngồi nướng miếng thịt xóc ở đầu que thông nòng súng. Đôi tay đỏ lông lá nổi gân xanh, ngón tay ngắn, nhanh nhẹn quay đi quay lại cái que thông nòng. Ánh than hồng soi khuôn mặt rám nắng hầm hầm, với đôi mày cau lại.

– *Hắn thì cần gì*[3], – tên lính càu nhàu, quay phắt về phía một tên khác đứng sau lưng... *đồ kẻ cướp*[4]. Và người lính vừa quay que

1. Vous avez compris, mon enfant?
2. Vous avez compris, sacré nom?
3. Cà lui est bien égal...
4. Brigand, va!

thông nòng vừa nhìn Pier gườm gườm. Pier quay mặt đi, nhìn vào bóng tối. Một người tù binh Nga, người vừa bị tên Pháp xô ra, đang ngồi bên đống lửa và lấy tay vuốt vuốt một vật gì. Nhìn sát hơn, Pier nhận ra con chó lông tía đang ngoắt đuôi ngồi cạnh người lính. – À, đã về đấy hử? – Pier nói – Chà, Pla... – chàng không nói hết. Trong tưởng tượng của chàng bỗng cùng một lúc hiện lên một mớ hình ảnh hòa lẫn vào nhau, hình ảnh đôi mắt của Platon nhìn chàng khi ngồi dưới gốc cây bạch dương, tiếng súng phát ra từ chỗ ấy, tiếng chó rống lên, vẻ mặt tội lỗi của hai tên lính Pháp chạy qua cạnh chàng, khẩu súng trường bốc khói, sự vắng mặt của Karataiev ở trạm nghỉ này và chàng đã sẵn sàng hiểu rằng Karataiev đã bị bắn chết, nhưng ngay giây lát ấy trong lòng chàng, chẳng biết từ đâu đến, lại hiện lên kỷ niệm buổi tối mùa hè nằm nào chàng cùng cô thiếu nữ Ba Lan xinh đẹp ngồi hóng mát trên bao lơn một tòa nhà ở Kiev. Và vẫn không liên hệ những kỷ niệm ngày hôm nay lại với một phong cảnh mùa hè pha lẫn với kỷ niệm một buổi tắm sông, hình ảnh quả cầu phập phồng, và chàng buông mình xuống nước, cho đến khi nước ngập quá đầu.

Trước khi mặt trời mọc, Pier choàng người dậy vì những tiếng súng nổ liên hồi rất to và tiếng quát tháo. Mấy tên lính Pháp chạy ngang qua mặt Pier.

Suốt hồi lâu Pier không sao hiểu được chuyện gì vừa xảy ra. Từ phía chàng nghe những tiếng reo hò mừng rỡ của các bạn tù.

– Anh em ơi! Các cậu ơi! – nhưng người lính già vừa khóc vừa nói trong khi ôm hôn lính cô-dắc và lính phiêu kỵ. Lính phiêu kỵ và lính cô-dắc xúm quanh tù binh và đem nào áo, nào giày, nào bánh mì ra mời họ. Pier ngồi ở giữa đám đông khóc nấc lên, không thốt lên lời; chàng ôm lấy người lính đầu tiên đến cạnh chàng và vừa khóc vừa hôn anh ta.

*

* *

Đôlôkhôv đứng bên cổng tòa nhà đổ nát nhìn tốp lính Pháp đã bị tước khí giới đi qua. Đang xúc động vì những việc vừa xảy ra, quân Pháp bàn tán với nhau rất to tiếng; nhưng khi đi ngang Đôlôkhôv đang cầm roi ngựa khẽ đập đập vào ủng và nhìn họ với đôi mắt lạnh như thủy tinh, một cái nhìn chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả, họ liền im lặng. Bên kia cổng, một người cô-dắc của Đôlôkhôv đứng đếm số tù binh, cứ một trăm tên lại gạch một phần lên cổng.

– Bao nhiêu? – Đôlôkhôv hỏi người cô-dắc đang đếm tù binh.

– Hơn một trăm rồi ạ, – người cô-dắc đáp.

– *Đi đi, đi đi*[1], – Đôlôkhôv giục. Chàng đã học được cái giọng này ở quân Pháp, và khi bắt gặp mặt những tên tù binh đi ngang, khóe mắt chàng ngời lên một ánh sáng tàn nhẫn.

Đenixov, mặt lầm lầm, bỏ mũ xuống đi theo sau mấy người cô-dắc đang khiêng xác Petya Rôxtôv đến cái huyệt mới đào xong ở ngoài vườn.

XVI

Kể từ ngày hai mươi tám tháng mười, khi trời bắt đầu giá rét, cuộc bỏ chạy của quân Pháp chỉ thêm bi đát vì cảnh những người chết cóng hoặc chết bỏng ở các bếp lửa và cảnh hoàng đế, các quốc vương và các quận công mặc áo choàng ấm tiếp tục ngồi xe kiệu cùng với của cải cướp được; nhưng về thực chất thì quá trình trốn chạy và tan rã của quân đội Pháp kể từ khi ở Maxkva ra đi vẫn không hề mảy may thay đổi.

1. Filez, filez.

Từ Maxkva đến Vyazma, quân đội Pháp từ bảy vạn ba nghìn người, không kể quân cấm vệ (đạo quân này trong suốt cuộc chiến tranh chẳng làm gì ngoài việc cướp bóc) từ bảy vạn ba nghìn người ấy chỉ còn lại ba vạn sáu nghìn (trong số này chỉ có năm nghìn bị chết trong các trận đánh). Đó là vế đầu của cấp số quyết định các cấp số sau khi cách tính chính xác như toán học.

Quân đội Pháp vẫn theo tỷ số ấy mà tan rã và bị tiêu diệt từ Maxkva đến Vyazma, từ Vyazma đến Xmolenxk, từ Xmolenxk đến Bertya, Berezina, từ Berezina đến Vilna, không kể trời lạnh đến mức nào, bất chấp những cuộc truy kích, những cuộc chặn đường và những điều kiện khác xét riêng từng cái. Sau Vyazma quân Pháp không đi thành ba đạo nữa mà nhập lại thành một lũ và cứ thế mà đi cho đến cùng. Bertyê có viết cho vua ông ta như sau (ta đã biết rõ các nhà chỉ huy quân sự thường cho phép mình đi xa sự thật đến nhường nào khi mô tả tình hình quân đội).

"Tôi thấy cần phải tâu để bệ hạ rõ tình hình của quân đội bệ hạ trong các quân đoàn mà tôi đã có dịp quan sát trong hai ba ngày nay ở nhiều chặng hành quân khác nhau. Quân đội đã gần như hoàn toàn tan rã. Trong hầu hết các trung đoàn số binh sĩ đi theo các quân kỵ giỏi lắm chỉ còn một phần tư, còn lại thì đi lẻ ra nhiều ngả vì những mục đích riêng tư, hy vọng tìm lương ăn và thoát khỏi kỷ luật. Nói chung, họ xem Xolenxk như nơi họ sẽ nghỉ cho lại sức. Mấy ngày gần đây, người ta nhận thấy nhiều binh sĩ vứt đạn vứt súng đi. Trong tình trạng này thì dù ý định của bệ hạ có thế nào chăng nữa, quyền lợi quân sự của bệ hạ cũng yêu cầu tập hợp lại quân đội ở Xmolenxk, bắt đầu bằng việc thanh toán những phần tử không chiến đấu như những kỵ binh mất ngựa, những hành lý vô dụng và những đồ đạc của pháo binh không còn cân xứng với lực lượng hiện nay nữa. Ngoài những ngày nghỉ ngơi ra, lương thực cũng rất cần cho binh sĩ đã kiệt sức vì đói và mệt;

mấy ngày gần đây đã có nhiều người chết dọc đường hay ở các trại lộ chiến.

Tình trạng này mỗi ngày một thêm trầm trọng và khiến ta phải nghĩ rằng nếu không có phương sách gì cấp tốc để bổ cứu, tôi sợ đến khi có chiến trận ta không còn làm chủ được quân đội nữa. Ngày mồng tám tháng mười một, cách Xmolenxk 30 dặm Nga"[1].

Sau khi ùa vào Xmolenxk là nơi họ xem như cõi đất hứa hẹn, quân Pháp giết nhau để tranh giành lương thực, cướp phá cả các kho lương của họ, và khi đã cướp hết sạch, họ lại tiếp tục chạy trốn.

Mọi người đều đi mà chẳng biết mình đi đâu và để làm gì. Napôleông với cái thiên tài của ông ta, còn biết điều đó ít hơn ai hết, vì không có ai ra mệnh lệnh cho ông ta cả. Tuy thế ông ta và những người thân cận vẫn giữ những tập quán cũ: viết mệnh lệnh, thứ tự, báo cáo, nhật lệnh[2]; gọi nhau là "Bệ hạ, hiền huynh, công tước Ecmuun, quốc vương Nápoli[3] v.v... Nhưng những mệnh lệnh

1. "Je crois devoir faire connaitre à Votre Majesté l'etat de ses troupes dans les différent corps d'armée que j'ai été à même d'observer depuis deux ou trois jours dans différents pasages. Elles sont presque débandées. Le nombre de soldats qui suivent les drapeaux est en proportion du quart au plus dans presque tous les régiments, les autres marchent isolément dans diffréentes directions et pour leur compte, dans l'espérance de trouver des subsistances et pour se débarrasser de la discipline. En général, ils regardent Smolenxk comme le point où ils doivent se refaire. Ces derniers jours on are-marqué que beaucoup de soldats jettent leurs cartouches et leurs armes. Dans cet état de chose, l'intérêt du service de Votre Majesté exige, quelles que soient ses vues ultérieures, qu'on rallie l'armée à Smolensk en commencant à la débarrasser des non cobattants, tels que les hommes démontés et des bagages inutiles et du matériel de l'artillere qui n'est plus en proportion avec les forces actuelles. En outre les jours de repos, des subsistances sont nécessaires aux soldats qui sont exténués par la faim et la fatigue; beaucoup sont morts ces derniers jours sur la route et dans les bivouacs. Cet état de chose va toujours en augmentat et donne lieu à craindre que si l'on n'y prête un prompt remède, on ne soit plus maitre des troupes dans un combat. Le 8 Novembre, à 30 verstes de Smolensk.

2. ordre du jour.

3. "Sire, mon cousin, prince d'Eckmuhl, roi de Naples".

và báo cáo đều chỉ có trên giấy tờ, không có việc gì được thực hiện theo những mệnh lệnh đó cả, vì không thể nào thực hiện được, và tuy họ gọi nhau bằng những chức tước long trọng và xưng hô như anh em cùng họ, mọi người đều cảm thấy mình là những con người thảm hại và xấu xa đã làm nhiều điều ác mà nay họ phải trả nợ. Và tuy họ giả vờ lo lắng đến quân đội, mỗi người chỉ nghĩ đến cái thân mình và nghĩ cách làm sao trốn thoát cho nhanh.

XVII

Hoạt động của quân Nga và quân Pháp trong thời kỳ chiến dịch rút lui từ Maxkva đến Neman giống như một trò bịp mắt bắt dê, trong đó có cả hai người chơi đều bị bịt mắt và người trốn thỉnh thoảng lại rung chuông để cho người tìm biết chỗ. Lúc đầu người trốn rung chuông, không sợ địch thủ, nhưng khi nguy đến nơi thì hắn ta lại cố lặng lẽ chuồn đi cho khỏi bị người kia bắt và nhiều khi tưởng là chạy trốn mà hóa ra là xông thẳng vào tay đối thủ.

Lúc đầu quân Napôleông còn cho biết nó đang ở đâu – đó là vào thời kỳ đầu cuộc rút quân trên con đường Kaluga, nhưng về sau, khi kéo lên con đường Xmolenxk, nó chạy trốn, tay giữ chặt lấy quả chuông và nhiều khi tưởng là mình chạy trốn mà hóa ra là đâm thẳng vào quân Nga.

Vì quân Pháp chạy trốn và quân Nga đuổi theo đều rất nhanh, và do đó, ngựa đều kiệt sức cả, cho nên cái phương tiện chủ yếu để tìm hiểu vị trí phỏng chừng của quân địch – tức là những cuộc trinh sát của kỵ binh – nay không còn nữa. Ngoài ra, hai quân đội lại luôn luôn thay đổi vị trí và thay đổi rất nhanh cho nên những tin tức báo về, dù là tin tức gì, cũng đều không còn xác thực nữa. Nếu ngày mồng hai có tin cho biết là ngày mồng một quân địch ở

một nơi nào đấy, thì đến ngày mồng ba, khi đã có thể tiến hành một việc gì, quân đội đã đi được hai chặng đường rồi và đã đến một vị trí khác hẳn.

Quân đội này chạy trốn, quân đội kia đuổi theo. Từ Xmolenxk quân Pháp có thể chọn nhiều đường rút khác nhau; và người ta có thể tưởng ở đây, sau bốn ngày đóng trại, quân Pháp có thể biết được quân địch ở nơi nào, nghĩ ra một cái gì có lợi và mưu tính một việc gì mới. Nhưng sau bốn ngày đóng trại, đám quân hỗn loạn ấy lại bỏ chạy, không phải sang phải, cũng không phải sang trái, mà lại theo đường cũ, con đường bất lợi hơn cả, con đường đi Kraxnoye và Orsa, không hề có kế hoạch và chiến thuật gì hết, chỉ theo vết cũ mà chạy.

Đinh ninh rằng quân địch ở sau lưng chứ không phải ở trước mặt, quân Pháp chạy thành một tuyến dài, mỗi toán cách nhau đến hai mươi bốn tiếng hành quân. Người chạy trước ai hết là hoàng đế, sau đến các quốc vương rồi đến các quận công. Quân Nga tưởng Napôleông sẽ đi chếch sang phải về phía đông Đniepr, và chỉ có làm như vậy mới hợp lý, nên cũng đi chếch sang phải và đi lên con đường cái lớn dẫn đến Kraxnoye. Và ở đấy, như trong trò bịt mắt bắt dê, quân Pháp, đâm sầm vào đạo tiến quân của ta. Bỗng đâu trông thấy địch ngay trước mặt, quân Pháp hoảng hốt dừng lại, nhưng rồi lại chạy, bỏ mặc những bạn đồng ngũ đang theo sau. Ở đấy, suốt ba ngày quân Pháp như len qua hàng ngũ quân Nga, từng đơn vị lần lượt kéo qua, đầu tiên là quân của phó vương, rồi đến quân của Đavu, và sau đó đến quân của Ney. Tất cả đều bỏ rơi lẫn nhau, bỏ rơi tất cả những thứ nặng nề, bỏ hết đại bác, bỏ lại một nửa quân số và chạy miết, chỉ đến đêm mới len lên đi vòng qua cánh quân phải quân Nga thành những hình bán nguyệt.

Ney rút sau cùng, vì còn bận chôn mìn phá thành Xmolenxk tuy những bức thành này chẳng làm phiền ai cả (mặc dầu tình cảnh quân Pháp rất bi đát, hoặc chính vì vậy, cho nên như đứa trẻ

bị ngã đau họ muốn đạp nền nhà họ). Rút sau cùng với quân đoàn của ông gồm một vạn người, Ney chỉ còn được một nghìn quân khi chạy đến Orsa họp với Napoleông, sau khi đã bỏ hết quân lính và đại bác lại rồi thừa lúc đêm tối lẻn qua rừng vượt sông Đniepr.

Từ Orsa, họ tiếp tục chạy theo con đường dẫn đến Vilna và cũng vẫn trò chơi bịt mắt bắt dê với đạo quân truy kích họ đúng như trước. Đến sông Berezina[1] họ lại lâm vào tình trạng hỗn loạn, nhiều người bị chết đuối, nhiều người đầu hàng, nhưng những ai qua sông được lại tiếp tục hạy. Vì tổng tư lệnh của họ mặc vội áo da lông, ngồi lên xe trượt tuyết và bỏ các bạn chiến đấu chuồn đi một mình. Ai có thể trốn được cũng trốn theo, còn ai không trốn được thì đầu hàng hay chết.

XVIII

Có thể tưởng đâu đối với chiến dịch rất chạy này, một chiến dịch trong đó quân Pháp đã làm tất cả những gì có thể làm được để bị tiêu diệt, trong đó đám người ấy không tiến hành một cuộc di chuyển nào có chút gì hợp lý kể từ khi đổ ra con đường Kaluga cho đến khi viên tổng chỉ huy bỏ quân đội lại để chạy thoát thân. – Có thể tưởng đâu đối với thời kỳ chiến tranh này thì các sử gia, những người vẫn thường gán những hành vi của quần chúng cho ý muốn của một con người không còn có thể mô tả cuộc rút quân này theo quan niệm của họ nữa. Nhưng không. Các sử gia đã viết ra hàng núi sách về chiến dịch này, và đâu đâu cũng thấy nói đến những mệnh lệnh tác chiến của Napôleông và những kế hoạch sâu sắc

1. Phụ lưu bên phải của sông Dniepr. Tháng mười một năm 1812 quân đội Pháp bỏ chạy và bị tổn thất nặng nề ở đây. Napoleông chạy thoát với chín nghìn người đến Vinno. Toàn quân gần như bị tiêu diệt.

của ông ta – những cuộc di chuyển của quân đội và những chủ trương thiên tài của các nguyên soái.

Vì sao rút từ Maly Yaroxlaverx theo một con đường dài hoang tàn trong khi có thể đi một con đường bỏ ngỏ dẫn đến một miền trù phú hoặc theo con đường song song mà sau đó Kutuzov đã dùng để truy kích họ? Các sử gia cắt nghĩa điều đó bằng nhiều luận điểm sâu sắc. Họ cũng dùng những luận điểm sâu sắc như vậy khi mô tả cuộc rút lui của Napôleông từ Xmolenxk đến Orsa. Kế đến, họ lại mô tả tư thái anh hùng của ông ta ở Kraxnoye, đâu như ở đấy ông ta đã định thân hành ra chỉ huy quân đội ứng chiến, ông ta chống lại một cái gậy bạch dương và nói:

– Ta đóng vai hoàng đế đã đủ rồi, đã đến lúc đóng vai tướng lĩnh[1].

Họ kể như vậy mặc dầu ngay sau đó ông ta lại chạy dài, phó mặc những đơn vị tán loạn đang tụt lại sau cho số phận.

Sau đó, họ lại miêu tả cho ta thấy lòng dũng cảm cao quý của các nguyên soái, nhất là Ney, lòng dũng cảm cao quý đó là ở chỗ Ney đang đêm đã lén lút vòng qua rừng để vượt sông Đniepr và chạy về Orsa, bỏ lại tất cả các quân kỳ và đại bác cũng như chín phần mười quân đội.

Và cuối cùng, việc vị hoàng đế vĩ đại từ bỏ đạo quân anh hùng cũng được các nhà sử học miêu tả như một hành động gì vĩ đại và thiên tài. Ngay cả cái hành động trốn chạy cuối cùng này; mà ngôn ngữ của loài người gọi là mức tột cùng của sự hèn hạ, một hành động mà bất cứ đứa trẻ con nào cũng biết lấy làm xấu hổ, ngay cả hành động đó nữa cũng được thanh minh trong ngôn ngữ của các sử gia.

Đến khi không còn có thể tiếp tục kéo dài những sợi dây rất đàn hồi của những suy luận sử học thêm nữa, đến khi một hành

1. J'ai asser fait l'empereur, il est temps de faire le général.

động đã hiển nhiên là trái ngược với cái mà nhân loại gọi là tốt hay chỉ là đúng thôi cũng vậy, thì các sử gia lại vớ lấy khái niệm là sự vĩ đại để cứu vãn tình thế. Đối với cái gì là vĩ đại thì không có gì là xấu cả. Đã là một con người vĩ đại thì dù có làm việc gì khủng khiếp đến đâu cũng không thể buộc tội được.

"Thật là vĩ đại"[1] – các sử gia nói như vậy, và thế là không còn cái gì tốt cái gì xấu nữa, mà chỉ còn cái "vĩ đại" và cái "không vĩ đại"[2]. "Vĩ đại" là tốt mà không vĩ đại là xấu. Vĩ đại theo họ là thuộc tính của một số người đặc biệt nào đó mà họ gọi là anh hùng. Và Napôleông, trong khi chuồn về nhà trong chiếc áo khoác ấm, bỏ mặc không những các bạn chiến đấu mà ngay cả những người (theo ông ta) đã bị ông ta dẫn tới đây, cũng cảm thấy việc đó là vĩ đại, và tâm hồn ông ta rất thanh thản.

"*Từ cái cao cả* (ông ta thấy trong bản thân có một cái gì cao cả thật) *sang cái lố bịch chỉ cách có một bước*"[3] – Napôleông vẫn nói thế. Thế nhưng trong năm mươi năm trời cả thế giới đã lặp đi lặp lại: "Cao cả! Vĩ đại! Napôleông vĩ đại! *Từ cái cao cả sang cái lố bịch chỉ có một bước*"[4].

Thế mà không ai thoáng có ý nghĩ rằng thừa nhận cái gì vượt ra ngoài tiêu chuẩn cân nhắc xấu tốt là vĩ đại, chẳng qua chỉ là thừa nhận nó là vô nghĩa và vô cùng nhỏ bé.

Đối với chúng ta, những người đã được Chúa Cơ đốc ban cho các tiêu chuẩn cân nhắc cái gì là tốt là xấu, thì không thể có cái gì không cân nhắc được cả. Và ở nơi nào không có sự giản dị, không có cái thiện cái chân, thì ở đấy không thể có sự vĩ đại được.

Người Nga nào đọc những đoạn sử kể lại thời kỳ cuối của chiến

1. "C'est grand!".
2. grand.
3. "Du sublime a ridicule il n'y a qu'un pas".
4. Sublime! grand! Napoleôon le grand. Du sublime au ridicule il n'y qu'un pas.

dịch 1812 mà không có một cảm giác nặng nề, vừa bực tức, vừa bất mãn, vừa nghi hoặc? Người nào lại không tự đặt cho mình những câu hỏi: làm sao lại không bắt, không tiêu diệt toàn bộ quân Pháp, khi cả ba đạo quân đông gấp bội quân Pháp bao vây chúng, khi chúng đã hỗn loạn, quá đói và quá rét phải lũ lượt ra hàng và khi (như lịch sử kể lại cho chúng ta) mục tiêu của quân Nga chính là chặn đứng, cắt đứt và bắt tất cả quân Pháp làm tù binh?

Làm thế nào mà chính đạo quân Nga với một quân số kém hơn, đã giao chiến ở Borođino nhưng đến khi đã bao vây quân Pháp từ bốn phía và đặt mục tiêu bắt chúng, lại không đạt đến mục tiêu đó? Chả nhẽ quân Pháp có một ưu thế hơn hẳn quân ta đến nỗi ta không thể nào tiêu diệt chúng mặc dầu đông gấp bội sao? Làm sao điều đó lại có thể xảy ra được?

Sử học (cái mà người ta gọi bằng danh từ này), khi giải đáp những câu hỏi này nói rằng điều đó xảy ra là vì Kutuzov, cũng như Tormaxov, cũng như Tsitsagov hay tướng này tướng nọ đã không tiến quân thế này thế kia.

Nhưng tại sao họ lại không thực hiện tất cả những cách tiến quân ấy? Nếu mục tiêu đã vạch ra từ trước không đạt được là do lỗi của họ, thì tại sao họ lại không bị đưa ra tòa và không bị xử tử? Nhưng dù có thừa nhận rằng Kutuzov, Tsitsagov v.v... là những kẻ đã gây nên sự thất bại của quân Nga, thì cũng vẫn không tài nào hiểu nổi tại sao ngay trong hoàn cảnh của quân Nga ở Kraxnoye và ở sông Berezina (trong cả hai trường hợp quân Nga đều có ưu thế về quân số), họ lại không bắt gọn toàn bộ quân Pháp với những nguyên soái những quốc vương và bản thân hoàng đế mặc dầu đó là mục tiêu của họ?

Lối giải thích nói rằng sở dĩ có hiện tượng kỳ lạ này là do Kutuzov cản trở việc tấn công (các sử gia quân sự Nga vẫn nói như vậy) là một lối giải thích không đứng vững vì ta biết rằng ý muốn

của Kutuzov đã không ngăn cản nổi quân đội tấn công ở Vyazma và Tarutino.

Thế thì tại sao quân đội Nga, đã từng thắng trận Borođino với một lực lượng yếu hơn một quân địch lúc này đang sung sức, lại bị những toán quân Pháp tán loạn đánh bại ở Kraxnoye và ở Berezina mặc dù lực lượng mạnh hơn chúng?

Nếu mục đích của quân Nga là cắt đứt đường rút lui và bắt sống Napôleông và các nguyên soái, và mục đích ấy không những không được thực hiện mà bao nhiêu cố gắng nhằm đạt đến mục đích ấy còn thất bại một cách hết sức nhục nhã, thì thời kỳ cuối của chiến dịch được người Pháp xem như một loạt thắng lợi là hoàn toàn đúng, còn các sử gia Nga mà trình bày nó như một thời kỳ chiến thắng là hoàn toàn sai.

Các sử gia quân sự Nga, trong chừng mực phải tuân theo luân lý, vô hình trung đã đi đến kết luận này, và mặc dù đã viết nhiều câu thống thiết nói về lòng dũng cảm và lòng tận trung v.v..., đều phải bất đắc dĩ thừa nhận rằng cuộc rút lui của quân Pháp từ Maxkva là một loạt thắng lợi của Napôleông và một loạt thất bại của Kutuzov.

Nhưng dù có gạt hẳn lòng tạ ái dân tộc ra một bên, người ta cũng cảm thấy trong bản thân kết luận này có mâu thuẫn, bởi vì loạt thắng lợi của quân Pháp đưa họ đến chỗ hoàn toàn bị tiêu diệt còn loạt thất bại của quân Nga đã đưa họ đến chỗ hoàn toàn tiêu diệt quân địch và giải phóng tổ quốc.

Cội nguồn của mối mâu thuẫn này là ở chỗ các sử gia trong khi nghiên cứu các biến cố theo những thư từ của các nhà vua và các tướng tá, theo các bản thông điệp, các bản báo cáo v.v... đã giả định một mục tiêu giả dối, một mục tiêu không hề có của cuộc chiến tranh 1812: mục tiêu cắt đứt đường rút lui và bắt sống Napôleông cùng với các nguyên soái và quân đội của ông ta.

Mục tiêu này không hề có; và không thể nào có, vì nó không có nghĩa lý gì hết, và không thể nào đạt được.

Mục tiêu này không có nghĩa lý gì, thứ nhất là vì đạo quân hỗn loạn của Napôleông đang chạy trốn ra khỏi nước Nga với tất cả tốc độ có thể có được, nghĩa là nó đang thực hiện chính cái điều mà bất cứ người Nga nào cũng đều mong ước. Thế thì việc gì phải tìm cách tiến công kiểu này kiểu nọ, trong khi quân Pháp đã chạy nhanh hết sức bình sinh của nó rồi.

Thứ hai, không lý gì lại đi chặn đường những con người đang dốc hết tinh lực để chạy trốn.

Thứ ba, không có lý gì lại chịu mất quân lính để tiêu diệt những đạo quân Pháp đang tự tiêu diệt, không cần đến những nguyên nhân bên ngoài với một cấp số tiến nhanh đến nỗi dù không gặp trở ngại gì trên đường trốn chạy, họ cũng không thể đưa qua biên giới nhiều hơn cái số quân họ đã đưa được vào tháng chạp năm ấy, tức là một phần trăm toàn bộ quân đội.

Thứ tư, không có lý gì để bắt sống hoàng đế, các quốc vương, các quận công, là những người mà nếu bắt được thì gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động của quân Nga: ngay những nhà ngoại giao khôn khéo nhất thời ấy cũng thừa nhận như vậy. (J.Maistre và nhiều người khác). Lại càng không có lý gì để bắt các quân đoàn Pháp trong khi chính quân mình đã tan rã mất một nửa trước khi đến Kraxnoye, thế mà còn phải cắt ra mấy sư đoàn đi áp giải tù binh, và trong khi quân lính mình không phải lúc nào cũng được cấp lương thực đầy đủ còn những tù binh bắt được thì đang chết đói.

Tất cả cái kế hoạch sâu sắc nhằm cắt đường rút lui và bắt sống Napôleông cùng với quân đội của ông ta, cũng giống như kế hoạch của một người làm vườn, muốn đuổi những súc vật đang giẫm đạp vườn rau của mình ra ngoài, lại chạy ra cổng vườn và đánh vào đầu chúng. Để thanh minh cho người làm vườn đó, chỉ có thể nói

được một điều, là anh ta đang tức giận. Nhưng về phần những người soạn ra kế hoạch tác chiến kia thì không thể nói như vậy được, bởi vì họ không phải là những người bị thiệt hại khi vườn rau bị giẫm đạp.

Nhưng việc cắt đường rút lui của Napôleông và quân đội của ông ta không phải chỉ là một việc vô lý, đó còn là một việc không thể nào làm được.

Không thể làm được, thứ nhất là vì, nếu kinh nghiệm đã cho thấy rằng trong một trận đánh mà các đạo quân di chuyển dài đến năm dặm thì, họ không bao giờ di chuyển đúng như kế hoạch đã định, và việc Tsitsagov Kutuzov và Vitghenstian có thể gặp nhau đúng giờ ở địa điểm đã định là một việc khó xảy ra đến nỗi có thể xem là không thể nào có được: chính Kutuzov cũng đã nghĩ như vậy; ngay từ khi nhận được bản kế hoạch, ông đã nói rằng những cuộc tiến công trên những khoảng cách lớn không bao giờ đưa lại những kết quả như đã dự tính.

Thứ hai, việc đó không thể làm được vì muốn chặn đứng được cái lực quán tính đang đẩy quân đội Napôleông chạy lùi về phía sau, cần phải có những lực lượng lớn hơn những lực lượng hiện có của quân đội Nga không biết bao nhiêu mà kể.

Thứ ba, việc đó không thể làm được là vì thuật ngữ quân sự "cắt đứt" chẳng có ý nghĩa gì hết. Có thể cắt đứt một miếng bánh mì chứ không thể cắt đứt một đạo quân. Cắt đứt một đạo quân – chặng đường của nó – là một việc không thể nào làm được, bởi vì chung quanh bao giờ cũng có nhiều chỗ có thể đi vòng qua, lại có đêm tối là lúc mà chẳng ai trông thấy gì: các nhà khoa học quân sự cứ xét qua hai trường hợp ở Kraxnoye và Bezezina cũng đủ thấy rõ điều đó. Còn như bắt làm tù binh thì không thể nào bắt được nếu kẻ mình muốn bắt không chịu, cũng như không thể nào bắt được một con én khi nó không chịu đậu lên bàn tay. Có thể bắt sống kẻ

nào ra hàng, như người Đức thường bắt, theo đúng mọi quy tắc chiến lược và chiến thuật. Nhưng quân Pháp không thấy ra hàng là có lợi, và họ nghĩ như vậy là đúng, vì dù có chạy trốn hay bị bắt làm tù binh thì cũng vẫn chết đói chết rét như nhau mà thôi.

Nguyên do thứ tư và chủ yếu khiến việc đó không thể làm được là từ thuở khai thiên lập địa cho đến nay chưa bao giờ có một cuộc chiến tranh diễn ra trong những hoàn cảnh khủng khiếp như cuộc chiến tranh 1812, và quân đội Nga trong khi truy kích quân Pháp đã dốc hết sức lực của mình rồi, nó không thể làm hơn thế nữa nếu không muốn tự tiêu diệt.

Trong cuộc hành quân từ Tikhon đến Kraxnoye quân đội Nga đã mất đến năm vạn người ốm và tụt lại sau, nghĩa là một con số ngang với dân số một tỉnh lỵ lớn. Một nửa quân số đã bị loại ra khỏi hàng ngũ mặc dầu không chiến đấu.

Trong thời kỳ này của chiến dịch, quân đội không có ủng, không có áo khoác, ăn uống thiếu thốn, không có vốt-ca, hàng tháng phải ngủ giữa tuyết trong khi trời rét đến mười lăm độ dưới không, ngày thì chỉ kéo dài có bảy tám giờ, còn lại là đêm, lúc mà kỷ luật chẳng còn tác dụng gì; ở đây quân lính không bị lùa vào tử địa – nơi không còn có kỷ luật gì nữa – trong vòng vài tiếng đồng hồ như trong một trận chiến đấu; ở đây quân lính sống ròng rã hàng tháng trời trong một cuộc vật lộn từng phút một với cái chết – chết đói và chết rét; trong vòng một tháng đã chết mất một nửa quân đội. Ấy thế mà khi viết về chính thời kỳ này của chiến dịch, các sử gia lại kể lể với chúng ta nào là Miloradovits phải cho đến nơi nọ, trong khi Tsitsagov phải di chuyển sang nơi kia (di chuyển trong lớp tuyết dày lút đến đầu gối), nào là ông này đã đánh bật và cắt đứt v.v...

Những người Nga dở sống dở chết đã làm tất cả những gì có thể làm được và cần phải làm để đến mục đích xứng đáng với dân

tộc, và họ chẳng có lỗi gì nếu có những người Nga khác ngồi trong phòng ấm bàn những việc không thể làm được.

Sở dĩ có mâu thuẫn kỳ lạ, ngày nay không sao hiểu nổi, giữa sự kiện thực tế và cách miêu tả của sử học chẳng qua là vì các sử gia viết về biến cố này phải lo viết lịch sử của những tình cảm đẹp đẽ và những lời nói hoa mỹ của các tướng soái chứ không phải viết lịch sử của các biến cố.

Họ tưởng những lời lẽ của Miloradôvits những cuộc phần thưởng của những kế hoạch của viên tướng này, viên tướng nọ nhận được những kế hoạch của ông ta là những điều quan trọng lắm; còn vấn đề năm vạn người nằm lại trong những bệnh xá hay những nấm mồ thì thậm chí họ cũng không hề nghĩ tới nữa, bởi vì đó không phải là đối tượng nghiên cứu của họ.

Thế nhưng, chỉ cần gác lại một lúc việc nghiên cứu những bản báo cáo và những bản kế hoạch của các tướng tá để đi sâu vào sự chuyển động của hàng chục vạn người đang trực tiếp tham gia vào biến cố, là tất cả những vấn đề trước kia có vẻ không thể giải quyết nổi đột nhiên đều được giải quyết một cách chắc chắn, dễ dàng và đơn giản lạ thường.

Mục đích cắt đường rút lui của Napôleông và quân đội của ông ta không hề có, trừ phi là trong trí tưởng tượng của mười người nào đấy. Nó không thể có được, vì nó vô nghĩa lý và không thể nào đạt được.

Mục đích của nhân dân chỉ có một: giải phóng đất nước khỏi cuộc xâm lăng. Mục đích ấy đạt được trước hết là một cách tự nhiên, vì quân Pháp chạy trốn, cho nên chỉ cần đừng chặn họ lại là được. Thứ hai, mục đích ấy đạt được là do tác dụng của cuộc chiến tranh nhân dân tiêu diệt quân Pháp, và thứ ba là do đại quân Nga đi theo vết chân quân Pháp, sẵn sàng hành động nếu quân Pháp dừng lại.

Quân đội Nga phải tác động như một ngọn roi đối với một con thú đang chạy. Và người chăn thú có kinh nghiệm biết rằng tốt hơn cả là nên giơ cao ngọn roi lên để dọa con vật, chứ không phải cứ quất vào đầu con vật đang chạy.

PHẦN THỨ NĂM

I

Con người hoảng sợ khi nhìn một con vật đang hấp hối, cái làm thành anh ta cái thực chất của anh ta – đang hủy diệt trước mắt mình, đang thôi tồn tại. Nhưng khi con vật đang hấp hối ấy lại là một con người và là một người mình yêu dấu, thì ngoài sự kinh hãi trước cảnh hủy diệt của sự sống, còn có thêm một cảm giác tan vỡ và một vết thương tinh thần, vết thương này cũng như một vết thương về thể xác, đôi khi làm cho người ta chết đi, đôi khi lại đâm da non và khỏi hẳn, nhưng bao giờ cũng đau đớn và sợ những sự động chạm từ ngoài vào khiến cho nó nhức buốt thêm.

Sau khi công tước Anđrây mất, Natasa và công tước tiểu thư Marya đều cùng cảm thấy như vậy. Tinh thần họ cúi rạp xuống và nhắm mắt lại trước đám mây hung dữ của cái chết đang lơ lửng trên đầu họ, họ không dám nhìn thẳng vào cuộc sống. Họ thận trọng gìn giữ cho những vết thương đang rớm máu của họ khỏi bị những động chạm đau đớn, tủi cực. Tất cả: một cỗ xe kiệu vút nhanh qua phố, một lời nhắc nhở đến bữa tiệc chiều nay, một câu hỏi của người thị tỳ về chiếc áo dài phải soạn sửa, và tệ hơn nữa, một lời chia buồn không được thành thật và thiết tha – tất cả những cái đó đều làm cho vết thương thêm đau buốt đều có vẻ là một sự lăng mạ và phá vỡ cõi im lặng mà hai người đang cần đến để lắng nghe điệu hợp ca nghiêm trang và kinh hoàng vẫn chưa tắt hẳn

trong tâm hồn họ, và đều cản trở họ nhìn sâu vào cõi xa xăm vô tận và huyền bí đã mở ra trước mắt họ trong một khoảnh khắc.

Chỉ khi nào hai người ngồi riêng với nhau, họ mới không thấy tủi cực và đau đớn. Họ ít nói chuyện với nhau. Có nói chăng thì cũng chỉ nói về những chuyện không đâu. Cả hai người đều tránh nhắc đến cái gì có liên quan đến tương lai.

Đối với họ, thừa nhận rằng còn có thể có tương lai có vẻ như một điều lăng mạ đối với hương hồn chàng. Trong khi nói chuyện, họ lại càng cố tránh một cách thận trọng hơn nữa tất cả những gì có thể có liên quan đến người đã khuất. Họ có cảm giác là những điều họ đã trải qua và đã cảm nghĩ đều không thể nào diễn đạt bằng lời nói được. Họ có cảm tưởng là hễ dùng lời để nhắc đến bất cứ chi tiết nào trong đời sống của chàng là đã xúc phạm đến sự cao cả và thiêng liêng của cái sự việc huyền bí đã diễn ra trước mắt họ.

Vì họ luôn luôn giữ gìn từng lời nói, luôn luôn cố gắng tránh tất cả những gì có thể dẫn đến một lời nhắc nhở về chàng: vì họ cứ dừng lại chung quanh đường biên giới của lĩnh vực không được nói đến, cho nên những điều họ cảm thấy lại càng hiện lên trong tưởng tượng của họ một cách thuần khiết và rõ ràng hơn nữa.

Nhưng không thể nào có một nỗi buồn thuần túy và trọn vẹn cũng như không thể nào có một niềm vui thuần túy mà trọn vẹn. Công tước tiểu thư Marya bây giờ đã sống trong tình cảnh của người chủ độc lập và duy nhất của số phận mình, của người che chở và dạy dỗ đứa cháu trai, cho nên cũng là người đầu tiên được cuộc sống kêu gọi ra khỏi cái thế giới sâu thẳm mà nàng đã sống trong hai tuần. Nàng nhận được những bức thư của họ hàng mà nàng phải trả lời; căn phòng dành cho Nikoluska ở ẩm thấp quá, cậu bé bắt đầu ho. Alpatyts đến Yaoroxlavl báo về công việc và bàn bạc khuyên răn nên dọn lên Maxkva ở tòa nhà phố Vozdvijenka hãy còn nguyên vẹn, chỉ cần tu sửa đôi chút. Cuộc sống không hề ngừng lại, và đằng nào cũng phải sống. Dù nữ công tước, Marya

hết sức khổ tâm khi phải ra khỏi cái thế giới tĩnh tâm cô độc mà nàng đã sống cho đến nay, dù nàng thấy ái ngại và dường như xấu hổ khi phải để Natasa ở lại một mình, song những lo âu, bận rộn của cuộc sống cũng đòi hỏi nàng phải góp một tay vào, và nàng bất giác tuân theo sự đòi hỏi đó. Nàng soát lại sổ sách tiền nong với Alpatyts, bàn bạc với ông Đêxal về đứa cháu trai và sai bảo người nhà sửa soạn cho nàng dọn lên Maxkva.

Natasa ở lại một mình, và từ khi công tước tiểu thư Marya bắt tay vào sửa soạn ra đi, nàng tránh mặt luôn cả tiểu thư.

Công tước tiểu thư Marya bàn với bá tước phu nhân để cho Natasa đi với nàng lên Maxkva, và cả hai vợ chồng bà đều vui mừng ưng thuận, vì họ thấy con gái họ mỗi ngày một mòn mỏi đi và cho rằng nàng được đổi gió và được các bác sĩ Maxkva săn sóc, thì sẽ rất có lợi cho nàng.

– Con không đi đâu hết, – Natasa đáp khi nghe cha mẹ bàn việc ấy, – chỉ xin để cho con yên, – nàng nói đoạn chạy ra khỏi phòng, khó lòng nén nổi những giọt nước mắt bực tức và hằn học nhiều hơn là buồn tủi.

Sau khi cảm thấy mình bị tiểu thư Marya bỏ rơi phải sống cô độc với nỗi buồn của mình, Natasa phần lớn thời gian ngồi một mình trong phòng riêng, ở góc đi-văng, hai chân thu lên trên mặt ghế, mấy ngón tay thon nhỏ bứt rứt vò xé một vật gì, mắt đờ đẫn nhìn trừng trừng vào một chỗ. Cảnh cô đơn này làm cho nàng héo hon, nó giày vò nàng đau đớn; nhưng nàng rất cần đến nó. Có ai vào phòng là nàng vụt đứng dậy, đổi tư thế và vẻ mặt, với lấy một quyển sách hay một mẫu thêu, rõ ràng là sốt ruột đợi cho người đó đi ra, đừng làm phiền nàng nữa.

Nàng cứ có cảm giác mình sắp sửa hiểu thấu được điều mà cái nhìn nội tâm của nàng hướng tới với một nỗi băn khoăn khủng khiếp, không sao chịu nổi.

Vào buổi tháng chạp, mình mặc chiếc áo dài len đen, mái tóc quấn qua loa thành một cái búi, gầy gò và xanh xao, Natasa ngồi xếp chân ở góc đi văng, tay bứt rứt hết vò lại gỡ hai đầu mối chiếc thắt lưng, mắt nhìn vào góc cửa.

Nàng nhìn về phía chàng đã ra đi, nhìn sang bên kia cuộc sống. Và cái phía bên kia cuộc sống mà trước đây nàng không bao giờ nghĩ đến, và trước nàng có cảm tưởng là xa xăm và hư ảo vô cùng, thì nay lại gần gũi và thân thuộc hơn, dễ hiểu hơn phía bên này của cuộc sống, nơi mà tất cả đều là trống trải và đổ vỡ hoặc đều là đau đớn và tủi nhục.

Nàng nhìn về phía mà nàng biết là có chàng ở đấy; nhưng nàng không thể thấy chàng với một hình dáng nào khác hơn là khi chàng hãy còn ở bên này. Nàng lại thấy hình ảnh chàng như khi chàng ở Mutisi, ở Troitxa, ở Yaroxlav. Nàng trông thấy mặt chàng, nghe giọng nói của chàng và nhắc lại những lời chàng đã nói và chính nàng đã nói với chàng, và đôi khi nàng lại nghĩ thêm cho mình và cho chàng những lời khác mà lẽ ra hồi ấy hai người có thể nói với nhau.

Đây, chàng nằm trên ghế bành, mình mặc chiếc áo khoác nhung, đầu tựa trên cánh tay gầy gò, xanh xao. Ngực chàng lõm xuống một cách dễ sợ, vai chàng nhô lên. Hai môi mím chặt, hai mắt sáng long lanh, và trên vầng trán xanh xao một nếp nhăn hiện lên rồi lại lặn đi. Một bên chân khẽ rung rung nhanh. Natasa biết rằng chàng đang vật lộn với một cơn đau dữ dội. "Cơn đau của chàng là thế nào? Tại sao lại đau? Cảm giác của chàng ra sao? Chàng đau như thế nào!" – Natasa nghĩ. Chàng nhận thấy nàng đang chú ý, chàng ngước mắt lên và cất tiếng nói, không mỉm cười.

"Chỉ có một điều đáng sợ, – chàng nói, – là vĩnh viễn trói buộc mình vào một con người đau khổ. Đó là một sự đọa đầy vô tận". Và chàng nhìn nàng như muốn thử thách. Natasa chưa kịp suy nghĩ

đã trả lời – xưa nay bao giờ nàng cũng vẫn thế và ngay lúc bấy giờ nữa nàng cũng vẫn thế – nàng nói:

"Không thể cứ như thế mãi được, rồi sẽ khác, anh sẽ khỏi, khỏi hẳn".

Bây giờ nàng lại thấy chàng và sống lại tất cả những cảm xúc của nàng dạo ấy. Nàng nhớ lại cái nhìn dai dẳng buồn rầu, nghiêm nghị của chàng khi nghe mấy lời này,-và nàng hiểu ý nghĩa trách móc và tuyệt vọng của cái nhìn dai dẳng ấy.

"Ta đã thừa nhận, – bây giờ Natasa tự nhủ, – rằng nếu chàng cứ sống đau đớn như vậy mãi thì sẽ khủng khiếp vô cùng. Dạo ấy ta chỉ nghĩ rằng điều đó sẽ rất khủng khiếp cho chàng, nhưng chàng lại hiểu khác. Chàng nghĩ rằng khủng khiếp đó là cho ta. Dạo ấy chàng hãy còn muốn sống, chàng sợ chết. Thế mà ta đã nói với chàng một cách thô lỗ và ngu xuẩn như vậy. Ta không nghĩ như thế. Ta nghĩ khác hẳn. Giá nói cho đúng điều ta nghĩ, thì lẽ ra ta phải nói: "thôi chàng hãy cứ hấp hối đi, chàng cứ hấp hối mãi mãi trước mặt ta đi, ta vẫn sẽ sung sướng hơn so với bây giờ. Bây giờ... Không còn gì nữa, không có ai hết. Lúc ấy chàng có biết không? Không! Lúc ấy chàng không biết, và sẽ không bao giờ biết được. Và đến nay thì không bao giờ còn có thể chữa lại điều đó nữa rồi!". Và một lần nữa, chàng lại nói với nàng những lời ấy, nhưng bây giờ trong tưởng tượng của nàng, Natasa trả lời chàng một cách khác. Nàng ngắt lời chàng và nói: "Khủng khiếp là khủng khiếp cho anh chứ không phải cho em. Anh biết cho em rằng không có anh thì đời em chẳng còn gì nữa, và được đau khổ vì anh là hạnh phúc lớn nhất của em". Thế rồi chàng cầm lấy tay nàng và siết chặt như trong buổi tối khủng khiếp bốn ngày trước khi chàng qua đời. Và trong tưởng tượng nàng lại nói với chàng, những lời âu yếm, chan chứa tình yêu mà lẽ ra nàng có thể nói vào dạo ấy. "Em yêu anh... yêu anh, em yêu quá...," – nàng nói, hai tay co quắp xiết vào nhau, hàm răng nghiến chặt trong một sự cố gắng dữ dội.

Và một nỗi buồn dịu ngọt tràn ngập lòng nàng, và nước mắt đã trào lên mi nàng, nhưng bỗng nàng lại tự hỏi: nàng nói với ai vậy? Bây giờ chàng ở đâu và chàng là thế nào? Và một lần nữa mọi vật lại mờ đi trong một cảm giác bàng hoàng khô khan, cứng nhắc, và một lần nữa, đôi mày cau lại, nàng nhìn về phía mà trước kia đã có chàng. Và nàng có cảm tưởng như chỉ một tí chút nữa thôi là nàng đã hiểu thấu được điều bí ẩn ấy... Nhưng ngay khi điều bí ẩn ấy tưởng như đã sắp mở ra trước mắt nàng, thì tiếng then gõ mạnh vào cánh cửa đập vào tai nàng nhức nhối. Chị hầu phòng Đunyasa vẻ mặt hoảng hốt, hình như không để tâm đến nàng, bước nhanh vào phòng, không giữ gìn ý tứ gì cả.

– Mời tiểu thư đến phòng cụ nhà, nhanh lên, – Đunyasa nói, vẻ thoảng thốt khác thường – Có tin chẳng lành, cậu Piotr Ilyts... có thư, – Đunyasa nói đoạn nấc lên một tiếng.

II

Ngoài cái cảm giác bao quát thấy mình xa lạ đối với mọi người, trong thời gian này Natasa còn thấy mình xa hẳn những người thân trong nhà nữa. Tất cả những người thân thuộc: cha nàng mẹ nàng, Xonya đối với nàng đều gần gũi, quen thuộc, thường ngày, đến nỗi tất cả những lời lẽ, những tình cảm của họ, nàng đều có cảm tưởng như là một sự xúc phạm đối với cái thế giới nàng đang sống trong thời gian gần đây, cho nên nàng không những dửng dưng đối với họ, mà còn nhìn họ với con mắt thù địch nữa. Nàng có nghe thấy những lời Đunyasa nói về Piotr Ilyts, về chuyện chẳng lành, nhưng nàng không hiểu.

"Chuyện gì mà chẳng lành, họ thì có chuyện gì chẳng lành?

Đối với họ tất cả đều vẫn như cũ, quen thuộc và êm thấm, – Natasa thầm tự nhủ.

Khi nàng bước vào phòng khách, cha nàng đang từ phòng bá tước phu nhân hấp tấp bước ra. Mặt ông mếu máo và giàn giụa nước mắt. Hẳn là ông chạy ra khỏi phòng phu nhân để có thể trút hết những tiếng nấc đang nghẹn ngào trong cổ. Trông thấy Natasa, ông dang mạnh hai tay ra rồi khóc nấc lên từng cơn đau đớn, khiến cho khuôn mặt tròn trĩnh hiền dịu của ông biến dạng hẳn đi.

– Pê... Pêtrya... Con vào, vào đi con... mẹ con... đang gọi con... - Và ông khóc nức nở như đứa trẻ, hai chân bủn rủn loạng choạng bước gấp từng bước ngắn đến một chiếc ghế tựa rồi hầu như rơi phịch xuống đấy, hai tay bưng lấy mặt.

Chợt như có một luồng điện vụt truyền khắp người Natasa. Có một cái gì đánh mạnh vào tim nàng nhói buốt. Nàng thấy đau ghê gớm: nàng ngỡ như có một cái gì vỡ nát trong lòng và tưởng như mình hấp hối. Nhưng ngay sau cơn đau, nàng thấy thoát hẳn ra khỏi sự cấm đoán nặng nề không cho phép nàng sống. Trông thấy cha và nghe vẳng qua cánh cửa tiếng rú kinh khủng, man rợ của mẹ, trong khoảnh khắc nàng đã quên bản thân mình và nỗi buồn của nàng. Nàng chạy đến cạnh cha, nhưng ông bủn rủn giơ tay lên và chỉ vào cửa phòng mẹ nàng. Công tước tiểu thư Marya, mặt tái mét, hàm dưới run run, từ trong cửa bước ra nắm lấy tay Natasa và nói với nàng mấy tiếng gì không rõ. Natasa không trông thấy nàng, không nghe nàng nói gì. Nàng bước nhanh vào cửa, dừng lại một giây như đang dằng co với bản thân rồi chạy đến cạnh mẹ.

Bá tước phu nhân nằm trên ghế bành, người rướn thẳng ra một cách vụng về trông rất kỳ quặc, đầu cứ đập vào tường. Xonya và mấy người đày tớ gái đang giữ tay bà.

– Natasa! Natasa!... – bá tước phu nhân hét lên – Không phải thế, không phải thế... ông ấy nói dối... Natasa! – bà vừa hét vừa ẩy

những người xung quanh ra. – Đi hết! Không phải thế! Họ giết chết nó rồi!... ha-ha-ha!... không phải thế!

Natasa quỳ gối lên ghế bành, cúi xuống ôm lấy mẹ và với một sức mạnh không ngờ, nàng nâng đầu bà lên và đỡ cho mặt bà quay về phía nàng rồi áp sát người vào bà.

– Mẹ!... Mẹ yêu của con!... Con đây mẹ ạ. Mẹ ơi, mẹ yêu quý – nàng thì thầm nói liên hồi, không ngớt lấy một giây.

Nàng không buông mẹ ra, dịu dàng dằng co với mẹ, gọi bảo đưa gối lại, bảo lấy nước, cởi khuy và xé áo hộ mẹ.

- Mẹ! mẹ của con!... Mẹ yêu... mẹ, – nàng luôn mồm thì thầm, hôn lên đầu, lên tay, lên mặt bá tước phu nhân, và cảm thấy những giọt nước mắt không sao nén nổi cứ chảy giàn giụa, khiến nàng thấy buồn buồn trên mũi và trên má.

Bá tước phu nhân siết chặt tay con, nhắm mắt lại và lặng đi một lát. Bỗng bà nhổm người dậy một cách nhanh nhẹn lạ thường, bàng hoàng đưa mắt nhìn quanh và, trông thấy Natasa, bà ráng hết sức ôm lấy đầu nàng ghì thật chặt. Rồi bà quay khuôn mặt nàng đang nhăn nhó vì đau đớn về phía mình và nhìn nàng hồi lâu.

– Natasa, con có yêu mẹ không? – bà nói thì thầm khe khẽ, giọng tin cậy – Natasa, con không lừa mẹ chứ? Con nói hết sự thật cho mẹ rõ nhé!

Natasa nhìn bà với đôi mắt đẫm lệ, và trong đôi mắt cũng như trên gương mặt nàng chỉ có một lời van xin tha thứ và yêu thương.

– Mẹ, mẹ yêu của con – nàng nhắc lại, cố tập trung tất cả sức mạnh của tình thương yêu, mong sao trút bớt một phần đau khổ của mẹ sang mình.

Và một lần nữa, trong cuộc vật lộn vô hiệu với thực tế, người mẹ, không chịu tin rằng mình có thể sống khi đứa con yêu quý,

tràn đầy sức sống lại bị giết chết, người mẹ lại thoát khỏi thực tại để trốn vào thế giới điên rồ.

Natasa không nhớ ngày hôm ấy, đêm hôm ấy, ngày hôm sau và đêm hôm sau đã trôi qua như thế nào. Nàng không ngủ và không rời mẹ một bước. Tình yêu thương của Natasa, kiên trì, nhẫn nại, không phải là một lời khuyên nhủ, không phải là một lời an ủi, mà là một tiếng gọi trở về cuộc sống, từng giây từng phút như ôm ấp lấy bá tước phu nhân từ khắp mọi phía. Đến đêm thứ ba, bá tước phu nhân yên lặng được vài phút, và Natasa gối đầu lên tay ghế bành nhắm mắt lại. Bên giường của mẹ nàng có tiếng động. Natasa mở bừng mắt. Bá tước phu nhân đang ngồi trên giường nói khe khẽ.

– Con trai của mẹ đã về, mẹ mừng quá. Con mệt lắm nhỉ, con uống chén trà nhé? – Natasa đến cạnh mẹ – Con bây giờ đẹp trai và cứng cáp hẳn ra – phu nhân cầm lấy tay con gái nói tiếp.

– Mẹ ơi, mẹ nói gì thế...

– Natasa, em nó không còn nữa, không còn nữa rồi! – và ôm chầm lấy con gái, lần đầu tiên bá tước phu nhân òa lên khóc.

III

Công tước tiểu thư Marya hoãn chuyến đi lên Maxkva, Xônya, bá tước cố gắng thay thế Natasa, nhưng không được. Họ thấy rõ ràng rằng chỉ một mình nàng có thể ngăn mẹ nàng khỏi lâm vào tuyệt vọng điên rồ. Ba tuần lễ Natasa ở liền cạnh mẹ, nằm trên một chiếc ghế bành ngủ trong phòng phu nhân, cho bà ăn uống và thủ thỉ với bà suốt ngày, bởi vì chỉ có giọng nói dịu dàng, mơn trớn của nàng mới có thể an ủi bá tước phu nhân.

Vết thương tinh thần của người mẹ không thể khỏi được. Cái

chết của Petya đã làm tan vỡ mất một nửa cuộc đời của phu nhân. Hôm được tin Petya chết, phu nhân còn là một người đàn bà năm mươi tuổi tươi tắn khỏe mạnh, nhưng một tháng sau, khi bước ra khỏi phòng riêng, phu nhân chỉ còn là một con người chết dở và không còn tham dự gì vào cuộc sống nữa - một bà già. Nhưng chính vết thương đã làm cho bá tước phu nhân chết mất một nửa người, chính vết thương ấy đã gọi Natasa trở về với cuộc sống.

Vết thương do sự đổ vỡ của cuộc sống tinh thần gây nên – kể cũng lạ – dần dần khép lại chẳng khác gì một vết thương của thể xác. Và sau khi vết thương sâu đã đâm da non và miệng đã có vẻ liền lại, thì cũng như một vết thương trên cơ thể, chỉ có sức sống từ bên trong thôi thúc mới làm cho vết thương tinh thần khỏi hẳn được.

Vết thương của Natasa cũng khỏi như vậy. Nàng đã tưởng đời nàng thế là hết. Nhưng bỗng tình thương yêu đối với mẹ làm cho nàng thấy rõ rằng cái chất căn bản của đời nàng – tình thương yêu – vẫn còn sống trong nàng. Tình thương yêu đã bừng tỉnh, và sức sống cũng bừng tỉnh theo.

Những ngày cuối cùng của công tước Andrey đã gắn bó Natasa với tiểu thư Marya. Tai họa mới lại càng làm cho hai người gần nhau hơn nữa. Tiểu thư Marya hoãn việc lên Maxkva và suốt ba tuần lễ nàng chăm sóc Natasa như chăm một đứa trẻ đang ốm. Những tuần lễ sau cùng mà Natasa túc trực trong phòng mẹ nàng đã làm cho sức lực thể chất của nàng suy sụp.

Một hôm vào buổi trưa, tiểu thư Marya nhận thấy Natasa sốt run lên cầm cập liền dẫn nàng về phòng riêng và đặt nàng lên giường mình. Natasa nằm xuống, nhưng khi tiểu thư Marya buông rèm toan lui ra thì Natasa gọi nàng lại.

– Em không buồn ngủ, chị Marya ạ, chị ngồi với em một lát

– Natasa mệt rồi đấy! cô ngủ đi một chút.

– Không, không. Tại sao chị lại đưa em về đây? Mẹ em đang cần em.

Natasa nằm yên trên giường, và trong bóng tối mờ mờ của gian phòng, nàng nhìn khuôn mặt tiểu thư Marya.

"Chị ấy có giống chàng không? – Natasa thầm nghĩ – Có cũng giống mà cũng không. Nhưng chị ấy đặc biệt, xa lạ, hoàn toàn mới mẻ, chưa biết. Và chị ấy yêu mình. Trong tâm hồn chị ấy có những gì? Chỉ toàn những điều tốt. Nhưng sao? Chị ấy nghĩ thế nào? Chị ấy nhìn mình như thế nào? Phải, chị ấy tốt quá".

– Masa – nàng vừa nói vừa rụt rè kéo bàn tay bạn vào lòng – Masa, chị đừng nghĩ rằng em xấu xa quá. Đừng chị nhá? Masa yêu quý của em. Em yêu chị quá. Chúng mình sẽ yêu nhau thật nhiều, mãi mãi như đôi bạn tâm tình thực sự.

Và Natasa ôm lấy Marya, hôn lên tay, lên mặt nàng. Tiểu thư Marya, vừa ngượng nghịu vừa vui mừng trước sự bộc lộ tình cảm của Natasa.

Từ hôm ấy, giữa công tước tiểu thư Marya và Natasa hình thành cái tình bạn thiết tha và đằm thắm chỉ có thể có được giữa hai người đàn bà. Họ hôn nhau không biết chán, thủ thỉ với nhau những lời âu yếm và phần lớn thời giờ đều ở bên nhau. Người này đi đâu thì người kia đứng ngồi không yên và vội vã bỏ đi tìm. Khi ở cạnh nhau, họ thấy tâm hồn họ hòa hợp hơn là khi mỗi người ngồi riêng một mình. Giữa hai người đã hình thành một tình cảm mạnh hơn tình bạn: đó là cái cảm giác khiến họ thấy rằng chỉ ở bên cạnh nhau họ mới có thể sống được.

Đôi khi họ ngồi lặng thinh suốt mấy tiếng đồng hồ; đôi khi họ đã nằm vào giường rồi nhưng lại bắt đầu nói chuyện và cứ thế chuyện trò mãi cho đến sáng. Phần nhiều họ chỉ nói đến thời dĩ vãng xa xưa nhất. Tiểu thư Marya kể lại những hồi ức về thời thơ ấu của nàng, về cha mẹ nàng, về những ước mơ của nàng; và

Natasa, trước kia vẫn bình thản quay lưng với cuộc sống, tận tụy, phục tòng, trước cái thi vị của sự hy sinh cơ đốc giáo mà nàng không hiểu, bây giờ lại cảm thấy tình thương yêu đã gắn bó nàng với tiểu thư Marya đến nỗi nàng yêu cả quá khứ của bạn và hiểu được cả cái khía cạnh của cuộc sống trước kia xa lạ đối với nàng. Nàng không nghĩ rằng mình cũng sẽ sống nhẫn nhục và hy sinh như vậy, vì nàng đã quen đi tìm những niềm vui khác, nhưng nàng đã hiểu và đã biết yêu ở một người khác cái đức hạnh mà trước kia nàng không hiểu. Về phần công tước tiểu thư Marya, trong khi nghe kể lại thời thơ ấu và thiếu niên của Natasa, nàng cũng thấy mở ra trước mắt một khía cạnh của cuộc sống mà trước kia nàng không hiểu, nàng đã thấy được thế nào là tin tưởng vào cuộc sống, vào những thú vui của đời người.

Họ vẫn như cũ, không nhắc đến "chàng" để khỏi dùng ngôn ngữ xúc phạm – họ thấy thế – nhưng tình cảm cao cả ở trong lòng họ, và sự im lặng có dần dần làm cho họ quên chàng, tuy họ không thể nào tin như vậy.

Natasa gầy đi, xanh đi và thể chất nàng suy nhược đến nỗi mọi người đều tỏ ý lo lắng cho sức khỏe của nàng, và điều đó làm cho nàng thấy dễ chịu. Nhưng đôi khi nàng bất chợt thấy mình sợ, không những sợ chết, mà còn sợ đau yếu, sợ nhan sắc phai tàn, và đôi khi nàng bất giác chăm chú nhìn cánh tay trần của mình, ngạc nhiên khi thấy nó gầy gò như vậy, sáng sáng nàng lại đến đứng trước gương ngắm khuôn mặt hốc hác và thiểu não của mình – nàng có cảm tưởng như thế. Nàng có cảm tưởng sự tình phải như vậy, nhưng đồng thời nàng cũng thấy sợ và buồn.

Có lần nàng lên thang gác rất nhanh và chợt thấy mình thở hổn hển. Nàng bất giác nghĩ ngay ra một việc gì cần phải làm ở dưới nhà, rồi chạy lên thang gác để thử sức và tự quan sát xem sao.

Có một lần khác nàng gọi Đunyasa và thấy giọng mình run run. Nàng cất tiếng gọi một lần nữa, mặc dầu đã nghe tiếng chân Đunyasa bước tới, – nàng gọi với cái giọng ngực mà nàng thường dùng để hát, và lắng nghe giọng mình.

Nàng không biết, và giá có nghĩ đến nữa, nàng cũng sẽ không tin, nhưng dưới lớp bùn dày phủ lên tâm hồn nàng mà nàng có cảm tưởng là không sao chọc thủng được, đã nhú lên những ngọn cỏ mảnh và mềm, những ngọn cỏ đó sẽ bắt rễ sâu và những chồi non đầy sức sống của nó sẽ phủ lên nỗi buồn nặng trĩu trong lòng nàng, và chẳng bao lâu nỗi buồn ấy sẽ phai mờ không còn trông thấy rõ, không còn cảm giác được nữa. Vết thương đang đâm da non từ bên trong.

Vào cuối tháng giêng công tước tiểu thư Marya lên đường đi Maxkva, và bá tước một mực xin cho Natasa cùng đi với nàng để nhờ các bác sĩ khám bệnh.

IV

Sau trận giao chiến với nhau ở Vyazma, trong đó Kutuzov không đủ sức kìm hãm quân đội đang muốn đánh bật, cắt đứt quân địch, vân vân, trong cuộc di chuyển của quân Pháp đang chạy trốn và của quân Nga đang đuổi theo, cho đến Kraxnoye không có một trận đánh nào xảy ra nữa. Quân Pháp chạy nhanh đến nỗi quân Nga đang rượt theo không sao đuổi kịp được họ, đến nỗi ngựa của kỵ binh và pháo binh đành dừng lại, và những tin tức và sự di chuyển của quân Pháp bao giờ cũng sai lạc.

Binh sĩ của quân đội Nga bị những cuộc hành quân liên tiếp mỗi ngày bốn mươi dặm này làm cho kiệt sức đến nỗi không sao tiến nhanh hơn nữa.

Muốn hiểu quân đội Nga mệt mỏi đến mức độ nào, chỉ cần hiểu rõ ý nghĩa của sự kiện sau đây: trong suốt thời gian di chuyển từ Tarutino, mặc dầu số thương vong không quá năm nghìn người và số quân bị địch bắt sống không quá một trăm, quân đội Nga xuất phát từ Tarutino có mười vạn người nhưng khi đến Kraxnoye thì chỉ còn lại năm vạn.

Cuộc di chuyển nhanh chóng của quân Nga đuổi theo quân Pháp cũng có tác dụng làm cho quân đội Nga tan rã không kém gì cuộc tháo chạy đối với quân đội Pháp. Chỉ khác ở chỗ quân đội Nga di chuyển theo ý mình, không có nguy cơ bị tiêu diệt như quân đội Pháp, và ở chỗ những bệnh binh Pháp thụt lại sau thì rơi vào tay địch, còn binh sĩ Nga tụt lại sau thì vẫn ở trên đất mình. Nguyên nhân chính khiến quân số Napôleông giảm sút là tốc độ di chuyển nhanh, và một bằng chứng chắc chắn là quân đội Nga cũng giảm sút theo một tỷ lệ tương xứng.

Toàn bộ hoạt động của Kutuzov, cũng như ở Tarutino và ở Vyazma, đều chỉ nhằm làm sao – trong chừng mực ông có thể làm được – đừng ngăn chặn cái cuộc di chuyển tai hại cho quân Pháp (như các tướng Nga ở Pêterburg và ở trong quân đội vẫn muốn làm) mà lại tạo điều kiện thuận lợi cho nó và làm cho quân mình đỡ khổ trong lúc hành quân.

Nhưng ngoài việc quân đội tỏ ra mệt mỏi và phải chịu đựng những tổn thất nặng nề do tốc độ di chuyển nhanh chóng gây nên, còn có một nguyên do khác khiến cho Kutuzov ghìm bớt tốc độ di chuyển của quân đội và chủ trương chờ đợi. Mục đích của quân Nga là đuổi theo quân Pháp. Không thể biết quân Pháp sẽ đi lối nào, cho nên quân ta càng theo sát gót quân Pháp bao nhiêu thì càng phải đi nhiều đường bấy nhiêu. Chỉ có cách đi những đường ngoắt ngoéo mà chúng vạch ra. Tất cả những cách hành quân khôn khéo do các tướng đề ra đều thể hiện trong những cuộc chuyển quân, trong việc kéo dài các chặng đường, trong khi mục đích duy

nhất hợp lý là làm sao rút ngắn những chặng đường ấy lại. Và trong suốt thời gian chiến dịch, từ Maxkva cho đến Vilna, hoạt động của Kutuzov đều hướng tới mục đích ấy – không phải một cách ngẫu nhiên, nhất thời, mà là một cách nhất quán liên tục đến nỗi không có lần nào ông thay đổi hướng hoạt động ấy.

Kutuzov biết, không phải bằng trí tuệ hay bằng khoa học quân sự mà bằng tất cả cái bản tính người Nga của ông, biết và cảm thấy cái điều mà mỗi người lính Nga đều cảm biết, là quân Pháp đã bị đánh bại, là chúng đang bỏ chạy và ta cần phải tống tiễn chúng ra khỏi đất nước; nhưng đồng thời ông cũng cùng với binh sĩ cảm thấy tất cả những nỗi gian khổ của cuộc hành quân nhanh chưa từng có giữa một thời tiết như thế này.

Nhưng về phần các tướng, nhất là những viên tướng không phải là người Nga, vẫn ước ao tìm cơ hội lập công, muốn làm cho người ta kinh ngạc, muốn bắt một ông quận công hay quốc vương nào đấy, chẳng biết để làm gì, – về phần những viên tướng ấy thì trong một hoàn cảnh mà mở bất cứ trận nào đều là ngu xuẩn và vô lý, họ lại thấy rằng bây giờ chính là lúc tiến công và chiến thắng một kẻ nào đấy. Kutuzov chỉ nhún vai khi họ lần lượt tiếp lời nhau đề ra những kế hoạch hành quân với những người lính chẳng có giầy, ủng gì cho tươm tất, chẳng có áo ấm, ăn chẳng đủ no, chỉ trong một tháng đã sút mất một nửa quân số tuy không đánh trận nào, bắt những người lính ấy phải đi cho đến tận biên giới qua một khoảng cách còn lớn hơn quãng đường đã đi qua, dù cuộc tháo chạy của quân Pháp có tiếp diễn trong những hoàn cảnh thuận lợi nhất đi nữa.

Cái khát vọng muốn lập công trạng, muốn phô diễn cách hành quân, muốn đánh bật và cắt đứt như vậy, đặc biệt lộ rõ những khi quân Nga chạm trán với quân Pháp.

Ở Kraxnoye đã xảy ra một trường hợp như vậy. Lần ấy họ tưởng tìm được một trong ba đạo quân Pháp, nhưng kỳ thực đã

vấp đúng vào Napôleông với mười sáu ngàn quân. Mặc dầu Kutuzov đã làm hết cách để tránh cuộc xung đột tai hại này và để dưỡng sức cho quân đội, ba ngày liền ở Kraxnoye những binh sĩ Nga mệt lử đã phải làm cái việc tiêu diệt những toán Pháp hỗn loạn.

Tôi viết một bản kế hoạch tác chiến: Đạo quân thứ nhất tiến[1] vân vân. Và cũng như ngày xưa, mọi việc đều diễn ra khác hẳn bản kế hoạch. Thân vương Yevgheni xứ Vuyrtemberg đứng trên núi bắn vào những tên lính Pháp đang chạy ngang và yêu cầu viện binh nhưng không thấy đến. Quân Pháp đêm đến chạy vòng qua quân Nga phân tán ra, nấp vào rừng và mạnh ai nấy kiếm cách chạy cho xa.

Miloradovits, con người vẫn thường nói rằng mình không thèm biết đến những công việc hậu cần của quân đội, con người không sao tìm ra được khi cần đến ông ta, *"trang hiệp sĩ không biết sợ hãi và không thể nào chê trách"*[2] như ông ta vẫn tự xưng, con người rất thích chuyện trò với người Pháp, Miloradovits gửi trương sứ sang chiêu hàng, làm mất thì giờ và làm những việc mà người ta không hề khiến.

Ông ta cưỡi ngựa đến trước hàng quân, chỉ một toán quân Pháp cho kỵ binh xem và nói:

– Anh em ơi, tôi tặng anh em đạo quân này.

Và đoàn kỵ binh, cưỡi những con ngựa đi không vững, cố hết sức dùng cựa giầy và gươm thúc ngựa chạy nước kiệu về phía đạo quân mà người ta tặng họ nghĩa là một đám người Pháp rét cóng và ốm đói, thế là đạo quân tặng phẩm kia vứt vũ khí xuống và đầu hàng, điều mà chính họ đã mong ước từ lâu. Ở Kraxnoye họ bắt được hai vạn sáu nghìn tù binh, hàng trăm khẩu pháo, một chiếc gậy gì đấy mà họ gọi là quyền trượng của thống soái và tranh cãi

1. die ersts Colone marschiert.

2. "le chevalier sans peur et sans reproche". Biệt hiệu của Bayard, danh tướng Pháp (1473 - 1524).

xem ai là người trội hơn cả, và lấy làm hài lòng về điều đó, nhưng họ rất tiếc là đã không bắt được Napôleông, hay một vị anh hùng nào đó, một nguyên soái nào cũng được, và lên tiếng trách móc lẫn nhau, nhất là trách móc Kutuzov.

Những con người ấy, say sưa với những dục vọng của họ chỉ là những kẻ thừa hành mù quáng của cái quy luật đáng buồn nhất là quy luật của sự tất yếu; nhưng họ cứ cho mình là những bậc anh hùng và tưởng tượng rằng việc họ làm là việc vẻ vang và cao quý nhất. Họ buộc tội Kutuzov và nói rằng ngay từ đầu chiến dịch ông ta chỉ nghĩ cách thỏa mãn những dục vọng của mình và không chịu ra khỏi làng Polotnyanyezavodỵ vì ở đấy ông được ăn ở thoải mái, rằng ở Kraxnoye ông đã ngăn chặn cuộc hành quân, vì khi biết tin có Napôleông ở đấy, ông ta đã hoàn toàn rối trí, rằng có thể ức đoán là ông ta có thông đồng với Napôleông, ông ta đã bị Napôleông mua chuộc, v.v...[1].

Không phải chỉ có những người đương thời, bị những dục vọng làm cho mù quáng đi, mới nói như vậy; ngay cả hậu thế, ngay cả sử học cũng công nhận Napôleông là vĩ đại[2], còn Kutuzov thì người ngoại quốc gọi là lão triều thần giảo quyệt, trác táng và nhu nhược; người Nga gọi ông là một con người chẳng có gì minh bạch, một thứ bù nhìn chỉ có ích vì mang một cái tên Nga.

V

Năm 1812 và năm 1813 người ta công khai tố cáo những sai lầm của Kutuzov. Hoàng thượng bất bình về ông. Và trong pho sử viết ra gần đây theo lệnh trên có nói rằng Kutuzov là một lão nịnh

1. Bút ký của Wilson.
2. grand.

thần giáo quyệt vốn sợ Napôleông đã phạm những sai lầm ở Kraxnoye và ở Berezine khiến cho quân đội Nga không được cái vinh quang toàn thắng quân Pháp[1].

Số phận của những con người không phải là vĩ nhân, không phải là *grand homme* – một thứ người mà trí tuệ của dân Nga không thừa nhận – nhưng lại là những con người hiếm có, bao giờ cũng cô độc, hiểu được ý Trời và hướng ý chí của mình theo ý Trời, – số phận của những con người ấy là như vậy. Lòng thù ghét và khinh miệt đám đông trừng phạt họ về tội đã hiểu thấu các quy luật tối cao.

Đối với các sử gia Nga (nói ra thật kỳ quặc và khủng khiếp!), thì Napôleông – cái ông cụ hết sức vô nghĩa của lịch sử kia, con người chưa bao giờ, dù là trong cảnh tù đày, tỏ ra có nhân cách, – lại được họ khâm phục và ngưỡng mộ; ông ta là vĩ đại. Còn Kutuzov, con người từ đầu chí cuối chiến dịch 1812, từ Maxkva đến Vilna, chưa hề lần nào có một hành động hay một lời nói tự mâu thuẫn với mình, con người đã nêu một tấm gương hy sinh hiếm có và tỏ rõ một khả năng tiên đoán phi thường trong lịch sử, – lại bị họ coi như một kẻ mù mờ và thảm hại, và mỗi khi nói đến Kutuzov và đến năm 1812, bao giờ họ cũng dường như có ý ngượng ngùng.

Song thật khó lòng tưởng tượng ra một nhân vật lịch sử nào mà hoạt động lại nhất quán và thường xuyên hướng về một mục đích như vậy. Khó lòng tưởng tượng ra một mục đích xứng đáng và phù hợp hơn với ý chí của toàn dân hơn. Càng khó tìm ra một trường hợp khác trong lịch sử mà mục đích do nhân vật lịch sử đặt ra lại đạt được trọn vẹn như mục đích của toàn bộ hoạt động của Kutuzov năm 1812 đều hướng tới.

Kutuzov không bao giờ nói bốn mươi thế kỷ đứng ngắm từ

1. Lịch sử năm 1812 của Bogdanovits: đặc tính của Kutuzov và bàn về những kết quả không mỹ mãn của các trận đánh ở Kraxnoye (chú tích của tác giả).

trên đỉnh Kim tự tháp[1], đến những vật hy sinh mà ông ta dâng lên bàn thờ tổ quốc, đến những việc mà ông định thực hiện hay đã thực hiện; nói chung ông không nói gì về bản thân, không đóng một vai tuồng gì, bao giờ cũng là một con người hết sức giản dị và bình thường. Ông viết thư cho các con gái và cho bà đơn Xtan[2], đọc tiểu thuyết, thích giao du với đàn bà đẹp, đùa cợt với tướng sĩ và binh lính, và không bao giờ bác lại những người muốn chứng minh với ông một điều gì. Khi bá tước Raxtopsin cưỡi ngựa đến cạnh Kutuzov ở cầu Yauxki trách ông đã làm cho Maxkva phải thất thủ, và bảo rằng: "Sao ông hứa sẽ không bỏ ngỏ Maxkva mà không chiến đấu?", thì Kutuzov đáp: "Tôi sẽ không bỏ ngỏ rồi. Khi Araktseyev nhân danh Hoàng đế đến nói với ông rằng cần chỉ định Yermolov làm tư lệnh pháo binh, Kutuzov đáp: "Vâng, chính tôi cũng vừa nói thế" – mặc dầu trước đây một phút ông nói khác hẳn. Vì lẽ gì Kutuzov, con người duy nhất hiểu hết được ý nghĩa lớn lao của những sự việc đang diễn ra, ở giữa đám người ngu xuẩn đang đứng quanh ông, lại phải chú ý đến chuyện bá tước Raxtopsin nhận trách nhiệm để Maxkva thất thủ hay đổ lên đầu ông ta? Còn như vấn đề chỉ định ai làm tư lệnh pháo binh thì ông còn ít quan tâm hơn nữa.

Không phải chỉ có những trường hợp nói trên mà trong rất nhiều trường hợp khác nữa, con người già cả ấy đã được kinh nghiệm sống cho thấy rõ rằng những ý nghĩ và những từ ngữ dùng để biểu đạt những ý nghĩ đó không phải là yếu tố thúc đẩy con người, cho nên ông nói ra những lời lẽ hoàn toàn vô nghĩa, – nghĩ ra câu gì thì nói ra câu ấy.

Nhưng chính con người ấy, kẻ coi thường lời nói của mình như vậy, suốt trong thời gian hoạt động vẫn chưa lần nào nói một câu gì không phù hợp với cái mục đích duy nhất mà mình đã tìm cách

1. Câu nói của Napôleông ở Ai Cập (xem chú thích ở phần III).

2. Mme de Stael (1766 - 1817) nhà văn Pháp có xu hướng tự do bị Napôleông khủng bố phải lánh ra nước ngoài từ 1802. Năm 1812 bà ở Nga.

đạt đến trong suốt cuộc chiến tranh. Đã mấy lần trong những hoàn cảnh hết sức khác nhau, ông đã nói ý nghĩ của mình ra, rõ ràng là một cách miễn cưỡng, biết chắc rằng người ta sẽ không hiểu mình. Kể từ trận Borođino là sự kiện mở đầu cho sự bất đồng ý kiến giữa Kutuzov với những người chung quanh, chỉ có một mình ông nói rằng trận Borođino là một trận thắng, và ông đã nhắc đi nhắc lại điều đó trong khi nói chuyện, trong các bản báo cáo, trong các tờ trình, mãi cho đến khi chết. Chỉ có một mình ông nói rằng mất Maxkva không phải là mất nước Nga. Đáp lại lời đề nghị giảng hòa của Lorixton ông đã nói rằng không thể có đề nghị giảng hòa được, vì ý nguyện của nhân dân là như vậy; – chỉ có một mình ông trong thời gian quân Pháp rút lui đã nói rằng tất cả những cuộc hành binh của ta đều không cần thiết, rằng mọi việc sẽ tự nó diễn ra còn tốt hơn là chúng ta mong ước, rằng phải có quân địch một cái cầu bằng vàng, rằng dù trận Trutino, trận Vyazma hay trận Kraxnoye cũng đều không cần thiết, rằng khi đến biên giới phải còn đủ quân, rằng đổi một lính Nga lấy mười lính Pháp ông cũng không đổi.

Và chỉ một mình lão triều thần ấy - như người ta nói - con người đã nói đổi Aractsayep để được lòng hoàng đế, - chỉ có một mình lão triều thần ấy ở Vilna đã dám nói một câu làm cho mình thất sủng trước nhà vua; tiếp tục chiến tranh ở ngoài nước là có hại và vô ích.

Nhưng nếu chỉ xét những lời nói mà thôi không có gì chứng tỏ rằng hồi đó ông đã hiểu ý nghĩa của biến cố đang diễn ra. Tất cả các hành động của ông – không hề có một trường hợp ngoại lệ nào dù nhỏ nhặt đến đâu – đều nhằm vào một mục đích duy nhất gồm ba điểm:

1. Huy động hết lực lượng để đương đầu với quân Pháp.

2. Chiến thắng quân Pháp, và

3. Đuổi chúng ra khỏi nước Nga, đồng thời, trong chừng mực

có thể, giảm nhẹ những nỗi điêu đứng của nhân dân và quân đội.

Chính Kutuzov, con người chần chừ mà phương châm là kiên nhẫn và thời gian, kẻ thù của những hành động quyết liệt, chính ông ta đã mở trận Borođino sau những nghi thức chuẩn bị cực kỳ long trọng. Chính Kutuzov, con người đã nói ngay từ khi trận Auxterlits chưa bắt đầu, rằng trận này sẽ thất bại, thì ở Borođino, mặc dù các tướng tá thi nhau nói rằng quân ta đã bại trận, mặc dù, trái với tất cả các trường hợp đã từng có trong lịch sử, quân đội sau khi thắng trận lại phải rút lui, chỉ có một mình ông, trái với ý kiến mọi người, mãi cho đến khi chết vẫn khẳng định rằng trận Borođino là một trận thắng. Chỉ có một mình ông, trong suốt thời gian quân Pháp rút lui, một mực chủ trương không giao chiến vì bây giờ làm như vậy chẳng có ích gì, không gây ra một cuộc chiến tranh mới và không vượt quá biên giới Nga.

Ngày nay, miễn là đừng đem gán cho hoạt động của quần chúng những mục đích chỉ có trong đầu óc của mười người, thì có thể dễ dàng hiểu được ý nghĩa của biến cố, bởi vì toàn bộ sự việc cùng với những hậu quả của nó đều đã sờ sờ ra trước mắt ta.

Nhưng làm thế nào mà con người già cả ấy, một mình chống lại ý kiến của mọi người, lại có thể đoán đúng được ý nghĩa toàn dân của sự việc đến nỗi suốt thời gian hoạt động không hề có lần nào phản lại ý nghĩa đó?

Cội nguồn của sức mạnh phi thường đã khiến cho ông ta hiểu thấu ý nghĩa của những hiện tượng đang diễn ra là cái tình cảm nhân dân mà ông mang trong lòng với tất cả sự thuần khiết và sức mạnh của nó.

Chỉ vì nhận thấy ông có tình cảm này mà nhân dân đã dùng những đường lối kỳ lạ như vậy để chọn một ông già đang thất sủng, trái với ý muốn của Sa hoàng, làm người đại diện cuộc chiến tranh nhân dân. Và chỉ có cái tình cảm ấy mới có thể đặt ông lên

địa vị tối cao của con người để cho ông, với tư cách tổng tư lệnh, dốc hết sức lực ra không phải để giết chóc và tiêu diệt người ta, mà để cứu vớt và xót thương họ.

Cái nhân cách giản dị, khiêm tốn nên thật là hùng vĩ của ông không sao lắp vừa vào cái khuôn giả tạo của một bậc anh hùng Âu châu, gọi là một kẻ lãnh đạo dân chúng, mà sử học đã bày đặt ra.

Đối với một người hầu buồng không thể có ai là vĩ nhân được bởi vì người hầu buồng có một quan niệm riêng về sự vĩ đại[1].

VI

Ngày mồng năm tháng mười một là ngày đầu tiên của cái gọi là trận Kraxnoye. Chiều hôm ấy, sau nhiều cuộc cãi vã và nhiều lầm lỗi của các tướng (họ đã đem quân đi sai hẳn kế hoạch) sau những cuộc sai phái sĩ quan phụ tá đi truyền những mệnh lệnh trái ngược với mệnh lệnh cũ, khi đã thấy rõ rằng đâu đâu quân địch cũng bỏ chạy và trận đánh không thể diễn ra được và sẽ không diễn ra, Kutuzov rời Kraxnoye đến Đobroye, nơi đại bản doanh vừa chuyển đến trong ngày hôm ấy.

Ngày hôm ấy trời quang đãng và giá lạnh, Kutuzov cưỡi con ngựa bạch béo phị cùng với một đoàn tùy tùng đông đúc gồm những viên tướng bất mãn với ông đang xì xào sau lưng ông, đi về phía Đobroye. Suốt dọc đường, đâu đâu cũng thấy những toán tù binh vừa bắt được ngày hôm ấy đang sưởi quanh những đống lửa trại (ngày hôm ấy số tù binh bắt được là bảy nghìn). Cách Đobroye không xa, có một lũ tù binh rất đông, áo quần rách rưới, mình quấn và trùm bất cứ thứ gì có thể vớ được, đang đứng nói chuyện

1. Ám chỉ một câu tục ngữ Pháp: "Không ai là vĩ nhân đối với người hầu buồng của mình".

ồn ào trên đường cái cạnh một dãy dài súng đại bác Pháp đã tháo ra khỏi xe. Khi vị tổng tư lệnh đến gần, tiếng nói chuyện im bặt và mọi con mắt đều đổ dồn về phía Kutuzov đầu đội chiếc mũ trắng vành đỏ và mình mặc chiếc áo khoác bông cộm lên trên đôi vai gù, đang chậm rãi đi trên đường cái. Một trong các viên tướng báo cáo cho Kutuzov rõ những khẩu pháo và những đám quân lính này bắt được ở đâu.

Kutuzov hình như đang mải suy nghĩ điều gì nên không nghe những lời viên tướng nói. Ông nheo mắt có vẻ không bằng lòng và chăm chú nhìn bóng dáng lũ tù binh – một cảnh tượng thật là thảm hại. Mặt bọn lính Pháp phần lớn đều trông không ra mặt người nữa vì mũi và má đều bị chết cóng, mắt thì hầu hết đều đỏ gay, sưng húp và ghèn rử nhầy nhụa. Một tốp lính Pháp đứng sát mé đường, có hai người – mặt một trong hai người đầy những vết lở loét – đang lấy tay xé một miếng thịt sống. Có một cái gì thú vật và khủng khiếp trong khóe mắt của họ, khi họ liếc nhìn những người qua đường và trong cái vẻ hằn học của người lính mặt lở loét khi hắn gườm gườm nhìn Kutuzov rồi lập tức quay đi tiếp tục nốt công việc đang làm.

Kutuzov chăm chú nhìn hai người lính này một hồi lâu, mặt ông càng nhăn nhó thêm, ông nheo mắt và lắc đầu ra dáng trầm ngâm. Ở một chỗ khác, ông để ý đến một người lính Nga đang vỗ vai một người lính Pháp vừa cười vừa nói với hắn một câu gì đó thân mật. Kutuzov lại lắc đầu với cái vẻ tư lự như ban nãy.

– Anh nói gì? – ông hỏi viên tướng đang tiếp tục báo cáo và xin tổng tư lệnh lưu ý đến những ngọn quân kỳ của Pháp vừa mới cướp được, bây giờ xếp trước mặt hàng ngũ trung đoàn Preobrajenxki.

– À, cờ! – Kutuzov nói, vẻ như đang chật vật rứt ra khỏi những vấn đề đang khiến ông bận tâm suy nghĩ. Ông lơ đãng đưa mắt nhìn quanh. Từ khắp bốn phía, hàng nghìn cặp mắt nhìn vào ông, chờ nghe ông nói.

Đến trước trung đoàn Proebrajenxki, ông dừng lại, buông một tiếng thở dài nặng trĩu và nhắm mắt. Một người nào đấy trong đoàn tùy tùng vẫy ta ra hiệu cho các binh sĩ đang cầm cờ đến đứng quanh vị tổng tư lệnh và trình cờ cho ngài xem. Kutuzov im lặng mấy phút, rồi vẻ miễn cưỡng rõ rệt, chẳng qua vì cương vị bắt buộc, ông ngẩng đầu lên và bắt đầu nói. Từng đám sĩ quan vây quanh ông ta. Ông đưa mắt chăm chú nhìn qua các sĩ quan một lượt, nhận mặt một vài người trong đám đông.

– Xin cảm ơn mọi người – ông nói với các binh sĩ rồi lại nói với các sĩ quan. Trong bầu không khí im phăng phắc ở chung quanh, người ta nghe rõ mồn một những lời nói của ông thong thả buông ra – Xin cảm ơn mọi người đã phục vụ trung thành trong cảnh khó khăn. Quân ta đã toàn thắng, và nước Nga sẽ không quên các người. Vinh quang thay cho các người trong ngàn muôn thế kỷ! – Ông im lặng một lát, mắt nhìn quanh.

- Hạ thấp đầu nó xuống, hạ thấp xuống, - ông bảo một người lính đang cầm một quân hiệu phượng hoàng của Pháp và vô tình chúc nó xuống trước mặt ngọn quân kỳ của trung đoàn Preobrajenxki - Thấp nữa, thấp nữa, thế, thế. Anh em ơi, Ura! – ông hất cằm quay phắt về phía các binh sĩ hô to.

– Ura – ra-ra-ra! – hàng nghìn tiếng hô vang lên như sấm. Trong khi quân lính reo hò, Kutuzov ngồi khom lưng trên yên cúi đầu xuống và con mắt ánh lên một tia sáng dịu hiền, hầu như giễu cợt.

– Bây giờ thế này anh em ạ, – ông nói khi tiếng reo hò đã ngớt.

Và bỗng nhiên giọng nói và vẻ mặt ông thay đổi: đây không còn là vị tổng tư lệnh nữa, mà là một ông già bình dị, hẳn là đang muốn nói một điều gì rất cần với các bạn đồng ngũ của mình.

Đám sĩ quan và các hàng ngũ quân lính lao xao xê dịch một lát để nghe cho rõ những điều ông sắp nói.

– Anh em ạ. Tôi biết các anh em khổ lắm, nhưng biết làm thế nào được? Cố kiên nhẫn một chút; chẳng còn lâu nữa đâu. Khi nào tiễn hết các ông khách ta sẽ nghỉ ngơi cho bõ. Sa hoàng sẽ không quên công lao của anh em. Anh em khổ thật, nhưng dù sao anh em cũng đang ở trên đất nhà, chứ như bọn chúng - anh em xem nông nỗi chúng nó đến thế nào, - ông chỉ đám tù binh nói - Còn tệ hơn lũ ăn mày cùng khốn nhất. Khi chúng còn mạnh, chúng ta không thương xót gì chúng hết, còn bây giờ thì có thể thương hại chúng. Chúng cũng là người. Có phải thế không anh em?

Ông đưa mắt nhìn quanh, và trong những khóe mắt chăm chú, băn khoăn và kính cẩn hướng vào ông, Kutuzov đọc thấy sự đồng cảm với những lời ông vừa nói: mặt ông mỗi lúc một bừng sáng lên trong một nụ cười hiền lành của người già cả, bên khóe mi và bên mép hiện những nếp nhăn hình rẻ quạt. Ông im lặng một lúc và cúi đầu xuống như có vẻ băn khoăn.

- Nhưng nói cho phải, ai khiến chúng đến đất chúng ta? Đáng đời quân chó đẻ, đ... mẹ chúng nó... – ông bỗng ngẩng đầu lên nói. Rồi khua roi ngựa một cái, lần đầu tiên trong suốt chiến dịch, ông cho ngựa phi nước đại rời khỏi những đội ngũ rối loạn hẳn đi của những quân lính đang vui sướng cười rộ lên và reo hò "ura".

Có lẽ những lời Kutuzov nói quan quân lính cũng chẳng hiểu gì mấy. Chắc không ai có thể truyền đạt lại nội dung những lời lẽ lúc đầu thì long trọng mà về cuối thì xuề xòa của vị thống soái già; nhưng ý nghĩa rất sâu kín của những lời đó thì không những họ hiểu, mà ngay cả cái cảm xúc đắc thắng trang trọng kết hợp với lòng thương xót kẻ thù và ý thức về chính nghĩa của mình, biểu hiện ra bằng câu chửi chất phác của ông già, – ngay cả cái cảm xúc đó cũng ở trong lòng mỗi người lính và được biểu lộ ra bằng tiếng reo hò vui sướng kéo dài một hồi lâu. Sau đó, khi một viên tướng hỏi xem vị tổng tư lệnh có cần gọi xe ngựa đến không, Kutuzov trong khi trả lời bỗng nấc lên một tiếng: chắc là ông đang xúc động mạnh.

VII

Ngày mồng tám tháng mười một, ngày cuối cùng của các chiến sự ở Kraxnoye, khi quân đội đến nơi nghỉ đêm thì trời đã sẩm tối. Suốt ngày hôm ấy trời lặng gió và giá lạnh, tuyết buông từng bông nhẹ thưa thớt; đến tối trời bắt đầu quang. Qua các bông tuyết có thể thấy bầu trời màu tím thẫm đầy sao, và khí trời mỗi lúc một thêm giá lạnh.

Trung đoàn xạ thủ, ra đi từ Tarutino với quân số ba nghìn nhưng nay chỉ còn chín trăm, là một trong những đơn vị đầu tiên đến chỗ trú quân đã định, trong một cái làng trên đường cái lớn. Những người tiền trạm ra đón trung đoàn cho biết rằng bao nhiêu nhà dân đều chật ních những lính Pháp ốm hoặc đã chết, những kỵ binh hoặc những bộ tham mưu. Chỉ tìm được một ngôi nhà cho trung đoàn trưởng.

Trung đoàn trưởng cưỡi ngựa về ngôi nhà dành cho mình. Trung đoàn kéo qua làng và dừng lại gần những ngôi nhà cuối cùng cạnh đường cái, xếp súng lại thành từng cụm.

Như một con vật khổng lồ rất nhiều tay, trung đoàn bắt tay vào lo việc xếp đặt chỗ ăn chỗ ở. Một số binh sĩ phân tán vào khu rừng bạch dương ở bên phải làng, lội trong lớp tuyết dày ngập đến đầu gối, và chỉ một lát sau trong rừng đã nghe tiếng rìu bổ, tiếng dao phạt, tiếng củi khô gãy răng rắc và tiếng nói cười vui vẻ, một số khác đi lại quanh chỗ xe tải và ngựa của trung đoàn xếp thành một khóm làm trung tâm cho doanh trại; họ đi lấy nồi, lấy bánh mè kho và cho ngựa ăn cỏ, một số nữa thì tản vào trong làng dọn chỗ cho sĩ quan tham mưu, đem những thây lính Pháp trong các nhà ra ngoài, kiếm những tấm ván, những bó củi khô và rút rơm

ra ở các mái nhà để nhen lửa, rút hàng rào mắt cáo để làm nơi trú ẩn.

Chừng mười lăm người lính ở phía sau các nhà gỗ ở cuối làng vừa reo hò vui vẻ vừa lay tấm phên đan của một cái nhà kho đã rút mất mái.

– Nào nào, đều tay nhé, dô ta nào! – Họ reo hò, và tấm phên to tướng lấm tấm bụi tuyết lung lay làm những mảnh băng bám trên phên óng ánh lên trong đêm tối. Những cái cọc ở chân phên kêu răng rắc mỗi lúc một dồn dập và cuối cùng tấm phên đổ sập xuống đất cùng với những người lính đang xô vào nó. Có tiếng cười rộ lên và tiếng reo hò vui vẻ...

– Bưng lên! Hai người một! Đem cái đòn lại đây! Thế thế. Này chui đi đâu thế hả?

– Đều tay nào, đều tay nhé... Khoan đã các cậu!... Nghe hiệu lệnh đây!

Ai nấy đều im lặng, và một giọng người êm như nhung cất lên, hát khe khẽ một bài. Vào cuối đoạn thứ ba, đúng vào lúc âm thanh cuối cùng vừa tắt, hai mươi người cùng hò lên một lúc: "Do ta! Được rồi! Đều tay nhé! Lên nào!...", nhưng mặc dù họ đã ra sức kéo đều tay, tấm vách cũng chẳng nhúc nhích được bao nhiêu, và trong phút im lặng tiếp theo có thể nghe rõ tiếng thở nặng nhọc.

– Ê, đại đội sáu! Cái lũ ma quỷ kia! Lại đỡ một tay nào... rồi chúng tớ đền công cho.

Chừng hai mươi người thuộc đại đội sáu đang đi vào làng đều nhập bọn với những người đang kéo, và tấm phên, dài đến năm xa-gien và rộng khoảng một xa-gien, cong lên, đè suốt cả vai những người lính đang thở hổn hển, bắt đầu tiến trên con đường làng.

– Đi đi chứ... Đẩy mạnh đi nào... Sao lại đứng ỳ ra đấy? Thế, thế...

Những tiếng chửi rủa tục tằn và vui vẻ vang lên không ngớt.

– Bọn bay làm cái gì thế? – bỗng nghe tiếng quát hách dịch của một viên hạ sĩ quan đang chạy về phía những người khiêng ván.

– Các ngài chỉ huy đang ở đây: có cả quan[1] tướng ở trong nhà ấy, thế mà chúng bay, đồ quỷ sứ... đồ chết tiệt, ông cho chúng bay... – viên hạ sĩ quan quát và dang tay đấm vào lưng người lính gần nhất – khe khẽ một tí không được à?

Tốp lính im bặt. Người lính vừa bị đánh đứng thẳng dậy, vừa rên hừ hừ vừa quệt máu trên khuôn mặt bị sớt vì va phải tấm phên.

– Lão đánh khỏe thật, đồ quỷ! Làm mình chảy cả máu mặt, – anh ta rụt rè nói khe khẽ khi viên hạ sĩ quan đã bỏ đi.

– Cậu không thích à? – một giọng cười cợt hỏi và tốp lính có nói nhỏ bớt, tiếp tục kéo tấm phên đi. Ra khỏi làng, họ lại nó bô bô như cũ, luôn mồm văng ra những câu chửi vu vơ y như lúc nãy.

Trong ngôi nhà gần chỗ toán lính kéo phên qua, các vị chỉ huy cao cấp đang tụ tập và sau bữa dùng trà họ nói chuyện rôm rả về những việc xảy ra trong ngày vừa qua và về những cuộc hành quân dự định. Người ta đang bàn là sẽ tiến hành một cuộc chuyển quân dường chéo sang phía trái, cắt đứt đạo quân của phó vương và bắt sống ông ta.

Khi toán lính kéo tấm phên về đến nơi xung quanh đã tập trung nhiều bếp lửa. Củi nổ tí tách, tuyết tan quanh bếp lửa và những bóng binh sĩ đen ngòm đi lại đây đó khắp khoảng tuyết giải phẳng đánh dấu nơi đóng trại.

Khắp bốn phía, rìu và dao ráo riết hoạt động. Mọi việc đều tự phát tiến hành không cần mệnh lệnh gì cả. Họ đi kiếm củi để dành đốt suốt đêm, dựng lều cho các vị chỉ huy, đun nấu, sắp xếp súng ống đạn dược.

1. Trong nguyên bản, chữ general (tướng quân) bị nói ra thành "anaral".

Tấm phên lớn do đại đội tám kéo về được dựng thành một hình bán nguyệt ở phía Bắc, họ đóng cọc chêm cho vững, và ở phía trước họ nhóm lên một bếp lửa. Trống điểm hiệu lệnh thu quân, các đơn vị kiểm điểm quân số, họ ăn bữa tối và quây quần chung quanh các bếp lửa để ngủ đêm – người chữa giầy, người hút thuốc, người đánh trần ra bắt rận.

VIII

Có thể tưởng tượng một hoàn cảnh sống gian khổ hầu như không thể tưởng tượng được của quân lính Nga lúc bấy giờ – không có ủng ấm, áo ấm, đầu dãi ở giữa trời, chân lê trên tuyết trong khi trời rét đến 10° dưới không, thậm chí lương thực cũng không đủ ăn và không phải bao giờ cũng theo kịp đoàn – có thể tưởng binh sĩ phải bày ra một cảnh tượng hết sức buồn bã và ảm đạm.

Nhưng thật ra chưa bao giờ, dù trong hoàn cảnh vật chất khả quan nhất cũng vậy, chưa bao giờ cảnh sinh hoạt của quân đội lại vui vẻ náo nhiệt đến thế. Sở dĩ như vậy là vì cứ mỗi ngày tất cả những ai bắt đầu ngã lòng hay suy yếu đều bị loại ra khỏi quân đội. Những ai yếu đuối về thể lực và tinh thần đều đã bị bỏ lại phía sau từ lâu, và bây giờ chỉ còn lại cái tinh hoa của quân đội về sức mạnh vật chất cũng như tinh thần.

Ở đại đội tám là nơi có mấy tấm phên, quân lính tụ tập đông đúc hơn cả. Hai viên hạ sĩ quan cũng đến ngồi với họ, và bếp lửa của họ cháy sáng hơn các bếp khác. Họ ra điều kiện là ai có mang củi đến mới được ngồi vào khoảng đất có tấm phên chắn gió bấc.

– Ê, Makeyev, mày làm sao rồi... đi đâu mất mặt thế hả? Hay chó sói nó xơi mất rồi? Mang củi về nhé – một người lính mặt đỏ, tóc hoe quát, mắt nheo nheo và chớp lia lịa vì cay khói, nhưng vẫn

không nhích xa đống lửa – Hay thôi mày đi đi, thằng quạ khoang, nhớ mang về ít củi, – anh ta nói với một người khác. Anh lính tóc hung này chẳng phải là ông cai ông đội gì, nhưng lại là người lính khỏe mạnh, và vì thế anh ta lên giọng sai bảo những người yếu hơn. Người lính gầy nhỏ có cãi mũi nhọn mà người ta vừa gọi là thằng quạ khoang, ngoan ngoãn tuân theo đứng dậy toan đi; nhưng vừa lúc ấy đã thấy bóng dáng thanh tú của một người lính trẻ tuổi bước vào vùng ánh sáng của đống lửa, tay ôm một bó củi.

– Mang lại đây. Tốt lắm!

Họ chẻ củi, chất thành đống, ghé mồm thổi và lấy áo khoác quạt cho to lửa lên. Ngọn lửa reo vù vù, củi nổ tí tách. Các binh sĩ nhích lại gần châm thuốc hút. Người lính trẻ tuổi, đẹp trai vừa mang củi về chùi hai tay vào vạt áo và bắt đầu nhanh nhẹn và khéo léo giẫm đôi chân rét cóng tại chỗ cho ấm.

– Ôi, mẹ ơi, sương lạnh, sương lạnh buông xuống người ta thù... – anh ta hát khe khẽ, cứ mỗi chữ lại như nấc lên một tiếng.

– Ê, đế giày cậu sắp đi đứt rồi kìa! – người lính tóc hoe kêu lên khi thấy đế giày anh kia lủng lẳng dưới chân – nhảy nhót mãi!

– Đúng đấy cậu ạ, – anh ta nói, đoạn ngồi xuống rút trong bạc đà ra một mảnh dạ xanh của Pháp và bắt đầu quấn vào chân – Hơ cho nó chín, – anh ta vừa nói thêm vừa giơ chân về phía lửa.

– Ít nữa họ sắp phát giày mới đấy. Nghe nói khi nào xong xuôi họ sẽ phát quân trang quân dụng mỗi người hai suất.

– Này, cái thằng Petrov chó chết ấy nó ở lại dọc đường rồi – một viên hạ sĩ quan nói.

– Tớ để ý hắn từ lâu rồi – một người khác trả lời.

– Ờ, lính tráng gì cái thứ ấy...

– Còn ở đại đội ba nghe nói hôm qua khi điểm số thiếu mất chín người.

– Thì cậu thử nghĩ xem, chân cóng thế này còn đi xa làm sao được?

– Này đừng có nói nhảm! – viên hạ sĩ quan nói.

– Hay mày cũng muốn học đòi hắn? – một người lính già nói với người vừa kêu chân cóng, giọng trách móc.

– Thế thì bác bảo sao? - người lính có cãi mũi nhọn biệt hiệu là quạ khoang, vụt đứng dậy ở phía bên kia đống lửa, nói the thé - Thằng béo thì hóa gầy, mà thằng gầy thì đi đứt. Như tôi đây chẳng hạn. Tôi chẳng còn chút sức lực nào nữa, – anh ta bỗng quay sang viên hạ sĩ quan, nói, giọng cương quyết, – ông cho tôi đi bệnh xá thôi, tôi ê ẩm cả người ra rồi; nếu không trước sau tôi cũng tụt lại dọc đường.

– Thôi được rồi, được rồi, – viên hạ sĩ quan điềm tĩnh nói.

Người lính nhỏ bé lặng thinh, và chuyện trò lại tiếp tục.

– Hôm nay bắt được nhiều lính Pháp quá; quả thật chẳng đứa nào còn lấy một đôi ủng cho ra hồn, chỉ gọi cho nó có vẻ thế chứ ủng iếc gì, – một người lính nói để mở đầu một câu chuyện khác.

– Bọn cô-dắc lột hết của chúng đấy. Khi dọn nhà cho đại tá nghỉ, họ vứt chúng ra ngoài. Trông đến thảm, các cậu ạ, – người lính giẫm chân lúc nãy nói – Khi xem lại thấy có một thằng còn sống, cậu có tin không, hắn cứ nói lúng ba lúng búng cái gì ấy.

– Mà chúng nó sạch thật đấy các cậu ạ, – người thứ nhất nói – Trắng lốp như bạch dương ấy, có nhiều tay trông bảnh lắm, cậu ạ, chắc là con nhà quý phái.

– Thế cậu tưởng sao? Bên ấy thuộc tầng lớp nào cũng phải đi lính.

– Mà chúng nó chẳng biết lấy một tiếng Nga nào – người lính giẫm chân nói, miệng mỉm cười ra vẻ băn khoăn. – Mình bảo hắn: "Mày theo vua nào?", thế là hắn nói xí xố một thôi. Người ngợm kỳ thật!

– Cái này mới lạ chứ, các cậu, – người vừa lấy làm lạ về nước da trắng trẻo của quân Pháp nói, – nông dân họ kể lại rằng ở Môjaixk khi thu dọn chiến trường, xác của chúng nằm ở đấy đến một tháng trời rồi, họ bảo thế. Chúng nằm đấy, trắng phau như tờ giấy, họ bảo thế, sạch bong, chả có tí mùi gì.

– Chắc vì trời lạnh chứ gì? – một người hỏi.

– Chà cậu thông minh nhỉ! Lạnh gì! Hồi ấy bức bỏ mẹ đi ấy chứ. Nếu lạnh thì xác của quân ta cũng chả thối. Đây họ bảo là hễ đến gần một xác lính ta, là thấy nhung nhúc những dòi. Thế là phải lấy khăn bịt mũi lại, họ bảo thế, rồi quay mặt đi mà kéo, không sao chịu được. Cái xác của chúng thì trắng phau như tờ giấy, họ bảo thế, chả có tí mùi gì.

Mọi người im lặng một lát.

– Chắc vì thức ăn đấy, – viên hạ sĩ quan nói, – bọn chúng ăn sang như ông lớn ấy.

Không ai cãi lại.

- Anh mu-gích ấy, cái anh ở Mojaixk nơi có đánh trận ấy mà, có nói là sau trận đánh nhau, họ đã huy động mười hai làng ra dọn trong hai mươi ngày mà vẫn chưa hết xác. Nghe nói chó sói...

– Ừ, trận ấy ghê lắm, – người lính già nói – Chỉ có trận ấy mới đáng nhớ, còn về sau thì... chỉ khổ là khổ thôi.

– Đúng đấy bác ạ. Hôm kia chúng tôi vừa gặp chúng, nhưng chúng có để cho mình lại gần đâu: Chưa chi đã vứt cả súng. Quỳ cả xuống. Pắc-đông[1], chúng nó nói thế. Lính tráng thế đấy, chỉ làm vì thôi mà. Nghe nói ông Platov đã hai lần bắt được thằng cha Polion[2] ấy nhưng ông ta không biết cách. Ông ta bắt một cái, thế là hắn biến thành con chim bay mất tăm. Mà cũng chả có cách gì giết được hắn.

1. Xin lỗi.
2. Ý muốn nói Napôleông.

– Chà, xem ra cậu nói láo cừ thật đấy Kixeliev ạ.

– Nói láo là thế nào? Thật mười mươi đấy.

– Phải tay tớ thì bắt được một cái là tớ chôn ngay xuống đất xong cắm một cái cọc gỗ phong vào. Hắn đã làm cho bao nhiêu người chết.

– Đằng nào rồi hắn cũng hết đời thôi, – người lính già vừa ngáp vừa nói.

Câu chuyện bị bỏ lửng, các binh sĩ bắt đầu dọn chỗ ngủ.

– Cậu nhìn sao kìa, sáng lạ lùng! Các bà nhà ta căng vải lên trời đây. – Một người lính vừa ngắm dải Ngân hà vừa nói.

– Điềm được mùa đấy các cậu ạ. – Phải kiếm ít củi nữa mới đủ.

– Lưng thì ấm mà bụng thì lạnh buốt. Lạ thật!

– Ô, lạy Chúa!

– Sao lại cứ ẩy người ta thế, lửa đốt riêng cho mình cậu sưởi hẳn? Xem này... nằm ềnh ra.

Trong khoảng im lặng kế theo nghe có tiếng mấy người ngáy khò khò: những người chưa ngủ trăn trở nằm lại cho ấm, thỉnh thoảng to nhỏ mấy câu. Từ một bếp lửa xa xa cách đấy chừng trăm bước vẳng lại tiếng cười vui vẻ.

– Cậu có nghe thấy không, dân đại đội năm đang cười, – một người lính nói, – Bên ấy sao đông thế nhỉ!

Một người lính đứng dậy đi sang đại đội năm rồi trở về nói:

– Bọn họ nói vui ra phết. Có hai thằng Pháp mới đến bên ấy. Một thằng cóng gần chết, còn thằng kia thì lém lắm! Hắn đang hát.

– Thế à? Thử sang xem xem – Mấy người lính đi về phía đại đội năm.

IX

Đại đội năm hạ trại ngay ở ven rừng. Một đống lửa to tướng cháy rừng rực giữa tuyết, hắt ánh sáng lên các cành cây nặng trĩu sương giá.

Vào khoảng nửa đêm, binh sĩ đại đội năm nghe trong rừng có tiếng chân bước và tiếng cành khô gẫy răng rắc.

– Gấu, các cậu ạ – một người lính nói.

Mọi người đều ngẩng đầu lên nghe ngóng, và từ khu rừng thấy có hai bóng người ăn mặc kỳ dị, dìu nhau bước vào vùng ánh sáng rực rỡ của bếp lửa trại.

Đó là hai tên Pháp trốn trong rừng. Họ vừa đến gần bếp lửa vừa cất cái giọng khàn khàn nói với nhau bằng một thứ tiếng mà đám binh sĩ không hiểu. Một người đội mũ sĩ quan, cao hơn người kia một chút, và có vẻ đã hoàn toàn kiệt sức. Bên cạnh bếp lửa, hắn muốn ngồi xuống nhưng lại ngã lăn ra đất. Người kia là một người lính thấp lùn đầu trùm khăn vuông, trông khỏe hơn người kia. Hắn đỡ bạn dậy, rồi chỉ vào mặt nói một câu gì chẳng ai hiểu. Binh sĩ xúm quanh hai người Pháp, trải một chiếc áo khoác ra cho người ốm nằm và đem cháo, vốt-ka ra cho họ.

Viên sĩ quan Pháp yếu là Rambai, người lính trùm khăm là Morel, cần vụ của hắn.

Khi đã uống hết chỗ vốt-ka và ăn hết một bát cháo, Morel bỗng vui lên một cách bệnh tật và bắt đầu nói luôn mồm, binh sĩ chẳng ai hiểu gì sất. Rambal không ăn được, lặng thinh chống khuỷu tay nằm cạnh đống lửa, hai mắt đỏ ngầu đờ đẫn nhìn các binh sĩ Nga, chốc chốc lại rên một tiếng kéo dài rồi lại im lặng. Morel chỉ vào vai hắn, ra hiệu rằng hắn là sĩ quan, và cần phải cho hắn sưởi. Một

sĩ quan Nga vừa đến cạnh đống lửa cho người đi hỏi đại tá xem ông có thể cho viên sĩ quan Pháp vào nhà sưởi được không, một lát sau người được phái đi trở về và nói rằng đại tá bảo cho dẫn viên sĩ quan vào. Họ bảo Rambal đi. Hắn đứng dậy và đã toan bước đi thì loạng choạng suýt ngã, may có người lính đứng cạnh đỡ hắn.

– Sao? Chừa thôi chứ? – một người lính nháy mắt ngạo nghễ nói với Rambal.

– Ê đồ ngu! Nói nhảm gì thế! Đồ nhà quê, thật là đồ nhà quê! – bốn phía có tiếng nhao nhao trách mắng người lính vừa nói đùa.

Họ quây lấy Rambal, hai người bắt chéo tay nhau nhấc Rambal lên và khiêng hắn vào nhà. Rambal ôm choàng lấy cổ hai người lính và khi họ khiêng hắn đi, hắn cất giọng thảm thiết nói.

– *Ôi, các bạn ơi, các bạn của tôi tốt quá, các bạn tốt quá! Như thế mới thật là người! Ôi, các bạn của tôi tốt quá, tốt quá*[1].

Rồi như con nít, Rambal tựa đầu vào vai một trong hai người lính đang khiêng hắn.

Trong khi đó Morel ngồi vào chỗ rồi hát, các binh sĩ quây quần xung quanh.

Morel là một người lính Pháp thấp lùn, đôi mắt sưng húp, nước mắt giàn giụa, một chiếc khăn vuông trùm đầu, mình mặc một chiếc áo khoác đàn bà. Hình như đã say khướt, hắn dang cánh tay ôm quàng lấy người lính ngồi cạnh, cất cái giọng khàn khàn và đứt quãng hát một bài hát Pháp, binh sĩ nhìn hắn, bấm bụng nhịn cười.

– Này, này, dạy tớ bài hát với nhé, thế nào nào? Tớ sẽ chộp được ngay cho mà xem. Thế nào nào?... - người lính bị Morel ôm quàng nói – anh ta vốn là một tay rất hay hát và hay đùa.

---

1. *Oh, mes braves, oh, mes bons mes bom amis! Voilà des hommanes! oh mes braves, mes bons amis.*

Vive Henri quatre

Vive ce roi vaillant![1]

Morel vừa nháy mắt vừa hát.

Ce diable à quatre...

– Vivarka! Vifxeruvaru! Xicđyablika... – người lính vừa huơ cánh tay vừa lặp lại. Quả nhiên anh ta đã thuộc được điệu hát.

– Chà, tài thật! Hô-hô-hô-hô!... - một tiếng cười vui vẻ, thô lỗ vang lên bốn phía. Morel cũng cười, nhăn cả mặt lại.

– Nào, hát nữa đi, nữa đi!

Qui est le triple talent

De boire de battre

Et d'être un vert galant...

– Nghe cũng hay ra phết. Nào, nào, Zaletaiev!

– Kiu... - Zaletaiev khó nhọc lắp lại – Ki-uy-uy – ... – anh ta cố gắng chúm môi phát âm kéo dài ra. – Letriptala đê bu đê baê đêtravagala, – anh ta hát.

– Chà hay quá! Đúng là một thằng Pháp! Ô... hô-hô-hô-hô-hô! Nào, có muốn ăn nữa không?

– Cho hắn ít cháo nữa, đói meo như thế thì phải ăn nữa vào mới no.

Họ lại múc cháo cho Morel, và hắn vừa cười vừa tấn công vào chiếc cà-mèn cháo thứ ba. Trên gương mặt những người lính trẻ đang nhìn Morel đều nở một nụ cười vui sướng. Những người lính già, cho rằng bận tâm đến những trò vớ vẩn như vậy là không đứng đắn, nên cứ nằm yên ở bên kia đống lửa, nhưng thỉnh thoảng lại chống khuỷu tay nhổm lên, mỉm cười nhìn Morel.

1. Vua Angri IV muôn năm, nhà vua dũng cảm ấy muôn năm! thật là một tay cừ khôi, có ba tài năng, là uống rượu, đánh nhau và lịch thiệp với phụ nữ (Dân ca Pháp).

– Chúng cũng là người như ta cả, – một người lính già vừa nói vừa cuộn mình trong chiếc áo khoác – Cây cỏ đắng cũng biết đâm rễ chứ.

– Ô lô! Lạy chúa, lạy Chúa! Sao đâu mà lắm thế? Sắp già đến nơi rồi... – Và mọi vật chìm trong im lặng.

Các vì sao, dường như cũng biết rằng bây giờ chẳng có ai nhìn mình, thi nhau lấp lánh trên nền trời đen xẫm. Khi sáng bừng lên, khi tắt ngấm, khi lung linh run rẩy, chúng nô nức thì thầm với nhau một chuyện gì vui vẻ nhưng huyền bí.

X

Quân đội Pháp cứ tuần tự tan rã theo một cấp số toán học đều đặn. Và cuộc hành quân qua sóng Berezina mà người ta đã bàn rất nhiều trong các sách vở, chẳng qua chỉ là một trong những cái mốc chuyển tiếp trong quá trình tiêu diệt của quân đội Pháp, chứ tuyệt nhiên không phải là một giai đoạn quyết định của chiến dịch. Sở dĩ trước kia cũng như hiện nay người ta viết nhiều về trận Berezina như vậy, nếu xét về phía người Pháp, chẳng qua là vì trên cầu Berezina sụp đổ, những tai ương mà quân Pháp đã lần lượt chịu đựng bấy lâu nay bỗng dồn vào một lúc làm thành một cảnh tượng thảm khốc khắc sâu vào trí nhớ người ta. Còn về phía người Nga thì sở dĩ người ta nói và viết về Berezina nhiều như vậy cũng chỉ vì cách xa nơi diễn ra chiến sự, ở Pêterburg, người ta đã vạch ra một kế hoạch (chính phủ là người đề xướng) bắt sống Napôleông trong một cuộc phục kích chiến lược trên sông Berezina. Ai nấy đều tin chắc rằng mọi việc trong thực tế sẽ xảy ra đúng như trong kế hoạch, cho nên họ đều một mực nói rằng chính cuộc chuyển quân qua sông Berezine đã đưa quân Pháp đến diệt vong. Nhưng thật ra

những hậu quả của cuộc vượt sông này, về số đại bác và quân lính bị bắt còn ít tai hại hơn trận Kraxnoye, như những con số thống kê đã cho thấy.

Ý nghĩa duy nhất của cuộc vượt sông Berezina là ở chỗ cuộc hành quân ấy chứng tỏ một cách hiển nhiên và không còn nghi ngờ gì được nữa rằng tất cả những kế hoạch nhằm cắt đứt quân địch đều sai lầm và cách hành động do Kutuzov yêu cầu – chỉ theo sau quân địch – là cách hành quân duy nhất có thể thực hiện được vì duy nhất đúng. Đám quân Pháp bỏ chạy với một tốc độ tăng lên không ngừng, bao nhiêu tinh lực của chúng đều hướng vào việc đạt đến mục tiêu. Quân Pháp chạy như một con thú bị thương, và nó không thể dừng lại ở giữa đường được. Chứng tỏ điều đó rõ ràng hơn cả không phải là việc tổ chức qua sông mà là cách di chuyển trên các cầu. Khi mấy cái cầu sập, những người lính mất vũ khí, những người dân Maxkva, những người đàn bà có con mọn ngồi trên các xe tải của Pháp, tất cả, do ảnh hưởng của quán tính, đều không chịu hàng mà lại ùa xuống thuyền, xuống nước.

Xu hướng ấy là hợp lý. Tình cảnh của kẻ chạy trốn cũng như người đuổi theo đều gian khổ như nhau. Ở lại với quân mình, mỗi người trong cơn hoạn nạn đều hy vọng vào sự giúp đỡ của đồng đội, vào cái vị trí nhất định của mình trong quân ngũ. Còn nếu đầu hàng quân Nga, thì tình cảnh vẫn bi đát như thế, nhưng mình thì lại bị đưa xuống ngạch thấp nhất về mặt thỏa mãn những nhu cầu sinh hoạt. Binh sĩ Pháp cần phải có những tài liệu đích xác mới biết rằng trong số tù binh mà quân Nga chẳng biết xử trí ra sao thì một nửa đã chết đói và chết rét mặc dầu quân Nga rất muốn cứu vớt họ; lính Pháp, cảm thấy không thể nào khác được. Những viên chỉ huy Nga có lòng thương người nhất hoặc ưa thích người Pháp nhất, và ngay cả những người Pháp tòng sự Nga hoàng nữa, cũng đều không thể làm gì để giúp đỡ tù binh cả. Chính cái tình cảnh bi đát của quân đội Nga đã hãm hại tù binh Pháp. Không thể nào

tước bớt bánh mì và áo của những binh sĩ đói khổ mà người ta đang cần để cấp cho những tù binh Pháp bấy giờ không còn nguy hiểm gì nữa, cũng không ai thù ghét, cũng chẳng có tội gì, nhưng vẫn là những con người vô dụng. Cũng có đôi người làm như vậy; nhưng đó chỉ là ngoại lệ.

Sau lưng là cái chết chắc chắn; phía trước là hy vọng. Chiến thuyền đã bị tiêu hủy[1]; không còn có lối thoát nào ngoài cách cùng nhau chạy trốn, và tất cả tàn lực của quân Pháp đều tập trung vào việc cùng nhau chạy trốn.

Quân Pháp càng chạy thì tàn quân của họ càng thảm hại, nhất là sau Berezina là trận mà kế hoạch Pêterburg đã khiến cho người ta đặc biệt hy vọng, và các tướng tá Nga lại càng hằn học đổ lỗi cho nhau, nhất là đổ lỗi cho Kutuzov. Họ cho rằng người ta sẽ bắt Kutuzov chịu trách nhiệm về sự thất bại ở Berezina cho nên sự bất mãn, khinh miệt và thái độ nhạo báng đối với ông càng ngày càng lộ rõ. Thái độ nhạo báng và khinh miệt ấy dĩ nhiên là biểu lộ ra dưới một hình thức kính cẩn, một hình thức khiến cho Kutuzov cũng không thể hỏi xem họ buộc cho ông tội gì và nhân việc gì mà buộc tội. Người ta nói rằng với Kutuzov một cách không nghiêm túc; khi báo cáo hoặc xin phép ông một việc gì, họ làm ra vẻ như đang thi hành một nghi thức rầu rĩ, còn sau lưng ông thì họ nháy nhau và lúc nào cũng cố tìm cách lừa ông.

Tất cả những con người ấy, chính họ vì không hiểu ông, đều công nhận với nhau rằng chẳng việc gì phải bàn bạc với cái lão già ấy, rằng không bao giờ ông ta hiểu biết được cái sâu sắc của những kế hoạch họ vạch ra, rằng ông sẽ trả lời những câu đã nhàm tai (họ tưởng đó chỉ là những câu nói rỗng tuếch) về cái cầu bằng vàng, về việc không thể nào vượt biên giới với một lũ thân tàn ma dại v.v... Những câu đó họ đều đã được nghe ông nói. Và tất cả những điều

1. Thành ngữ "tiêu hủy chiến thuyền" có nghĩa là đánh nước cờ liều nếu không thành thì không còn lối thoát nào nữa.

Kutuzov nói ra: chẳng hạn như cần phải đợi tiếp tế, quân lính không có giày, tất cả những điều đó đều đơn giản, còn tất cả những điều họ đề nghị đều phức tạp và thông minh đến nỗi họ thấy rõ như ban ngày rằng Kutuzov ngu ngốc và lẩm cẩm, còn họ thì lại là những danh tướng thiên tài nhưng không có quyền hành.

Đặc biệt sau khi Vitghenstain, một đô đốc hải quân xuất sắc và là vị anh hùng của Pêterburg, bắt liên lạc với quân đội, tâm trạng kinh miệt và những chuyện ngồi lê đôi mách ở bộ tham mưu lại càng gay gắt hơn bao giờ hết. Kutuzov thấy thế chỉ thở dài và so vai. Duy có một lần, sau vụ Berezina, ông nổi giận lên viết thư cho Bennigxen, người vẫn báo cáo riêng với hoàng thượng, như sau:

"Xét tình trạng sức khỏe của Quan lớn, nay xin Quan lớn vui lòng đi Kaluga nhận được thư này. Ở đấy Quan lớn sẽ đợi lệnh của Hoàng thượng bổ nhiệm công vụ mới".

Nhưng sau khi Bennigxen bị huyền chức, đại công tước Konxtantin Pavlovits, người đã tham gia giai đoạn đầu của chiến dịch và đã bị Kutuzov gạt ra ngoài, lại trở lại quân đội. Bây giờ đại công tước cho Kutuzov hay rằng Hoàng đế bất bình về những thắng lợi xoàng xĩnh và cách di chuyển chậm chạp của quân ta. Hoàng đế có ý định nay mai sẽ thân hành đến quân doanh.

Kutuzov, con người già cả đã giàu kinh nghiệm trong triều đình cũng như trong việc quân, con người đã được chọn làm tổng tư lệnh trái với ý muốn của nhà vua vào tháng tám năm ấy, đã gạt thái tử ra khỏi quân đội, đã dùng quyền quyết định bỏ Maxkva trái với ý muốn nhà vua, – con người ấy bây giờ hiểu ngay rằng mình đã hết thời, rằng vai trò của mình đã kết thúc và cái hư quyền của mình cũng không còn nữa. Vả chăng ông ta hiểu điều đó không phải chỉ về phương diện triều thần. Một mặt ông thấy rằng chiến sự – trong đó ông có một vai trò riêng – đã chấm dứt, và cảm thấy sứ mệnh của mình đã làm tròn. Mặt khác cái thân hình già

nua của ông cũng bắt đầu thấy mệt mỏi về thể xác và cần phải được nghỉ ngơi.

Ngày hai mươi chín tháng mười một Kutuzov đi Vilna – thành Vilna tốt lành của ông, như ông thường nói. Trong cuộc đời làm quan, Kutuzov đã hai lần giữ chức tổng đốc Vilna. Trong thành phố Vilna trù phú vẫn còn nguyên vẹn, ngoài những tiện nghi sinh hoạt mà bấy lâu nay ông phải chịu thiếu thốn, Kutuzov còn tìm thấy lại những người bạn cũ và những kỷ niệm xưa. Và, đột nhiên quay lưng lại với những nỗi lo âu về quân sự và triều chính, ông buông mình vào cuộc sống bình lặng, quen thuộc, trong chừng mực những dục vọng sôi sục ở xung quanh để cho ông yên, dường như tất cả những việc gì đang diễn ra và sắp diễn ra trên đài lịch sử chẳng còn dính dáng gì đến ông nữa.

Tsitsigov, một trong những người say sưa nhất chủ trương cắt đứt và đánh bật quân địch, Tsitsigov, người đã từng muốn tiến hành những công cuộc biệt kích lúc đầu thì sang Hy Lạp, sau thì sang Varsava, nhưng nhất định không chịu đến nơi mình được lệnh đến, Tsitsigov, người đã có tiếng là dám nói năng mạnh dạn với hoàng đế, Tsitsigov, người vẫn xem Kutuzov như kẻ chịu ơn mình vì năm 1811, khi ông ta được phái sang ký hòa ước với Thổ Nhĩ Kỳ bên cạnh Kutuzov, và nghe tin hòa ước đã ký kết xong xuôi, ông đã thừa nhận trước mặt hoàng đế rằng việc ký kết này là công lao của Kutuzov; chính cái ông Tsitsigov ấy là người đầu tiên ra đón Kutuzov ở Vilna, trước tòa lâu đài mà Kutuzov sẽ ghé lại. Tsitsigov mặc quân phục hải quân đô đốc, đoản kiếm đeo bên sườn, mũ lưỡi trai cắp nách, trao cho Kutuzov bản báo cáo nghi thức và chùm chìa khóa của thành phố. Cái thái độ kính cẩn đầy ý khinh miệt của bọn tướng tá trẻ tuổi đối với ông già lẩm cẩm được phản ánh trọn vẹn trong thái độ của Tsitsigov, là người đã biết rõ những lời buộc tội Kutuzov.

Trong khi nói chuyện với Tsitsiogov, Kutuzov có nói rằng những

cỗ xe chở đĩa bát của ông ta bị cướp ở Borixovo vẫn còn nguyên và sẽ được trao trả cho chủ nhân. Tsitsigov đỏ mặt nói:

– *Ý ngài nói rằng tôi chẳng còn đĩa mà dọn ăn... Trái lại tôi có thể cung cấp cho ngài đầy đủ, dù khi ngài có muốn mở tiệc cũng vậy*[1] – mỗi chữ của Tsitsigov nói ra đều có ý nhằm chứng minh rằng ông ta phải, cho nên Tsitsigov tưởng Kutuzov cũng có ý như vậy. Kutuzov mỉm cười, nụ cười tế nhị, thâm thúy của ông, rồi rún vai đáp:

– *Ý tôi chỉ muốn nói những điều tôi vừa nói với ông thôi*[2].

Ở Vilna Kutuzov, trái với ý muốn của hoàng đế đã cho đại quân dừng lại. Như những người thân cận Kutuzov vẫn nói, ông đã suy yếu rất nhiều và sức khoẻ sút hẳn trong thời gian ở lại Vilna. Ông miễn cưỡng lo những công việc trong quân đội, việc gì cũng giao cho các thuộc tướng làm thay và, trong khi chờ đợi hoàng đế, ông sống một cách phóng túng.

Nhà vua cùng với đoàn tùy giá gồm bá tướng Tôlxtoi, công tướng Volkonxki, Arakrseyev v.v... từ Pererburg ra đi ngày mồng bẩy tháng chạp, và đến ngày mười một thì đến Vilna. Chiếc xe trượt tuyết đi đường trường của nhà vua đến thẳng tòa lâu đài. Trước tòa lâu đài mặc dầu trời giá căm căm, có chừng một trăm viên tướng và sĩ quan tham mưu mặc đại quân phục và đội vệ binh danh dự của trung đoàn Xemenovxki.

Viên sĩ quan liên lạc phóng chiếc xe trượt tuyết thắng ba con ngựa ướt đẫm mồ hôi đến báo: "Ngài ngự!" Konovntxyn liền chạy vào tiền sảnh báo tin cho Kutuzov bấy giờ đang ngồi đợi trong phòng nhỏ của người gác cổng.

Một phút sau, bóng dáng to béo của vị tướng già, mình mặc

1. C'est pour me dire que jen'ai pas rur quoi manger... Je puis au contraire vous fournir de tout dans le cas même où vous coudriez donnez des diners.

2. Ce n'est que pour vous dire ce que je vous dis.

đại quân phục ngày lễ, bao nhiên huân chương đều đeo hết lên ngực, bụng thắt chiếc đai thao, khệnh khạng bước ra thềm. Kutuzov đội mũ thăng bằng, tay cầm găng, khó nhọc nghiêng người sang một bên bước xuống các bậc thềm và cầm lấy bản báo cáo nghi thức đã chuẩn bị sẵn để trao cho hoàng đế.

Các tướng tá chạy đi chạy lại, nói thì thầm, thêm một chiếc xe tam mã lao vụt qua, vài mắt mọi người đều đổ dồn vào cỗ xe trượt tuyết đang lao tới; trên xe đã thấy rõ bóng dáng hoàng đế và Volkonxki.

Tất cả những điều đó, do một thói quen cũ hàng năm mươi năm nay, khiến vị tướng già bồi hồi xúc động, ông hấp tấp sờ nắn mình một cách lo lắng, sửa lại chiếc mũ và ngay khi nhà vua xuống xe và ngước mắt lên nhìn ông, Kutuzov rướn thẳng người đứng nghiêm trao bản báo cáo rồi cất tiếng nói thong thả và lễ độ.

Nhà vua đưa mắt rất nhanh nhìn Kutuzov từ đầu đến chân, cau mày trong giây lát, nhưng rồi tự chủ được ngay, đến gần và dang tay ra ôm lấy vị tướng già. Một lần nữa, do một ấn tượng quen thuộc và do một ý nghĩ thầm kín của ông, cử chỉ này của nhà vua lại tác động đến Kutuzov như thường lệ: ông khóc nấc lên một tiếng.

Nhà vua chào hỏi các sĩ quan, đội vệ binh danh dự của trung đoàn Xemenovxki; bắt tay vị tướng già lần nữa rồi cùng ông ta đi vào lâu đài.

Ngồi lại một mình với vị nguyên soái, nhà vua nói rõ sự bất bình của mình đối với cuộc truy kích chậm chạp, đối với những lỗi lầm ở Kraxnoye và ở Berezina, rồi cho ông ta biết những ý định của mình về cuộc hành quân sau này ở nước ngoài. Kutuzov không phản bác hay nhận xét gì cả. Cái vẻ nhẫn nhục và đờ đẫn của ông bảy năm về trước khi đứng nghe lệnh hoàng đế trên chiến trường Auxterlitx nay lại hiện lên trên gương mặt ông.

Khi Kutuzov ra khỏi phòng làm việc và cúi đầu bước qua phòng lớn với dáng đi nặng nề, thân hình chúc về phía trước, có tiếng ai gọi ông dừng lại.

– Thưa điện hạ.

Kutuzov ngẩng đầu lên và nhìn vào mắt bá tước Tolxtôi hồi lâu; bây giờ bá tước đứng trước mặt ông, tay cầm một chiếc đĩa bạc trên có đặt một vật gì nho nhỏ. Kutuzov có vẻ như không hiểu người ta muốn gì mình.

Bỗng ông như chợt hiểu: một nụ cười hầu như không thể thấy được thoáng hiện trên gương mặt béo phị, và ông kính cẩn nghiêng mình cầm lấy cái vật nhỏ đặt trên đĩa. Đó là chiếc huân chương Gheorghi hạng nhất.

XI

Ngày hôm sau nguyên soái mở tiệc và vũ hội, được hoàng đế hạ cố tham dự. Kutuzov được thưởng huân chương Gheorghi hạng nhất; nhà vua tỏ ra hết sức trọng vọng ông; nhưng mọi người đều biết nhà vua bất bình với vị nguyên soái. Những nghi thức bề ngoài vẫn được giữ đúng lệ, và nhà vua là người nêu gương đầu trong việc đó; nhưng ai nấy đều biết rằng ông già có lỗi và đã trở thành vô dụng. Trong buổi vũ hội, khi Kutuzov theo một tục lệ cũ thời Ekatêrina, ra lệnh đem đặt các quân kỳ cướp được của giặc dưới chân hoàng đế khi ngài bước vào phòng khiêu vũ, nhà vua nhăn mặt tỏ vẻ khó chịu và nói câu gì trong đó có người nghe mấy tiếng "lão kép hát già".

Ở Vilna nỗi bất bình của nhà vua đối với Kutuzov càng tăng thêm, đặc biệt là vì Kutuzov hiển nhiên không chịu hiểu hoặc không thể hiểu nổi ý nghĩa của chiến dịch sắp tới.

Sáng hôm sau, khi nhà vua nói với các sĩ quan được triệu đến rằng: "Các vị đã cứu thoát không riêng gì nước Nga: các vị đã cứu thoát cả Châu Âu", thì mọi người ngay từ lúc ấy đều đã hiểu rằng cuộc chiến tranh chưa phải đã kết thúc.

Chỉ riêng một mình Kutuzov không muốn hiểu điều đó và công khai nói rằng một cuộc chiến tranh không thể cải thiện tình hình và làm tăng vinh quang của nước Nga, mà chỉ có thể làm cho tình hình sút kém đi và giảm bớt vinh quang của nước Nga hiện nay là lúc ông cho là đã lên đến tuyệt đỉnh. Ông ra sức chứng minh cho nhà vua thấy rõ rằng không thể nào tập hợp thêm được những binh lực mới; ông nói đến tình cảnh cơ cực của nhân dân, đến khả năng thất bại v.v...

Với một tâm trạng như vậy, lẽ tự nhiên vị nguyên soái chỉ có thể là một trở ngại kìm hãm cuộc chiến tranh sắp tới.

Để tránh xung đột với ông già, một lối thoát tự nó hiện ra cũng như ở Auxterlitx và như ở thời kỳ đầu chiến dịch với Barclay, là phải rút khỏi chân vị nguyên soái – không làm cho ông ta kinh động, không cho ông hay biết việc đó – cái bệ quyền hành mà ông ta đang đứng, và trao lại cho bản thân hoàng thượng.

Với mục đích ấy, người ta dần dần cải tổ bộ tham mưu, bao nhiêu thực quyền của bộ tham mưu Kutuzov đều bị thủ tiêu và chuyển vào tay nhà vua. Tol, Kononvnixyn, Yerolov được giao những công vụ khác. Mọi người đều lớn tiếng nói rằng vị nguyên soái nay đã suy yếu lắm lắm và tình trạng sức khỏe của ông rất đáng lo ngại.

Sức khỏe của ông phải suy sút như vậy thì mới có thể chuyển cương vị của ông cho người thế chân. Và quả nhiên sức khỏe của ông suy sút thật.

Trước đây, Kutuzov đã từ Thổ Nhĩ Kỳ đến Viện Tài chính ở Pêterburg trưng tập danh binh, rồi sau đó đến nhậm chức ở quân

đội, một cách tự nhiên, đơn giản và tuần tự, đúng vào lúc người ta cần đến ông, thì nay cũng vậy, khi vai trò của Kutuzov đã kết thúc, lại có một người mới, một người thích hợp, đến thay chân ông, cũng một cách tự nhiên, đơn giản và tuần tự như thế.

Chiến cuộc 1812, ngoài cái ý nghĩa của chiến tranh nhân dân vốn được lòng dân Nga nâng niu trìu mến, còn phải có một ý nghĩa khác nữa, ý nghĩa của một cuộc chiến tranh châu Âu.

Sau cuộc di chuyển của các dân tộc từ phương Tây sang phương Đông còn phải có một cuộc di chuyển của các dân tộc từ phương Đông sang phương Tây, và cuộc chiến tranh này cần có một nhân vật mới có những thuộc tính, quan điểm và động cơ khác Kutuzov.

Alekxandr đệ nhất, đối với việc di chuyển của các dân tộc từ phương Đông sang phương Tây và việc phục hồi lại biên giới các dân tộc, cũng cần thiết như Kutuzov cần thiết cho việc cứu sống và nêu cao vinh quang nước Nga.

Kutuzov không hiểu thế nào là châu Âu, là thế cân bằng, là Napôleông. Ông không thể hiểu những cái đó được. Người đại diện của nhân dân Nga, sau khi quân thù đã bị tiêu diệt, nước Nga đã được giải phóng và đưa lên đến tuyệt đỉnh của vinh quang, không còn việc gì để mà làm nữa. Người đại diện của chiến tranh nhân dân chỉ còn một việc chết nữa mà thôi. Cho nên ông đã chết.

XII

Pier, như thói thường vẫn thế, chỉ cảm thấy hết nỗi cơ cực của những cảnh thiếu thốn và cảnh sống tù hãm trong thời gian bị bắt khi những nỗi thiếu thốn và cảnh sống tù hãm ấy đã chấm dứt. Sau khi được giải thoát, chàng về Orel và ở đấy được hai ngày, trong khi đang sửa soạn đi Kiev, thì chàng lăn ra ốm và phải nằm

lại ở Orel ba tháng ròng; các bác sĩ nói rằng chàng bị bệnh sốt mệt. Mặc dầu các bác sĩ đã chạy chữa, trích huyết và cho chàng uống đủ các thứ thuốc, chàng vẫn cứ khỏi như thường.

Tất cả những việc đã xảy ra từ khi Pier được giải thoát cho đến khi chàng lâm bệnh đều không để lại một ấn tượng gì trong tâm trí chàng. Chàng chỉ nhớ tiết trời xám xịt, u ám, hết mưa lại tuyết dầm dề, nhớ cái cảm giác day dứt thể xác, cảm giác đau rát ở chân, ở cạnh sườn, chàng nhớ lại một ấn tượng chung bao quát những nỗi bất hạnh, những nỗi thống khổ của con người; chàng nhớ lại cái vẻ soi mói của những viên tướng, những sỹ quan hỏi cung chàng, cái vẻ soi mói đã khiến chàng lo sợ; chàng nhớ lại những khi chàng chạy vạy tìm xe và ngựa, và nhất là nhớ lại cái tình trạng mất khả năng tư duy và cảm giác của chàng trong thời gian ấy. Hôm được giải phóng, chàng đã trông thấy xác Petya Rôxtôv. Cùng ngày hôm ấy chàng được biết rằng sau trận Borođino công tước Anđrây còn sống thêm hơn một tháng nữa và mãi gần đây mới chết ở Yaroxlavl, trong nhà họ Rôxtôv. Cũng ngày hôm ấy Đenixov, sau khi cho Pier biết tin này, giữa chừng câu chuyện có nhắc đến cái chết của Elen, Đenixov tưởng Pier đã biết tin này từ lâu. Lúc bấy giờ Pier chỉ lấy làm lạ về tất cả những việc đó. Chàng cảm thấy mình không thể hiểu được ý nghĩa của những tin tức ấy. Lúc bấy giờ chàng chỉ nóng lòng mong sao chóng thoát khỏi những nơi người ta đang chém giết lẫn nhau, tìm lấy một nơi ẩn náu yên tĩnh để rồi định thần lại, nghỉ ngơi và suy nghĩ về tất cả những điều mới mẻ và kỳ lạ mà chàng đã được biết trong thời gian ấy. Nhưng vừa đến Orel chàng đã lăn ra ốm. Hồi tỉnh lại sau trận ốm, Pier thấy bên mình có hai người đầy tớ của chàng là Terenti và Vaxka từ Maxkva đến, và công tước tiểu thư Katerina - người chị cả trong ba cô nữ công tước kia ở nhà cha chàng. Thời gian gần đây cô tiểu thư trú ngụ ở Eletx, trong trang viên của Pier; nghe tin chàng ốm sau khi được giải phóng, cô ta đã lên Orel để săn sóc chàng.

Trong thời gian bình phục, dần dần Pier mới thoát khỏi những ấn tượng của mấy tháng gần đây đã trở thành quen thuộc đối với chàng, và mãi mới quen được với cái ý nghĩ là ngày mai chẳng có ai lùa chàng đi đâu cả, chẳng có ai tước mất chiếc giường ngủ ấm áp của chàng, và chắc chắn thế nào cũng có bữa ăn trưa, bữa dùng trà và bữa ăn tối. Nhưng trong một thời gian dài chàng vẫn còn chiêm bao thấy mình sống trong hoàn cảnh tù đày như cũ. Cũng dần dà Pier mới hiểu được những tin tức chàng được biết sau khi được giải phóng: cái chết của công tước Andrây, cái chết của vợ chàng, sự diệt vong của quân Pháp.

Cái cảm giác vui mừng khi thấy mình tự do – sự tự do toàn vẹn, bất khả xâm phạm, vốn có trong bản chất con người, mà chàng đã nhận thức được ở trạm nghỉ đêm đầu tiên từ Maxkva – cảm giác ấy tràn ngập lòng Pier trong thời gian dưỡng bệnh. Chàng ngạc nhiên nhận thấy sự tự do bên trong ấy, không lệ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài, nay dường như lại được chắp thêm một thứ tự do bên ngoài, như thêm một cái gì thừa thãi, xa hoa.

Chàng sống một mình, trong một thành phố xa lạ, không quen ai. Không ai đòi hỏi gì ở chàng cả; không ai bắt ép chàng đi đâu cả. Tất cả những gì chàng muốn có đều ở bên cạnh chàng; những ý nghĩ về vợ chàng xưa kia vẫn ám ảnh chàng không ngớt nay không còn nữa, vì nàng cũng không còn nữa.

– Ơ, thích thật! Khoái thật! – chàng tự nhủ những khi người nhà đẩy đến cạnh giường chiếc bàn phủ tấm khăn trắng tinh trên có đặt bát xúp thơm phức, những khi chàng nằm xuống chiếc giường sạch sẽ êm ái, hay những khi chàng chợt nhớ ra rằng nay vợ chàng và quân Pháp đều không còn nữa – Ồ, thích quá, khoái quá!

Và theo thói quen cũ chàng lại tự hỏi: "Nào, thế rồi sao? Ta sẽ làm gì?" Và lập tức, chàng lại tự trả lời: "Chả sao cả. Ta sẽ sống. Chà thích quá!".

Cái điều trước kia đã day dứt chàng, điều mà chàng đã hoài

công tìm kiếm – mục đích của cuộc đời – nay đối với chàng không còn tồn tại nữa. Không phải tình cờ, không phải chỉ trong giờ phút ấy cái mục đích kia mới không tồn tại đối với chàng; chàng cảm thấy cái mục đích ấy không làm gì có và không thể nào có được. Và chính cái tình trạng không có mục đích ấy đã đem lại cho chàng cái cảm giác tự do hoan hỉ đã là hạnh phúc của chàng trong thời gian ấy.

Chàng không thể có mục đích, vì bây giờ chàng có niềm tin, – không phải tin vào những quy tắc; những từ ngữ, hay những tư tưởng này nọ, mà tin vào một Thượng đế sinh động, luôn luôn cảm giác được. Trước kia chàng tìm Thượng đế trong những mục đích mà chàng tự đặt ra cho mình. Việc đi tìm mục đích ấy chẳng qua là đi tìm Thượng đế; và đột nhiên trong thời gian bị cầm tù chàng được biết, không phải bằng những từ ngữ, bằng suy luận, mà bằng cảm quan trực tiếp, cái điều mà u già của chàng đã nói với chàng từ lâu: Thượng đế ở đây, ở kia, ở khắp nơi. Trong khi bị cầm tù chàng đã được biết rằng đấng Thượng đế trong Karataiev còn vĩ đại, vô tận và khó hiểu thấu hơn cả đấng Kiến trúc sư của vũ trụ mà hội Tam điểm thừa nhận. Chàng có cái cảm giác của một con người chợt thấy vật mình đang tìm kiếm nằm ngay dưới chân, trong khi mình ra sức vận dụng nhãn lực nhìn thật xa. Suốt đời chàng đã nhìn ở đâu dâu, phía trên đầu những người xung quanh, nhưng thật ra việc cần làm không phải là vận dụng nhãn lực, mà chỉ là nhìn thẳng trước mặt mình.

Trước kia, chàng không biết nhìn thấy cái vĩ đại cái không thể hiểu thấu, cái vô cùng, dù là trong vật gì cũng thế. Chàng chỉ cảm thấy rằng chắc nó phải ở đâu đây, và chàng tìm nó. Trong những cái gì gần gũi, dễ hiểu, chàng chỉ thấy một cái gì hữu hạn, nhỏ nhặt, tầm thường vô nghĩa. Chàng tự vũ trang bằng một chiếc viễn kính tinh thần và nhìn ra xa, nơi mà cái nhỏ nhặt, tầm thường kia mờ đi trong khoảng không mù mịt, rồi tưởng chính cái đó là vĩ đại,

là vô cùng chỉ vì mình không trông được rõ. Chàng đã hình dung cuộc sinh hoạt Âu châu, chính trị, hội Tam điểm, triết học, lòng từ thiện như vậy đấy. Nhưng ngay những lúc ấy, những giờ phút mà chàng cho là mình yếu đuối, trí tuệ của chàng đã đi sâu vào cõi xa xăm ấy, và ở đấy chàng vẫn trông thấy những cái nhỏ nhặt, tầm thường, vô nghĩa kia. Còn bây giờ thì chàng dã biết được cách nhìn thấy cái vĩ đại, cái vĩnh viễn là cái vô cùng trong mọi vật, cho nên lẽ tự nhiên là để thấy nó, để hưởng thụ cái khoái cảm được chiêm ngưỡng nó, chàng đã vứt bỏ chiếc viễn kính mà trước nay chàng vẫn dùng để nhìn qua đầu những con người, và vui mừng ngắm cuộc sống không ngừng thay đổi, vĩnh viễn vĩ đại, không sao hiểu thấu và vô cùng vô tận đang diễn ra quanh chàng. Và càng nhìn gần bao nhiêu, chàng lại càng thấy yên tĩnh và sung sướng bấy nhiêu. Cái câu hỏi khủng khiếp trước kia đã làm sụp đổ tất cả những kiến trúc trí tuệ của chàng: "vì sao?" bây giờ không còn tồn tại đối với chàng nữa. Bây giờ trong lòng chàng bao giờ cũng có một câu trả lời đơn giản sẵn sàng đáp lại câu hỏi đó: vì có Thượng đế, Đấng Thượng đế mà nếu không phải do ý chí của Người thì không có một sợi tóc nào của chúng sinh có thể rơi xuống.

XIII

Pier hầu như không có gì thay đổi trong phong thái bên ngoài. Trông chàng vẫn hệt như xưa. Cũng như xưa, chàng thường đãng trí và có vẻ không chú ý tới những việc đang diễn ra trước mắt mà lại mải bận tâm về một điều gì riêng tư, đặc biệt. Có khác chăng là trước kia khi chàng quên những việc đang diễn ra trước mắt, quên những điều người ta đang nói với chàng, thì chàng cau trán lại một cách đau đớn, dường như đang cố sức mà không sao thấy rõ một cái gì cách chàng rất xa. Bây giờ chàng vẫn thường quên những điều

người ta nói với chàng, quên những việc đang diễn ra trước mắt, nhưng bây giờ, với một thoáng nụ cười dường như ngạo nghễ, chàng nhìn ngay vào những điều đang diễn ra trước mắt, lắng nghe những điều người ta đang nói với chàng, tuy có thể thấy rõ rằng chàng nhìn thấy và nghe thấy một điều gì khác hẳn. Trước kia, chàng có vẻ là một người tuy có hiền lành nhưng lại khổ sở; cho nên người ta bất giác xa lánh chàng. Bây giờ nụ cười vui sướng luôn luôn thấp thoáng trên môi chàng, và mắt chàng long lanh niềm đồng cảm với những người chung quanh, như có ý hỏi: họ có được sung sướng như chàng không? Và khi có mặt chàng người ta thấy dễ chịu.

Trước kia, chàng nói nhiều, khi nói thường nổi nóng lên và nghe rất ít; bây giờ chàng ít khi sôi nổi lên trong khi nói chuyện, chàng có một cách nghe chuyện làm cho người ta sẵn lòng thổ lộ với chàng những điều sâu kín nhất.

Nữ công tước Katerina xưa nay vốn chẳng ưa gì Pier và nhất là từ khi lão bá tước chết đi lại càng có ác cảm với chàng, vì thấy mình phải chịu ơn chàng; nhưng đến nay, sau khi đến Orel một thời gian ngắn với ý định tỏ rõ cho Pier biết rằng tuy chàng bạc nghĩa như vậy cô ta cũng vẫn thấy mình có nhiệm vụ săn sóc chàng, nữ công tước đã bực mình và ngạc nhiên nhận thấy mình mến chàng. Pier không hề làm gì để gây thiện cảm của nữ công tước. Chàng chỉ tò mò nhìn cô ta. Trước kia mỗi khi chàng nhìn cô ta, nữ công tước cảm thấy trong khóe mắt chàng chỉ có thờ ơ và chế giễu, và cũng như trước mặt những người khác, cô ta đã co rụt lại và chỉ đưa ra cái khía cạnh đối phó của mình; bây giờ thì ngược lại, nữ công tước cảm thấy dường như chàng tìm cách hiểu thấu những khía cạnh sâu kín nhất của tâm hồn cô ta; và, lúc đầu còn e ngại, rồi dần dần cảm khích, cô ta đã mở ra cho chàng những khía cạnh tốt đẹp ẩn kín trong tâm hồn mình.

Dù là người xảo quyệt đến đâu cũng không thể nào len lỏi vào lòng tin của nữ công tước một cách khéo léo như Pier. Chàng gợi

lại những kỷ niệm đẹp nhất trong thời niên thiếu của nữ công tước và tỏ lòng đồng cảm với cô. Nhưng thật ra tất cả cái khôn khéo của Pier chẳng qua là ở chỗ chàng chỉ muốn thỏa mãn ý thích của mình trong việc thức tỉnh những tình cảm tốt của con người ở cô nữ công tước chua chát, khô khan và kiêu hãnh theo một kiểu riêng ấy.

– Phải, anh ấy là một người tốt, rất tốt, khi nào không bị ảnh hưởng của những người xấu, mà chịu ảnh hưởng của những người như ta, – nữ công tước tự nhủ như vậy.

Sự thay đổi diễn ra trong Pier cũng được các gia nhân của chàng – Terenty và Vaxka, nhận thấy theo cách riêng của họ. Họ cho rằng chàng nay đã giản dị đi nhiều. Đêm đêm sau khi cởi áo cho chủ đi nằm và chúc ngủ ngon giấc, Terenty, tay cầm đôi ủng, chiếc áo, thường nấn ná lại một lúc chờ xem ông chủ có bắt chuyện không. Và phần lớn Pier đều giữ Tetenty lại mỗi khi thấy anh ta muốn nói chuyện.

– Này, anh thử kể tôi nghe... dạo ấy các anh làm cách nào kiếm được thức ăn? – chàng hỏi. Và Terenty bắt đầu kể chuyện về cảnh điêu linh của thành Maxka, về bá tước quá cố. Anh ta cầm chiếc áo đứng hồi lâu trong phòng Pier, kể chuyện cho chàng nghe hoặc đôi khi nghe chàng kể chuyện, rồi lui ra phòng ngoài với cảm giác dễ chịu thấy chàng gần gũi mình và thấy mình mến chàng như một người bạn.

Người thầy thuốc chữa bệnh cho Pier và ngày nào cũng đến thăm chàng, tuy tự thấy mình có nhiệm vụ làm ra vẻ như mỗi phút của mình đều quý giá cho nhân loại khổ đau – như thói thường các bác sĩ vẫn thế – nhưng cũng ngồi hàng giờ ở phòng Pier kể cho chàng nghe những mẩu chuyện ưa thích về những điều quan sát về thái độ những người bệnh nói chung và đặc biệt là thái độ các nữ bệnh nhân.

– Phải, với một người như vậy nói chuyện thật thú vị, không phải như ở tỉnh xép nhà mình, – ông ta thường nói.

Ở Orel có mấy viên sĩ quan tù binh Pháp trú ngụ; ông thầy thuốc đưa đến nhà Pier một trong các sĩ quan đó, một người Ý trẻ tuổi.

Viên sĩ quan bắt đầu lui tới nhà Pier, và nữ công tước thường đùa cợt về những tình cảm đằm thắm mà viên sĩ quan người Ý biểu lộ với Pier.

Người Ý ấy hình như chỉ sung sướng khi nào có thể đến nói chuyện với Pier, kể cho chàng nghe về quãng đời dĩ vãng, về cuộc sống gia đình, về nhưng cuộc tình duyên của mình và thổ lộ cho chàng biết lòng căm giận quân Pháp và nhất là Napôleông.

– *Nếu người Nga đều giống ông cả, dù chỉ ít nhiều thôi* – viên sĩ quan người Ý nói với Pier – *thì gây chiến với một dân tộc như dân tộc ông thật là một tội báng bổ*[1]. Ông đã phải chịu khổ sở vì quân Pháp như vậy mà thậm chí cũng không hề có ý oán trách gì họ cả.

Và sở dĩ Pier chiếm được tình yêu mến bồng bột của người Ý kia cũng chỉ vì chàng đã thức tỉnh được những khía cạnh tốt đẹp nhất trong tâm hồn anh ta và đã biết quý trọng những khía cạnh ấy.

Vào cuối thời gian Pier ở Orel, có một người quen cũ đến thăm chàng. Đó là bá tước Villarxki là một người hội viên Tam điểm đã kết nạp chàng năm 1807. Villarxki lấy một người vợ Nga giàu, có những điền trang lớn ở tỉnh Orel, và bấy giờ ông ta giữ một chức vụ lâm thời trong sở tiếp tế lương thực của thành phố.

Nghe tin Pier ở Orel, Villarxki, tuy xưa nay chưa bao giờ quen thân với chàng, cũng đến gặp chàng với cái thái độ niềm nở và thân mật mà những người tình cờ gặp nhau trên sa mạc thường có. Ở

1. C'est un sacrilege que de faire la guerre à un peuple tel que le vôtre.

Orel, Villarxki thấy chán, nên rất vui mừng khi được gặp một người cùng giới và cùng chí hướng – ông ta tưởng thế.

Nhưng chẳng bao lâu Villarxki phải ngạc nhiên nhận thấy rằng Pier lạc hậu đối với tình hình sinh hoạt hiện tại và, như lời ông ta dùng để định nghĩa Pier, đã trở nên thờ ơ và vị kỷ.

– *Anh mụ mẫn đi đấy anh bạn ạ*[1] – ông ta nói với chàng.

Tuy vậy, khi giao thiệp với Pier, Villarxki vẫn thấy dễ chịu hơn ngày trước, và ngày nào ông ta cũng lại nhà chàng. Còn Pier, bây giờ mỗi khi nhìn Villarxki và nghe ông ta nói chuyện, lại lấy làm lạ và khó lòng có thể tin rằng mới gần đây thôi chính chàng cũng giống như thế.

Villarxki là một người đã có vợ có con, bận rộn với những công việc quản lý điền trang của vợ, với ông cụ, với gia đình. Ông ta cho rằng tất cả những thứ đó đều là những vật chướng ngại trong cuộc sống và đều đáng khinh, vì mục đích của ông đó là mưu cầu phúc lợi cho bản thân và gia đình. Những vấn đề quân sự, hành chính, chính trị, hội Tam điểm, luôn luôn thu hút hết sức chú ý của ông ta. Và Pier không tìm cách thay đổi quan điểm của Villarxki, không chê trách ông ta, chàng chỉ xem xét, với cái thái độ giễu cợt luôn luôn điềm tĩnh và vui vẻ của chàng, cái hiện tượng kỳ lạ mà chàng biết quá rõ.

Trong khi tiếp xúc với Villarxki, với nữ công tước, với bác sĩ, với tất cả những người thường gặp chàng, Pier có một nét mới khiến có mọi người đều có thiện cảm với chàng: chàng thừa nhận rằng mỗi người đều có thể suy nghĩ, cảm xúc và nhìn nhận sự vật theo cách của mình; thừa nhận rằng lời lẽ không thể làm cho con người từ bỏ quan niệm của mình đi được. Đó là đặc tính chính đáng của mỗi người, cái đặc tính trước kia đã khiến Pier bối rối và bực dọc, nhưng bây giờ lại chính là nền tảng của sự quan tâm và thiện cảm

1. Vous vous encroutez, mon cher.

của chàng đối với người khác. Sự bất đồng, đôi khi là sự mâu thuẫn hoàn toàn giữa quan điểm với cách sống của họ và giữa người này với người khác làm cho Pier vui thích, đưa lại cho chàng một nụ cười châm biếm dịu dàng.

Trong những công việc thực tiễn bây giờ Pier đột nhiên cảm thấy mình có một chỗ dựa vững vàng mà trước kia chàng không hề có và không giờ là mình có thể có được. Trước kia, khi có vấn đề tiền bạc, nhất là khi có người xin tiền – giàu có như chàng thì những trường hợp như thế rất hay xảy ra – chàng đều lâm vào một tình trạng bối rối nan giải. "Có nên cho không? – Chàng thường tự hỏi – Mình thì có tiền, mà người ấy thì đang cần. Nhưng người kia còn cần hơn. Ai cần hơn? Hay có lẽ cả hai đều là bịp bợm?" Trước kia chàng không thể nào tìm được một giải pháp để thoát khỏi những nỗi băn khoăn ấy, và có được bao nhiêu chàng cứ đem cho tất cả mọi người. Trước kia chàng cứ phải băn khoăn như thế mỗi khi có vấn đề liên quan đến tài sản của chàng, khi mỗi người khuyên chàng một cách.

Bây giờ chàng ngạc nhiên nhận thấy rằng trong tất cả những vấn đề ấy chàng không còn băn khoăn, ngờ vực gì nữa. Trong chàng nay đã có một vị quan tòa căn cứ trên những đạo luật nào đấy mà chính chàng cũng không rõ để đoán định cái gì cần là và cái gì không.

Chàng nay cũng vẫn dửng dưng với những công việc tiền nong như trước, nhưng bây giờ chàng biết chắc chắn cái gì cần phải làm và cái gì không nên làm. Vị quan tòa mới trong chàng đã tuyên án lần đầu tiên khi có một viên đại tá tù binh Pháp đến gặp chàng, kể lể rất nhiều về những chiến công của mình và cuối cùng với một giọng gần như hách dịch yêu cầu Pier đưa cho ông ta bốn nghìn phơ-răng để gửi cho vợ con: Pier đã từ chối một cách dễ dàng, chẳng có sự dằng co gì cả; về sau chàng phỉ lấy làm lạ, không hiểu sao một việc trước kia tưởng đâu nan giải như vậy mà nay chàng lại có

thể giải quyết dễ dàng và giản dị đến thế. Đồng thời, ngay trong khi từ khước viên đại tá, chàng cũng quyết định là khi rời Orel ra đi phải dùng mưu mẹo để buộc viên sĩ quan người Ý phải nhận cho kỳ được một số tiền mà chàng biết là anh ta đang cần. Thêm một việc nữa chứng minh cho Pier thấy rõ cái quan điểm mới của mình đối với những công việc thực tiễn là cách chàng giải quyết vấn đề trả nợ cho vợ chàng và vấn đề tu sửa hay không tu sửa các tòa nhà và dinh thự của chàng ở Maxkva.

Viên tổng quản đến Orel tìm chàng, và hai người cùng tính toán những sổ thu nhập của chàng nay đã thay đổi. Theo những khoản tính của viên tổng quản, vụ hỏa hoạn Maxkva đã làm tổn mất của chàng khoảng hai triệu rúp.

Mặt khác viên tổng quản lại tính toán cho Pier thấy rằng mặc dầu có những tổn thất đó, số thu nhập của chàng không những không giảm sút mà lại còn tăng lên, nếu chàng từ khước việc trả những món nợ của bá tước phu nhân để lại, vì chàng không có bổn phận phải trả, và nếu chàng không tu sửa các tòa nhà ở Maxkva và trang dinh thự ở ngoại thành, vì những thứ này tốn của chàng mỗi năm tám vạn rúp mà chẳng đưa lại lợi tức gì cả.

– Phải, phải, đúng đấy, – Pier nói, miệng mỉm cười vui vẻ – Phải, phải, tôi chẳng cần gì những cái đó. Nhờ bị phá sản, tôi đã giầu lên rất nhiều.

Nhưng vào tháng giêng Xavelits từ Maxkva đến, kể cho chàng nghe về tình hình Maxkva, về bản thiết kế của viên kiến trúc sư nhằm tu sửa tòa nhà và dinh thự, Xavelits nói đến việc đó như một việc đã quyết định xong xuôi. Cũng thời gian ấy Pier nhận được những bức thư của công tước Vaxili và của những người quen khác ở Pêterburg, nói về những món nợ của vợ chàng. Và Pier quyết định rằng giải pháp của viên tổng quan đã được chàng tán thưởng thật ra không ổn, rằng chàng phải đi Pêterburg thanh toán nợ nần của vợ và xây dựng lại nhà cửa ở Maxkva. Tại sao phải làm như

thế mới được. Quyết định này làm cho sổ thu nhập của chàng giảm mất ba phần tư. Nhưng vẫn phải quyết định như vậy, chàng cảm thấy thế.

Vollarxki cũng sắp đi Maxkva, nên hai người hẹn nhau cùng đi.

Suốt thời gian dưỡng bệnh ở Orel, Pier luôn luôn có một cảm giác vui mừng, tự do, yêu đời. Nhưng trong khi đi đường, khi chàng thấy mình ở giữa khoảng trời rộng thoáng, trông thấy hàng trăm khuôn mặt mới mẻ, cảm giác ấy lại càng mãnh liệt hơn. Trong suốt cuộc hành trình chàng thấy vui như cậu học sinh được đi nghỉ hè. Tất cả những con người gặp trên đường: người đánh xe, người trạm trưởng, những người nông dân đi trên đường hay ở trong làng – tất cả đều có một ý nghĩa mới mẻ đối với chàng. Sự có mặt và những lời nhận xét của Villarxki luôn luôn phàn nàn về tình trạng nghèo nàn, dốt nát và lạc hậu của nước Nga so với châu Âu, chỉ làm cho Pier vui thêm. Chỗ nào Villarxki chỉ thấy có sự đình trệ thì Pier lại thấy một sinh lực mạnh mẽ phi thường, cái sinh lực đã duy trì, trên khoảng đất ba la phủ tuyết này, sự sống của một dân tộc vẹn thuần, đặc biệt và thống nhất. Chàng không cãi lại Villarxki, và dường như để tán đồng ông ta (vì giả vờ tán đồng là cách giản đơn nhất để tránh những cuộc cãi vã không đưa lại một kết quả nào) chàng vui vẻ mỉm cười nghe ông ta nói.

XIV

Khi một tổ kiến đã bị phá hủy, đàn kiến đi lại tấp nập, con thì kéo từ trong tổ ra những mảnh rác, những cái trứng và những xác chết, con thì lại đi vào tổ, và thật khó lòng mà giải thích nổi chúng đi đâu mà tấp nập như vậy, tại sao chúng lại đuổi theo nhau, xô

đẩy nhau, cắn nhau như thế. Người ta sẽ gặp phải một khó khăn tương tự khi muốn cắt nghĩa những nguyên nhân đã khiến cho người Nga sau khi quân Pháp rút đi, tấp nập kéo đến cái nơi trước kia gọi là Maxkva. Nhưng cũng như khi nhìn đàn kiến tán loạn chung quanh tổ, mặc dầu cái tổ đã tan tành, sự kiên trì, sự quả quyết, sức hoạt động của bầy kiến đông nghịt ấy vẫn cho người ta thấy rằng tất cả đều bị hủy hoại trừ một cái gì không thể hủy hoại được, một cái gì phi vật chất làm nên tất cả sức mạnh của tổ kiến. Maxkva cũng vậy, vào tháng mười năm ấy, mặc dầu không có nhà chức trách, không có nhà thờ, đền miếu, của cải, nhà cửa, nó vẫn là thành Maxkva trước kia, như hồi tháng tám. Tất cả đều đã bị hủy hoại, trừ một cái gì phi vật chất, nhưng kiên cường và không thể nào hủy hoại được.

Những động cơ đã thúc đẩy những con người từ bốn phía đổ dồn về Maxkva sau khi quân địch đã rút sạch, là những động cơ hết sức khác nhau, hết sức riêng biệt, và trong thời gian đầu thì phần nhiều là những động cơ man rợ, thú vật. Duy chỉ có một động cơ chung cho tất cả mọi người, đó là cái ước vọng trở về nơi trước kia gọi là Maxkva để tìm cách sử dụng sức hoạt động của mình ở đấy.

Sau một tuần, ở Maxkva đã có một vạn năm nghìn dân, sau hai tuần đã có hai vạn rưỡi v.v... Con số đó mỗi ngày một tăng lên mãi, và cho đến mùa thu năm 1813 thì đã vượt quá số dân năm 1812.

Những người Nga đầu tiên vào Maxkva là những toán lính cô-dắc của chi đội Vintxingherot, những người nông dân ở các làng lân cận và những người dân Maxkva ẩn náu ở các vùng ngoại ô. Những người Nga khi vào Maxkva và trông thấy cảnh hoang tàn của cái thành phố bị cướp phá ấy, cũng bắt đầu ra tay cướp phá. Họ tiếp tục cái công việc mà quân Pháp đã làm. Nông dân đưa xe tải đến Maxkva để chở về làng tất cả những gì còn vương vãi trong

các nhà đổ nát và trên các phố xá hoang tàn của Maxkva. Lính cô-dắc lấy tất cả những gì có thể lấy được đem về trại quân; các chủ nhà vơ vét tất cả những gì họ tìm được trong các nhà khác để đem về nhà mình, lấy cớ rằng đó là của riêng của họ.

Nhưng sau đợt người đến cướp bóc đầu tiên lại có một đợt khác, rồi một đợt thứ ba, và số người đến cướp bóc càng tăng lên thì việc cướp bóc mỗi ngày một trở nên khó khăn và dần dần có những hình thức rõ ràng phân minh hơn.

Quân Pháp đã tiến vào một thành Maxkva tuy không người, nhưng có đủ những hình thái hữu cơ của một thành phố sống có quy củ, có đủ các tổ chức thương mại, thủ công, xa xỉ phẩm, quản lý nhà nước, tôn giáo. Những hình thái đó đã tê liệt, nhưng vẫn tồn tại. Hãy còn có những khu chợ, những cửa hàng, những kho chứa, phần lớn đều có cả hàng hóa; có những nhà máy, những xưởng thủ công; có những lâu đài, những tòa nhà sang trọng, đầy những vật xa xỉ; có những bệnh viện, những nhà tù, những tòa án, những nhà thờ. Quân Pháp ở càng lâu thì những hình thái sinh hoạt của thành phố ấy càng mất đi và cuối cùng tất cả đều trộn lẫn lại thành một cảnh hỗn loạn không hồn của sự cướp phá.

Sự cướp bóc của quân Pháp càng kéo dài thì càng phá hoại những của cải của Maxkva và sức lực của kẻ cướp bóc. Sự cướp bóc của người Nga, mở đầu cho việc người Nga chiếm lại thủ đô, càng kéo dài, số người tham gia càng đông thì sự trù phú và sinh hoạt quy củ của thành phố lại càng chóng hồi phục.

Ngoài những người đến đấy để cướp bóc ra, còn có những người thuộc đủ các hạng, người thì vì tò mò, người thì vì công vụ, người thì vì quyền lợi – chủ nhà, giáo sĩ, viên chức, quan lại, nhà buôn, thợ thủ công, nông dân – từ nhiều phía đổ về Maxkva như máu dồn về tim.

Chỉ một tuần sau khi những người nông dân mang xe tải không

đến để chở đồ đi thì đã bị nhà chức trách giữ lại và bắt buộc phải chở những xác chết ra khỏi thành phố. Những người nông dân khác biết chuyện này bèn chở bột mì, lúa mạch, rơm rạ vào thành phố, phá giá lẫn nhau cho đến khi giá cả tụt xuống thấp hơn giá ngày trước. Ngày nào cũng có những phường thợ mộc, hy vọng được trả công hời, kéo vào Maxkva, và khắp nơi người ta dựng lên những ngôi nhà mới hoặc sửa sang lại những ngôi ngà cũ cháy dở. Những người lái buôn mở cửa hàng trong những cái lán gỗ. Các giáo sĩ lại bắt đầu làm lễ trong nhiều nhà thờ không bị cháy. Những tín chủ mang lại cho nhà thờ những đồ đạc đã bị cướp đi. Những người công chức đặt bàn viết trải dạ và tủ đựng giấy má trong những căn phòng nhỏ hẹp. Các quan chức cao cấp và sở cảnh sát thu xếp việc phân phối những của cải do quân Pháp để lại. Các chủ nhân của những ngôi nhà có chứa nhiều của cải từ các nhà khác mang đến than phiền rằng tập trung tất cả đồ đạc tại điện Granovitya là bất công, những người khác một mực nói rằng quân Pháp đã mang đồ đạc lấy trong nhiều nhà tập trung vào một nơi cho nên của để ở nhà ai mà chủ nhà ấy lấy là bất công. Người ta chửi bới cảnh sát; người ta đút lót cho họ; người ta ước lượng số của công bị cháy lên gấp mười sự thật; người ta đòi cứu tế. Bá tước Raxtopsin ra sức viết tuyên cáo.

XV

Vào cuối tháng giêng, Pier về Maxkva và dọn chỗ ở trong tòa nhà dọc hãy còn nguyên vẹn. Chàng đến thăm bá tước Raxtôpsin, thăm một vài người quen vừa trở về Maxkva và sửa soạn đến ngày kia sẽ đi Pêterburg. Mọi người đều ăn mừng thắng lợi, mọi vật đều đầy sức sống trong chốn thủ đô tan hoang đang sống lại. Mọi người

đều vui mừng khi gặp Pier; ai nấy đều muốn gặp chàng và ai cũng hỏi han về những việc chàng đã được chứng kiến. Pier thấy đặc biệt có thiện cảm đối với tất cả những ai chàng gặp; nhưng bây giờ chàng bất giác cư xử với mọi người một cách thận trọng, để không bị ràng buộc vào một cái gì. Có ai hỏi gì chàng – dù là những câu hỏi quan trọng hay những câu không đâu – có ai hỏi chàng sẽ ở đâu? Có xây nhà không? khi nào đi Pêterburg và có thể chuyển hộ một cái thùng con không? thì chàng đều trả lời: vâng, có lẽ, tôi chắc là... v.v...

Về gia đình Rôxtôv, chàng có nghe nói là họ ở Koxtroma và chàng rất ít khi nghĩ đến Natasa. Có nghĩ đến nàng chăng thì cũng chỉ như một kỷ niệm êm đềm của một dĩ vãng đã xa xăm. Chàng cảm thấy mình không những đã thoát khỏi những điều kiện của cuộc sống, mà còn thoát khỏi cái tình cảm mà chàng cho là chính mình đã nhen nhóm lên trong lòng mình.

Đến Maxkva được hai ngày, chàng được vợ chồng Đrubetxkoy cho biết rằng công tước tiểu thư Marya hiện ở Maxkva. Cái chết của công tước Andrây, những nỗi đau đớn, những phút cuối cùng của công tước vẫn thường ám ảnh Pier và bây giờ nó hiện lên trong tâm trí Pier một cách da diết hơn. Trong bữa ăn chiều hôm ấy chàng nghe nói tiểu thư Marya hiện ở trong ngôi nhà riêng không bị cháy ở phố Vozđvijenka, và ngay tối hôm ấy chàng đến nhà nàng.

Trên đường đi đến nhà tiểu thư Marya, Pier không ngừng nghĩ đến công tước Andrây, đến tình bạn giữa hai người, đến những cuộc gặp gỡ với chàng, nhất là cuộc gặp gỡ cuối cùng ở Borođino.

"Có thể nào khi chết anh ấy vẫn giữ tâm trạng hằn học như hôm ấy? Trước khi chết anh ấy có tìm thấy được lời giải thích cuộc sống không?" – Pier nghĩ. Chàng nhớ đến Karataiev đến cái chết của bác ta và bất giác so sánh hai người, hai con người hết sức khác nhau nhưng cũng lại hết sức giống nhau vì cả hai đều là

những người mà chàng yêu mến, vì cả hai đều đã sống và cả hai đều đã chết.

Trong một tâm trạng hết sức nghiêm trang, chàng ghé xe vào tòa nhà của cô công tước. Tòa nhà vẫn còn nguyên. Có thể trông thấy những vết tích tàn phá, nhưng dáng dấp của tòa nhà vẫn như cũ. Người quản gia già ra đón Pier với vẻ mặt nghiêm nghị, và dường như muốn cho vị khách cảm thấy rằng sự vắng mặt của lão công tước không hề phá vỡ những quy củ trong nhà, lão nói rằng công tước tiểu thư nay đã về phòng riêng và thường tiếp khách vào chủ nhật.

– Lão vào báo đi, có lẽ tiểu thư sẽ tiếp tôi cũng nên – Pier nói.

– Xin vâng, – viên quản gia đáp, – xin mời ngài vào phòng tranh.

Mấy phút sau viên quản gia và Đêxal ra gặp Pier, Đêxal chuyển lời công tước tiểu thư nói rằng nàng rất mừng được gặp chàng và nếu chàng vui lòng bỏ quá cho, xin mời chàng lên thẳng phòng tiểu thư.

Trong một gian phòng trần thấp, chỉ thắp một ngọn nến, công tước tiểu thư đang ngồi với một người nào nữa mặc áo đen. Pier nhớ rằng bên cạnh tiểu thư bao giờ cũng có những người tùy nữ, nhưng những người tùy nữ ấy là ai thì Pier không biết và không nhớ. "Đây chắc là một trong những cô tùy nữ ấy" – chàng nghĩ thầm khi đưa mắt nhìn người đàn bà mặc áo đen.

Công tước tiểu thư vụt đứng dậy đón chàng và đưa tay ra cho chàng.

– Phải rồi, - nàng nói, mắt nhìn thẳng vào gương mặt đã thay đổi cho chàng, sau khi chàng hôn tay nàng – chúng ta lại gặp nhau như thế này đây. Ngay trong những ngày cuối cùng, anh ấy vẫn nhắc đến anh luôn, – nàng vừa nói vừa đưa mắt nhìn về phía người tùy nữ với một vẻ e dè khiến Pier ngạc nhiên trong giây lát.

– Nghe tin anh được cứu thoát tôi mừng. Đó là tin mừng duy nhất mà mấy lâu nay lâu lắm chúng tôi mới nhận được – công tước tiểu thư lại lo lắng nhìn về phía người tùy nữ và toan nói một câu gì, nhưng Pier đã ngắt lời nàng.

– Chị có thể tưởng tượng được không, tôi chẳng được tin gì về anh ấy cả – chàng nói – Tôi tưởng anh ấy đã tử trận. Tất cả những điều tôi biết đều do những người khác nghe người ta nói rồi kể lại với tôi. Tôi chỉ biết rằng anh ấy lại tình cờ được đưa về nhà Rôxtôv... Thật éo le!

Pier nói nhanh, giọng sôi nổi. Chàng đưa mắt nhìn về phía người tùy nữ và thấy một đôi mắt trìu mến, chăm chú và tò mò, nhìn chàng, và như ta vẫn thường thấy trong khi nói chuyện, không hiểu sao chàng có cảm tưởng người tùy nữ mặc áo đen ấy là một con người hiền lành, đáng mến; một người rất tốt không ngăn trở cuộc nói chuyện của chàng với tiểu thư Marya.

Nhưng khi chàng nói đến nhà Rôxtôv, gương mặt tiểu thư Marya càng lộ vẻ luống cuống hơn. Nàng lại đưa mắt nhìn về phía người mặc áo đen và nói:

– Chả nhẽ anh không nhận ra?

Pier nhìn lại lần nữa khuôn mặt nhợt nhạt, thanh thanh của người tùy nữ có đôi mắt đen và cái miệng là lạ. Trong đôi mắt chăm chú ấy có một cái gì thân thuộc đã bị quên lãng từ lâu nhưng đáng mến vô cùng đang nhìn chàng.

– Ồ không, chẳng có lẽ? – chàng nghĩ thầm – Khuôn mặt già trước tuổi, nghiêm nghị, gầy gò và xanh xao ấy ư? Đó không thể là nàng được. Đó chỉ là một kỷ niệm. Nhưng ngay lúc ấy công tước tiểu thư Marya nói: "Natasa" Và khuôn mặt có đôi mắt chăm chú ấy, khó khăn, gượng gạo như một cách cửa kẹt mở trên những bản lề han rỉ, mỉm cười, và từ khung cửa mở ấy một niềm hạnh phúc đã quên lãng từ lâu bỗng tỏa ra như một luồng gió thơm mát và lùa

vào Pier, niềm hạnh phúc mà chàng không nghĩ đến, nhất là trong lúc này. Nó phả vào chàng, bao trùm và tràn ngập cả tâm hồn chàng. Khi người ấy mỉm cười, không còn có thể nghi ngờ gì nữa: đó chính là Natasa, và Pier yêu nàng.

Ngay phút đầu Pier đã bất giác nói lên với nàng, với tiểu thư Maray và chủ yếu là với bản thân chàng, cái điều bí ẩn mà chính chàng cũng không biết. Chàng đỏ mặt lên vì vui sướng và đau khổ. Chàng muốn che giấu nỗi xúc động trong lòng. Nhưng càng muốn che giấu thì nó lại càng lộ rõ ra – rõ hơn là nói bằng những lời lẽ minh xác nhất – với mình, với nàng và với tiểu thư Marya rằng chàng yêu nàng.

"Không, chẳng qua vì quá đột ngột mà thôi, – Pier tự nhủ. Nhưng ngay khi chàng toan tiếp tục nói chuyện với tiểu thư Marya, chàng lại nhìn Natasa và mặt chàng lại càng đỏ bừng lên, và cảm giác bồi hồi vui sướng lại càng tràn ngập lòng chàng. Chàng nói ấp úng và dừng lại ở giữa câu.

Pier không trông thấy Natasa bởi vì chàng không thể nào ngờ có thể gặp nàng ở đây, nhưng chàng không nhận ra nàng là vì từ khi chàng gặp nàng lần cuối cho đến nay Natasa đã thay đổi nhiều quá. Nàng gầy xanh hơn trước. Nhưng đó không phải là nguyên do khiến chàng không nhận ra nàng: phút đầu khi mới bước vào phòng chàng không thể nhận ra được là vì trên khuôn mặt ấy trước kia bao giờ đôi mắt cũng ánh lên một nụ cười yêu đời thầm kín, thì nay, khi chàng bước vào phòng và nhìn nàng lần đầu, không hề có lấy bóng dáng của một nụ cười, chỉ có một đôi mắt, chăm chú, hiền hậu, buồn rầu nhìn chàng như có ý dò hỏi.

Trước sự bối rối của Pier, Natasa không lộ vẻ bối rối, chỉ có một nỗi vui mừng kín đáo thoáng bừng lên trên khắp gương mặt nàng.

XVI

– Natasa lên đây ở chơi với tôi – công tước tiểu thư Marya nói. – Bá tước và phu nhân nay mai cũng sẽ lên. Tình trạng bá tước phu nhân hiện nay rất nguy kịch. Nhưng chính Natasa cũng cần đi bác sĩ. Hai cụ đã bắt buộc chị ấy phải lên đây với tôi đấy.

– Phải, gia đình nào mà chẳng có chuyện buồn riêng? – Pier quay về phía Natasa nói – Cô ạ, hôm ấy đúng vào lúc họ giải phóng chúng tôi. Tôi có trông thấy cậu em. Thương quá! Cậu bé đáng yêu như thế mà...!

Natasa nhìn chàng, và như đáp lại lời chàng, đôi mắt nàng càng mở to và sáng long lanh.

– Có thể nói gì hay nghĩ gì để an ủi được bây giờ? – Pier nói – Không thể được. Tại sao một cậu bé đáng yêu, tràn đầy sức sống như vậy lại phải chết?

– Phải, thời buổi chúng ta thật khó lòng mà sống nổi nếu không có lòng tin... – tiểu thư Marya nói.

– Phải, phải. Hoàn toàn đúng thế, – Pier vội vã ngắt lời.

– Tại sao? – Natasa nhìn chăm chú vào mắt Pier hỏi.

– Còn tại sao nữa? – tiểu thư Marya nói –chỉ riêng ý nghĩ là bên kia sẽ có...

Natasa chưa nghe hết lời tiểu thư Marya đã lại nhìn sang Pier có ý dò hỏi.

– Và cũng là vì – Pier nói tiếp, – chỉ có người nào tin có Thượng đế dìu dắt chúng ta mới có thể chịu đựng được một tổn thất như tổn thất của phu nhân và... của cô, – Pier nói.

Natasa đã mở miệng toan nói một câu gì, nhưng bỗng dừng

lại. Pier hấp tấp ngoảnh mặt đi và lại quay sang hỏi tiểu thư Marya về những ngày cuối cùng của bạn chàng.

Vẻ bối rối của Pier bây giờ hầu như đã biến hết, nhưng đồng thời chàng cảm thấy cả sự tự do thoải mái trước kia của chàng cũng biến mất: chàng thấy rằng trước mọi lời lẽ, mọi hành động của chàng bây giờ đều có một vị quan tòa, và lời phán xử của vị quan tòa ấy chàng tôn trọng hơn hết, thảy bất cứ lời phán xét nào của mọi tòa án trên thế gian. Chàng nói, và cứ mỗi lời nói ra chàng lại cân nhắc xem xét nó có thể gợi lên trong lòng Natasa một ấn tượng như thế nào. Chàng không cố ý nói ra những điều có thể làm nàng vừa lòng, nhưng khi nói ra một điều gì chàng đều đứng trên quan điểm của nàng mà tự phê phán.

Công tước tiểu thư Marya, như xưa nay vẫn thế, miễn cưỡng kể lại tình trạng công tước Anđrây khi nàng gặp lại. Nhưng những câu hỏi của Pier, đôi mắt thẳng thốt của chàng, khuôn mặt run run vì xúc động của chàng dần dần buộc nàng phải đi sâu vào những chi tiết mà nàng vẫn sợ không dám ôn lại dù chỉ trong tâm trí mình.

– Phải, phải, thế đấy, thế đấy... – Pier nói, cả người cúi về phía tiểu thư Marya và khát khao nghe nàng kể – Phải, phải thế là anh ấy đã bình tâm lại? Anh ấy đã dịu lại? Anh ấy xưa nay vẫn dốc hết tâm hồn đi tìm một điều duy nhất; làm sao trở thành một người tốt hoàn toàn, cho nên anh ấy không thể sợ chết được. Những khuyết điểm của anh ấy – nếu có – không phải do tự bản chất... Thế nghĩa là anh ấy đã dịu lại? – Pier nói – Anh ấy gặp lại cô như vậy thật hạnh phúc quá, – chàng bỗng quay sang nói với Natasa và nhìn nàng với đôi mắt đẫm lệ.

Mặt Natasa run run. Nàng cau mày và cúi đầu nhìn xuống đất một lát. Nàng phân vân không biết có nên nói không.

– Phải, đó là một hạnh phúc, – nàng nói khẽ, giọng trầm trầm

– đối với tôi thì đó chắc chắn là một niềm hạnh phúc – Nàng im lặng một lát. – Mà anh ấy... anh ấy... cũng nói rằng anh ấy đang mong gặp tôi khi tôi đến... – Giọng nói của Natasa nghẹn ngào. Nàng đỏ mặt, xiết chặt hai tay trên đầu gối và bỗng nhiên, hẳn là cố lấy sức tự chủ, nàng ngẩng đầu lên và bắt đầu nói rất nhanh:

– Khi rời Maxkva ra đi chúng tôi chẳng hay biết gì cả. Tôi không dám hỏi thăm tin tức anh ấy. Thế rồi bỗng nhiên Xonya nói với tôi là anh ấy đang cùng đi với chúng tôi. Tôi không nghĩ ngợi gì hết, tôi không thể hình dùng tình trạng ấy ra sao, tôi chỉ thấy cần gặp anh ấy, cần ở bên cạnh anh ấy – nàng nói hổn hển, giọng run run. Và không để ai ngắt lời, nàng kể một hơi những điều mà nàng chưa bao giờ kể với ai: tất cả những gì nàng đã trải qua trong ba tuần lễ đi đường và ở lại Yaroxlavl.

Pier há miệng nghe nàng kể, đôi mắt đẫm lệ không rời nàng. Trong khi nghe nàng, chàng không nghĩ tới công tước Anđrây, không nghĩ đến cái chết hay đến những điều nàng kể. Chàng nghe nàng nói và chỉ thấy xót thương nỗi đau khổ mà hiện nay nàng đang trải qua trong khi kể.

Công tước tiểu thư, mặt mếu máo vì cố nén nước mắt, ngồi cạnh Natasa và lần đầu tiên nghe kể lại những ngày cuối cùng trong cuộc tình duyên của anh nàng với Natasa.

Có thể thấy rõ rằng câu chuyện kể đau đớn và vui mừng này là một nhu cầu thiết yếu đối với Natasa.

Nàng kể, pha trộn những chi tiết vụn vặt không đâu với những điều bí mật sâu kín nhất, và có thể tưởng chừng nàng sẽ không bao giờ kể xong được. Có những điều nàng nhắc đi nhắc lại đến mấy lần.

Sau cánh cửa chợt nghe tiếng Đêxal xin phép cho Nikoluska vào chào cô đi ngủ.

– Thế là hết, chỉ có thế thôi... - Natasa nói. Nàng vụt đứng dậy

khi Nikoluska vào, bước nhanh gần như chạy ra cửa, va đầu vào cánh cửa lấp sau bức rèm, và với một tiếng rên rỉ không hiểu vì đau hay vì buồn, nàng chạy ra khỏi phòng.

Pier nhìn khung cửa nàng vừa chạy và không hiểu nổi vì sao bỗng thấy mình chỉ còn trơ trọi lại một mình bơ vơ trong vũ trụ.

Công tước tiểu thư Marya chợt làm cho chàng sực tỉnh: nàng nhắc chàng lưu ý đến đứa cháu trai vừa đi vào phòng.

Khuôn mặt Nikoluska hao hao giống bố, trong giây phút mủi lòng này đã làm cho Pier xúc động đến nỗi sau khi ôm hôn đứa bé chàng vội vã đứng dậy, lục tìm chiếc khăn mùi xoa và đi ra phía cửa sổ. Chàng muốn cáo từ tiểu thư Marya, nhưng nàng giữ chàng lại.

– Không, tôi với Natasa nhiều khi đến hai giờ sáng mới đi ngủ, xin anh ngồi lại một lát. Tôi bảo dọn bữa khuya. Anh xuống nhà đi, chúng tôi sẽ xuống ngay.

Trước khi Pier bước ra, tiểu thư Marya bảo chàng:

– Đây là lần đầu tiên Natasa nói đến anh ấy như thế đấy.

XVII

Người nhà đưa Pier vào gian phòng ăn rộng rãi thắp nến sáng trưng; mấy phút sau nghe có tiếng chân bước, rồi công tước tiểu thư Marya và Natasa vào phòng. Natasa khá điềm tĩnh, tuy cái phong thái nghiêm nghị, không có bóng dáng nụ cười, bây giờ đã trở lại trên gương mặt nàng. Công tước tiểu thư, Natasa và Pier cùng một cảm giác ngượng nghịu thường thấy sau một câu chuyện tâm sự nghiêm trang. Nói tiếp câu chuyện ban nãy thì không được, nói những chuyện vu vơ thì không tiện, mà im lặng thì khó chịu, vì thật ra người ta muốn nói, và nếu im lặng thì có vẻ như vờ vĩnh.

Họ lặng lẽ đến cạnh bàn. Những người hầu bàn dịch ghế cho họ ngồi. Pier mở tấm khăn mát lạnh ra và định tâm là sẽ lên tiếng để chấm dứt quãng im lặng, chàng đưa mắt nhìn Natasa và tiểu thư Marya. Cùng một lúc cả hai người cùng có ý định ấy: mắt họ đều sáng long lanh niềm yêu đời và ý thừa nhận rằng ngoài nỗi buồn ra còn có cả niềm vui nữa.

– Bá tước uống vốt-ca nhé? - công tước tiểu thư Marya nói, và câu nói bỗng xua tan bóng tối của dĩ vãng.

– Anh kể chuyện anh đi, – tiểu thư nói – người ta kể về anh những chuyện thật là thần kỳ.

– Vâng, – Pier đáp, nụ cười quen thuộc đượm vẻ chế giễu dịu dàng bây giờ đã trở lại trên gương mặt chàng. – Chính tôi cũng đã nghe họ kể về mình những chuyện thần kỳ mà dù trong chiêm bao tôi cũng chưa từng thấy. Marya Abramovna mời tôi lại nhà rồi kể cho tôi nghe những sự việc mà tôi đã sống qua hoặc chắc hẳn phải sống qua. Stepan Xtepanovits cũng dạy cho tôi biết cần phải kể như thế nào. Nói chung tôi nhận thấy là làm một con người thú vị cũng hay (bây giờ tôi là một con người thú vị đấy), họ gọi tôi đến và kể chuyện cho tôi nghe.

Natasa mỉm cười và toan nói điều gì.

– Chúng tôi nghe họ kể lại – tiểu thư Marya ngắt lời nàng – rằng anh đã thiệt hại mất hai triệu rúp ở Maxkva có đúng không?

– Nhưng tôi đã giàu lên gấp ba, – Pier nói.

Tuy những công nợ của vợ chàng và việc xây lại nhà cửa đã làm cho tình cảnh của chàng thay đổi hẳn, Pier vẫn tiếp tục kể rằng chàng đã giàu lên gấp ba.

– Món lãi mà tôi thu được một cách chắc chắn là tôi đã được tự do...

Chàng mở đầu, giọng nghiêm trang, nhưng rồi chàng không nói tiếp nữa, vì nhận thấy đó là một đề tài nói chuyện quá vị kỷ.

– Thế anh cho xây nhà lại à?

– Vâng, Xavelits muốn thế.

– Anh ạ, thế khi còn ở Maxkva anh chưa biết bá tước phu nhân mất à? - Tiểu thư Marya nói đoạn lập tức đỏ mặt lên, vì nhận thấy mình hỏi như vậy ngay sau khi Pier nói chàng đã được tự do tức là đã gán cho câu nói của chàng một nghĩa mà có lẽ nó không hề có.

– Chưa, – Pier đáp, hẳn là không thấy ngượng nghịu gì về cách tiểu thư Marya lý giải câu nói của mình về tự do. Mãi đến dạo ở Orel tôi mới biết, và chắc hai tiểu thư không thể tưởng tượng tin ấy làm cho tôi kinh hãi đến nhường nào. Chúng tôi trước kia chẳng là một đôi vợ chồng gương mẫu - chàng nói nhanh, mắt liếc nhìn Natasa và nhận thấy gương mặt nàng lộ vẻ tò mò muốn biết chàng đối với vợ ra sao - nhưng cái chết ấy đã gây cho tôi một ấn tượng thật khủng khiếp. Khi hai người xích mích với nhau, bao giờ cả hai người cũng đều có lỗi. Và đối với một người không còn nữa, thì lỗi của mình bỗng nặng lên lạ thường. Vả lại chết như vậy... chẳng có bạn bè, chẳng có ai an ủi - Tôi rất thương, rất thương nhà tôi, - chàng kết thúc, và thích thú nhận thấy một vẻ tán đồng vui vẻ trên gương mặt Natasa.

- Phải, thế bây giờ anh đã lại thành một người độc thân, một người chưa vợ, - tiểu thư Marya nói.

Pier bỗng đỏ tía mặt lên và hồi lâu chàng cố gắng không nhìn Natasa.

Khi chàng đã dám nhìn nàng, vẻ mặt nàng lạnh lùng, nghiêm nghị và thậm chí còn có vẻ khinh bỉ nữa – chàng có cảm tưởng như vậy.

– Nhưng có đúng là anh đã gặp và nói chuyện với Napôleông như họ vẫn kể không? – tiểu thư Marya nói.

Pier cười.

– Không, không hề có như thế. Bao giờ họ cũng cứ tưởng đâu

hễ bị Pháp bắt tức là trở thành một tân khách của Napôleông. Tôi không những không hề trông thấy ông ta, mà thậm chí cũng không hề nghe nói đến ông ta nữa. Tôi tiếp xúc với những người thấp hơn ông ta nhiều.

Bữa ăn khuya đã xong và Pier, tuy lúc đầu không muốn kể lại thời gian mình bị cầm tù, dần dần cũng bị lôi cuốn theo đà kể chuyện.

– Nhưng đúng là anh ở lại để giết Napôleông chứ? – Natasa hỏi chàng, miệng hơi chúm chím cười – Tôi đã đoán được việc ấy từ khi gặp anh ở tháp Xukharev, anh có nhớ không?

Pier thú nhận rằng quả đúng như thế, và từ đấy những câu hỏi của tiểu thư Marya và nhất là của Natasa dần dần lái chàng đi vào kể tỷ mỉ về những chuyện phiêu lưu của chàng.

Thoạt tiên chàng kể với cái sắc thái giễu cợt dịu dàng nay đã trở thành một cách nhìn của chàng đối với mọi người và nhất là đối với bản thân, nhưng về sau, khi chàng kể đến những nỗi khổ, những cảnh khủng khiếp mà chàng đã chứng kiến, chàng sôi nổi hẳn lên và bắt đầu nói với nỗi xúc động đã cố nén bớt của một con người đang nhớ lại những ấn tượng mãnh liệt.

Công tước tiểu thư Marya mỉm cười dịu dàng, khi thì nhìn Pier, khi thì nhìn Natasa. Trong suốt câu chuyện nàng chỉ nhìn thấy Pier và tấm lòng nhân hậu của chàng. Natasa, đầu tựa lên khuỷu tay, vẻ mặt luôn luôn thay đổi theo câu chuyện, chăm chú theo dõi Pier không rời một phút, rõ ràng là đang cùng chàng sống lại những sự việc chàng đang kể – không phải chỉ có đôi mắt nàng, mà những tiếng kêu và những câu hỏi vắt tắt của nàng cũng cho Pier thấy rõ rằng những điều chàng kể Natasa đã hiểu đúng được những gì chàng muốn truyền đạt. Có thể thấy rõ nàng không những hiểu được những điều chàng kể, mà còn hiểu được những điều chàng muốn nói ra nhưng không sao diễn đạt được bằng lời. Đến đoạn

chàng đi tìm đứa bé và bênh vực người đàn bà rồi bị bắt, Pier kể như sau:

– Thật là một cảnh tượng khủng khiếp, trẻ con bị bỏ rơi, có đứa bị bỏ ở giữa đám cháy... Tôi đã trông thấy người ta cứu một đứa ra... có những người đàn bà, bị chúng cướp đồ đạc, giật mất hoa tai...

Pier đỏ mặt, lúng túng.

– Lúc ấy có một đội tuần tiễu đến, họ bắt tất cả những người nào không cướp bóc, bao nhiêu đàn ông đều bị bắt hết. Cả tôi cũng vậy...

– Chắc là anh không kể hết, chắc anh có làm việc gì... - Natasa ngừng một lát, – một việc gì rất tốt.

Pier lại kể tiếp. Trong khi kể lại cuộc hành trình chàng định bỏ qua những chi tiết khủng khiếp, nhưng Natasa cứ khẩn khoản xin chàng đừng bỏ sót một chút gì.

Pier bắt đầu kể về Karataiev (chàng đã rời bàn ăn đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, Natasa đưa mắt nhìn theo), nhưng rồi nghĩ thế nào lại thôi.

– Không, hai tiểu thư không thể hiểu tôi đã học được những điều quý giá như thế nào ở con người vô học, tưởng chừng như ngu ngốc ấy.

– Không, không, anh kể đi, – Natasa nói, – Thế người ấy bây giờ ra sao?

– Chúng nó giết chết bác ấy gần như ngay trước mặt tôi – và Pier bắt đầu kể lại thời kỳ cuối của cuộc hành trình, bệnh trạng của Karataiev (giọng chàng cứ phút phút lại run lên) và cái chết của bác ta.

Pier kể lại những chuyện chàng đã trải qua, và chưa bao giờ chàng nhớ lại những chuyện ấy dưới một ánh sáng giống lúc này. Chàng dường như thấy một ý nghĩa mới trong những sự việc chàng

đã sống qua. Bây giờ, khi kể tất cả những sự việc đó cho Natasa nghe, chàng được hưởng cái thú hiếm có mà phụ nữ thường đem lại cho những người đàn ông khi nghe họ kể chuyện - không phải những người phụ nữ thông minh trong khi nghe thường cố nhớ lại những điều người ta nói để làm cho trí tuệ mình phong phú thêm và hễ có dịp là đem ra kể lại, hoặc cố gắng xếp đặt lại những điều đã nghe kể theo kiểu của mình và nóng lòng nói ra cho nhanh những câu nhận xét thông minh rút ra từ cái cơ ngơi trí tuệ nhỏ bé của mình, mà là những người phụ nữ chân chính có cái năng khiếu lựa chọn và hấp thụ tất cả những cái gì tốt đẹp trong những biểu hiện của nam giới. Natasa, tuy chính nàng cũng không biết toàn tâm toàn ý nghe Pier kể: nàng không hề bỏ qua một mảy may nào, dù là một câu một chữ, một chỗ dao động trong giọng nói, một cái nhìn, một cử chỉ, một thớ thịt rung động trên gương mặt của Pier. Một từ vừa phát ra đã được nàng đón lấy và đưa thẳng vào cõi lòng cởi mở của nàng, và nàng đoán được cái ý nghĩa bí ẩn của tất cả hoạt động nội tâm của Pier.

Công tước tiểu thư Marya hiểu câu chuyện kể, đồng cảm với chàng, nhưng bây giờ có một điều khác thu hút hết sức chú ý của nàng, nàng thấy rằng giữa Natasa và Pier có thể có tình yêu và hạnh phúc được. Và ý nghĩ ấy, lần đầu tiên đến với nàng, đã khiến lòng nàng vui mừng khấp khởi.

Lúc ấy đã ba giờ sáng. Những người hầu bàn vẻ mặt rầu rĩ và nghiêm nghị chốc chốc lại thay nến, nhưng không ai để ý đến họ.

Pier đã kể hết. Natasa với đôi mắt sáng long lanh vẫn nhìn chàng chăm chú như muốn hiểu biết những điều còn lại mà có lẽ chàng không nói ra. Pier, vẻ bối rối và sung sướng, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nàng và ngẫm xem bây giờ nên nói gì để chuyển câu chuyện sang một đề tài khác. Tiểu thư Marya im lặng. Không ai thoáng có ý nghĩ rằng bây giờ đã ba giờ sáng và đã đến lúc nên đi nghỉ.

– Người ta thường nói: tai họa, đau khổ, – Pier nói – Nhưng nếu bây giờ, ngay giây phút này có ai nói với tôi: anh có muốn tiếp tục sống như hồi bị bắt, hay sống lại từ đầu tất cả những sự việc ấy không? Thì tôi sẽ trả lời rằng xin trời cứ cho tôi bị tù và ăn thịt ngựa lần nữa. Ta cứ tưởng hễ bị vứt ra khỏi con đường cũ quen thuộc là đã mất hết: nhưng thật ra lúc đó mới bắt đầu có một cái gì mới mẻ, tốt đẹp. Một khi hãy còn cuộc sống thì tất là hãy còn hạnh phúc. Trước mắt chúng ta còn nhiều, nhiều lắm. Điều này tôi nói với cô đấy – chàng nói thêm với Natasa.

– Phải, phải, – nàng nói, đáp lại một điều gì khác hẳn, – và tôi không ao ước gì hơn là sống lại tất cả từ đầu.

Pier chăm chú nhìn nàng.

– Vâng, không còn ao ước gì hơn nữa, – Natasa nhắc lại.

– Không đúng, không đúng, – Pier nói to lên – Tôi còn sống và muốn sống, thì đó chẳng phải là lỗi của tôi, cô cũng thế.

Bỗng Natasa gục đầu vào tay và khóc.

– Natasa làm sao thế? - công tước tiểu thư Marya nói.

– Không, không sao cả – Nàng nhìn Pier, mỉm cười qua làn nước mắt – chào anh nhé, đã đến lúc đi ngủ.

Pier đứng dậy cáo từ.

Công tước tiểu thư Marya và Natasa vẫn như thường lệ, lại gặp nhau trong phòng ngủ. Họ nói chuyện về những điều Pier đã kể. Tiểu thư Marya không nói ý kiến của nàng về Pier. Natasa cũng không nhắc đến chàng.

– Thôi, Marya ngủ ngon nhé, – Natasa nói – Marya biết không, nhiều khi em sợ rằng chúng mình không nói đến anh ấy (công tước Anđrây) như thể sợ làm cho tình cảm chúng mình thấp kém đi thế rồi dần dần đâm ra quên anh ấy.

Công tước tiểu thư buông một tiếng thở dài nặng trĩu và tiếng

thờ dài ấy thừa nhận rằng Natasa nói đúng, nhưng ngoài miệng nàng không đồng ý với bạn.

– Làm sao có thể quên được? – nàng nói.

– Hôm nay em kể được hết mọi việc, thấy nhẹ lòng quá, em vừa thấy khổ tâm, đau xót, vừa thấy nguôi lòng. Rất nguôi lòng, – Natasa nói, - em tin chắc rằng Pier quí anh ấy lắm. Chính vì vậy em kể cho Pier nghe... kể như vậy có làm sao không – nàng bỗng đỏ mặt hỏi.

– Kể cho Pier nghe ấy à? – Ồ không! Anh ấy tốt quá, - tiểu thư Marya nói.

– Marya ạ – Natasa bỗng nói với một nụ cười tinh nghịch mà đã từ lâu tiểu thư Marya không trông thấy trên gương mặt nàng – Anh ấy bây giờ trông sạch sẽ, trơn tru, tươi tắn như là vừa mới tắm ấy, Marya có hiểu không? – về tinh thần ấy mà, có đúng không?

– Phải, – tiểu thư Marya nói, - anh ấy hơn trước nhiều.

– Lại mặc cái áo đuôi én ngăn ngắn, tóc cũng cắt ngắn, đúng thật, đúng như vừa mới tắm xong... như ba cũng có khi...

- Mình hiểu rằng anh ấy (công tước Andrây) chưa mến ai bằng Pier - tiểu thư Marya nói.

– Đúng, và anh ấy khác Pier lắm. Người ta thường nói là đàn ông họ thân nhau khi nào họ thật khác nhau. Chắc là đúng như vậy. Có đúng là Pier chẳng giống anh ấy tí nào không?

– Đúng, và Pier thật là một người tốt tuyệt trần.

– Thôi, Marya ngủ ngon nhé, – Natasa đáp. Và nụ cười tinh nghịch lúc nãy, như bị bỏ quên, vẫn vương lại hồi lâu trên gương mặt nàng.

XVIII

Đêm hôm ấy Pier không ngủ được, chàng đi đi lại lại trong phòng, khi thì cau mày nghĩ đến một việc gì khó khăn, rồi bỗng so vai rùng mình, khi thì mỉm cười vui sướng.

Chàng nghĩ đến công tước Andrây, đến Natasa, đến tình yêu của hai người, và khi thì ghen với dĩ vãng của nàng, khi thì trách mình đã tự dung thứ ý nghĩ đó. Đã sáu giờ mà chàng vẫn đi đi lại lại trong phòng.

"Thôi thì biết làm thế nào, nếu không thể tránh được? Biết làm thế nào? Như vậy tức là phải thế mới được" – chàng tự nhủ, rồi vội vã cởi áo lên giường nằm, lòng sung sướng và bồi hồi xúc động, nhưng không còn ngờ vực và hoang mang nữa.

"Dù cái hạnh phúc ấy có kỳ lạ, có vô lý đến đâu chăng nữa, vẫn phải làm hết cách để nàng với ta nên vợ nên chồng" – chàng tự nhủ.

Trước đây mấy hôm Pier đã định ngày thứ sáu sẽ đi Pêterburg. Hôm thứ năm, khi chàng tỉnh dậy, Xavelits vào phòng chàng xin cho sửa soạn hành lý để lên đường.

"Sao lại đi Pêterburg? Pêterburg là cái gì nhỉ? Có ai ở Pêterburg? – chàng bất giác tự hỏi một mình. – Phải, trước khi việc này xảy ra khá lâu ta đã định đi Pêterburg, chả biết để làm gì – chàng nhớ lại. – Tại sao lại không nhỉ? Ta sẽ đi cũng nên. Chà bác ấy tốt bụng mà chu đáo quá, cái gì cũng nhớ! – chàng nghĩ thầm trong khi nhìn khuôn mặt Xavelits – Mà nụ cười mới dễ chịu làm sao!" – chàng nghĩ.

– Này thế bác vẫn không muốn được giải phóng à? – Pier hỏi.

– Để làm gì kia ạ, thưa ngài? Từ sinh thời cụ bá tước – chúa

đón linh hồn cụ – tôi đã hầu hạ ở đây và đến đời ngài tôi cũng không có điều gì phải than phiền.

– Thế còn con cái bác thì sao?

– Con cái tôi cũng thế, ngài ạ. Được ở với những vị chủ nhân như ngài còn đòi gì nữa?

– Thế rồi đến đời con cháu tôi thì sao – Pier nói – Nhỡ tôi có cưới vợ... Cũng có thể như thế lắm, – chàng nói tiếp, bất giác mỉm cười.

– Xin ngài bỏ quá cho: được như vậy thì tốt lắm ạ.

"Bác ta nghĩ đến việc ấy một cách dễ dàng thật – Pier nghĩ. Bác ta không biết nó đáng sợ, nguy hiểm đến chừng nào. Còn sớm quá, hay đã muộn quá rồi... thật là đáng sợ!".

– Thế ngài dạy sao ạ? Ngày mai lên đường chứ ạ? – Xavelits hỏi.

– Không, để ít hôm nữa đã. Lúc nào cần tôi sẽ nói. Làm phiền bác quá, bác bỏ qua cho nhé, - Pier nói, và nhìn nụ cười của Xavelits, chàng nghĩ thầm: "Nhưng kể cũng lạ, sao bác ta lại không biết rằng bây giờ không còn có Pêterburg nào hết, và trước tiên là phải làm sao giải quyết cho xong việc ấy. Vả lại chắc bác ta cũng biết nhưng giả vờ thế thôi. Nói với bác ấy chăng? Bác ấy nghĩ thế nào? – Pier tự nhủ – Không, rồi sau sẽ nói".

Đến bữa ăn sáng, Pier kể lại với nữ công tước Keterina rằng hôm qua chàng đến nhà công tước tiểu thư Marya và đã gặp, - cô thử tưởng tượng xem gặp ai nào?! – cô Natasa Rôxtôva đấy.

Nữ công tước làm ra vẻ như chẳng thấy điều này có gì lạ hơn việc Pier gặp một bà Anna Xemionovna nào đấy.

– Cô có biết cô ấy không? – Pier hỏi.

– Tôi có gặp công tước tiểu thư, – cô ta đáp – tôi có nghe nói là họ đang làm mối tiểu thư cho bá tước Rôxtôv. Được việc này thì hay cho gia đình Rôxtôv lắm, nghe nói nhà họ khánh kiệt rồi.

– Không, cô có biết cô Rôxtôv không kia!

– Dạo trước tôi chỉ nghe kể lại chuyện ấy. Thật là đáng thương.

"Không, cô ta không hiểu, hoặc giả vờ không hiểu, – Pier nghĩ – Chi bằng cũng đừng nói với cô ta nữa.

Nữ công tước cũng đang soạn thức ăn đi đường cho Pier.

"Họ đều tốt thật, – Pier nghĩ, – bây giờ thì chắc hẳn là những việc ấy không còn có gì thú vị đối với họ nữa, thế mà họ vẫn làm. Và tất cả những việc đó chỉ vì ta, thế mới lạ chứ!

Hôm ấy có viên cảnh sát trưởng đến gặp Pier để nghị chàng cho người nhà đến điện Granovitaya nhận những đồ đạc đang được hoàn lại cho các chủ nhân. "Cả anh này nữa, – Pier nghĩ thầm trong khi nhìn gương mặt viên cảnh sát trưởng, – thật là một viên sĩ quan đẹp trai, đáng yêu, mà lại tốt bụng quá! Bây giờ mà anh ta vẫn chịu khó lo đến những việc không đâu như thế. Thế mà người ta còn bảo anh ta không thật thà, anh ta lợi dụng. Anh ta đã được giáo dục như thế. Và ai ai cũng đều làm như thế cả. Chà, khuôn mặt mới hiền lành, dễ chịu làm sao, lại nhìn ta mà mỉm cười nữa chứ!".

Pier đến nhà công tước tiểu thư Marya ăn bữa chiều.

Đi qua các dãy phố, giữa những tòa nhà bị cháy, chàng ngạc nhiên vì vẻ đẹp của cảnh hoang tàn ấy. Những ống khói, những bức tường đổ kéo dài ra, che lấp nhau trên những khu phố cháy dở làm thành một quang cảnh ngoạn mục gợi lại những lâu đài đổ nát trên bờ sông Ranh hoặc hí trường Coliseum[1] hoang tàn. Dọc đường, những người xà ích và những người đi xe, những người thợ mộc đang đẽo xà nhà, những bà bán hàng và những ông chủ hiệu, mọi

1. Một hí trường khán đài vòng tròn rất đồ sộ ở La Mã, ngày xưa dùng làm nơi đấu võ, đua xe ngựa hoặc để thú dữ ăn thịt tội nhân cho công chúng xem. Hí trường Coliseum xây dưới hai triều Vespasien và Titus vào khoảng thế kỷ đầu Công nguyên.

người đều nhìn Pier với gương mặt tươi roi rói, tựa hồ như muốn nói: "A, anh ta đây rồi! Để xem kết quả sẽ ra sao đây!".

Khi bước vào nhà tiểu thư Marya, Pier bỗng đâm ra ngờ vực không biết hôm qua có thật là mình đã đến đây, đã gặp Natasa và nói chuyện với nàng không. "Có lẽ ta tưởng tượng ra cũng nên, có thể là bây giờ ta vào nhà chẳng trông thấy ai hết". Nhưng chàng chưa kịp bước vào phòng thì cả linh hồn và thể xác chàng đều cảm thấy có nàng ở đây, vì trong khoảnh khắc chàng đã thấy mình không còn ung dung thoải mái nữa. Nàng vẫn mặc chiếc áo dài đen với những nếp gấp mềm mại, đầu chải như hôm qua, nhưng nàng đã là một người khác hẳn. Giả sử hôm qua nàng cũng như thế này thì khi bước vào phòng chàng không thể không nhận ngay ra nàng được.

Nàng bây giờ hệt như hồi chàng biết nàng, khi nàng còn là một cô bé mới lớn lên, rồi khi nàng là vợ chưa cưới của công tước Anđrey. Mắt nàng ánh lên vui vẻ và như dò hỏi, gương mặt nàng dịu dàng và có một vẻ gì âu yếm và tinh nghịch lạ lùng. Pier ăn bữa chiều và đã định ngồi lại suốt buổi tối, nhưng công tước tiểu thư Marya phải đi chầu lễ chiều, nên Pier cũng ra về một thể.

Ngày hôm sau Pier đến sớm, ăn bữa chiều và ở lại suốt buổi tối. Mặc dầu tiểu thư Marya và Natasa rõ ràng đều vui sướng được tiếp chàng, mặc dầu bao nhiêu hứng thú của đời Pier nay đã tập trung vào ngôi nhà này, đến tối họ cũng vẫn chẳng còn chuyện gì để nói với nhau nữa, và câu chuyện cứ luôn luôn chuyển từ một đề tài không đâu sang một đề tài không đâu khác, và chốc chốc lại bị đứt quãng. Tối hôm ấy, Pier ngồi lâu đến nỗi nữ công tước Marya và Natasa đưa mắt nhìn nhau, rõ ràng là băn khoăn không biết chàng đã sắp ra về chưa. Pier biết thế nhưng không ra về được. Chàng thấy khó khăn, ngượng ngùng, nhưng chàng vẫn ngồi, bởi vì chàng không sao đứng dậy ra về được.

Công tước tiểu thư Marya mãi không thấy chàng cáo từ, bèn đứng dậy trước và kêu nhức đầu xin phép đi nghỉ.

– Thế ngày mai anh đi Pêterburg à? – nàng nói.

– Không, tôi không đi, – Pier hấp tấp nói, có vẻ ngạc nhiên và dường như có ý giận. – À, đi Pêterburg ấy à? Mai tôi sẽ đi, nhưng tôi chưa từ biệt hai tiểu thư. Tôi còn ghé lại xem hai tiểu thư có gửi gì không – chàng đứng trước tiểu thư Marya, mặt đỏ bừng, và vẫn không ra về.

Natasa đưa tay cho chàng rồi lui ra. Công tước tiểu thư Marya thì ngược lại, không lui ra mà lại gieo mình xuống ghế bành và đưa đôi mắt trong sáng, sâu thẳm nhìn Pier nghiêm nghị và chăm chú. Vẻ mệt mỏi rõ rệt của nàng lúc này đã mất hẳn. Nàng buông một tiếng thở dài nặng trĩu, dường như sửa soạn nói một câu chuyện dài.

Khi Natasa đã ra ngoài, tất cả vẻ bối rối và ngượng nghịu của Pier biến đi trong khoảnh khắc, nhường chỗ cho vẻ phấn khích và xúc động. Chàng hấp tấp dịch ghế lại gần tiểu thư Marya.

– Vâng, chính tôi cũng muốn nói với tiểu thư, – chàng nói để đáp lại cái nhìn của nàng như đáp lại một câu hỏi – Tiểu thư giúp tôi với. Tôi cần phải làm gì? Tôi có thể hy vọng được không? Tiểu thư ạ, chị ạ, hãy nghe tôi nói. Tôi biết hết. Tôi biết rằng tôi không xứng đáng với nàng, tôi biết nàng hiện nay không thể nói đến việc ấy được. Nhưng tôi muốn làm một người anh của nàng. Không, không phải thế... tôi không muốn, tôi không thể...

Chàng dừng lại, giơ tay lên vuốt mặt và dụi mắt.

– Thế này tiểu thư ạ, – chàng nói tiếp, hẳn là đang cố tự chủ để nói cho có mạch lạc – Tôi không biết tôi yêu nàng từ lúc nào. Nhưng tôi chỉ yêu có một mình nàng, suốt đời chỉ yêu nàng, và tôi yêu tha thiết đến nỗi tôi không thể nào hình dung một cuộc sống không có nàng được. Ngỏ lời cầu hôn nàng bây giờ thì không dám

nhưng khi nghĩ rằng có lẽ nàng có thể trở thành vợ tôi mà tôi lại bỏ lỡ mất... khả năng ấy... tôi thấy khủng khiếp quá. Chị ạ, tôi cần phải làm gì?... Tiểu thư thân mến ạ, – chàng nói sau một lát im lặng và chạm vào tay nàng, vì không thấy nàng trả lời.

– Tôi đang nghĩ về việc anh vừa nói, – công tước tiểu thư Marya đáp – Ý tôi thế này anh ạ. Anh nghĩ thế là phải, bây giờ mà nói chuyện tình yêu với Natasa... – công tước tiểu thư ngừng bặt. Nàng muốn nói: bây giờ mà nói chuyện tình yêu với Natasa thì không thể được, nhưng nàng dừng lại, và đã ba ngày nay sự thay đổi của Natasa đã cho nàng thấy rõ rằng nếu Pier thổ lộ tình yêu, không những Natasa sẽ không phật lòng, mà thậm chí đó còn là điều duy nhất nàng mong mỏi. Tuy vậy nàng vẫn nói:

– Bây giờ mà nói với Natasa... thì không được.

– Nhưng tôi cần phải làm gì?...

– Anh cứ để tôi thu xếp cho – công tước tiểu thư Marya nói – Tôi biết...

Pier nhìn vào mắt tiểu thư Marya.

– Thế thì, thế thì...

– Tôi biết rằng cô ấy yêu... sẽ yêu anh, – tiểu thư Marya chữa lại.

Nàng chưa kịp nói hết câu thì Pier đã đứng phắt dậy và vẻ mặt hoảng hốt, chàng nắm lấy tay tiểu thư Marya.

– Tại sao chị nghĩ như thế? Chị cho rằng tôi có thể hy vọng được ư? Chị nghĩ như thế thật à?

– Vâng, tôi nghĩ như thế, – tiểu thư Marya mỉm cười nói, – Anh viết thư cho hai cụ đi. Và cứ để tôi lo liệu. Có dịp tôi sẽ nói với cô ấy. Tôi cũng mong thế. Và lòng tôi đã cảm thấy rằng điều đó sẽ thực hiện.

– Không, không thể như thế được! Tôi sung sướng quá! Nhưng

lẽ nào lại có thể như thế... Tôi sung sướng quá! Không, không thể được! – Pier vừa nói vừa hôn tay tiểu thư Marya.

– Anh đi Pêterburg đi, như thế tốt hơn. Tôi sẽ viết thư cho anh, – nàng nói.

– Đi Pêterburg ư? Vâng, được, tôi sẽ đi. Nhưng ngày mai tôi có thể đến đây chứ?

Ngày hôm sau Pier đến chào hai người để lên đường. Natasa không có vẻ sôi nổi như mấy ngày trước, nhưng hôm ấy thỉnh thoảng nhìn vào mặt nàng, Pier thấy mình như tan biến đi, chẳng còn chàng, chẳng còn nàng nữa, mà chỉ còn một niềm hạnh phúc tràn trề. "Có lẽ nào? Không, không thể được" – cứ mỗi khóe nhìn, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của nàng Pier lại tự nhủ, lòng tràn đầy hạnh phúc.

Khi từ biệt nàng, Pier cầm lấy bàn tay thon gầy của nàng và bất giác giữ lại lâu lâu trong tay mình.

"Có lẽ nào bàn tay này, khuôn mặt, đôi mắt này, tất cả những cái kiều diễm quý giá vô ngần trong một người đàn bà xa lạ đối với ta, có lẽ nào tất cả những cái ấy sẽ vĩnh viễn là của ta, sẽ thành một cái gì quen thuộc như bản thân ta đối với ta? Không, không thể như thế được!..."

– Thôi bá tước đi nhé, – nàng nói to – Tôi sẽ nóng lòng chờ anh, – nàng thì thầm nói thêm.

Và những lời đơn giản này, khóe nhìn và vẻ mặt của nàng khi nói ra những lời ấy, trong hai tháng trời đã làm thành một cội nguồn không bao giờ cạn của những hồi tưởng, những cách lý giải và những ước mơ êm đẹp của Pier. "Tôi sẽ nóng lòng chờ anh... Phải, phải, nàng nói thế nào nhỉ? Phải, tôi sẽ nóng lòng chờ anh. Ồ, ta sung sướng quá! Làm sao thế nhỉ, ta sung sướng quá!" – Pier tự nhủ.

XIX

Trong tâm hồn Pier lúc này không hề thấy diễn ra một cái gì giống như trong thời gian chàng đính hôn với Êlen, tuy hoàn cảnh có thể tưởng chừng như tương tự.

Bây giờ chàng không thầm nhắc đi nhắc lại những lời đã nói ra với một nỗi hổ thẹn da diết như dạo ấy, chàng không tự nhủ: "Ồ, tại sao tại không nói như thế, và tại sao, tại sao lúc ấy ta lại nói "tôi yêu cô"?[1]. Bây giờ thì trái lại, mỗi lời nói của nàng hay của chàng, Pier đều nhắc lại trong tưởng tượng cùng với tất cả những chi tiết của gương mặt, nụ cười, và chàng không hề muốn thêm bớt gì vào đấy cả: chàng chỉ muốn nhắc lại mãi. Những nỗi ngờ vực không biết việc mình đang làm là tốt hay xấu bây giờ không còn lấy một dấu vết nào nữa. Chỉ còn một nỗi nghi hoặc khủng khiếp thỉnh thoảng hiện lên trong trí chàng. Tất cả những điều đó đều là chiêm bao chàng? Công tước tiểu thư Marya nhầm chăng? Ta có hợm mình và tự tin quá chăng? Ta cứ tin tưởng thế này, rồi bỗng nhiên – mà chắc rồi cơ sự phải như thế – rồi một hôm công tước tiểu thư sẽ nói với nàng, thế là nàng cười mỉm và đáp: "Lạ quá! Chắc anh ấy nhầm. Chả nhẽ anh ấy không biết rằng anh ấy là một con người, chỉ là một con người thôi, còn tôi?... Tôi là một cái gì khác hẳn cao hơn".

Chỉ có nỗi ngờ vực ấy thường đến với Pier. Bây giờ chàng cũng không dự tính trước điều gì cả. Chàng thấy hạnh phúc trước mắt có vẻ khó tin đến nỗi chỉ riêng điều đó thực hiện là đủ rồi, còn về sau không thể có gì khác nữa. Tất cả đều đã kết thúc.

---

1. I. Je vous aime.

Một trạng thái điên rồ hoan hỉ, bất ngờ mà Pier tưởng mình không thể có được, làm chủ tâm hồn chàng. Tất cả ý nghĩa cuộc sống, không phải đối với mình chàng mà đối với cả thế giới chàng thấy đều bao hàm trong tình yêu của chàng và cái khả năng được nàng yêu lại. Đôi khi chàng có cảm tưởng mọi người đều chỉ bận tâm nghĩ đến một điều duy nhất: hạnh phúc tương lai của chàng. Đôi khi chàng có cảm tưởng họ cũng vui mừng như chính chàng, chẳng qua họ cố che giấu nỗi vui mừng ấy đi và giả vờ như đang bận lo đến những việc khác mà thôi. Trong mỗi lời nói, mỗi cử chỉ chàng đều thấy họ có ý ám chỉ đến hạnh phúc của chàng. Chàng thường làm cho những người gặp chàng phải ngạc nhiên vì những cái nhìn và nụ cười sung sướng đầy ý nghĩa biểu lộ một sự thỏa thuận thầm kín giữa chàng với họ. Nhưng những khi chàng hiểu rằng người ta có thể không biết đến hạnh phúc của chàng, chàng thành tâm thương hại họ và muốn tìm cách cắt nghĩa cho họ rõ rằng tất cả những điều đang khiến họ bận tâm đều là những điều hoàn toàn nhảm nhí, vô nghĩa, không đáng cho họ lưu ý.

Những khi người ta đề nghị chàng ra làm việc nhà nước, hoặc những khi người ta bàn luận những vấn đề chung chung về quốc sự, về chiến tranh, làm như là hạnh phúc của mọi người đều lệ thuộc vào kết quả này nọ của các biến cố, chàng lắng nghe với một nụ cười thương hại dịu dàng và làm cho những người nói chuyện với chàng phải ngạc nhiên vì những lời nhận xét kỳ quặc của chàng. Nhưng dù là những người mà Pier cho là hiểu rõ ý nghĩa chân chính của cuộc sống – tức là tình yêu của chàng – hay là những kẻ bất hạnh hiển nhiên không hiểu nổi điều đó cũng vậy, trong thời gian ấy mọi người đều hiện ra trước mắt chàng dưới ánh hào quang của cái tình cảnh đang chói lọi trong lòng chàng, cho nên hễ gặp người nào, là chàng thấy rõ ngay, không phải cố gắng một mảy may nào, tất cả những gì tốt đẹp và đáng mến trong con người đó.

Xem xét những công việc và giấy tờ của người vợ quá cố, chàng không thấy có cảm xúc gì ngoài lòng thương hại đối với nàng, vì nàng không được biết cái hạnh phúc mà nay chàng đang được hưởng. Công tước Vaxili, bấy giờ đang rất hãnh diện vì mới được thăng chức và thưởng bội tinh, chàng lại thấy là một ông già tốt bụng hiền lành, đáng thương.

Về sau Pier thường hay nhớ lại lài cái thời gian điên rồ đầy hạnh phúc này. Tất cả những điều phê phán của chàng về người và việc trong thời gian ấy, mãi mãi về sau chàng vẫn thấy là đúng. Về sau không những chàng không từ bỏ cách nhìn ấy đối với người và việc, mà trái lại trong những lúc ngờ vực và mâu thuẫn nội tâm chàng còn tìm đến cách nhìn của chàng trong thời gian điên rồ ấy, và cách nhìn ấy bao giờ cũng tỏ ra đúng đắn.

"Có lẽ hồi ấy ta có kỳ quặc buồn cười thật, – chàng thường nghĩ, nhưng hồi ấy ta không đến nỗi điên như họ có thể tưởng.

Trái lại, hồi ấy ta thông minh và sắc sảo hơn lúc nào hết, và hiểu được tất cả những gì đáng hiểu trong cuộc sống, bởi vì hồi ấy... ta sung sướng". Sự điên rồ của Pier là ở chỗ chàng không chờ đợi tìm thấy như trước kia những lý do cá nhân mà chàng gọi là giá trị của con người rồi sau mới yêu mến họ, mà tình yêu mến tràn ngập lòng chàng, chàng yêu mọi người một cách vô cớ, và tìm thấy những lý do chắc chắn khiến cho họ xứng đáng được yêu mến.

XX

Từ cái buổi tối đầu tiên sau khi Pier ra về, Natasa với một nụ cười tinh nghịch vui vẻ nói với công tước tiểu thư Marya rằng Pier trông hệt như người vừa mới tắm xong, với chiếc áo đuôi én, với bộ

tóc cắt ngắn từ giờ phút ấy có một cái gì thầm kín mà chính nàng cũng không biết, không sao cưỡng nổi, đã bừng tỉnh trong lòng Natasa.

Tất cả: vẻ mặt, dáng đi, khóe nhìn, giọng nói – tất cả đều bỗng nhiên thay đổi trong người nàng. Những điều mà chính nàng cũng không ngờ tới – sức sống, những niềm hy vọng hạnh phúc – đã trỗi dậy và đòi được thỏa mãn. Từ tối hôm đầu, Natasa dường như đã quên tất cả những việc đã xảy đến với nàng. Từ buổi ấy, nàng không lần nào than phiền về cảnh ngộ của mình, không nói lấy một lời nào về dĩ vãng và không còn sợ xây đắp những dự định vui vẻ cho tương lai. Nàng ít nói đến Pier, nhưng khi tiểu thư Marya nhắc đến chàng, một ánh sáng đã tắt ngấm từ lâu bỗng dưng lại bừng sáng lên trong mắt nàng, và môi nàng mỉm cười một nụ cười kỳ lạ.

Sự thay đổi của Natasa thoạt tiên làm cho công tước tiểu thư Marya ngạc nhiên, nhưng khi nàng đã hiểu được ý nghĩa của sự thay đổi ấy, nó lại làm cho nàng phiền lòng. "Lẽ nào cô ấy yêu anh mình ít đến nỗi có thể quên chóng như vậy!" – nữ công tước Marya tự nhủ mỗi khi ngẫm nghĩ về sự thay đổi đã diễn ra trong Natasa. Nhưng khi ở bên cạnh Natasa thì tiểu thư không giận và không trách nàng. Cái sức sống mới bừng tỉnh dậy và đang khống chế Natasa rõ ràng là mãnh liệt, bất ngờ và không sao cưỡng nổi đối với chính bản thân Natasa, đến nỗi những khi có Natasa bên cạnh, tiểu thư Marya cảm thấy mình không có quyền trách móc nàng dù chỉ trong thâm tâm thôi cũng vậy.

Natasa buông mình theo tình cảm mới một cách trọn vẹn và chân thành đến nỗi nàng cũng không cố che giấu rằng bây giờ nỗi buồn đã nhường chỗ cho niềm vui.

Đêm hôm ấy, khi công tước tiểu thư Marya trở về phòng sau cuộc nói chuyện với Pier, Natasa đón nàng trên ngưỡng cửa.

– Anh ấy nói rồi à? Đúng không? Anh ấy nói rồi à? – Natasa hỏi đi hỏi lại. Và một sắc thái vừa vui mừng vừa tội nghiệp, như van lơn bạn tha thứ cho nỗi vui mừng của mình, ngưng lại trên gương mặt Natasa.

– Em định đứng nghe lỏm ở ngoài cửa, nhưng em biết rằng chị sẽ nói lại với em.

Công tước tiểu thư Marya rất hiểu và rất cảm động trước đôi mắt của Natasa đang nhìn nàng, nàng rất thương xót khi thấy bạn xúc động như vậy, nhưng thoạt tiên những lời nói của Natasa vẫn làm cho công tước tiểu thư Marya chạnh lòng. Nàng nhớ đến công tước Andrey đến tình yêu của chàng.

"Nhưng biết làm thế nà được! Natasa không thể có cách nào khác" – tiểu thư Marya thầm nghĩ, và với vẻ mặt buồn rầu và hơi nghiêm nghị, nàng thuật lại cho Natasa nghe tất cả những điều Pier đã nói với nàng. Nghe nói chàng sắp đi Pêterburg, Natasa sửng sốt:

– Đi Pêterburg! – nàng nhắc lại, tựa hồ như không hiểu. Nhưng nhìn vào vẻ mặt buồn rầu của tiểu thư Marya nàng đoán ra nguyên do đã khiến cho bạn buồn và bỗng khóc òa lên.

– Mari, – nàng nói, – chị hãy cho em biết nên thế nào, em sợ em xấu xa... Mari bảo gì, em cũng sẽ làm theo, bảo với em...

– Natasa yêu anh ấy chứ.

– Vâng, – Natasa thì thầm.

– Thế tại sao Natasa lại khóc. Mình mừng cho Natasa – công tước tiểu thư Marya nói, chỉ những giọt nước mắt ấy thôi cũng đã đủ cho nàng hoàn toàn tha thứ cho nỗi vui mừng của Natasa.

– Sẽ còn lâu, sau này kia, Marya, chị thử nghĩ mà xem, sung sướng biết chừng nào khi em sẽ là vợ anh ấy, còn chị thì lấy anh Nicola.

– Natasa, mình đã xin Natasa đừng nói đến việc ấy. Chúng mình hãy nói đến Natasa thôi.

Hai người im lặng một lát.

– Nhưng tại sao lại phải đi Pêterburg? – Natasa bỗng thốt lên, rồi tự mình vội vã, trả lời, – không, không cần phải thế... Đúng không, Mari? Cần phải như thế...

VĨ THANH

PHẦN THỨ NHẤT

I

Bảy năm đã trôi qua kể từ những biến cố năm 1912. Đại dương lịch sử của Châu Âu, sau cơn sóng gió ba đào, đã trở lại yên tĩnh. Nó có vẻ như đã lặng, nhưng những sức mạnh huyền bí thúc đẩy nhân loại (huyền bí bởi vì chúng ta không biết những quy luật quy định sự vận động của nó) vẫn tiếp tục tác động.

Tuy mặt biển lịch sử có vẻ im lìm, nhưng sự vận động của nhân loại vẫn tiếp diễn không ngừng chẳng khác gì sự vận động của thời gian. Những nhóm người khác nhau tập hợp rồi lại phân tán, những nguyên nhân làm cho các quốc gia hình thành và tan rã, làm cho các dân tộc thiên di, vẫn đang dần dần được chuẩn bị.

Đại dương lịch sử không chuyển động thành từng đợt sóng xô từ bờ này sang bờ kia như trước: nó đang sôi sục ở tận dưới đáy sâu. Các nhân vật lịch sử không bị sóng cuốn đi từ bờ này sang bờ kia như trước, bây giờ hình như họ quay tròn ở một chỗ. Các nhân vật lịch sử, trước kia, phản ánh ở cương vị tướng soái cuộc vận động của quần chúng bằng những mệnh lệnh chiến đấu, xuất binh, xung trận thì nay lại phản ánh sự vận động sôi sục này bằng những âm mưu chính trị và ngoại giao; bằng những đạo luật, những hiệp ước...

Các sử gia gọi hoạt động này của các nhân vật lịch sử là hành vi phản động.

Trong khi miêu tả hoạt động của các nhân vật lịch sử này, mà họ cho là nguyên nhân của cái gọi là hành vi phản động, các sử gia đã nghiêm khắc lên án họ. Tất cả các nhân vật nổi tiếng trong thời đại ấy, kể từ Alekxandr và Napôleông cho đến bà Đờ Xtal, các ông Fotyux, Selling, Fichtơ, Satôbriăng v.v...[1] đều bị họ phê phán nghiêm khắc và bị kết án hay được thanh minh tùy ở chỗ họ góp sức vào phe tiến bộ hay phe phản động.

Theo miêu tả của họ, trong thời kỳ ấy ở Nga cũng diễn ra những hành vi phản động mà người chủ mưu là Alekxandr đệ nhất, đúng cái ông Alekxandr mà chính họ đã miêu tả như là người thủ xướng những công cuộc có xu hướng tự do trong thời kỳ đầu của triều đại và là người đã cứu nước Nga.

Trong các sách vở của người Nga hiện nay, từ cậu học sinh trung học đến nhà sử học thông thái không ai không công kích Alekxandr về những hành động sai lầm của ông trong giai đoạn này.

"Đáng lý ông ta phải hành động thế này, thế nọ. Trong trường hợp này ông làm đúng, trong trường hợp kia ông làm sai. Ông đã xử sự rất tài tình trong thời gian đầu trị vì và năm 1812 nhưng ông đã hành động kém cỏi khi ban hành hiến pháp cho nước Ba Lan, thành lập Liên minh Thần thánh, giao quyền cho Araktseyev, khuyến khích Golixyn và chủ nghĩa thần bí, và sau đó lại khuyến khích Siskov và Fotyux. Ông ta làm sai khi giải tán trung đoàn Xemenovxki[2].

1. Phôtuys (1792 - 1838) Tu viện trưởng đã ảnh hưởng đến chính sách phản động của Alekxandr I; Selling (1775 - 1854) triết gia duy tâm Đức; Phichtơ (1762 - 1814) triết gia duy tâm chủ quan Đức; Satôbriang (1768 - 1848) văn sĩ phản động Pháp.

2. Một đơn vị cận vệ. Sau cuộc chiến tranh 1812, có một phong trào mạnh mẽ chống lại chế độ hà khắc trong quân đội. Trung đoàn Xemenovxki khởi nghĩa vào tháng 10 năm 1820, bị trấn áp dữ dội và bị giải tán.

Phải mất hàng chục tờ giấy mới có thể kể hết những điều mà các sử gia đã trách cứ ông, căn cứ trên những hiểu biết của họ về hạnh phúc của nhân loại

Những lời trách cứ kia có ý nghĩ gì?

Ngay cả những hành động của Alekxandr được các sử gia khen ngợi, chẳng hạn: những việc làm có xu hướng tự do trong thời kỳ đầu triều đại, cuộc đấu tranh chống Napôleông, thái độ kiên quyết năm 1812 và cuộc viễn chinh năm 1813, chẳng qua cũng đều xuất phát từ những cội nguồn làm thành cái cá tính của Alekxandr huyết thống, giáo dục, sinh hoạt, và đồng thời cũng là những nguyên nhân làm nảy sinh những hành động mà các sử gia phê phán như thành lập Liên minh Thần thánh, phục hồi nước Ba Lan, mưu mô phản động trong những năm hai mươi.

Vậy thì những lời trách cứ ấy thực chất là thế nào? Đó là: một nhân vật lịch sử như Alekxandr I, người đứng ở bậc thang cao nhất của quyền lực mà con người có thể đạt tới, có thể nói là đứng ở cái tiêu điểm sáng lòa tập trung tất cả những luồng ánh sáng lịch sử, con người chịu ảnh hưởng mạnh nhất thế giới của những âm mưu, những sự dối trá, những lời nịnh hót, những ảo tưởng về mình, những điều vốn gắn bó khăng khít với quyền lực, con người mà phút nào cũng cảm thấy mình chịu trách nhiệm về tất cả những điều gì xảy ra ở châu Âu, lại không phải là một con người tưởng tượng ra mà là một con người có thật, sống như tất cả mọi người với những tập quán riêng, những dục vọng, những chí hướng vươn tới chân, thiện, mỹ, – con người ấy cách đây năm mươi năm không phải là không có đạo đức (các sử gia không chê trách ông về mặt này) nhưng ông ta không quan niệm hạnh phúc của nhân loại như một vị giáo sư ngày nay, tức là một người từ lúc còn trẻ đã nghiên cứu khoa học, tức là đọc sách, đọc những bài giảng và ghi những điều đã đọc trong sách và những bài giảng ấy vào một quyển vở.

Nhưng dù cứ cho Alekxandr cách đây năm mươi năm đã quan niệm sai về vấn đề hạnh phúc của các dân tộc thì như vậy vô hình chung cũng giả thiết rằng quan niệm về vấn đề này của nhà sử học hiện đang phê phán Alekxandr, ít lâu nữa cũng sẽ thành ra sai lầm. Giả thiết này lại càng dĩ nhiên và tất yếu bởi vì nếu ta theo dõi sự phát triển của lịch sử, ta sẽ thấy rằng cứ mỗi năm, với mỗi tác giả mới, cái quan niệm về hạnh phúc của nhân loại lại thay đổi, như vậy là cái trước kia được xem là tốt thì mười năm sau sẽ là xấu và ngược lại. Không những thế, còn có thể thấy trong lịch sử có nhiều quan điểm hoàn toàn đối lập cùng tồn tại một lúc, về vấn đề cái gì là tốt cái gì là xấu, có người cho việc Alekxandr ban hành hiến pháp cho nước Ba Lan và thành lập Liên minh Thần thánh là một công lao, có người lại cho đó là một lỗi lầm.

Còn về hoạt động của Alekxandr và Napôleông thì không thể nào nói là có ích hay có hại, bởi vì chúng ta không thể nói nó có ích cho cái gì và có hại cho cái gì. Nếu hoạt động này không làm cho một người nào đấy vừa lòng, thì đó chẳng qua là nó không phù hợp với quan niệm của người đó về vấn đề thế nào là tốt. Dù tôi có quan niệm điều tốt đây là năm 1812 ngôi nhà của cha tôi ở Maxkva vẫn được nguyên vẹn, hay là vinh quang của quân đội Nga, hay là sự phát triển của trường đại học Pêterburg hay của các trường đại học khác, hay là nền tự do của Ba Lan, hay là sự cường thịnh của nước Nga, hay là thế quân bình của châu Âu, hay là một hình thức khai hóa nào đó ở châu Âu mệnh danh là sự tiến bộ, thì tôi cũng cứ phải thừa nhận rằng hoạt động của bất kỳ nhân vật lịch sử nào ngoài những mục đích này còn có những mục đích khác khái quát hơn và tôi không hiểu nổi.

Nhưng ta hãy thử giả thiết rằng cái gọi là khoa học có thể điều hòa mọi mâu thuẫn và có một tiêu chuẩn cố định để đánh giá cái tốt và cái xấu đối với những nhân vật và những biến cố lịch sử.

Ta hãy giả thiết rằng Alekxandr lẽ ra có thể tiến hành mọi

việc một cách khác. Ta hãy giả thiết rằng theo chỉ thị của những người trách cứ ông, những người tự do biết được mục đích cuối cùng của sự vận động nhân loại, ông ta đã theo đúng cái cương lĩnh của quyền lợi dân tộc, của tự do, bình đẳng và tiến bộ (hình như không có cái gì mới hơn nữa) mà những người hiện nay trách cứ ông đã cấp cho ông. Ta hãy giả thiết rằng cái cương lĩnh ấy có thể thực hiện được, đã vạch xong và Alekxandr đã hành động theo cương lĩnh ấy. Nếu vậy, hoạt động của tất cả những người phản đối xu hướng đương thời của chính phủ (hoạt động mà các sử gia cho là tốt và có ích) sẽ ra sao? Hoạt động ấy sẽ không có, sự sống sẽ không có, sẽ chẳng có gì hết.

Cho rằng sự sống của con người có thể tuân theo sự chỉ huy của lý trí tức là phủ nhận khả năng tồn tại của sự sống.

II

Nếu ta thừa nhận, như các sử gia vẫn làm, rằng các vĩ nhân đưa nhân loại đến những mục đích nhất định: hoặc là sự cường thịnh của nước Nga hay nước Pháp, hoặc là thế quân bình của châu Âu, hoặc là việc truyền bá những tư tưởng cách mạng, hoặc là sự tiến bộ chung, hoặc bất cứ cái gì đi nữa, thì ta không thể nào cắt nghĩa các biến cố lịch sử mà không dùng đến hai khái niệm là ngẫu nhiên, và thiên tài.

Nếu mục đích của những cuộc chiến tranh ở châu Âu đầu thế kỷ này là sự cường thịnh của nước Nga, thì dù không có những cuộc chiến tranh trước đó và không có cuộc xâm lăng, mục đích này vẫn có thể đạt được. Nếu mục đích là sự vĩ đại của nước Pháp, thì không cần có Cách mạng và Đế chế mục đích này cũng vẫn có thể đạt được. Nếu mục đích là truyền bá tư tưởng thì ấn loát còn

thực hiện nhiệm vụ ấy có kết quả hơn quân đội nhiều, nếu mục đích là sự tiến bộ của nền văn minh thì có thể giả thiết rất dễ dàng rằng ngoài cách bắn giết và phá hủy tài sản của người ta, còn có những cách khác hiệu nghiệm hơn nhiều để truyền bá văn minh.

Vậy thì tại sao sự việc lại xảy ra như vậy chứ không phải xảy ra một cách khác?

Bởi vì nó đã xảy ra như vậy. "Ngẫu nhiên đã tạo ra tình hình kẻ thiên tài đã lợi dụng nó" – sử học nói như vậy.

Nhưng ngẫu nhiên là gì? Thiên tài là gì? Hai danh từ ngẫu nhiên và thiên tài không chỉ một cái gì thực tế tồn tại cho nên không thể nào định nghĩa được. Những danh từ này chỉ nói lên một trình độ nhất định trong việc hiểu biết các hiện tượng. Tôi không biết tại sao một hiện tượng nào đó lại xảy ra, tôi nghĩ rằng tôi không thể nào biết được, vì vậy tôi không muốn biết, và tôi nói: đó là ngẫu nhiên. Tôi thấy một sức mạnh gây nên một tác dụng vượt hẳn lên trên mọi thuộc tính chung của con người tôi không hiểu tại sao lại như thế, và tôi nói: đó là thiên tài.

Đối với một đàn cừu, thì con cừu mỗi buổi chiều được người chăn cừu đưa đến một cái chuồng riêng và vỗ béo gấp đôi những con khác cần phải xem là một thiên tài. Chiều nào cũng vẫn con cừu ấy không ở trong chuồng chung mà được đưa sang một chuồng riêng để ăn phần yến mạch, rồi đến khi đã béo tốt chính con cừu ấy được đưa ra làm thịt: hai hiện tượng đó phải được xem là một sự phối hợp kỳ lạ của thiên tài với cả một loạt những trường hợp ngẫu nhiên ít có.

Nhưng chỉ cần giống cừu đừng nghĩ rằng tất cả những điều chúng gặp đều xảy ra nhằm mục đích của loài cừu, chỉ cần chúng cho rằng những điều chúng gặp có thể có những mục đích mà chúng không hiểu nổi, là lập tức chúng sẽ thấy được tính thống nhất và liên quan chặt chẽ trong những điều xảy ra đến với con cừu được vỗ béo. Dù chúng không biết con cừu kia được vỗ cho béo nhằm

tộc châu Âu từ Tây sang Đông rồi lại từ Đông sang Tây. Cuộc di chuyển đầu tiên là cuộc di chuyển từ Tây sang Đông. Để cho các dân tộc ở phương Tây có thể thực hiện cuộc di chuyển đến tận Maxkva, cần phải có những điều kiện sau đây: 1. họ phải tập hợp lại thành một tổ chức quân sự to lớn đến mức có thể chạm trán với tổ chức quân sự của phương Đông. 2. họ phải phủ nhận tất cả những truyền thống và tập quán đã có và, 3. để thực hiện cuộc di chuyển họ phải có một người cầm đầu có thể biện hộ cho bản thân cũng như cho họ về tất cả những hành động lừa dối, cướp bóc và tàn sát đã xảy ra trong cuộc tiến quân này.

Và bắt đầu từ cuộc cách mạng Pháp, cái tổ chức cũ không đủ to lớn đã sụp đổ, những tập quán và truyền thống cũ đã bị thủ tiêu, từng bước một, dần dần hình thành một tổ chức có những quy mô mới, những tập quán và những truyền thống mới, thế rồi hình thành con người có nhiệm vụ cầm đầu cuộc di chuyển sau này và lãnh hết phần trách nhiệm về những việc sẽ xảy ra.

Con người ấy vốn không có chính kiến, không có tập quán, không có truyền thống, không có tên tuổi, thậm chí cũng không phải là người Pháp nữa, hình như do những việc ngẫu nhiên hết sức kỳ lạ, bỗng len lỏi giữa tất cả những đảng phái đang làm cho nước Pháp náo động, và không theo đảng phái nào, đã tiến lên chiếm một địa vị hiển hách.

Sự ngu dốt của những người đồng sự, sự nhu nhược và bất tài của những kẻ đối địch, sự chân thành trong khi lừa dối, tính thiển cận hào nhoáng và tự phụ của con người này đã đưa ông ta lên địa vị cầm đầu quân đội. Cái tập thể binh sĩ ưu tú của quân đoàn Ý-đại-lợi kết hợp với sự bạc nhược của một đối phương không có ý chí chiến đấu, tính táo bạo và lòng tự tin ngây thơ đã đem lại vinh quang quân sự cho ông ta. Vô số những trường hợp gọi là ngẫu nhiên đâu đâu cũng đi kèm theo ông ta. Việc ông thất sủng đối với những người cầm quyền ở Pháp lại có lợi cho ông ta. Những cố

mục đích gì thì ít nhất chúng cũng sẽ biết rằng tất cả những điều con cừu kia gặp đều phải xảy ra một cách ngẫu nhiên, và cũng sẽ không cần đến khái niệm ngẫu nhiên cũng như khái niệm thiên tài nữa.

Chỉ có cách đừng đi tìm một mục đích gần gũi có thể hiểu được và thừa nhận rằng không thể nào hiểu được mục đích cuối cùng, ta mới thấy được tính chất nhất quán và hợp lý trong đời sống của các nhân vật lịch sử, ta sẽ phát hiện được nguyên nhân sự bất tương xứng giữa hành vi của họ với năng lực của con người nói chung, và chúng ta không cần đến hai danh từ ngẫu nhiên và thiên tài nữa.

Ta chỉ cần thừa nhận rằng mình không biết được mục đích những biến động của các dân tộc châu Âu, mà chỉ biết những hành động tàn sát đã xảy ra thoạt tiên ở Pháp, rồi ở Ý, ở châu Phi, ở Áo, ở Tây Ban Nha, ở Nga, và cuộc vận động từ Tây sang Đông rồi lại từ Đông sang Tây chính là thực chất của những biến cố này, thế là ta không những không cần thấy có gì là phi thường, là thiên tài trong tính cách của Napôleông và của Alekxandr mà còn thấy rõ rằng tất cả những biến cố nhỏ nhặt này đều tất yếu.

Một khi đã thừa nhận rằng không sao biết được mục đích cuối cùng, ta sẽ thấy rõ điều này: nếu đã không thể nào tưởng tượng ra rằng một giống cây nào đó có thể có một loài hoa và một thứ hạt giống thích hợp hơn loài hoa và thứ hạt giống mà nó sản sinh ra, thì cũng không thể nào tưởng tượng ra được hai người khác với tất cả những điều họ đã trải qua lại có thể thích hợp như vậy ngay đến từng chi tiết nhỏ nhặt, với sứ mệnh mà họ có nhiệm vụ thực hiện.

III

Sự kiện căn bản chủ yếu trong những biến cố ở châu Âu đầu thế kỷ này là cuộc di chuyển có tính chất quân sự của các khối dân

gắng của ông ta nhằm thay đổi con đường đã định sẵn cho mình đều thất bại: người ta không cho ông ta sang Nga, và ông ta xin sang Thổ Nhĩ Kỳ cũng không được[1]. Trong cuộc chiến tranh Ý-đại-lợi ông ta đã mấy lần nguy đến tính mạng, và mỗi lần như thế đều thoát chết một cách bất ngờ. Quân đội Nga là quân đội duy nhất có thể làm tiêu ma vinh quang của ông ta, thì vì những lý do ngoại giao này nọ lại không tiến vào châu Âu khi ông đang ở đấy[2].

Ở Ý về, ông thấy chính phủ Pari đang trong quá trình tan rã và những người tham gia chính phủ này thế nào cũng bị quét sạch và bị tiêu diệt. Và cái lối thoát có thể đưa ông ra khỏi cái tình cảnh hiểm nghèo này bỗng dưng tự nó hiện ra: đó là cuộc viễn chinh vô nghĩa và vô cớ sang châu Phi.

Thế rồi những cái gọi là ngẫu nhiên lại giúp đỡ cho ông ta. Đảo Malta vốn nổi tiếng là hiểm yếu và kiên cố đã đầu hàng không bắn một viên đạn, những kế hoạch liều lĩnh, sơ hở nhất của ông đều thu được thắng lợi. Hạm đội địch sau này sẽ không để lọt một chiếc thuyền con nào, lần ấy lại để cho cả quân đội của ông ta đi qua. Ở châu Phi cả một loạt hành động tàn bạo đã được thực hiện chống lại những người dân hầu như không có vũ khí. Ấy thế mà những thủ phạm nhất là người cầm đầu của họ, lại tự nhủ rằng đó là những việc đẹp đẽ quang vinh tương tự như những hành động của Xêzar và Alekxandr vua Makêđoni.

Cái lý tưởng vinh quang và vĩ đại ở đây tức là không những không thấy có gì sai lầm trong những việc mình đã làm mà còn lấy làm hãnh diện về tất cả những tội ác mình đã phạm, gán cho nó một ý nghĩa siêu phàm không thể hiểu được, - cái lý tưởng chỉ đạo con người này và những kẻ liên quan đến ông ta, - đã hình thành

1. Tháng 8 năm 1895 Napôleông xin chính phủ phái đến Thổ Nhĩ Kỳ để cải tổ pháo binh.

2. Năm 1897 Napôleông sang AiCập. Năm 1899 quân Nga do Xuvorov chỉ huy tiến vào Ý-đại-lợi, đánh bại Morô ở Calsano, đánh bại Mac Đonal ở Trebbia, đánh bại Jubert ở Nọvy.

một cách tự do ở Phi châu. Tất cả những việc ông ta làm đều thành công. Bệnh dịch hạch không đụng đến ông ta. Việc ông ta tàn sát tù binh một cách dã man không bị xem là một tội ác. Việc ông ta rời châu Phi, bỏ rơi các bạn chiến đấu trong cơn hoạn nạn là một hành động hồ đồ của trẻ con, không có lý do và chẳng cao quý một chút nào, nhưng lại được xem là một công lao, và hạm đội của địch lại hai lần để cho ông ta đi lọt. Đến khi ông về Pari một cách vu vơ, đầu óc đã hoàn toàn mê muội vì những tội ác đã trót lọt, sẵn sàng đóng vai trò của mình, thì tình trạng tan rã của cái chính phủ cộng hòa mà một năm trước đây có thể nguy hại cho ông ta, bây giờ đã lên đến cùng cực, và sự có mặt của ông, một con người mới không thuộc đảng phái nào, nay chỉ có thể đề cao ông lên mà thôi.

Ông ta không có một chương trình hành động nào, cái gì ông ta cũng sợ, nhưng các chính đảng bám lấy ông ta và khẩn khoản mời ông gia nhập.

Chỉ có một mình ông ta với cái lý tưởng về vinh quang và vĩ đại đã hình thành ở Ý và ở Ai-cập, với lòng sùng bái bản thân một cách điên cuồng, với thái độ táo bạo trong tội ác, chân thành trong dối trá, chỉ có ông ta mới có thể biện hộ cho những điều sẽ phải xảy ra.

Ông ta cần thiết cho cái địa vị đang chờ đợi mình, và chính vì vậy, hầu như bất chấp ý muốn của mình và tuy đang phân vân lưỡng lự, tuy chưa có kế hoạch gì, tuy đã phạm đủ các sai lầm, ông cũng bị lôi cuốn vào một cuộc âm mưu cướp chính quyền và âm mưu này đã thành công.

Người ta đẩy ông vào dự phiên họp của hội đồng chấp chính. Hoảng sợ, ông muốn bỏ chạy, cho là mình chết đến nơi rồi, ông giả vờ ngất đi, ông nói những điều vô nghĩa đáng lẽ phải làm cho ông mất mạng. Nhưng những người cầm đầu nước Pháp, trước kia thông minh và tự hào là thế, bây giờ lại cảm thấy vai trò của mình đã hết, nên còn bối rối hơn cả ông ta nữa, và phát biểu những lời khác

hẳn những lời đáng lẽ phải nói để giữ lấy chính quyền và hãm hại ông.

Sự ngẫu nhiên, hàng triệu việc ngẫu nhiên đã trao chính quyền cho ông, và mọi người hầu như đã thỏa thuận với nhau, đều góp phần củng cố cái chính quyền ấy. Những sự ngẫu nhiên đã tạo nên tính cách của những người cầm quyền ở Pháp lúc bấy giờ đã chịu phục tùng ông, sự ngẫu nhiên đã tạo nên tính cách của Pavel I là người thừa nhận quyền lực của ông, sự ngẫu nhiên đã tạo nên một cuộc mưu sát không những không làm hại đến ông mà còn làm cho quyền lực của ông thêm vững chắc. Ngẫu nhiên đã đặt công tước Anghien vào tay ông và tình cờ buộc ông giết chết công tước mặc dù ông không muốn, và sự tình cờ này đã thuyết phục quần chúng mạnh mẽ hơn tất cả những việc khác, cho họ thấy rằng ông ta có lý vì ông ta có sức mạnh. Ngẫu nhiên đã khiến ông dốc toàn lực để thực hiện một cuộc viễn chinh sang Anh (một cuộc viễn chinh hiển nhiên là sẽ tiêu diệt ông), nhưng rồi không bao giờ thực hiện kế hoạch này, mà lại tấn công Mack và quân Áo một cách bất ngờ và đạo quân này đã đầu hàng không chiến đấu. Ngẫu nhiên và thiên tài đã làm cho ông chiến thắng ở Auxterlitx và tình cờ tất cả mọi người, không riêng gì ở Pháp mà trên toàn cõi châu Âu cũng thế - trừ nước Anh là nước sẽ không tham dự vào những biến cố sẽ xảy ra - tất cả mọi người, mặc dầu trước kia vẫn ghê sợ những tội ác của ông, bây giờ đều thừa nhận quyền lực của ông, thừa nhận cái danh vị mà ông tự khoác cho mình cũng như cái lý tưởng của ông về quang vinh và vĩ đại mà bây giờ ai cũng cảm thấy là một cái gì tốt đẹp và hợp lý.

Dường như để ướm thử và chuẩn bị cho cuộc di chuyển sắp đến, những lực lượng của phương Tây đã mấy lần trong những năm 1805, 1806, 1807, 1809 cố gắng tiến về phương Đông, mỗi lần một đông hơn và mạnh hơn. Năm 1811, một đoàn người vũ trang hình thành ở Pháp, hợp với các dân tộc Trung Âu làm thành một

khối người đồ sộ. Cái khối này ngày càng tăng lên thì các sức biện hộ của con người cầm đầu cuộc di chuyển cũng càng mạnh hơn. Trong khoảng mười năm chuẩn bị trước khi diễn ra cuộc di chuyển vĩ đại này, con người ấy giao dịch với tất cả các đế vương ở châu Âu. Các vị chúa tể của thế giới này, là những kẻ đã bị lột mặt nạ, không thể nào đưa ra một lý tưởng nào hợp lý để chống đối lại với cái lý tưởng vô nghĩa của ông về vinh quang và vĩ đại. Họ lần lượt thi nhau tìm cách biểu lộ cho ông ta thấy rõ cái nhân cách không ra gì của họ. Vua Phổ cho vợ đến cầu xin ân huệ của bậc vĩ nhân; hoàng đế Áo coi việc ông ta nhận con gái mình làm nàng hầu là một ân huệ; giáo hoàng, người giữ gìn thánh địa của các dân tộc, dùng tôn giáo của mình để đề cao uy danh của bậc vĩ nhân. Bản thân Napôleông tự chuẩn bị vai trò của mình ít hơn là mọi người chung quanh chuẩn bị cho ông ta nhận hết phần trách nhiệm về những việc đang xảy ra và sẽ phải xảy ra. Không có lấy một hành động, một tội ác, một mánh khóe lừa bịp vụn vặt nào của ông ta mà những người chung quanh lại không lập tức tán tụng như một hành động cao cả. Ngày hội tốt nhất mà người Đức có thể nghĩ ra để ca ngợi ông ta là hội ăn mừng hai trận Ienca và Auerstet. Không phải chỉ một mình ông ta vĩ đại mà cả tổ tiên, anh em ông ta, các con riêng của vợ ông ta, anh em vợ ông ta cũng đều vĩ đại cả. Mọi việc đều diễn ra nhằm làm cho ông ta mất hết những dấu vết cuối cùng của lý trí và chuẩn bị cho ông ta đóng các vai trò khủng khiếp của mình. Và đến khi ông ta đã sẵn sàng tì lực lượng ông cần đến cũng sẵn sàng.

Cuộc xâm lăng tràn sang phương Đông, dắt đến mục tiêu cuối cùng của nó là Maxkva. Thủ đô bị chiếm, quân đội Nga còn bị tổn thất nhiều hơn tất cả những đạo quân của đối phương trong những cuộc chiến tranh trước kia, từ Auxterlix đến Vagram. Thế rồi dùng một cái, thay cho những sự ngẫu nhiên, thay cho cái thiên tài vẫn nhất quán đưa ông ta đến mục đích đã định qua cả một loạt những

thành công liên tiếp, bỗng xảy ra vô số những việc ngẫu nhiên ngược lại, từ bệnh sổ mũi ở Borođino đến những cơn giá rét và những tia lửa đã đốt cháy Maxkva, thế là cái thiên tài kia nhường chỗ cho một sự ngu ngốc và hèn hạ nhất xưa nay chưa từng thấy.

Đạo quân xâm lược bỏ chạy, quay trở lại, chạy nữa và lần này tất cả những việc ngẫu nhiên lại luôn luôn chống lại ông ta chứ không ủng hộ ông ta nữa.

Một cuộc di chuyển ngược lại ở Đông sang Tây đã diễn ra, giống cuộc di chuyển trước đây từ Tây sang Đông một cách lạ lùng. Trước cuộc di chuyển to lớn này cũng đã có những cuộc thí nghiệm tiến quân từ Đông sang Tây vào những năm 1805, 1807, 1809, cũng có sự tập hợp những khối người ở những quy mô đồ sộ, những dân tộc ở Trung Âu cũng gia nhập cuộc di chuyển, cũng có sự dao động ở giữa đường và càng đến gần mục đích thì tốc độ càng tăng.

Pari, mục tiêu cuối cùng, đã đạt tới. Chính phủ và quân đội Napôleông bị tiêu diệt. Bản thân Napôleông không còn có chút ý nghĩa gì nữa: tất cả những hành động của ông ta đã rõ ràng là thảm hại và xấu xa. Nhưng một sự ngẫu nhiên không thể giải thích được lại xảy ra, đồng minh căm ghét Napôleông vì thấy ông ta là nguyên nhân làm họ nguy khốn, một khi ông ta đã mất lực lượng và quyền hành, một khi những tội ác và những trò man trá của ông ta đã bị bóc trần, đáng lẽ họ phải thấy ông ta đúng như mười năm trước và sau một năm sau - tức như một tên cường đạo ở ngoài vòng pháp luật. Nhưng do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, không ai thấy điều đó cả. Vai trò của ông ta chưa hết. Con người mà mười năm về trước và một năm về sau người ta cho là một tên cường đạo ở ngoài vòng pháp luật lại đưa đến một hòn đảo cách nước Pháp hai ngày thuyền, người ta cho ông làm chủ hòn đảo, cấp cho ông một đội bảo vệ và hàng triệu bạc để làm gì chẳng ai hiểu.

IV

Sự vận động của các dân tộc bắt đầu lắng lại. Những làn sóng của cuộc vận động to lớn đã hạ xuống và trên mặt biển yên lặng hiện ra những vòng tròn, trong đó có những nhà ngoại giao bơi thuyền qua lại và tưởng đâu chính mình đã làm cho mặt biển trở thành phẳng lặng.

Nhưng mặt biển lặng bỗng lại nổi sóng. Các nhà ngoại giao tưởng đâu những sự bất đồng của họ là nguyên nhân của cơn sóng gió mới. Họ chờ đợi chiến tranh xảy ra giữa các vị vua của họ, họ cảm thấy tình hình này không sao giải quyết nổi. Nhưng làn sóng mà họ cảm thấy dâng lên lại không xuất phát từ nơi họ dự kiến. Đó vẫn là làn sóng ngày trước và điểm xuất phát vẫn là Pari. Đó là làn sóng dội lại cuối cùng của cuộc vận động từ phương Tây, làn sóng này phải giải quyết được những khó khăn về ngoại giao tưởng chừng không giải quyết nổi và kết thúc cuộc vận động quân sự của thời đại này.

Con người đã làm cho nước Pháp tan hoang, một thân một mình, không có nội ứng, không có quân đội, đổ bộ lên đất Pháp. Bất cứ người lính gác nào cũng có thể bắt ông ta, nhưng do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, không những không ai bắt ông ta, mà mọi người còn hân hoan đón chào con người mà vừa mới hôm qua họ còn nguyền rủa và một tháng sau họ lại sẽ nguyền rủa.

Con người này cần thiết để biện hộ cho hồi kịch tập thể cuối cùng. Hồi kịch ấy đã diễn ra, vai trò cuối cùng đã đóng xong. Người ta bảo diễn viên cởi bỏ trang phục và lau sạch son phấn, người ta không cần đến hắn nữa.

Và mấy năm trôi qua: trong thời gian đó, sống cô đơn trên hòn

đảo, con người ấy lại tự diễn trước mặt mình một tấn kịch thảm hại, lại mưu mô dối trá để bào chữa cho những hành vi của mình trong khi sự bào chữa này không còn cần thiết nữa, và bày ra cho tất cả thế giới thấy rõ cái mà người ta cho là một sức mạnh khi có một bàn tay vô hình dắt dẫn nó thật ra là cái gì.

Khi vở kịch đã diễn xong và diễn viên đã cởi trang phục, nhà đạo diễn đưa hắn ra cho chúng ta xem và nói: – Hãy xem con người mà các anh đã tin tưởng! Đây, nó đây! Bây giờ các anh đã thấy rằng chính tôi chứ không phải nó chi phối các anh rồi chứ?

Nhưng bị quáng mắt vì sức mạnh của cuộc vận động, trong một thời gian dài, người ta vẫn không hiểu điều đó.

Cuộc đời của Alekxandr, con người cầm đầu cuộc vận động ngược lại từ Đông sang Tây, lại còn cho ta thấy một sự liên quan chặt chẽ và tất yếu hơn nữa.

Người có thể làm lu mờ tất cả những người khác và cầm đầu cuộc vận động từ Đông sang Tây này cần có những gì?

Người đó cần phải có ý thức về chính nghĩa, cần quan tâm đến những công việc của châu Âu, nhưng phải nhìn từ xa, không bị những lợi ích nhỏ nhặt làm mờ mắt, người đó cần phải vượt lên trên các quốc vương đương thời về mặt đạo đức. Người đó cần phải có một nhân cách dịu dàng và hấp dẫn, cần phải có một mối hiềm khích riêng với Napôleông. Và tất cả những điều đó đều tập trung ở Alekxandr I, tất cả những điều đó đều được chuẩn bị bởi những cái gọi là ngẫu nhiên trong suốt quãng đời trước đây của ông ta, nếp giáo dục, xu hướng tự do ở thời kỳ đầu, những người cố vấn ở quanh ông, những sự biến ở Auxterlitx, Tilzit và Erfurt.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân, nhân vật này ngồi không bởi vì người ta không cần đến. Nhưng đến khi người ta thấy thế nào cũng phải có một cuộc chiến tranh của toàn thể châu Âu thì nhân vật này liền xuất hiện đúng lúc và đúng địa vị của mình, rồi

sau khi liên kết các dân tộc ở châu Âu lại, ông ta đã đưa họ đến mục đích.

Mục đích đã đạt được. Sau cuộc chiến tranh cuối cùng năm 1815, Alekxandr đã lên đến tột đỉnh của quyền lực con người. Ông ta đã sử dụng cái quyền lực ấy như thế nào?

Alekxandr I, con người đã bình định châu Âu, con người từ lúc niên thiếu chỉ nghĩ đến hạnh phúc của dân tộc mình, con người đã đề xướng những cải cách tự do ở tổ quốc mình, đến bây giờ, khi mà hình như ông ta đã có được uy quyền tối cao và do đó có đủ khả năng mưu hạnh phúc cho nhân dân mình, trong khi Napôleông đang ngồi xây dựng trong cảnh tù đầy những kế hoạch trẻ con và dối trá nhằm đem lại hạnh phúc cho nhân loại nếu ông ta có quyền lực, thì Alekxandr I, sau khi đã làm xong sứ mệnh và cảm thấy bàn tay của Thượng đế đặt lên người mình, bỗng nhận ra sự vô nghĩa của cái quyền lực hư ảo kia, bèn từ bỏ nó, trao nó lại cho con người đáng khinh bỉ và bị ông khinh bỉ, chỉ nói:

– Không phải vì tôi, không phải vì tôi mà nhân danh Chúa![1]. Tôi cũng chỉ là một người như các anh, xin để cho tôi sống như một con người và cho tôi nghĩ đến linh hồn của tôi và nghĩ đến Thượng đế.

Cũng như mặt trời và mỗi nguyên tử ê-te đều là những hình cầu hoàn chỉnh tự bản thân nó và đồng thời chỉ là những nguyên tử của một tổng thể mà con người không thể thiếu được vì nó quá to lớn, mỗi cá nhân cũng mang trong bản thân những mục đích riêng, và đồng thời nó mang những mục đích ấy cũng là để phục vụ những mục đích chung mà con người không hiểu được.

Con ong đậu trên một bông hoa đã đốt một đứa trẻ. Thế là đứa trẻ sợ loài ong và nói rằng mục đích của ong là đốt người ta. Nhà

1. Alekxandr sai đúc một huy chương kỷ niệm việc chiến thắng quân Pháp năm 1812 trên huy chương có câu này.

thơ ngắm con ong đậu trên đài hoa và nói rằng mục đích của ong là hấp thụ hương thơm của hoa. Người nuôi ong nhận thấy con ong lấy phấn hoa và mật hoa đem về tổ nên nói rằng mục đích của ong là kiếm mật. Một người nuôi ong khác, nghiên cứu đời sống của bầy ong kỹ hơn, nói rằng con ong lấy phấn và mật để nuôi ong con và ong chúa, rằng mục đích của nó là bảo tồn nòi giống. Nhà thực vật học nhận thấy rằng trong khi mang phấn hoa bay từ hoa đực đến hoa cái, con ong làm cho hoa cái thụ tinh, và cho rằng đó chính là mục đích của ong. Một nhà thực vật học khác nhìn thấy hiện tượng di cư của thực vật nói rằng con ong góp phần vào sự di cư ấy, và người quan sát mới này có thể nói rằng đó chính là mục đích của ong. Nhưng mục đích cuối cùng của ong thì vẫn không thể quay về mục đích thứ nhất, thứ hai hay thứ ba mà trí tuệ con người có thể phát hiện được, trí tuệ con người càng được nâng cao trong việc phát hiện những mục đích này thì đối với nó mục đích cuối cùng lại càng hiển nhiên là không sao hiểu nổi.

Con người chỉ có thể quan sát sự tương quan giữa đời sống của con ong với những hiện tượng khác của cuộc sống. Về những mục đích của các nhân vật lịch sử và của các dân tộc cũng cần phải nói như vậy.

V

Đám cưới Natasa lấy Bezukhov năm 1813 là sự việc vui mừng cuối cùng trong gia đình Rôxtôv. Năm ấy, bá tước Ilya Anđreyits qua đời, và như sự thể vẫn thường thấy xưa nay, với cái chết của ông, gia đình cũ của họ Rôxtôv cũng tan rã.

Những biến cố năm vừa qua: vụ hỏa hoạn Maxkva, cuộc lánh nạn ra khỏi thành phố, cái chết của công tước Anđrêy và nỗi tuyệt

vọng của Natasa, cái chết của Petya và nỗi đau buồn của bá tước phu nhân – tất cả những việc ấy cứ dồn dập giáng xuống đầu lão bá tước. Hình như ông ta không hiểu và cảm thấy mình không sao đủ sức hiểu nổi ý nghĩa của tất cả những biến cố này nên đành nhẫn nhục cúi mái đầu già nua xuống, dường như chờ đợi và cầu xin bồi thêm những đòn khác nữa để kết liễu đời mình. Khi thì ông có vẻ hoảng sợ và ngỡ ngàng, khi thì ông lại phấn chấn và hăng hái một cách thiếu tự nhiên.

Đám cưới Natasa, do những công việc lo toan về hình thức của nó đã làm cho ông bận rộn một dạo. Ông sai dọn những bữa ăn chiều, những bữa ăn tối để thết khách và hẳn là ông muốn làm ra vẻ vui, nhưng cái vui của ông không lan sang người khác như xưa, trái lại nó làm những người biết rõ và mến ông đâm ái ngại cho ông.

Sau khi Pier đưa vợ đi, ông trở lên trầm lặng và bắt đầu kêu buồn. Được mấy ngày, ông ốm nằm liệt giường. Ngay từ những ngày đầu tiên lâm bệnh, mặc dầu các bác sĩ đã ra sức an ủi, ông vẫn hiểu rằng ông sẽ không bao giờ trở dậy nữa. Bá tước phu nhân suốt hai tuần lễ túc trực bên giường ông, ngồi trong chiếc ghế bành, không thay quần áo. Cứ mỗi lần phu nhân cho ông uống thuốc ông lại nghẹn ngào nén tiếng nấc và lặng lẽ hôn tay vợ. Ngày cuối cùng ông khóc rưng rức, xin vợ và người con trai vắng mặt tha thứ cho ông đã trót làm khuynh gia bại sản – đó là tội lỗi nặng nhất mà ông cảm thấy mình đã phạm. Sau khi làm lễ nhận mình Chúa và xức dầu thánh, ông tắt thở một cách êm thấm, và ngày hôm sau đám người quen biết đến làm trọn bổn phận cuối cùng đối với người đã khuất đông chật cả căn nhà của gia đình Rôxtôv thuê ở. Tất cả những người quen biết kia đã bao nhiêu lần ăn uống ở nhà ông, đã bao lần chê cười ông, bây giờ đều có một cảm giác hối hận và mủi lòng như nhau, họ nói như để tự thanh minh cho mình trước một người khác: "Phải, muốn nói gì thì nói chứ ông ta vẫn là một người

hết sức quý giá, thời buổi này chẳng còn ai được như thế... Vả chăng ai mà chẳng có nhược điểm?".

Đúng vào lúc công việc tiền nong của bá tước rối ren đến nỗi không thể nào hình dung cơ sự rồi sẽ kết thúc ra sao nếu tình hình này cứ kéo dài một năm nữa thì ông ta chết một cách đột ngột.

Nikôlai đang ở Pari với quân đội Nga thì nhận được tin cha chết. Chàng liền làm đơn xin giải ngũ rồi không đợi được phê chuẩn, chàng xin nghỉ phép và lập tức trở về Maxkva. Tình hình tiền nong của gia đình một tháng sau khi bá tước chết đã lộ rõ hẳn ra và mọi người đều ngạc nhiên về số tiền khổng lồ gồm các khoản nợ lặt vặt mà không ai ngờ đến. Số tiền nợ lớn gấp đôi giá trị tài sản.

Họ hàng thân thích khuyên Nikôlai từ chối việc thừa kế gia sản. Nhưng Nikôlai thấy từ chối như vậy là xúc phạm đến hương hồn cha cho nên một mực khôn nghe, và nhất định thừa kế di sản cùng với nghĩa vụ trả hết các món nợ.

Các chủ nợ mấy lâu nay im lặng vì sinh thời bá tước họ đều thấy ngần ngại trước tấm lòng đôn hậu bừa bãi của ông ta, vốn có một ảnh hưởng mơ hồ nhưng mạnh mẽ đối với họ, bây giờ bỗng nhiên kéo nhau đến đòi nợ. Và như thói đời vẫn thế, họ ganh đua nhau về chỗ ai sẽ được trả nợ trước, rồi chính những kẻ như Mityenka là những người chỉ có những tấm hối phiếu cho tiền chứ không phải biên nợ, lại là những chủ nợ sách nhiễu nhất. Họ không cho Nikôlai trì hoãn, không cho chàng thư thả lấy một phút, và những người ra về thương hại ông già đã làm cho họ thiệt thòi (nếu quả có thiệt thòi) thì bây giờ lại nhẫn tâm xô vào người thừa kế trẻ tuổi - con người hiển nhiên là chẳng có lỗi gì đối với họ và đã tình nguyện đảm đương việc trang trải nợ nần.

Những biện pháp dàn xếp của Nikôlai đưa ra đều không thu được kết quả, những đất đai đem đấu giá chỉ bán được một nửa giá thật, thế mà một nửa số nợ vẫn chưa làm sao trả được. Nikôlai

nhận ba vạn rúp của em rể là Bezukhov gửi cho chàng để trả khoản nợ mà chàng cho là một món nợ thực sự và khẩn cấp, và để khỏi bị tù vì số nợ còn lại, như những người chủ nợ vẫn hăm dọa chàng, chàng lại xin nhận một chức vụ nhà nước.

Chàng không thể nào trở về quân ngũ tuy hễ có chỗ khuyết là chàng sẽ được thăng ngay trung đoàn trưởng, bởi vì mẹ chàng bây giờ cứ bám lấy chàng, lẽ sống cuối cùng của bà. Cũng vì vậy, tuy không muốn ở Maxkva giữa những người đã quen biết mình từ trước, tuy chán ghét cái nghề công chức, chàng vẫn nhận làm một chức vụ nhà nước ở Maxkva, và sau khi cởi bộ quân phục yêu quý chàng cùng mẹ và Xonya đến ở căn nhà nhỏ hẹp trên đường Xitxev Vrajok.

Natasa và Pier hồi ấy ở Pêterburg, họ không có được một khái niệm rõ ràng về tình cảnh của Nikôlai. Nikôlai vay tiền em rể nhưng vẫn tìm cách giấu không cho Pier biết tình trạng quẫn bách của mình. Tình cảnh của Nikôlai đặc biệt gay go là vì với một nghìn hai trăm rúp tiền lương không những chàng phải lo nuôi sống mình Xonya và mẹ chàng, mà còn phải phụng dưỡng mẹ như thế nào cho bà đừng nhận thấy trong nhà túng thiếu. Bá tước phu nhân không thể nào quan niệm cuộc sống không có những món xa hoa mà bà đã quen từ thuở còn nhỏ, và không hề biết cái đó khó khăn đến thế nào đối với con trai, bà cứ luôn luôn vòi vĩnh, khi thì với cỗ xe bây giờ không còn nữa để đi mời một bà bạn về, khi thì yêu cầu một món ăn đắt tiền cho mình hay là một chai rượu cho con trai, khi thì đòi tiền để mua một món quà bất ngờ cho Natasa, cho Xonya hay cho cả Nikôlai nữa.

Xonya trông coi việc nhà, chăm sóc bà cô, đọc sách cho bà nghe, chịu đựng cái tính khí bất thường và cái ác cảm thầm kín của bà và giúp Nikôlai che giấu không cho lão bá tước phu nhân biết tình cảnh túng thiếu của họ. Nikôlai cảm thấy mình chịu ơn Xonya về tất cả những điều nàng đã làm cho mẹ mình như một món nợ không

sao trả được, chàng khâm phục tính nhẫn nại và lòng tận tụy của nàng, nhưng lại cố xa lánh nàng.

Trong thâm tâm, chàng dường như có ý trách nàng rằng sao lại quá hoàn toàn như vậy, sao lại không có chỗ nào có thể chê trách như vậy. Ở nàng có đủ những điều khiến cho người ta quý trọng, nhưng ít có những cái khiến chàng phải yêu. Và chàng cảm thấy mình càng quý trọng nàng bao nhiêu thì chàng lại càng ít yêu nàng bấy nhiêu. Chàng tin vào những lời nàng đã viết trong bức thư nói rằng nàng trả lại tự do cho chàng, và bây giờ chàng đối xử với nàng như thể tất cả những gì đã xảy ra giữa hai người đều đã bị quên lãng từ thời nảo thời nào và dù sao cũng không bao giờ trở lại được nữa.

Tình cảnh Nikôlai càng ngày càng sa sút. Ý nghĩ dành dụm tiền lương nay đã rõ là một giấc mơ hão huyền. Không những chàng không dành dụm được gì, mà vì phải thỏa mãn những đòi hỏi của mẹ, chàng còn mắc thêm những món nợ nhỏ. Chàng không thấy có một lối thoát nào có thể đưa chàng ra khỏi tình cảnh này. Ý nghĩ lấy một người con gái giầu có, điều mà những người thân thích thường bàn với chàng, chàng thấy nó kinh tởm quá. Một lối thoát khác ra khỏi tình cảnh này – cái chết của mẹ chàng – không bao giờ nẩy ra trong trí óc chàng. Chàng không mong ước gì, không hy vọng vào cái gì hết, trong thâm tâm chàng có một khoái cảm u ám và khắc khổ trong khi chịu đựng tình cảnh của mình mà không hề than thở. Chàng tìm cách tránh những người quen cũ vì lòng ái ngại và những lời đề nghị giúp đỡ của họ khiến chàng thấy nhục, chàng tránh hết những trò tiêu khiển và những thú vui, ngay ở nhà chàng cũng không làm gì ngoài việc xếp bài với mẹ, im lặng thơ thẩn một mình trong phòng, hút hết tẩu thuốc này đến tẩu thuốc khác. Chàng dường như trân trọng gìn giữ tâm trạng ảo não này vì cảm thấy chính nhờ có nó chàng mới chịu đựng được tình cảnh của mình.

VI

Đầu mùa đông, công tước tiểu thư Marya đến Maxkva. Nhờ những tin đồn đại trong thành phố, nàng biết tình cảnh gia đình Rôxtôv và việc người con trai "hy sinh cho mẹ" – ở trong thành phố người ta vẫn nói như vậy.

– "Mình vẫn biết chàng không thể nào khác thế được" – Tiểu thư Marya tự nhủ, lòng vui sướng cảm thấy rõ ràng hơn bao giờ hết mình yêu chàng. Hồi tưởng lại những quan hệ thân mật và gần như ruột thịt với tất cả gia đình, nàng cho rằng mình có bổn phận phải đến thăm họ. Nhưng khi nhớ đến những quan hệ với Nikôlai ở Voronej nàng lại càng đâm sợ không dám đến. Tuy vậy mấy tuần sau khi đến Maxkva, nàng cố gắng tự chủ, và đến nhà Rôxtôv. Nikôlai là người đầu tiên ra đón nàng, vì muốn đến phòng bá tước phu nhân phải đi qua phòng chàng. Thoạt mới nhìn chàng, gương mặt Nikôlai chẳng hề lộ vẻ vui mừng như tiểu thư Marya hằng mong đợi, mà lại có vẻ lạnh lùng, khắc khổ và kiêu hãnh, điều mà trước đây nàng không bao giờ thấy ở chàng. Nikôlai hỏi thăm sức khỏe của nàng, đưa nàng đến gặp mẹ, và sau khi ngồi năm phút, chàng bỏ ra ngoài.

Khi công tước tiểu thư ở phòng bá tước phu nhân đi ra Nikôlai lại tiếp nàng và đưa nàng ra phòng ngoài với một thái độ đặc biệt khách khí và lãnh đạm. Chàng không nói một lời nào để đáp lại những nhận xét của nàng về sức khỏe của bá tước phu nhân. "Việc này có quan hệ gì đến cô kia chứ? Cô cứ mặc xác tôi" - cái nhìn của chàng như muốn nói.

– Cô ta lảng vảng đến đây làm gì? Cô ta cần cái gì kia chứ? Tôi không chịu nổi các bà tiểu thư với tất cả những thái độ ân cần ấy!

– Chàng nói to lên với Xonya, hẳn là không sao nén nổi bực tức, sau khi công tước tiểu thư đã ra khỏi nhà.

- Sao anh lại nói như vậy, anh Nikôlai - Xonya nói, chật vật lắm mới giấu nổi niềm vui sướng trong lòng - cô ấy tốt thế, mẹ quý cô ấy lắm kia mà!

Nikôlai không đáp. Chàng chỉ muốn đừng ai nói gì đến công tước tiểu thư nữa. Nhưng từ khi nàng đến thăm, lão bá tước phu nhân mỗi ngày lại mấy lần nhắc đến nàng.

Phu nhân khen ngợi nàng, bảo con trai đến thăm nàng, tỏ ý muốn gặp nàng luôn, nhưng đồng thời bao giờ cũng tỏ ra bực bội mỗi khi nói đến nàng.

Nikôlai cố gắng lặng thinh khi phu nhân nói đến công tước tiểu thư, nhưng thái độ yên lặng của chàng làm cho phu nhân phát bẳn.

– Tiểu thư là một cô gái rất đứng đắn và rất đáng yêu, – phu nhân nói – con phải đến thăm đáp lễ chứ. Ít nhất con cũng sẽ được gặp gỡ chuyện trò với một người, chứ không cứ suốt ngày ở nhà với mẹ và Xonya thế này, mẹ chắc con buồn lắm.

– Nhưng con không muốn chút nào mẹ ạ.

– Trước đây con muốn gặp, thế mà bây giờ con lại không muốn. Mẹ chẳng hiểu con nghĩ ra làm sao cả con ạ. Khi thì con buồn chán, khi thì con bỗng dưng không muốn gặp ai cả.

– Nhưng con có nói là con buồn chán đâu?

– Ô kìa thì con vừa nói là con không muốn gặp tiểu thư nữa đấy thôi. Tiểu thư là một cô gái rất đứng đắn và xưa nay con vẫn có thiện cảm với tiểu thư, ấy thế mà đột nhiên lại có những lý do gì... Cái gì người ta cũng giấu mẹ.

– Giấu giếm gì đâu, thưa mẹ.

– Nào mẹ có bảo con làm việc gì khổ sở cho cam, đằng này mẹ chỉ xin con đến thăm tiểu thư. Phép lịch sự cũng đòi hỏi như vậy...

Mẹ đã xin con, nhưng bây giờ mẹ không can thiệp vào đấy nữa, một khi con đã có những điều cần giấu mẹ.

– Thôi mẹ đã muốn thế thì con sẽ đi.

– Mẹ thì thế nào cũng được, mẹ muốn là muốn cho con.

Nikôlai thở dài, cắn ria mép và đem bài ra sắp để cho mẹ nghĩ sang việc khác.

Ngày hôm sau và hai ngày kế theo, cũng cuộc nói chuyện này giữa hai mẹ con lại được tái diễn.

Sau khi đến thăm gia đình Rôxtôv và được Nikôlai tiếp một cách lạnh nhạt không ngờ, công tước tiểu thư Marya tự nhủ rằng trước đây mình không muốn đến gia đình Rôxtôv trước là phải.

"Ta đã biết từ trước – nàng tự nhủ, cầu cứu đến lòng tự trọng của mình – Ta không hề để ý gì đến chàng cả, chỉ muốn thăm lão bá tước phu nhân vì phu nhân xưa nay vẫn tử tế với ta và ta chịu ơn phu nhân nhiều".

Nhưng những điều suy luận ấy không làm nàng yên tâm: một tình cảm giống như hối hận cứ dằn vặt nàng, khi nàng nghĩ đến cuộc đi thăm. Mặc dầu đã quyết định dứt khoát không đến thăm gia đình Rôxtôv nữa và quên hết mọi chuyện, nàng vẫn luôn luôn cảm thấy mình ở trong một tình trạng mập mờ và khi tự hỏi cái gì đang dằn vặt mình, nàng phải thú nhận rằng đó là những mối quan hệ giữa nàng với Rôxtôv. Giọng nói lạnh lùng, lễ phép của chàng không phải xuất phát từ tình cảm của chàng đối với nàng (nàng biết rõ như vậy), giọng ấy che giấu một điều gì đấy. Cái điều đó nàng cần phải hiểu rõ, và nàng cảm thấy không sao yên tâm được khi chưa hiểu được điều đó.

Một hôm, vào giữa mùa đông, khi nàng đang ngồi trong phòng học của đứa cháu trai theo dõi buổi học của nó, thì người nhà vào báo có Rôxtôv đến. Với ý định nhất quyết không để lộ điều bí ẩn

của lòng mình, và không tỏ ra xúc động, nàng gọi cô Burien và cùng cô ta bước ra phòng khách.

Mới thoạt nhìn gương mặt của Nikôlai, nàng đã thấy ngay rằng chàng đến đây chỉ là đáp lễ và nàng quyết định cũng tiếp chuyện với cái giọng khách khí mà chàng đã dùng để nói với nàng. Hai người nói chuyện về sức khỏe của bá tước phu nhân, về những người quen chung, về những tin tức cuối cùng của chiến sự, và sau thời hạn mười phút mà phép xã giao đòi hỏi khách phải ngồi nói chuyện rồi mới có thể ra về, Nikôlai đứng dậy cáo từ.

Công tước tiểu thư, với sự giúp đỡ của cô Burien nẫy giờ đã giữ cho câu chuyện được liên tục, nhưng đến phút cuối cùng, khi chàng đứng dậy, nàng cảm thấy mệt mỏi vì phải nói đến những điều mà mình chẳng hề quan tâm, và ý nghĩ không biết tại sao cuộc đời lại dành cho nàng ít niềm vui như thế lôi cuốn nàng đến nỗi trong lúc lơ đãng, đôi mắt trong sáng của nàng thẫn thờ nhìn về phía trước, nàng ngồi im lìm không thấy rằng, chàng đã đứng dậy.

Nikôlai nhìn nàng, và muốn làm như không nhận thấy vẻ thẫn thờ của nàng, chàng nói mấy câu với Burien, rồi lại liếc nhìn công tước tiểu thư. Nàng vẫn ngồi yên như cũ và gương mặt dịu dàng của nàng lộ vẻ đau đớn. Đột nhiên, chàng cảm thấy thương hại nàng và có một cảm giác mơ hồ rằng có lẽ chính mình đã gây nên vẻ đau buồn đang hiện rõ trên gương mặt nàng. Chàng muốn giúp đỡ nàng, muốn nói với nàng một đôi lời ôn tồn, nhưng chàng không sao nghĩ ra được một điều gì để nói.

– Xin chào công tước tiểu thư, – chàng nói. Nàng sực tỉnh, đỏ mặt và thở dài.

– À, xin lỗi, – nàng nói như vừa sực tỉnh – bá tước về rồi sao, thôi xin chào bá tước vậy! Nhưng còn cái gối của phu nhân.

– Xin đợi một lát, để tôi đem lại ngay – cô Burien nói đoạn bước ra khỏi phòng.

Hai người im lặng, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nhau.

– Vâng, thưa tiểu thư – cuối cùng Nikôlai nói, miệng mỉm cười buồn bã – tôi cảm thấy hình như việc mới xảy ra gần đây thôi, ấy thế mà bao nhiêu nước đã chảy qua cầu từ khi chúng ta gặp nhau lần đầu ở Bogutsarovo. Lúc bấy giờ chúng ta hình như đều gặp cảnh gian nan, nhưng tôi sẽ chịu trả một giá rất đắt để cái thuở ấy trở lại... Nhưng không thể quay về dĩ vãng được.

Công tước tiểu thư đưa đôi mắt trong sáng nhìn đăm đăm vào mặt chàng trong khi chàng nói. Hình như nàng đang cố gắng tìm hiểu ý nghĩa bí ẩn của những lời chàng nói, vì ý nghĩa ấy sẽ có thể nói rõ tình cảm của chàng đối với nàng.

– Vâng, vâng, – nàng nói, – nhưng bá tước không nên luyến tiếc thời đã qua, theo như tôi được biết về cuộc sống hiện tại của bá tước, thì sau này bá tước sẽ hài lòng mỗi khi nghĩ đến nó, bởi vì tấm lòng hy sinh của bá tước hiện nay...

– Tôi không dám nhận những lời khen ngợi của tiểu thư – chàng vội vã ngắt lời nàng – trái lại, tôi vẫn luôn luôn tự trách mình, nhưng đó là một câu chuyện chẳng có gì thú vị và vui vẻ.

Rồi khóe nhìn của chàng lại trở lại khắc khổ và lạnh lùng như trước. Nhưng công tước tiểu thư đã gặp lại ở chàng con người mà nàng biết và đã yêu, bây giờ nàng chỉ nói với con người ấy.

– Trước tôi cứ tưởng bá tước cho phép tôi nói điều đó với bá tước – nàng nói – tôi đã được gần gũi bá tước... và gia đình bá tước, nên tôi trộm nghĩ rằng bá tước sẽ không cho lòng thông cảm của tôi là không đúng chỗ, nhưng tôi đã lầm, – Giọng nàng bỗng run run. – Tôi không hiểu tại sao – nàng trấn tĩnh lại và nói tiếp, – trước kia bá tước khác, và...

– Có hàng ngàn lý do tại sao (chàng đặc biệt nhấn mạnh chữ này). Tôi cảm ơn tiểu thư, – chàng hạ thấp giọng nói khẽ – ... Đôi khi cũng rất khổ...

"À! Ra chỉ vì thế! Lý do là vì thế! – một tiếng nói đâu từ bên trong tâm hồn tiểu thư Marya vang lên. Không, ta yêu chàng không phải chỉ vì vẻ đẹp bên ngoài, ta đã đoán thấy cái tâm hồn cao quý, cương nghị, biết hy sinh của chàng, – nàng tự nhủ –. Phải rồi, bây giờ chàng nghèo, mà ta thì giàu... Phải, đó là lý do duy nhất... Phải, nếu không có điều đó...".

Rồi nàng sực nhớ đến thái độ dịu dàng của chàng ngày trước, và giờ đây, nhìn gương mặt trung hậu và rầu rĩ của chàng, nàng chợt hiểu tại sao chàng lại lãnh đạm với mình.

– Tại sao, bá tước, tại sao? – nàng bất giác gần như kêu lên và bước lại gần chàng, – Xin bá tước cho tôi biết tại sao. Bá tước phải cho tôi biết. – Chàng im lặng – Bá tước ạ, tôi không hiểu tại sao bá tước... – nàng nói tiếp – Nhưng tôi thấy khổ tâm, tôi... tôi xin thú thật. Vì một lý do mà tôi không được biết, bá tước muốn làm cho tôi mất tình bạn của bá tước ngày xưa. Và điều đó làm cho tôi đau xót. – Mắt nàng rưng rưng và giọng nói nghẹn ngào. – Đời tôi rất ít được hạnh phúc, nên mỗi tổn thất đều làm tôi đau khổ... Xin bá tước bỏ qua cho, xin chào bá tước. – Và nàng bỗng khóc rưng rức, bước ra khỏi phòng.

– Tiểu thư! Khoan đã, trời ơi! - Chàng kêu lên, tìm cách giữ nàng lại. - Tiểu thư!

Nàng ngoảnh lại. Trong mấy giây họ nhìn nhau yên lặng, mắt nhìn vào mắt, và đột nhiên cái xa xôi, cái không thể bỗng trở nên gần gũi, có thể có được và không sao tránh khỏi...

VII

Mùa thu năm 1814, Nikôlai cưới công tước tiểu thư Marya và cùng với vợ, mẹ và Xonya dọn đến ở Lưxye Gorư.

Sau ba năm, không phải bán chác gì trong gia sản của vợ, chàng đã trả hết món nợ còn lại và sau khi thừa hưởng một gia tài nhỏ của người chị em họ mới chết để lại, chàng còn trả được số tiền vay của Pier nữa.

Ba năm sau nữa, năm 1820, Nikôlai khéo thu xếp công việc tiền nong đến nỗi chàng đã mua được một điền trang nhỏ gần Luxye Gorư và đang điều đình chuộc lại điền trang Otradnoye của cha chàng, điều mơ ước thiết tha nhất của chàng.

Sau khi bắt tay vào cai quản điền trang vì hoàn cảnh bắt buộc, chẳng bao lâu chàng đã say mê nghề nông đến nỗi nghề đó đã trở thành công việc thích thú nhất và gần như là công việc duy nhất của chàng.

Nikôlai là một trang chủ giản dị, chàng không thích cải cách, đặc biệt là những cải cách theo lối Anh lúc bấy giờ đang thịnh hành, chàng chế nhạo những tác phẩm lý luận về canh nông, không thích những trại ngựa giống, không thích những sản vật đắt tiền, không thích gieo những giống lúa đắt tiền, và nói chung không chú ý riêng đến một bộ phận nào trong nông nghiệp. Trước mắt chàng bao giờ cũng là toàn bộ cái điền trang chứ không phải một bộ phận riêng biệt rào của nó. Và ở trong điền trang cái chính không phải là chất đạm, cũng không phải là chất dưỡng khí của đất và của không khí, không phải một kiểu lưỡi cày hay một thứ phân mới, mà là cái công cụ chủ yếu thông qua đó chất đạm, dưỡng khí, phân bón cũng như lưỡi cày có tác dụng, tức là con người nông dân lao động. Khi Nikôlai bắt tay vào quản lý cơ ngơi và bắt đầu khảo sát từng bộ phận một của nó, thì người nông dân đặc biệt khiến chàng chú ý, đối với chàng người nông dân không những là một công cụ mà còn là mục đích và là người quan tòa nữa. Thoạt tiên, chàng quan sát người nông dân, cố gắng tìm xem họ cần gì, họ cho cái gì là xấu, cái gì là tốt, chàng giả vờ chỉ dẫn và sai khiến, nhưng kỳ thực, chàng chỉ học nông dân, học những cách làm của họ, ngôn

ngữ của họ và cách họ phán đoán cái gì là tốt, cái gì là xấu. Và mãi đến khi chàng đã hiểu những thị hiếu và những mong muốn, hoài bão của nông dân, đến khi chàng biết nói cái ngôn ngữ của họ và hiểu được cái ý nghĩa kín đáo của nó, đến khi chàng cảm thấy mình đã là người thân thích của họ, lúc bấy giờ chàng mới bắt đầu điều khiển họ một cách mạnh dạn, tức là chấp hành cái nhiệm vụ mà nông dân đòi hỏi ở chàng. Và cách quản lý của Nikôlai đã đưa đến những kết quả hết sức tốt đẹp.

Vừa bắt tay vào việc cai quản điền trang, Nikôlai đã chỉ định ngay những người làm quản lý, thôn trưởng, đại biểu và nhờ một thứ thiên bẩm nào đấy chàng chọn không sai một người nào: đó chính là những người mà bản thân nông dân cũng sẽ lựa chọn nếu họ được quyền lựa chọn, và chàng không bao giờ phải thay đổi những người này. Trước khi phân tích những thành phần hóa học của phân, trước khi đi sâu vào các "trái khoán" và "tín dụng" (như chàng vẫn thích nói với một giọng giễu cợt), chàng điều tra số gia súc của nông dân và tìm mọi cách để tăng số gia súc này. Chàng tìm cách làm cho nông dân duy trì hình thức đại gia đình, không để cho họ phân tán ra. Chàng trục xuất những kẻ lười biếng, phóng đãng, yếu ớt và cố xua đuổi họ ra ngoài điền trang.

Lúc gieo hạt, cắt cỏ hay gặt lúa mì chàng chú ý đồng đều đến ruộng của mình và ruộng của nông dân, không chút thiên vị. Và ít có trang chủ nào mà ruộng được gieo hạt và được gặt hái nhanh, tốt và thu hoạch được nhiều như Nikôlai.

Chàng không thích có quan hệ gì với gia nhân, chàng gọi họ là bọn ăn bám và, như mọi người đều nói, chàng để họ quá phóng túng và quá nuông chiều họ, khi có việc cần phải xử trí đối với một gia nhân nào đó, nhất là khi cần phải trừng phạt thì chàng thường lưỡng lự và hỏi ý kiến mọi người trong nhà: nhưng khi nào có thể cho một gia nhân đi lính thay cho một nông dân thì chàng làm ngay, không chút do dự. Bất cứ một điều cắt đặt nào của chàng –

chàng biết như vậy – cũng sẽ được mọi người tán thành chỉ trừ một hay vài người nào đấy.

Chàng không cho phép mình bắt ai làm việc quá nhiều hay xử phạt người ta chỉ vì ý thích riêng, cũng như không giảm nhẹ công việc cho ai và ban thưởng cho người ta chỉ vì đó là sở thích cá nhân của mình. chàng không thể nào nói rõ tiêu chuẩn gì cho phép chàng phân định cái gì nên làm và cái gì không nên làm, nhưng trong tâm trí chàng thì tiêu chuẩn ấy rất vững chắc và bất di bất dịch.

Khi có việc gì hư hỏng hay rối ren chàng thường nói một cách bực bội: "với dân Nga ta", và chàng tưởng tượng mình không chịu nổi người mu-gích.

Nhưng chàng lại yêu mến hết sức thiết tha người "dân Nga ta" ấy và cách sống của họ, và chính vì vậy nên chàng hiểu và nắm được cách kinh doanh duy nhất có thể đưa đến những kết quả tốt.

Bá tước phu nhân Marya ghen với tình yêu này của chàng và lấy làm tiếc rằng mình không được tham dự vào đó: nhưng nàng không thể nào hiểu niềm vui sướng và những nỗi buồn bực mà cái thế giới kia, một thế giới riêng biệt, xa lạ đối với nàng, có thể đưa đến cho chàng. Nàng không hiểu nổi vì sao chàng lại đặc biệt phấn chấn và sung sướng đến thế, khi thức dậy từ sớm tinh mơ, suốt buổi sáng ở ngoài đồng hay trên sân đập lúa, rồi trở về uống trà với nàng sau khi đi coi nông dân gieo hạt, cắt cỏ hay gặt lúa.

Nàng không hiểu cái gì làm cho chàng hồ hởi đến thế khi chàng nói chuyện say sưa về anh nông dân giầu Matvey Ermisin chí chú đã suốt đêm cùng gia đình lo chuyên chở lúa về, và trong khi chưa ai gặt cả thì rơm anh ta đã chất thành đụn. Nàng không hiểu tại sao chàng lại vui sướng như vậy trong khi đi đi lại lại từ cửa sổ đến bao lơn, mỉm cười dưới bộ râu mép và nheo nheo con mắt khi một trận mưa nhỏ ấm và nặng hạt rơi trên những mầm yến mạch đã khô héo, hay tại sao khi một đám mây đến đáng sợ bị gió thổi bạt

đi vào lúc làm cỏ hay gặt hái. Nikôlai ở sân đập lúa về, mặt đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại, tóc sực mùi ngải đắng và mùi bạc hà, vừa vui vẻ xoa tay vừa nói: "Ấy cứ cho một ngày nữa thôi là tất cả mùa màng của ta và của dân cày đều sẽ vào kho hết".

Nàng lại càng không hiểu tại sao con người tốt bụng và luôn luôn sẵn sàng đoán trước những điều nàng muốn như chàng, lại nổi cáu lên khi nàng mở miệng xin hộ cho một người nông dân được nghỉ việc, tại sao anh Nikôlai[1] tốt bụng lại một mực cự tuyệt và giận dữ yêu cầu nàng đừng xen vào những việc không phải là việc của mình. Nàng cảm thấy chàng có một cái thế giới riêng, được chàng yêu tha thiết, trong đó có những quy luật riêng nào đấy mà nàng không hiểu.

Đôi khi, trong lúc cố gắng hiểu chàng, nàng nói đến những điều thiện mà chàng đang làm cho những người thuộc hạ, thì chàng nổi xung lên nói: "Hoàn toàn không phải thế, không bao giờ tôi có ý nghĩ như thế, tôi làm như vậy không phải cốt để cho họ sướng đâu. Tất cả những chuyện làm điều thiện cho đồng loại kia chỉ là chuyện thơ mộng viển vông, chuyện đàn bà. Điều tôi cần là làm sao cho con cái tôi đừng phải bị gậy lên đường, tôi phải tổ chức cho chu đáo cái cơ ngơi của nhà ta trong khi tôi còn sống, chỉ có thế thôi. Và muốn thế cần phải có trật tự, cần phải nghiêm khắc... thế đấy!" – Chàng nói, bàn tay lực lưỡng nắm chặt lại. "Và cần phải công bằng nữa, cố nhiên... - Chàng nói thêm, - vì nếu người nông dân đói rách và chỉ có một con ngựa khổ thôi thì hắn không thể nào làm việc cho hắn mà cũng không thể nào làm việc cho tôi được".

Và chính vì Nikôlai không cho phép mình nghĩ rằng mình làm một điều gì cho những người khác vì nhân nghĩa, cho nên tất cả những việc chàng làm đều có kết quả, tài sản của chàng tăng lên nhanh chóng, nông dân những vùng lân cận đến yêu cầu chàng

1. Nicolas.

mua họ và một thời gian dài sau khi chàng chết, nhân dân còn giữ một kỷ niệm trân trọng về cách cai quản của chàng. "Thật là một ông chủ... của nông dân trước đã, rồi sau mới đến mình. Nhưng cũng không phải là tay nhu nhược đâu. Tóm lại – thật là một ông chủ!".

VIII

Điều duy nhất đôi khi làm cho Nikôlai bị dằn vặt khổ sở trong công việc điền trang của chàng là cái tính nóng nảy kết hợp với cái thói hay đánh người ngày xưa của một sĩ quan phiêu kỵ. Lúc đầu chàng thấy điều đó chẳng có gì đáng chê trách, nhưng chàng lấy vợ được một năm thì cách nhìn của chàng đối với lối trừng phạt ấy bỗng thay đổi.

Một hôm vào mùa hạ, chàng sai gọi viên thôn trưởng đã thế chân mồ ma lão Đrôn từ Bogutsarovo đến. Hắn bị báo là ăn cắp và làm việc cẩu thả, Nikôlai ra gặp hắn ở trước thềm, và hắn mới trả lời được mấy câu thì ngoài hiên đã nghe những tiếng kêu la và tiếng đấm huỳnh huỵch. Khi trở về nhà ăn trưa, Nikôlai đến cạnh vợ đang ngồi cúi đầu bên chiếc khung thêu.

Chàng bắt đầu kể lại theo như thường lệ những việc chàng đã làm lúc ban sáng và nhân thể nhắc đến viên thôn trưởng ở Bogutsarovo. Bá tước phu nhân Marya mặt đỏ bừng lên rồi lại tái xanh đi, hai môi mím chặt, vẫn ngồi cúi đầu như cũ không đáp lấy một lời.

– Thằng khốn nạn thật là láo xược! – Chàng nói, chỉ nhớ lại thôi mà chàng cũng đã nổi nóng – Giá nó nói với tôi là nó say rượu, là nó chẳng nhìn thấy cái gì cả...

– Kìa Marya, em làm sao thế? – Chàng bỗng hỏi.

Bá tước phu nhân Marya ngẩng đầu lên, định nói điều gì nhưng lại vội cúi xuống, môi mím chặt.

– Việc gì thế em? Em làm sao thế? Em của anh...

Tuy không có nhan sắc, bá tước phu nhân Marya bao giờ cũng đẹp hẳn lên khi nàng khóc. Nàng không bao giờ khóc vì bực dọc hay đau đớn về thể xác mà bao giờ cũng vì thương xót và buồn rầu. Và mỗi khi nàng khóc đôi mắt trong sáng của nàng bao giờ cũng có sức hấp dẫn không sao cưỡng được.

Khi Nikôlai nắm lấy tay nàng, nàng không còn đủ sức tự chủ nữa và khóc oà lên.

– Anh Nikôlai, em đã thấy rõ – ông ấy có lỗi, nhưng anh – tại sao anh lại...? Anh Nikôlai! – và nàng đưa tay lên bưng mặt.

Nikôlai im bặt, mặt đỏ bừng, và rời nàng ra, bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, không nói nửa lời. Chàng đã hiểu tại sao nàng khóc, nhưng lòng chàng không thể nào ngay một lúc đồng ý với nàng để thừa nhận rằng cái việc chàng vẫn quen làm từ hồi còn nhỏ, cái việc mà chàng cho là hết sức bình thường kia lại là một điều đáng trách.

"Đó là những trò thương cảm vẩn vơ, những chuyện đàn bà, hay là nàng nói đúng?" – Chàng tự hỏi, trong thâm tâm, chàng vẫn chưa giải quyết được vấn đề này, nhưng khi liếc nhìn gương mặt đau khổ và đáng yêu của nàng lần thứ hai, chàng chợt hiểu ra rằng chính nàng có lý và từ lâu chàng đã có lỗi đối với bản thân mình.

– Mari! – Chàng đến cạnh nàng nói khẽ, – việc đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa, anh cam đoan với em. Không bao giờ nữa, – chàng nhắc lại, giọng run run như một đứa trẻ xin lỗi.

Nước mắt chảy ràn rụa từ khóe mắt của bá tước phu nhân. Nàng nắm lấy bàn tay chàng mà hôn.

– Anh Nikôlai, anh làm vỡ cái mặt ngọc chạm nổi lúc nào thế?

– Nàng nói để chuyển sang chuyện khác, mắt nhìn bàn tay của chồng có đeo một chiếc nhẫn chạm đầu Laocoon.

– Vừa hôm nay đấy, cũng vì chuyện ấy cả. Marya, em đừng nhắc anh chuyện ấy nữa. – Chàng lại đỏ mặt. - Anh thề với em rằng việc đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Và cái này sẽ mãi mãi nhắc nhở anh – chàng nói và chỉ cái mặt nhẫn bị vỡ.

Từ đó, trong lúc bàn bạc với những người thôn trưởng và những người quản gia, mỗi khi máu chàng đổ dồn lên mặt và bàn tay bắt đầu nắm chặt lại, Nikôlai lại mân mê cái mặt nhẫn vỡ trên ngón tay và cúi mặt trước con người làm chàng nổi giận. Tuy vậy mỗi năm cũng có một đôi lần chàng không tự chủ nổi và mỗi lần như vậy chàng lại trở về tìm vợ để thú nhận và lại hứa lần này đúng là lần cuối cùng.

– Marya, chắc là em khinh anh? – Chàng nói với vợ, – anh đáng thế lắm.

– Anh phải bỏ đi nơi khác, mỗi khi anh cảm thấy không đủ sức tự kiềm chế thì anh phải bỏ đi ngay, – bá tước phu nhân Marya nói, giọng buồn rầu, và lựa lời an ủi chồng.

Trong giới quý tộc ở tỉnh này, Nikôlai được người ta kính trọng nhưng không được người ta yêu mến. Những hứng thú của giới quý tộc không khiến chàng quan tâm. Vì vậy có người cho chàng là kiêu ngạo có người lại cho chàng là ngốc. Suốt mùa hạ, kể từ khi giao giống mùa xuân, cho tới khi gặt hái, lúc nào chàng cũng bận túi bụi với những công việc điền trang. Mùa thu, cũng với cách làm việc chăm chỉ và chu đáo như trong việc quản lý nông nghiệp, chàng rời khỏi nhà một hai tháng đi săn với đàn chó của chàng. Mùa đông, chàng đi thăm các làng khác hay ngồi đọc sách. Sách chàng đọc phần lớn là sách lịch sử, đặt mua từng năm, với số tiền nhất định. Như chàng thường nói, chàng đã tập hợp được một tủ sách đứng đắn và nêu thành một nguyên tắc là đã mua sách về thì phải

đọc cho hết. Chàng trang trọng ngồi vào phòng làm việc rồi giở sách ra đọc, lúc đầu còn xem đó là một nhiệm vụ phải làm, nhưng về sau việc này đã thành một thói quen, đưa lại cho chàng một niềm vui đặc biệt và cái ý thức là mình đang làm một việc nghiêm trang. Trừ những lúc ra đi vì công việc, vào mùa đông thường ở nhà, gần gũi gia đình và dự phần vào những quan hệ nhỏ nhặt giữa các con và mẹ chúng. Chàng ngày càng thấy gần gũi vợ và mỗi ngày lại tìm thấy ở nàng những giá trị tinh thần mới.

Từ khi Nikôlai lấy vợ, Xonya vẫn ở trong nhà. Trước khi cưới, Nikôlai đã kể lại cho vợ biết tất cả những điều xảy ra giữa chàng và Xonya, và trong lúc kể lại chàng đã tự trách mình và ca ngợi Xonya. Chàng đã xin công tước tiểu thư Marya đối xử dịu dàng và nhân hậu với cô em họ của chàng. Bá tước phu nhân Marya thấy hết lỗi của chồng và cũng thấy có lỗi của mình đối với Xonya, nàng nghĩ rằng gia sản của mình có ảnh hưởng đến việc lựa chọn của Nikôlai, nàng không có điều gì phải trách Xonya, và muốn yêu Xonya, tuy vậy không những nàng không yêu Xonya mà lại thường thấy trong lòng mình có những mối ác cảm đối với Xonya mà nàng không sao khắc phục nổi.

Một hôm, nàng nói chuyện với Natasa về Xonya và về sự bất công của mình đối với nàng, Natasa nói:

– Chị đọc phúc âm nhiều thế, chị có biết trong ấy có đoạn thật đúng với Xonya không.

– Đoạn nào? – Bá tước phu nhân Marya kinh ngạc hỏi.

– "Kẻ nào có sẽ được cấp thêm, còn kẻ nào không có gì sẽ bị tước hết" chị nhớ đoạn ấy chứ? Chị ấy là con người không có gì. Tại sao? Em không biết, có lẽ vì chị ấy không ích kỷ, em cũng chẳng rõ nữa, nhưng người ta sẽ tước mất của chị ấy, và chị ấy đã bị tước hết. Đôi khi em rất thương chị ấy. Trước kia em tha thiết mong anh Nikôlai lấy chị ấy, nhưng bao giờ em cũng linh cảm thấy rằng

điều đó sẽ không được thực hiện. Chị ấy là một bông hoa không kết quả, như chị vẫn thấy ở trên cây dâu tây. Đôi khi em thương hại chị ấy nhưng đôi khi em cảm thấy hình như chị ấy không cảm thấy tủi như chúng mình sẽ cảm thấy nếu ở vào địa vị chị ấy.

Tuy bá tước phu nhân Marya giảng giải cho Natasa rằng cần phải hiểu những câu phúc âm này một cách khác, nhưng khi nhìn Xonya nàng cũng đồng ý với lời giải thích của Natasa. Thật vậy, nàng thấy hình như Xonya không đau khổ về hoàn cảnh của mình và hoàn toàn cam tâm chịu đựng số phận của một bông hoa không kết quả, hình như nàng quý chuộng những người trong nhà thì ít, mà quý chuộng cả gia đình thì nhiều hơn. Cũng như một con mèo, nàng không phải gắn bó với người mà gắn bó với cái nhà. Nàng săn sóc lão bá tước phu nhân, nâng niu chiều chuộng bọn trẻ và bao giờ cũng sẵn sàng làm giúp những việc nhỏ mà nàng có thể làm, nhưng người ta bất giác chấp nhận những cái đó một cách quá tự nhiên, chẳng biết ơn nàng mấy đỗi.

Những ngôi nhà ở Lưxye Gorư đã được xây lại nhưng không theo quy mô của cố công tước. Các công trình kiến trúc đều bắt đầu làm lúc còn túng thiếu nên hết sức sơ sài. Tòa nhà lớn dựng trên cái nền đá cũ, tường bằng gỗ chỉ trát vữa bên trong. Những căn phòng rộng rãi sàn bằng thứ gỗ bạch dương của rừng nhà và do thợ nhà đóng. Tòa nhà khá rộng rãi, có những gian phòng dành cho gia nhân và những căn dành cho khách. Họ hàng thân thích của gia đình Rôxtôv và gia đình Bolkonxki đôi khi đến chơi Lưxye Gorư với hàng mười sáu con ngựa, hàng chục gia nhân và ở lại đây hàng tháng. Ngoài ra, mỗi năm bốn lần, nhân những ngày lễ thánh và lễ sinh nhật của các gia chủ, trong một hai ngày nhà có đến hàng trăm tân khách. Còn những thời gian còn lại trong năm thì cuộc sống trôi qua đều đều và không thay đổi, với những công việc hàng ngày, những buổi dùng trà, ăn sáng, ăn trưa, ăn tối toàn dọn những sản vật của điền trang.

IX

Hôm ấy là hôm trước lễ thánh Nikôlai vào mùa đông, ngày mồng năm tháng mười hai năm 1820. Năm ấy Natasa cùng với chồng và các con đến ở tại nhà anh nàng từ đầu mùa thu. Pier đã đi Pêterburg vắng vì những công việc riêng như chàng vẫn nói, định sẽ ở lại đấy ba tuần lễ, nhưng kể đến bây giờ chàng đi đã được sáu tuần rồi. Trong nhà đang đợi chàng về từng giờ từng phút.

Ngày mồng năm tháng mười hai, ngoài gia đình Bezukhov ra, gia đình Rôxtôv còn có một người khách nữa là ông bạn cũ của Nikôlai, vị tướng về hưu Vaxili Fiođorovits Đenixov.

Ngày mồng sáu là ngày long trọng, sẽ có nhiều tân khách đến. Nikôlai biết rằng mình sẽ phải bỏ chiếc áo besmet, khoác chiếc áo đuôi tôm, đi những đôi giày chật nhọn mũi và đến ngôi nhà thờ mà chàng vừa xây xong, rồi nhận những lời chúc tụng, mời khách ăn uống và nói chuyện về cuộc tuyển cử của quý tộc và công việc mùa màng, nhưng trước đấy một hôm chàng cho rằng mình vẫn có quyền sống như mọi ngày. Trước bữa ăn chiều, Nikôlai kiểm soát lại sổ sách của viên quản lý điền trang ở một làng trong tỉnh Ryazan thuộc quyền sở hữu đứa cháu trai của vợ, chàng viết hai bức thư về công việc và đi một vòng đến xem sân đập lúa, các chuồng bò và tàu ngựa. Sau khi đã thi hành những biện pháp nhằm để phòng tình trạng mọi người say sưa túy lúy nhân ngày lễ của giáo khu ngày mai, chàng trở về ăn chiều, và không kịp có thì giờ nói chuyện riêng với vợ, chàng đến ngồi ở cái bàn dài có hai mươi bộ dao dĩa. Quanh bàn mọi người đều đã tề tựu đông đủ: mẹ chàng, bà già Belova ít lâu nay đến ở với mẹ chàng, vợ chàng, ba đứa con của chàng, chị giữ trẻ, người gia sư, cháu trai của chàng với ông Đexal,

Xonya, Đenixov, Natasa và ba đứa con của nàng, người bảo mẫu của chúng và ông già Mikhail Ivanyts, người kiến trúc sư của cố công tước nay vẫn sống an nhàn ở Lưxye Gorư.

Bá tước phu nhân Marya ngồi ở đầu kia bàn. Ngay từ khi Nikôlai vừa ngồi vào chỗ, nhìn những cử chỉ của chàng khi lấy cái khăn và nhanh nhẹn sắp những cốc rượu mạnh đặt thành hàng trước mặt, nàng biết rằng chồng đang bực mình – điều này đôi khi vẫn xảy ra, nhất là khi chàng vừa ở ngoài đồng về ngồi ngay vào bàn ăn. Bá tước phu nhân Marya biết rất rõ tâm trạng ấy của chồng và những khi đang vui thì nàng lặng lẽ chờ đợi chàng ăn cho xong đĩa xúp rồi mới bắt chuyện, và bắt chàng thú nhận rằng chàng chẳng có lý do gì mà bực mình hết. Nhưng hôm nay nàng quên hẳn điều đó, nàng chạnh lòng vì thấy chàng giận mình tuy chẳng có lý do gì, và nàng cảm thấy khổ sở. Nàng hỏi chàng ở đâu về. Chàng đáp lại. Nàng lại hỏi xem mọi việc ở trong điền trang có đâu vào đấy không. Giọng nói không tự nhiên của nàng làm chàng cau mày khó chịu, chàng vội vã trả lời cho xong.

"Thế là mình nghĩ không sai, – bá tước phu nhân Marya nghĩ thầm – nhưng tại sao anh ấy lại giận mình?" – Trong giọng nói của chàng đáp lại câu hỏi của mình, bá tước phu nhân thấy chàng bực bội đối với nàng và có ý muốn chấm dứt câu chuyện. Nàng cảm thấy những lời nói của mình thiếu tự nhiên, nhưng nàng không thể nào tự kiềm chế mình không hỏi thêm vài câu nữa.

Câu chuyện trong bữa ăn nhờ có Đenixov nên chỉ trong chốc lát đã lôi cuốn mọi người và trở nên rôm rả, và bá tước phu nhân Marya không nói với chồng nữa. Khi mọi người rời bàn ăn đứng dậy đến gặp lão bá tước phu nhân để cảm ơn; bá tước phu nhân Marya hôn chồng, đưa tay cho chồng hôn và hỏi tại sao chàng lại giận mình.

– Em bao giờ cũng có những ý nghĩ kỳ quặc: anh có giận gì đâu? – Chàng nói.

Nhưng hai chữ "bao giờ" đối với bá tước phu nhân Marya có nghĩa là: phải, tôi giận đấy, nhưng tôi không muốn nói tại sao.

Nikôlai sống với vợ hòa thuận đến nỗi Xonya và lão bá tước phu nhân, tuy vì ghen tị, cứ mong cho hai vợ chồng có chuyện bất hòa, cũng không thể nào tìm thấy điều gì có thể chê trách, nhưng giữa hai người đôi khi cũng vẫn có những phút bất hòa. Đôi khi, đặc biệt là sau những thời kỳ hạnh phúc nhất, họ bỗng cảm thấy xa nhau và có ác cảm với nhau, tình trạng ấy thường xảy ra trong những thời kỳ bá tước phu nhân Marya có mang. Bây giờ đang là một thời kỳ như thế.

– Thưa các ông các bà[1] – Nikôlai nói to với một giọng dường như vui vẻ (bá tước phu nhân có cảm tưởng cái giọng ấy cốt là để trêu tức mình) - sáng nay tôi dậy từ sáu giờ. Ngày mai thì đành phải chịu đựng, nhưng hôm nay tôi xin đi nghỉ. – Và không nói gì với bá tước phu nhân Marya nữa, chàng vào gian phòng khách nhỏ rồi ngả mình trên đi-văng.

"Đấy, bao giờ cũng cứ thế – bá tước phu nhân Marya nghĩ thầm – Chàng nói với mọi người, chỉ có mình là chàng lờ đi. Mình thấy, mình thấy rõ rằng chàng chán ghét mình. Nhất là khi mình ở trong tình trạng này" – Nàng nhìn xuống cái bụng to rồi nhìn vào khuôn mặt gầy gò, vàng bủng trong gương với đôi mắt to hơn bao giờ hết.

Thế rồi tất cả đối với nàng bỗng trở thành khó chịu, tiếng nói cười của Đenixov, tiếng nói chuyện của Natasa, nhất là cái nhìn của Xonya đưa nhanh về phía nàng.

Bao giờ Xonya cũng là duyên cớ đầu tiên mà bá tước phu nhân Marya chọn mỗi khi phải tìm một duyên cớ để cáu gắt.

Sau khi ngồi lại vài phút với các tân khách nhưng không hiểu họ nói gì, nàng rón rén bước ra và sang phòng các con.

1. Messieurs et mesdames.

Mấy đứa trẻ đang cười ghế để đi Maxkva và mời nàng cùng đi du lịch với chúng. Nàng ngồi chơi với con nhưng vẫn day dứt nghĩ đến chồng và nỗi bực dọc vô cớ của chàng. Nàng đứng lên và mệt nhọc nhón chân đi sang phòng khách nhỏ.

"Có lẽ chàng chưa ngủ, mình sẽ phân trần với chàng" – nàng tự nhủ. Anđrusa, đứa con đầu của nàng, cũng bắt chước mẹ nhón chân rón rén đi theo sau. Bá tước phu nhân Marya không để ý thấy nó.

– Chị Marya, hình như anh ấy đang ngủ, anh ấy mệt lắm[1] – Xonya gặp nàng trong p hòng khách liền nói (nàng có cảm tưởng rằng ở chỗ nào cũng cứ gặp phải cái cô Xonya này) – cháu Anđrusa sẽ làm anh ấy thức giấc mất.

Bá tước phu nhân quay lại, nhận ra thằng bé Anđrusa đang đi theo sau, thấy Xonya có lý và chính vì thế, nàng đỏ mặt và rõ ràng là phải cố gắng lắm mới khỏi buông ra một lời cay độc. Nàng không nói gì, và để khỏi nghe lời Xonya nàng ra hiệu cho Anđrusa đừng làm ồn nhưng vẫn cứ đi theo nàng rồi đến gần cánh cửa phòng Nikôlai, Xonya ra một cửa khác. Từ căn phòng Nikôlai ngủ đưa ra một tiếng thở đều đều, quen thuộc đối với vợ chàng cho đến từng sắc thái nhỏ nhặt nhất. Nàng lắng nghe hơi thở ấy, trông thấy trước mặt mình vầng trán phẳng phiu và đẹp đẽ, bộ râu mép, tất cả gương mặt của chàng mà nàng đã bao lần ngắm trông hàng giờ những khi chàng ngủ, trong đêm yên tĩnh, Nikôlai bỗng cựa mình và ho khe khẽ. Ngay lúc ấy Anđrusa đứng đằng sau cánh cửa kêu lên:

– Ba ơi, mẹ đứng ở đây này.

Bá tước phu nhân Marya sợ tái mặt đi. Nàng bắt đầu ra hiệu cho con. Nó im bặt, và một phút yên lặng trôi qua, một phút hãi hùng đối với nàng. Nàng biết rằng Nikôlai không thích người ta

1. Chère Marie, il dort, je crois, il estsi fatigué.

đánh thức mình dậy. Đột nhiên đằng sau cánh cửa lại nghe tiếng ho húng hắng, tiếng cựa mình và giọng nói bực dọc của Nikôlai:

– Chẳng có cách gì yên lấy được một phút. Marya em đấy à? Em đưa nó đến đây làm gì?

– Em chỉ ghé qua một chút xem thử, em không để ý thấy nó theo em... xin lỗi.

Nikôlai ho húng hắng mấy tiếng rồi im lặng. Bá tước phu nhân Marya đi ra cửa đưa con trai về phòng trẻ.

Năm phút sau, cô bé Natasa lên ba có cặp mắt đen, con cưng của bố Nikôlai, nghe anh nói là bố đang ngủ còn mẹ thì đang ngồi ở phòng đi-văng, liền lén mẹ chạy đến tìm bố. Con bé mắt đen mạnh dạn đẩy cửa nghe đánh kẹt một cái, đôi chân nhỏ xíu và vụng về bước quả quyết đến gần đi-văng, nó đứng nhìn bố đang ngủ quay lưng về phía nó, kiễng chân hôn lên bàn tay của bố gối ở dưới đầu. Nikôlai quay lại, trên gương mặt nở một nụ cười trìu mến.

– Natasa! Natasa! – Ở ngoài cửa có tiếng thì thào hốt hoảng của bá tước phu nhân Marya – để ba ngủ.

– Không mẹ ạ, ba không muốn ngủ đâu – bé Natasa đáp, giọng quả quyết – ba đang cười.

Nikôlai bỏ chân xuống đất, đứng dậy bế con lên.

– Masa, em vào đi, – chàng bảo vợ. Bá tước phu nhân Marya bước vào phòng và ngồi xuống cạnh chồng.

– Em không biết là nó chạy theo em, – nàng nói, giọng rụt rè – em chỉ ghé qua một chút.

Nikôlai, một tay bế con gái, đưa mắt nhìn vợ, và nhận thấy vẻ mặt nàng ngượng ngùng như người có lỗi, chàng giơ cánh tay kia ra ôm lấy người nàng và hôn lên tóc nàng.

– Con có cho ba hôn mẹ không nào? – chàng hỏi Natasa. Bé Natasa mỉm cười bẽn lẽn.

– Hôn nữa đi, – nó vừa nói vừa giơ tay chỉ vào chỗ Nikôlai vừa hôn vợ, như để ra lệnh.

– Anh không hiểu tại sao em lại nghĩ rằng anh cáu, – Nikôlai nói, trả lời câu hỏi mà chàng biết là đang khiến vợ bận tâm.

– Anh không thể hình dung được em khổ sở, cô đơn như thế nào mỗi khi anh như thế. Em cứ có cảm giác...

– Mari! Thôi đi, em chỉ vớ vẩn! Sao em không biết xấu! – chàng vui vẻ nói.

– Em cảm thấy anh không thể nào yêu em được, vì em xấu xí thế này... Bao giờ cũng... Mà bây giờ thì... trong tình trạng.

– Em rõ buồn cười! Người ta đáng yêu không phải vì đẹp, người ta đẹp vì đáng yêu. Chỉ có những thứ người như Malvina thì người ta mới yêu vì sắc đẹp, còn anh có yêu vợ không? Anh không yêu, nhưng thế đấy, anh chẳng biết nói như thế nào cho em hiểu. Khi nào không có em, khi nào giữa chúng ta có một chút bất hòa như lúc này, anh cảm thấy mình như nguy khốn đến nơi, và không làm gì được nữa. Em xem anh có yêu ngón tay của anh không? Anh không yêu, nhưng cứ thử chặt nó đi xem...

– Không, em không phải như thế, nhưng em hiểu. Thế anh không giận em chứ?

– Giận ghê lắm, – chàng mỉm cười nói đoạn đứng dậy vuốt lại mái tóc và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng.

– Marya ạ, em có biết anh vừa nghĩ gì không? – chàng bắt đầu nói, bấy giờ khi hai vợ chồng đã làm lành với nhau, chàng lập tức theo thói quen nói to những ý nghĩ của mình lên. Chàng không hỏi xem nàng có sẵn lòng nghe chàng nói hay không, đối với chàng điều đó không quan trọng. Chàng đã nảy ra một ý nghĩ, thì ý nghĩ ấy cũng phải là của nàng nữa. Và chàng kể cho vợ nghe rằng chàng có ý định mời Pier ở lại với họ cho đến mùa xuân.

Bá tước phu nhân Marya lắng nghe, đưa ra những lời nhận xét và đến lượt nàng cũng nói to những điều mình đang nghĩ lên. Bây giờ nàng đang nói đến con.

– Xem nó đã ra vẻ con gái chưa, – nàng chỉ bé Natasa nói bằng tiếng Pháp. – Anh cứ trách đàn bà chúng em thiếu lô-gích. Đấy là lô-gích của chúng em đấy. Em nói: ba muốn ngủ, còn nó thì đáp: không ba cười. Thế mà nó nói đúng đấy. – Bá tước phu nhân Marya nói, miệng nở một nụ cười sung sướng.

– Đúng, đúng đấy. – Và Nikôlai bế con gái trên cánh tay lực lưỡng, nhấc bổng nó lên, cho nó ngồi trên cổ, nắm lấy đôi chân nhỏ xíu của nó và bắt đầu cõng nó đi đi lại lại trong phòng. Trên gương mặt của hai cha con đều có một vẻ vui sướng ngây thơ như nhau.

– Này anh, khéo mà thiên vị đấy nhé. Anh nuông con này quá, – bá tước phu nhân Marya thì thầm nói bằng tiếng Pháp.

– Đúng thế, nhưng biết làm thế nào bây giờ?... Anh cũng cố gắng không để lộ ra ngoài...

Trong lúc ấy ngoài hành lang và phòng trước nghe có tiếng cửa mở và tiếng bước chân bước như có ai vào nhà.

– Có người nào vừa đến ấy.

– Em chắc là Pier. Để em ra xem – bá tước phu nhân Marya nói đoạn ra khỏi phòng.

Nhân khi vắng mặt vợ, Nikôlai liền bầy trò làm ngựa cõng con phi quanh phòng. Thở hổn hển, chàng nhanh nhẹn tung con bé lên khiến nó cười khanh khách, và ghì nó vào ngực. Những bước nhẩy của chàng nhắc chàng nhớ đến những điệu khiêu vũ, và đưa mắt nhìn cái khuôn mặt tròn trĩnh vui sướng của con gái, chàng thử hình dung sau này nó sẽ như thế nào khi mình đã già, dẫn nó vào nơi giao tế và khiêu vũ với nó điệu mazurka như cha chàng xưa kia đã khiêu vũ với con gái điệu Đanilo Cuper.

– Đúng cậu ấy rồi, anh Nikôlai ạ! - Vài phút sau bá tước phu

nhân Marya quay trở vào nói - Bây giờ thì Natasa nhà ta tha hồ mừng. Cô ta cứ cuống lên, và chàng Pier bị một chầu nên thân về tội về không đúng hạn! Nào ta ra nhanh đi, đi! Thôi buông nhau ra chứ, - nàng mỉm cười nhìn cô con gái đang bám chặt lấy cha.

Nikôlai đi ra, tay dắt con gái. Bá tước phu nhân ở lại phòng đi-văng.

"Không bao giờ, không bao giờ mình có thể tin – nàng thì thầm tự nhủ – rằng người ta có thể hạnh phúc đến thế". Gương mặt nàng bừng sáng lên trong một nụ cười rạng rỡ, nhưng ngay lúc ấy nàng bỗng thở dài và một nỗi buồn lặng lẽ hiện lên trong khóe nhìn sâu thẳm của nàng. Dường như ngoài cái hạnh phúc mà nàng đang hưởng còn có một hạnh phúc khác, không thể có được ở trong cuộc đời này, và trong giây phút này nàng bất giác sực nhớ đến nó.

X

Natasa lấy chồng trong ngày đầu xuân năm 1813 và đến năm 1820 nàng đã có ba đứa con gái và một đứa con trai – đứa con trai mà nàng vẫn mong ước, và hiện nay nàng đang tự mình cho bú lấy. Nàng đã đẫy ra, thân hình nở nang đến nỗi khó lòng nhận ra được cô bé Natasa mảnh dẻ và linh hoạt ngày xưa ở người mẹ phốp pháp khỏe mạnh này. Nét mặt nàng đã rõ hẳn và có một vẻ dịu hiền bình thản và trong sáng. Gương mặt nàng không còn bừng bừng ngọn lửa phấn chấn vốn làm thành sức quyến rũ của nàng xưa kia. Bây giờ nhiều khi người ta chỉ thấy được khuôn mặt và thân thể của nàng, còn linh hồn nàng thì không thể nào thấy được. Chỉ thấy một người đàn bà[1] khỏe đẹp và mắn con. Ngọn lửa ngày xưa họa

1. Nguyên văn: xamka (con gái - femelle). Từ tương ứng trong tiếng Việt nhấn quá mạnh ý "thú vật" và sắc thái khinh miệt, nên khó lòng có thể dùng được ở đây.

hoằn lắm mới bừng sáng lên ở nàng. Nó chỉ bừng lên trong khi chồng nàng đi xa về nhự bây giờ, khi một đứa con của nàng khỏi bệnh hay khi nàng cùng bá tước phu nhân Marya hồi tưởng đến công tước Anđrây (nàng không bao giờ nói với chồng về công tước Anđrây vì cho rằng chàng ghen với kỷ niệm của bạn) và họa hoằn lắm, khi có việc gì tình cờ lôi cuốn nàng khiến nàng cất tiếng hát, một cái thú mà nàng đã bỏ hẳn từ dạo lấy chồng. Và trong những giây phút hiếm có ấy, khi ngọn lửa ngày xưa lại rực cháy trong thân thể xinh đẹp nở nang của nàng, nàng lại còn đáng yêu hơn cả ngày xưa nữa.

Từ ngày cưới, Natasa vẫn sống với chồng ở Maxkva, hay ở nhà mẹ, tức là ở nhà Nikôlai. Trong giới xã giao người ta ít gặp bá tước phu nhân Bezukhova trẻ tuổi, và những người gặp nàng đều không hài lòng về nàng. Nàng không đáng yêu, cũng không lịch thiệp. Không phải tính Natasa thích cô độc (nàng không biết mình có thích thế hay không, thậm chí nàng còn có cảm tưởng là không), nhưng vì cứ thai nghén, sinh nở, cho con bú và tham dự vào đời sống của chồng từng phút một nên nàng không thể nào đáp ứng được tất cả những đòi hỏi này bằng cách nào khác hơn là từ bỏ nếp sinh hoạt xã giao. Những ai đã từng biết Natasa trước khi nàng lấy chồng đều phải kinh ngạc khi thấy nàng đã thay đổi hẳn đi như vậy, xem đó như một điều gì phi thường. Chỉ có lão bá tước phu nhân, với bản năng làm mẹ của bà, là hiểu rằng tất cả những cơn bồng bột của Natasa đều do một cội nguồn mà ra, đó là nhu cầu có gia đình, có một người chồng (ở Otrađroye bà đã lớn tiếng tuyên bố như vậy, nửa đùa nửa thật, nhưng thật nhiều hơn là đùa). Chỉ có mẹ nàng là ngạc nhiên về nỗi ngạc nhiên của những người không hiểu Natasa và bà cứ nhắc đi nhắc lại rằng xưa nay bà vẫn biết Natasa sẽ là một người vợ và một người mẹ gương mẫu. Bà thường nói:

– Chỉ có điều là nó yêu chồng yêu con quá sức, đến nỗi nhiều khi đâm ra ngớ ngẩn.

Natasa không theo cái khuôn vàng thước ngọc mà những người thông minh, nhất là những người Pháp, thường tuyên truyền, là con gái sau khi lấy chồng không nên buông lơi mình, không nên vứt bỏ tài năng của mình đi, mà phải chăm sóc đến bề ngoài của mình còn hơn cả thời con gái, phải quyến rũ chồng như đã quyến rũ người yêu. Natasa thì trái lại, đã vứt bỏ ngay một lúc tất cả những cái gì có sức quyến rũ của mình, trong đó có một cái có tác dụng đặc biệt mạnh mẽ là tiếng hát của nàng. Nàng đã vứt bỏ nó chính vì nó có sức quyến rũ mạnh mẽ. Nàng không để ý gì đến cách đi đứng, nói năng cho thanh nhã, cũng không buồn phô trương những tư thế đẹp mắt nhất trước mặt chồng, nàng không để ý gì đến trang sức, cũng không chú ý hạn chế bớt những đòi hỏi khắt khe để khỏi làm phiền chồng (tất cả những gì nàng làm đều trái với quy tắc ấy. Nàng cảm thấy rằng những thuật quyến rũ mà bản năng đã dạy cho nàng sử dụng trước kia sẽ đâm ra lố bịch nếu đem phô ra trước mặt chồng, con người mà ngay từ phút đầu nàng đã hoàn toàn trao thân gửi phận với tất cả tâm hồn, không còn dành lại một góc nhỏ nào bí ẩn đối với chồng. Nàng cảm thấy mối liên hệ giữa nàng với chồng không phải do những cảm giác thi vị xưa kia đã thu hút "chàng" đến với nàng mà là do một cái gì khác, không rõ rệt, nhưng vững chắc như sự gắn bó giữa linh hồn nàng với thể xác nàng.

Uốn tóc cho quăn lên, mặc váy phồng và hát những bài tình ca để lôi cuốn chồng – những cái đó đối với nàng xem ra cũng kỳ quặc như là trang sức để tự mình thỏa mãn với mình. Còn trang sức để làm đỏm với những người khác thì có lẽ nàng cũng thích – nàng cũng không biết có phải thế không – nhưng nàng không làm sao có thì giờ được. Đó chính là lý do chính khiến nàng không để ý gì đến ca hát, trang sức, hay trau chuốt lời lẽ cho kiểu cách.

Ai cũng biết rằng con người có khả năng tập trung tất cả tâm trí vào một đối tượng duy nhất, dù cho đối tượng ấy có vẻ vô nghĩa đến đâu. Và ai cũng biết rằng không có đối tượng nào dù vô nghĩa đến đâu mà lại không được khuếch đại lên đến nỗi trở thành vô cùng vô tận một khi người ta đã tập trung chú ý vào đấy.

Cái đối tượng mà Natasa để tất cả tâm trí của mình vào là gia đình nàng, là chồng nàng, mà nàng phải giữ làm sao cho chàng hoàn toàn thuộc về mình, thuộc về gia đình và những đứa con mà nàng phải cưu mang, sinh đẻ, nuôi nấng và dạy dỗ.

Và càng đi sâu vào cái đối tượng đã thu hút hết tâm trí của mình, không phải bằng lý trí, mà bằng tất cả tâm hồn, bằng mỗi đường gân thớ thịt của mình, cái đối tượng này lại càng được khuếch đại bởi sức chú ý của nàng, và nàng lại càng thấy sức lực của mình nhỏ bé, vô nghĩa hơn, thành thử có bao nhiêu tinh lực nàng đã đem tập trung hết vào một điểm duy nhất, ấy thế mà nàng vẫn không sao làm xuể tất cả những việc nàng thấy cần làm.

Những câu chuyện trò bàn luận về quyền lợi của phụ nữ, về quan hệ vợ chồng, về tự do và quyền hạn của hai bên, tuy hồi ấy không gọi là những vấn đề như ngày nay, nhưng cũng vẫn giống hệt như ngày nay – thì không những Natasa không để tâm mà còn chẳng hiểu chút gì nữa là khác.

Những vấn đề này, hồi ấy cũng như bây giờ, chỉ tồn tại đối với những kẻ chỉ nhìn thấy trong hôn nhân sự khoái lạc mà hai vợ chồng đem lại cho nhau, tức chỉ là một yếu tố của hôn nhân mà thôi chứ không phải ý nghĩa toàn vẹn của nó, tức là gia đình.

Những vấn đề ấy cũng tương tự như vấn đề làm thế nào ăn cho thật sướng miệng, hồi ấy cũng như ngày nay các vấn đề ấy không đặt ra đối với những người nghĩ rằng mục đích của bữa ăn là để nuôi sống cơ thể và mục đích của hôn nhân là gia đình.

Nếu mục đích của bữa ăn là nuôi sống cơ thể, thì người nào ăn

hai bữa một lúc có thể sướng miệng hơn, nhưng người đó sẽ không đạt được mục đích, bởi vì dạ dầy sẽ không tiêu hóa hết cả hai bữa ăn.

Nếu mục đích của hôn nhân là gia đình, thì người nào muốn có nhiều vợ hay nhiều chồng có lẽ sẽ được nhiều khoái lạc hơn, nhưng dứt khoát họ không thể nào có được gia đình.

Nếu mục đích của bữa ăn là nuôi sống cơ thể và mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình, thì tất cả vấn đề chung quy là đừng ăn quá sức tiêu hóa của dạ dầy và đừng lấy vợ lấy chồng nhiều hơn số vợ, chồng mà việc xây dựng gia đình đòi hỏi, tức chỉ một vợ một chồng mà thôi. Natasa cần có một người chồng. Nàng đã có được người chồng ấy. Người chồng ấy đã cho nàng một gia đình. Và không những nàng không thấy cần một người chồng khác tốt hơn, mà bởi vì bao nhiêu tinh lực của nàng đều dồn vào một mục đích là phục vụ người chồng ấy và cái gia đình ấy, cho nên nàng không thể nào tưởng tượng mà cũng chẳng thấy có gì thú vị trong việc tưởng tượng xem nếu sự thể khác đi thì sẽ như thế nào.

Natasa không thích tiếp xúc với giới xã giao, nhưng chính vì vậy mà nàng lại càng tha thiết với cái thế giới của những người thân thuộc, với bá tước phu nhân Marya, với anh nàng, mẹ nàng và Xonya. Nàng tha thiết với cái thế giới trong đó nàng có thể mặc áo ngủ, để đầu tóc rối tung, rảo bước từ phòng các con ra chỉ cho họ xem chiếc tã bẩn dây một vết màu vàng chứ không phải màu xanh cứt ngựa, với vẻ mặt hân hoan và nghe lời an ủi của họ nói rằng thế là đứa bé đã đỡ nhiều.

Natasa buông lơi mình đến nỗi áo quần, cách trang điểm những câu nói không phải lúc của nàng, cái tính hay ghen của nàng – nàng ghen với Xonya, với chị giữ trẻ, với bất cứ người đàn bà nào dù đẹp hay xấu – đã được tất cả những người thân thuộc đem làm một đầu đề đùa bỡn hàng ngày.

Theo ý cả nhà thì Pier bị vợ xỏ mũi, và sự thật là như vậy. Ngay từ những ngày đầu chung sống, Natasa đã tuyên bố những yêu sách của mình. Pier rất đỗi ngạc nhiên về quan niệm của vợ – một quan niệm mà chàng thấy là hoàn toàn mới mẻ – cho rằng mỗi giây phút của đời chàng đều thuộc về nàng và thuộc về gia đình. Pier ngạc nhiên về những yêu sách của vợ, nhưng cũng thấy tự hào và cũng vui lòng phục tùng.

Cái tình trạng phục tùng của Pier ở chỗ không những chàng không dám tán tỉnh và thậm chí cũng không dám mỉm cười trong khi nói chuyện với một người đàn bà nào khác, chàng không dám đến các câu lạc bộ, dự những bữa tiệc "gọi là" để tiêu khiển, chàng không dám tiêu tiền theo những ý thích riêng, cũng không dám đi xa lâu, trừ những khi có công có việc – trong số những công việc này nàng kể cả những việc nghiên cứu khoa học của chàng mà nàng chẳng hiểu tí gì nhưng cũng cho là rất quan trọng. Ngược lại, ở nhà Pier có toàn quyền muốn làm gì thì làm, không những đối với bản thân mình mà ngay đối với cả gia đình cũng vậy. Trong gia đình, Natasa tự đặt mình vào địa vị người nô lệ của chồng, và cả nhà đều phải đi rón rén khi Pier đang làm việc – tức đọc sách hay viết lách trong phòng. Chàng chỉ hơi ngỏ ý cần cái gì là Natasa đứng phắt dậy chạy đi làm ngay.

Cả nhà đều răm rắp tuân theo những cái gọi là mệnh lệnh của ông chồng, tức là những ý muốn của Pier mà Natasa cố đoán ra. Cách sống, chỗ ở, bạn bè giao dịch, những việc làm của Natasa, việc dạy dỗ các con, mọi việc đều được quyết định theo những ý muốn mà Pier ngỏ ra. Ngoài ra Natasa còn tìm cách phỏng đoán những ý nghĩa có thể toát ra từ những lời nói hay những câu chuyện của chàng. Nàng đoán đúng được thực chất những ý muốn của Pier, và một khi đã đoán ra là nàng một mực làm cho kỳ xong theo cách nàng đã chọn. Và khi Pier muốn thay đổi ý muốn thì nàng lại dùng ngay những vũ khí của chàng để chống lại chàng.

Chẳng hạn, trong một thời kỳ gay go mà Pier ghi nhớ mãi, sau khi sinh đứa con đầu lòng yếu ớt, họ phải thay đến ba người vú em, và Natasa lo phiền quá đến nỗi sinh bệnh, một hôm Pier giảng giải cho nàng nghe những quan niệm của Ruxô mà chàng hoàn toàn tán thành, cho rằng việc dùng vú em là trái tự nhiên và có hại. Đến khi sinh đứa thứ hai, mặc dầu mẹ nàng, thầy thuốc và ngay cả chồng nàng không muốn để cho nàng tự cho con bú vì đó là một việc không thấy ai làm và thậm chí có hại, nhưng Natasa giữ vững ý mình và từ đó trở đi đứa con nào cũng tự mình cho bú lấy.

Có nhiều khi trong những phút giận dỗi, hai vợ chồng cũng cãi cọ, nhưng sau đấy một thời gian, Pier vui sướng và ngạc nhiên nhận thấy những lời nói cũng như những việc làm của Natasa đều phản ánh đúng cái ý kiến của chàng đã bị Natasa cãi lại. Và không những chàng thấy ý kiến ấy được thực hiện, mà còn thấy nó được tước bỏ hết những phần quá khích trong cách nói của chàng lúc đang say sưa tranh cãi.

Sau bảy năm chung sống, Pier vui sướng nhận thức một cách chắc chắn rằng mình không phải là người xấu, và chàng cảm thấy như vậy là vì thấy rõ hình ảnh mình được vợ phản chiếu lại. Trong thâm tâm, chàng cảm thấy cái tốt và cái xấu ở trong mình lẫn lộn vào nhau và che mờ lẫn nhau. Nhưng ở vợ chàng thì chỉ thấy phản ánh những cái gì tốt thật sự, tất cả những gì không hẳn là tốt đều bị gạt đi. Và sự phản ánh này diễn ra không phải thông qua tư duy lô-gích, mà qua một con đường khác, trực tiếp và huyền bí.

XI

Hai tháng trước đây, Pier lúc bấy giờ đã ở với gia đình Rôxtôv, có nhận được một bức thư của công tước Feodor, gọi chàng đến

Pêterburg để thảo luận về những vấn đề quan trọng đang làm bận tâm những người tham gia cái hội mà Pier là một trong những người sáng lập chủ yếu.

Sau khi đọc bức thư này – nàng vẫn đọc tất cả thư từ của chồng – Natasa, tuy rất khổ tâm vì phải vắng chồng, vẫn tự mình khuyên Pier đến Pêterburg. Tất cả những công việc có tính chất trí óc và trừu tượng của chồng, Natasa tuy không hiểu cũng vẫn cho là hết sức quan trọng, và luôn luôn sợ mình cản trở chồng trong hoạt động này. Đáp lại cái nhìn dò hỏi và ngại ngùng của Pier sau khi đọc bức thư, nàng bảo chàng nên đi nhưng phải cho nàng biết đích xác ngày nào trở về. Thế là chàng được đi phép bốn tuần lễ.

Từ khi thời hạn đi phép của Pier đã hết, tức là đã hai tuần nay, Natasa luôn luôn lo buồn và bực bội.

Đenixov, vị tướng về hưu bất mãn với thời cuộc đã đến chơi từ hai tuần nay, kinh ngạc và buồn rầu nhìn Natasa như nhìn một bức chân dung không được giống của một người xưa kia mình yêu mến. Cái nhìn rầu rĩ, chán ngán, những câu trả lời chẳng đâu vào đâu, và những câu chuyện về con cái: đó là tất cả những điều bây giờ chàng thấy và nghe được ở nàng đạo cô thuở trước đã làm cho chàng mê mẩn.

Trong suốt thời gian này, Natasa buồn bã và bực bội khi, để an ủi nàng, mẹ nàng, anh nàng, Xonya hay bá tước phu nhân Marya tìm cách bào chữa cho Pier và bày ra những lý do để cắt nghĩa tại sao chàng về muộn.

– Toàn là những chuyện vớ vẩn, nhảm nhí hết – Natasa nói – tất cả những tư tưởng chẳng đưa đến đâu và những hội những phường ngớ ngẩn ấy... – Nàng nói về chính những việc mà trước đây nàng tin chắc là vô cùng quan trọng. Rồi nàng vào phòng trẻ để cho thằng Petya đứa con trai duy nhất của nàng bú.

Không ai có thể nói với nàng một cái gì phải lẽ và có sức an ủi như thằng bé ba tháng này, trong khi nó nằm áp vào ngực nàng và nàng cảm thấy những cử động của đôi môi nó đang bú, nghe hơi thở nhẹ từ cái mũi xinh xinh của nó đưa ra. Thằng bé nói: "Mẹ giận, mẹ ghen, mẹ muốn trả thù bố, nhưng có con đây, con tức là bố đấy...". Và nàng không có cách gì trả lời được nữa. Điều đó còn đúng hơn cả sự thật.

Trong suốt hai tuần lễ lo âu này, Natasa thường hay đến tìm ở đứa bé một nguồn an ủi, nàng chăm chút nó đến nỗi nó ăn nhiều quá sinh ốm. Nàng sợ hãi về bệnh tình của nó, nhưng đồng thời chính nàng đang cần nó ốm. Trong khi săn sóc con, nàng cảm thấy nỗi lo ngại về chồng cũng nguôi nguôi.

Nàng đang cho con bú thì chợt nghe trước thềm có tiếng xe ngựa của Pier về, và u già, vốn biết cách làm cho bà chủ vui lòng, hiện ra ở cửa không một tiếng động nhưng rất nhanh, vẻ mặt hớn hở:

– Về rồi à? – Natasa thì thầm hỏi gấp, không dám cử động sợ thằng bé thức dậy.

– Thưa bà, về rồi ạ – u già thì thầm.

Máu dồn lên mặt Natasa và chân nàng bất giác cử động nhưng nàng không thể nào nhảy ra hay chạy ra được. Đứa bé lại mở mắt, nhìn nàng rồi lại lười biếng chìa môi ra bú, dường như muốn nói: "Mẹ đấy à".

Natasa nhẹ nhàng kéo vú ra, ru đứa bé và trao nó cho u già rồi bước nhanh ra cửa. Nhưng đến ngưỡng cửa, nàng bỗng dừng lại, dường như hối hận rằng trong khi mừng rỡ mình đã vội vã bỏ con, và ngoảnh lại nhìn u già đang đưa cao hai khuỷu tay lên, nhấc bổng đứa bé qua thành nôi.

– Bà cứ đi đi, cứ đi đi, bà cứ yên tâm – u già mỉm cười nói thì thầm với cái vẻ thân mật thường có giữa bà chủ nhà và người bảo mẫu.

Và Natasa nhanh nhẹn bước ra phòng ngoài.

Đenixov bỗng cảm thấy mình cũng mừng quýnh lên vì Pier đã về, tuy chàng chẳng yêu mến gì Pier. Chạy ra phòng áo, Natasa nhận ra một bóng người cao lớn mặc áo khoác đang tháo chiếc khăn quàng.

– Anh ấy đây rồi! Anh ấy đây rồi! Đúng rồi! – Nàng tự nhủ và chạy như bay về phía Pier, ôm lấy chàng, ghì chặt lấy chàng, nép đầu vào ngực chàng rồi lại đẩy chàng ra nhìn gương mặt hồng hào, sung sướng của chàng lấm tấm sương băng. "Phải chính anh ấy, anh ấy sung sướng, thỏa mãn...".

Thế rồi đột nhiên nàng nhớ đến những nỗi buồn khổ của cảnh chờ đợi mà nàng đã trải qua trong hai tuần nay: niềm vui sướng đang sáng ngời trên gương mặt nàng bỗng biến mất, nàng cau mày và trút lên Pier cả một tràng những lời trách móc chua cay.

– Phải rồi! Anh thì thích lắm, anh thì sướng lắm, anh tha hồ chơi... Còn em thì thế nào? Ít nhất anh cũng phải nghĩ đến con chứ? Em đang cho con bú, sữa của em hỏng... Thằng Petya suýt chết. Còn anh thì cứ vui chơi... Phải, anh vui lắm.

Pier biết mình không có lỗi, bởi vì chàng không thể nào về sớm hơn, chàng biết nàng giận dỗi như vậy là không phải, và chỉ hai phút nữa là cơn giận sẽ qua, và cái chính là chàng biết mình đang vui vẻ sung sướng. Chàng muốn mỉm cười nhưng không dám. Chàng làm ra một vẻ mặt tội nghiệp, sợ hãi và cúi đầu.

– Anh không có cách gì về sớm hơn, anh thề với em như vậy! Nhưng thằng Petya thế nào?

– Bây giờ đã khá rồi, ta đi vào đi. Anh chẳng biết gì hết! Giá anh biết vắng anh em ra sao, em khổ sở như thế nào.

– Em khỏe chứ?

– Ta vào đi, ta vào đi, – nàng nói, tay vẫn nắm lấy tay chàng. Và hai người bước vào phòng riêng.

Khi vợ chồng Nikôlai ra tìm Pier thì chàng đang ở trong phòng trẻ, đang đỡ trên lòng bàn tay phải khổng lồ đứa con trai út vừa thức giấc, và đang ru nó. Trên khuôn mặt rộng của chàng với cái miệng móm há hốc bừng lên một nụ cười vui vẻ. Cơn bão đã qua từ lâu và một ánh sáng rực rỡ ngời sáng trên gương mặt Natasa đang âu yếm nhìn con và chồng.

– Thế anh đã bàn bạc xong xuôi với công tước Feodor rồi chứ? – Nàng nòi.

– Phải, ổn lắm rồi.

– Anh xem, ngóc lên được rồi đấy. (Natasa muốn nói đến đầu đứa bé). Thế mà nó làm cho em sợ một mẻ đấy... Anh có gặp công tước tiểu thư không? Có phải cô ta đang mê anh chàng...

– Có, em thử tưởng tượng...

Vừa lúc ấy Nikôlai và bá tước phu nhân Marya bước vào. Pier tay vẫn ẵm con, cúi mình xuống hôn hai người và trả lời những câu hỏi của họ. Nhưng rõ ràng là mặc dầu họ có nhiều điều rất thú vị để nói cho nhau nghe, thằng bé với cái mũ và cái đầu lắc lư của nó vẫn thu hút sức chú ý của Pier.

– Dễ thương quá! - Bá tước phu nhân Marya ngắm đứa bé và chơi với nó. – Có điều này thực em không hiểu, anh Nikôlai ạ – nàng quay lại nói với chồng – làm sao anh lại không hiểu được sức hấp dẫn của những thiên thần này?

– Anh không hiểu, chịu thôi – Nikôlai nói, mắt lạnh lùng nhìn đứa bé – Một cục thịt, Pier, ta ra ngoài kia đi.

– Nói thế chứ chẳng có người cha nào yêu con như anh ấy – bá tước phu nhân Marya bào chữa cho chồng, – nhưng chỉ khi nào chúng đã trên dưới một năm...

– Anh Pier thì lại chăm con mọn rất thạo – Natasa nói, anh ấy bảo bàn tay anh ấy đặt vào mông trẻ con thật vừa khéo, xem kia kìa.

– Ấy, nhưng không phải để làm việc ấy đâu. – Pier bỗng cười xòa, đoạn trao đứa bé cho người bảo mẫu.

XII

Cũng như trong mọi gia đình thực sự là gia đình, ở Lưxye Goru có nhiều thế giới hoàn toàn khác nhau cùng chung sống, thế giới nào cũng giữ những đặc điểm riêng của nó, nhưng đồng thời lại nhân nhượng cho nhau, do đó mà hợp lại thành một toàn thể hài hòa. Mỗi biến cố xảy ra trong gia đình, đối với tất cả những thế giới này đều quan trọng như nhau, đều vui vẻ hay buồn rầu như nhau. Nhưng mỗi thế giới đều có những lý do của nó, hoàn toàn độc lập đối với những thế giới khác, để vui mừng hay phiền muộn về một biến cố nào đấy.

Việc Pier trở về là một biến cố quan trọng đáng mừng và mọi người đều cảm thấy như vậy.

Các gia nhân là những người xét đoán đúng đắn nhất về chủ họ, bởi vì họ không căn cứ vào những lời nói và những tình cảm chủ họ bộc lộ, mà căn cứ vào những hành động và lối sống của chủ, đều sung sướng khi thấy Pier về, vì họ biết rằng bá tước Nikôlai Ilyts sẽ không đi kiểm soát điền trang ngày một nữa, ông ta sẽ vui vẻ hơn và hiền lành hơn, và cũng vì nhân ngày lễ mọi người sẽ nhận được một món quà hậu hĩ.

Bọn trẻ con và các chị giữ trẻ vui mừng khi thấy Bezukhov trở về vì chẳng ai khéo biết cách đưa họ vào sinh hoạt chung của gia đình bằng Pier. Chỉ có chàng mới biết chơi trên đàn dương cầm cái điệu Tô-cách-lan, (bài nhạc duy nhất của chàng) có thể đệm theo tất cả các điệu nhẩy trên đời, như chàng thường nói, và chắc chắn thế nào chàng cũng đem quà về cho mọi người.

Cậu Nikolenka, năm nay mười lăm tuổi, một cậu bé thông minh, mà gầy yếu, có bộ tóc quăn màu hung và đôi mắt rất đẹp, vui mừng bởi vì cậu Pier, như cậu thường gọi, là người được cậu say mê và tôn thờ. Không ai cố tìm cách làm cho Nikolenca yêu mến Pier một cách đặc biệt, và chỉ thỉnh thoảng cậu mới gặp Pier. Bá tước phu nhân Marya, người giáo dục cậu, tìm đủ mọi cách để làm cho cậu yêu chồng mình như mình, và Nikolenka cũng yêu chú cậu, nhưng tình yêu của cậu đối với Nikôlai thoáng có pha lẫn ý khinh thường kín đáo. Trái lại cậu tôn thờ Pier. Cậu không muốn trở thành một sĩ quan phiêu kỵ, cũng không muốn được thưởng huân chương Gheorghi như chú Nikôlai, cậu muốn trở thành một người học rộng thông minh và tốt bụng như cậu Pier. Trước mặt Pier gương mặt cậu bao giờ cũng sáng ngời, vì vui sướng, cậu đỏ mặt và nghẹn thở mỗi khi Pier nói với câu. Cậu không hề bỏ qua một lời nào Pier nói ra, và sau đó hoặc cùng với Đexal hoặc một mình, cậu hồi tưởng lại từng lời một và tìm cách hiểu ý nghĩa những lời ấy. Quãng đời mà Pier đã trải qua, những nỗi khổ của chàng trước năm 1812 (căn cứ vào những điều nghe được, cậu đã tạo nên một hình ảnh mơ hồ và thi vị về những nỗi khổ này) những hành động mạo hiểm của chàng ở Maxkva, thời gian bị cầm tù. Platon Karataiev (cậu có nghe Pier kể lại), tình yêu của chàng đối với Natasa (cậu bé cũng yêu nàng với một tình yêu đặc biệt) và nhất là tình bạn giữa chàng với công tước Anđrey, người cha mà Nikolenka không nhớ được, tất cả những điều đó làm cho Pier trở thành một vị anh hùng và một bậc thần thành đối với cậu bé.

Căn cứ vào những mẩu chuyện rời rạc về cha cậu và Natasa, nỗi xúc động của Pier khi nói đến người đã khuất, vẻ trìu mến, trân trọng, sùng kính của Natasa khi nói đến cha mình, cậu bé hồi ấy mới bắt đầu hình dung được tình yêu một cách mô hồ đã tưởng tượng ra rằng cha cậu trước kia yêu Natasa và khi lâm chung đã phó thác nàng cho bạn. Còn người cha kia mà cậu bé không nhớ rõ,

đối với cậu là một vị thần mà người ta không thể nào hình dung ra được, và hễ nghĩ đến cha Nikolenka bao giờ cũng thấy lòng se lại và mắt cậu rơm rớm những giọt lệ buồn rầu và ngưỡng mộ. Cho nên cậu bé cũng vui mừng khi thấy Pier về.

Các tân khách cũng vui mừng khi Pier về, bởi vì hễ có mặt Pier là bất cứ nhóm người nào cũng vui vẻ thân thiết với nhau hơn. Những người lớn trong nhà, không kể đến vợ chàng, đều vui mừng được gặp lại người bạn có khả năng làm cho cuộc sống của họ trở nên nhẹ nhàng và êm thấm hơn.

Các bà già hài lòng về những món quà mà chàng mang về, và nhất là Natasa lại phấn chấn như cũ.

Pier cảm biết tất cả những cách nhìn khác nhau của những thế giới khác nhau kia đối với mình và sốt sắng đem lại cho mỗi người những điều họ mong đợi.

Pier, con người lơ đãng nhất, hay quên nhất đời, bây giờ đã mua tất cả những thứ ghi trong bản danh sách mà vợ chàng trao cho, không quên những điều mẹ chàng và anh vợ chàng dặn dò, kể cả việc mua áo làm quà cho bà Belova và đồ chơi cho các cháu.

Trong thời gian đầu khi mới lấy vợ, chàng lấy làm lạ không hiểu sao vợ chàng cứ một mực dặn chàng không được quên tất cả những thứ cần phải mua, và kinh ngạc thấy nàng khổ sở thực sự chỉ vì trong chuyến đi xa đầu tiên chàng đã quên hết. Nhưng về sau chàng đã quen với điều đó. Biết rằng Natasa không dặn chàng mua gì cho nàng mà chỉ dặn mua cho những người khác nếu chàng tình nguyện làm, bây giờ chàng cảm thấy một niềm thích thú không ngờ của trẻ con trong việc mua quà cho cả nhà, và không bao giờ chàng quên gì hết. Chàng có bị Natasa trách chăng thì cũng chỉ vì chàng mua quá nhiều và quá đắt. Thêm vào những khuyết điểm của nàng (theo ý mọi người) hay những đức tính của nàng (theo ý chàng) là tính cẩu thả và buông lơi, Natasa bây giờ lại đâm ra hà tiện nữa.

Từ khi Pier bắt đầu sống với một gia đình đòi hỏi phải chi tiêu nhiều, chàng phải ngạc nhiên mà nhận thấy rằng mình tiêu chỉ bằng một nửa hồi trước và những công việc của mình vừa đây đang gặp khó khăn (đặc biệt là do những món nợ của người vợ trước) nay đã bắt đầu ổn dần.

Chàng tiêu ít hơn trước vì cuộc sống của chàng bây giờ đã ổn định: lối sống xa hoa tốn kém nhất, tức là lối sống có thể thay đổi từng phút một, bây giờ đã không còn, vả chăng chàng cũng không muốn sống như thế nữa. Chàng cảm thấy lối sống của mình lần này đã được quy định vĩnh viễn cho đến khi chết, chàng không tài nào thay đổi nó, cho nên lối sống của chàng bấy giờ rất ít tốn kém.

Pier gương mặt tươi cười vui vẻ đang sắp xếp những vật đã mua được.

– Xem này, có đẹp không! - Chàng vừa nói vừa dăng một tấm vải ra như một anh bán hàng. Natasa ngồi trước mặt chàng, tay giữ đứa con gái đầu lòng ngồi trên gối, đôi mắt sáng ngời hết nhìn chồng lại nhìn vật chàng đang phô ra cho nàng xem.

– Đây là quà cho bà Belva có phải không? Tuyệt! – Nàng đưa tay mân mê tấm vải.

– Cái này chắc phải đến một rúp một thước.

Pier nói giá vải.

– Mua đắt đấy – Natasa nói – Thôi được, bọn trẻ con chắc bằng lòng lắm và cả mẹ nữa, kể ra anh không nên mua cho em cái này mới phải, – nàng nói, nhưng không sao nén nổi một nụ cười khi ngắm một chiếc lược vàng giát ngọc trai hồi bấy giờ mới bắt đầu thành một vật thời thượng.

– Đó là vì cô Ađel cứ nài ép anh: cô ta bảo cứ mua đi mua đi.

– Nhưng em sẽ cài lúc nào? - Natasa cài chiếc lược vào bím tóc. – Thôi để đến khi nào em dẫn Masenka vào môi trường giao tế, lúc bấy giờ có lẽ người ta sẽ cài kiểu lược này. Thôi, ta đi nào.

Thế rồi họ mang các quà biếu trước hết vào phòng trẻ con rồi vào phòng lão bá tước phu nhân.

Phu nhân đang ngồi chơi bài với bà Belova như mọi ngày thì Pier và Natasa, tay cắp mấy gói quá, bước vào phòng khách.

Lão bá tước phu nhân đã ngoài sáu mươi tuổi, tóc đã bạc phơ, phu nhân đội một chiếc mũ chụp kết hình tổ ong trùm kín hai bên mặt. Mặt phu nhân nhăn nheo, môi trên thụt vào và cặp mắt lờ đờ.

Từ khi con trai bà và chồng nối chân nhau qua đời trong một khoảng thời gian ngắn như vậy, bá tước phu nhân cảm thấy mình bỗng dưng bị bỏ rơi lại trên thế gian này, sống không chút mục đích, không chút ý nghĩa. Phu nhân cũng vẫn ăn, uống, ngủ, thức, nhưng không phải là sống. Cuộc sống không còn đem lại cho phu nhân một ấn tượng gì nữa. Phu nhân không đòi hỏi gì ở cuộc sống ngoài sự yên tĩnh, mà sự yên tĩnh này thì chỉ có thể tìm thấy trong cõi chết. Nhưng chừng nào cái chết chưa đến, thì phu nhân vẫn còn phải sống, tức còn phải sử dụng những sức sống của mình. Ở phu nhân có thể thấy biểu hiện ở mức cao nhất cái hiện tượng mà người ta thường nhận thấy ở những đứa trẻ rất bé và những người rất già. Trong cuộc sống của phu nhân không thấy có một mục đích nào ở bên ngoài, mà chỉ thấy một điều rõ rệt là nhu cầu vận dụng những xu hướng và những năng lực tự nhiên của mình. Phu nhân cần ăn, ngủ, nghĩ, nói, khóc, làm việc, giận dỗi v.v... chỉ vì phu nhân có dạ dầy, bộ óc, bắp thịt, giây thần kinh và gan. Phu nhân làm tất cả những điều đó mà không cần một cái gì ở ngoại giới kích thích, không phải như những người đang thời cường tráng, tức là những người không thấy ở phía sau cái mục đích họ đang đeo đuổi còn có một mục đích khác mà họ không để ý, là thỏa mãn cái nhu cầu tiêu dùng những sinh lực của họ. Phu nhân nói chỉ vì, về mặt sinh lý, phu nhân phải để cho phổi và lưỡi của mình hoạt động. Phu nhân khóc như một đứa trẻ chỉ vì phu nhân cần phải xì mũi

v.v... Cần gì đối với những người cường tráng là một mục đích thì đối với phu nhân rõ ràng là một duyên cớ.

Chẳng hạn, mỗi buổi sáng phu nhân cảm thấy cần phải nổi giận, đặc biệt nếu tối qua phu nhân ăn một món ăn béo, thì phu nhân chọn ngay một duyên cớ dễ tìm nhất, đó là bệnh điếc của bà Belova.

Phu nhân đang ngồi mãi ở cuối phòng bắt đầu nói khẽ với bà ta một điều gì.

– Hôm nay hình như trời ẩm hơn mọi hôm bà à, – phu nhân nói thì thầm. Thế rồi khi bà Belova đáp "phải, họ đã đến" thì phu nhân càu nhàu, giọng cáu kỉnh.

– Điếc ơi là điếc, ngốc ơi là ngốc!

Một duyên cớ khác là thuốc lá bột để hít. Phu nhân thấy nó khi thì quá khô, khi thì quá ẩm, khi thì nghiền không nhỏ. Sau những cơn giận dữ này, mặt phu nhân ngả sang màu vàng, và những cô gái hầu phòng của phu nhân căn cứ vào những dấu hiệu chắc chắn có thể biết rõ khi nào bà Belova sẽ lại điếc, thuốc lá sẽ lại ẩm, và khi nào mặt phu nhân sẽ lại vàng. Cũng như phu nhân cần phải tiết bớt mật, đôi khi phu nhân cảm thấy cần phải vận dụng những năng lực tư duy còn lại của mình và muốn thố thi trò chơi xếp bài là một duyên cớ. Khi phu nhân cần khóc thì duyên cớ lại là kỷ niệm của cố bá tước. Khi phu nhân cần lo lắng thì duyên cớ là Nikôlai và sức khỏe của chàng. Khi phu nhân cần nói những điều cay độc thì duyên cớ là bá tước phu nhân Marya, khi phu nhân cần vận dụng các khí quan phát âm – điều đó thường xảy ra nhất vào lúc bảy giờ sau buổi nghỉ ngơi cho tiêu cơm trong gian phòng tối mờ mờ – thì duyên cớ là kể đi kể lại mãi những chuyện đã cũ rích, với những thính giả không thay đổi.

Mọi người trong nhà đều hiểu tình trạng này của lão bá tước phu nhân, tuy không bao giờ họ nói ra, và ai nấy đều tìm đủ mọi

cách làm phu nhân thỏa mãn. Chỉ đôi khi những nụ cười nửa miệng buồn bã và những cái nhìn mà Nikôlai, Pier, Natasa và bá tước phu nhân Marya trao đổi với nhau cho thấy rằng họ đã cùng hiểu tình trạng của phu nhân.

Nhưng những cái nhìn ấy còn nói lên một điều khác nữa: nó nói rằng phu nhân đã làm xong nhiệm vụ của mình ở trên đời, rằng phu nhân trước kia không phải bao giờ cũng như người ta thấy phu nhân hiện nay, rằng tất cả chúng ta sẽ như phu nhân và chúng ta phải vui vẻ tự kiềm chế mình, tự thắng mình để làm vừa lòng con người mà xưa kia mình yêu, xưa kia cũng đầy sức sống như mình bây giờ, nhưng nay chỉ còn là một sinh vật thảm hại. *Memento mori*[1] – những cái nhìn ấy như muốn nói thế.

Ở trong nhà chỉ có những kẻ hoàn toàn độc ác, ngu xuẩn, và lũ trẻ con, mới không hiểu điều đó và xa lánh phu nhân.

XIII

Khi hai vợ chồng Pier bước vào phòng khách thì bá tước phu nhân đang ở trong tình trạng thường ngày mỗi: khi phu nhân đang cần phải vận dụng trí óc bằng cách xếp bài, cho nên thấy Pier đến, phu nhân bực mình vì phải sao nhãng mất sức chú ý đang tập trung vào mấy con bài. Tuy vậy, theo thói quen, phu nhân vẫn nói những lời thường nói mỗi khi Pier hay con trai trở về: "Có thế chứ, mẹ mong con mãi. Thôi cũng đội ơn Chúa", và trong khi nhận các quà tặng, phu nhân vẫn nói những câu quen thuộc khác: "cái quý không phải là quà cáp đâu con ạ, cái quý là con đã nghĩ đến một bà già như mẹ..." Phu nhân xếp bài xong xuôi mới chú ý đến các món

1. Hãy nhớ đến cái chết (tiếng La-tinh).

quà. Quà biếu gồm một cái bao đựng bài rất đẹp, một cái chén uống trà bằng sứ Xevr, màu xanh xám có nắp đậy, có vẽ hình cô chăn cừu, và một chiếc hộp dựng thuốc lá bằng vàng có chân dung của bá tước mà Pier đã đặt một người làm chân dung thu nhỏ ở Pêterburg làm – đã từ lâu bá tước phu nhân muốn có một chiếc hộp đựng thuốc lá như thế. Bấy giờ phu nhân chưa muốn khóc, vì vậy phu nhân nhìn bức chân dung một cách lãnh đạm và đặc biệt chú ý đến cái túi đựng bài.

– Cảm ơn con, con đã làm mẹ vui lòng – phu nhân nói, nhắc lại những câu thường ngày – Nhưng điều đáng mừng hơn cả là con đã về đây. Nếu không thì chẳng còn ra làm sao nữa. Con phải mắng vợ con mới được. Rõ thật buồn cười! Vắng con nó như điên dại. Nó không thấy gì cả, không nhớ gì cả. Này bà Anna Timofeyevna – phu nhân nói thêm – bà xem cái túi bài con tôi nó mua cho tôi đẹp không này.

Bà Belova khen ngợi món quà và xuýt xoa trước tấm vải Pier mua cho bà.

Pier, Natasa, Nikôlai, bá tước phu nhân Marya và Đenixov thường cần nói với nhau những điều không thể nói trước mặt phu nhân, không phải vì họ giấu diếm gì phu nhân, nhưng vì phu nhân quá lạc hậu đối với tình hình, cho nên mỗi khi bắt đầu một câu chuyện trước mặt phu nhân họ cứ phải trả lời những câu hỏi không đâu của phu nhân và phải nhắc lại một lần nữa những điều họ đã nói với phu nhân nhiều lần: nào là người này đã chết, người kia đã lấy vợ, những điều mà phu nhân không tài nào nhớ được. Nhưng theo thường lệ, lúc uống trà họ vẫn ngồi xung quanh chiếc ấm lò ở phòng khách và Pier trả lời những câu hỏi của phu nhân, những câu hỏi chẳng cần thiết gì đối với phu nhân mà cũng chẳng thú vị gì đối với những người khác, cho phu nhân biết rằng công tước Vaxili đã già đi, bá tước phu nhân Marya Alekxeyevna gửi lời thăm phu nhân và xin phu nhân đừng quên bà ta v.v...

Cái lối trò chuyện chẳng thú vị gì cho ai nhưng cần thiết ấy vẫn kéo dài suốt cả buổi dùng trà. Xung quanh cái bàn tròn đặt ấm lò, có Xonya ngồi cạnh để rót nước, tất cả những người lớn trong gia đình đều quây quần lại. Lũ trẻ con, các gia sư và các chị giữ trẻ đã uống trà xong, và có thể nghe tiếng họ nói chuyện trong gian phòng đi-văng ở bên cạnh. Mỗi người đều ngồi ở chỗ thường ngày của mình. Nikôlai ngồi cạnh lò sưởi trước một cái bàn nhỏ trên đấy người ta dọn trà cho chàng. Milka, con chó săn già, con của con Milka trước kia, đang nằm trên một chiếc ghế bành đặt cạnh chàng; đầu nó trắng như bông, càng làm nổi bật cặp mắt đen lánh. Đenixov, mái tóc quăn cũng như bộ ria mép và bộ râu má đều đã điểm bạc, mình mặc chiếc áo đuôi én của cấp tướng hở cổ đang ngồi cạnh bá tước phu nhân Marya. Pier ngồi giữa vợ và lão bá tước phu nhân. Chàng kể lại những điều mà chàng biết là phu nhân có thể thích và hiểu được. Chàng nói đến những việc ở bên ngoài, trong giới xã giao, và nói đến những người cùng lứa tuổi với phu nhân, ngày xưa vốn làm thành một nhóm riêng biệt thực sự hoạt động, nhưng bây giờ phần lớn đều phân tán ở khắp nơi và cũng như phu nhân, đang sống nốt những ngày còn lại bằng cách hái những bông lúa cuối cùng mà họ đã gieo trong đời họ. Tuy vậy đối với phu nhân, chính những người này, những người cùng thời với phu nhân, lại là cái thế giới duy nhất chân chính và đứng đắn. Thấy Pier phấn chấn, Natasa biết rằng cuộc hành trình của chàng rất thú vị, rằng chàng có nhiều điều muốn kể, nhưng không dám nói trước mặt phu nhân.

Đenixov không phải là người nhà cho nên không hiểu tại sao Pier lại dè dặt, và vốn là một người bất mãn với thời cuộc chàng rất quan tâm đến những việc xảy ra ở Pêterburg, nên cứ luôn luôn giục Pier nói đến chuyện vừa xảy ra trong trung đoàn Xemenovxki, hoặc nói về Araktseyev, về hội Thánh kinh[1]. Đôi khi Pier cũng bị

1. Một tổ chức phản động A.N. Golitxyn cầm đầu và được Alekxandr đệ nhất bảo trợ, gồm có những quan chức cao cấp và giáo sĩ, thành lập ở Pêterburg năm 1803, chủ trương truyền bá kinh Thánh.

lôi cuốn theo và bắt đầu nói, nhưng Nikôlai, và Natasa mỗi lần như thế lại kéo chàng trở về với sức khỏe của bá tước Ivan hay của bá tước phu nhân Marya Antonovita.

– Này anh xem tất cả cái trò điên rồ kia, tất cả bọn Goxner[1] và Tatarinova[2] – Đenixov hỏi – Lẽ nào cứ tiếp tục được mãi như thế?

– Tiếp tục chứ – Pier nói – còn tiếp tục mạnh hơn bao giờ hết nữa là khác: hội Thánh kinh bây giờ là tất cả chính phủ đấy!

– Con nói gì thế con[3]? – bá tước phu nhân hỏi khi đã uống trà xong và rõ ràng là đang muốn tìm một duyên cớ để nổi giận sau bữa ăn chiều – Con nói gì chính phủ đấy, mẹ chẳng hiểu gì cả.

– Thế này, mẹ ạ – Nikôlai nói xen vào, chàng vốn biết cách diễn đạt bất cứ ý gì bằng thứ ngôn ngữ của mẹ chàng – công tước Alekxandr Nikôlaievits Golixyn có lập một hội, vì vậy người ta nói công tước rất có thế lực.

– Araktseyev và Golitxyn, – Pier buột miệng nói – hiện nay là tất cả chính phủ. Chính phủ gì lại như thế! Ở đâu họ cũng thấy toàn là âm mưu, cái gì họ cũng sợ.

– Nhưng công tước Alekxandr Nikôlaievits thì có tội tình gì kia chứ? – Phu nhân hỏi. – Ông ta là một người rất đáng kính. Mẹ ngày trước thường gặp ông ta ở nhà bà Marya Antonova – phu nhân nói, giọng cáu kỉnh, và càng phát cáu khi thấy mọi người im lặng, phu nhân nói tiếp – Một hội phúc âm thì có gì là tai hại kia chứ? – phu nhân đứng dậy (mọi người cùng đứng dậy theo) và, vẻ mặt nghiêm khắc, lững thững bước vào phòng đi-văng ngồi bên bàn mình.

Giữa cái không khí im lặng buồn tẻ này, từ phòng bên vẳng ra những tiếng cười nói của trẻ con. Rõ ràng là có một điều gì vui xảy ra giữa bọn chúng.

1. Người Đức năm 1820 được bầu làm giám đốc hội Thánh kinh.
2. Người thành lập một giáo phái thần bí.
3. Mon cher ami.

– Xong rồi! Xong rồi! – Tiếng cô bé Natasa reo lên vui vẻ át hết những tiếng khác. Pier đưa mắt nhìn bá tước phu nhân Marya và Nikôlai (chàng vẫn trông thấy Natasa) và nở một nụ cười sung sướng.

– Điệu nhạc ấy tuyệt trần! – Chàng nói.

– Đó là chị Anna Makarovna đã đan xong đôi bít tất – bá tước phu nhân Marya nói.

– Ồ! Tôi phải sang xem mới được – Pier nói đoạn đứng phắt dậy. – Em có biết – chàng nói thêm và dừng lại ở cửa lớn – tại sao anh yêu thích đặc biệt điệu nhạc này không? Nó là những dấu hiệu đầu tiên báo cho anh biết rằng mọi việc đều tốt đẹp. Hôm nay trên đường về, càng về đến gần nhà anh càng sợ. Khi vào phòng ngoài anh nghe thằng Anđrusa cười vang, anh biết như thế có nghĩa là mọi việc đều yên lành.

– Tôi cũng biết cái cảm xúc ấy, – Nikôlai xác nhận. Nhưng tôi không thể đến xem được vì đôi bít tất ấy là một món quà bất ngờ họ dành cho tôi đấy.

Pier bước vào phòng các con và những tiếng reo cười càng to. – Nào chị Anna Makarovna lại đây – người ta nghe tiếng Pier nói – đứng ở giữa phòng, và nghe tôi hô: một, hai... và khi nào tôi nói: ba... con thì đứng đấy, còn chú này thì ba bế nào. Đồng ý chứ: một, hai... – Pier nói. Một phút yên lặng... ba! – và những tiếng reo vui sướng hân hoan của lũ trẻ vang dội cả gian phòng.

– Hai chiếc, hai chiếc! – Bọn trẻ reo lên.

Đó là hai chiếc tất mà Anna Makarovna đã đan cùng một lúc theo một bí quyết mà chỉ một mình cô ta biết được, và bao giờ cô ta cũng rút chiếc này từ chiếc kia ra trước mặt bọn trẻ một cách trang trọng khi đã đan xong.

XIV

Lát sau lũ trẻ vào chào để đi ngủ. Sau khi chúng hôn tất cả mọi người, các gia sư và các chị giữ trẻ cúi chào rồi dẫn chúng đi. Riêng Đexal và cậu học trò của ông ta ở lại. Người gia sư thì thầm bảo cậu học trò đi xuống nhà.

– Không ông Đêxal ạ, tôi sẽ xin phép cô tôi cho tôi ở lại[1] – Nikôlai Bolkonxki cũng thì thầm đáp.

– Cô ơi[2] cô cho cháu ở lại, – Nikolenka đến gần cô nói. Khuôn mặt của cậu lộ vẻ cầu khẩn, xúc động và hân hoan. Bá tước phu nhân Marya nhìn cậu và quay về phía Pier.

– Mỗi khi có cậu ở đây là nó không tài nào rứt ra được... - nàng nói với chàng.

– Chốc nữa tôi sẽ đưa cháu lại cho ông, ông Đêxal ạ, chào ông[3] – Pier nói, bắt tay người gia sư Thụy sĩ và mỉm cười nói với Nikolenka – Chúng ta đã lâu chưa được gặp nhau nhỉ... này chị Marya, độ này cháu nó bắt đầu giống anh ấy quá – chàng nói thêm với bá tước phu nhân Marya.

– Giống ba cháu à? – Cậu bé hỏi, mặt bỗng đỏ bừng, và ngước đôi mắt sùng mộ sáng long lanh lên nhìn Pier. Pier gật đầu đáp lại, đoạn tiếp tục câu chuyện bị lũ trẻ làm gián đoạn. Bá tước phu nhân Marya đang ngồi thêu trên chiếc khung, Natasa nhìn chồng không rời mắt. Nikôlai và Đenixov sai lấy tẩu thuốc, vừa hỏi chuyện Pier vừa hút thuốc và đón lấy những chén trà ở tay Xonya mệt mỏi nhưng kiên nhẫn ngồi cạnh ấm lò. Cậu bé ốm yếu, tóc quăn, mắt

1. Non mousieur Dessales; je demanderai à ma tante de rester.
2. Ma tante.
3. Je vous le ramèherai tout à l'heure, monsiuer Dessales, bonsoir.

sáng, ngồi trong một góc phòng không ai để ý đến. Trên cái cổ mảnh khảnh nhô ra ngoài chiếc áo cổ bẻ mái đầu tóc quăn của cậu quay về phía Pier. Chốc chốc cậu lại nhổm lên nói lẩm bẩm điều gì một mình, hẳn là đang có một cảm xúc gì mới mẻ và mãnh liệt.

Câu chuyện xoay quanh những tin khảo vặt truyền đi từ những giới cao cấp trong chính phủ, mà phần đông thường coi như những vấn đề quan trọng nhất về nội chính. Đenixov vốn bất mãn với chính phủ vì lận đận trên bước đường công danh, khoái trá lắng nghe tất cả những chuyện ngu xuẩn mà chàng cho là hiện nay người ta đang làm ở Pêterburg và bình luận những câu chuyện của Pier với những lời nhận xét táo bạo và gay gắt.

– Ngày trước thì phải là người Đức mới được, còn bây giờ thì phải khiêu vũ với bà Tatarinova và bà Kruyđner[1] phải đọc Ekartxthauzen[2] và đồng bọn. Quả thật tôi muốn thả anh chàng hảo hán Bonapartơ của chúng ta ra một lần nữa, hắn sẽ biết cách trừ khử hết những trò ngu xuẩn kia. Tôi muốn hỏi, giao trung đoàn Xemonovxki cho cái tên lính Svartx[3] chỉ huy thì còn ra cái thể thống gì nữa, - chàng quát lên.

Nikôlai tuy không muốn cho rằng mọi việc đều xấu xa như Đenixov nghĩ, nhưng vẫn cho rằng việc phê bình chính phủ là một việc rất hệ trọng và đáng làm. Chàng cho rằng việc A được bổ nhiệm làm tổng trưởng bộ nào đó, còn B được bổ làm tổng đốc tỉnh nào đó, việc nhà vua nói thế này, còn ông tổng trưởng nói thế kia là những việc rất quan trọng. Chàng cho rằng mình cần phải để ý đến những việc ấy, bèn hỏi Pier. Câu chuyện nở ra quanh những câu hỏi của hai người không vượt ra ngoài phạm vi tính chất thông thường của những câu chuyện khảo vặt của giới cao cấp trong chính phủ.

1. Bà thầy bói đã có thời rất ảnh hưởng với Alekxandr đệ nhất.

2. Nhà văn thần bí người Đức (1752 - 1803).

3. Một người tay chân của Araxktseyev đã đưa vào quân đội một chế độ kỷ luật roi vọt hà khắc gây nên những phản ứng dữ dội trong trung đoàn Xemenovxki.

Nhưng Natasa, vốn biết tất cả những thái độ và nhưng ý nghĩ của chồng, thấy rằng Pier đã từ lâu muốn kéo câu chuyện sang một hướng khác và nói rõ cái ý nghĩ thầm kín mà chàng đã đi Pêterburg để bàn bạc với người bạn mới là công tước Feodor[1] nhưng chàng vẫn chưa thực hiện được ý muốn đó, nên nàng bèn viện trợ chàng bằng cách hỏi xem câu chuyện của chàng với công tước Feodor đã đến đâu rồi.

– Việc gì thế? – Nikôlai hỏi.

– Thì chung quy cũng vẫn một việc ấy – Pier nói, mắt nhìn quanh – Mọi người đều thấy rằng tình thế đã hỏng bét, đến nỗi không thể nào để yên như thế này được nữa, và nhiệm vụ của tất cả những người chính trực là phải ra sức chống lại.

– Những người chính trực có thể làm gì nào? – Nikôlai hỏi, mày hơi cau lại – người ta có thể làm những gì nào?

– Đây này...

– Chúng ta vào thư phòng đi – Nikôlai nói.

Natasa, từ lâu đã đoán biết rằng người ta sắp đến tìm nàng vào cho con bú, nghe tiếng gọi của u già liền đi về phòng các con. Bá tước phu nhân Marya cũng đi theo. Nhóm đàn ông vào thư phòng, Nikolenka Bolkonxki cũng lẻn vào theo mà Pier không biết và, ngồi trong bóng tối, cạnh cửa sổ, bên bàn làm việc.

– Thế cậu tính làm gì? – Đenixov hỏi.

– Lúc nào cũng toàn những ảo tưởng – Nikôlai nói.

– Đây này – Pier bắt đầu nói, không ngồi xuống ghế, mà khi thì đi đi lại lại trong phòng, khi thì đứng lại, nói lúng búng và dơ tay khua lia lịa – Đây, tình hình ở Pêterburg là như sau: hoàng đế không thiết gì đến chính sự. Ngài hoàn toàn chìm đắm vào cái-chủ

1. Một người cầm đầu phái quý tộc tiến bộ sau này sẽ làm cuộc khởi nghĩa Tháng chạp. Như ta đã biết (xem lời giới thiệu), ý định ban đầu của Tolxtoi là kể lại quá trình hình thành tư tưởng của một người Tháng chạp - Pier Bezukbov.

nghĩa thần bí kia (ngày nay Pier không thể dung thứ cho người nào theo chủ nghĩa thần bí). Ngài chỉ lo tìm sự yên tĩnh, và chỉ có những bọn không có đức tin mà cũng không có pháp luật[1] mới đưa lại cho ngài được sự yên tĩnh ấy, bọn này chặn đứng và bóp chết tất cả: bọn Marnitxki, Araktseyev và cả lũ chúng nó[2] – Chàng quay sang nói với Nikôlai: - anh cũng phải đồng ý rằng nếu anh không tự lo lấy công việc điền trang mà chỉ muốn được yên thân, thì tên quản lý của anh càng tàn nhẫn bao nhiêu anh sẽ càng mau đạt mục đích bấy nhiêu.

– Nhưng cậu nói thế để đi đến đâu mới được chứ? – Nikôlai hỏi.

– Ấy, thế rồi tất cả sẽ sụp đổ. Ở các tòa án thì trộm cắp, trong quân đội thì chỉ có roi vọt: nào luyện tập ắc ê, nào di trú quân sự – người ta làm khổ dân, người ta bóp nghẹt giáo dục. Tất cả những cái gì trẻ trung, chính trực đều bị tiêu diệt! Mọi người đều thấy rằng không thể cứ để yên thế này được. Sợi dây đã quá căng và thế nào cũng đứt – Pier nói (như xưa nay người ta vẫn nói khi nhìn vào hành động của bất kỳ chính phủ nào, từ khi có chính phủ cho đến nay). Ở Pêterburg, tôi chỉ nói với họ một điều.

– Nói với ai? - Đenixov hỏi.

– Anh biết là nói với ai rồi – Pier nói, mắt nhìn gườm gườm một cách đầy ý nghĩa – nói với công tước Feodor và tất cả những người khác. Khuyến khích việc truyền bá giáo dục và các tổ chức từ thiện, dĩ nhiên là rất tốt. Đó là một mục đích rất hay. Nhưng trong tình hình hiện nay cần làm những việc khác nữa.

Ngay lúc đó, Nikôlai nhận thấy thằng cháu trai của chàng có mặt trong phòng. Gương mặt chàng sa sầm lại, chàng đến cạnh nó nói:

---

1. Sans foi ni loi.
2. Tutti quanti.

– Mày ngồi làm gì ở đây?

– Sao thế? Cứ để mặc nó – Pier nắm lấy cánh tay Nikôlai nói tiếp – tôi bảo họ: làm như thế còn ít quá, bây giờ cần làm những việc khác nữa. Trong khi người ta đứng chờ cho sợi dây quá căng thẳng ấy đứt, trong khi mọi người cứ đợi cuộc chính biến tất yếu ấy xảy ra, chúng ta cần phải nắm tay nhau thật chặt, càng đông càng tốt, để chống lại mối tai họa chung. Tất cả những cái gì trẻ trung và mạnh khỏe đều bị lôi cuốn vào đấy và bị hủ hóa. Người thì bị đàn bà làm hư hỏng, người thì bị vinh hoa hay tiền bạc cám dỗ và chuyển sang phe bên kia. Những con người độc lập, tự do như tôi và anh bây giờ chẳng còn ai. Tôi nói: hãy mở rộng phạm vi của hội, *khẩu hiệu*[1] của anh sẽ không phải chỉ là đạo đức mà còn là ý chí độc lập và hành động.

Nikôlai rời đứa cháu trai, giận dữ đẩy chiếc ghế bành lại, ngồi vào ghế và trong khi nghe Pier nói chàng bất giác ho húng hắng, mặt mỗi lúc một sa xầm xuống.

– Được, nhưng hành động nhằm mục đích gì kia chứ? – Chàng quát lên – còn thái độ của anh đối với chính phủ như thế nào?

– Thì đây! Thái độ của những người cộng tác. Hội này có thể không phải là hội kín nếu như chính phủ cho phép. Không những nó không chống đối chính phủ, mà còn là hội của những người bảo thủ chân chính. Đó là hội của những người chính nhân quân tử theo ý nghĩa toàn vẹn của danh từ này. Chúng tôi chỉ muốn làm sao cho Pugatsov[2] đừng đến giết con tôi và con anh, và Araktseyev đừng đưa tôi đến một nơi di trú quân sự. Chỉ vì vậy mà chúng tôi nắm tay nhau với mục đích duy nhất là hạnh phúc và an ninh chung.

– Được, nhưng đó là một hội kín, tức là một đoàn thể thù địch và tai hại, chỉ có thể gây nên những cái ác.

1. Mot d'ordre.

2. Một lãnh tục nông dân khởi nghĩa chống lại Sa hoàng và giai cấp quý tộc (1726 - 1775).

– Tại sao lại thế? Hội Tughenbund[1], cái hội đã cứu châu Âu (lúc bấy giờ người ta vẫn chưa dám nghĩ rằng chính nước Nga đã cứu châu Âu) có gây nên điều gì có hại đâu? Hội Tughenbund là một hội đạo đức: nó chủ trương bác ái, tương trợ, đó là những điều Jêxu đã từng thuyết giáo trên cây thánh giá...

Giữa câu chuyện, Natasa bước vào phòng, ngắm chồng vui sướng. Nàng vui sướng không phải vì những điều chàng đang nói. Thậm chí nàng cũng không quan tâm đến nữa vì nàng cho rằng tất cả những điều đó đều hết sức đơn giản và nàng đã biết từ lâu (nàng có cảm giác như vậy vì nàng đã biết rõ hết cái cội nguồn của nó, tức là tâm hồn Pier), nhưng nàng vui sướng khi thấy vẻ phấn chấn, say sưa của chàng.

Cậu bé có cái cổ mảnh khảnh lộ ra ngoài chiếc cổ bẻ, bị mọi người quên khuấy đi, còn nhìn Pier một cách hân hoan sung sướng hơn nữa. Mỗi lời nói của Pier đều làm tim cậu bừng cháy, và trong khi xúc động, ngón tay của cậu bất giác bẻ vụn những thỏi xi và những cây bút lông ngỗng đặt trên bàn làm việc của chú Nikôlai vừa đúng tầm tay cậu.

– Hoàn toàn không phải như cậu tưởng đâu, còn cái Tughenbund của Đức ngày trước và cái hội của tôi đề nghị thì như thế này...

– Thôi đi anh – Đenixov nói oang oang, giọng dứt khoát – cái Tughenbund chỉ tốt cho bọn ngốn *xúc xích*[2] mà thôi, tôi chẳng hiểu gì cái trò ấy hết, thậm chí tôi không phát âm được cái chữ đó nữa. – Mọi việc đều hỏng bét, mọi việc đều tệ lậu – cái đó thì tôi đồng ý, nhưng cái Teghenbund thì tôi không hiểu được, và nếu không bằng

1. Tegenbund (Đạo đức đồng minh). Hội của Đức thành lập năm 1808 bị Napôleông giải tán năm 1810, đã được lập lại khi Napôleông bị truất ngôi.

2. Tức người Đức.

lòng thì *bun*[1] một trận, thế mới xong! Được như thế *Tôi sẵn sàng theo cậu*![2] – Pier mỉm cười, Natasa cũng cười theo, nhưng Nikôlai thì lại càng cau mày và bắt đầu chứng minh cho Pier thấy rằng sẽ không có chính biến gì hết và tất cả các nguy cơ mà chàng nói đều chỉ có ở trong trí tưởng tượng của chàng mà thôi. Pier chứng minh ngược lại, và vì chàng thông minh hơn và tế nhị hơn nên Nikôlai lại cảm thấy mình lâm vào thế bí. Điều đó càng làm cho chàng phát cáu vì trong thâm tâm không phải do lý luận mà do một cái gì còn mạnh hơn lý luận, chàng biết rằng những ý kiến của mình nhất định là đúng.

– Tôi nói với cậu thế này nhé – chàng đứng dậy nói, tay bứt rứt cố đặt cái tẩu vào một góc nhưng không được, cuối cùng phải vứt nó đi – Tôi không đủ sức chứng minh cho cậu thấy được. Cậu nói rằng ở nước ta mọi việc đều xấu xa và sẽ có chính biến, còn tôi thì tôi không thấy thế, nhưng cậu có nói rằng lời thề là một trò ước định, tôi xin nói với cậu về việc đó: cậu là người bạn tốt nhất của tôi, cậu cũng biết đấy, nhưng nếu cậu lập một hội kín và bắt đầu chống lại chính phủ thì, dù đó là chính phủ nào đi nữa, tôi biết rằng bổn phận của tôi cũng vẫn là phục tùng chính phủ. Và nếu bây giờ Araktseyev ra lệnh cho tôi mang một kỵ đội đến chém xả vào các cậu thì tôi sẽ đi ngay không đắn đo một phút nào. Cậu muốn cho tôi là người như thế nào, cái đó tùy cậu.

Sau mấy câu ấy, một phút im lặng nặng nề trôi qua. Natasa là người đầu tiên lên tiếng, nàng bênh vực chồng và công kích anh. Cách bênh vực của nàng yếu ớt và vụng về nhưng nàng đã đạt được mục đích. Câu chuyện lại tiếp tục và bây giờ không còn cái giọng thù địch khó chịu như những lời nói vừa rồi của Nikôlai nữa.

---

1. Bund tiếng Đức có nghĩa là liên minh, còn bunt tiếng Nga là nổi loạn, khởi nghĩa (hai chữ đều phát âm là "buot")

2. Je suis votre homme.

Khi mọi người đứng dậy đi ăn tối, cậu bé Nikolenka Bolkonxki tiến đến gần Pier, mặt tái mét, mắt sáng long lanh.

– Cậu Pier... cậu... à không... nếu ba còn sống... ba có đồng ý với cậu không? – Cậu bé hỏi.

Pier chợt hiểu rằng trong đứa bé chắc phải diễn ra một cuộc giằng co đặc biệt, độc lập, phức tạp và khó nhọc về tư tưởng và tình cảm trong khi nghe họ nói chuyện. Chàng sực nhớ đến tất cả những điều chàng nói và hối tiếc rằng thằng bé đã nghe. Nhưng bây giờ chàng phải trả lời nó.

– Cậu nghĩ rằng có – Chàng miễn cưỡng đáp và bước ra khỏi thư phòng.

Cậu bé cúi đầu và mãi đến bây giờ cậu mới nhìn thấy lần đầu những kết quả của công cuộc phá hoại mà cậu đã gây ra ở trên bàn. Cậu đỏ mặt và lại gần Nikôlai.

– Thưa chú, chú tha lỗi cho cháu, cháu đã trót làm như thế này – cậu vừa nói vừa chỉ những cây bút lông ngỗng và những mảnh xi bị bẻ gẫy.

Nikôlai giật mình giận dữ.

– Thôi được, thôi được – chàng nói đoạn vứt những mảnh xi và những chiếc lông ngỗng xuống gầm bàn. Và chàng quay mặt đi, hẳn là phải cố gắng lắm mới nén được cơn giận đang trào lên.

- Đáng lẽ mày không nên ở đây một chút nào hết.

XV

Trong bữa ăn tối, họ không bàn về chính trị và về những hội kín nữa, trái lại câu chuyện chuyển sang cái đề tài mà Nikôlai thích thú nhất, tức là những kỷ niệm về năm 1812 mà Đenixov đã

lên tiếng nhắc nhở. Trong khi nói chuyện Pier đặc biệt dễ thương và vui nhộn. Rồi mọi người giải tán với một thái độ hết sức thân mật.

Sau bữa ăn tối, Nikôlai vào thư phòng, cởi áo ngoài và sau khi đã căn dặn người quản lý vẫn đứng đợi từ nãy, chàng mặc nội tẩm vào buồng ngủ. Chàng thấy vợ đang ngồi bên bàn viết hí hoáy cái gì không rõ.

- Em viết gì thế, Marya? - Nikôlai hỏi. Bá tước phu nhân Marya đỏ mặt, nàng sợ những điều nàng viết không được chồng hiểu và tán thành.

Nàng có vẻ muốn giấu không cho chồng biết mình đang viết gì, nhưng cũng lấy làm mừng rằng đã bị chồng bắt gặp và mình ở vào cái thế buộc lòng phải nói rõ với chồng.

– Em viết nhật ký anh Nikôlai ạ[1] – Nàng nói, và đưa cho chàng quyển vở bìa lam viết đầy những nét chữ to và rắn rỏi của nàng.

– Nhật ký à? - Nikôlai nói, giọng có pha đôi chút châm biếm, đoạn cầm lấy quyển vở. Trong vở thấy viết bằng tiếng Pháp.

"Ngày 4 tháng 12. Hôm nay Anđrusa (đứa con đầu lòng của nàng) thức dậy, nó không chịu mặc áo nên cô Luyz[2] cho gọi tôi đến. Nó đang lúc quấy, không sao bảo được. Tôi thử dọa nó, nhưng nó lại càng dỗi già. Tôi bèn quyết định bỏ mặc nó đấy và cùng u già săn sóc những đứa khác. Tôi bảo nó là tôi không yêu nó nữa. Nó im lặng một hồi lâu như thể ngạc nhiên, rồi mình mặc mỗi chiếc áo sơ mi nó nhảy đến ôm lấy tôi, mà khóc nức khóc nở, đến nỗi tôi phải dỗ mãi nó mới nín. Có thể thấy rõ rằng nó đau khổ nhất là đã làm tôi buồn phiền; rồi đến tối tôi đưa phiếu hạnh kiểm cho nó thì nó lại khóc thảm thiết và hôn tôi. Nên dùng tình cảm dịu dàng đối xử với nó thì dạy gì cũng được".

1. Nikolas.
2. Mademoiselle Loiuse.

– Phiếu hạnh kiểm là cái gì? – Nikôlai hỏi.

– Tối nào em cũng cho hai đứa lớn những tấm phiếu nhận xét về hạnh kiểm của chúng.

Nikôlai nhìn vào đôi mắt trong sáng đang đăm đăm nhìn chàng, đoạn giở quyển vở đọc tiếp. Trong nhật ký có ghi tất cả những gì Marya cho là đáng chú ý trong sinh hoạt của các con vì biểu hiện rõ tính cách của chúng hay gợi ra những ý nghĩa khái quát về phương pháp giáo dục. Phần lớn đó là những chuyện vụn vặt, không đáng kể, nhưng lại có vẻ quan trọng đối với người mẹ, cũng như người cha, lần đầu được đọc quyển nhật ký nói về các con.

Ngày mồng năm tháng mười hai trong nhật ký viết:

"Michya nghịch trong lúc đang ngồi ăn. Ba ra lệnh không cho nó ăn bánh ngọt. Nó không được ăn. Nó nhìn những người khác ăn, có vẻ tủi thân và thèm thuồng. Tôi nghĩ rằng phạt bằng cách không cho ăn tráng miệng chỉ làm phát triển tính tham ăn. Cần nói với Nikôla[1]".

Nikôlai đặt quyển vở xuống bàn và nhìn vợ. Đôi mắt trong sáng nhìn chàng có ý dò hỏi (chàng tán thành hay không tán thành quyển nhật ký?). Không thể nào nghi ngờ nữa. Không những Nikôlai tán thành mà còn say sưa thán phục vợ.

"Có lẽ không cần phải làm cầu kỳ như vậy, có lẽ hoàn toàn không cần thiết nữa là khác" – Nikôlai thầm nghĩ, nhưng sức căng thẳng tinh thần dai dẳng, không biết mệt mỏi, tập trung vào một mục đích duy nhất là việc trau dồi đạo đức của con cái khiến chàng phải khâm phục. Nếu Nikôlai có thể nhận thức được tình cảm của mình thì chàng sẽ thấy rằng cơ sở chính của cái tình yêu bền chặt, thắm thiết và đầy tự hào của chàng đối với vợ chính là nỗi ngạc nhiên trước sức sống tâm hồn của nàng, trước cái thế giới tinh thần cao cả mà chàng hầu như không thể nào đạt đến, trong đó vợ chàng vẫn sống xưa nay.

1. Nicolas.

Chàng tự hào về trí thông minh của nàng và nhận thức rõ ràng sự kém cỏi của mình so với nàng về tinh thần, chàng càng sung sướng khi nghĩ rằng nàng với tâm hồn của nàng không những thuộc về chàng mà còn là một bộ phận của bản thân chàng nữa.

– Anh rất tán thành, hoàn toàn tán thành, em ạ, – chàng nói, vẻ trang trọng. Đoạn chàng im lặng một lát và nói tiếp: – Hôm nay anh hỏng quá. Lúc ấy em không ở trong thư phòng, anh với Pier cãi nhau, và anh nổi nóng. Nhưng không thể nào khác được. Cậu ta dại dột ngây thơ quá. Anh không biết cậu ta sẽ ra sao nếu Natasa không cầm chắc dây cương... Em có thể tưởng tượng tại sao cậu ta đi Pêterburg không? Ở đấy họ đã lập...

– Vâng em biết – bá tước phu nhân Marya nói – Natasa đã kể cho em nghe.

– Đấy em biết đấy – Nikôlai nói tiếp, chỉ cần nhớ đến cuộc tranh cãi chàng đã phát cáu lên rồi – cậu ta muốn thuyết phục anh rằng nhiệm vụ của mọi người chính trực là phải chống lại chính phủ, còn lời thề và nghĩa vụ thì... Anh tiếc rằng em không ở đấy. Và thế là mọi người xúm nhau vào tấn công anh, cả Đenixov, cả Natasa... Natasa thật rõ buồn cười. Cô ta xỏ mũi cậu ấy thực đấy nhưng hễ động có tranh luận một cái gì là cô ta không nói được câu gì của mình, cô ta chỉ lặp lại những điều cậu ấy nói, - Nikôlai nói thêm, bị lôi cuốn theo cái xu hướng không sao khắc phục nổi, nó thúc đẩy chàng phê phán những người thân yêu gần gũi nhất. Nikôlai đã quên rằng những điều chàng nói về Natasa cũng đều có thể dùng để nói về những quan hệ giữa chàng với vợ chàng không sai một chút.

– Phải, em cũng nhận thấy thế – bá tước phu nhân Marya nói.

– Khi anh nói với cậu ấy rằng lời thề và bổn phận là quan trọng hơn hết; thì cậu ấy bắt đầu chứng minh một thôi hồi. Rất tiếc là không có em ở đấy, giả sử có em thì em sẽ nói gì?

– Theo ý em, anh hoàn toàn có lý. Em cũng nói n hư vậy với Natasa. Pier nói rằng mọi người đang khổ sở, đau đớn, hư hỏng, và nhiệm vụ của chúng tả là phải giúp đỡ đồng loại. Đã đành là cậu ấy có lý – bá tước phu nhân Marya nói – nhưng cậu ấy quên rằng ta có những nhiệm vụ khác gần ta hơn mà chính Thượng đế đã truyền bảo, và chúng ta có thể hy sinh bản thân nhưng không thể hy sinh con cái ta được.

– Ấy đấy, đúng thế, anh cũng nói với cậu ấy như vậy – Nikôlai nói xen, quả nhiên tưởng rằng mình đã nói như vậy thật – Nhưng họ có ý kiến của họ, đó là tình yêu đồng loại và chủ nghĩa cơ đốc mà họ lại nói tất cả những thứ đó trước mặt thằng Nikolenka nữa chứ, lúc ấy thằng bé đã lẻn vào thư phòng phá phách lung tung ra cả.

- Anh Nikôlai ạ, anh có biết không, thằng Nikolenka cứ làm em lo lắng luôn - bá tước phu nhân Marya nói - Nó là một đứa trẻ khác thường. Nó sợ rằng em bỏ lơi nó mà chỉ săn sóc đến các con. Chúng ta có con cái, có gia đình, còn cháu nó chẳng có ai hết. Nó bao giờ cũng cô độc một mình với những ý nghĩ của nó.

– Nhưng anh thấy đối với nó em chẳng có gì phải tự trách mình cả. Tất cả những điều mà người mẹ âu yếm nhất có thể làm cho con mình thì em đã làm và đang làm cho nó. Nó là một đứa trẻ rất ngoan, rất ngoan. Hôm nay nó nghe Pier mà ngây cả người ra. Em có thể tưởng tượng thế này không: khi bọn anh đứng dậy đi ăn tối thì anh thấy nó đã bẻ gãy hết những đồ đạc để trên bàn làm việc của anh, và ngay lúc đó nó xin lỗi. Không bao giờ anh thấy nó nói dối. Thật là một đứa trẻ rất tốt – Nikôlai nhắc lại, tuy trong thâm tâm chàng không thích Nikolenka, nhưng bao giờ cũng muốn thừa nhận nó là một đứa bé rất tốt.

– Nhưng cũng vẫn không bằng có một người mẹ – bá tước phu nhân Marya nói, – em cảm thấy thế nên rất khổ tâm. Thằng bé thật tuyệt diệu, nhưng em sợ cho nó lắm. Đời sống giữa bạn bè sẽ có ích cho nó.

– Cái đó thì chẳng phải lâu la gì, mùa hạ năm nay anh sẽ đem nó đến Pêterburg, – Nikôlai nói.

– Phải, xưa nay Pier vẫn là một anh chàng mơ mộng và sau này rồi cũng vẫn thế – chàng nói tiếp, quay trở về câu chuyện ở thư phòng, hẳn là câu chuyện này vẫn làm chàng xúc động – Đấy, những việc như Araktseyev là một người tồi v.v... thì có quan hệ gì đến ta kia chứ? Quan hệ gì đến anh, khi anh lấy vợ, nợ lút đầu lút cổ đến nỗi suýt bị bỏ tù, còn mẹ thì chẳng thấy gì, chẳng hiểu gì cả! Rồi sau đó lại có em, có các con, có công việc. Có phải vì sở thích mà anh làm việc từ sáng đến tối ở ngoài đồng hay ở phòng giấy đâu? Không, nhưng anh biết là anh phải làm việc để cho mẹ anh sống an nhàn, để đền đáp lại cho em và đừng để cho các con nghèo đói như anh ngày xưa.

Bá tước phu nhân Marya muốn nói với chồng rằng con người không phải chỉ sống bằng bánh mì và có lẽ chàng gán cho những công việc này một tầm quan trọng quá đáng, nhưng nàng nhận thấy nói thế không cần thiết và chẳng có ích gì. Nàng chỉ nắm tay chồng mà hôn. Chàng xem cử chỉ ấy như một lời tán thành và xác nhận những ý nghĩ của mình, rồi sau khi im lặng suy nghĩ một lát, chàng tiếp tục nói to những ý nghĩ của mình lên.

- Này Marya ạ, - chàng nói - hôm nay Ilya Mitrofanyts (tên người quản lý) ở làng Tamov đến nói rằng người ta đã mặc cả khu rừng tới tám mươi vạn rúp - Rồi vẻ mặt phấn chấn, Nikôlai bắt đầu kể rằng chỉ ít lâu nữa chàng sẽ có thể chuộc lại điền trang Otradnoye - Chỉ mười năm nữa là cơ nghiệp anh để lại cho các con sẽ hoàn toàn đâu vào đấy.

Bá tước phu nhân Marya lắng nghe và hiểu hết những điều chồng nói với mình. Nàng biết rằng những khi chàng nói to những điều đang nghĩ lên như vậy, đôi lúc chàng lại hỏi nàng xem chàng đã nói gì, và nổi giận khi thấy nàng đang nghĩ đến việc khác. Nhưng bá tước phu nhân Marya phải cố gắng lắm mới có thể nghe chồng

vì nàng không mảy may quan tâm đến những điều chàng nói. Nàng nhìn chồng, và tuy nàng không nghĩ đến việc khác, tinh cảm của nàng cũng ở chỗ khác. Nàng cảm thấy một tình yêu đằm thắm và phục tùng con người này, con người không bao giờ hiểu hết những điều nàng hiểu và hình như điều đó lại cũng khiến nàng yêu chàng mãnh liệt hơn, với một mối tình đượm mầu trắc ẩn tha thiết. Ngoài cái tình cảm ấy đã thu hút hết tâm trí nàng và ngăn cản không cho nàng đi sâu vào từng chi tiết trong các kế hoạch của chồng, trong óc nàng lại thoáng hiện ra những ý nghĩ khác không liên quan gì đến những điều chàng đang nói. Nàng nghĩ đến đứa cháu trai (câu chuyện chồng nàng kể lại về nỗi xúc động của Nikolenka khi nghe Pier đã gây nên trong lòng nàng một ấn tượng rất mạnh). Thế rồi, những nét này nét khác trong cái tính cách dịu dàng, dễ cảm của nó lại hiện lên trong tâm trí nàng, và trong khi nghĩ đến cháu, nàng lại nghĩ đến các con. Nàng không so sánh cháu với các con, nhưng nàng so sánh tình cảm của mình đối với chúng và buồn rầu nhận thấy tình cảm của nàng đối với Nikolenka vẫn thiếu một cái gì.

Đôi khi nàng nghĩ rằng sở dĩ có sự khác nhau như vậy là vì lứa tuổi của chúng, nhưng nàng vẫn cảm thấy mình có lỗi đối với nó và trong thâm tâm nàng tự hứa với mình là sẽ chữa và làm cái điều làm được – tức là yêu cả chồng, cả con, cả Nikolenka và tất cả đồng loại trong cuộc sống này, cũng như chúa Cơ-đốc đã yêu nhân loại. Tâm hồn bá tước phu nhân Marya bao giờ cũng vươn tới cái vô cùng, cái vĩnh viễn và cái chí thiện, cho nên nó không lúc nào có thể yên tĩnh, gương mặt nàng trở nên nghiêm nghị, để lộ một niềm đau khổ cao cả, thầm kín của một linh hồn bị xác thịt trói buộc. Nikôlai nhìn nàng.

"Trời ơi! Nếu nàng chết đi thì chúng ta sẽ ra sao? Mỗi khi gương mặt nàng lại như vậy, ta không khỏi nghĩ đến điều đó". Chàng nghĩ thầm. Và đứng trước tượng thánh, chàng bắt đầu đọc kinh buổi tối.

XVI

Natasa, khi đã ngồi lại một mình với chồng, cũng nói chuyện như người ta chỉ có thể nói giữa vợ chồng với nhau, tức là hiểu ý nhau rõ ràng, nhanh chóng lạ lùng, theo một con đường đối lập với mọi quy tắc luận lý, không dùng đến phán đoán, suy luận và kết luận, mà theo một phương thức hoàn toàn đặc biệt. Natasa đã quen nói chuyện với chồng theo cách đó đến nỗi dấu hiệu chắc chắn nhất cho nàng biết rằng giữa hai vợ chồng có một cái gì không ăn ý là tính chất luận lý trong dòng tư tưởng của Pier. Khi chàng bắt đầu chứng minh, nói năng có lý lẽ và điềm tĩnh, và khi bị lôi cuốn theo gương của chàng, nàng cũng bắt đầu làm như vậy, thì nàng biết ngay rằng thế nào hai người cũng đi đến chỗ cãi nhau.

Ngay từ lúc chỉ còn hai người với nhau, và Natasa, đôi mắt mở to vì hạnh phúc, nhẹ nhàng bước đến gần và đột nhiên ôm chầm lấy đầu chồng ghì vào ngực nói – "Bây giờ anh hoàn toàn là của em rồi. Anh không thoát đi đâu được!" ngay từ lúc ấy đã bắt đầu cuộc chuyện trò trao đổi trái ngược với tất cả các quy tắc luận lý, trái ngược ngay ở chỗ cùng trong một lúc họ nói đến những vấn đề hoàn toàn khác nhau. Cái lối nói nhiều chuyện cùng một lúc như vậy không những không cản trở họ hiểu nhau rõ ràng mà trái lại, đó là dấu hiệu chắc chắn cho thấy rằng hai người hoàn toàn hiểu nhau.

Nếu trong những giấc mơ, tất cả thường phi lý, vô nghĩa và ngược đời ngoài cái tình cảm làm chủ giấc chiêm bao, thì trong cuộc trao đổi này cũng vậy, trái với mọi quy luật của lý trí, cái liên tục và rõ ràng không phải là những lời nói mà chỉ là cái tình cảm chi phối những lời nói ấy.

Natasa kể cho Pier nghe nào là sinh hoạt của anh nàng, nào là vắng chàng nàng khổ sở sống không ra sống nữa, nào là nàng càng ngày càng yêu Marya, nào là Marya hơn nàng về đủ mọi mặt. Trong khi nói như vậy, Natasa thành thực nhận rằng Marya hơn mình, nhưng đồng thời cũng yêu cầu Pier cứ vẫn phải yêu nàng hơn Marya cũng như hơn bất cứ người đàn bà nào khác, và bây giờ chàng phải nhắc lại điều đó với nàng một lần nữa, đặc biệt sau khi đã gặp nhiều người đàn bà ở Pêterburg.

Pier trả lời Natasa, kể cho nàng nghe rằng chàng không sao chịu nổi cảnh sống ở Pêterburg, những tối tiếp tân và những bữa tiệc với những người đàn bà của giới xã giao.

– Anh đã mất hẳn thói quen nói chuyện với các tiểu thư và các phu nhân, – chàng nói, – chán thật. Nhất là anh lại bận.

Natasa nhìn chàng đăm đăm và nói tiếp:

– Chị Marya tuyệt thật! Chị ấy có tài hiểu được các con. Chị ấy dường như nhìn thấy được tâm hồn của chúng. Chẳng hạn hôm qua thằng bé Michya quấy...

– Chà nó giống bố nó thật – Pier ngắt lời. Natasa hiểu tại sao chàng lại đưa ra nhận xét này về sự giống nhau giữa thằng Michya và Nikôlai, chàng bực mình khi nhớ lại cuộc tranh cãi với anh vợ và muốn hỏi ý kiến của Natasa về vấn đề này.

– Anh Nikôlai có một nhược điểm là cái gì chưa được mọi người tán thành thì anh ấy nhất định không chịu chấp nhận. Nhưng em thì em biết, anh đang nâng niu cái hoài bão *mở một sự nghiệp*[1] nàng nói, nhắc lại những lời mà Pier đã có lần nói.

– Không, - Pier nói – cái chính là Nikôlai cho rằng tư tưởng và luân lý chỉ là một trò chơi, gần như một trò tiêu khiển cho qua thì giờ. Anh ấy xây dựng một tủ sách và tự đặt cho mình một nguyên tắc là chỉ mua một cuốn sách một khi đã đọc xong cuốn trước - anh

1. Ouvrir une carrière.

ấy đọc Xismonđi, Ruxô, Mongteskiơ, - Pier mỉm cười nói thêm. Em hiểu rằng anh... – chàng đang tìm cách làm cho những lời phê bình của mình nhẹ bớt, nhưng Natasa đã ngắt lời chàng, khiến chàng cảm thấy không cần phải làm thế.

– Thế anh bảo đối với anh ấy, tư tưởng là trò chơi à?

– Phải, còn đối với anh thì tất cả những cái khác lại chỉ là trò chơi. Trong suốt thời gian ở Pêterburg anh nhìn thấy mọi người như thế trong giấc chiêm bao. Khi nào có một tư tưởng gì bắt anh bận tâm suy nghĩ thì tất cả những cái còn lại chỉ là trò chơi.

– Chà rõ tiếc, em không được thấy các con đón anh như thế nào – Natasa nói. – Đứa nào mừng nhất! Chắc là Liza?

– Đúng – Pier đáp, rồi lại tiếp tục nói đến những điều đang khiến chàng bận tâm. – Nikôlai bảo là chúng ta không nên suy nghĩ. Nhưng anh thì chịu. Đấy là chưa kể thời gian ở Pêterburg, anh cảm thấy (anh có thể nói cho em biết điều đó) nếu không có anh thì tất cả sẽ tan rã, ai cũng theo ý riêng của mình. Nhưng anh đã tập hợp được mọi người, bởi vì tư tưởng của anh rất đơn giản và rõ ràng. Anh không nói chúng ta phải chống lại người này người nọ. Chúng ta có thể sai lầm. Anh nói như thế này: những người yêu cái thiện hãy nắm lấy tay nhau và lá cờ duy nhất sẽ là đạo đức tích cực. Công tước Sergey là một người rất tốt và thông minh.

Natasa không hoài nghi gì về chỗ tư tưởng của Pier là một tư tưởng vĩ đại, nhưng có một điều làm nàng băn khoăn. Đó là ý nghĩ rằng chàng là chồng nàng. "Có thể nào một con người quan trọng, cần thiết cho xã hội như thế lại đồng thời là chồng mình ư? Làm sao lại có thể như thế được?" Nàng muốn thổ lộ nỗi ngờ vực này của mình với chồng. Nhưng ai là người có thể quyết định rằng chàng thông minh hơn hẳn những người khác? – nàng tự hỏi và trong tưởng tượng nàng điểm qua một lượt những con người mà Pier rất kính trọng. Căn cứ vào những câu chuyện chàng đã kể thì

trong số những người này chàng không kính trọng ai bằng Platon Karataiev.

– Anh có biết bây giờ em nghĩ gì không? – nàng nói, – em đang nghĩ đến Platon Karataiev. – Bác ta sẽ nói gì? Liệu bây giờ bác ta có tán thành anh không?

– Bác Platon Karataiev à? – Chàng nói đoạn trầm ngâm suy nghĩ một lát. Hẳn là chàng đang cố gắng thành thực nghĩ đến ý kiến của Karataiev về vấn đề này. Có lẽ bác ta không hiểu, nhưng cũng có thể bác ta hiểu.

– Em yêu anh ghê lắm! – Natasa đột nhiên nói, – ghê lắm, ghê lắm.

– Không, bác ấy sẽ không tán thành anh, – Pier nói sau khi nghĩ ngợi – Điều bác ấy sẽ tán thành là cuộc sống gia đình của chúng ta. Bác ấy muốn ở đâu cũng thấy sự êm đẹp, hạnh phúc, bình yên, và anh sẽ hãnh diện nếu được giới thiệu gia đình ta với bác ấy. Em vừa nói đến sự xa cách. Nhưng chắc em không ngờ sau khi xa cách anh có những tình cảm đặc biệt gì đối với em...

– Lại thế này nữa anh ạ... – Natasa toan mở đầu.

– Không, không phải thế. Anh không bao giờ không yêu em. Và không thể nào yêu hơn thế nữa, nhưng đây là một cái gì khác hẳn... phải... – Chàng không nói hết câu vì mắt họ đã gặp nhau và đã nói nốt phần còn lại.

– Thật vớ vẩn – Natasa bỗng nói. – Tuần trăng mật và lúc mới lấy nhau mà lại là lúc hạnh phúc nhất! Trái lại, bây giờ là thích hơn cả. Miễn là anh đừng đi. Anh có nhớ chúng ta cãi nhau như thế nào không? Cũng chỉ tại em thôi. Bao giờ cũng tại em. Nhưng tại sao chúng ta cãi nhau thì em chẳng còn nhớ nữa.

– Thì vẫn chỉ có một – Pier mỉm cười nói. – Ghen...

– Đừng nói nữa, em ghét lắm – Natasa nói to – và mắt nàng

ánh lên một tia sáng lạ lùng và độc ác. Anh có gặp cô ta – nàng nói tiếp sau một phút im lặng.

– Không, mà dù có gặp anh cũng không nhận ra... – hai người im lặng.

– Này, anh có biết không? Trong khi anh nói ở trong thư phòng ấy mà, em nhìn anh – Natasa nói tiếp, hẳn nàng đang tìm cách xua đuổi đám mây đen đang kéo đến – anh giống thằng bé như đúc (nàng gọi đứa con trai mình như vậy) bây giờ đã đến lúc vào với nó. Đến rồi... phải đi thật rõ tiếc.

Hai người im lặng vài giây. Thế rồi cả hai bỗng quay lại với nhau cùng một lúc và bắt đầu nói. Pier bắt đầu nói một cách tự mãn và say sưa, Natasa với một nụ cười dịu dàng, sung sướng. Hai người nói vấp phải nhau, dừng lại nhường lời cho nhau:

– Em muốn nói gì thế? Nói đi, nói đi em!

– Không, anh nói đi, chứ em thì chỉ nói vớ vẩn – Natasa đáp.

Pier nói tiếp câu chuyện đã bắt đầu. Chàng hăm hở kể tiếp những thành công của mình ở Pêterburg. Lúc bấy giờ chàng có cảm tưởng mình có nhiệm vụ đưa ra một con đường mới cho tất cả xã hội Nga và cho thế giới.

– Anh chỉ muốn nói rằng tất cả những tư tưởng có hậu quả to lớn bao giờ cũng đơn giản. Tất cả ý nghĩ của anh tóm lại là nếu những kẻ xấu xa liên kết nhau làm thành một lực lượng thì những người trung thực cũng phải làm như vậy. Thật là đơn giản.

– Phải.

– Còn em, em muốn nói gì?

– Không, chuyện vớ vẩn thôi.

– Em cứ nói đi.

– Không có gì đâu, toàn chuyện nhảm nhí cả – Natasa nói với nụ cười rạng rỡ hơn trước – Em chỉ muốn nói về Petya. Hôm nay

con nó đang ngồi trên lòng em thì u già đến để bế nó đi: thế là nó mỉm cười, nhắm mắt, nép vào người em – chắc nó nghĩ rằng nó đang trốn kín lắm. Dễ thương quá! Ơ kìa nó đang khóc đấy! Thôi, anh ngủ ngon nhé. – Rồi nàng ra khỏi phòng.

Cũng trong lúc ấy, ở tầng dưới, trong phòng ngủ của Nikolenka Bolkolxki, ngọn đèn chong vẫn thắp như mọi hôm, (đứa bé sợ bóng tối, và người ta không tài nào chữa được cho nó cái tật ấy). Đêxal đang nằm ngủ, đầu kê cao trên bốn chiếc gối và cái mũi La Mã của ông ta buông ra những tiếng ngáy đều đều. Nikolenka vừa mới thức dậy, mình ướt đẫm mồ hôi lạnh. Cậu ngồi trên giường, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước. Một cơn ác mộng vừa làm cho cậu choàng dậy. Cậu vừa thấy cậu Pier của cậu cùng với cậu, đầu đội mũ trụ, thứ mũ thường thấy vẽ trong quyển sách của Plutark. Hai người đang đi đầu một đạo quân rất lớn. Đạo quân này gồm những đường nhỏ xiên xiên màu trắng chăng trên không như những sợi tơ nhện mùa thu mà Đêxal gọi là *chỉ của đức mẹ đồng trinh*[1]. Trước mặt là vinh quang, cũng làm bằng những sợi tơ như vậy nhưng dày hơn một chút. Cả hai, cậu Pier và cậu, đang nhẹ nhàng và vui vẻ tiến lên, mỗi lúc một gần đến đích. Bỗng những sợi tơ kéo họ về phía trước bắt đầu giãn ra, rối lại, tình hình trở nên nguy cấp. Rồi chú Nikôlai Ilits hiện ra trước mặt họ với dáng điệu nghiêm nghị và hung dữ.

– "Các người làm thế phải không? – Cậu ta vừa nói vừa chỉ những mảnh lông chim và những mảnh xi gắn thư – ta yêu quý các ngươi, nhưng Araktseyev đã ra lệnh cho ta, nên hễ đứa nào bước tới là ta sẽ giết. Nikolenka quay lại nhìn Pier, nhưng Pier đã không ở đấy nữa. Pier đã biến thành cha cậu, công tước Anđrey, không có đường nét và hình dáng nhưng vẫn chính là cha cậu. Nhìn thấy cha, Nikolenka cảm thấy tình yêu thương làm mình yếu đuối, cậu

1. Les fils de la Vierge (tức "tơ trời").

cảm thấy mình bủn rủn, không có xương và hình như tan ra nước. Cha cậu vuốt ve và an ủi cậu. Nhưng chú Nikôlai mỗi lúc một tiến đến gần. Cậu bé sợ hãi hoảng hốt tỉnh dậy.

Cậu nghĩ thầm: đó là cha ta. (Mặc dầu trong nhà có hai bức chân dung của cha cậu rất giống thực, Nikolenka không bao giờ hình dung công tước Andrey dưới hình dáng một con người), cha ta đứng cạnh ta và vuốt ve ta. Người tán thành ta, người tán thành cậu Pier. Người bảo bất cứ điều gì ta cũng làm, Muxius *Xevola*[1] đã tự đốt tay mình. Tại sao trong đời ta không làm được như vậy? Ta biết rằng họ muốn ta học tập. Thì ta sẽ học tập. Nhưng một ngày kia ta sẽ học xong và bấy giờ ta sẽ làm. Ta chỉ cầu xin Thượng đế cho ta gặp những điều như những con người của Plutark đã gặp, và ta cũng sẽ làm như họ. Ta sẽ làm hơn họ kia. Mọi người sẽ biết, mọi người sẽ yêu ta, sẽ thán phục ta". Rồi Nikolenka bỗng thấy lồng ngực nghẹn ngào. Cậu khóc.

– *Cậu mệt hay sao*[2] – Tiếng ông Đêxal hỏi.

– *Không ạ*[3] – Nikolenka đáp, đoạn nằm lên gối. Cậu nghĩ đến Đêxal – Ông ấy tốt bụng và hiền lành, ta mến ông ấy lắm – Còn cậu Pier thật là một người tuyệt diệu! Còn cha ta! Cha! Cha ơi!... Phải, ta phải làm những việc mà ngay cả người cũng lấy làm hài lòng.

1. Muxiux Xêvôla. Người La Mã tự đốt tay mình trước mặt quân thù để biểu lộ tinh thần bất khuất.

2. Êtes-vous indisposé?

3. Non.

PHẦN THỨ HAI

I

Đối tượng của sử học là đời sống của các dân tộc và của nhân loại. Trực tiếp nắm vững và bao quát bằng ngôn ngữ, tức miêu tả cuộc sống không những của nhân loại mà của một dân tộc duy nhất cũng thế, là điều không thể làm được.

Các sử gia trước kia thường sử dụng một biện pháp đơn giản để miêu tả và cắt nghĩa cái hiện tượng dường như không thể nắm được là đời sống của nhân dân. Họ miêu tả hoạt động của những con người cá biệt lãnh đạo dân tộc, và họ cho rằng hoạt động này biểu hiện hoạt động của toàn dân.

Khi gặp những câu hỏi: làm thế nào những con người cá biệt kia lại có thể bắt các dân tộc hành động theo ý muốn của mình, và ý muốn đó chịu sự chi phối của cái gì, các sử gia trả lời câu hỏi thứ nhất bằng cách nói rằng thần linh muốn dân tộc phục tùng ý muốn của một người, và trả lời câu hỏi thứ hai bằng cách thừa nhận rằng cũng chính vị thần linh ấy lãnh đạo ý muốn của con người được lựa chọn, đưa nó đến mục đích đã định trước.

Như vậy, những vấn đề này được giải quyết bằng lòng tin ở sự can thiệp trực tiếp của thần linh vào những công việc của nhân loại.

Khoa học lịch sử hiện đại, về mặt lý luận đã bác bỏ cả hai lập luận trên. Có thể tưởng chừng như sau khi bác bỏ tín điều của người cổ đại cho rằng con người phụ thuộc vào thần linh và có một mục đích đã định trước, mục đích mà các dân tộc đều bị dẫn đến, khoa học hiện đại lẽ ra không cần phải nghiên cứu những biểu hiện của quyền lực, mà phải nghiên cứu những nguyên nhân gì đã sinh ra nó. Nhưng nó không làm như vậy. Sau khi bác bỏ quan điểm của các sử gia cổ đại về mặt lý luận, nó lại theo những quan điểm ấy ở trong thực tiễn.

Thay cho những con người được thần linh ban quyền lực và bị ý muốn của thần linh trực tiếp lãnh đạo, sử học hiện đại đưa ra những vị anh hùng có những năng lực phi thường, siêu nhân, hoặc chỉ là những người có những phẩm chất hết sức khác nhau, từ các bậc đế vương đến những người ký giả, có vai trò lãnh đạo quần chúng. Thay cho những mục đích do thần linh định trước cho một vài dân tộc như người Do Thái, người Hi Lạp, người La Mã để lãnh đạo nhân loại, sử học hiện đại đã đưa ra những mục đích khác: quyền lợi của người Pháp, của người Đức, của người Anh, và cứ thế nó đi đến sự trừu tượng hóa cao nhất là quyền lợi của nền văn minh toàn thể nhân loại, ý muốn nói đến những dân tộc sống ở cái góc nhỏ bé phía Tây Bắc của đại lục.

Khoa học lịch sử hiện đại đã gạt bỏ những tín điều ngày xưa nhưng không thay thế những tín điều đó bằng những quan điểm mới của mình, và cái lô-gích của luận điểm đã bắt buộc các sử gia sau khi bác bỏ thuyết thần quyền của vua chúa và thuyết sở mệnh của người cổ đại, lại quay về hai thuyết đó bằng một con đường khác. Họ đi đến chỗ thừa nhận rằng: 1. Các dân tộc bị những cá nhân lãnh đạo. 2. Có một mục đích nhất định chi phối sự vận động của các dân tộc cũng như của nhân loại.

Trong tất cả những tác phẩm của các sử gia gần chúng ta nhất,

từ Gipbơn[1] đến Buckơl, mặc dầu bề ngoài có vẻ bất đồng ý kiến với nhau, và quan điểm có vẻ mới, nhưng về căn bản vẫn xây dựng trên hai luận điểm cũ kỹ và tất yếu này.

Thứ nhất, nhà sử học miêu tả hoạt động của một vài nhân vật cá biệt mà họ coi là những người lãnh đạo nhân loại. Có người cho rằng chỉ có các vua chúa tướng lĩnh, các bộ trưởng mới là những người như thế. Có người thì ngoài các vua chúa lại kể thêm các nhà hùng biện, các nhà bác học, các nhà cải cách, các nhà triết học và các nhà thơ.

Thứ hai, nhà sử học tưởng biết được những mục đích mà nhân loại nhằm tiến tới: đối với người này thì đó là sự vĩ đại của nhà nước La Mã, Tây Ban Nha, Pháp, đối với người kia thì đó là tự do, bình đẳng và một kiểu văn minh nào đó trên một góc nhỏ của thế giới được gọi là châu Âu.

Năm 1789, ở Pari xảy ra một cuộc biến động, cuộc biến động này lớn lên, lan rộng và được biểu hiện ra thành cuộc di chuyển của các dân tộc từ Tây sang Đông. Đã mấy lần, cuộc di chuyển này tiến về hướng đông, vấp phải một cuộc di chuyển khác ngược lại từ Đông sang Tây, và đến 1812, nó đã đến giới hạn cuối cùng của nó là Maxkva. Thế rồi với một sự cân đối kỳ lạ, lại xuất hiện một cuộc di chuyển ngược chiều từ Đông sang Tây, cuộc di chuyển này cũng như cuộc di chuyển thứ nhất, đã lôi cuốn các dân tộc Trung Âu theo nó. Cuộc di chuyển ngược chiều này đã đến tận điểm xuất phát của cuộc di chuyển trước, tức là Pari, rồi dừng lại.

Trong thời gian hai mươi năm ấy, vô số ruộng đất không được cày cấy, vô số nhà cửa bị đốt phá, nếu thương mại chuyển phương hướng, hàng triệu người nghèo đi, giàu lên, và hàng triệu người Cơ đốc là những người vẫn tuyên truyền tình yêu đối với đồng loại đã chém giết lẫn nhau.

1. Gibpon (1737 - 1794). Sử gia tư sản Anh, tác giả bộ "Sự suy đồi và sụp đổ của đế chế La Mã".

Tất cả những sự việc đó có ý nghĩ gì? Nguyên nhân của nó là ở đâu? Cái gì đã bắt buộc những con người này đốt nhà và tàn sát đồng loại? Cái gì là nguyên nhân của những biến cố này? Sức mạnh nào đã bắt buộc con người hành động như vậy? Đó là những câu hỏi tự nhiên, giản dị, nhưng chính đáng nhất mà con người tự đặt ra cho mình khi đứng trước những di tích và những kỷ niệm của cái thời kỳ di chuyển đã qua này.

Muốn giải quyết các vấn đề này, ta phải nhờ đến khoa học lịch sử là khoa học có mục đích dạy cho các dân tộc và nhân loại nhận thức được mình.

Giả sử sử học vẫn duy trì những quan điểm cũ thì nó sẽ nói: thần linh, để thưởng hay để phạt nhân dân của mình, đã trao quyền lực cho Napôleông, đã lãnh đạo ý chí của ông ta để đạt đến những mục đích thần thánh của mình. Và câu trả lời sẽ đầy đủ và rõ ràng. Người ta có thể tin hay không tin vào sự thụ mệnh, thần thánh của Napôleông, nhưng đối với người nào đã tin điều đó thì toàn bộ lịch sử thời đại này không thể nào có một điều gì mâu thuẫn.

Nhưng khoa học lịch sử hiện đại không thể nào trả lời như vậy. Khoa học không thừa nhận quan điểm của người cổ đại về sự can thiệp trực tiếp của thần linh vào công việc con người, cho nên nó phải đưa ra những câu trả lời khác.

Khoa học lịch sử hiện đại, trong khi trả lời những câu hỏi này, nói: anh muốn biết cuộc di chuyển nay có ý nghĩa gì, vì sao nó lại xảy ra và động lực gì gây ra những biến cố ấy phải không? Anh hãy nghe đây:

Luy XIV là một người rất kiêu ngạo và tự thị: ông ta có những cô tình nhân này nọ và những ông bộ trưởng nọ kia, ông ta cai trị nước Pháp rất kém. Những người thừa kế ông ta là những người nhu nhược, và họ cũng cai trị nước Pháp rất kém. Họ cũng có những cô tình nhân và những sủng thần như Luy XIV. Ngoài ra, bấy giờ

lại có một vài người viết sách. Vào cuối thế kỷ XVIII ở Pari có hai chục người tập hợp lại, họ bắt đầu lên tiếng, nói rằng: mọi người đều bình đẳng và tự do. Kết quả là trên toàn cõi nước Pháp người ta bắt đầu chém giết lẫn nhau và dìm nhau chết đuối. Họ giết nhà vua và nhiều người khác nữa. Lúc bấy giờ ở Pháp có một con người thiên tài là Napôleông. Ông ta đánh đâu thắng đấy, nghĩa là ông ta giết được rất nhiều người, bởi vì ông ta là bậc thiên tài. Rồi ông ta đi giết những người Phi châu, để làm gì không rõ, ông ta giết họ giỏi quá, ông ta lại mưu lược và thông minh quá đến nỗi khi trở về Pháp ông liền ra lệnh cho mọi người phải phục tùng ông ta. Và thế là mọi người phục tùng ông ta. Khi đã lên ngôi hoàng đế, ông ta lại đi giết người ở Ý, ở Áo và ở Phổ. Ở đây ông ta cũng giết được rất nhiều người. Nhưng ở Nga lại có hoàng đế Alekxandr là người kiên quyết lo phục hồi lại trật tự ở châu Âu, cho nên ông ta bèn đánh nhau với Napôleông. Nhưng năm 1807, đột nhiên ông ta kết bạn với Napôleông, rồi đến 1811 hai người lại bất hòa và lại thi nhau giết cho thật nhiều người. Thế rồi Napôleông mang sáu mươi vạn quân vào nước Nga và chiếm lấy Maxkva, nhưng rồi ông ta lại bỏ Maxkva mà chạy, và bấy giờ hoàng đế Alekxandr theo những lời khuyên nhủ của Stanơ và những người khác đã liên kết toàn thể châu Âu vũ trang chống lại kẻ phá hoại sự yên tĩnh của nó. Tất cả các bạn đồng minh của Napôleông đột nhiên trở thành kẻ thù của ông ta, và khối liên minh vũ trang này tấn công những lực lượng mới tập hợp của Napôleông. Khối liên minh đánh bại Napôleông tiến quân vào Pari, buộc Napôleông phải thoái vị và đưa ông ta đến đảo Enbơ nhưng không tước mất tôn hiệu hoàng đế của ông ta và vẫn tỏ ra hết sức kính trọng ông ta, mặc dầu năm năm trước và một năm sau mọi người đều xem ông ta như một tên cường đạo ngoài vòng pháp luật. Và Luy XVIII, người mà từ trước đến nay nước Pháp cũng như các nước đồng minh đều chế nhạo, lại lên trị vì. Còn Napôleông thì nhỏ mấy giọt nước mắt trước đội cận vệ lão

thành của mình rồi thoái vị và lên đường đi đày. Thế rồi những chính khách và những nhà ngoại giao khôn khéo (nhất là Taleyrăng, con người đã nhanh nhẹn ngồi vào một chiếc ghế bành nào đó trước những người khác và nhờ thế mà mở rộng được biên giới của nước Pháp)[1], gặp nhau ở Viên để chuyện trò, và do cuộc trò chuyện này, họ làm cho các dân tộc sung sướng hay cực khổ. Đột nhiên các nhà ngoại giao và các bậc vương giả suýt bất hòa, họ đã sẵn sàng ra lệnh cho quân đội họ giết nhau lần nữa, nhưng ngay lúc đó, Napôleông đổ bộ lên đất Pháp với một tiểu đoàn, và người Pháp trước đây vẫn căm ghét ông ta bỗng phục tùng ông ta ngay. Nhưng vua các nước đồng minh bèn nổi giận, và một lần nữa lại cất quân đánh người Pháp. Thế rồi họ đánh bại Napôleông thiên tài và đưa ông ta ra hòn đảo Xanhtơ Elen, ông ta đột nhiên bị coi là một tên cường đạo. Và ở đấy con người bị đày cách xa những người thân thích và nước Pháp thân yêu của mình, chết dần trên một mỏm đá và để lại cho hậu thế những hành động vĩ đại của mình. Còn ở châu Âu thì diễn ra một thời kỳ phản động và tất cả các quốc vương lại bắt đầu đàn áp nhân dân mình.

Chớ nên nghĩ rằng trình bày như vậy là nhạo báng, là biếm họa sử học. Trái lại, đó là cách diễn đạt mềm mỏng nhất những lời giải đáp đầy mâu thuẫn, và thật ra không hề giải đáp vấn đề, mà toàn bộ nền sử học đã đưa ra, kể từ các tác gia viết hồi ký và viết sách nói về lịch sử của từng nước, cho đến các tác gia viết sách lịch sử thế giới và sách văn hóa sử là loại sử mới của của thời bấy giờ.

Sở dĩ những lời giải đáp này kỳ quặc và khôi hài như vậy là vì sử học hiện đại giống như một người điếc trả lời những câu hỏi mà chẳng ai hỏi mình.

Nếu mục đích của sử học là miêu tả những cuộc vận chuyển của nhân loại và các dân tộc thì câu hỏi đầu tiên đặt ra mà nếu

1. Ý nói đến những hành động khôn khéo của Taleyrăng ở hội nghị Viên năm 1814.

không giải đáp được thì tất cả những vấn đề còn lại sẽ không thể nào hiểu nổi là như sau: Động lực gì đã thúc đẩy các dân tộc di chuyển? Để trả lời vấn đề này, lịch sử hiện đại kể lại một cách cẩn thận rằng Napôleông rất lỗi lạc, hoặc Luy XIV rất kiêu ngạo, hoặc lại kể rằng những tác gia nào đó đã viết ra những quyển sách nào đó.

Tất cả những cái đó đều có thể có, và nhân loại đều sẵn sàng chấp nhận, nhưng nhân loại không hỏi điều đó. Tất cả những cái đó có thể thú vị, nếu chúng ta thừa nhận có một quyền lực thần thánh tự tại, bất biến đã lãnh đạo các dân tộc thông qua những Napôleông, những Luy và những tác gia nào đấy, cần phải nêu rõ mối liên hệ giữa chúng người này với cuộc vận chuyển của các dân tộc.

Nếu có một sức mạnh khác đã thay thế cái quyền lực thần thánh kia thì cần phải cắt nghĩa cái sức mạnh mới này là cái gì, bởi vì đối tượng của sử học chính là ở đấy.

Sử học dường như giả thiết rằng sức mạnh này là một cái gì dĩ nhiên và ai cũng biết. Nhưng mặc dầu mọi người đều muốn thừa nhận cái sức mạnh mới này là đã biết, ai đã từng đọc nhiều công trình sử học cũng bất giác đâm ra hoài nghi không biết cái sức mạnh mới này mà mỗi sử gia hiểu một cách khác có thật là được mọi người biết rõ hay không.

II

Động lực thúc đẩy dân tộc vận động?

Các tác giả viết lịch sử cá nhân và sử gia viết về từng dân tộc quan niệm sức mạnh này là quyền lực cố hữu của các vị anh hùng và vua chúa. Theo cách miêu tả của họ, các biến cố diễn ra hoàn

toàn do ý muốn của Napôleông, của những Alekxandr, hay nói chung, của những nhân vật mà các tác giả viết lịch sử cá nhân đã miêu tả cuộc sống. Những trả lời mà các sử gia thuộc loại này đưa ra về vấn đề sức mạnh thúc đẩy các biến cố đều thỏa đáng, nếu mỗi biến cố chỉ có một sử gia miêu tả. Nhưng hễ có nhiều sử gia thuộc những dân tộc khác nhau và có những quan điểm khác nhau bắt đầu cùng miêu tả một sự kiện như nhau thì những câu trả lời mà họ đưa ra liền mất hết ý nghĩa, bởi vì mỗi người trong bọn họ quan niệm sức mạnh này một cách, và quan niệm của họ không những khác nhau mà thường còn hoàn toàn đối lập nhau nữa. Sử gia này khẳng định rằng biến cố đã xảy ra là do quyền lực của Napôleông, sử gia kia khẳng định rằng nó xảy ra do quyền lực của Alekxandr, sử gia nọ lại khẳng định rằng đó là do quyền lực của một sự vật thứ ba nào đó. Ngoài ra các sử gia thuộc loại này mâu thuẫn với nhau ngay cả trong cách giải thích cái sức mạnh làm cơ sở cho quyền lực của một nhân vật. Chie thuộc phái Bonapactơ nói rằng quyền lực của Napôleông xây dựng trên đạo đức và thiên tài của ông ta. Lanfrey[1] là người thuộc phái cộng hòa nói rằng nó xây dựng trên sự gian trá và mỵ dân của ông ta. Thành thử các sử gia thuộc loại này thủ tiêu lập luận của nhau, và do đó, họ thủ tiêu ngay cả cái khái niệm về sức mạnh sinh ra các biến cố, và không đưa ra được một lời giải đáp nào cho vấn đề chủ yếu của sử học.

Các sử gia viết về lịch sử thế giới, là những người phải nghiên cứu tất cả các dân tộc, dường như cho rằng quan điểm của các sử gia nghiên cứu chuyên sử về sức mạnh sinh ra các biến cố là không đúng. Họ không thừa nhận sức mạnh này là một quyền lực cố hữu của các vị anh hùng và các vua chúa, mà cho đó là hợp lực của nhiều phân lực hướng về nhiều phía khác nhau. Trong khi miêu tả một cuộc chiến tranh hay quá trình chinh phục một dân tộc các sử

1. Pierre Lanfrey (1828 - 1877) tác giả "Lịch sử Napôleông".

gia này tìm nguyên nhân của biến cố không phải trong quyền lực của một nhân vật duy nhất, mà lại là trong ảnh hưởng qua lại của nhiều nhân vật có liên hệ với biến cố.

Lẽ ra theo quan điểm này, quyền lực của các nhân vật lịch sử, được xem như là sản phẩm của nhiều sức mạnh, không còn có thể coi là một sức mạnh tự nó sinh ra các biến cố nữa. Tuy nhiên, các tác giả viết sử thế giới thường thường vẫn phải dùng đến khái niệm quyền lực với tính cách là một sức mạnh tự bản thân nó sinh ra các biến cố và là nguyên nhân của các biến cố. Theo cách trình bày của các sử gia này khi thì nhân vật lịch sử là sản phẩm của thời đại họ và quyền lực của họ chỉ là sản phẩm của những sức mạnh khác nhau, khi thì quyền lực của họ lại chính là sức mạnh sinh ra các biến cố. Jervinux, Sloxner[1] chẳng hạn, và một số khác, khi thì chứng minh rằng Napôleông là sản phẩm của cách mạng, của những tư tưởng năm 1789 v.v... khi thì tuyên bố rằng chiến dịch năm 1812 cũng như những biến cố khác không làm cho họ vừa lòng chỉ là kết quả của ý muốn sai lầm của Napôleông và ngay cả những tư tưởng của năm 1789 cũng bị ngăn chặn, không phát triển được, do thái độ độc đoán của Napôleông. Còn quyền lực của Napôleông thì đã trấn áp những tư tưởng cách mạng và ý hướng chung của thời đại.

Không những nó xuất hiện nhan nhản trong các sách lịch sử thế giới, mà thậm chí toàn bộ nội dung miêu tả của các sách này chẳng qua là một chuỗi liên tục những chuyện mâu thuẫn như vậy kế tiếp nhau. Sở dĩ có tình trạng mâu thuẫn này là vì các tác giả viết lịch sử thế giới, sau khi bước vào con đường phân tích, đã dừng lại ở giữa đường.

1. Gervinus (1805 - 1871). sử gia Đức; Schlossor (1776 - 1861) tác giả "Lịch sử thế giới" gồm 19 quyển.

Muốn cho các phân lực tạo ra một hợp lực hay lực hợp thành, thì nhất định tổng số các phân lực phải bằng hợp lực đó. Đó chính là điều kiện mà các tác giả viết lịch sử thế giới không bao giờ tuân theo, và do đó, để cắt nghĩa hợp lực, ngoài những phân lực không đầy đủ của nó, họ nhất thiết phải thừa nhận một lực khác chưa được xác minh đã tác động đến hợp lực.

Một sử gia chuyên sử khi miêu tả chiến dịch năm 1813 hay thời kỳ phục hồi dòng Buôcbông nói thẳng ra rằng những biến cố này đều xảy ra do ý muốn của Alekxandr. Nhưng Jervinux, một tác giả viết sử thế giới, trong khi bác bỏ luận đề này, đã tìm cách chứng minh rằng chiến dịch năm 1813 hay việc phục hồi dòng Buôcbông, ngoài ý muốn của Alekxandr ra, còn có nhiều nguyên nhân khác, đó là hoạt động của Stainơ, của Meterric, của bà Đơ Xtan, của Taleyrăng, của Fict, của Satôbriăng và của nhiều người khác. Rõ ràng là sử gia này đã chia quyền lực của Alekxandr ra thành những thành phần cấu tạo nên nó: Taleyrăng, Satôbriăng, của bà Đơ Xtan và của những người khác, dĩ nhiên là không ngang bằng với tất cả hợp lực nghĩa là hiện tượng hàng triệu người Pháp phục tùng họ Buôcbong. Như vậy, để giải đáp vấn đề làm sao những phân lực này lại có thể đưa đến sự phục tùng của hàng triệu người, tức làm sao những phân lực bằng một A lại có thể tạo nên một hợp lực bằng một nghìn A, nhà sử học đành phải thừa nhận cái sức mạnh của quyền lực mà ông ta đã phủ nhận, bằng cách cho nó là hợp lực của nhiều lực khác, nghĩa là ông ta phải thừa nhận một sức mạnh chưa được lý giải đã tác động đến hợp lực. Và chính các tác giả viết sử thế giới đã làm như vậy. Chính vì thế cho nên không những họ mâu thuẫn với các tác giả chuyên sử mà còn mâu thuẫn với chính họ nữa.

Những người dân ở nông thôn vốn không có một khái niệm rõ rệt về nguyên nhân của mưa, tùy khi họ muốn có mưa hay muốn trời nắng, sẽ nói: gió đã đuổi mây đi, hay gió đã mang mây đến.

Các tác giả viết sử thế giới cũng làm hệt như vậy: khi nào biến cố phù hợp với lý thuyết của họ thì họ nói rằng quyền lực là kết quả của các biến cố, trái lại khi nào cần phải chứng minh một cái gì khác thì họ nói rằng quyền lực tạo ra các biến cố.

Hạng sử gia thứ ba mà người ta gọi là những nhà văn hóa sử, bước theo con đường của các sử gia viết sử thế giới, đôi khi xem các nhà văn và các nhân vật phụ nữ là những lực lượng đã gây nên các biến cố, nhưng lại quan niệm lực lượng này một cách khác hẳn. Họ nhìn thấy nó trong cái mà người ta gọi là văn hóa, trong hoạt động trí tuệ.

Các nhà văn hóa sử hoàn toàn nhất trí với những người đã mở đường cho họ là các tác giả viết sử thế giới bởi vì nếu đã có thể cắt nghĩa các biến cố lịch sử bằng cách nói rằng những nhân vật nhất định đã có những quan hệ nhất định với nhau, thì tại sao lại không thể cắt nghĩa các biến cố bằng cách nói rằng những người nào đó đã viết những quyển sách nào đó? Trong vô số những biểu hiện kèm theo một hiện tượng trọng yếu, các sử gia này chọn lấy biểu hiện của hoạt động trí tuệ và nói rằng đó chính là nguyên nhân. Nhưng mặc dầu họ ra sức chứng minh rằng nguyên nhân của biến cố là nằm trong hoạt động trí tuệ, cũng phải dễ tính lắm mới có thể thừa nhận rằng có một cái gì chung ở giữa hoạt động trí tuệ và sự vận động của các dân tộc. Nhưng dù sao chăng nữa, người ta cũng không thể nào thừa nhận hoạt động trí tuệ lãnh đạo hành động của con người, bởi vì những hiện tượng như những vụ tàn sát khốc liệt của Cách mạng Pháp mà lại là hậu quả của việc tuyên truyền quyền bình đẳng của con người, những cuộc chiến tranh và những cuộc hành hình tàn khốc mà lại là hậu quả của việc truyền bá tình yêu thương, – những hiện tượng như thế đều mâu thuẫn với thuyết này.

Nhưng dù cho tất cả những lý luận oái oăm đầy rẫy trong những quyển sử kia có đúng chăng nữa, dù ta có thừa nhận rằng

các dân tộc chịu sự chi phối của một sức mạnh khó xác định mà người ta gọi là tư tưởng, thì vấn đề chủ yếu của lịch sử cũng vẫn chưa được giải đáp. Ngoài quyền lực của những vị vua mà trước kia người ta đã thừa nhận, ngoài ảnh hưởng của những cố vấn và những nhân vật khác mà các sử gia thông sử đưa vào, bây giờ lại còn có một sức mạnh mới, sức mạnh của tư tưởng mà mối liên hệ của nó với quần chúng còn đòi hỏi được giải thích. Người ta có thể hiểu rằng vì Napôleông nắm quyền lực nên một biến cố nào đó đã xảy ra. Người ta còn có thể tạm thừa nhận rằng Napôleông, cùng với những ảnh hưởng khác, đã là nguyên nhân của biến cố, nhưng nói rằng quyền "Khế ước xã hội"[1] đã làm cho người Pháp giết nhau thì thật không tài nào hiểu được, nếu không giải thích quan hệ nhân quả giữa cái lực lượng mới này với biến cố đã xảy ra.

Hiển nhiên là có một mối liên hệ ở giữa tất cả những người cùng sống trong một thời đại, và do đó có thể tìm thấy một mối liên hệ nào đấy giữa hoạt động tinh thần của con người và cuộc vận động lịch sử của họ, cũng như người ta có thể tìm thấy mối liên hệ giữa những vận động của nhân loại với thương nghiệp, thủ công nghiệp, nghề làm vườn và bất cứ cái gì khác. Nhưng tại sao các nhà văn hóa sử lại cho rằng hoạt động trí tuệ của người ta là nguyên nhân hay là biểu hiện của toàn bộ cuộc vận động lịch sử? Thật khó lòng hiểu nổi? Cách suy luận ấy của các sử gia may ra chỉ có thể cắt nghĩa như sau: 1. lịch sử là do các nhà học giả viết, cho nên lẽ tự nhiên họ thích cho rằng hoạt động của tầng lớp họ là nền tảng của cuộc vận động lịch sử cũng như thương nhân và binh sĩ thích cho rằng hoạt động của họ mới là nền tảng của cuộc vận động (điều này không lộ ra chẳng qua là vì thương nhân và binh sĩ không viết lịch sử) và 2. hoạt động trí tuệ, giáo dục, văn minh, văn hóa, tư tưởng tất cả những cái đó đều là những khái niệm mơ hồ không

1. "Contrat social" tác phẩm của nhà văn và nhà tư tưởng Pháp thế kỷ XVIII Jăng Jắc Ruxô.

được xác định, ở dưới lá cờ của nó người ta tha hồ dùng những từ ngữ còn ít rõ nghĩa hơn và do đó dễ dàng thích hợp với bất kỳ lý thuyết nào.

Nhưng dù chưa nói đến giá trị nội tạng của loại sử học này (có lẽ đối với một người nào đó hay đối với một việc nào đó nó cũng cần thiết và hiện nay nội dung của tất cả các tác phẩm thông sử xét về thực chất đang bắt đầu có tính chất văn hóa sử ngày càng rõ rệt), các tác phẩm văn hóa sử, cũng có một điểm này đáng chú ý. Đó là mặc dầu nó nghiên cứu nghiêm túc và tỉ mỉ các học thuyết tôn giáo, triết học, chính trị, cho đó là nguyên nhân của các biến cố, nhưng hễ nó phải miêu tả một biến cố lịch sử có thực như chiến dịch 1812 chẳng hạn thì vô hình trung nó lại miêu tả biến cố này như sản phẩm của quyền lực và nói không úp mở rằng chiến dịch này là do ý muốn của Napôleông mà ra. Trong khi nói như vậy, các nhà văn hóa sử vô hình chung đã tự mâu thuẫn với mình vì họ cho thấy rằng cái sức mạnh mới mà họ đặt ra không biểu hiện được những biến cố lịch sử và biện pháp duy nhất để hiểu lịch sử lại chính là cái quyền lực mà dường như họ không thừa nhận.

III

Một đầu máy xe lửa đang chạy. Thử hỏi cái gì làm cho nó chạy như vậy? Người nông dân nói: quỉ Xa-tăng làm cho nó chạy. Một người khác nói: nó chạy bởi vì bánh của nó quay. Người thứ ba khẳng định rằng nguyên nhân của vận động là cái đám khói đang bay theo chiều gió.

Không thể bác người nông dân kia được! anh ta đã nghĩ ra một cách giải thích toàn vẹn. Để bác anh ta, cần phải có người chứng minh cho anh ta thấy rằng không làm gì có quỉ, hay phải có một

người nông dân khác cắt nghĩa rằng không phải quỉ mà chính là *người Đức*[1] làm cho đầu máy chuyển động. Chỉ có như thế thì sự mâu thuẫn mới cho họ thấy rằng cả hai đều nói sai. Nhưng người nói rằng nguyên nhân là sự vận động của các bánh xe cũng tự bác lại mình, vì nếu đã đi theo con đường phân tích, thì anh ta lại phải đi xa hơn nữa: phải cắt nghĩa nguyên nhân sự vận động của bánh xe. Và hễ còn chưa đi đến nguyên nhân cuối cùng của sự vận động của chiếc đầu máy, tức là sức ép của hơi nước trong súp-de, thì anh ta vẫn chưa có quyền dừng lại trong việc đi tìm nguyên nhân. Còn người nào giải thích sự vận động của đầu máy bằng đám khói bị gió thổi bạt về phía sau thì hiển nhiên là người ấy đã làm như sau: khi nhận thấy cách giải thích bằng bách xe không đưa đến nguyên nhân, anh ta chộp ngay lấy bất cứ dấu hiệu nào và cho đó là nguyên nhân.

Khái niệm duy nhất có thể cắt nghĩa sự vận động của chiếc đầu máy là khái niệm của một sức mạnh ngang bằng với toàn bộ sự vận động người ta thấy được.

Khái niệm duy nhất có thể cắt nghĩa sự vận động của các dân tộc là khái niệm của một sức mạnh ngang bằng với toàn bộ sự vận động này. Tuy vậy mỗi sử gia đều quan niệm khái niệm này thành một lực lượng khác hẳn và tuyệt nhiên không ngang bằng với sự vận động mà người ta thấy được. Có người nhìn thấy ở đấy một sức mạnh nằm ngay trong các vị anh hùng, cũng như người nông dân cho rằng trong đầu máy có quỉ, có người thấy đó là một sức mạnh do những sức mạnh khác sinh ra, như sự vận động của những bánh xe, còn những người khác nữa thấy đó là một ảnh hưởng của tinh thần như là đám khói bị gió thổi bạt đi.

1. Đối với nông dân Nga thời ấy, khái niệm "người Đức" (nemetx) có thể bao gồm đủ các thứ người ngoại quốc (nghĩa đầu tiên của chữ memetx là "người câm" tức là người không biết nói tiếng Nga) phần đông là người phương Tây, nơi sản sinh ra các thứ máy móc mới lạ.

Hễ người ta còn viết lịch sử của những cá nhân, dù cho những cá nhân đó là Xêza, Alakxanđr, hay Luyte và Vônter, chứ không phải là lịch sử của mọi người, không trừ một người nào trong số tất cả những người đã tham dự vào một sự kiện, thì vẫn không thể nào gán cho một số nhân vật một sức mạnh đã bắt buộc những người khác phải hướng hoạt động của mình vào một mục đích duy nhất. Và cái khái niệm duy nhất mà các sử gia biết được là quyền lực chính xác về bản chất của cái sức mạnh gây nên các biến cố lịch sử mà người ta gọi là quyền lực.

Quay trở về tín điều ngày xưa thì không thể được, vì nó đã sụp đổ rồi, cho nên nhất thiết phải cắt nghĩa bản chất của quyền lực.

Napôleông đã ra lệnh trưng tập quân đội và xuất chinh. Cách quan niệm này đối với ta đã quen thuộc, đến nỗi nếu có ai hỏi: tại sao sáu mươi vạn con người lại xuất trận sau khi nghe Napôleông nói một câu gì đấy, ta sẽ thấy đó là một câu hỏi vô nghĩa. Ông ta có quyền lực, cho nên những mệnh lệnh của ông ta đã được thi hành.

Câu trả lời này sẽ hoàn toàn thỏa đáng nếu ta tin rằng quyền lực của ông ta là do thần linh ban cho. Nhưng một khi ta đã không thừa nhận điều đó thì không thể không xác định xem bản chất của quyền lực của một con người đối với những người khác là gì.

Quyền lực này không thể là quyền lực trực tiếp do tính ưu việt về thể lực của một người mạnh đối với một người yếu, tức là tính ưu việt căn cứ vào việc sử dụng thể lực hay đe dọa sử dụng thể lực, như quyền lực của Heraklet chẳng hạn. Nó cũng không thể căn cứ trên tính ưu việt của sức mạnh tinh thần, như một vài sử gia tin tưởng một cách ngây thơ rằng những người làm ra lịch sử có một sức mạnh tinh thần và trí tuệ phi thường mà người ta gọi là thiên tài. Quyền lực này cũng không thể căn cứ vào tính ưu việt của sức mạnh đạo đức bởi vì dù chưa nói đến những bậc anh hùng theo kiểu Napôleông, là người mà phẩm chất đạo đức gây nên những ý kiến rất khác nhau, lịch sử cũng đã chứng tỏ rằng những Luy,

những Metternich, là những kẻ lãnh đạo hàng triệu người, đều không có một sức mạnh tinh thần nào đặc biệt, trái lại phần lớn về mặt đạo đức họ còn thua kém bất cứ người nào trong số hàng triệu con người mà họ thống trị.

Nếu nguồn gốc của quyền lực không nằm trong những phẩm chất thể lực cũng như trong tinh thần của con người nắm quyền lực, thì hiển nhiên là nó nằm ở ngoài người ấy, tức là trong những mối liên hệ giữa người ấy với đám quần chúng mà người ấy thống trị.

Khoa luật học quan niệm vấn đề quyền lực đúng như vậy, khoa học này là cái bàn đổi tiền của lịch sử, có nhiệm vụ đổi quan niệm lịch sử về quyền lực để lấy vàng thực.

Quyền lực là tổng số những ý muốn của quần chúng, mà do một sự thỏa thuận hiển nhiên hay mặc nhiên, được trao cho những con người được lựa chọn trong đám quần chúng này.

Trong lĩnh vực luật học, một khoa học mà nội dung là những nhận định về cách tổ chức nhà nước và chính quyền, nếu có thể tổ chức nó thì điều đó rất rõ ràng. Nhưng nếu ứng dụng nó vào lịch sử thì định nghĩa này về quyền lực còn phải được xác minh.

Khoa luật học quan niệm nhà nước và quyền lực như người cổ đại vẫn quan niệm lửa, tức là như một vật tồn tại tuyệt đối. Đối với lịch sử thì trái lại, nhà nước và quyền lực chỉ là những hiện tượng, cũng như đối với vật lý học của thời đại chúng ta thì lửa không phải là một thực thể mà chỉ là một hiện tượng.

Chính sự khác nhau cơ bản về quan niệm này giữa khoa học lịch sử và luật học đã cho phép khoa luật học tha hồ bàn bạc về cách tổ chức quyền lực và bản chất của quyền lực được quan niệm như một cái gì tồn tại một cách im lìm bất động ở bên ngoài thời gian, nhưng đối với những vấn đề lịch sử đề cập đến ý nghĩa của một quyền lực thay đổi theo thời gian, thì nó không thể đưa ra một lời giải đáp nào.

Khái niệm này là công cụ duy nhất cho phép ta làm chủ được tài liệu lịch sử trong trạng thái hiện tại của nó, và người nào làm gãy mất công cụ này như Buckơl đã làm mà không tìm ra một phương pháp khác để xử lý tài liệu lịch sử thì chỉ làm cho mình mất cái khả năng cuối cùng để xử lý nó. Muốn giải thích các hiện tượng lịch sử, thế nào rồi cũng phải dùng đến khái niệm quyền lực. Chính các nhà thông sử và các nhà văn hóa sử đã chứng minh điều đó một cách hùng hồn nhất: họ làm như thể họ gạt bỏ được khái niệm quyền lực, nhưng thật ra cứ mỗi bước họ lại buộc lòng phải sử dụng đến nó.

Cho đến nay, đối với những vấn đề của nhân loại, khoa học lịch sử cũng giống như một thứ tiền tệ được lưu hành, nó cũng giống như giấy bạc và tiền kim loại. Những quyển sử viết về một cá nhân hay về một dân tộc cũng giống như những tờ giấy bạc. Nó có thể lưu hành, hoàn thành nhiệm vụ của nó mà không làm tổn hại đến ai, thậm chí còn có ích nữa, trong khi người ta chưa nêu lên vấn đề cái gì bảo đảm cho nó. Chỉ cần gạt bỏ vấn đề làm sao ý muốn của các vị anh hùng lại có thể sinh ra các biến cố, là những quyển sử của những tác giả của Chie sẽ trở thành thú vị. Nhưng khi số giấy bạc tăng lên quá nhiều vì người ta in giấy bạc một cách quá dễ dàng hay khi người ta muốn đem giấy bạc đổi lấy vàng, thì bắt đầu có sự hoài nghi về giá trị thực của giấy bạc. Đối với sử học cũng vậy: người ta cũng hoài nghi ý nghĩa chân chính của những quyển sử học ấy hoặc vì nó được in ra quá nhiều, hoặc vì có một ông bạn thật thà nào đó nêu ra câu hỏi: sức mạnh nào đã cho phép Napôleông làm được việc này việc nọ, tức là có người muốn đổi giấy bạc lấy vàng ròng của một khái niệm chính xác.

Các nhà thông sử và các nhà văn hóa sử giống như những người thừa nhận khuyết điểm của giấy bạc rồi quyết định đúc tiền bằng một thứ kim khí không có tỉ trọng của vàng. Và thứ tiền này

quả thực là tiền mặt nhưng chỉ có cái bề mặt mà thôi. Bạc giấy còn có thể lừa những người không biết, thứ tiền mặt mà không có giá trị gì thì lại không thể lừa dối được ai. Cũng như vàng chỉ có thể là vàng khi người ta có thể dùng nó không những để trao đổi mà còn để đánh tư trang, các tác giả thông sử cũng chỉ có thể là vàng thực sự khi họ có thể trả lời câu hỏi chủ yếu của lịch sử: quyền lực là cái gì? Tác giả thông sử đưa ra những câu trả lời mâu thuẫn để đáp lại câu hỏi này. Trái lại các sử gia về văn hóa gạt hẳn vấn đề ra một bên và trả lời một cái gì khác hẳn. Và cũng những thứ tiền tệ giống vàng chỉ có thể được dùng giữa những người cho nó là vàng và những người không biết những đặc tính của vàng, các tác giả thông sử và các sử gia văn hóa trong khi không trả lời những vấn đề chủ yếu của nhân loại, để phục vụ những mục đích riêng nào đấy của họ đã đem những thứ tiền tệ như vậy ra dùng cho các trường đại học và cho đám đông độc giả mà họ gọi là những người ham chuộng loại sách "nghiêm túc".

IV

Sau khi đã từ bỏ quan niệm trước kia cho rằng thần linh bắt ý muốn của một dân tộc phải phục tùng một con người duy nhất đã được lựa chọn, và ý muốn ấy phải phục tùng thần linh, lịch sử không thể tiến lên một bước nào mà không gặp mâu thuẫn nếu nó không chọn một trong hai cách sau đây: hoặc là quay trở lại tín điều ngày xưa về sự can thiệp trực tiếp của thần linh vào công việc của loài người, hoặc là đưa ra một cách giải thích chính xác về bản chất của cái sức mạnh gây nên các biến cố lịch sử mà người ta gọi là quyền lực.

Quay trở về tín điều ngày xưa thì không thể được, vì nó đã sụp đổ rồi, cho nên nhất thiết phải cắt nghĩa bản chất của quyền lực.

Napolêông đã ra lệnh trưng tập quân đội và xuất chinh. Cách quan niệm này đối với ta đã quen thuộc, đến nỗi nếu có ai hỏi: tại sao sáu mươi vạn con người lại xuất trận sau khi nghe Napolêông nói một câu gì đấy, ta sẽ thấy đó là một câu hỏi vô nghĩa. Ông ta có quyền lực, cho nên những mệnh lệnh của ông ta đã được thi hành.

Câu trả lời này sẽ hoàn toàn thỏa đáng nếu ta tin rằng quyền lực của ông ta là do thần linh ban cho. Nhưng một khi ta đã không thừa nhận điều đó thì không thể không xác định xem bản chất của quyền lực của một con người đối với những người khác là gì.

Quyền lực này không thể là quyền lực trực tiếp do tính ưu việt về thể lực của một người mạnh đối với một người yếu, tức là tính ưu việt căn cứ vào việc sử dụng thể lực hay đe dọa sử dụng thể lực, như quyền lực của Heraklet chẳng hạn. Nó cũng không thể căn cứ trên tính ưu việt của sức mạnh tinh thần, như một vài sử gia tin tưởng một cách ngây thơ cho rằng những người làm ra lịch sử có một sức mạnh tinh thần và trí tuệ phi thường mà người ta gọi là thiên tài. Quyền lực này cũng không thể căn cứ vào tính ưu việt của sức mạnh đạo đức bởi vì dù chưa nói đến những bậc anh hùng theo kiểu Napoleông, là người mà phẩm chất đạo đức gây nên những ý kiến rất khác nhau, lịch sử cũng đã chứng tỏ rằng những Luy, những Metternich,là những kẻ lãnh đạo hàng triệu người, đều không có một sức mạnh tinh thần nào đặc biệt, trái lại phần lớn về mặt đạo đức họ còn thua kém bất cứ người nào trong số hàng triệu con người mà họ thống trị.

Nếu nguồn gốc của quyền lực không nằm trong những phẩm chất thể lực cũng như trong tinh thần của con người nắm quyền lực, thì hiển nhiên là nó nằm ở ngoài người ấy, tức là trong những mối liên hệ giữa người ấy với đám quần chúng mà người ấy thống trị.

Khoa luật học quan niệm vấn đề quyền lực đúng như vậy, khoa học này là cái bàn đổi tiền của lịch sử, có nhiệm vụ đổi quan niệm lịch sử về quyền lực để lấy vàng thực.

Quyền lực là tổng số những ý muốn của quần chúng, mà do một sự thỏa thận hiển nhiên hay mặc nhiên, được trao cho những con người được lựa chọn trong đám quần chúng này.

Trong lĩnh vực luật học, một khoa học mà nội dung là những nhận định về cách tổ chức nhà nước và chính quyền, nếu có thể tổ chức nó thì điều đó rất rõ ràng. Nhưng nếu ứng dụng nó vào lịch sử thì định nghĩa này về quyền lực còn phải được xác minh.

Khoa luật học quan niệm nhà nước và quyền lực như người cổ đại vẫn quan niệm lửa, tức là như một vật tồn tại tuyệt đối. Đối với lịch sử thì trái lại, nhà nước và quyền lực chỉ là những hiện tượng, cũng như đối với vật lý học của thời đại chúng ta thì lửa không phải là một thực thể mà chỉ là một hiện tượng.

Chính sự khác nhau cơ bản về quan niệm này giữa khoa học lịch sử và luật học đã cho phép khoa luật học tha hồ bàn bạc về cách tổ chức quyền lực và bản chất của quyền lực được quan niệm như một cái gì tồn tại một cách im lìm bất động ở bên ngoài thời gian, nhưng đối với vấn đề lịch sử đề cập đến ý nghĩa của một quyền lực thay đổi theo thời gian, thì nó không thể đưa ra một lời giải đáp nào.

Nếu quyền lực là tổng số những ý muốn quần chúng trao cho người lãnh đạo, thì phải chăng Pugatsov là người đại biểu cho ý muốn của quần chúng? Nếu không phải thì tại sao Napôleông lại là người đại biểu? Tại sao Napôleông III[1] khi bị bắt ở Bulônhơ lại là một tên tội phạm, và tại sao sau đó tội phạm lại chính là những người mà ông ta bắt được?

Trong những cuộc đảo chính ở cung đình, đôi khi chỉ do hai hay ba người làm, phải chăng đó cũng là ý muốn của nhân dân trao cho con người mới được chọn? Trong những quan hệ quốc tế phải chăng ý muốn của bao nhiêu dân tộc được trao cho kẻ chinh

1. Napôleông III (1808-1873) cháu gọi Napôleông I bằng chú. Làm chủ tịch nước Pháp cộng hòa sau khi cách mạng 1848 thất bại. Bị phế truất sau khi Pháp bị Phổ đánh bại năm 1870.

phục họ? Phải chăng năm 1808 ý muốn của Liên minh sông Ranh được trao cho Napôleông? Phải chăng ý muốn của quần chúng nhân dân Nga năm 1809 được trao cho Napôleông khi quân đội Nga liên minh với quân đội Pháp để đánh quân Áo?

Có thể trả lời những câu hỏi này bằng ba cách khác nhau:

1. Hoặc thừa nhận rằng ý muốn của quần chúng bao giờ cũng được giao phó một cách vô điều kiện cho một hay những người cầm quyền mà nó đã chọn, và do đó, mọi sự xuất hiện của một quyền lực mới, mọi cuộc đấu tranh chống lại quyền lực này một khi nó đã được giao phó đều phải xem là một hành động vi phạm quyền lực chân chính.

2. Hoặc thừa nhận rằng ý muốn của quần chúng được trao cho những người cầm quyền với những điều kiện nhất định và rõ ràng, trong trường hợp ấy mọi hành động lấn quyền, mọi cuộc xung đột và thậm chí mọi hành động phá hoại cái quyền lực đã được thiết lập sở dĩ thực hiện được đều là do ở chỗ những người cầm quyền không tuân theo những điều kiện kèm theo việc trao quyền lực cho họ.

3. Hoặc thừa nhận rằng ý muốn của quần chúng được trao cho những người cầm quyền một cách có điều kiện, nhưng đó là những điều kiện mơ hồ, không ai biết rõ và sự xuất hiện của những quyền lực khác, những cuộc tranh giành và sự sụp đổ của nó chẳng qua là do ở mức độ những người cầm quyền đã thực hiện đúng hay sai những điều kiện mơ hồ đó mà ý muốn của quần chúng chuyển từ một người này sang một người khác.

Các sử gia cắt nghĩa quan hệ giữa quần chúng với những người cầm quyền bằng ba cách như vậy.

Chỉ có những sử gia vì quá thật thà mà không hiểu vấn đề quyền lực, chỉ có những sử gia chuyên sử và những tác giả viết tiểu sử cá nhân nói trên mới dường như thừa nhận rằng tổng số ý muốn của quần chúng được trao cho các nhân vật lịch sử một cách

vô điều kiện, vì vậy trong khi miêu tả một quyền lực nào đó thì các sử gia này giả thiết rằng quyền lực này là quyền lực duy nhất tuyệt đối và chính đáng, và bất cứ lực lượng nào khác chống lại cái quyền lực chân chính này đều không phải là quyền lực mà là một hành động vi phạm quyền lực, một hành vi bạo ngược.

Lý thuyết của họ thích hợp với những thời kỳ nguyên thủy và hòa bình của lịch sử, nhưng đem áp dụng vào những thời kỳ phức tạp và bão táp của đời sống các dân tộc, khi trong cùng một lúc có nhiều quyền lực khác nhau xuất hiện và đấu tranh với nhau, thì nó lại có điều bất tiện là một sử gia thuộc phái chính thống sẽ chứng minh rằng Quốc dân hội nghị, ủy ban Đốc chính và Bônapactơ đều chỉ là những kẻ phá hoại quyền lực, trái lại một người theo phái cộng hòa và một người theo phái Bônapactơ sẽ chứng minh khác, người thứ nhất nói rằng Quốc dân hội nghị, người thứ hai nói rằng Đế chế là những quyền lực chân chính, và tất cả những thứ khác đều là những hành động vi phạm quyền lực. Hiển nhiên là trong khi bác bỏ lẫn nhau như vậy, những cách giải thích về quyền lực mà các sử gia này đưa ra chỉ có thể làm thỏa mãn những đứa trẻ rất ít tuổi.

Thừa nhận tính chất sai lầm của cách quan niệm lịch sử như vậy, một loại sử gia khác nói rằng quyền lực căn cứ vào việc trao có điều kiện cho những người cầm quyền toàn bộ những ý muốn của quần chúng và các nhân vật lịch sử chỉ nắm quyền lực với điều kiện họ thực hiện cái chương trình mà ý muốn của quần chúng đã định cho họ bằng một sự thỏa thuận thầm lặng. Nhưng những điều kiện này là gì, thì các sử gia này không nói cho chúng ta biết, hay có nói chăng nữa thì cũng luôn luôn mâu thuẫn với nhau.

Mỗi sử gia, tùy theo quan niệm của mình về mục đích vận động của một dân tộc, sẽ tìm thấy những điều kiện này trong sự vĩ đại, sự giàu có, nền tự do, trình độ học vấn của quốc dân nước Pháp hay một nước nào khác. Nhưng dù không kể đến những mâu

thuần giữa các sử gia về những điều kiện này, thậm chí dù có giả định rằng tất cả các nhà sử học đều có một cương lĩnh chung về những điều kiện ấy, ta cũng sẽ nhận thấy rằng các sự kiện lịch sử hầu như bao giờ cũng mâu thuẫn với lý thuyết này. Nếu những điều kiện của việc trao chính quyền là ở sự giàu có, ở quyền tự do, trình độ học vấn của quốc dân, thì tại sao những Luy XIV và những Ivan IV lại trị vì một cách êm thấm suốt triều đại của mình, trái lại những Luy XVI và những Sáclơ I[1] lại bị nhân dân chặt đầu? Để trả lời câu hỏi này, các sử gia nói rằng những hành động của Luy XIV, trái với cương lĩnh hưởng đến Luy XVI. Nhưng nếu vậy tại sao nó lại không ảnh hưởng đến Luy XIV và Luy XV? Tại sao nó lại đợi đến Luy XVI mới có ảnh hưởng? Ảnh hưởng này phải đợi một thời hạn bao lâu mới có tác dụng? Những câu hỏi này không có và không thể có cách nào giải đáp. Cũng vậy, theo lý thuyết này người này không cắt nghĩa được vì lý do gì toàn bộ những ý muốn trong mấy thế kỷ vẫn nằm trong tay những người cầm quyền và những kẻ kế tục họ, thế rồi sau đó, đùng một cái, trong vòng năm mươi năm nó lại lần lượt được trao cho Quốc dân hội nghị, Đốc chính, Napôleông, Alekxandr, Luy XVIII, rồi lại cho Napôleông, Sáclơ X, Luy Philip, chính phủ cộng hòa năm 1848, Napôleông III?

Muốn cắt nghĩa những sự chuyển di nhanh chóng của quyền lực từ một người này sang một người khác, nhất là ở giữa những quan hệ quốc tế phức tạp, những cuộc chinh phục và những khối liên minh, ngay các sử gia này cũng phải thừa nhận, trái với ý muốn của họ, rằng một bộ phận những biến cố này không phải là do sự giao phó ý muốn của quần chúng một cách quy luật, mà là những việc ngẫu nhiên, lệ thuộc vào một mưu mô, hay một sai lầm, hay sự xảo quyệt, hay tính nhu nhược của một nhà ngoại giao,

1. Luy XIV vua Pháp cai trị từ 1643 đến 1715; Ivan IV vua Nga từ 1533 đến 1584; Luy XIV vua Pháp từ 1774 bị cách mạng Pháp xử tử năm 1793; Saclơ I vua Anh từ 1600 đến 1649 bị cách mạng Anh xử tử năm 1649.

của một ông vua hay của một lãnh tụ chính đáng. Thành thử phần lớn những biến cố lịch sử, những cuộc nội chiến, những cuộc cách mạng, những cuộc chinh phục đối với các sử gia này không còn là sản phẩm của sự giao phó những ý muốn tự do, mà là sản phẩm của ý muốn sai lầm của một người hay của nhiều người, tức cũng lại là những hành động vi phạm quyền lực. Và do đó, ngay các sử gia thuộc loại này cũng trình bày các biến cố lịch sử như những hiện tượng trái với lý thuyết.

Các sử gia này cũng giống như một nhà thực vật học sau khi nhận thấy rằng có một số cây sinh ra từ những hạt giống có hai lá mầm, liền khẳng định rằng tất cả các thực vật đều mọc từ hai chiếc lá mầm, và do đó, cây cọ, cây nấm và ngay cả cây sồi khi đã phát triển đầy đủ không có hai lá mầm nữa đều là những hiện tượng trái quy luật.

Các sử gia thuộc loại thứ ba thừa nhận rằng ý muốn của quần chúng được trao một cách có điều kiện cho một nhân vật lịch sử, nhưng ta không biết được những điều này. Họ nói rằng các nhân vật lịch sử có quyền lực chỉ vì họ thực hiện ý muốn mà quần chúng đã giao phó cho họ.

Nhưng nếu sức mạnh làm các dân tộc vận động không phải nằm trong các nhân vật lịch sử, mà nằm trong bản thân các dân tộc, thì ý nghĩa của các nhân vật lịch sử này là ở chỗ nào?

Các nhân vật lịch sử, theo các sử gia này, biểu hiện ý muốn của quần chúng, hoạt động của các nhân vật lịch sử đại diện cho hoạt động của quần chúng.

Nhưng nếu thế thì có một vấn đề đặt ra, là phải chăng toàn bộ hoạt động của các nhân vật lịch sử đều thể hiện ý muốn của quần chúng hay chỉ một mặt nào đó trong hoạt động của họ mà thôi? Nếu toàn bộ hoạt động của các nhân vật lịch sử đều thể hiện ý muốn của quần chúng, như một vài người quan niệm, thì các bộ sách tiểu sử của những Napôleông, những Ekatêrina với tất cả

những chi tiết của nó về những chuyện ngồi lê đôi mách trong cung đình, cũng đều biểu hiện sinh hoạt của các dân tộc, và điều đó hiển nhiên là vô lý. Trái lại, nếu chỉ có một mặt hoạt động của nhân vật lịch sử thể hiện đời sống của các dân tộc, như một vài sử gia khác mang danh là những sử gia triết học quan niệm thì muốn xác định xem mặt nào trong hoạt động của họ thể hiện đời sống của dân tộc, trước hết ta phải biết đời sống của dân tộc là cái gì đã.

Đứng trước khó khăn này, các sử gia thuộc loại thứ ba đã nghĩ ra một khái niệm trừu tượng mơ hồ nhất, khó nắm nhất và khái quát nhất, có thể bao quát một số lượng sự kiện lớn nhất, và nói rằng khái niệm trừu tượng này chính là mục đích của sự vận động của nhân loại. Những khái niệm trừu tượng thông thường nhất là khái quát nhất được hầu hết các sử gia chấp nhận là: tự do, bình đẳng, tiến hóa, văn minh, văn hóa, giáo dục. Sau khi đã cho mục đích cuộc vận động của nhân loại là một khái niệm trừu tượng nào đó trong số những khái niệm trừu tượng này, các sử gia nghiên cứu những nhân vật đã để lại nhiều kỷ niệm nhất, vua chúa, bộ trưởng, tướng tá, các tác gia, các nhà cải cách, các giáo hoàng, các nhà báo, nhưng chỉ trong chừng mực mà theo y học các nhân vật này đã góp phần ủng hộ khái niệm trừu tượng này hay chống lại nó. Nhưng vì không có gì chứng minh rằng mục đích của nhân loại là tự do, bình đẳng, giáo dục hay văn minh, và vì mối liên hệ giữa quần chúng với những người cầm quyền và những nhà cải cách của nhân loại chỉ căn cứ vào một giả thiết độc đoán cho rằng toàn bộ những ý muốn của quần chúng bao giờ cũng trao cho những nhân vật được chúng ta chú ý nhất, cho nên hoạt động của hàng triệu con người đã di chuyển, đốt nhà, bỏ việc đồng áng, chém giết lẫn nhau, quyết không bao giờ có thể thấy được thể hiện trong những sách vở miêu tả hoạt động của một chục nhân vật là những kẻ không đốt nhà, không cày cấy, không chém giết lẫn nhau.

Mỗi một trang sử đều chứng minh điều đó. Cuộc vận động của

các dân tộc ở phương Tây vào cuối thế kỷ vừa qua và việc họ muốn tiến về phương Đông phải chăng có thể cắt nghĩa bằng hoạt động của Luy XIV, của Luy XV, và Luy XVI, của những cô tình nhân, của những ông bộ trưởng của họ, bằng thân thể của Napôleông của Ruxô, của Điđrô, của Bômarse và của những người khác?

Cuộc vận động của dân tộc Nga về phía Đông, về phía Kazan và Xibir phải chăng có thể cắt nghĩa bằng những chi tiết trong cái tính cách bệnh tật của Ivan IV và bằng những thư từ ông ta trao đổi với Kurxki?

Cuộc vận động của các dân tộc trong thời kỳ Thập tự chinh phải chăng có thể cắt nghĩa bằng lịch sử của thân thế của những Godfuê của những Xanh Luy và các công nương của họ? Đối với chúng cuộc vận động này của các dân tộc từ phương Tây sang phương Đông, không mục đích, không có người cầm đầu, với một đoàn người lang thang, với Pier Ẩn sĩ[1], vẫn là một điều không thể hiểu được. Và có một điều còn khó hiểu hơn nữa là cuộc vận động này dừng lại khi những người lãnh đạo của nó đã đưa ra cho Thập tự quân một mục đích hợp lý và thiêng liêng là giải phóng Jêruxalem. Các giáo hoàng, các vị vua và các hiệp sĩ cổ vũ nhân dân giải phóng đất Thánh, nhưng nhân dân không đi bởi vì cái nguyên nhân bí ẩn trước đây đã khiến cho họ đi giờ không còn nữa. Lịch sử của những Godfruê[2] và những người hát rong dĩ nhiên không thể nào bao quát được đời sống các dân tộc. Và trái lại lịch sử của đời sống và các dân tộc và của những yếu tố thúc đẩy họ vẫn là một điều chưa được biết đến.

Lịch sử các nhà văn và các nhà cải cách lại còn ít cắt nghĩa được đời sống của các dân tộc hơn nữa.

Văn hóa sử cắt nghĩa cho chúng ta những động cơ, những điều kiện sinh hoạt và những ý nghĩ của một nhà văn hóa hay một nhà

1. Tu sĩ Pháp cổ động cho cuộc Thập tự chinh thứ nhất.
2. Một người lãnh đạo cuộc Thập tự chinh thứ nhất.

cải cách. Chúng ta biết rằng Luyte là người hay nổi nóng, và đã nói một số câu nào đấy, chúng ta biết rằng Ruxô có tính đa nghi và đã viết những quyển sách nào đấy, nhưng chúng ta vẫn không biết tại sao, sau cuộc cải cách tôn giáo các dân tộc lại giết nhau và tại sao trong cuộc Cách mạng Pháp người ta lại xử tử nhau như vậy.

Nếu tập hợp cả hai thứ lịch sử này lại làm một, như các sử gia hiện đại vẫn làm, thì đó sẽ là lịch sử các vua chúa và các nhà văn chứ không phải lịch sử đời sống của các dân tộc.

V

Đời sống của các dân tộc không nằm gọn trong đời sống của một vài người, bởi vì người ta vẫn chưa tìm ra được mối liên hệ giữa số người này với các dân tộc. Lý thuyết cho rằng mối liên hệ này căn cứ vào sự trao gửi toàn bộ ý muốn của quần chúng vào một nhân vật nhất định chỉ là một giả thiết không được kinh nghiệm lịch sử xác nhận.

Lý thuyết này có lẽ cắt nghĩa được nhiều việc thuộc lĩnh vực luật học và, có lẽ nó cần thiết đối với những mục đích của ngành khoa học này, nhưng nếu đem ứng dụng vào lịch sử thì ta thấy rằng hễ xảy ra những cuộc cách mạng, những cuộc chinh phục, những cuộc nội chiến, hễ lịch sử bắt đầu, là lý thuyết này không cắt nghĩa được gì nữa.

Lý thuyết này có vẻ không thể bác được chính vì hành động trao gửi ý muốn của quần chúng là một hành động không thể kiểm nghiệm được.

Dù cho biến cố xảy ra là biến cố gì, dù người lãnh đạo biến cố này là ai, thì lý thuyết kia bao giờ cũng có thể nói rằng con người lãnh đạo biến cố này chính vì toàn bộ ý muốn đã được trao gửi cho hắn.

Những câu trả lời mà lý thuyết này đưa ra để giải đáp các vấn đề lịch sử cũng giống như những câu trả lời của một người khi nhìn thấy một đoàn súc vật đang đi, chỉ căn cứ vào con vật đi đầu đàn cắt nghĩa hướng đi của nó chứ không kể gì đến phẩm chất khác nhau của những đám cỏ trên đồng, cũng không kể đến hoạt động của người chăn súc vật.

"Đoàn súc vật đi hướng này bởi vì con đầu đàn dẫn nó, và tổng số những ý muốn của tất cả những con khác được chuyển vào con đầu đàn này". Đó là cách trả lời của loại sử gia thứ nhất, những người thừa nhận sự trao gửi quyền lực một cách vô điều kiện.

"Nếu những con đầu đàn thay đổi, thì đó là do tổng số ý muốn của tất cả những con vật chuyển từ một con đầu đàn này sang một con đầu đàn khác, tùy ở chỗ con này có dẫn chúng theo hướng mà cả đàn đã chọn hay không. Đó là cách trả lời của những sử gia chủ trương tổng số ý muốn của quần chúng được trao cho những người lãnh đạo căn cứ vào những điều kiện mà họ cho là đã biết (với phương pháp quan sát này thường xảy ra tình trạng sau đây, người quan sát tùy theo phương hướng mình đã chọn, cho người lãnh đạo là những người mà, do sự thay đổi hướng đi của quần chúng, không đi hàng đầu nữa mà đi bên cạnh hoặc đôi khi đi sau rốt).

"Nếu những con vật đi đầu đàn luôn luôn thay đổi, và phương hướng của cả đoàn súc vật luôn luôn thay đổi thì đó là để đạt đến cái hướng mà chúng ta đã biết, lũ súc vật trao ý muốn của chúng cho những con vật mà chúng ta phân biệt được trong số những con vật khác. Do đó, muốn nghiên cứu sự vận động của đoàn súc vật, ta phải quan sát tất cả những con vật mà chúng ta trông thấy, dù chúng đang đi ở phía nào của đàn súc vật". Đó là cách nói của những sử gia thuộc loại thứ ba, tức là những kẻ quan niệm rằng tất cả những nhân vật lịch sử từ những ông vua đến những nhà báo đều là biểu hiện của thời đại của họ.

Lý thuyết trao gửi ý muốn của quần chúng vào những nhân

Theo thói quen cũ tin rằng có sự can thiệp của thần linh vào công việc của loài người, các sử gia muốn tìm nguyên nhân của một biến cố ở ý muốn của một nhân vật nắm quyền lực, những quan niệm này không được lý luận cũng như kinh nghiệm xác nhận.

Một mặt thì sự suy luận cho thấy rằng sự biểu hiện ý chí của một người, tức là những lời nói của người ấy – chỉ là một bộ phận của hoạt động chung được biểu hiện trong một biến cố, chẳng hạn trong một cuộc chiến tranh hay một cuộc cách mạng.

Do đó, nếu không thừa nhận sự tồn tại của một sức mạnh không thể hiểu được, siêu tự nhiên, tức là sự tồn tại của phép thần thông, thì người ta không thể thừa nhận rằng lời nói có thể là nguyên nhân trực tiếp của sự vận động của hàng triệu con người. Một mặt khác, dù có thừa nhận rằng lời nói có thể là nguyên nhân của một biến cố thì lịch sử cũng cho thấy rằng sự biểu hiện ý chí của những nhân vật lịch sử trong nhiều trường hợp không gây nên một tác dụng gì, nghĩa là không những các mệnh lệnh của họ không được thực hiện mà nhiều khi sự việc xảy ra còn trái hẳn với mệnh lệnh của họ.

Nếu không thừa nhận sự can thiệp của thần linh và các công việc của nhân loại thì ta không thể nào xem quyền lực là nguyên nhân của các biến cố.

Quyền lực, xét về mặt kinh nghiệm, chỉ là mối lệ thuộc giữa sự biểu hiện ý muốn của một nhân vật và việc những con người khác thi hành ý muốn ấy.

Để cắt nghĩa những điều kiện của mối lệ thuộc này, trước hết ta phải phục hồi khái niệm biểu hiện ý muốn bằng cách ứng dụng nó cho con người chứ không phải cho thần linh.

Nếu thần linh ra lệnh biểu hiện ý muốn của mình, như lịch sử cổ đại thường cho ta thấy, thì sự biểu hiện ý muốn này không lệ thuộc vào thời gian, cũng không do một cái gì gây ra cả, bởi vì thần linh không có liên hệ gì với biến cố. Nhưng khi nói đến những

vật lịch sử chỉ là một lối giải thích quanh co, chỉ là một cách nêu lại vấn đề bằng những danh từ khác mà thôi.

Nguyên nhân của các biến cố lịch sử là cái gì? – Là quyền lực. Quyền lực là cái gì? – Là tổng số những ý muốn trao gửi cho một nhân vật duy nhất. Ý muốn của quần chúng được trao cho một nhân vật duy nhất với những điều kiện nào? – Với điều kiện con người này biểu hiện ý muốn của toàn thể, nghĩa là biểu hiện quyền lực. Nói khác đi, quyền lực là một danh từ mà chúng ta không thể hiểu ý nghĩa được.

Nếu lĩnh vực của tri thức loài người chỉ là giới hạn trong tư duy trừu tượng mà thôi, thì nhân loại sau khi phê phán cách giải thích về quyền lực mà khoa học đưa ra, sẽ đi đến kết luận rằng quyền lực chẳng qua là một danh từ suông, chứ trong thực tế không tồn tại. Nhưng để nhận thức các hiện tượng ngoài tư duy trừu tượng, con người còn có một công cụ khác là kinh nghiệm, mà nó dùng để kiểm tra những kết quả của tư duy. Và kinh nghiệm nói rằng quyền lực không phải là một danh từ suông mà là một hiện tượng tồn tại thực sự.

Chưa kể là không có sự miêu tả nào về những hoạt động tập thể của con người lại có thể không dùng đến khái niệm quyền lực, sự tồn tại của quyền lực đã được lịch sử cũng như việc quan sát các biến cố hiện đại chứng minh.

Mỗi khi diễn ra một biến cố, bao giờ cũng thấy một người hay nhiều người xuất hiện và biến cố ấy có vẻ như diễn ra theo ý muốn của họ. Napôleông III ra lệnh, thế là người Pháp đi Mếcxích. Vua nước Phổ và Bismac ra lệnh, thế là quân đội của họ đi đến Bôhem, Napôleông I ra lệnh, thế là quân đội của ông ta tiến vào nước Nga. Alekxandr ra lệnh, thế là người Pháp phục tùng dòng họ Buôclông. Kinh nghiệm cho ta thấy rằng bất kỳ một biến cố như thế nào diễn ra, bao giờ nó cũng gắn liền với ý muốn của một hay những người đã ra lệnh thực hiện nó.

mệnh lệnh tức là những sự biểu hiện ý muốn của những con người hoạt động trong thời gian và bị ràng buộc với nhau, thì muốn cắt nghĩa mối liên hệ giữa các mệnh lệnh với các biến cố, ta cần phải phục hồi: 1. điều kiện của tất cả những việc đã xảy ra, tức là sự vận động liên tục trong thời gian của những biến cố cũng như của con người đã ra lệnh và. 2. điều kiện của mối liên hệ tất yếu giữa người ra lệnh và những kẻ thi hành mệnh lệnh của người ấy.

VI

Chỉ có ý muốn của một vị thần linh không lệ thuộc vào thời gian mới có thể ảnh hưởng đến cả một loạt biến cố xảy ra trong vòng vài năm hay vài thế kỷ, chỉ có thần linh mới có thể dùng ý muốn của riêng mình để quy định phương hướng vận động của nhân loại mà không bị cái gì hạn chế. Trái lại, con người hoạt động trong thời gian và bản thân nó tham dự vào các biến cố.

Trong khi khôi phục lại điều kiện thứ nhất bị bỏ qua, tức là điều kiện thời gian, ta sẽ thấy rằng không có một mệnh lệnh nào có thể được thực hiện nếu không có một mệnh lệnh đi trước khiến cho nó có thể thực hiện được.

Không bao giờ một mệnh lệnh nào xuất hiện một cách tự phát và chứa đựng cả một loạt biến cố mà mệnh lệnh nào cũng xuất phát từ một mệnh lệnh khác, và không bao giờ liên quan đến cả một loạt biến cố mà chỉ liên quan đến một giây phút duy nhất của biến cố.

Chẳng hạn khi ta nói Napôleông ra lệnh cho quân đội xuất chinh, tức là ta đã quy lại trong một mệnh lệnh duy nhất được ban bố trong một giây phút nhất định, cả một loạt mệnh lệnh kế tiếp nhau và lệ thuộc vào nhau. Napôleông không thể ra mệnh lệnh

xuất chinh sang Nga và không bao giờ ra mệnh lệnh ấy. Hôm nay ông ta ra mệnh lệnh gửi những công văn nào đó đến Viên, đến Bá linh, đến Pêterburg , hôm sau ông ta lại chuyển những sắc lệnh và những nhật lệnh nào đó đến quân đội, đến hạm đội, đến cục quân nhu v.v... ông ta đã ra hàng triệu mệnh lệnh trong đó có cả một loạt mệnh lệnh tương ứng với một loạt biến cố đã đưa quân đội Pháp đến nước Nga.

Trong suốt thời gian trị vì, Napôleông ra những mệnh lệnh về cuộc viễn chinh sang Anh, ông ta chưa bao giờ hao phí nhiều tâm lực và thời gian như vậy cho bất kỳ kế hoạch nào khác, tuy vậy trong suốt thời gian trị vì, ông ta không bao giờ thực hiện kế hoạch ấy. Trái lại, ông ta đã thực hiện cuộc viễn chinh sang Nga, mặc dầu ông ta thường phát biểu rằng liên minh với nước Nga là có lợi. Sở dĩ như vậy là vì những mệnh lệnh của ông về nước Anh không phù hợp với cả một loạt biến cố, trái lại những mệnh lệnh về nước Nga thì lại phù hợp.

Muốn cho một mệnh lệnh được chấp hành một cách chắc chắn thì nó phải được ban ra dưới một hình thức có thể thực hiện được. Nhưng không thể nào biết được cái gì là có thể thực hiện hay không thể thực hiện, không những đối với cuộc viễn chinh của Napôleông chống lại nước Nga, trong đó có hàng triệu người tham dự, mà ngay cả đối với một biến cố ít phức tạp nhất cũng vậy bởi vì trong cả hai trường hợp này việc thực hiện bao giờ cũng có thể gặp hàng triệu trở ngại. Bên cạnh một mệnh lệnh được thực hiện bao giờ cũng có một số lớn mệnh lệnh không được thực hiện. Tất cả những mệnh lệnh không thể thực hiện đều không liên quan đến biến cố và không được chấp hành. Chỉ có những mệnh lệnh có thể thực hiện mới gắn liền với nhau làm thành một loạt mệnh lệnh nhất trí với nhau, tương ứng với các biến cố, và được chấp hành.

Sở dĩ ta có quan niệm sai lầm cho rằng mệnh lệnh đi trước biến cố và là nguyên nhân khiến cho biến cố xảy ra là vì khi biến cố

xảy ra và trong số hàng nghìn mệnh lệnh được ban ra, chỉ có những mệnh lệnh liên quan không được chấp hành bởi vì không thể nào chấp hành được. Ngoài ra, nguyên nhân chính khiến chúng ta sai lầm về mặt này là trong cách trình bày của sử học, cả một loạt gồm vô số những biến cố khác nhau hết sức nhỏ nhặt, chẳng hạn tất cả những biến cố đã đưa quân đội Pháp đến nước Nga, đều bị khái quát hóa thành một biến cố duy nhất, dựa vào kết quả của những biến cố kia và cứ theo lời khái quát hóa ấy người ta quy cả một loạt mệnh lệnh thành một sự biểu hiện ý muốn duy nhất.

Chúng ta nói: Napôleông muốn và được thực hiện cuộc viễn chinh sang Nga. Nhưng thật ra, trong toàn bộ hoạt động của Napôleông, ta sẽ không tìm thấy có cái gì giống như sự biểu hiện của ý muốn ấy, trái lại ta sẽ thấy những loạt mệnh lệnh hay những loạt biểu hiện ý muốn của ông ta, có những phương hướng hết sức đa dạng, hết sức mơ hồ. Trong vô số những mệnh lệnh của Napôleông có một loạt mệnh lệnh nhất định đã được chấp hành, nhằm tiến hành cuộc viễn chinh năm 1812, không phải vì những mệnh lệnh này có gì khác những mệnh lệnh không được chấp hành, mà chính vì loạt mệnh lệnh này đã phù hợp với một loạt biến cố đã đưa quân đội Pháp sang Nga. Điều đó cũng giống như khi dùng một cái khuôn dùng để vẽ hình, người ta có được hình này hay hình khác không phải vì người ta đã bôi màu ở một chỗ nào đó, theo một cách thức nào đó, mà vì người ta đã lấy màu bôi lên khắp khuôn.

Do đó, khi ta quan sát quan hệ giữa các mệnh lệnh với các sự kiện ở trong thời gian, ta sẽ nhận thấy rằng một mệnh lệnh không bao giờ có thể là nguyên nhân của một biến cố, nhưng ở giữa hai cái đó có một mối liên hệ lệ thuộc nhất định.

Để hiểu rõ mối quan hệ này là cái gì, cần phải khôi phục một điều kiện khác, đã bị bỏ qua, khi nói đến bất kỳ mệnh lệnh gì không phải do thần linh mà chính do con người ban bố, đó là việc bản thân con người ra mệnh lệnh cũng tham dự vào biến cố.

Chính mối quan hệ này giữa người ra mệnh lệnh và những người chấp hành mệnh lệnh là cái mà người ta gọi là quyền lực. Nội dung của mối quan hệ ấy như sau:

Để cùng hoạt động, con người bao giờ cũng tập hợp lại thành những tập thể nhất định, trong mỗi tập thể này tùy mỗi người có một mục đích khác nhau nhưng quan hệ giữa những người tham gia hành động bao giờ cũng giống nhau.

Trong khi tập hợp lại như vậy, giữa những con người ấy bao giờ cũng có mối quan hệ khiến đại đa số tham gia một cách trực tiếp nhất còn thiểu số tham gia một cách ít trực tiếp nhất vào hành động chung đã khiến họ phải tập hợp.

Trong tất cả các tập thể mà con người lập nên để thực hiện những hành động chung, một tập thể rõ rét nhất và minh xác nhất là quân đội.

Quân đội nào cũng gồm những thành phần thấp nhất về quân hàm, đó là binh sĩ, họ bao giờ cũng là tối đại đa số, rồi đến những người trên họ một bậc là các hạ sĩ, các trung sĩ, với số lượng ít hơn, rồi đến những cấp cao hơn, với một số lượng còn ít hơn nữa, và cứ như thế cho đến quyền chỉ huy tối cao tập trung vào một nhân vật duy nhất.

Tổ chức quân sự có thể biểu trưng một cách hoàn toàn chính xác bằng một hình nón mà đáy là binh sĩ, những tiết diện ở trên đấy là những cấp bậc của quân đội theo thứ tự từ thấp đến cao và cứ thế cho đến điểm chóp của hình nón là vị tổng chỉ huy.

Binh sĩ, vốn chiếm tối đại đa số, là những điểm thấp của hình nón và là cơ sở của nó. Binh sĩ trực tiếp đâm, chém, đốt nhà, cướp của và bao giờ họ cũng nhận được lệnh làm những việc ấy do những cấp trên ban ra, chứ họ không bao giờ ra lệnh. Các hạ sĩ quan (số các hạ sĩ quan đã ít hơn số lính) trực tiếp hành động ít hơn binh sĩ, nhưng họ đã có ra lệnh. Sĩ quan còn ít tham dự vào hành động trực

tiếp hơn và ra lệnh nhiều hơn. Viên tướng chỉ huy cách hành quân, chỉ định mục tiêu cho quân đội và hầu như không bao giờ dùng đến vũ khí. Còn vị tổng tư lệnh thì không bao giờ tham dự trực tiếp vào hành động mà chỉ đưa ra những mệnh lệnh chung về cách vận chuyển của đại quân. Quan hệ này giữa người với người cũng thấy có trong mọi tập đoàn lập nên nhằm thực hiện một hành động chung trong nông nghiệp, trong thương nghiệp hay trong bất kỳ công việc gì.

Như vậy, không cần phải tăng thêm một cách giả tạo những tiết diện ngang của hình nón, tức là tăng thêm tất cả những cấp bậc của quân đội hay tất cả những chức tước và địa vị của bất kỳ cơ quan nào, hay của bất kỳ tổ chức tập thể nào, từ dưới lên trên ta đều thấy cái quy tắc sau đây: để thực hiện một hành động chung, con người bao giờ cũng phải ở trong một mối quan hệ nhất định biểu hiện ở chỗ những người càng tham dự trực tiếp vào hành động thì càng ít có thể chỉ huy và số lượng càng lớn, trái lại những người càng ít tham dự trực tiếp vào hành động thì càng chỉ huy nhiều hơn và số lượng càng nhỏ hơn. Ta cứ đi từ thấp lên cao như vậy cho đến con người duy nhất và cuối cùng là con người tham dự ít nhất vào biến cố và quyền ban bố mệnh lệnh nhiều hơn tất cả những người khác.

Chính quan hệ này giữa những người chỉ huy và những người bị chỉ huy là thực chất của cái khái niệm mà ta gọi là quyền lực.

Trong khi khôi phục lại những điều kiện thời gian trong đó các biến cố xảy ra, ta đã nhận thấy rằng một mệnh lệnh chỉ được chấp hành khi có liên quan đến cả một loạt biến cố tương ứng. Và trong khi khôi phục lại điều kiện tất yếu của mối quan hệ giữa người ra lệnh với người chấp hành, ta thấy rằng những người ra lệnh, do chính bản chất của họ, ít tham dự vào biến cố hơn và hoạt động của họ chỉ thuần túy hướng vào việc ra mệnh lệnh.

VII

Khi một biến cố xảy ra, người ta bày ý kiến và ước mong của mình về biến cố này, và vì biến cố bắt nguồn từ hành động chung của nhiều người, nên thế nào cũng có một ý kiến hay một ước mong được thực hiện, ít nhất là một cách đại khái. Khi một ý kiến phát biểu được thực hiện, trong trí óc ta ý kiến này gắn liền với biến cố, và được coi là một mệnh lệnh đi trước biến cố ấy.

Mấy người kéo một cây gỗ. Mỗi người phát biểu ý kiến của mình về cách kéo nó và nơi đặt nó. Công việc đã xong và người ta thấy nó được tiến hành như một người trong bọn đã nói. Thế nghĩa là người này đã ra lệnh: mệnh lệnh và quyền lực ở dạng nguyên thủy của nó là như vậy.

Kẻ làm việc bằng tay nhiều hơn thì có thể ít suy nghĩ đến việc mình làm hơn, ít suy tính đến kết quả của hành động chung hơn, và ít ra lệnh hơn. Người nào chỉ huy nhiều hơn thì dĩ nhiên có thể ít vận dụng đôi tay hơn, vì anh ta chuyên dùng ngôn ngữ. Số người tập trung để hướng hoạt động của họ vào một mục đích duy nhất càng đông, thì càng nổi bật những hạng người ít tham dự trực tiếp vào hoạt động chung và hoạt động của họ càng hướng vào việc ra mệnh lệnh.

Khi một con người hoạt động đơn độc thì bao giờ nó cũng có một số lý do, mà nó cho là đã chỉ huy hoạt động trước đây của nó, biện hộ cho hoạt động hiện tại của nó và hướng dẫn nó trong việc dự định những hành động sau này. Các tập thể người cũng làm đúng như vậy, khi giao cho những người không tham gia hành động cái nhiệm vụ nghĩ ra những nguyên do, những lý lẽ để biện hộ và những dự định cho hành động chung của họ.

Vì những lý do mà ta biết rõ hay không biết rõ, người Pháp bắt đầu dìm nhau chết đuối và chém giết nhau. Thế rồi biến cố này kéo theo cách biện hộ của nó: đó là sự biểu hiện ý muốn của những con người cho rằng điều đó là cần thiết cho quyền lợi của nước Pháp, cho tự do, và bình đẳng. Người ta thôi giết nhau, và biến cố này kéo dài theo cách biện hộ của nó: đó là sự cần thiết phải tập trung quyền lực, phải chống lại châu Âu v.v... Người ta đi từ Tây sang Đông để tàn sát đồng loại, và biến cố này kéo theo những lý lẽ biện hộ nói về vinh quang của nước Pháp về sự hèn hạ của nước Anh v.v... Lịch sử đã cho thấy rằng những cách bào chữa cho các biến cố như vậy không có một giá trị khách quan nào hết, nó mâu thuẫn với bản thân cũng như nói rằng giết người là để bảo vệ nhân quyền, tàn sát hàng triệu con người ở nước Nga là để làm nhục nước Anh. Nhưng những lời biện hộ này đối với những người đương thời có một tác dụng không thể thiếu được.

Những lời biện hộ này làm cho những người đã gây ra các biến cố khỏi chịu trách nhiệm về tinh thần. Những mục đích tạm thời này cũng giống như cái gạt đặt ở phía trước đầu máy tàu hỏa để dọn đường sắt: nó dọn đường cho trách nhiệm tinh thần của con người. Nếu không có những lời biện hộ này thì người ta không thể trả lời câu hỏi đơn giản nhất được nêu ra khi xét đến bất kỳ biến cố gì: tại sao hàng triệu con người lại có thể phạm những tội ác tập thể, chiến tranh, tàn sát v.v...?

Trong những hình thức sinh hoạt chính trị và xã hội phức tạp ở châu Âu có thể nào tưởng tượng một biến cố nào mà lại không được các quốc vương, các bộ trưởng, các quốc hội, các báo chí, dự kiến, chỉ thị, ra lệnh? Có thể nào có một hoạt động tập thể mà lại không tìm thấy lý do biện hộ cho nó trong sự thống nhất của quốc gia, trong nhiệm vụ bảo vệ dân tộc văn minh, trong thế quân bình của châu Âu, kết quả là bất kỳ biến cố nào đã xảy ra cũng đều phù hợp với một nguyện vọng được phát biểu, và một khi đã được biện

hộ, thì nó được xem xét như sản phẩm của ý muốn một người hay nhiều người.

Bất kỳ chiếc tàu thủy đi về hướng nào, bao giờ người ta cũng sẽ thấy ở trước tàu những làn sóng bị chiếc tàu rẽ ra. Đối với những người đứng trên tàu thì sự vận động của những làn sóng này sẽ là sự vận động duy nhất có thể thấy được.

Chỉ khi nào quan sát gần, từng thời từng khắc, sự vận động của những làn sóng ấy và so sánh nó với sự vận động của chiếc tàu thì ta mới hiểu rằng sự vận động của mỗi làn sóng lúc nào cũng bị sự vận động của chiếc tàu quy định và sở dĩ ta lầm chính là vì ta không thấy mình đang chuyển động.

Ta cũng sẽ thấy như vậy nếu theo dõi từng bước sự vận động của các nhân vật lịch sử (tức là nếu ta phục hồi lại điều kiện tất yếu của tất cả những gì đã xảy ra: tính liên tục của sự vận động trong thời gian) mà không bỏ qua mối liên hệ tất yếu giữa nhân vật lịch sử với quần chúng.

Khi chiếc tàu vẫn đi theo một hướng duy nhất thì ở đằng trước vẫn thấy có một làn sóng như cũ nổi lên, khi nó đổi hướng luôn thì những làn sóng chạy ở trước mũi cũng đổi hướng luôn. Nhưng bất kỳ nó quay về hướng nào, ở phía trước bao giờ cũng sẽ có một làn sóng.

Dù có việc gì xảy ra, bao giờ ta cũng thấy đó chính là việc đã được dự kiến và được ra lệnh. Dù cho chiếc tàu đi về hướng nào, nhưng làn sóng tuy không chỉ huy mà cũng không làm cho sự vận động của chiếc tàu nhanh hơn, vẫn cuộn lên ở trước mũi tàu, và nếu đứng ở đằng xa mà nhìn thì sẽ tưởng rằng không những nó có một sự vận động độc lập mà chính nó đã chỉ huy sự vận động của chiếc tàu.

Vì chỉ nghiên cứu những biểu hiện ý muốn nào của các nhân vật lịch sử, ta có thể coi là những mệnh lệnh đối với các biến cố, các sử gia tưởng rằng các biến cố lệ thuộc vào những mệnh lệnh này.

Nhưng nếu quan sát bản thân các biến cố và mối liên hệ giữa các nhân vật lịch sử với quần chúng thì ta nhận thấy nhân vật lịch sử cũng như mệnh lệnh của họ đều lệ thuộc vào các biến cố. Chứng cớ hiển nhiên của kết luận này là dù có bao nhiêu mệnh lệnh chăng nữa, biến cố vẫn không xảy ra, - bất luận đó là biến cố gì - thì trong số những ý muốn không ngừng được các nhân vật phát biểu ra thế nào cũng sẽ có những ý muốn mà cứ xét ý nghĩa và thời gian thì có thể coi là những mệnh lệnh đối với biến cố này.

Khi đã đi đến kết luận này, ta có thể đưa ra một câu trả lời rõ ràng và chắc chắn về hai vấn đề chủ yếu của lịch sử.

1. Quyền lực là gì?

2. Sức mạnh gì gây nên sự vận động của các dân tộc?

1. Quyền lực là mối quan hệ của một nhân vật nhất định với những vật khác dưới hình thức dưới đây: một nhân vật càng ít tham dự vào hành động thì càng phát biểu nhiều ý kiến, nhiều giả định và nhiều cách biện hộ cho hành động chung đang tiến hành.

2. Sự vận động của các dân tộc không phải là sản phẩm của quyền lực cũng như của hoạt động trí tuệ, thậm chí cũng không phải là sản phẩm của sự kết hợp giữa hai nhân tố này, như các sử gia vẫn tưởng, mà là hoạt động của tất cả những người đã tham dự vào biến cố, và họ bao giờ cũng tập hợp lại dưới hình thức này: những người tham dự trực tiếp nhất vào biến cố là những người ít chịu trách nhiệm nhất, và ngược lại.

Xét về mặt tinh thần, thì nguyên nhân của biến cố dường như là quyền lực, xét về mặt vật chất, thì những người phục tùng quyền lực dường như là nguyên nhân của biến cố. Nhưng vì hoạt động tinh thần không thể quan niệm được nếu không có hoạt động vật chất, cho nên nguyên nhân của biến cố không nằm trong hoạt động tinh thần, cũng không nằm trong hoạt động vật chất mà chính là nằm trong sự kết hợp của cả hai.

Hay nói khác đi, khái niệm nguyên nhân không thể áp dụng cho hiện tượng đang được xét.

Xét cho cùng, ta đi đến cái vòng luẩn quẩn muôn thuở, đi đến biên giới cuối cùng mà trí tuệ con người đạt đến trong bất kỳ lĩnh vực của tư tưởng, nếu nó không đối đầu với đối tượng của nó. Điện tạo ra sức nóng, sức nóng tạo ra điện. Các nguyên tử hút nhau, các nguyên tử đẩy nhau.

Khi nói đến những tác dụng đơn giản nhất của nhiệt, của điện hay của nguyên tử, ta không thể nói cái gì là nguyên nhân, cho nên ta nói rằng bản chất của những hiện tượng này là như vậy, rằng đó là quy luật của nó. Đối với các hiện tượng lịch sử vấn đề cũng như vậy. Tại sao lại xảy ra một cuộc chiến tranh hay một cuộc cách mạng? Ta không biết, ta chỉ biết rằng để thực hiện một hành động nào đó, người ta tập hợp thành một tập thể nào đó mà mọi người đều tham dự, thế rồi ta nói rằng bản chất của con người là như vậy, rằng đó là quy luật.

VIII

Nếu lịch sử chỉ có nhiệm vụ nghiên cứu những hiện tượng bên ngoài thì nó chỉ cần nêu lên cái quy luật đơn giản và hiển nhiên ấy là đủ rồi, và cuộc biện luận của chúng ta đã kết thúc. Nhưng quy luật của lịch sử lại liên quan đến con người. Một phân tử vật chất không thể nói với chúng ta rằng nó hoàn toàn không cảm thấy có nhu cầu hấp dẫn hay xô đẩy gì cả, và quy luật này không đúng, trái lại con người là đối tượng của lịch sử lại khẳng định dứt khoát rằng: tôi tự do, và do đó, không lệ thuộc vào các quy luật.

Sự có mặt của vấn đề tự do ý chí của con người, tuy không được biểu hiện ra, vẫn có thể nhận thấy ở mỗi bước của lịch sử.

Tất cả các sử gia nghiêm túc đều đã vô hình chung đi đến vấn đề này. Tất cả những chỗ mâu thuẫn, những điểm mơ hồ trên con đường sai lầm mà khoa học lịch sử đi theo chẳng qua đều do vấn đề này chưa được giải quyết mà ra. Nếu ý chí của mỗi người đều là tự do, tức nếu mỗi người có thể hành động theo sở thích của mình, thì lịch sử sẽ chỉ là một chuỗi những hiện tượng ngẫu nhiên không liên quan gì với nhau.

Ngay dù trong số hàng triệu con người sống trong khoảng một ngàn năm chỉ có một người duy nhất có thể hành động tự do, tức là theo sở thích của mình, thì hiển nhiên là chỉ cần một hành động tự do, trái với quy luật của người này cũng đủ để thủ tiêu khả năng tồn tại của bất kỳ quy luật nào đối với toàn bộ nhân loại.

Và nếu có một quy luật, dù chỉ là một quy luật thôi, chi phối hành động của con người, thì không thể nào không phục tùng quy luật đó.

Vấn đề tự do ý chí chính đáng là đang lâm vào tình trạng mâu thuẫn này. Vấn đề này từ thời cổ đại đã bắt những bộ óc ưu tú nhất của nhân loại phải suy nghĩ, và từ thời cổ đại đã được đặt ra với tất cả tầm quan trọng to lớn của nó.

Nội dung vấn đề này là như sau: khi nhìn con người với tính sách một đối tượng để quan sát, dù đứng trên quan điểm nào cũng vậy: thần học, lịch sử, đạo đức, triết học, chúng ta đều gặp lại cái quy luật chung của tính tất yếu mà con người cũng như tất cả những gì tồn tại đều phải tục tùng. Trái lại, khi nhìn con người qua bản thân mình như một đối tượng mà ta ý thức được, thì ta lại cảm thấy mình tự do.

Ý thức này là một cội nguồn để tự nhận thức hoàn toàn riêng biệt và không phụ thuộc vào lý trí. Nhờ có lý trí, con người có thể tự quan sát mình, nhưng nó chỉ có thể tự biết mình qua ý thức.

Nếu không còn ý thức về mình thì mọi sự quan sát, mọi cách sử dụng lý trí đều không thể quan niệm được.

Để hiểu, để quan sát, để kết luận, con người trước hết phải có ý thức rằng mình đang sống. Con người chỉ quan niệm rằng nó tồn tại khi nó có ý muốn, tức là khi nó nhận thức được ý chí của mình. Đã thế, ý chí là thực chất của đời sống, cho nên con người nhận thức và ắt phải nhận thức nó như một ý chí tự do.

Nếu khi tự quan sát mình, con người thấy rằng ý chí của nó bao giờ cũng hướng theo một quy luật duy nhất và không thay đổi (bất kỳ quan sát nhu cầu ăn uống hay hoạt động của bộ óc, hay bất kỳ cái gì khác), thì nó không thể không quan niệm cái hướng không bao giờ thay đổi này của ý chí của nó là một sự hạn chế đối với ý chí. Cái gì đã không tự do thì cũng không thể nào bị hạn chế. Ta thấy ý chí của con người bị hạn chế chính vì ta không có cách nhận thức nào khác ngoài cách quan niệm rằng ý chí là tự do.

Anh nói rằng tôi không tự do. Nhưng tôi đã giơ tay lên và đã hạ nó xuống. Ai cũng biết rằng câu trả lời phi luận lý này chính là bằng chứng không thể bác được của tự do.

Câu trả lời này là biểu hiện của ý thức vốn không lệ thuộc vào lý trí.

Nếu nhận thức của ta về tự do không phải là một cội nguồn tự nhận thức không liên quan đến lý trí, thì nó sẽ phục tùng lý luận và kinh nghiệm, nhưng trong thực tế không bao giờ có và không thể quan niệm được một sự phục tùng như vậy.

Có nhiều kinh nghiệm và lý luận chứng minh cho mỗi người thấy rằng với tính cách một đối tượng khảo sát, họ phải tuân theo những quy luật nhất định. Họ tuân theo và không bao giờ chống lại quy luật hấp dẫn hay quy luật không thẩm thấu một khi họ đã thừa nhận những quy luật ấy. Nhưng cũng chính những kinh nghiệm và lý luận ấy lại chứng minh cho họ thấy rằng cái tự do tuyệt đối mà họ nhận thức được ở bản thân là một điều không thể có, rằng mỗi hành động của họ đều bị quy định bởi cấu tạo của nó, bởi tính cách của họ và những động cơ tác động đến họ, tuy nhiên con người

không bao giờ phục tùng những kết luận rút ra từ những kinh nghiệm và lý luận ấy. Căn cứ vào thực nghiệm và suy luận, con người biết rằng hòn đá rơi theo hướng từ trên xuống dưới, nó hoàn toàn tin điều đó và trong mọi trường hợp nó đều chờ đợi hiệu lực của cái quy luật mà nó đã thừa nhận.

Trái lại, khi đã biết, cũng một cách chắc chắn như vậy, rằng ý chí của mình cũng phục tùng những quy luật, thì con người vẫn không tin và không thể nào tin điều đó.

Thực nghiệm và lý luận tha hồ chứng minh cho con người thấy rằng trong những điều kiện như cũ với một tính cách như cũ, nó sẽ hành động hệt như nó đã hành động trước đây. Khi nào nó sắp làm một hành động lần thứ một nghìn trong những điều kiện như cũ với một tính cách như cũ (một hành động bao giờ cũng được đưa đến một kết quả như nhau), nó cũng vẫn cảm thấy một cách chắc chắn rằng nó có thể làm theo sở thích của mình như trước khi thực nghiệm. Bất kỳ người nào, người dã man cũng như nhà tư tưởng, dù lý luận và thực nghiệm đã chứng minh cho họ một cách không thể chối cãi rằng không thể nào quan niệm có hai hành động khác nhau trong những điều kiện như nhau, họ vẫn cảm thấy không thể nào quan niệm được sự sống nếu không có cái quan niệm vô lý ấy, vì quan niệm ấy vốn là thực chất của tự do. Họ vẫn cảm thấy rằng dù cho điều đó không thể thực hiện được, nó vẫn tồn tại, bởi vì nếu không có cách quan niệm này về tự do thì không những họ không hiểu được cuộc sống, mà thậm chí còn không thể sống được một khoảnh khắc.

Không thể sống được là vì tất cả những khát vọng của con người, tất cả những động cơ thúc đẩy nó sống chẳng qua là những khát vọng nhằm tăng thêm quyền tự do của nó. Giàu có hay nghèo khổ, vinh quang hay mai một, nắm quyền lực hay phải phục tùng, cường tráng hay yếu ớt, lành mạnh hay đau ốm, học thức hay ngu dốt, lao lực hay an nhàn, no nê hay đói khát, đạo đức hay tội lỗi, chẳng qua chỉ là những trình độ khác nhau của tự do.

Muốn hình dung một con người không có tự do chỉ có cách hình dung là con người ấy không còn sống nữa.

Nếu đối với lý trí, khái niệm tự do là một điều mâu thuẫn phi lý, cũng như cho rằng có thể thực hiện hai hành động khác nhau trong những điều kiện như nhau, hay một hành động không có nguyên nhân, thì điều đó chỉ chứng minh rằng ý thức không phục tùng lý trí.

Chính cái nhận thức này về tự do, một nhận thức không thể lay chuyển, không thể bác bỏ, không thể phục tùng kinh nghiệm và lý luận, đã được tất cả các tư tưởng gia thừa nhận và được mọi người cảm thấy, không trừ một ai, chính cái ý thức mà không có nó thì không thể nào quan niệm được con người, đã làm thành mặt kia của vấn đề.

Con người là một vật do đấng Thượng đế toàn năng toàn thiện toàn trí sáng tạo ra. Vậy tội lỗi là gì, một khi khái niệm tội lỗi là xuất phát từ ý thức của con người về quyền tự do của hắn? Đó là vấn đề do thần học đặt ra. Hành động của con người phục tùng những quy luật chung, bất biến, được khoa thống kê học ghi lại. Vậy trách nhiệm của con người trước xã hội là gì, một khi khái niệm này xuất phát từ ý thức của con người về quyền tự do của mình? Đó là vấn đề do pháp luật đặt ra.

Hành động của con người xuất phát từ tính chất bẩm sinh của nó và những động cơ đã tác động đến nó. Vậy thế nào là lương tâm, là ý thức về cái thiện, về cái ác, trong những hành động xuất phát từ ý thức của con người về quyền tự do? Đó là vấn đề do luân lý đặt ra.

Con người, nếu xét trong mối liên hệ với đời sống chung của nhân loại, phải phục tùng những quy luật chi phối cuộc sống ấy. Nhưng cũng con người, nếu không kể đến mối liên hệ đó thì lại là tự do. Đời sống quá khứ của các dân tộc và của nhân loại cần phải được quan niệm như thế nào? Như là sản phẩm của hoạt động tự

do hay của hoạt động bị chi phối của con người? Đó là vấn đề do lịch sử đặt ra.

Mãi đến cái thời đại của trí thức phổ cập, cái thời đại đầy tự phụ của chúng ta, nhờ cái công cụ mạnh mẽ nhất của sự dốt nát là máy in, vấn đề tự do của ý chí mới bị đẩy lùi lại một địa hạt mà bản thân nó không thể nào tồn tại. Trong thời đại chúng ta ngày nay, phần lớn những con người gọi là tiên tiến chỉ là một đám ngu dốt tưởng đâu rằng những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học tự nhiên là cách giải quyết toàn bộ vấn đề, tuy nó chỉ nghiên cứu một mặt của vấn đề mà thôi.

Không làm gì có linh hồn và không làm gì có tự do, bởi vì đời sống của con người được thể hiện bằng sự vận động của các cơ thịt mà sự vận động của các cơ thịt lại do hoạt động của hệ thần kinh chỉ huy. Không có linh hồn và không có tự do, bởi vì ở một thời đại xa xưa nào không rõ, chúng ta đã từ loài khỉ mà ra. Họ nói, họ viết và họ in như vậy và không biết rằng trước đây hàng nghìn năm tất cả các tôn giáo, tất cả các tư tưởng gia, không những đã thừa nhận mà thậm chí không bao giờ phủ nhận quy luật về tính tất yếu mà ngày nay họ ra sức chứng minh một cách nhiệt tình bằng sinh lý học và động vật học so sánh. Họ không thấy rằng vai trò của các khoa học tự nhiên trong vấn đề này chỉ là công cụ để soi sáng một mặt của vấn đề mà thôi. Bởi vì, nếu đứng trên lập trường quan sát, nói rằng lý trí và ý chí là những chất bài tiết (sécrétions)[1] của bộ óc, và con người, trong khi tuân theo quy luật chung, đã có thể phát triển từ một giống động vật hạ đẳng ở một thời kỳ nào chưa rõ thì đó là cắt nghĩa dưới một khía cạnh khác cái chân lý đã được tất cả các tôn giáo và tất cả các hệ thống triết học thừa nhận cách đây hàng ngàn năm: đó là chân lý nói rằng xét về quan điểm lý trí, con người phục tùng những quy luật của tính tất yếu. Nhưng điều đó

1. Chú thích bằng tiếng Pháp trong nguyên văn.

vẫn không làm cho việc giải quyết vấn đề tiến lên một bước nào bởi vì vấn đề này còn có một mặt đối lập xây dựng trên ý thức về tự do.

Nếu con người phát triển từ loài khỉ ở một thời kỳ nào chưa rõ, thì điều đó cũng có thể hiểu được như nói rằng nó do một nắm đất sinh ra ở một thời kỳ nhất định (trong trường hợp thứ nhất thì X là thời gian, trong trường hợp thứ hai thì X là nguồn gốc). Nhưng vấn đề lại là ở chỗ ý thức về tự do của con người kết hợp như thế nào với quy luật về tính tất yếu mà nó phục tùng, và vấn đề này không thể giải quyết bằng sinh lý học và động vật học so sánh, bởi vì trong con ếch, con thỏ và con khỉ ta chỉ có thể thấy hoạt động của thần kinh và bắp thịt, trái lại trong con người ta thấy ngoài hoạt động của bắp thịt và thần kinh lại còn có cả ý thức nữa.

Các nhà khoa học tự nhiên và các tín đồ của họ là những người tưởng đâu giải quyết đối với vấn đề này cũng giống như những anh thợ nề đã nhận được lệnh trát vữa một mặt tường của nhà thờ, nhân lúc người quản đốc vắng mặt, vì quá nhiệt tình, đã trát vữa vào những cửa sổ, những tượng thánh, những dàn cột và những bức tường chưa xây xong rồi vui sướng vì thấy rằng theo quan điểm nghề nghiệp của họ mọi vật đều phẳng phiu và trơn láng.

IX

So với tất cả những ngành khác của tri thức đã từng tìm cách giải quyết vấn đề tự do và tất yếu, sử học có một ưu thế; đối với nó, vấn đề này không đề cập đến bản chất của ý chí con người mà chỉ đề cập đến cách biểu hiện ý chí ấy trong thời dĩ vãng và trong những điều kiện nhất định.

Trước vấn đề này, so với các khoa học khác, sử học ở vào địa vị một khoa học thực nghiệm trong khi các ngành khác đều là những ngành khoa học thuần túy.

Đối tượng của lịch sử không phải là bản thân ý chí của con người mà là quan niệm của ta về nó.

Chính vì vậy cho nên, đối với sử học không phải như đối với thần học lôgic học và triết học, không có điều gì bí mật không thể giải quyết được khi nói đến tính thống nhất của tự do và tất yếu. Sử học nghiên cứu những biểu hiện của đời sống con người, trong đó tính thống nhất của hai mâu thuẫn này đã được thực hiện.

Trong cuộc sống thực tế, mỗi biến cố lịch sử, mỗi hành động của con người đều được hiểu một cách hết sức rõ ràng và minh xác, không có chút gì mâu thuẫn, mặc dầu biến cố nào cũng dường như có một phần tự do và một phần tất yếu.

Để giải quyết vấn đề tự do và tất yếu kết hợp với nhau như thế nào và thực chất của hai khái niệm này là gì, triết học lịch sử có thể và cần phải đi một con đường đối lập với con đường mà các khoa học khác đã đi. Nó không nên bắt đầu bằng cách định nghĩa những khái niệm về tự do và tất yếu, rồi đem gò những hiện tượng của cuộc sống vào những cách định nghĩa đó, trái lại sử học cần phải khảo sát một số lượng khổng lồ những hiện tượng thuộc phạm vi của nó và bao giờ cũng xuất hiện trong tình trạng lệ thuộc vào tự do và tất yếu, rồi từ đó, rút ra cách định nghĩa hai khái niệm này.

Dù quan sát hoạt động của nhiều người hay của một người dưới khía cạnh nào, ta cũng không thể quan niệm cách nào khác hơn là xem nó như sản phẩm của ý chí tự do của con người và đồng thời là sản phẩm của những quy luật tất yếu.

Dù nói đến vấn đề gì – sự di chuyển của các dân tộc và những cuộc xâm lăng của người man di, hay chính sách của Napoleông III, hay một hành động của một con người nào đó cách đây một giờ đã dạo chơi theo hướng này chứ không phải theo hướng khác, ta cũng vẫn không thấy có chút gì mâu thuẫn. Phần tự do và phần tất yếu đã chi phối những hành động này, đối với ta, đều được quy định rõ ràng.

Thường thường tùy theo quan điểm của ta khi quan sát hiện tượng, ta sẽ cho nó nặng nề về mặt tự do hay mặt tất yếu, nhưng bao giờ hành động của con người đối với ta cũng chỉ có thể chứa đựng một phần tự do và một phần tất yếu chứ không thể nào khác. Trong mỗi hành động được khảo sát, ta đều thấy có một phần tự do và một phần tất yếu. Và bao giờ cũng vậy, trong bất kỳ hành động nào, ta càng thấy có nhiều tính tự do thì lại càng thấy có ít tính tất yếu, và ngược lại ta thấy phần tất yếu càng nhiều thì phần tự do càng ít đi.

Quan hệ giữa tự do và tất yếu tăng hay giảm tùy theo quan điểm của người ta khi quan sát hành động, nhưng quan hệ này bao giờ cũng là một tỷ lệ nghịch.

Một người sắp chết đuối bám vào một người khác và kéo người ấy chết theo mình; một bà mẹ đói, mệt mỏi vì cho con bú, ăn trộm thức ăn; một con người quen với kỷ luật, đứng trong hàng ngũ, tuân theo mệnh lệnh cấp trên giết một người khác không có khả năng tự vệ, là những người có vẻ nhẹ tội hơn, nghĩa là dưới mắt một người biết họ đang ở trong những điều kiện như thế nào thì họ ít tự do hơn và phải phục tùng luật tất yếu nhiều hơn, trái lại dưới mắt một người không biết rằng người kia đang sắp chết đuối, rằng bà mẹ kia đang đói lả, rằng người binh sĩ kia đang ở trong hàng ngũ v.v... thì họ lại có nhiều tự do hơn. Cũng đúng như vậy, một người cách đây hai mươi năm đã phạm tội giết người và từ đấy ở trong xã hội vẫn sống một cuộc đời phẳng lặng không hại đến ai, cũng có vẻ nhẹ tội hơn, dưới mắt người xét xử hành động của anh ta sau hai mươi năm, hành động anh ta dường như tuân theo quy luật tất yếu nhiều hơn, trái lại hành động ấy sẽ có vẻ tự do hơn đối với người xét xử nó một ngày sau khi nó xảy ra. Về những hành động của một người điên, một người say rượu, hay một người bị kích động mạnh, vấn đề cũng như vậy. Đối với người nào biết rõ trạng thái tinh thần của họ, thì hành động của họ có vẻ ít tự do

hơn và lệ thuộc vào tất yếu nhiều hơn, nhưng đối với những người không biết điều đó thì hành động của họ lại có vẻ tự do nhiều hơn và ít tất yếu hơn. Trong tất cả những trường hợp này, khái niệm tự do tăng hay giảm, và khái niệm tất yếu cũng theo đó mà giảm hay tăng là tùy theo quan điểm của người xét xử hành động. Kết quả là tính tất yếu càng lớn thì tự do càng ít đi và ngược lại cũng thế.

Tôn giáo, lương tri của nhân loại, luật học và ngay cả sử học nữa đều có một quan niệm giống nhau về mối quan hệ này giữa tất yếu và tự do.

Tất cả các trường hợp, không trừ một trường hợp nào, trong đó quan niệm của ta về tự do và tất yếu tăng hay giảm, đều chỉ căn cứ trên ba điều.

1. Quan hệ giữa con người đã hành động với thế giới bên ngoài.

2. Quan hệ giữa con người đó với thời gian

3. Quan hệ giữa con người đó với những nguyên nhân đã gây nên hành động.

1. Căn cứ thứ nhất là quan hệ mà ta thấy rõ được ít nhiều giữa con người và thế giới bên ngoài, là một khái niệm rõ rệt đến một mức độ nào đấy về vị trí nhất định của mỗi người đối với tất cả những gì cùng tồn tại đồng thời với nó. Chính vì xuất phát từ căn cứ này cho nên hiển nhiên người sắp chết đuối là ít tự do hơn và phải phục tùng tất yếu nhiều hơn so với người đứng trên đất liền, và hành động của người sống liên hệ chặt chẽ với những người khác trong một khu vực dân cư đông đúc, hành động của một người gắn liền với gia đình, với công việc, với chức vụ mình hiển nhiên là có vẻ ít tự do và phục tùng tất yếu nhiều hơn so với hành động của một con người sống cô đơn và độc thân.

Nếu ta khảo sát con người một cách đơn độc ở ngoài những quan hệ của nó với ngoại cảnh, thì ta có cảm tưởng mỗi hành động của nó đều tự do. Nhưng nếu ta tìm thấy mối quan hệ nào đó giữa

con người với ngoại cảnh, nếu ta nhìn thấy những mối liên hệ ràng buộc con người với bất kỳ cái gì, với một người đang nói chuyện với nó, với quyển sách nó đang đọc với công việc nó đang làm, thậm chí với không khí bao quanh nó và cả ánh sáng chiếu trên các vật nó đang nhìn, thì ta sẽ thấy rằng mỗi điều kiện này đều ảnh hưởng đến nó và ít nhiều đều chỉ huy một mặt nào đấy trong hoạt động của nó. Và ta càng nhận thức được những ảnh hưởng này thì quan niệm của ta về quyền tự do của nó càng bớt đi và ta càng cảm thấy nó phục tùng sự tất yếu.

2. Căn cứ thứ hai là quan hệ mà ta thấy rõ được ít nhiều giữa con người với thế giới trong thời gian, là một khái niệm rõ rệt đến một mức nào đấy về vị trí của con người trong thời gian. Nếu xét theo quan điểm này thì sự sa ngã của con người đầu tiên (sự sa ngã đã mở đầu cho sự sinh sôi của nhân loại) rõ ràng có vẻ ít tự do hơn chế độ hôn nhân của con người ngày nay. Xét theo quan điểm này, đời sống và hoạt động của những con người sống trước tới hàng thế kỷ và gắn liền với tôi trong thời gian, đối với tôi không thể nào tự do như đời sống hiện nay mà tôi chưa biết hậu quả.

Phần tự do hay tất yếu mà tôi gán cho mỗi hành động là lệ thuộc vào khoảng cách thời gian dài hay ngắn từ khi hành động kết thúc đến khi người ta phê phán nó.

Nếu tôi xét một hành động mà tôi vừa làm cách đây một phút trong những điều kiện hầu như đồng nhất với điều kiện bây giờ, thì hành động của tôi đối với tôi dĩ nhiên là tự do. Nhưng nếu tôi phê phán hành động mà tôi đã làm cách đây một tháng, khi tôi ở trong những điều kiện khác, thì dù không muốn tôi cũng phải thú nhận rằng, nếu không có hành động này thì sẽ không xảy ra nhiều điều có ích, thú vị, thậm chí cần thiết. Nếu tôi hồi tưởng lại một hành động còn xa hơn, cách đây mười năm và hơn nữa, thì những hậu quả của nó đối với tôi sẽ còn hiển nhiên hơn nữa, và tôi sẽ khó lòng hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu không có hành động ấy. Tôi càng đi xa hơn vào kỷ niệm hay vào những suy luận về tương lai –

đằng nào cũng thế thôi – thì những kết luận của tôi về tính tự do của hành động lại càng trở nên đáng ngờ.

Trong lịch sử, ta cũng thấy mức độ chắc chắn của sự tham gia của ý chí tự do vào những công việc của con người tăng giảm theo cái cấp số ấy. Một biến cố vừa xảy ra, thì ta có cảm tưởng đó hiển nhiên là kết quả hành động của tất cả những con người mà ta được biết, nhưng hễ biến cố này xảy ra đã lâu thì ta chỉ thấy những hậu quả tất yếu của nó, chứ ngoài ra không còn thấy gì nữa. Và ta càng lùi về quá khứ mà khảo sát các biến cố thì những biến cố này càng có vẻ ít tự do.

Cuộc chiến tranh Áo – Phổ đối với ta là hậu quả tất yếu của những hành động xảo quyệt của Bixmac v.v...

Những cuộc chiến tranh của Napoleông đối với ta hình như là sản phẩm của ý chí một vài vị anh hùng tuy ở đây vấn đề đã có chỗ đáng ngờ. Nhưng với thập tự quân thì ta đã thấy đó là một biến cố chiếm một vị trí nhất định, và thiếu nó thì không thể nào hình dung nổi lịch sử cận đại của Âu châu, tuy nhiên, các nhà biên niên sử viết về cuộc viễn chinh ấy đã nhận định đó là sản phẩm của ý chí một vài người. Còn khi nói đến sự di chuyển của các dân tộc, thì ngày nay không còn ai có ý nghĩ rằng sở dĩ thế giới Âu châu phục hưng là do sở thích của Attila[1]. Ta càng lùi về quá khứ của lịch sử thì quyền tự do của những con người tham gia vào biến cố đáng ngờ và quy luật của tính tất yếu càng hiển nhiên.

3. Căn cứ thứ ba là mức độ ta có thể nắm được mối liên hệ nhân quả vô tận, vốn là một yêu cầu tất yếu của lý trí, và trong cái chuỗi nhân quả vô tận này mỗi hiện tượng mà ta hiểu được, và do đó mỗi hành động của con người, đều phải có một vị trí nhất định, đều phải là hậu quả của những hành động đã xảy ra và là nguyên nhân của những hành động kế tiếp nhau.

1. Vua Hung nô, khét tiếng tàn ác đã đánh bại các vua chúa châu Âu và châu Á đem quân đến biên giới Pháp. Chết ở Hung năm 453.

Trên cơ sở này, ta thấy hành động của ta và của những người khác càng có vẻ tự do và ít lệ thuộc vào sự tất yếu nếu ta hiểu rõ hơn những quy luật sinh lý, tâm lý, lịch sử rút ra từ sự quan sát mà con người phải phục tùng, và nếu ta nghiên cứu một cách chính xác hơn nguyên nhân sinh lý, tâm lý hay lịch sử của hành động. Mặt khác hành động được quan sát càng đơn giản và tính cách, trí tuệ của con người hành động càng ít phức tạp, thì đối với người ấy càng ít tự do và càng lệ thuộc vào sự tất yếu.

Khi ta tuyệt nhiên không hiểu nguyên nhân của một hành động dù đấy là một tội ác, một việc thiện hay một hành động vô thưởng vô phạt về mặt đạo đức, thì ta sẽ thừa nhận rằng trong hành động này phần tự do chiếm ưu thế. Nếu đó là một tội ác thì trước hết ta yêu cầu phải trừng phạt, nếu đó là một việc thiện thì ta tán thưởng. Còn trong trường hợp hành động vô thưởng vô phạt thì ta cho rằng ở đây có một tính cá biệt độc đáo và tự do hơn cả. Nhưng chỉ cần biết được một nguyên nhân trong vô số nguyên nhân, là ta sẽ thừa nhận một phần tất yếu nào đó và bớt đòi hỏi trừng phạt tội ác, ta sẽ thấy việc thiện bớt giá trị và hành động mà trước đây ta cho là độc đáo sẽ bớt tính tự do. Nếu một tên tội phạm vốn được nuôi dưỡng ở giữa những kẻ gian phi, thì tội ác của nó sẽ nhẹ bớt. Sự hy sinh của một người cha, hay một người mẹ, một sự hy sinh có thể được báo đáp, đối với ta sẽ dễ hiểu hơn là tinh thần hy sinh không có lý do, cho nên ta thấy nó không đáng quý bằng và ít tự do hơn. Một người sáng lập tôn giáo, chính đáng, hoặc một nhà phát minh sẽ ít làm cho ta ngạc nhiên hơn khi chúng ta hiểu được hoạt động của họ đã được chuẩn bị như thế nào và do cái gì thúc đẩy.

Nếu ta có nhiều kinh nghiệm, nếu sự quan sát của ta luôn luôn hướng tới chỗ khám phá những quan hệ nhân quả trong những hành động của con người, thì ta càng liên hệ được một cách đúng đắn kết quả với nguyên nhân, và những hành động này đối với ta càng có vẻ tất yếu và càng bớt tự do. Nếu những hành động làm ta

khảo sát lại đơn giản, và ta có một số lượng đồ sộ những hành động tương tự để quan sát, thì quan niệm của ta về tính tất yếu của những hành động kia sẽ càng rõ rệt hơn. Hành động bất chính của đứa con của một người cha bất chính, hành động xấu xa của một người đàn bà bị đẩy vào một môi trường xấu xa, việc một người nghiện rượu trở lại với cố tật của mình v.v... là những hành động mà ta càng hiểu rõ nguyên nhân thì lại càng thấy nó ít tự do. Nếu con người mà ta phân tích hành động lại ở một trình độ phát triển thấp nhất về trí tuệ, như một đứa trẻ, một người điên, một thằng ngốc, thì một khi đã biết những nguyên nhân của hành động và tính chất đơn giản của tính cách, trí tuệ, ta sẽ thấy ở đây có một phần tất yếu rất lớn và một phần tự do rất nhỏ, đến nỗi một khi đã biết được nguyên nhân sẽ gây nên kết quả là chúng ta có thể đoán trước được hành động.

Chính dựa trên ba căn cứ ấy mà trong tất cả các pháp luật đều có những trường hợp miễn tội và giảm tội. Trách nhiệm có vẻ lớn hay nhỏ là tùy ở chỗ người ta biết được ít hay nhiều về hoàn cảnh của người bị xét xử trong khi phạm tội, tùy khoảng thời gian từ lúc hành động đến lúc xét xử dài hay ngắn và tùy ở chỗ ta hiểu biết nhiều hay ít những nguyên nhân của hành động.

X

Như vậy, quan niệm của ta về vấn đề tự do và tất yếu giảm bớt hay tăng thêm tùy theo mức độ liên hệ giữa hành động với thế giới bên ngoài, tùy theo khoảng cách về thời gian và tùy theo mức độ lệ thuộc vào những nguyên nhân trong đó ta sẽ xét một hiện tượng của đời sống con người.

Cho nên nếu ta xét trường hợp của một người mà những mối

liên hệ với thế giới bên ngoài đều được biết một cách rõ rệt nhất, khoảng cách về thời gian giữa lúc hành động xảy ra và lúc ta phê phán xa nhất, và những nguyên nhân của hành động ấy dễ hiểu nhất, thì ta có cảm tưởng là trong hành động này phần tất yếu sẽ tăng lên đến mức độ tối đa và phần tự do sẽ hạ xuống đến mức tối thiểu. Nhưng nếu ta xét một con người ít liên hệ nhất đến những điều kiện bên ngoài, nếu thời gian hành động của người ấy xảy ra gần hiện tại nhất và những nguyên nhân của hành động đều không thể hiểu được, thì ta sẽ thấy phần tất yếu hạ xuống mức tối thiểu và phần tự do tăng lên đến mức tối đa.

Nhưng trong cả hai trường hợp này, dù ta có thay đổi quan điểm đến đâu, dù ta có xác định được mối liên hệ giữa con người với thế giới bên ngoài đến mức nào, hay dù chúng ta có hiểu rõ mối quan hệ này đến đâu, dù ta có thể tăng thêm hay rút ngắn thời gian, hiểu hay không hiểu những nguyên nhân, ta cũng sẽ không bao giờ quan niệm được một tình trạng tự do hoàn toàn, hay một tình trạng tất yếu hoàn toàn.

1. Dù ta có quan niệm con người thoát ly khỏi ảnh hưởng của thế giới bên ngoài, ta cũng sẽ không bao giờ đi đến khái niệm tự do ở trong không gian.

Mỗi hành động của con người thế nào cũng chịu sự quy định của chính thân thể của nó và của ngoại cảnh. Tôi giơ cánh tay lên rồi buông nó xuống. Cử động của tôi có vẻ tự do, nhưng nếu tôi tự hỏi liệu tôi có thể giơ tay đủ mọi chiều hay không thì tôi sẽ thấy rằng tôi đã giơ tay theo chiều mà cử chỉ này gặp ít cản trở nhất, xét về phương diện những sự vật chung quanh tôi cũng như về cách cấu tạo thân thể của tôi. Sở dĩ tôi chỉ chọn một chiều trong số tất cả các chiều có thể có thì đó là vì ở chiều này tôi gặp ít cản trở nhất. Muốn quan niệm con người tự do ta phải quan niệm nó ở ngoài không gian và điều đó dĩ nhiên là không thể được.

2. Dù có thể rút ngắn thời gian từ khi hành động đến khi phê

phán ta cũng sẽ không bao giờ đi đến khái niệm tự do trong thời gian. Bởi vì, nếu tôi xét một hành động xảy ra cách đây một giây thì tôi vẫn cứ phải thừa nhận rằng hành động này không phải tự do bởi vì nó gắn liền với giây phút trong đó nó được thực hiện. Tôi có thể giơ tay lên được không? Tôi giơ nó lên, nhưng tôi tự hỏi: tôi có thể không giơ nó lên trong giây lát vừa qua được không? Để tự làm cho mình tin chắc điều đó tôi không giơ cánh tay trong giây lát tiếp theo. Nhưng tôi đã không giơ nó lên đúng ngay vào lúc mà tôi nêu ra vấn đề tự do. Thời gian đã qua và tôi không có cách nào giữ nó lại. Cánh tay mà lúc nãy tôi giơ lên và bầu không khí trong đó tôi đã thực hiện cử động ấy không phải là bầu không khí quanh tôi bây giờ và không phải là cánh tay tôi giơ đang nằm yên. Giây phút trong đó cử động trước kia đã được thực hiện bây giờ không thể trở lại nữa, và lúc ấy tôi chỉ có thể làm một cử động duy nhất, và bất kỳ cử động ấy là cử động gì, nó cũng chỉ có thể là một cử động duy nhất. Việc tôi không giơ cánh tay lên trong giây phút tiếp theo không hề chứng minh rằng tôi không thể giơ nó lên trong giây phút trước. Và bởi vì tôi chỉ có thể làm một cử động trong một giây phút nhất định, cho nên nó không thể nào là một cử động khác. Muốn quan niệm cử động này tự do thì phải hình dung nó ở trong hiện tại, ở giới hạn giữa quá khứ và tương lai nghĩa là ở ngoài thời gian, và điều đó không thể nào có được.

3. Sự khó khăn trong việc tìm hiểu nguyên nhân của một hành động có tăng lên đến đâu nữa, ta cũng không bao giờ hình dung ra được một sự tự do tuyệt đối nghĩa là không có nguyên nhân. Nguyên nhân của sự biểu hiện ý chí ở trong bất kỳ hành động nào của ta hay của người khác có khó hiểu đến đâu chăng nữa thì yêu cầu đầu tiên của lý trí chúng ta cũng vẫn là phải giả thiết và phải tìm cái nguyên nhân mà nếu không có nó thì người ta không thể quan niệm được bất kỳ hiện tượng nào. Tôi giơ cánh tay lên để làm một hành động độc lập đối với mọi nguyên nhân, nhưng

chính ý muốn thực hiện một hành động không có nguyên nhân lại là nguyên nhân của hành động đó.

Nhưng dù có giả định rằng có một con người hoàn toàn thoát ly khỏi mọi ảnh hưởng, dù có xét một hành động của con người đó ngay trong lúc nó được thực hiện, mà không gắn liền với một nguyên nhân nào, và thừa nhận một sự tất yếu vô cùng bé chỉ bằng con số không, ta cũng không bao giờ đi đến chỗ quan niệm được quyền tự do tuyệt đối của con người, bởi vì một con người thoát ly khỏi mọi ảnh hưởng bên ngoài, ở ngoài thời gian và không liên quan đến một nguyên nhân nào cả thì không còn là con người nữa.

Cũng vậy, ta không thể nào hình dung được một hành động của con người xảy ra không có chút tự do nào và chỉ lệ thuộc vào luật tất yếu mà thôi.

1. Sự hiểu biết của ta về những điều kiện không gian trong đó một con người sống có tăng lên đến đâu đi nữa thì nó cũng không bao giờ hoàn toàn, bởi vì số lượng những điều kiện này vô cùng lớn cũng như không gian là vô cùng. Chính vì chưa xác định được tất cả những điều kiện, tất cả những ảnh hưởng tác động đến con người, cho nên không có tất yếu hoàn toàn mà vẫn còn một phần tự do nào đó.

2. Dù ta có kéo dài đến đâu cái khoảng cách từ khi một hiện tượng xảy ra cho đến khi ta phê phán nó, thì khoảng này bao giờ cũng có hạn, trong khi thời gian thì lại vô cùng, cho nên về mặt này cũng vẫn không bao giờ có thể có tất yếu hoàn toàn.

3. Dù ta có hiểu rõ đến cái quan hệ nhân quả của một hành động ta cũng không bao giờ có thể hiểu được toàn bộ quan hệ nhân quả này bởi vì nó là vô tận, và do đó, ta không bao giờ có thể đạt đến cái tất yếu tuyệt đối.

Không những thế, mà ngay dù ta có thừa nhận một phần tự do cực nhỏ ngang bằng với số không và cho rằng trong những trường

hợp như một người hấp hối, một cái bào thai, một thằng ngốc, hoàn toàn không có tự do, thì ta cũng sẽ do đó mà thủ tiêu ngay cả bản thân khái niệm về con người mà chúng ta đang khảo sát, bởi vì đã không có tự do thì cũng không còn là con người nữa. Cho nên không thể nào hình dung một hành động của con người chỉ phục tùng quy luật của tất yếu mà thôi, không còn chút tự do nào cả, cũng như không thể hình dung hành động ấy là hoàn toàn tự do.

Vậy thì, muốn hình dung hành động của con người chỉ phục tùng quy luật tất yếu, không có tự do, ta phải giả thiết rằng mình biết được một số lượng *vô tận* những điều kiện trong không gian, một khoảng thời gian *vô tận* và một chuỗi quan hệ nhân quả vô tận.

Để hình dung được con người hoàn toàn tự do, không phục tùng quy luật của tất yếu, ta phải hình dung nó một mình *ở ngoài không gian, ngoài thời gian và không lệ thuộc vào những mối liên hệ nhân quả.*

Trong trường hợp thứ nhất nếu có thể có tất yếu mà không có tự do, thì ta sẽ đi đến chỗ định nghĩa luật tất yếu bằng bản thân sự tất yếu, tức là đi đến một hình thức không có nội dung.

Trong trường hợp thứ hai, nếu có thể có tự do mà không có tất yếu, thì ta sẽ đi đến tự do vô điều kiện, ở ngoài không gian, ngoài thời gian và ngoài sợi dây nhân quả, và chính nó vì nó vô điều kiện và không có gì hạn chế cho nên thứ tự do ấy sẽ không là cái gì hết hay sẽ chỉ là một nội dung không có hình thức.

Tóm lại, ta sẽ đi đến hai cơ sở sau đây làm nên toàn bộ thế giới quan của con người: thực chất không thể hiểu được cuộc sống và những quy luật quy định cái thực chất ấy.

Lý trí nói: 1. Không gian với tất cả những hình thái khiến cho nó có thể thấy được – tức là vật chất – là vô tận và không thể quan niệm một cách nào khác. 2. Thời gian là một sự vận động vĩnh viễn không giây phút nào ngừng và không thể quan niệm cách nào khác.

3. Mối liên hệ nguyên nhân và kết quả không thể có khởi điểm cũng không thể có kết thúc.

Ý thức nói: 1. Tôi chỉ tồn tại một mình và tất cả những cái gì tồn tại chẳng qua chỉ là tôi mà thôi, như vậy, tôi bao gồm cả không gian. 2. Tôi đo thời gian vận động bằng một giây phút im lìm của hiện tại trong đó tôi có ý thức rằng mình sống, như vậy, tôi ở ngoài thời gian, và 3. Tôi ở ngoài mọi nguyên nhân bởi vì tôi cảm thấy tôi là nguyên nhân của mọi hình thức biểu hiện sự sống của tôi.

Lý trí biểu hiện những quy luật của tất yếu. Ý thức biểu hiện bản chất của tự do.

Tự do không bị cái gì hạn chế là bản chất của sự sống ở trong ý thức của con người. Tất yếu không có nội dung là lý trí của con người với ba hình thức của nó.

Tự do là cái mà người ta khảo sát. Tất yếu là cái được khảo sát. Tự do là nội dung. Tất yếu là hình thức.

Chỉ có bằng cách tách rời hai nguồn gốc của nhận thức liên quan với nhau như nội dung và hình thức, người ta mới đi đến những khái niệm tách rời nhau, bài trừ nhau và không thể hiểu được là tự do và tất yếu.

Chỉ có cách kết hợp cả hai, ta mới đi đến một khái niệm rõ rệt về sự sống của con người.

Không có hai khái niệm này vốn kết hợp với nhau và quy định lẫn nhau cũng như nội dung và hình thức, thì không thể nào quan niệm được sự sống.

Tất cả những điều ta biết được về sự sống của con người chỉ là một quan hệ nào đó giữa tự do và tất yếu, nghĩa là giữa ý thức và những quy luật của lý trí.

Tất cả những điều ta biết được về thế giới tự nhiên ở bên ngoài chẳng qua chỉ là một quan hệ nào đó của những lực lượng của tự nhiên với tính tất yếu hay là quan hệ của bản chất sự sống với những quy luật của lý trí.

Những lực lượng của cuộc sống tự nhiên đều ở ngoài ta và ở ngoài nhận thức của ta, và ta gọi nó là trọng lực, quán tính, điện lực, sinh lực.v.v... Nhưng sức sống của con người thì ta ý thức được, và ta gọi nó là tự do.

Nhưng nếu lực hấp dẫn từ bản thân nó không thể hiểu được mặc dầu ai cũng cảm thấy, và ta chỉ có thể hiểu được nó trong chừng mực ta hiểu được những quy luật của tính tất yếu mà nó phục tùng (từ tri thức đầu tiên biết rằng vật thể nào cũng có lượng cho đến luật Niutơn), thì ta cũng chỉ hiểu được sức mạnh của tự do, tự bản thân nó vốn không thể hiểu được nhưng ai cũng nhận thấy, trong chừng mực ta biết được những quy luật của tính tất yếu mà nó phục tùng (từ cái sự thực là người nào rồi cũng phải chết cho đến những quy luật kinh tế hay lịch sử phức tạp nhất).

Mọi hiểu biết đều chỉ là việc quy bản chất của sự sống về những quy luật của lý trí.

Tự do của con người khác với bất cứ sức mạnh nào khác ở chỗ con người có ý thức về sức mạnh này, nhưng đối với lý trí, thì nó không khác bất kỳ sức mạnh nào. Những sức mạnh như trọng lực, điện lực hay áp lực hóa học chỉ khác nhau ở chỗ có được lý trí xác định một cách khác nhau. Cũng vậy, sức mạnh của sự tự do của con người đối với lý trí chỉ khác những sức mạnh khác của tự nhiên ở cái cách xác định mà lý trí dành cho nó. Tự do mà tách rời tất yếu, tức là không có những quy luật của lý trí quy định nó, thì không khác gì trọng lực, nhiệt lực hay sức phát triển của thảo mộc, đối với lý trí nó chỉ là một cảm giác khoảnh khắc, không thể xác định được của sự sống.

Và nếu bản chất không thể xác định được của sức mạnh làm cho các thiên thể di động, bản chất không thể xác định được của nhiệt lực, của điện hay của áp lực hóa học, của sức sống, là nội dung của thiên văn học, của vật lý học, của hóa học, của thực vật học, của động vật học v.v... thì bản chất của sức mạnh của tự do

cũng chính là nội dung của sử học. Nhưng đối tượng của mỗi khoa học là hình thức biểu hiện của cái bản chất này chỉ có thể là đối tượng của siêu hình học. Cũng vậy hình thức biểu hiện sức mạnh của tự do con người trong không gian, trong thời gian và sự lệ thuộc vào sợi dây nhân quả chính là đối tượng của sử học, còn bản thân tự do lại là đối tượng của siêu hình học.

Trong các khoa học thực nghiệm ta gọi cái mà ta biết được là những quy luật tất yếu, còn cái không thể biết thì ta gọi là sức sống. Sức sống chỉ là biểu hiện của cái phần chưa biết còn sót lại trong những điều ta biết được về bản chất sự sống.

Cũng vậy, trong sử học ta gọi cái gì biết được là quy luật của tất yếu, cái gì ta chưa biết là tự do. Đối với sử học, tự do chỉ là biểu hiện cái phần chưa biết còn sót lại trong những điều ta biết được về những quy luật của đời sống con người.

XI

Sử học nghiên cứu những biểu hiện của tự do của con người trong mối liên hệ với thế giới bên ngoài, trong thời gian và lệ thuộc vào luật nhân quả, tức là xác định sự tự do này bằng những quy luật của lý trí, chính vì thế, sử học chỉ là một khoa học trong chừng mực tự do này bị những quy luật này quy định.

Đối với sử học, vấn đề thừa nhận quyền tự do của con người với tính cách một sức mạnh có thể ảnh hưởng đến những biến cố lịch sử (tức là không lệ thuộc vào quy luật), cũng giống như vấn đề thừa nhận hiện tượng tự do vận động của những thiên thể đối với thiên văn học.

Thừa nhận vấn đề tức là loại trừ khả năng tồn tại của quy luật, tức là loại trừ mọi hiểu biết. Nếu quả có một vật có thể vận

động tự do, dù chỉ là một mà thôi, thì những quy luật của Keple và của Niutơn sẽ không tồn tại nữa và sẽ không còn một khái niệm gì về sự vận động của các thiên thể. Nếu có một hành động tự do duy nhất của con người thì sẽ không còn một quy luật lịch sử nào và sẽ không có một khái niệm gì về những biến cố lịch sử. Đối với lịch sử, ý chí con người vận động theo những con đường mà một đầu mối mất hút vào một nơi nào huyền bí, còn đầu kia, tức là ý thức về tự do của con người trong hiện tại, thì di động trong không gian, trong thời gian và lệ thuộc vào luật nhân quả.

Phạm vi sự vận động này càng mở rộng trước mắt ta, thì những quy luật của nó càng hiển nhiên. Phát hiện và giải thích những quy luật này là nhiệm vụ của sử học.

Nếu xuất phát từ quan điểm nhìn nhận đối tượng của khoa học hiện nay, nếu đi theo con đường của nó mà tìm hiểu những nguyên nhân của hiện tượng ở trong ý chí tự do của con người, thì không thể nào phát hiện được những quy luật này. Dù ta có hạn chế tự do của con người đến đâu, hễ ta thừa nhận nó là một sức mạnh không phục tùng các quy luật, thì không thể nào có sự tồn tại của quy luật nữa.

Chỉ trong chừng mực hạn chế sự tự do này đến cùng cực, nghĩa là chỉ xem nó như là một lượng cực bé, ta mới có thể tin rằng ta tuyệt đối không thể nào hiểu được nguyên nhân, và lúc bấy giờ sử học sẽ không thể nào hiểu được nguyên nhân, và lúc bấy giờ sử học sẽ không lo đi tìm nguyên nhân mà tự đặt cho mình nhiệm vụ đi tìm những quy luật.

Việc tìm những quy luật đã bắt đầu từ lâu và những phương pháp tư tưởng mà sử học phải tiếp thu hình thành cùng một lúc với quá trình tự thủ tiêu của sử học cũ trong khi cứ phân tích ngày càng chi ly thêm mãi nguyên nhân của các hiện tượng.

Tất cả các khoa học của loài người đều đã đi theo con đường này. Một khi đi đến cái vô cùng bé, toán học, khoa học chính xác

nhất, vứt bỏ phương pháp phân tích để dùng phương pháp mới là phương pháp tổng hợp những yếu tố vô cùng nhỏ chưa biết. Trong khi từ bỏ khái niệm nguyên nhân, toán học tìm một quy luật, tức là tìm những thuộc tính chung cho tất cả những yếu tố vô cùng bé chưa biết.

Các khoa học khác cũng theo con đường này, tuy dưới một hình thức khác. Khi Niutơn nêu lên công thức về lực hấp dẫn, ông ta không nói rằng một mặt trời hay quả đất có thuộc tính hấp dẫn một vật khác, ông ta nói mọi vật thể từ những vật lớn nhất đến những vật nhỏ nhất đều có thuộc tính hấp dẫn nhau, tức là trong khi gạt bỏ vấn đề nguyên nhân vận động của các vật thể, ông ta đã đưa ra một thuộc tính chung cho tất cả các vật thể, từ những vật vô cùng lớn, đến những vật vô cùng bé. Các khoa học tự nhiên cũng làm như vậy: gạt bỏ nguyên nhân để đi tìm quy luật. Sử học cũng đi theo con đường ấy. Nếu đối tượng của nó là nghiên cứu sự vận động của các dân tộc và của nhân loại, chứ không phải miêu tả những giai đoạn trong đời sống của một vài cá nhân, thì nó cần phải gạt bỏ khái niệm nguyên nhân để đi tìm những quy luật chung cho tất cả những yếu tố tự do vô cùng bé, bằng nhau và gắn bó chặt chẽ với nhau.

XII

Ngay từ khi hệ thống của Copernic[1] được phát hiện và chứng minh, chỉ riêng việc thừa nhận quả đất quay chứ không phải mặt trời quay đã thủ tiêu toàn bộ nền vũ trụ học của người cổ đại. Người ta có thể bác bỏ hệ thống này và giữ quan niệm cũ về sự vận

1 Copernic (1473-1543) Nhà thiên văn học Ba Lan đã chứng minh mặt trời là trung tâm của thái dương hệ và quả đất và các hành tinh khác quay chung quanh mặt trời.

động của các thiên thể, nhưng nếu không bác bỏ nó thì hình như không thể nào tiếp tục nghiên cứu "các thế giới" của Ptôlêmê. Tuy nhiên, ngay sau khi quy luật của Copernic được phát hiện, "các thế giới" của Ptôlêmê vẫn được tiếp tục được nghiên cứu trong một thời gian dài.

Từ khi có người nêu ra và chứng minh rằng số người sinh và số tội ác đều do những quy luật toán học chi phối, rằng có những điều kiện địa lý và chính trị kinh tế quy định những hình thức chính phủ nhất định, rằng những quan hệ nhất định giữa cư dân và đất đai gây nên những sự vận động của dân tộc, thì từ đó những cơ sở cũ của sử học đã bị phá hủy ngay trong bản chất của nó.

Người ta có thể bác bỏ những quy luật mới để duy trì quan niệm cũ về lịch sử, nhưng nếu chưa bác bỏ được những quy luật ấy thì hình như không thể tiếp tục nghiên cứu những biến cố lịch sử với tính cách sản phẩm của ý chí tự do của con người. Vì nếu một hình thức chính phủ nào đó của các dân tộc diễn ra là do những điều kiện địa lý, nhân chủng hay kinh tế nhất định, thì ý chí của những người mà ta tưởng là đã thiết lập hình thức của chính phủ hay tạo nên sự vận động của các dân tộc không còn có thể coi là một nguyên nhân nữa.

Ấy thế mà khoa sử học cũ vẫn tiếp tục được nghiên cứu song song với những quy luật của thống kê học, của địa lý, của chính trị kinh tế học, của ngôn ngữ học so sánh, của địa chất học là những khoa học mâu thuẫn hẳn với những luận điểm của sử học.

Trong triết học tự nhiên giữa những quan điểm cũ và những quan điểm mới đã diễn ra một cuộc đấu tranh lâu dài và gay go. Thần học bảo vệ những quan điểm cũ và tố cáo những quan điểm mới là phá hoại sự thần khải. Nhưng đến khi chân lý thắng lợi, thần học lại được xây dựng lại vững vàng trên cơ sở mới.

Cuộc đấu tranh ngày nay giữa quan niệm cũ và quan niệm mới trong sử học cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gay go như

vậy, và thần học vẫn tiếp tục bảo vệ quan điểm cũ và tố cáo quan điểm mới là thủ tiêu sự thần khải.

Trong trường hợp này cũng như trong trường hợp trên, cuộc đấu tranh làm cho cả hai bên đều say sưa mê mải và không nhìn thấy chân lý. Một bên thì sợ hãi và thương tiếc tòa nhà đã được xây dựng từ bao nhiêu thế kỷ, một bên thì lại thiết tha muốn phá hoại.

Những kẻ phản đối những chân lý mới xuất hiện ở trong triết học tự nhiên tưởng rằng nếu họ thừa nhận những chân lý này thì sẽ mất lòng tin vào Thượng đế, vào sự sáng tạo thế giới, vào thần ích của Joxue, con của Naum[1]. Còn những người bảo vệ những quy luật của Copernic và của Niutơn, như Volter chẳng hạn, thì tưởng rằng những quy luật của thiên văn học tiêu hủy tôn giáo, và Volter sử dụng những quy luật về trọng lực làm vũ khí chống lại tôn giáo.

Ngày nay cũng vậy, người ta tưởng chừng như chỉ cần thừa nhận quy luật về tính tất yếu là những quan niệm về linh hồn, về điều thiện, điều ác, và tất cả những thể chế của nhà nước và của nhà thờ xây dựng trên quan niệm đó đều phải sụp đổ.

Ngày nay cũng vậy, những người bảo vệ quy luật về tính tất yếu đã dùng quy luật này làm một vũ khí chống lại tôn giáo như Volter đã làm trước kia, song cũng như định luật về tính tất yếu trong lịch sử, thực ra không những không thủ tiêu mà thậm chí còn củng cố cái cơ sở trên đó các thể chế của nhà nước và của nhà thờ được xây dựng.

Vấn đề đặt ra sử học ngày nay cũng hệt như vấn đề đã đặt ra cho thiên văn học trước kia, sự khác nhau về quan điểm chung quy là ở chỗ thừa nhận hay không thừa nhận một đơn vị tuyệt đối dùng làm thước đo chung cho những hiện tượng có thể thấy được. Trong

1. Anh hùng truyền thuyết của xứ Ixrael, theo Kinh thánh, Joxuê đã chặn đứng mặt trời lại để kéo dài ngày ra cho có đủ thì giờ đánh tan quân địch trước khi trời tối.

thiên văn học đó là sự im lìm bất động của quả đất, trong sử học thì đó là sự độc lập của con người – tức là tự do của ý chí.

Đối với thiên văn học cái khó trong việc thừa nhận sự vận động của trái đất là ở chỗ cần phải vứt bỏ tri giác trực tiếp của ta về sự im lìm bất động của trái đất và sự vận động của các tinh tú. Đối với sử học cũng vậy, cái khó trong việc thừa nhận hiện tượng con người phục tùng những quy luật của không gian, thời gian và luật nhân quả là ở chỗ cần phải vứt bỏ cảm giác trực tiếp của mỗi chúng ta về sự độc lập của nhân cách mình. Trong thiên văn học cũng vậy, quan điểm mới nói: "Quả nhiên ta không cảm giác được vận động của quả đất, nhưng nếu ta cho rằng nó đứng yên thì ta sẽ đi đến một kết luận phi lý, trái lại nếu thừa nhận sự vận động của nó mà ta không cảm thấy, thì ta sẽ đi đến những quy luật". Quan điểm mới về lịch sử cũng nói như vậy: "Quả ta không cảm thấy mình lệ thuộc, nhưng nếu ta cho rằng mình tự do thì ta sẽ đi đến chỗ phi lý, trái lại nếu ta thừa nhận rằng mình lệ thuộc vào thế giới bên ngoài, vào thời gian và luật nhân quả thì ta đi đến những quy luật".

Trong trường hợp thứ nhất ta cần phải từ bỏ cái cảm giác về sự im lìm bất động trong không gian, và thừa nhận một sự vận động mà ta không cảm giác được. Trong trường hợp thứ hai cũng thế: ta cũng cần phải từ bỏ cái tự do mà ta ý thức được và thừa nhận một sự lệ thuộc mà ta không cảm thấy.

1865–1869

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 04.8294.684 - 04.8294.685
Fax: 04.8294.781
E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
290/20 Nam kỳ khởi nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 08 8469858, Fax: 08848348

L.TÔNXTÔI

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

TẬP 3

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CỪ
Biên tập: BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG
Sửa bản in: ANH THƯ

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty cổ phần in - vật tư Ba Đình Thanh Hóa. Giấy phép XB số: 55/143 KHXB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2005.

L.TÔNXTÔI

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH



L.TÔNXTÔI

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH



NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYÊN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT/FAX: (04) 8246272